

# J. LONDON

NHỮNG TÁC PHẨM  
KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

## ình yêu cuộc sống



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

J. London  
TÌNH YÊU CUỘC SỐNG



NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

J. London



**TÌNH YÊU CUỘC SỐNG**

*Nhiều người dịch*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

# Tình yêu cuộc sống

*Sẽ còn lại, trong tất cả, điều này  
Họ đã sống và đã gieo mầm cuộc:  
Canh bạc đời chùng ấy - xem là được  
Dù có mất đi vàng thoi sáu mặt thò lò.*

Họ hì hụi tập tễnh xuống bờ suối và có lần già đi đầu trong số hai người loạng choạng giữa lớp đá lởm chởm. Họ mệt, yếu lử lả và mặt họ thuần ra cái vẻ nhẵn nại do chịu đựng gian khổ đã lâu. Họ mang những bó nặng bọc mềm có quai đeo vào vai. Những bọc này còn có những đai đầu choàng qua trán cho đỡ nặng. Mỗi người mang một cây súng trường. Họ bước đi trong tư thế lom khom, vai cúi hẳn về đằng trước, đầu còn nhô xa hơn, mắt cúi gầm xuống đất.

- Giá như chúng mình có độ hai viên đạn ở chỗ giấu của chúng mình, - người thứ hai nói.

Giọng già hoàn toàn vô biểu cảm một cách buồn tẻ. Già nói không chút hào hứng; và người đi đầu, trật



trà trật trường trong dòng suối trắng như sữa sủi bọt trên những mô đá, không buồn trả lời.

Gã kia theo sát gót hần ta. Họ không cởi giày, tất gì hết, mặc dầu nước lạnh giá - lạnh đến nổi đau cả mắt cá và bàn chân tê cóng. Có những chỗ, nước xô vào đầu gối họ, và cả hai chệnh choạng quờ tìm chỗ đặt chân.

Gã đi sau trượt chân trên một phiến đá nhẵn lì, suýt ngã, nhưng hết sức cố gắng gượng dậy, đồng thời ré lên một tiếng kêu đau. Gã có vẻ lả đi, chóng mặt và trong khi lảo đảo, giơ bàn tay rảnh ra như muốn níu vào không khí. Khi đứng vững rồi, gã bước tiếp nhưng lại lảo đảo và suýt ngã lần nữa. Rồi gã đứng im và nhìn người kia, tay này không ngoảnh đầu lại lấy một lần.

Gã đứng im cả một phút như bàn luận với chính mình, rồi lên tiếng gọi:

- Này Bil, mình bị treo mắt cá rồi.

Bil vẫn ngật ngưỡng đi qua dòng nước trắng sữa. Hần không quay lại nhìn. Gã kia ngó theo hần đi và tuy mặt gã vẫn đồ dẫn như trước, nhưng cặp mắt thì lại như mắt một con nai bị thương.

Người nọ tập tễnh lên bờ bên kia và tiếp tục đi thẳng không nhìn lại. Gã ở giữa dòng ngó theo. Môi gã run rẩy khiến lớp lông nâu phủ bên trên động đậy rõ rệt. Cả lưỡi gã cũng thè ra liếm môi.

- Bil! - gã gọi to.

Đó là tiếng kêu khẩn cầu của một người khỏe mạnh trong cơn quẫn bách, nhưng Bil không ngoái đầu lại. Gã kia nhìn theo hắn đi, tập tễnh đến tức cười và loạng quạng tiến dần từng bước theo bờ dốc thoải hướng tới nét lượn mềm in lên nền trời của trái đồi thấp. Gã nhìn theo cho đến khi Bil đi qua đỉnh đồi và biến mất. Rồi gã xoay hướng nhìn và từ từ đảo mắt vòng quanh thế giới còn lại với gã giờ đây khi Bil đã đi khỏi.

Gần chân trời, vầng dương thoi thóp mờ mờ, gần như bị những đám sương mù và hơi không ra hình thù gì che khuất, gây một cảm giác về tảng khối và đậm đặc không đường nét hoặc không cụ thể. Gã rút đồng hồ ra xem, dồn trọng lượng toàn thân trên một chân. Đã bốn giờ và vì đận này đã gần cuối tháng bảy hay đầu tháng tám - trong vòng một, hai tuần nay, gã không còn nhớ đích xác ngày tháng gã biết là mặt trời lúc này ang ang chỉ hướng tây bắc. Gã nhìn về phía nam và biết rằng đâu đó bên kia những trái đồi heo hút này, là Hồ Gấu Lớn; gã cũng biết rằng ở phía ấy vòng tròn bắc cực cắt ngang vùng hoang địa Canada. Con suối mà gã đang đứng giữa dòng là một nguồn tiếp nước ra sông Mỏ Đồng, sông này lại chảy theo hướng bắc và đổ vào Vịnh Đẳng Quang và Bắc Băng Dương. Gã chưa bao giờ tới đó nhưng gã đã thấy nơi ấy một lần trên một tấm bản đồ của Công ty Vịnh Haxơn.

Một lần nữa, mắt gã lại đảo khắp một vòng cái

thế giới quanh gã. Một quang cảnh không thấy gì làm phấn khởi. Đâu đâu cũng là đường chân trời mềm mại. Các trái đồi đều thấp. Chẳng có cây to, cây nhỏ, cũng chẳng có cỏ - chẳng có gì ngoài một sự tiêu điều mênh mông và ghê gớm, khiến cái sợ mau chóng nhóm lên trong mắt gã

- Bill! - Gã thì thào, một lần rồi hai lần! - Bill!

Gã co ro giữa dòng nước trắng sữa, như thể khoảng không rộng lớn đang ép lên gã với một sức mạnh áp đảo, đè dí gã một cách thô bạo với sự uy nghi đầy tự mãn của nó. Gã bắt đầu run như lên cơn sốt, cho đến khi cây súng rơi đánh tồm khởi tay gã. Điều đó có tác dụng khuấy động gã. Gã đấu tranh với nỗi sợ và trấn tĩnh lại, mò xuống nước nhặt cây súng lên. Gã nhích cái bọc qua về phía vai trái, để chuyển bớt một phần trọng lượng khỏi đè lên phía mắt cá bị thương. Rồi gã từ từ và thận trọng tiến vào bờ, mặt nhăn nhó vì đau.

Gã không dừng lại. Với một sự tuyệt vọng như điên, bất kể đau, gã hối hả lên dốc tới tận đỉnh đồi, nơi bạn gã đã đi khuất - đáng vẻ còn kỳ cục và tức cười hơn nhiều so với tay bạn tập tễnh, ngật ngưỡng nọ. Nhưng tới đỉnh, gã trông thấy một thung lũng nóng, trống vắng sự sống. Gã lại đấu tranh với cái sợ, vượt lên được, nhích thêm cái bọc qua nửa vòng phía vai trái và tiếp tục lao đảo xuống dốc.

Đáy thung lũng sũng nước được lớp rêu dày, tựa bọt biển, hút xâm xấp trên mặt. Nước ấy, cứ mỗi

bước lại bắn vọt từ dưới chân gã và mỗi lần gã nhấc chân lên, lại nghe kêu đánh cạp khi lớp rêu ướt miễn cưỡng nhả ra. Gã lách đường từ đám lầy này sang đám lầy khác và dò theo dấu chân của người kia, dọc, ngang những gờ đá lộ nhỏ như những hòn đảo nhỏ giữa biển rêu.

Tuy có một mình, nhưng gã không lạc. Gã biết đi quá nữa, gã sẽ đến chỗ có những cây vân sam và linh sam chết nhỏ xíu và quắt queo bên bờ một con hồ nhỏ. *Titsibisili*, tiếng địa phương nghĩa là "Vùng đất của những chiếc que nhỏ". Và chảy vào hồ ấy, là một con suối nhỏ, nước không lờ lờ màu trắng sữa. Trên bờ dòng suối này, có cỏ bắc - điều này gã nhớ rất rõ - nhưng không có cây to, và gã sẽ ngược theo nó đến đầu nguồn ở một đường phân thủy. Gã sẽ qua đường phân thủy đó, tới đầu nguồn một con suối khác chảy về phía tây và sẽ men theo nó đến chỗ nó chảy vào sông, ở đấy gã sẽ tìm thấy một chỗ cất giấu dưới một cái xuống lật xếp, với nhiều phiến đá xếp chồng bên trên. Và trong chỗ cất giấu ấy sẽ có đạn cho cây súng rỗng không của gã, lưỡi câu và dây câu, một cái lưới nhỏ - tất cả những thứ đó dùng cho việc giết và bẫy mỗi làm thức ăn. Gã cũng sẽ tìm thấy bột mì - không nhiều - một miếng thịt lợn và chút ít đậu.

Bil sẽ đợi gã ở đó và họ sẽ chèo xuống xuôi về nam trên sông Đijơ đến Hồ Gấu Lớn. Và họ sẽ xuyên qua hồ về phía nam, cứ phía nam đi miết cho đến khi tới sông Mëckenji. Và lại hướng nam, vẫn hướng

nam, họ sẽ tiếp tục đi, trong khi mùa đông hoài công đuổi theo họ, băng đóng trong những xoáy nước, và ngày trở nên lạnh giá và hanh, cứ hướng nam mà tiến, đến một trạm ấm áp nào đó của Công ty Vịnh Haxơ, ở đó cây mọc cao và thoáng, ở đó có ê chề đồ ăn, thức uống.

Đó là những ý nghĩ của người đàn ông này, khi gã gắng sức dần bước. Nhưng đầu nỗ lực mấy về thể xác, gã cũng nỗ lực không kém về tinh thần, cố nghĩ rằng Bil không bỏ gã, rằng Bil chắc chắn sẽ chờ gã ở chỗ cất giấu. Gã buộc phải nghĩ vậy, nếu không thì việc gì phải ráng sức, cứ nằm xuống và chết cho rồi. Và trong khi mặt trời như quả cầu mờ từ từ lặn xuống mé tây bắc, gã điếm qua suốt lượt - nhiều lần - từng phần một chặng đường trốn chạy xuống phía nam của gã và Bil trước khi mùa đông tới. Và gã đi xem xét lại trong đầu những đồ ăn ở nơi cất giấu và ở trạm của Công ty Vịnh Haxơ. Đã hai ngày, gã không ăn gì cả, trong một thời gian dài hơn thế nhiều, gã phải bóp miệng, không có đủ những gì gã muốn ăn. Nhiều lúc, gã cúi xuống nhặt những quả tai tái mọc ở đầm lầy, bỏ vào miệng nhai và nuốt. Đó là một tí hạt bọc trong một tí cùi nước. Bỏ vào mồm, cùi nước tan ra và hạt nhai gấn gắt, đắng nghét. Gã biết quả ấy chẳng bổ béo gì, song cứ kiên nhẫn nhai, với một hi vọng lớn hơn kiến thức và bất chấp kinh nghiệm.

Đến chín giờ, gã vấp ngón chân vào một mô đá và chỉ vì mệt và yếu, gã lão đảo, quỵ ngã. Gã nằm nghiêng

một lúc, không động cựa. Rồi gã rút tay ra khỏi quai đeo bọc và lóng ngóng gương ngời dậy. Trời chưa tối hẳn và trong ánh hoàng hôn còn vương lại, gã rờ rẫm quanh tìm những mảnh rêu khô giữa những phiến đá. Khi đã vun lại được một đống, gã đốt lên một ngọn lửa - một ngọn lửa lom rom, lem nhem - và đặt lên một bình thiếc đựng nước để đun sôi.

Gã mở cái bọc và việc đầu tiên là đếm các que diêm. Có sáu mươi bảy que. Gã đếm tới ba lần cho chắc. Gã chia làm nhiều phần, gói bằng giấy dầu, cất một bó vào cái túi đựng thuốc lá đã rỗng không, một bó khác vào đai trong của chiếc mũ nhàu nát, bó thứ ba vào dưới ngực áo sơ mi. Làm xong việc đó, gã chột hoảng và giở tất cả ra đếm lại. Vẫn còn nguyên sáu mươi bảy que.

Gã hong giấy tất bên bếp lửa cho khô. Đôi giày da đánh rách bươm, ướt sũng. Bít tất nhiều chỗ thủng, chân gã trầy da và rớm máu. Mắt cá giãn gật và gã xem xét kỹ chỗ đau. Nó đã sưng lên to bằng đầu gối. Gã xé ở một trong hai tấm mền ra một miếng dài và buộc chặt lấy mắt cá. Gã xé thêm nhiều dải khác buộc quanh hai chân thay cả giày lẫn tất. Rồi gã uống bình nước nóng bốc hơi, lên dây đồng hồ và bò vào giữa hai lớp mền chăn.

Gã ngủ như chết. Bóng tối ngấn ngủi vào khoảng nửa đêm, đến rồi đi. Mặt trời lên ở mạn đông bắc - chỉ ít là ngày đã rạng ở khu vực ấy, vì mặt trời bị những đám mây xám che khuất.

Sáu giờ, gã thức giấc, nằm ngửa bình thản. Gã nhìn thẳng lên bầu trời xám và biết rằng mình đói. Khi chống khuỷu tay xoay người đi, gã giật mình vì một tiếng khịt to và trông thấy một con tuần lộc caribu được đang nhìn gã với vẻ tò mò cảnh giác. Con vật cách gã không quá mười lăm mét<sup>(1)</sup> và lập tức trong óc gã, bật lên hình ảnh và vị thơm ngon của một miếng bít tết caribu rán xèo trên bếp lửa. Như cái máy, gã với tay ra lấy cây súng rồng không nhắm và bóp cò. Con tuần lộc khịt khịt và nhảy đi, móng nên lóc cóc khi chạy qua những mô đá.

Gã rửa một tiếng rồi quăng cây súng rồng không khỏi mình. Gã rên to khi bắt đầu chồm người đứng dậy. Đó là một công việc chậm chạp và gay go. Các khớp xương của gã như những bản lề gỉ. Chúng ngúc ngắc khó khăn trong hốc xương vì cọ sát nhiều, và mỗi động tác gập vào hay duỗi ra đều chỉ thực hiện được với sự cố gắng ghê gớm. Cuối cùng, khi gã điều khiển được đôi chân, lại mất độ một phút nữa để đứng thẳng lên được, đứng như tư thế của một con người.

Gã bò lên một cái gò nhỏ và nhìn khắp xung quanh. Không có cây to, cũng chẳng có cây bụi, chẳng có gì ngoài một biển rêu xám, lác đác điểm xuyết bằng những tảng đá xám, những hồ nhỏ màu xám, những suối nhỏ màu xám. Bầu trời cũng xám. Không

---

<sup>(1)</sup> Nguyên văn: năm mươi "phút" - Chúng tôi chuyển sang "mét" cho quen thuộc hơn với độc giả Việt Nam (ND).

có nắng, cũng chẳng thấy dấu hiệu gì của mặt trời: gã không còn biết đâu là phương bắc và gã đã quên đêm qua gã đã đến chỗ này bằng cách nào. Nhưng gã không lạc. Điều đó thì gã biết. Chẳng bao lâu gã sẽ đến *Vàng đất của những chiếc que nhỏ*. Gã cảm thấy nó nằm bên trái đầu đây không xa - có thể ngay sau trái đồi thấp sắp tới.

Gã quay lại xếp cái bọc cho vuông vức để lên đường. Gã kiểm tra cho chắc chắn là vẫn còn ba gói diêm riêng rẽ, tuy nhiên gã không mất thì giờ đếm lại. Nhưng gã có lần chân cần nhắc về một cái túi da nai bè bè. Nó không to. Gã có thể che giấu nó dưới hai bàn tay mình. Gã biết nó nặng mười lăm "pao" - bằng phần còn lại của cái bọc - và nó làm gã bồn chồn. Cuối cùng, gã để nó sang một bên và cuộn cái bọc lại. Gã ngừng lại, dăm dăm nhìn cái túi da nai bè bè. Gã nhặt vội nó lên, đưa mắt nhìn quanh ra chiều thách thức, tựa hồ sự hoang sơ đang chực cướp nó đi vậy, và khi gã đứng dậy để loạng choạng đi vào ngày mới, thì nó đã được gói gọn trong cái bọc trên lưng.

Gã rẽ sang bên trái, thỉnh thoảng dừng lại để ăn những trái cây đầm lầy. Mắt cá gã đã cứng ngắc, bước đi cà nhắc hơn, nhưng cái đau ấy hồ như chẳng thấm gì so với cái đau hành hạ dạ dày. Những cơn đói quặn thắt ruột thắt gan cứ nhay huỷ cho đến khi gã không thể giữ cho đầu óc tập trung vào lộ trình gã phải theo để tới *Vàng đất của những chiếc que nhỏ*. Những trái cây đầm lầy không sao làm giảm nhẹ



được sự nhay nghiêng ấy, mà chỉ làm cho lưỡi và vòm miệng gã đau rộp lên.

Gã tới một thung lũng, tại đó gà gô núi đá<sup>(1)</sup> vỗ cánh rào rào bay lên từ những gờ đá và bãi lầy. "Kéc... kéc... kéc", chúng kêu vậy. Gã lấy đá ném nhưng không trúng con nào. Gã đặt cái bọc xuống đất và rón rén đến gần chúng như mèo định lên bắt chim sẻ. Đá nhọn cửa qua ống quần đến độ đầu gối gã để lại một vết máu. Nhưng cái đau ấy chìm trong cái đau đói bụng. Gã bò ngoằn ngoèo trên lớp rêu ướt, quần áo ướt đầm, người rét run; những cơn sốt cuồng đòi ăn quá lớn, khiến gã không còn biết đến cảm giác đó. Và lũ gà gô vẫn bay lên rào rào trước mặt gã, đến khi tiếng "kéc kéc" của chúng trở thành một sự trêu chọc đối với gã, và gã rửa chúng, quát ngâu lên với chúng.

Một lần, gã bò tới một con, chắc đang ngủ. Mãi đến lúc nó vụt lên từ hốc đá ngay trước mặt gã, gã mới trông thấy nó. Gã chộp một cái, cũng bất thần như con gà gô bay lên, và trong tay gã còn lại ba cái lông đuôi. Nhìn theo nó bay, gã thấy căm thù nó như thể nó đã hại gã một điều gì ghê gớm lắm. Rồi gã quay lại và khoác cái bọc lên vai.

Giờ này qua giờ khác gã đi vào những thung lũng hoặc những chỗ đất thấp lầy còn nhiều thú săn

---

<sup>(1)</sup> Loại gà gô có bộ lông đổi màu theo mùa: mùa hè, màu đen hoặc màu xám; mùa đông màu trắng (N.D).

hơn nữa. Một đám tuần lộc caribu đi qua, có tới hơn hai chục con, ở trong tầm súng như treu người. Gã cảm thấy một khao khát cuồng dại muốn đuổi theo chúng, tin chắc mình có thể bắt được chúng. Một con cáo đen tiến về phía gã, mồm ngậm một chú gà gô. Gã la lên. Đó là một tiếng kêu ghê sợ, nhưng con cáo hoảng hốt nhảy đi, không buông rơi con gà gô.

Xế chiều, gã lần theo một con suối, nước lờ lờ chất vôi chảy qua những vạt cỏ bắc rải rác. Nắm chặt những bụi cỏ bắc ấy ở quãng gần rế, gã nhổ lên một cái gì tựa tựa một đọt hành non, không lớn hơn chiếc đinh ván. Nó mơn mơn và răng gã cắm ngập vào đó, gặm rau rầu tưởng chừng sẽ là món ăn tuyệt diệu. Nhưng thớ nó rắn chắc. Nó gồm những sợi dầm nước, như những trái cây bãi lầy nọ, và chẳng có chất dinh dưỡng gì. Gã quăng cái bọc xuống và quỳ gối bò vào đám cỏ bắc, gặm và nhai trệu trạo như trâu bò.

Gã rất mệt và nhiều lúc muốn nghỉ, nằm ệnh ra và ngủ; nhưng gã vẫn bị thôi thúc dần bước liên tục bởi cái đói hơn là bởi nỗi mong muốn tới được *Vùng đất của những chiếc que nhỏ*. Gã sục những vũng nước mò ếch nhái và lấy móng tay đào đất tìm giun, mặc dầu gã biết ở mạn cực bắc này chẳng làm gì có ếch nhái cũng như giun.

Gã hoài công soi mói từng vũng nước, cho đến khi hoàng hôn đến, gã mới phát hiện ra một con cá lẻ loi, bằng cỡ một con cá *tué*, trong một cái vũng như vậy. Gã thọc tay xuống nước đến tận vai, nhưng con cá

lẩn thoát. Gã với cả hai tay ra chộp nó, khuấy tung lớp bùn đục lờ dưới đáy. Thế là nước đục ngầu lên khiến gã không thấy nó đâu nữa và buộc phải đợi cho bùn lắng xuống.

Cuộc săn bắt tiếp tục, cho đến khi nước lại đục ngầu lên. Nhưng gã không thể đợi được nữa. Gã tháo chiếc xô thiếc và bắt đầu tát nước. Thoạt đầu, gã tát như điên, bắn vung cả lên người, và hắt nước gần quá thành thử lại chảy về vũng. Rồi gã làm thận trọng hơn, cố gắng bình tĩnh, mặc dầu tim đập vào thành ngực thành thịch và hai tay run lên. Được nửa giờ, vũng nước gần cạn khô. Chỉ còn không đầy một cốc nước. Mà chẳng thấy cá đâu. Gã tìm ra một khe nứt giữa lớp đá, nó đã chui qua đó trốn sang cái vũng bên cạnh to hơn - một cái vũng mà có bỏ cả một ngày, một đêm, gã cũng chẳng thể tát cạn. Nếu biết có cái khe nứt ấy thì gã ắt đã lấy một hòn đá bịt lại từ đầu và giờ đây con cá ắt đã là của gã.

Nghĩ thế, gã vật mình vật mảy trên nền đất ướt. Mới đầu gã khóc khe khẽ một mình, rồi khóc to tướng với cả cảnh hoang sơ vô tình bao quanh gã; và hồi lâu sau, người gã còn rung lên những tiếng nấc khan.

Gã đốt một đồng lửa, uống hàng ca nước nóng cho ấm người; và hạ trại trên một gờ đá như đêm trước. Việc làm sau cùng của gã là lo cho số diêm thật khô ráo và lên dây đồng hồ. Những tấm mền thì ướt và dính nháp. Mắt cá gã đau giãn giật. Nhưng gã chỉ biết rằng gã đói và, qua giấc ngủ nao động, gã mơ

thấy tiệc lớn, tiệc nhỏ và thức ăn bày la liệt theo đủ mọi cách có thể tưởng tượng được.

Gã thức dậy rét run và nôn nao. Không một chút nắng. Màu xám của đất và trời đã trở nên đậm hơn, sâu hơn. Một ngọn gió rét căm căm thổi vào những bông tuyết đầu tiên làm trắng xoá những đỉnh đồi. Không khí quanh gã dày đặc thêm và trắng dần trong khi gã đốt một đồng lửa và đun thêm nước. Tuyết ướt gần như mưa, và những bông tuyết vừa to vừa sưng nước. Thoạt đầu mới chạm đất, chúng đã chảy liền, nhưng mỗi lúc một xuống nhiều, phủ kín mặt đất, dập tắt lửa làm hỏng cả chỗ rêu dự trữ làm chất đốt của gã.

Điều đó thành một tín hiệu cho gã khoác cái bọc lên vai và ngật ngưỡng bước tiếp, không biết là đi đến đâu. Gã không bận tâm đến *Vùng đất của những chiếc que nhỏ*, cũng như đến Bil và chỗ cất giấu dưới cái xuống lật xếp bên bờ sông Dir nữa. Thống ngự gã lúc này là động từ "ăn". Gã đang đói điên người. Gã chẳng để ý gì đến hướng đường gã đang đi theo, chừng nào hướng ấy dẫn gã qua những bãi thấp. Gã dò dẫm qua tuyết ướt lặn tới những trái cây đầm lầy mọng nước và đi bằng cảm giác trong khi gã nhỏ những rẽ cỏ bắc. Nhưng cái món này thật vô vị không thỏa mãn được gì cả. Gã tìm được một thứ cỏ có vị chua và kiếm được bao nhiêu cỏ ấy, gã ăn suốt, cũng chẳng nhiều nhận gì, vì nó là loại cây bò sát, dễ bị lấp dưới tuyết dày hàng mấy phân.

Đêm ấy, gã không có lửa, cũng không có nước nóng, gã chui vào chăn ngủ giấc ngủ đứt quãng vì đói. Tuyết chuyển thành mưa lạnh. Gã tỉnh dậy nhiều lần để cảm thấy nó rơi trên khuôn mặt úp sấp của mình. Ngày đến - một ngày đen xám và không có mặt trời. Mưa đã tạnh. Cái nhói buốt của cơn đói đã biến đi. Về sự háo hức muốn có cái ăn, mức nhạy cảm đã kiệt. Bụng gã âm ỉ một cái đau nặng trĩu, song nó không quấy rầy gã như trước. Gã trở nên duy lý hơn, và một lần nữa, gã lại quan tâm chủ yếu đến *Vùng đất của những chiếc que nhỏ* và chỗ cất giấu ở bờ sông Đir.

Gã xé mảnh còn lại của một tấm mền thành từng dải để buộc đôi bàn chân tớp máu. Gã cũng nịt chặt lại chỗ mắt cá bị thương và chuẩn bị cho một ngày đường. Khi đụng đến cái bọc, gã ngừng lại hồi lâu suy tính về túi da nai bè bè, nhưng rút cuộc, vẫn mang nó đi theo.

Dưới mưa, tuyết đã tan chảy và chỉ còn những đỉnh đồi là phô màu trắng. Mặt trời ló ra và gã định vị được các hướng địa bàn, mặc dầu giờ đây gã biết là mình đã lạc. Có lẽ, trong khi lang thang những hôm trước, gã đã quá lệch về bên trái. Giờ đây, gã ghé sang phải cho cân lại độ có thể sai lệch khỏi hướng chính gã cần đi theo.

Mặc dầu cái đói không còn hành hạ dữ dội như trước nữa, nhưng gã nhận biết rằng mình rất yếu, gã buộc phải dừng lại nghỉ luôn, để nhá những trái cây

đầm lầy và những vạt cỏ bắc. Gã cảm thấy lưỡi mình khô và to tướng như mọc đầy một lớp bông nhỏ li ti và có vị đắng ngắt trong mồm. Tim gã làm rầy gã ghê gớm. Đi được ít phút, nó đã bắt đầu nện không thương xót thành thịch, thình thịch, thình thịch, rồi nhẩy loạn xạ trong một thói đập xao xuyến, đau đớn, khiến gã nghẹn thở, lử lả và chóng cả mặt.

Đến giữa trưa, gã tìm được hai con cá *tuế* ở một cái vũng to. Không thể tát cạn nó được, nhưng bây giờ gã bình tĩnh hơn và xoay xở bắt được chúng vào trong cái xô thiếc. Chúng không dài hơn ngón tay út của gã, nhưng gã không đói lắm. Cái đau âm ỉ trong bụng gã đã lắng xuống và yếu đi. Như thế dạ dày gã đang ngủ gà ngủ gật vậy. Gã ăn cá sống, thận trọng nhai một cách vất vả vì việc ăn là một hành động thuần túy lý trí. Tuy gã chả muốn ăn chút nào, nhưng gã biết mình phải ăn để mà sống.

Chiều đến, gã bắt được thêm ba con cá *tuế*, ăn hai con và để dành một con cho bữa điểm tâm, sáng hôm sau. Mặt trời đã sấy khô những mảng rêu rỉ rác và gã có thể sưởi ấm bằng nước nóng. Hôm ấy, gã không đi được quá mười dặm<sup>(1)</sup>; và hôm sau, cất bước khi nào tim gã cho phép, gã đi được không quá năm dặm. Nhưng dạ dày gã lại không hề làm gã khó chịu tí nào. Nó đã ngủ. Một điều nữa: gã đang ở một vùng đất lạ và tuần lộc caribu tại đây tăng nhiều hơn,

---

<sup>(1)</sup> Khoảng 18 km.

cả sói nữa. Lắm lúc, tiếng hú của chúng vang qua cảnh tiêu điều, và một lần, gã trông thấy ba con lần tránh trước mặt gã, trên đường đi.

Lại một đêm nữa; và sáng hôm sau, duy lý hơn, gã cởi dây da buộc cái túi da nai bè bè. Từ miệng túi đã mở chảy tuôn một dòng bụi vàng thô và quặng vàng. Gã chia đại khái số vàng ra làm hai phần, giấu một nửa vào một gờ đá nhô ra, gói nửa kia vào một mảnh chăn và bỏ trở vào túi. Gã cũng bắt đầu dùng những dải của cái chăn còn lại để buộc chân. Gã vẫn nín giữ cây súng vì ở chỗ cất giấu bên sông Dir có đạn.

Đó là một ngày đầy sương mù, và ngày hôm ấy, cái đói lại thức dậy trong gã. Gã rất yếu và bị chóng mặt đến nỗi đôi lúc hoa mắt không thấy gì. Bây giờ, đối với gã, vấp ngã không phải là chuyện không bình thường, và một lần bị vấp, gã ngã trúng giữa một tổ gà gô núi. Có bốn chú gà con mới nở được một ngày - những đốm sọc phập phồng, vừa một miếng, không hơn, và gã ăn chúng ngấu nghiến, nhét chúng vào mồm nhai sống nuốt tươi rầu rầu giữa hai hàm răng như nhai vỏ trứng. Gà gô mẹ lồng lộn quanh gã, kêu rầm rĩ. Gã dùng cây súng như một chiếc chùy để đánh nó, nhưng nó tránh xa khỏi tầm với. Gã ném ba hòn đá về phía nó và một hòn ngẫu nhiên trúng, làm gãy một bên cánh. Rồi nó chao chao chạy đi, kéo lê chiếc cánh gãy, gã đuổi theo sau.

Mấy chú gà con chỉ làm cho gã thêm háu đói. Gã nhảy loi choi một cách vụng về với vết thương mắt cá

chân, chốc chốc lại ném đá và kêu la khàn giọng; lắm lúc lại lặng lẽ chạy lật đà lật đặt, mỗi lần ngã lại hằm hằm bò dậy một cách kiên nhẫn, hoặc đưa tay lên rụi mắt khi cơn chóng mặt đe dọa quật ngã gã.

Cuộc săn đuổi đưa gã qua bãi đất lầy xuống đáy thung lũng và gã bắt gặp những vết chân trên lớp rêu sũng nước. Không phải vết chân gã - gã có thể thấy rõ là thế. Chắc là vết chân Bil. Song gã không thể dừng lại vì con gà gô mẹ vẫn chạy tiếp. Gã sẽ bắt nó trước, rồi quay lại tìm dò điều tra sau.

Gã quần con gà gô mẹ kiệt sức; nhưng gã cũng tự làm mình kiệt sức. Con gà nằm nghiêng thở dốc. Gã cũng nằm nghiêng thở hồng hộc, chỉ cách nó khoảng ba, bốn mét mà không sao bò được tới nó. Và khi gã hồi tỉnh lại nó cũng hồi sức, vỗ cánh chạy khỏi tầm với, khi gã vươn bàn tay đói lả về phía nó. Cuộc săn đuổi lại tiếp diễn. Đêm xuống hẳn và gà gô mẹ chạy thoát. Yếu ớt, gã loạng quạng vấp rúi và lao đầu ngã sấp mặt xuống, toạc cả má, chiếc bọc vẫn trên lưng. Hồi lâu, gã không động cựa; rồi gã xoay nghiêng người lên dây đồng hồ và nằm đó đến sáng.

Lại một ngày mù sương. Nửa cái màn cuối cùng đã xé ra để làm giẻ bọc chân. Gã không thấy lại được dấu chân Bil. Chẳng hề gì. Cái đói đang dồn thúc gã quá xá... có điều... có điều gã băn khoăn không biết Bil có lạc nốt không. Đến trưa, cái bọc trở nên quá nặng, không chịu nổi. Gã lại chia đôi số vàng lần này thì đơn giản là dốc toẹt một nửa xuống đất. Đến



chiều, gã vớt nốt số còn lại và gã chỉ còn độc nửa cái chần, cái xô thiếc và cây súng.

Một huyền cảm bắt đầu quấy rầy gã. Gã tin rằng mình còn một viên đạn. Nó nằm trong ổ nòng súng và gã đã quên bém mắt. Mặt khác, gã luôn biết rằng ổ đạn rỗng không. Thế nhưng huyền cảm ấy vẫn dai dẳng. Gã xua đuổi nó hàng giờ liền, rồi mở súng ra và thấy tận mắt là ổ đạn rỗng tuếch. Sự thất vọng cũng cay đắng như thế gã thực sự chờ đợi thấy viên đạn trong đó.

Gã lui hui đi tiếp được nửa giờ thì cơn huyền cảm lại nổi dậy lần nữa. Gã lại cố dẹp đi, mà nó vẫn dai dẳng dai cho đến lúc gã mở súng tự thuyết phục là chẳng có gì. Đôi lúc, đầu óc gã phiêu diêu đi xa hơn, và gã lui hui đi như thằng người máy, với những ý nghĩ ngộ nghĩnh và ngông cuồng kỳ lạ găm nhăm óc như những con sâu. Nhưng những cuộc du ngoạn khỏi thực tại ấy đến gần ngủi, vì bao giờ những dằn vặt của cái đói cào cấu cũng gọi gã trở lại. Một lần, đang phiêu du như vậy, thỉnh linh gã bị kéo giật trở lại bởi một cảnh khiến gã xuýt ngất xỉu. Trước mặt gã sừng sững một con ngựa. Một con ngựa! Gã không thể tin ở mắt mình. Một màn sương dày rủ trong mắt gã, điểm những chấm sáng lấp lánh: Gã rụi mắt như điên để nhìn cho rõ và nhận ra không phải một con ngựa mà là một con gấu lớn màu nâu. Con vật đang ngắm nghía gã với một vẻ tò mò hung hãn.

Gã đã nâng súng lên vai rồi mới nhớ ra là không

có đạn. Gã hạ súng xuống và rút con dao sẵn ra khỏi vỏ bên hông. Trước mặt gã là thịt và sự sống. Gã lướt ngón tay cái trên lưỡi dao. Lưỡi sắc. Mũi nhọn. Gã sẽ lao cả người vào con gấu và giết chết nó. Nhưng tim gã bắt đầu báo động: thành thịch, thành thịch, thành thịch. Rồi tiếp theo là nhịp nhẩy lên cuống loạn và sức nén ép như một vành đai sắt thắt quanh trán, cơn chóng mặt len lỏi bò vào trong đó.

Sự can đảm tuyệt vọng của gã bị một nỗi sợ dâng trào mãnh liệt đánh bật ra. Gã đang yếu thế này, nhờ con vật tấn công gã thì sao? Gã đứng thẳng lên trong tư thế hùng dũng nhất, nắm chặt con dao và nhìn chăm chăm vào con gấu. Con gấu vung về tiến lên vài bước, lùi lại và trút ra một tiếng gầm gừ thăm dò. Nếu con người chạy ắt nó sẽ đuổi theo; nhưng con người không chạy. Lúc này, trong gã dấy lên lòng can đảm của khiếp sợ. Gã cũng gầm gừ, man rợ, gớm ghiếc thốt lên nỗi sợ vốn là thích hợp với sự sống và vốn xoắn xuýt quanh những rễ sâu nhất của sự sống.

Con gấu né sang một bên lùi đi, gầm gừ đe dọa, bản thân nó cũng kinh hãi trước cái sinh vật bí ẩn hiên ngang thẳng đứng, không biết sợ ấy. Nhưng con người không động đậy. Anh ta đứng vững như một pho tượng cho đến khi cơn nguy hiểm qua hẳn, bấy giờ mới chịu khuất phục run bắn lên một hồi và quy xuống lớp rêu ướt

Gã định thần lại và đi tiếp, bây giờ lại sợ theo cách khác. Không phải là sợ sẽ chết một cách thụ

động vì không có cái ăn, mà sợ sẽ bị tiêu diệt một cách cuồng bạo trước khi cái đói làm suy kiệt nốt chút xíu cố gắng cuối cùng trong gã nhằm vươn tới sống sót. Vùng này có chó sói. Suốt cảnh tiêu điều này, vắng tới vắng lui tiếng sói hú, dẹt cả bầu không khí thành một tấm màn đe dọa có thể sờ mó thấy, đến độ gã bỗng giơ tay lên trời, đẩy không khí ra khỏi mình, như thể nó là thành vải của một cái lều bị gió thổi ép vào.

Thỉnh thoảng, sói đi từng tốp hai hoặc ba con, kéo qua đường đi của gã. Nhưng chúng tránh gã. Chúng không đủ đông, vả lại, chúng đang săn tìm tuần lộc caribu, tụi này không đánh trủ, trong khi cái sinh vật đi thẳng đứng này có thể vừa cào vừa cắn.

Xế chiều, gã bắt gặp những ống xương rải rác ở chỗ lữ sói đã giết một con thú. Đám xương tàn, trước đó một giờ, còn là một chú tuần lộc Caribu non kêu quang quác chạy nhảy và đầy sức sống. Gã ngấm đống xương đã lóc sạch thịt và nhẵn bóng, với sinh bào hồng hồng bên trong còn chưa chết hẳn. Liệu có khả năng, gã cũng có thể như thế trước khi tàn không! Sự sống là thế ư? Một sự hào huyền và thoáng qua. Chỉ có sống là đau đớn mà thôi. Chết thì chẳng đau gì hết. Chết là ngủ. Có nghĩa là thôi, là nghỉ ngơi. Thế thì tại sao gã lại không bằng lòng chết?

Nhưng gã không lý luận rộng dài. Gã đang ngồi xồm trên lớp rêu, với một cái xương trong miệng, mút mát những vụn sinh bào còn nhuốm hồng hồng

chất xương. Cái vị thịt ngọt, loãng và thoáng thấy thoáng mất gần giống như một hồi ức làm gã tức điên. Gã ngọam hàm vào những đốt xương và nhai ràu rệu. Lúc thì xương gãy. Lúc thì răng gã gãy. Rồi gã bỏ xương vào giữa những hòn đá, nghiền nát như và nuốt chửng. Trong lúc vội vàng, gã giã cả vào ngón tay mình, và có lúc lại ngạc nhiên thấy những ngón tay không đau lắm khi bị kẹp vào đá.

Rồi đến những ngày tuyết xuống mưa rơi kinh khủng. Gã không còn biết mình hạ trại lúc nào, nhờ trại lúc nào. Gã đi ban đêm cũng nhiều bằng đi ban ngày. Gã nghỉ luôn ở bất kỳ chỗ nào gã ngã xuống, bò đi tiếp bất kỳ lúc nào ngọn lửa sống đang tàn trong gã bùng lên và đỡ mù mịt hơn. Với tư cách là một con người, gã thôi không ráng sức nữa. Chính là cái sinh lực trong gã không muốn chết, nó thôi thúc gã dần bước. Gã không đau đớn. Thần kinh gã đã cùn móc, tê dại đi trong khi đầu óc gã đầy viễn ảnh kỳ lạ và những giấc mơ thú vị.

Nhưng gã vẫn mút và nhai những đốt xương nát của con tuần lộc non, mà những dư tàn nhỏ nhất của nó đã vun vén lại và đã mang theo. Gã không vượt đồi, cũng chẳng qua những đường phân thủy nữa, mà cứ tự động theo một con suối lớn chảy qua một thung lũng rộng và nông. Gã không nhìn thấy con suối ấy cũng như thung lũng ấy. Gã không nhìn thấy gì ngoài những tấm ảnh. Hồn và xác, đi hoặc bò cạnh nhau, nhưng riêng rẽ, vì sợi dây buộc chúng lại với nhau quá mảnh.

Gã thức dậy mình mẫn, nằm ngủ trên một gờ đá. Mặt trời chiếu rực rỡ và ấm áp. Xa xa, gã nghe thấy tiếng những con tuần lộc non kêu quang quác. Gã nhớ mang máng là đã có mưa, có gió, có tuyết rơi, nhưng còn về việc gã đã bị dãi gió dầm mưa hai ngày hay hai tuần, thì gã không biết.

Gã nằm gần như không động đậy một lúc, ánh mặt trời hiền hòa chảy tràn trên gã và tỏa hơi ấm thấm đẫm cái thân hình khốn khổ của gã. Một ngày đẹp, gã nghĩ. Chưa chừng gã có thể xác định được mình đang ở đâu cũng nên. Bằng một cố gắng cực nhọc, gã xoay người nằm nghiêng. Phía dưới gã, một con sông rộng và lở đờ chảy. Về lạ lắm không quen thuộc của nó khiến gã bối rối. Gã chậm rãi đưa mắt nhìn theo dòng sông uốn lượn thành những khúc rộng giữa những ngọn đồi trọc đều hiu hiu hơn, trơ trụi hơn và lún thấp hơn mọi trái đồi gã gặp cho đến nay. Chậm rãi, từ tốn, không chút kích động hoặc chỉ với sự quan tâm hết sức bình thường, gã theo dõi dòng chảy của con sông lạ về phía đường chân trời, và thấy nó đổ vào mọi vùng biển sáng lấp lánh. Gã vẫn không thấy náo nức gì. Thật khác thường, gã nghĩ một tấm ảnh hay một ảo giác - có vẻ là một tấm ảnh thì đúng hơn một trò ranh ma do tâm trí rối loạn của gã. Gã chắc chắn vậy khi nhìn thấy một con tàu nằm thả neo giữa vùng biển lấp lánh. Gã nhắm mắt một lát, rồi lại mở ra. Kỳ lạ thay, tấm ảnh ấy vẫn còn! Thế nhưng lại không kỳ lạ. Gã biết chẳng

làm gì có biển hay tàu nào giữa vùng đất cằn này, cũng như gã đã biết chẳng có viên đạn nào trong cây súng rỗng không.

Gã nghe thấy một tiếng khịt đằng sau mình - một tiếng thở rốc gần như bị nghẹn hoặc một tiếng ho. Rất chậm chạp do quá yếu và người cứng đờ, gã xoay nghiêng mình sang mé kia. Gã không trông thấy gì gần kề, nhưng gã kiên nhẫn chờ. Lại thấy tiếng khịt và ho, vàng bóng giữa hai tầng đá lởm chởm cách đó không đầy sáu mét, gã nhận ra cái đầu xám của một con sói. Hai cái tai nhọn không dựng hoắt lên như gã thường thấy ở những con sói khỏe đôi mắt mờ và vằn tia máu; cái đầu như gục xuống rũ rượi và tuyệt vọng. Con vật chớp mắt lia lịa dưới nắng. Nó có vẻ ốm. Khi gã nhìn, nó lại khịt và ho.

Chí ít điều này cũng là thực tế, gã nghĩ và quay người sang mé kia để có thể thấy được sự thực của cả thế giới ban nãy đã bị tấm ảnh che phủ. Nhưng biển vẫn lấp lánh đằng xa và con tàu nhìn rõ mồn một. Rút cục, nó có phải là thực tại không? Gã nhắm mắt một hồi lâu suy nghĩ thế rồi vỡ lẽ ra. Gã đã hướng về phía đông bắc, tách xa khỏi đường phân thủy sông Đir và đi vào thung lũng Mỏ Đồng. Cái con sông rộng và lờ đờ này là sông Mỏ Đồng. Vùng biển lấp lánh kia là Bắc Băng Dương. Con tàu kia là một tàu đánh cá voi từ cửa sông Mếchkenki lạc về hướng đông, viễn đông, và nó nằm bỏ neo trong Vịnh Đăng Quang. Gã nhớ lại bản đồ của Công ty Vịnh Haxxon

mà gã đã xem cách đây đã lâu, và gã thấy mọi sự trở nên rõ ràng, hợp lý.

Gã ngồi dậy và tập trung chú ý vào những công việc trước mắt. Nhưng dải mền bọc chân đã mòn xơ ra và đôi chân gã chỉ còn là những cục thịt trầy trọt không ra hình thù gì... Cái chân cuối cùng của gã đã đi tong. Cả súng lẫn dao đều đã mất. Gã đã đánh mất cái mũ ở đâu đó cùng với bó diêm dất ở vành trong, nhưng số diêm trước ngực vẫn nguyên vẹn và khô ráo trong cái túi đựng thuốc lá sợi, bọc bằng giấy dầu. Gã nhìn đồng hồ. Nó chỉ mười một giờ và vẫn đang chạy. Hiển nhiên là gã vẫn lên giây đều.

Gã bình tĩnh và tự chủ. Tuy cực kỳ yếu sức, nhưng gã không cảm thấy đau đớn gì cả. Gã không đói. Ý nghĩ về thức ăn thậm chí cũng chẳng thú vị gì đối với gã và mọi điều gã làm đều do lý trí đơn thuần. Gã xé toang quần đến tận đầu gối để buộc chân. Không biết làm sao mà gã vẫn giữ được cái xô thiếc. Gã sẽ uống một chút nước nóng trước khi bắt đầu làm cái mà gã thấy trước sẽ là một chặng hành trình ghê gớm để tới con tàu.

Gã cử động chậm chạp, run rẩy như bị chứng liệt. Khi bắt đầu thu thập rêu khô lại, gã không nhắc nổi chân được nữa. Gã thử đi thử lại rồi đành bò quanh bằng tay và đầu gối vạy. Một lần gã bò đến gần con sói ốm. Con vật miễn cưỡng lê ra khỏi đường đi của gã, liếm những chỗ nứt nẻ trên mình bằng một cái lưỡi hầu như không còn đủ sức để uống nữa. Gã

nhận thấy lưỡi nó không có cái màu đỏ lành mạnh thông thường. Nó nâu nâu vàng ạch và như phủ một lớp nhầy ram ráp và gần như khô.

Sau khi uống một ca nước nóng, gã thấy mình có thể đứng dậy và thậm chí có thể đi với mức một người sắp chết có thể đi. Cứ khoảng một phút, gã lại phải nghỉ. Bước chân gã trật trường y hệt như bước chân của con sói theo sau gã; và đêm ấy, khi bóng tối xoa mờ vùng biển lấp lánh, gã biết mình mới chỉ tiến gần thêm nó được độ hơn bốn dặm, không hơn.

Suốt đêm, gã nghe thấy tiếng ho của con sói ốm, và thỉnh thoảng, tiếng quang quác của bày tuần lộc non. Xung quanh gã đều có sự sống, sự sống cường tráng, rất sinh động và tốt lành, và gã biết con sói ốm bám theo con người ốm với hy vọng là con người sẽ chết trước. Sáng dậy, mở mắt ra, gã thấy nó đứng lom khom, đuôi cụp giữa hai chân như một con chó khốn khổ, thiếu não. Nó run cầm cập trong làn gió sớm lạnh giá và nhe răng cười buồn nản khi con người nói với nó bằng một giọng không hơn gì một tiếng thì thầm khàn khàn.

Mặt trời lên rực rỡ và suốt buổi sáng, con người chập chững vừa đi vừa ngã về phía con tàu trên biển lấp lánh. Thời tiết thật tuyệt. Đó là cơ thu muộn ngắn ngủi ở vùng vĩ độ cao. Nó có thể kéo dài một tuần. Mai kia, nó có thể qua đi.

Đến chiều, gã bắt gặp một vết đường. Đó là dấu vết của một người khác. Không đi mà bò bốn chân.



Gã nghĩ đó có thể là Bil, song chỉ nghĩ một cách thờ ơ, không chút quan tâm. Gã chẳng tò mò muốn tìm hiểu gì. Thực tế, cảm giác và xúc động đã từ bỏ gã. Gã không còn biết đau. Dạ dày và thần kinh đã đi ngủ rồi. Tuy nhiên, sự sống trong gã vẫn thúc gã dần tới. Gã thì rất mệt, nhưng nó lại không chịu chết. Chính vì nó không chịu chết mà gã vẫn cứ ăn trái cây đầm lầy và cá *tuế*, uống nước nóng và thận trọng canh chừng con sói ốm.

Gã đi theo dấu vết của người kia, anh chàng bò lê ấy, và chẳng mấy chốc đã đến chỗ tận cùng của nó - một chút xương mới lóc hết thịt quanh đó lớp rêu sũng nước in hằn vết chân của nhiều con sói. Gã trông thấy một cái túi da nai bè bè, hệt như túi của gã, bị xé toạc ra bằng răng nhọn. Gã nhấc nó lên, tuy nó hầu như quá nặng đối với những ngón tay yếu ớt của gã. Bil đã mang nó đến phút cuối cùng. Ha ha! Gã sẽ cười vào mũi Bil. Gã sẽ sống sót và sẽ mang cái túi đến con tàu trên biển lấp lánh kia. Tiếng cười của gã khàn khàn và ghê rợn như tiếng quạ kêu, và con sói ốm cũng cất tiếng tru sầu thảm hoà theo. Con người bỗng nhiên dừng bật. Làm sao gã có thể cười vào mũi Bil nếu như cái này là Bil, đám xương trắng hồng và sạch bong này là Bil?

Gã quay đi. Ô, Bil đã bỏ rơi gã, nhưng gã sẽ không lấy số vàng này, cũng chẳng mút xương Bil làm gì. Tuy nhiên, nếu là trường hợp ngược lại, ắt Bil sẽ chẳng tha, gã vừa chuệnh choạng bước tiếp vừa nghĩ vậy.

Gã tới một vùng nước. Cúi xuống tìm cá *tuế*, gã bỗng giật đầu lại đằng sau như bị ong châm. Gã đã trông thấy mặt mình phản chiếu trong đó. Nó gồm ghiếc đến nỗi khuya được sự nhạy cảm trong gã thức dậy đủ lâu để thấy bàng hoàng. Có ba con cá *tuế* ở trong vùng, vùng quá rộng không tát cạn được, và sau mấy lần lấy cái xô thiếc sục bắt không được, gã bỏ cuộc. Gã sợ vì quá yếu sức, có thể ngã tòm xuống và chết đuối. Chính vì lý do ấy mà gã không dám cưỡi lên một trong nhiều khúc gỗ rạt vào những hố cát ven bờ sông để buông trôi theo dòng nước.

Hôm ấy, gã giảm được ba dặm khoảng cách giữa gã và con tàu; hôm sau được hai dặm - vì bây giờ gã cũng bò như Bil đã từng bò; và đến hết ngày thứ năm, con tàu vẫn còn cách độ bảy dặm và gã thì thậm chí mỗi ngày không vượt nổi một dặm. Cũ thu muộn vẫn còn, và gã tiếp tục bò rồi lại ngất xỉu, loanh quanh lẫn quẩn hoài; và con sói ốm vẫn hoành hành và khụt khịt sau gót gã. Đầu gối gã đã trầy cả thịt như bàn chân gã, và mặc dầu gã đã cởi áo sơ mi làm đệm lót cho đầu gối, gã vẫn để lại đằng sau một vệt đỏ trên rêu và đá. Một lần, ngoái nhìn lại, gã thấy con sói thềm thuồng liếm vệt máu của gã, và gã hình dung đậm nét cái kết thúc của mình có thể sẽ như thế nào... trừ phi gã xơi tái được con sói. Thế rồi bắt đầu một tấn bi kịch để tồn tại, khốc liệt chưa từng thấy - một con người ốm phải bò lết, một con sói ốm tập tà tập tễnh, hai sinh vật kéo lê thân xác

hấp hối qua cảnh hoang sơ, và bên nọ rình cướp sự sống của bên kia.

Giá nó là một con sói khỏe mạnh, thì hẳn con người cũng chẳng xem vấn đề hệ trọng đến thế đâu, nhưng nghĩ đến việc phải làm mỗi cho dạ dày của cái vật ghê tởm và gần như chết rồi này, gã chẳng ưng chút nào. Gã vốn khó tính. Đầu óc gã lại bắt đầu lang bang và bị những huyền tượng ám ảnh, trong khi những giây phút sáng suốt trở nên mỗi lúc một hiếm và ngắn hơn.

Một lần, gã tỉnh dậy khỏi một cơn ngất nhờ một tiếng khụt khịt sát bên tai. Con sói khập khiễng nhảy lùi lại mất thăng bằng và ngã nhào trong cơn suy yếu. Điều đó thật kỳ lạ, nhưng gã không thấy buồn cười. Thậm chí gã cũng không thấy sợ. Gã đã vượt quá xa những phản ứng đó. Nhưng lúc ấy trí óc gã sáng suốt, và gã nằm suy tính. Con tàu chỉ còn cách không quá bốn dặm. Gã có thể trông thấy nó rõ ràng khi gã rụi lớp sương mờ khỏi mắt, và gã trông thấy cánh buồm trắng của một con thuyền nhỏ rẽ nước trên biển lấp lánh. Nhưng gã không bao giờ có thể bò nốt bốn dặm ấy. Gã biết vậy. Tuy nhiên rất bình tĩnh trong nhận thức ấy gã biết mình không thể bò nổi nửa dặm. Và mặc dù thế, gã vẫn muốn sống. Thật là vô lý nếu gã phải chết sau khi chịu đựng tất cả ngần này thứ. Số mệnh đòi hỏi gã quá nhiều. Và đến lúc sắp chết, gã từ chối không chịu chết. Có lẽ đó là điều cực kỳ điên rồ, những ngày trong móng vuốt của cái

chết, gã lại thách thức cái chết và khước từ không chịu chết.

Gã nhắm mắt lại với sự tĩnh tâm một cách thận trọng vô cùng tận. Gã ráng mình vượt lên sự suy nhược chèn nghẹt như một lớp sóng trào dâng, bập bênh xô vào mọi ngóc ngách trong người gã. Nó rất giống biển, cái sự suy nhược giết người ấy, nó cứ dâng lên hoài và từng tí một nhấn chìm ý thức gã. Đôi lúc gã gần như bị chìm ngấm, loạng quạng vung tay đập chân bơi qua quên lãng; và một lần nữa, do một phép gia kim nào đó của tâm hồn, gã lại tìm thấy một mảnh ý chí, và rẽ sóng lao vụt đi mạnh hơn.

Không động đậy, gã nằm ngửa, và gã có thể nghe thấy tiếng hít vào thở ra khò khè của con sói ốm mỗi lúc một sát lại gần hơn. Nó tiến lại gần, gần nữa, qua một thời gian tưởng như bất tận và gã vẫn không nhúc nhích. Nó đã kể bên tai gã. Cái lưỡi khô sần sùi cọ vào má gã như giấy ráp. Hai tay gã phóng ra - hoặc chí ít là gã muốn phóng tay ra. Các ngón quắp lại như móng vuốt nhưng thộp vào khoảng không. Sự nhanh nhẹn và chính xác đòi hỏi sức khỏe, mà gã thì không có sức khỏe đó.

Sự kiên trì của con sói thật ghê gớm. Sự kiên trì của con người cũng ghê gớm không kém. Trong nửa ngày liền, gã nằm im không cựa quậy, đấu tranh để khỏi thiếp đi, chờ con vật định ăn thịt gã. Mà gã cũng muốn ăn thịt nó. Đôi khi, biển suy nhược dâng trào lên gã và gã mơ những giấc mơ dài; nhưng suốt thời

gian đó, tỉnh hay mơ, gã vẫn chờ tiếng thở khò khè và cái lưỡi thò liếm láp.

Gã không nghe thấy tiếng thở, và truỗi dần từ một cơn mơ nào đó đến cái cảm giác thấy chiếc lưỡi kia lia dọc bàn tay. Gã chờ. Nhưng chiếc nanh ẩn khe khế, rồi mạnh hơn: con sói đang huy động hết sức tàn trong một cố gắng để cắm ngập răng vào miếng mồi nó đã chờ đợi bao lâu. Nhưng con người đã đợi sẵn từ lâu và bàn tay nát bươm nắm lấy hàm nó. Trong khi con sói vật lộn một cách yếu ớt và bàn tay bóp lại một cách yếu ớt, thì bàn tay kia từ từ trườn qua thành một gọng kìm. Năm phút sau, cả trọng lượng của con người đè lên trên con sói. Hai bàn tay không đủ sức để bóp nghẹt con sói nhưng mặt con người áp sát vào họng con sói và mồm con người đẩy những lông. Hết nửa giờ, con người nhận thấy một dòng âm ấm chảy vào họng mình. Cái đó chẳng lấy gì làm thú vị. Nó như chì nóng chảy bị động vào dạ dày của gã, và nó được tọng vào hoàn toàn chỉ do ý chí của gã mà thôi. Sau đó, con người lẫn ềnh ra, nằm ngửa lên và ngủ.

Có một số thành viên của đoàn thám hiểm khoa học trên chiếc tàu đánh cá voi Bedford. Từ trên boong, họ nhận thấy một vật kỳ lạ trên bờ. Vật ấy di chuyển xuôi bãi biển về phía mặt nước. Họ không thể xác định đó là loại gì. Và, vốn là những nhà khoa học, họ trèo vào chiếc xuống bên sườn tàu, đáp vào bờ để xem cho rõ. Và họ thấy một cái gì còn sống nhưng khó mà có thể gọi là một con người. Nó lòa lẫm,

không ý thức. Nó oằn oại trên mặt đất như một con sâu kỳ quái. Phần lớn những cố gắng của nó đều vô hiệu. Nhưng nó bền bỉ, và nó vận mình, nó quần quai và mỗi giờ có lẽ tiến lên được dăm sáu mét.

Ba tuần sau, người đàn ông nọ nằm trong một chiếc giường trên tàu đánh cá voi Bedford, và nước mắt ròng ròng trên đôi má hốc hác, gã kể lại lai lịch mình là ai và đã trải qua những nông nổi gì. Gã cũng nói lồm ba lồm bồm về mẹ gã, về miền nam California đầy nắng và một ngôi nhà giữa những lùm cam và những khóm hoa.

Ít ngày sau, gã ngồi cùng bàn ăn với các nhà khoa học và các sĩ quan trên tàu. Gã hau háu nhìn cảnh tượng đồ ăn ê hề, bồi hồi theo dõi những thức ăn ấy biến vào miệng những người khác. Cứ mỗi miếng mất đi, trong mắt gã lại hiện lên một vẻ tiếc nuối sâu sắc. Tâm thần gã hoàn toàn lạnh mạnh, tuy nhiên gã căm ghét những người đó vào giờ ăn. Gã bị ám ảnh bởi nỗi sợ hãi là lương thực không tồn tại lâu dài. Gã hỏi đầu bếp, hầu phòng và thuyền trưởng về dự trữ lương thực. Họ trấn an gã không biết bao nhiêu lần, nhưng gã không thể tin họ, và gã khôn khéo dòm ngó quanh chỗ hầm kho để thấy tận mắt.

Người ta nhận thấy gã béo ra. Mỗi ngày gã một to xù. Các nhà khoa học lắc đầu là hợp lý. Họ hạn chế gã trong những bữa ăn, nhưng vòng bụng gã vẫn tăng và gã trương phình ra kỳ lạ dưới chiếc áo sơ mi.

Đám thủy thủ túm túm cười. Họ biết. Và khi các

nhà khoa học cất người theo dõi gã, họ cũng biết. Họ thấy gã thông thạo đi ra phía trước, sau khi điểm tâm, và lại gần một thủy thủ, chìa tay ra như một kẻ hành khất. Tay thủy thủ nhe răng cười và đưa cho gã một miếng bánh quy. Gã bo bo nắm chặt lấy, nhìn ngấm như một anh hà tiện ngấm vàng, rồi nhét vào ngực áo. Các tay thủy thủ khác vừa cười vừa cho như vậy.

Các nhà khoa học vốn kín đáo. Họ để mặc gã. Nhưng họ bí mật xem xét giường của gã. Giường được lót bằng bánh bích quy khô; đệm được nhồi bằng bánh quy khô; mọi xó xỉnh góc ngách đều lên đầy bánh quy khô. Tuy nhiên, gã không loạn trí. Gã lo đề phòng một nạn đói khác có thể xảy ra - có thể thôi. Rồi gã sẽ qua cơn này, các nhà khoa học nói thế, và quả nhiên, gã qua khỏi thật, trước cả khi cây neo của tàu Bedford gieo ùm xuống vịnh Xan Franxixcô.

DƯƠNG TUÔNG dịch

## Sóng lớn Canaca

Khi đôi vợ chồng Li Báctơn và Ida bước ra khỏi phòng thay quần áo, đám phụ nữ Mỹ đang nghỉ ngơi dưới bóng rặng cây "hao" bao quanh bãi tắm của khách sạn Môn đều khẽ thốt lên "A!". Và họ tiếp tục tỏ thái độ như thế suốt trong lúc đôi vợ chồng Báctơn đi ngang qua chỗ họ nghỉ để ra phía bờ biển. Anh chồng chắc gì đã tạo cho họ ấn tượng mạnh đến như vậy. Những phụ nữ Mỹ nghỉ ở đây đều thuộc loại người phải thốt lên "A!" khi nhìn thấy một người đàn ông mặc đồ tắm biển, cho dù đấy là một chàng trai tuyệt diệu, vạm vỡ và rắn rỏi đi nữa. Thật ra một thân thể hoàn chỉnh đến như thế sẽ phải làm cho bất kỳ huấn luyện viên bơi lội nào nhìn thấy cũng phải thở dài một cách hài lòng sâu sắc. Nhưng những huấn luyện viên ấy sẽ không kêu "A" lên như đám phụ nữ trên các bãi tắm, bởi vì những người phụ nữ này đã bị xúc phạm đến những tình cảm tốt đẹp nhất.

Chính chị vợ anh, Ida Báctơn mới là người làm cho



đám phụ nữ kia khó chịu và lo lắng. Họ dè bủ chị. Họ chê trách một cách dứt khoát, ngay từ khi mới nhìn thấy chị lần đầu. Họ chính là những người có biệt tài tự lừa dối bản thân. Họ tưởng tượng ra rằng: bộ đồ tắm của chị làm họ chướng mắt. Nhưng Phrôidơ đã có lý khi ông quả quyết rằng, mỗi khi đụng đến vấn đề giới tính, con người ta dễ có chiều hướng dùng điều mình tưởng tượng ra thay thế cho điều có thật một cách vô tình, rồi lại đau khổ với cái điều do chính mình tưởng tượng ra, không kém so với trường hợp khi điều ấy là có thật.

Bộ đồ tắm biển của Ida Bắctơn rất hấp dẫn, đan bằng thứ sợi len màu đen rất mịn, đường viền và thắt lưng màu trắng, mở cổ không rộng, hai ống tay rất ngắn và váy cũng rất ngắn. Dù cho váy của chị có ngắn đến mấy đi nữa thì đồ lót dệt kim bên trong vẫn cứ còn ngắn hơn. Tuy nhiên, ở bãi tắm cạnh đáy của Cầu lạc bộ Thuyền Buồm, và ở dải cát sát bờ biển có cả hàng chục phụ nữ ăn mặc còn táo bạo hơn, nhưng có khiến ai chú ý đến một cách đặc biệt như thế đâu.

Đồ tắm của họ cũng ngắn cũn cỡn và cũng ôm chặt lấy người như thế mà lại hoàn toàn không có ống tay, giống như áo tắm đàn ông. Còn cổ, lưng và nách của họ đều mở rất rộng, chứng tỏ họ nắm vững thời trang năm 1916.

Như vậy, không phải bộ đồ tắm của Ida làm đám phụ nữ kia khó chịu, mặc dù họ đinh ninh rằng đúng là như thế. Thật ra cái làm họ thấy chướng mắt lại

chính là đôi chân của chị, hay nói cho đúng hơn, là toàn bộ con người Iđea, vẻ đẹp rực rỡ của tính nữ lộ lộ đầy quyến rũ và khiêu khích của chị. Từ những mệnh phụ tuổi tác và đáng kính đến những bà trung niên và những cô gái trẻ đều cảm thấy rõ ràng sự khiêu khích ấy. Họ là những người sợ nắng gió đang cố bảo vệ tấm thân yếu ớt, mềm nhẽo và làn da mặt nhợt nhạt của họ khỏi bị mặt trời chiếu vào. Đúng, nhìn chị người ta thấy sự khiêu khích, sự thách thức lẫn sự khinh miệt đối với tất cả những nữ đối thủ trong cuộc giành giật nhỏ nhen và chính họ tự bày đặt ra rồi tiến hành với một niềm tin rằng nhất định họ phải thắng.

Nhưng đám phụ nữ kia không nói thẳng ra điều ấy. Thậm chí cả trong ý nghĩ họ cũng không tự cho phép được thú nhận điều ấy. Họ tưởng tượng ra rằng toàn bộ tội lỗi của cô gái kia là nằm trong bộ đồ tắm. Họ lên án nó, làm như thể họ không nhìn thấy hàng chục phụ nữ khác ăn mặc còn táo bạo hơn Iđea, nhưng không đẹp đến mức nguy hiểm như chị.

Nếu có cách nào sàng lọc ý nghĩ của những vị bảo vệ đạo đức ấy được, thì sẽ động lại trên mặt sàng cái ý nghĩ ghen ghét thuần túy phụ nữ: "không thể cho phép một đứa con gái nào được xinh đẹp đến thế! Không thể cho phép nó tự do khoe khoang toàn bộ sắc đẹp của nó như thế được!". Để một đối thủ nguy hiểm như thế xuất hiện thì liệu còn người đàn ông nào ngó ngang đến họ nữa?

Họ nghĩ như thế là đúng. Bởi vì khi hai ông bà

Páttecxơn tắm xong, nằm nghỉ trên bãi cát bên cạnh con suối, nơi vợ chồng Li Báctơn và Ida lội ngang qua để sang bãi tắm của Câu lạc bộ Thuyền Buồm, thì ông Atenli Páttecxơn đã nói với vợ như sau:

- Ôi, lạy vị thánh bảo hộ nghệ thuật và bảo hộ các cô gái đẹp làm mẫu cho các họa sĩ! Bà nhìn kìa, bà đã thấy một cô gái nào có đôi giò tuyệt diệu đến mức kia bao giờ chưa? Thon, chắc và cân đối kỳ lạ! Như hết chân con trai vậy! Tôi chỉ mới được thấy một đôi giò như thế của một tay võ sĩ hạng nhẹ trên võ đài quyền Anh. Nhưng đây lại là đôi giò thuần túy của phái nữ! Vì chân phụ nữ có cái dáng khác hẳn chân đàn ông. Kia kìa, đường cong phía trước của bắp đùi và ở phía sau lượn tròn vừa đủ mức cần thiết. Rồi hai đường cong ấy chụm lại chỗ đầu gối. Mà cái đầu gối mới đẹp làm sao? Tiếc mình không có sẵn đất sét ở đây mà nặn.

- Đầu gối cô ta tuyệt vời thật! - Bà vợ cũng thần phục không kém, vì bà cũng là một nghệ sĩ điêu khắc. - Nhìn kìa, các móm xương di động dưới làn da mới nhịp nhàng làm sao! Đầu gối cô ta lại không hề có lớp mỡ bao bọc! Lạ thật! - Bà thở dài, sức nghĩ đến hai đầu gối của bản thân. - Chà! Vừa cân đối, vừa đẹp lại vừa duyên dáng. Đây đúng là sự quyến rũ của da thịt. Cô ta là ai thế nhỉ?

Ông Xtenli Páttecxơn, mắt không rời chị phụ nữ không quen biết kia, sôi nổi biểu diễn phần của mình trong bản song tấu gia đình:

- Bà thấy không? Chị ta không hề có bắp thịt đem ở phía bên trong đầu gối, những bắp thịt đem khiến cho hầu hết các bà các cô đều trở thành cong chân. Chính vì thế đôi giò của chị này y hệt giò con trai: rắn chắc, vững chãi...

- Nhưng lại vẫn là chân phụ nữ: tròn trịa, mềm mại, - bà vợ vội bổ sung. - Ông thử nhìn cô ta đi kia, Xtenli! Cô ta đặt mũi chân xuống trước cho nên dáng đi nhẹ như lông chim. Mỗi lần cất bước, cô ta chỉ khẽ nhấc chân lên khỏi mặt đất, tưởng chừng như cô ta bay cao dần lên, và chỉ lát nữa sẽ thoát khỏi mặt đất, bay bổng lên không trung.

Ông Xtenli Páttenxon và bà vợ thân phục đến như thế. Nhưng họ là nghệ sĩ. Mắt họ không giống như dàn pháo đại bác của những cặp mắt đang chia nòng về nơi Đda đang sắp đặt chân tới, những cặp mắt từ trên hàng hiên của Cầu lạc bộ Thuyền Buồm, từ dưới rặng cây "hao" bao quanh khách sạn Bờ Biển: Trong Cầu lạc bộ Thuyền Buồm đa số không phải khách du lịch mà những vận động viên thể thao và những người dân đã sống lâu năm ở quần đảo Haoai.

Nhưng ngay cả những người dân bản địa này cũng phải thốt lên "A".

- Con bé chẳng lịch sự chút nào! - Bà Henli Bléch nói với chồng. Bà là một người đẹp đã hết thời chừng bốn chục xuân xanh, vốn sinh trưởng ở Haoai và thậm chí cũng chưa hề nghe thấy nói đến thành phố nghỉ mát Oxtendơ bao giờ.

Ông Henli Bléch đưa cặp mắt suy tư và tàn nhẫn liếc nhìn tấm thân sồ sề đến mức quái gở và bộ đồ tắm cổ lỗ của bà vợ, bộ đồ tắm mà đến các nữ tu sĩ chân chính ở miền Tây Anh Cát Lợi cũng chẳng ai buồn chê trách. Hai ông bà lấy nhau từ lâu lắm rồi, lâu đến nỗi bây giờ ông có thể nói toạc ra mọi điều suy nghĩ của mình mà không phải e dè gì hết.

- Nếu so sánh giữa bà với cô ấy thì chính bộ đồ tắm của bà mới không lịch sự. Tưởng chừng như bà quấn những mảnh vải dơ bẩn ấy vào người để che giấu một khuyết tật xấu xí gì bên trong vậy.

- Cô ta đi đúng y hệt một vũ nữ Tây Ban Nha! - Bà Páttecxon nói với chồng. Để khỏi mất hút bóng dáng của cô gái đẹp kia, họ cũng lợi qua con suối đi theo.

- Đúng thế, - ông Xtenli Páttecxon tán thành. - Tôi cũng sực nhớ đến cô vũ nữ Extrêlia. Bộ ngực đầy đặn nhưng không to quá. Eo nhỏ nhưng không nhỏ quá, lại chắc nịch như bụng các nhà võ sĩ quyền Anh vậy. Nếu eo không như thế thì cô ta không thể đi đứng duyên dáng như thế được. Mà bộ ngực với cái eo sao lại cân xứng với các bắp thịt ở lưng đến thế. Bà có thấy đường cong ở sống lưng của chị ta không? Y hệt như lưng cô vũ nữ Extrêlia vậy.

- Ông đoán cô này cao bao nhiêu? - Bà vợ hỏi.

- Khó đoán lắm, - câu đáp có vẻ thận trọng. - Có thể là năm *phút* một *inso*<sup>(1)</sup> mà cũng có thể hơn thế,

<sup>(1)</sup> Phút = 30,480 cm. 1 inso = 2,540 cm.

đến bốn inơ không biết chừng. Kiểu đi của cô ta dễ làm ta lạc hướng lắm. Kiểu đi như bà vừa nói ấy. Đi mà giống như bay.

- Đúng, đúng, - bà Páttecxơn tán thành. - Trông cô ta lúc nào cũng như kiễng chân. Chúng tớ cô ta rất nhiều sức sống.

Ông Xtenli không đáp lại ngay.

- Bà nói đúng, - mãi sau này ông mới kết luận. - chị ta vóc người bé nhỏ. Chỉ đến năm *phút* hai inơ là cùng. Còn cân nặng, tôi đoán khoảng trăm mười hoặc trăm linh tám, cùng lắm là một trăm mười lăm *pao*, không thể hơn được.

- Cô ta không nặng đến một trăm mười *pao* đâu, bà vợ kiên quyết phản đối.

- Là tôi nói khi chị ta mặc đầy đủ quần áo, - ông Xtenli Páttecxơn nói tiếp. - Với lại nhìn cách chị ta đi đứng (do dồi dào sức sống và mạnh mẽ ý chí) tôi tin rằng chị ta không thuộc loại người nhỏ bé đâu.

- Tôi biết loại con gái này, - bà vợ gật đầu. - Nhìn họ người ta có cảm tưởng họ không to lớn, nhưng dù sao cũng trên trung bình. Ông đoán cô ta bao nhiêu tuổi?

- Về tuổi thì chắc bà đoán giỏi hơn tôi, - ông chồng lảng tránh câu hỏi.

- Có thể hai mươi lăm mà cũng có thể là ba mươi tám.

Nhưng ông Xtenli, quên cả phép lịch sự, không nghe vợ nói.

- Mà không phải chỉ cặp giò! - Ông thét lên về thân phục. - Toàn bộ con người của chị ta là tuyệt vời. Bà nhìn kia: cánh tay! Từ bàn tay đến khuỷu tay thì thon nhỏ, lên gần vai lại thành tròn trĩnh. Bắp cơ hai đầu mới tuyệt vời làm sao! Tôi đánh cược rằng nếu chị ta lên gân, hai cái bắp ấy sẽ phình ra khá lớn cho mà xem?

Bất cứ một phụ nữ nào, nhất đây lại là Ida Bắctơn không thể không nhận thấy nỗi chấn động do mình gây ra trên bãi biển Vaikiki. Nhưng điều ấy không hề làm chị thấy hãnh diện thêm mà trái lại còn làm chị khó chịu.

- Sao họ dễ tiện đến thế nhỉ! - Chị cười nói với chồng. - Em vốn là người sinh trưởng ở nơi này, đã sống ở đây suýt soát một phần ba thế kỷ rồi. Ngày đó con người ta đâu có lối bịch như bây giờ. Phải chăng vì ngày ấy chưa có ai đi du lịch đến đây. Ngày nhỏ em đã học bơi ở đúng chỗ này, ngay trước cái Cầu lạc bộ Thuyền Buồm kia. Em còn nhớ vào những dịp nghỉ hè hoặc chủ nhật, bố thường đưa em ra đây. Hai bố con nghỉ trong một túp lều lợp cọ. Túp lều ngày ấy nếu còn thì nằm ở đúng chỗ các bà ở Cầu lạc bộ Thuyền Buồm đang ngồi uống trà kia kia. Ban đêm lũ cuốn chiếu lao xuống chỗ hai bố con nằm. Bố với em ăn sò huyết, ăn cá sống: suốt ngày bơi lội và đánh cá, không mặc quần áo gì hết. Mà bây giờ đường sá từ thành phố đến đây có ra cái gì. Những hôm mưa to, đường ngập hết, hai bố con em phải về làng bằng

thuyền, luồn lách qua những tảng đá ngầm rồi vào thẳng bến, ngay giữa thành phố Hônôlulu ấy.

Li Báctơn tiếp lời vợ:

- Em đừng quên rằng cũng chính vào thời gian ấy, thằng bé mà bây giờ là anh đây này, thằng bé ấy đã từng nằm lại đây liên mấy tuần lễ trong dịp đi chu du vòng quanh thế giới. Chắc chắn rằng bấy giờ anh đã nhìn thấy em trong đám trẻ con bơi lội ở đây như cá. Đến bây giờ anh còn nhớ, ở đây phụ nữ đã cưỡi ngựa như đàn ông, trong khi ở các xứ sở khác, mãi khá lâu sau này nữ giới mới khắc phục được thói ỷ mị và mới dám ngồi bỏ hai chân sang hai bên lưng ngựa. Bản thân anh cũng đã học bơi ở nơi này. Rất có thể hai chúng mình đã tập cưỡi trên một con sóng, và không biết chừng đã có lúc anh té nước vào mặt em và để cảm ơn, em đã thè lưỡi ra với anh...

Vừa lúc ấy, một tiếng "A" rất to, giọng khó chịu cắt lời anh. Tiếng ấy thốt ra từ miệng một cụ già đét có vẻ là một bà cô già, đang phơi nắng trên bãi cát trong bộ đồ tắm tị dạng. Và Li Báctơn cảm thấy vợ mình co rúm người lại như phải bỏng.

- Anh rất hài lòng, - anh nói. - Em như thế cũng là giỏi lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở thành gan lì cho mà xem. Cái thái độ vừa rồi đã làm em hơi khó chịu. Nhưng không sao, càng làm em tự tin hơn mà thôi. Chỉ có điều em phải thật vững.

Bởi vì, rồi bạn đọc sẽ thấy, Li Báctơn là một siêu nhân, và Ida cũng thế. Ít ra, đây cũng là cách xếp loại



của những phóng viên mới vào nghề, những kẻ chuyên đập gót giày trên các sàn khách sạn và của những nhà phê bình uyên bác bị thiếu mất cơ quan sinh dục. Họ không có khả năng nhìn nhận ra những người hoàn chỉnh hơn họ ở nơi chân trời, đằng sau bình nguyên đơn điệu của cuộc sống của bản thân họ. Họ là những sinh vật tẻ nhạt, dư âm của quá khứ đã chết, là những kẻ đào huyệt tự phong của hiện tại và tương lai. Họ sống cuộc sống người khác và cũng giống như những hoạn quan, họ phục vụ cho nhục cảm của kẻ khác. Do bản thân họ cần cỗi, do môi trường của họ và những cảm xúc tũn mủn của họ què quặt và thô鄙, họ quả quyết rằng không một anh đàn ông nào, không một chị đàn bà nào vươn được lên trên sự què quặt và thô鄙.

Trong bản thân con người của họ làm gì có vẻ đẹp và tâm cơ. Vì vậy họ không công nhận rằng người nào đó lại có những phẩm chất ấy. Do quá hèn nhát, họ không dám làm việc gì táo bạo. Họ khẳng định rằng sự táo bạo đã không còn tồn tại trên cõi đời này, từ thời Trung thế kỷ kia, nếu không phải là từ trước nữa. Bản thân họ chỉ là những ngọn nến leo lắt, và cặp mắt bạc nhược của họ nhìn sao thấy nổi ngọn lửa chói lòa trong tâm hồn người khác, và đang chiếu sáng bầu trời của họ. Sức lực trong thân thể họ chỉ vừa bằng sức lực của loài chim chích, và họ không thể biết được rằng lại có người khỏe mạnh hơn họ. Đúng, thời xa xưa trên trái đất đã từng có những con

người khổng lồ. Nhưng trong những cuốn sách cổ cũng lại có nói rằng đã lâu không còn những người khổng lồ nữa.

Bây giờ chỉ còn sót lại xương cốt của họ. Những kẻ nhỏ mọn ấy không bao giờ nhìn thấy núi. Và như thế nghĩa là, đối với họ, chẳng làm gì có núi.

Nấp kín dưới đám bùn trong cái vũng nước đọng của bản thân họ định ninh rằng, những tráng sĩ hiển hách mang vầng trán cao với những bộ giáp trụ sáng loáng chỉ có trong truyện cổ tích, trong lịch sử xa xưa và trong những mê tín hoang đường của dân gian. Họ chưa bao giờ nhìn thấy tinh tú, cho nên họ phủ nhận sự tồn tại của các tinh tú. Mắt họ không thấy được những con đường vinh quang, và cũng không thấy được những con đường bằng xương bằng thịt đi trên những con đường ấy. Vì vậy họ không công nhận có những con đường vinh quang và những con người dũng cảm. Cõi cặp mắt mờ của mình là trung tâm vũ trụ, họ tưởng như mọi vật đều được tạo thành theo mẫu của họ, và họ dùng nhân cách phẩm hạnh của họ làm thước để đo những tâm hồn khí phách rồi lên giọng chê trách: "Mọi tâm hồn đều chỉ bằng ngần này, không lớn hơn. Không thể có ở đâu những tâm hồn lớn hơn chúng tôi, mà các vị thần thánh của chúng tôi đã thừa biết là chúng tôi to lớn".

Nhưng khi Iđà đặt chân xuống nước, tất cả hoặc gần như tất cả những ai đang trên bờ đều tha thứ cho bộ đồ tắm của chị, cho tắm thân tuyệt diệu của chị.

Đôi mắt chị ánh lên một vẻ mời mọc, bàn tay chị khê chạm vào tay chồng và họ chạy vài bước theo sát chân nhau, rồi cùng một lúc, đập mạnh xuống nền cát cứng dưới đáy nước, nhảy lên, tạo thành một đường vòng thấp bên trên mặt nước, rồi đâm đầu xuống nước.

Ở Vaikiki có hai loại sóng: sóng lớn, sóng bạc đầu Canaca tức là sóng ông, lồng lộn tít tận ngoài khơi và sóng nhỏ gọi là sóng Vakhina, nghĩa là sóng bà, vỗ nhẹ vào bờ. Dọc bờ biển là một giải nước nông khá rộng. Ở chỗ này có thể lội ra xa tới một trăm hoặc hai trăm *phút* vẫn chưa ngập đầu. Tuy nhiên nếu như sóng ông lồng lộn ngoài khơi thì sóng bà cũng cao đến ba - bốn *phút*, cho nên ngay sát bờ, đáy nước có thể sâu từ ba *inso* đến ba *phút*, nếu tính từ đáy lên đến đỉnh sóng ngầu bọt trắng xóa. Muốn nhảy vào đám bọt trắng ấy, nghĩa là lấy đà rồi đập mạnh xuống đáy cát, nhảy vọt lên không trung, xoay người cho chân chống lên trời, lao đầu xuống nước, cần hiểu rõ các đợt sóng và biết cách khéo lựa. Đó là một nghệ thuật phải tập dượt nhiều năm để lao đầu vào cái hiện tượng tự nhiên bất định ấy bằng một động tác dứt khoát và đẹp mắt mà lại không xuống sâu quá trong nước.

Cái tiết mục biểu diễn táo bạo, đẹp mắt và duyên dáng ấy không phải ai muốn làm là cũng làm được ngay. Cần tập luyện khá lâu. Một sự tập luyện kèm theo nhiều trận đập đầu xuống đáy cát, không phải

chỉ đau có khi còn vỡ sọ hay vẹo cổ nữa. Ở ngay chính cái chỗ mà đôi vợ chồng trẻ Bắctơn lao đầu xuống nước một cách ngon lành như vậy, trước đây hai ngày, một lực sĩ nổi tiếng Mỹ đã bị vẹo cổ. Ông ta không biết ước tính sự dâng lên và hạ xuống của những đợt sóng Vakhina.

- Cô ta là tay bơi lội nhà nghề đấy mà, - bà Henli Bléch thốt lên khi theo dõi Ida Bắctơn.

- Chắc chắn đây là một diễn viên xiếc chuyên nhào lộn.

Đám phụ nữ ngồi dưới bóng cây đã dùng những nhận xét như thế và tương tự như thế để an ủi nhau. Họ dùng phương pháp đơn giản là tự lừa dối. Họ đề ra khoảng cách to lớn giữa những người làm nghề để kiếm sống với tầng lớp của họ, những người chẳng phải làm lụng gì mà cũng vẫn được ăn uống no nê.

Vào ngày hôm ấy, sóng ở Vaikiki rất mạnh. Ngay sóng bà cũng đã làm thỏa mãn những tay bơi giỏi. Không có ai định ra đến chỗ sóng ông Canaca. Chẳng phải vì những vận động viên bơi lội tụ tập trên bãi tắm sợ bơi lạc ra, mà chỉ vì họ biết rằng, những đợt sóng khổng lồ cuộn xuống dưới đấy, dám nhận chìm cả những chiếc thuyền lớn nhất của họ, và sẽ lật úp bất cứ một tấm ván nào. Thật ra đa số trong bọn họ cũng có thể nhảy xuống nước để bơi, vì con người có thể bơi qua được những ngọn sóng mà thuyền mảng không thể theo nổi. Nhưng những chàng trai trẻ từ Hônôlulu đến đây đâu phải để làm như thế. Điều

thích thú nhất của họ là đùa rồn trên ngọn sóng rồi đột nhiên rướn cả người lên khỏi mặt nước, bay cùng với đợt sóng vào bờ như một mũi tên.

Thuyền trưởng chiếc thuyền số chín, một trong những sáng lập viên của Câu lạc bộ Thuyền Buồm, đồng thời là quán quân nhiều lần về môn bơi cự ly dài, đã không nhìn thấy lúc đôi vợ chồng Bacton xuống nước. Và bây giờ khi ông nhìn thấy họ thì họ đã vượt ra xa ngoài cả sợi dây chằng để đánh dấu, cách tốp người bơi xa bờ nhất một quãng lớn. Từ lúc ấy, đứng trên hàng hiên của Câu lạc bộ, ông không rời mắt khỏi họ. Khi họ vượt qua đập chắn sóng bằng thép, cạnh đó chỉ có một vài vận động viên tảo tợn nhất đang lặn hụp, thì người thuyền trưởng bực tức lắm bầm: "Đồ Malakhini quái quỷ!".

Tiếng Haoai "malakhini" nghĩa là lính mới, tập sự. Nhưng thuyền trưởng thuyền số chín, mặc dù nhìn thấy đôi trai gái kia bơi rất giỏi, biết rằng chỉ những kẻ "tập sự", mới không hiểu biết gì hết và liều lĩnh dám bơi ra đến dòng nước khủng khiếp sâu thẳm và chảy xiết ở ngoài đập chắn mà thôi. Điều đó làm ông bực tức. Ông bước xuống dưới bãi, khê ra lệnh cho một người nào đó trong số những tay chèo khỏe nhất của ông, rồi quay lên hiên, đem theo chiếc ống nhòm.

Sáu thủy thủ, cố không để ai chú ý đến họ, lặng lẽ khiêng chiếc thuyền số chín ra sát dìa nước. Họ kiểm tra lại các mái chèo và cọc chèo, rồi ngồi ngả

ngiêng trên bãi cát, làm như kiêu thờ ơ. Nhìn họ không ai nghĩ rằng đang sắp xảy ra chuyện nguy cấp. Còn bản thân họ thì thảnh thơi ngược mắt lên nhìn người thuyền trưởng, và ông này thì vẫn dán mắt vào chiếc ống nhòm.

Độ sâu khủng khiếp ở bên ngoài đập chấn là do con suối từ trong đất liền chảy ra biển tạo thành. San hô không sống được ở nước ngọt. Còn dòng chảy xiết là do những đợt sóng lao quá mạnh vào bờ. Nước do những đợt sóng Canaca dữ tợn liên tiếp xô vào phía bờ. Trong khi hạ xuống, chúng lại chảy ngược ra khỏi cùng với dòng chảy nổi trên, lần xuống bên dưới những đợt sóng dữ tợn khác đang xô tiếp đến. Ngay cả ở chỗ này, nơi có dòng chảy, sóng cũng dâng lên rất cao, nhưng vẫn không ghê gớm bằng ở hai bên. Do đó, đúng chỗ dòng chảy, thuyền bè không gặp nguy hiểm gì đáng kể. Nhưng phải là loại thủy thủ có tay chèo thật khỏe mới cưỡng lại được với dòng nước chảy xiết. Chính vì vậy, thuyền trưởng thuyền số chín bám chắc vị trí quan sát, miệng không ngớt cầu nhàu. Ông tin chắc rằng hai kẻ "lính mới" kia sẽ bắt ông phải hạ thủy con thuyền để bơi ra cứu, khi họ đã kiệt sức. Ngay bản thân ông, vào địa vị của họ, cũng sẽ bơi sang bên trái, về phía mỏm Kim Cương, và phó mặc cho sóng lớn Canaca đánh dạt vào bờ. Nhưng vì ông, chính là ông, một lực sĩ hai mươi hai tuổi với làn da đen cháy do phơi quá nhiều dưới ánh nắng mặt trời nhiệt đới và có màu như gỗ mun, với

tắm thân và các bắp thịt cứng như của Điuć Cahanômốc. Trong những cuộc bơi thi cự ly một trăm *phút*, người quán quân thế giới kia bao giờ cũng đến đích trước anh cả một giây đồng hồ. Nhưng khi bơi cự ly dài, anh ta bỏ rơi người quán quân kia khá xa.

Trong số mấy trăm người có mặt trên bãi tắm lúc bấy giờ, ngoài người thuyền trưởng và các thủy thủ của ông, không một ai biết rằng đôi vợ chồng trẻ Bắctơn đã bơi ra khỏi đập chắn. Tất cả những người nhìn thấy họ bơi ra khỏi bờ đều đinh ninh rằng, họ đã cùng với những người khác, nhảy từ trên đập xuống.

Đột nhiên người thuyền trưởng nhảy phốc lên lan can hàng hiên rồi một tay bám chiếc cột, một tay hướng ống nhòm ra phía hai chấm đen phía xa kia. Dự đoán của ông đã chính xác. Hai kẻ ngu ngốc kia, thoát được ra khỏi dòng chảy, đã quay sang, bơi về phía mỏm Kim Cương. Muốn vào đến bờ, họ phải vượt qua những đợt sóng lớn Canaca. Nguy hiểm hơn nữa, có vẻ họ còn định bơi ngang qua những con sóng dữ tợn ấy.

Ông liếc nhanh xuống phía dưới. Nhưng đến khi các thủy thủ - đang giả vờ lim dim ngủ - đáp lại cái liếc mắt ấy, từ từ đứng dậy và chiếm lĩnh vị trí trên chiếc thuyền, thì người thuyền trưởng lại thay đổi ý kiến. Đôi nam nữ kia chắc chắn sẽ chết trước khi thuyền của ông kịp đến cứu. Thậm chí nếu thuyền cứu có đến kịp thì nó cũng sẽ bị lật chìm ngay lúc rời

khỏi dòng chảy bơi vào vùng sóng lớn. Và những thủy thủ lành nghề nhất trong đội thuyền của ông chắc gì đã cứu sống được một người đã bị những ngọn sóng bạc đầu khủng khiếp và tàn nhẫn kia quật xuống đáy biển?

Người thuyền trưởng nhìn thấy: ở xa tít ngoài khơi, đằng sau hai chấm nhỏ xíu kia, ngọn sóng Canaca đầu tiên đang xô tới, ngọn sóng này khá lớn nhưng chưa phải loại lớn nhất. Rồi ông nhìn thấy đôi nam nữ kia bơi trườn bên cạnh nhau, úp mặt xuống nước, vươn dài người, chân đập như chân vịt, tay sải dài về phía trước, cố theo kịp với tốc độ của ngọn sóng đang đuổi theo họ, để khi chạm vào sóng, họ không bị tụt lại phía sau, mà để nó cuốn họ theo. Đến lúc ấy, nếu như họ có đủ bình tĩnh và khôn ngoan để giữ vững mình trên ngọn sóng chứ không để cho nó cuốn đi rồi quật xuống đáy, thì họ cũng sẽ bị nó đẩy vào bờ, bằng sức của nó, chứ không còn bằng sức của bản thân họ nữa.

Và họ đã làm được đúng như thế. "Giỏi đấy!". Viên thuyền trưởng thuyền số chín tự nhủ thầm như vậy. Nhưng ông vẫn không rời mắt khỏi chiếc ống nhòm. Vì tay bơi lội giỏi nhất cũng chỉ có thể bơi trên những ngọn sóng như vậy được vài trăm *phút*. Còn hai người này? Nếu như họ không đuổi sức thì cũng chỉ vượt được một phần ba quãng đường mà họ đã tự ý lựa chọn. Và đúng như người thuyền trưởng dự đoán, chị phụ nữ gặp khó khăn trước. Vì phần nổi



của cơ thể chị nhỏ hơn. Bơi được khoảng bảy chục phút, người thuyền trưởng thấy chị không giữ vững được nữa và chị biến mất. Cả một khối nước hàng mấy tấn trùn lên người chị. Rồi người đàn ông cũng biến mất. Nhưng lát sau cả hai lại hiện ra trên mặt nước, đằng sau ngọn sóng một quãng xa, ngọn sóng mà họ để tuột mất.

Đợt sóng tiếp theo, người thuyền trưởng nhìn thấy trước họ. "Nếu như họ định bắt lấy ngọn sóng này nữa thì thế là hết!" - Ông rít lên qua kẽ răng. Ông biết rằng bất cứ ai táo tợn dám làm như thế thì sẽ nguy. Ngọn sóng này chiều dài chừng một dặm, chưa có bọt, nhưng nguy hiểm hơn mọi ngọn sóng bạc đầu. Nó đang dâng lên ở khá xa sau lưng họ, cao mãi, cao mãi rồi đến khi thành một bức tường lưng lưng che lấp cả đường chân trời, mới bắt đầu xuất hiện một đường bọt trắng trên đỉnh, lúc đầu mảnh mai rồi sau mới to rộng.

Nhưng rõ ràng là đôi nam nữ kia rất thông thuộc biển cả. Đáng lẽ tránh ngọn sóng thì họ lại quay mặt về phía đó để đón đợi. Người thuyền trưởng thậm thán phục họ. Một mình ông chứng kiến cảnh tượng này, và nhìn thấy hết sức rõ ràng bằng chiếc ống nhòm. Bức tường bằng nước nâng cao dần, và ở phía tít trên đỉnh, chỗ nước mỏng hơn, ánh hoàng hôn xuyên qua lớp nước xanh biếc. Màu xanh lục sáng dần rồi trở thành màu xanh lam. Và màu xanh lam này loé lên dưới ánh mặt trời thành muôn vàn tia lấp

lánh màu hồng và màu kim tuyến. Cả một đám màu sắc dâng lên cao. cao nữa, đến tận đỉnh bạc đầu, lan toả mãi cho đến khi toàn thể ngọn sóng biến thành một khối loang loáng những ánh cầu vồng đủ mọi màu sắc.

Trên cái nền của ngọn sóng, hai cái đầu, một nam, một nữ, biến thành hai chấm đen. Đó cũng là hai cái chấm lọt thỏm giữa sức mạnh mù quáng của thiên nhiên và đang thách thức với mãnh lực vô biên của đại dương. Sức nặng của con sóng cao vút, khi đổ xuống có thể đè bẹp người đàn ông, bẻ gãy xương cốt của người đàn bà. Viên thuyền trưởng số chín bỗng nín thở lúc nào chính bản thân ông cũng không để ý thấy. Ông quên mất người đàn ông. Ông chỉ chăm chú vào người đàn bà. Chỉ cần chị ta luống cuống, hay hốt hoảng, hoặc làm một động tác kém chính xác một cái, là lập tức một sức mạnh khủng khiếp sẽ hất chị ra xa một trăm *phút*, đè bẹp rồi quật cái thân xác dúm dỏ kia xuống đáy san hô, để mặc cho dòng nước dưới sâu cuốn chị ta ra ngoài biển khơi làm mồi cho đàn cá mập háu đói, nhưng nhất gan, không dám tấn công những người đang còn sống.

Tại sao, viên thuyền trưởng tự hỏi, tại sao họ lại không lặn từ trước xuống sâu hơn một chút, mà lại đại dốt đón đợi cái giây phút an toàn cuối cùng biến thành giây phút đầu tiên của nỗi hiểm nguy chết người kia? Ông nhìn thấy chị phụ nữ vừa cười vừa quay mặt sang phía anh đàn ông và anh chàng này

cũng cười vang đáp lại. Ngọn sóng đã đang nâng họ lên trên cao, và phía trên nữa, đỉnh sóng màu trắng đục như sữa bật lên những đám bọt lấp lánh như vàng ngọc. Ngọn gió mát mẻ từ trong bờ thổi ra, hứng lấy những đám bọt trắng ấy, đưa chúng lên cao rồi tạt chúng về phía sau. Đến đúng lúc ấy, vẫn giữ khoảng cách giữa họ sáu *phút*, đôi nam nữ đột nhiên cùng lặn xuống dưới đáy con sóng một lượt. Và cũng chính lúc ấy ngọn sóng tan ra và hạ xuống. Đôi nam nữ biến mất hút như hai con côn trùng biến đi trong một giò phong lan khổng lồ. Còn ngọn sóng bạc đầu và đám bọt trắng xoá cùng những giọt nước bắn lên cao kia, tất cả đều ầm ầm đổ xuống, vào đúng chỗ mà đôi nam nữ vừa ngụp xuống.

Cuối cùng, đôi nam nữ kia lại hiện ra ở phía sau lưng ngọn sóng. Họ vẫn giữ khoảng cách sáu *phút* giữa họ. Họ sải dài hai tay, bơi về phía bờ, luôn luôn sẵn sàng hoặc đón ngọn sóng tiếp theo, hoặc chờ nó đến để ngụp xuống dưới chân nó. Viên thuyền trưởng thuyền số chín vẫy tay ra hiệu cho đội thủy thủ, ý nói họ có thể giải tán. Ông ngồi lên hàng lan can, cảm thấy một nỗi mệt mỏi khó tả, nhưng vẫn cầm ống nhòm theo dõi đôi nam nữ đang bơi.

- Họ là ai thế nhỉ? - Ông lẩm bẩm. - Có điều chắc chắn họ không phải là malakhini. Điều ấy thì mình dám khẳng định.

Sóng ở Vaikiki không phải thường xuyên lên đến độ cao. Thậm chí còn rất hiếm khi. Và mặc dù thời

gian sau đó hai vợ chồng Bacton vẫn tiếp tục làm cho các bà các cô đến đây nghỉ phải chú ý và khó chịu, nhưng các thuyền trưởng trong Câu lạc bộ Thuyền Buồm thì thôi không lo lắng gì cho họ nữa. Những người thuyền trưởng này đã nhìn thấy đôi vợ chồng này bơi ra xa bờ, tan biến giữa làn nước xanh biếc rồi sau đấy vài tiếng đồng hồ, họ sẽ nhìn thấy hoặc không nhìn thấy hai người kia quay trở về. Các viên thuyền trưởng không lo lắng gì, vì họ biết chắc rằng đôi vợ chồng kia sẽ trở về.

Bởi vì họ không phải là malakhini. Họ là dân bản địa. Nói cách khác, hay nói cho đúng hơn, có thể gọi họ theo tiếng Haoai: đấy là những Camaaina. Những người dân địa phương đều còn nhớ cậu bé Li Bacton, khi cậu đúng còn là một malakhini, mặc dù còn rất nhỏ tuổi. Từ bấy đến nay, do hay đến nơi này và do ở đây lâu, cậu đã vinh dự được mọi người coi là một camaaina.

Còn Ida Bacton thì những phụ nữ bản địa trạc tuổi chị, mỗi khi gặp chị đều ôm hôn thăm thiết theo kiểu Haoai (trong bụng thầm ngạc nhiên làm sao chị lại giỏi giữ thân thể trẻ lâu như vậy). Các bà già thường mời chị uống trà và trò chuyện nhắc lại quá khứ trong những góc sân, những ngôi nhà trong ngõ hẻm, nơi khách du lịch không ai nhìn thấy bao giờ. Ngay sau hôm chị về đây, chưa được một tuần lễ, bà hoàng già lụ khụ Liliucalani đã sai người tìm chị để mời đến chơi nhà và đã quở mắng đầy tớ về tội chưa

tiếp đãi chị cho thật chu đáo. Còn những cụ già móm mém, ngồi trên những chiếc chiếu mát rượi và thơm phức, thường kể chị nghe về ông nội của chị, thuyền trưởng Uynton. Bản thân họ chưa hề được gặp cụ nhưng lại thích gợi lại những kỷ niệm về cuộc đời phóng đãng, về những hành vi điên rồ của cụ, mà họ biết được do cha mẹ họ kể lại. Ông nội chị - thuyền trưởng Uynton - chính là Đêvít Uynton, cũng còn được gọi là "Người bách nghệ" - biệt danh do dân Haoai yêu mến đặt cho cụ thời bấy giờ. Cụ lúc đầu là người buôn bán ở vùng Tây Bắc hoang dã, về sau trở thành kẻ giang hồ, thuyền trưởng không có thuyền. Cũng chính cụ, năm 1820, đứng trên bờ biển Cailoa đã chào đón những nhà truyền giáo đầu tiên đến hòn đảo này trên chiếc thuyền buồm lớn "Tadêus", và sau đấy vài năm chính cụ đã quyến rũ được con gái của một trong những nhà truyền giáo kia, cưới cô làm vợ, trở nên người chín chắn rồi phục vụ một cách chăm chỉ và trung thành các vị vua Camêhamêha trong một thời gian dài với chức vụ Thượng thư Bộ tài chính và Giám đốc Nha thuế vụ, đồng thời đóng vai môi giới và hòa giải giữa một bên là những nhà truyền giáo, một bên là đám người phức tạp và luôn thay đổi, gồm những dân du thủ du thực, lái buôn và những tù trưởng Haoai.

Li Báctơn cũng không thể có gì phải phàn nàn về sự lạnh nhạt của mọi người ở đây đối với anh. Mỗi khi nhân một dịp nào đó, dân ở đây tổ chức những

cuộc vui chơi ngoài biển, nhảy múa hoặc những bữa ăn uống, nhậu nhẹt theo kiểu dân tộc gọi là "Luao", các bè bạn cũ đều không quên kéo anh vào dự vui với họ. Đã có thời họ là những kẻ táo tợn, sống ngày nay không cần biết đến ngày mai. Bây giờ họ phát hiện ra rằng, thiên nhiên đã phú cho họ chức năng tiêu hóa và nhiều chức năng khác của cơ thể, thế là họ trở lại lành hiền, bớt cần quấy, tăng chơi quần ngựa và thường xuyên đến dự những cuộc đấu bóng. Những bè bạn cùng chơi bài Pôke với Li Báctơn cũng đã trải qua một cuộc biến hóa tương tự. Bây giờ họ hạ thấp mức tiền đặt cọc xuống rất nhiều, uống toàn nước suối và nước cam, kết thúc canh bạc trước mười hai giờ đêm.

Giữa lúc sôi nổi nhất của các cuộc vui chơi, trên sân khấu bỗng xuất hiện Xani Grendixơn, người gốc rẽ và đồng thời cũng là người hùng của quần đảo Haoai. Mới bốn mươi một tuổi anh đã có thể từ chối lời đề nghị anh làm chức thống đốc xứ sở này. Trước đây một phần tư thế kỷ, anh đã từng quảng cô bé Iđa vào con sóng ở bờ biển Vaikiki. Còn trước đó thì trong khi nghỉ vụ hè ở trang trại chăn nuôi to lớn của cha anh trên đảo Lacanai, anh đã long trọng thu nạp cô bé Iđa cùng vài cậu bé nữa từ năm đến bảy tuổi vào "băng" của mình mang tên là "Băng thợ săn đầu" hay còn gọi là "Bão tố Lacanai". Còn trước đó nữa thì ông của anh và ông của Iđa đã cùng cộng tác với nhau trong những hoạt động chính trị và kinh doanh.

Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Haoađơ, anh đã vừa chu du rất nhiều nơi; vừa nghiên cứu khoa học. Và đến mỗi nơi anh lại kết thân với những bạn bè mới. Anh đã phục vụ ở Philippin, đã tham gia một loạt đoàn khảo sát khoa học ở quần đảo Mailaixia, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Năm bốn mươi một tuổi, anh vẫn còn đứng trong biên chế của Học viện Xmitxơn. Và bè bạn quả quyết với anh rằng, anh hiểu biết về loài sâu đục thân mía còn hơn những chuyên gia côn trùng học ở Trạm thực nghiệm do anh cùng những chủ đồn điền mía khác sáng lập nên. Ở quê hương, anh là nhân vật có tiếng tăm và cũng là người đại diện nổi tiếng nhất của dân Haoai ở nước ngoài. Những người Haoai đã du lịch ra nước ngoài đều đồng thanh công nhận rằng, bất cứ đến nơi nào trên trái đất, cứ hề biết họ là dân Haoai, lập tức người ta hỏi ngay: "VẬY ông (hay bà) có biết Xani Grendixơn không?".

Tóm lại, anh là con nhà giàu, lại là người đã đạt nhiều thành công lớn trong cuộc đời. Anh đã biến số tiền một triệu đô la thừa hưởng của cha thành mười triệu. Trong khi đó anh vẫn không giảm bớt những món tiền góp vào các hội từ thiện mà thuở sinh thời cụ vẫn thường góp, thậm chí còn tăng thêm.

Nhưng đấy chưa phải toàn bộ những gì có thể kể về con người này. Cách đây mười năm, vợ anh đã qua đời. Hai người không có con. Và không một người đàn ông nào trên khắp quần đảo Haoai lại

được nhiều phụ nữ mơ ước được kết duyên như anh. Dáng người cao thon, bụng nhỏ như bụng lực sĩ, anh bao giờ cũng ăn mặc chỉnh tề, lịch sự. Tóc đen, nét mặt cương nghị, chỗ thái dương có ít sợi bạc, da mặt trẻ trung, nhẵn bóng, mắt sáng và linh lợi, anh nổi bật lên ở bất cứ nơi đông người nào. Tưởng chừng như toàn bộ thời giờ của anh đều bị cuốn vào những cuộc vui chơi phù phiếm, những cuộc họp của các ủy ban, các ban quản trị và các hội nghị chính trị. Ngoài ra anh còn làm đội trưởng đội bóng pôlô đã nhiều lần đoạt giải. Và trên hòn đảo Lacana của mình, anh nuôi ngựa chuyên phục vụ cho môn thể thao pôlô. Và công việc kinh doanh này cũng thu lợi không kém gia đình Bônouyn trên đảo Maoi.

Khi trên sân khấu đã có mặt hai nhân vật mạnh mẽ và độc đáo - một đàn ông và một đàn bà - nay lại xuất hiện thêm nhân vật đàn ông thứ hai, cũng mạnh mẽ và độc đáo không kém, thì hầu như tất yếu sẽ phải tạo nên một bộ ba đầy bi kịch. Nếu dùng ngôn ngữ của những kẻ chuyên lê gót giày ở những nơi công cộng thì một bộ ba như thế có thể gọi là một bộ ba "siêu bi kịch" hoặc bộ ba "kinh thiên động địa". Người đầu tiên nhận ra được tình thế này tất nhiên phải là Xani Grendixơn, bởi vì toàn bộ câu chuyện bắt đầu từ ý định tảo hôn của anh. Hơn nữa, chắc gì trí thông minh của anh, cho dù nhạy bén đến mấy đi nữa, có thể vượt được trực giác của một phụ nữ như Ida Báctơn. Nhưng điều này thì rõ ràng: Li Báctơn là



người cuối cùng nhận ra. Và anh tìm cách biến mọi chuyện thành trò đùa cợt, trong khi chuyện ấy chẳng phải trò đùa chút nào.

Nhưng chẳng bao lâu anh nhận ra rằng, mình biết quá muộn, nghĩa là khi quá nửa số người mà anh đến thăm đã biết hết cả rồi! Rồi ôn lại thời gian qua, anh nhận thấy rằng, đã từ lâu, bất cứ nơi nào vợ chồng anh được mời đến thì nơi ấy Xani Grendixơn cũng được mời đến. Vợ chồng anh đi đến đâu cũng có mặt Xani ở đó và là người thứ ba! Đám người vui vẻ kia đi bất cứ đâu, đến Cahuca, Halâyva, Ahuimana, hoặc thăm những khu vườn san hô ở Canêôhê, hoặc tắm ở mũi Côcô, cũng dẫn đến tình trạng Iđa ngồi trong ô tô của Xani hoặc cả hai cùng ngồi trong xe của một người nào khác. Hai người ấy, Iđa và Xani, gặp nhau trong các cuộc vũ hội, các bữa tiệc, các cuộc tham quan, trong các "luao", tóm lại, ở khắp mọi nơi.

Nhận xét được ra rồi, Li Báctơn không thể không nhận thấy thêm nữa rằng, khi có mặt Xani Grendixơn, vợ anh tươi tỉnh hẳn lên. Chị vui lòng ngồi cùng xe ô tô với Xani, nhảy với anh ta hoặc sẵn lòng bỏ một điệu nhảy để trò chuyện với anh ta. Nhưng lộ liễu nhất là nét mặt của bản thân Xani. Bất chấp tuổi tác, bất chấp tính điềm đạm và kinh nghiệm cuộc sống, nét mặt anh ta luôn luôn bộc lộ tình cảm một cách lộ liễu không kém gì một cậu con trai hai mươi tuổi. Tuổi đã trên bốn mươi, có nghị lực, từng trải, nhưng Xani Grendixơn vẫn chưa tập được cách che giấu xúc

cảm nắng sau một chiếc mặt nạ lạnh lùng. Vì vậy Li Bắctơn vốn cùng tuổi, chẳng phải tốn công sức gì cũng nhìn thấy được rõ ràng ruột gan của Xani, như qua một tấm kính trong suốt. Và không phải chỉ một lần, trong khi Ida chuyện phiếm với những người phụ nữ khác, và khi câu chuyện đụng đến Xani, Li Bắctơn đã nghe thấy vợ mình ca ngợi anh ta, hết lời ca tụng cách Xani chơi pôlô, ca tụng các hoạt động xã hội và mọi ưu điểm khác của anh ta.

Thế là tâm trạng của Xani không còn có gì khó hiểu đối với Li Bắctơn nữa. Và không phải chỉ với anh, mà đối với bất cứ ai. Nhưng còn Ida, người vợ mà anh đã cùng chung sống tròn hạnh phúc hoàn toàn suốt mười hai năm trời, không một chút gợn, chi thì thế nào?

Anh thừa biết rằng phụ nữ là loại người khó hiểu. Họ rất biết cách giữ kín tình cảm thật. Thái độ thân mật một cách công khai với Xani Grendixơn phải chăng chỉ là do tình bạn thuở nhỏ? Hay thái độ ấy chính lại là tấm bình phong để che giấu một mối tình say đắm? Để che giấu một tình cảm đáp lại, biết đâu còn mãnh liệt hơn cả tình cảm lộ lộ trên mặt Xani.

Li Bắctơn rất buồn. Mười hai năm sống chung thủy và hợp pháp với vợ, anh thấy rõ rằng Ida là người phụ nữ duy nhất mà anh cần đến, rằng trên trái đất này không có một người phụ nữ nào có thể thay thế được vị trí của Ida trong tim và óc anh. Anh không thể tưởng tượng được ra một người phụ nữ

nào lại có thể làm anh sao lãng được Ida, chứ chưa nói đến chuyện có thể vượt được chị trong việc làm vừa lòng anh mọi lúc và mọi nơi.

Anh hoảng hốt thầm tự hỏi mình, phải chăng giống như những người khác của dòng họ Bê-nê-dic, khi đang yêu, đây là "chuyện lãng mạn đầu tiên" của vợ anh chăng? Điều băn khoăn ấy dẫn dắt anh không nguôi. Và điều làm cho những bè bạn cùng chơi bài pô-ke với anh, những con người có tuổi và chín chắn, phải ngạc nhiên, cũng như làm cho những bà những cô theo dõi anh trong các bữa tiệc lấy làm mừng rỡ, là Bá-ctơn bắt đầu dùng cô nhắc thay cho nước cam, lớn tiếng tán thành việc tăng số tiền đặt cửa, chiều chiều phóng xe ô-tô như điên trên con đường ra mũi Kim Cương và ra bờ vực Pali, và trong bữa ăn, anh dùng nhiều rượu cốt-tên và Uyt-xki Scốt-len hơn mức dùng cho một người bình thường.

Xưa nay Ida vẫn thường bỏ qua, không hề trách cứ gì thói say mê cờ bạc của chồng. Qua bao năm chung sống với vợ, anh đã quen với thái độ dễ dãi ấy. Nhưng đến nay, khi mối hiềm nghi đã xuất hiện, anh có cảm giác như vợ anh chỉ mong cho anh đánh bạc thật nhiều. Hơn thế nữa, anh còn nhận xét thấy rằng, đã lâu Xani Grendixơn thôi không đến những nơi chơi bài pô-ke và britgiơ nữa. Người ta bảo anh ta rất bận. Nhưng trong khi Li Bá-ctơn chơi bài thì Xani dùng thời gian ấy làm gì? Không thể lúc nào anh ta cũng họp với các hội đồng, các ban quản trị như thế

được. Li Báctơn bèn thử đi điều tra. Chẳng vất vả gì anh cũng kết luận được rằng, trong những thời gian ấy, Xani đã tiêu khiển với Iđa. Khi thì nhảy ở vũ hội, khi thì dự tiệc, khi thì tắm biển dưới ánh trăng, và cái hôm mà Xani, viện cớ có việc không thể trì hoãn được để không chơi bài britgiơ với Li Báctơn, Lenho Giôn-xơ và Giếch Hônxtây-nơ trong Câu lạc bộ Thái Bình Dương thì ra anh ta bận phải chơi bài, cũng là bài britgiơ, nhưng ở nhà bà Đơra Nailơ-dơ cùng với ba người phụ nữ, trong số đó có Iđa.

Một lần, sau khi đi kiểm tra việc xây dựng một ụ để tàu trên cạn, Li Báctơn từ Piơclơ Habo trở về. Anh gài số ba cốt phóng xe thật nhanh để về đến nhà còn kịp thay quần áo trước khi ngồi vào bàn ăn bữa trưa. Hôm ấy xe anh đã vượt xe của Xani, và anh nhìn thấy trong xe của Xani chỉ có một người nữa là Iđa. Cách đây một tuần lễ, mà trong tuần ấy anh không hề ngồi vào chiếc bạc lần nào, sau khi dự bữa ăn độc thân ở Câu lạc bộ Đại học, mười một giờ khuya anh mới về đến nhà, thì liền sau đấy, vợ anh cũng về, Iđa vừa ăn bữa tối và nhảy ở nhà ông bà Anxtơn xong. Người chở xe đưa chị về chính cũng lại là Xani Grendixơn. Họ nói rằng Xani đã phải đưa cả vợ chồng thiếu tá Phrenclin về Phoóc Sáptơ ở tận đầu kia thành phố, cách trung tâm Vaikiki rất xa.

Li Báctơn cũng chỉ là một con người và anh rất đau khổ trong lòng, mặc dù trước mặt mọi người anh vẫn tỏ ra vô cùng thân ái với Xani. Ngay đến Iđa

cũng không biết chồng mình đang đau khổ, và chị vẫn hồn nhiên, vui vẻ không nghi ngờ gì cả, có chăng chị chỉ hơi ngạc nhiên đôi chút thấy gần đây chồng uống quá nhiều rượu trước các bữa ăn mà thôi.

Tương mọi sự vẫn y như trước, anh vẫn thổ lộ hết mọi điều với vợ. Nhưng thực ra anh giấu chị điều đau khổ và không cho chị biết chút nào về cuốn "sổ kế toán" mà anh tiến hành ghi trong óc, đêm cũng như ngày, cố mau chóng đạt đến một kết luận rõ ràng. Trong "cuốn sổ" ấy, một cột ghi tất cả những biểu hiện thực sự chân thành tình yêu của chị đối với anh: những sự chăm sóc, những lời an ủi, những lần hỏi ý kiến, và những việc chị đã làm để chiều ý chồng. Một cột khác ghi nhiều hơn, đó là những câu nói và thái độ của chị mà anh cho là khả nghi. Những câu nói và thái độ ấy có thực lòng không? Hay có chứa đựng một chút giả dối, mặc dù giả dối không có dụng ý? Cột thứ ba, dài nhất và cũng quan trọng nhất theo quan điểm tâm hồn con người, ghi những điều có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp đến vợ anh và Xani Grendixơn. Li Báctơn làm cuộc ghi chéo đều đặn vào "cuốn sổ" này không định nhằm một mưu đồ gì hết. Chỉ đơn giản là anh không thể không ghi. Nếu như có thể thôi được cái công việc này, thì anh sẽ vui vẻ mà chấm dứt nó ngay. Khốn nỗi anh đã nhiễm thói quen mọi thứ đều phải rành rọt. Và mọi điều anh nhận xét thấy đều cứ như tự chúng xếp vào từng cột một, ngoài ý muốn của anh.

Bây giờ mọi thứ anh đều nhìn một cách méo mó. Mỗi con ruồi anh đều nhìn thành con voi, mặc dù anh biết rõ đây chỉ là con ruồi. Cuối cùng anh đã tìm đến Mack Luaynor, người mà có lần anh đã giúp cho một việc khá lớn. Mack Luaynor là Giám đốc Sở Cảnh sát điều tra. Li Bacton hỏi ông ta: "Xani Grendixon có phải người đào hoa không?" - Người giám đốc cảnh sát không trả lời gì hết. Li Bacton kết luận "Nghĩa là có chứ gì". Nhưng ông ta cũng vẫn im lặng.

Sau đấy ít ngày, Li Bacton nhận được một tờ giấy mật có chữ ký của Mack Luaynor, và đọc xong anh vội hủy ngay như hủy một vật nhơ bẩn nguy hiểm. Kết luận tổng quát là: Kể từ khi vợ qua đời đến nay, Xani Grendixon đã sống không buông tuồng nhưng cũng không phải hoàn toàn đứng đắn. Cuộc hôn nhân giữa anh và vợ đã một thời từng là đề tài của miệng của giới thượng lưu ở Hônôlulu, vì họ yêu nhau say đắm, không phải chỉ trước khi cưới mà cả khi đã chung sống với nhau rồi, cho đến tận khi chị vợ anh chết một cách bí hiểm cách đây đã mười năm, cả người lẫn ngựa đều rụng khỏi con đường mòn Nanieu và rơi xuống vực thẳm. Và theo như lời Mack Luaynor, trong một thời gian dài sau đó, Xani không hề chú ý đến người phụ nữ nào. Còn về sau thì nếu anh ta có quan hệ với người phụ nữ nào thì cũng hoàn toàn đứng đắn, không gây nên điều tiếng gì. Vì vậy mọi người cho đến nay vẫn tin rằng Xani Grendixon là người chồng chung thủy và sẽ không bao giờ lấy ai nữa.

Riêng vài cuộc tình thoáng qua mà Mắc Luâyơ kê ra trong mảnh giấy thì theo như ông ta nhận định, chính bản thân Xani cũng định ninh rằng chỉ những người trong cuộc biết mà thôi.

Li Bắctơn đọc lướt qua rất nhanh, tuồng như then với chính bản thân mình, cái bản kê ngắn ngủi những tên phụ nữ và những ngày tháng. Và chính bản thân anh cũng phải ngạc nhiên trước khi đưa tờ giấy vào ngọn lửa. Đúng! Cái gì thì chưa biết, chứ thật trọng thì Xani có thừa. Nhìn mảnh giấy đã cháy thành than. Li bỗng chợt nghĩ rằng, không biết trong số những chuyện tình thuở trẻ của mình, những chuyện nào đã vào hồ sơ mật của ông già Mắc Luâyơ kia. Và đột nhiên anh cảm thấy mặt nóng bừng. Sao anh ngốc thế! Nếu như Mắc Luâyơ đã biết rõ đời tư của bất kỳ người nào trong tầng lớp của họ đến như vậy thì cũng có nghĩa rằng bản thân anh, người chồng, người che chở cho Ida đã cung cấp cho ông ta một cái cớ để nghi ngờ vợ mình rồi còn gì.

- Không có chuyện gì lạ chứ? - Anh hỏi vợ vào đúng cái buổi tối hôm ấy, khi chị vừa mặc quần áo xong, còn anh thì đứng cạnh, cầm sẵn chiếc áo măng tô

Câu hỏi hoàn toàn phù hợp với điều đã quy ước giữa hai vợ chồng, là không giấu giếm nhau điều gì hết. Và trong khi chờ đợi Ida trả lời, Li Bắctơn ân hận là đã không hỏi vợ câu ấy từ trước.

- Không - chị mỉm cười. - Không có chuyện gì lạ hết... Cũng có thể là để rồi lúc nào...

Chị soi gương, thoa phấn vào mũi, rồi lại lấy cái búp phẩy bột phấn đi. Sau đó chị nói tiếp:

- Anh thừa biết tính em như thế nào rồi. Em cần phải có thời gian để nhìn ra cho rõ. Và sau khi đã rõ rồi thì thế nào em cũng sẽ nói hết với anh. Chỉ có điều là nhiều khi chưa có điều gì đáng nói, cho nên cũng chưa muốn để anh phải nghĩ ngợi làm gì.

Chị gơ hai cánh tay ra phía sau, để anh khoác áo măng-tô vào cho. Đôi cánh tay dửng dưng cảm và thông minh, khi vật lộn với sóng biển thì cứng như thép, đồng thời lại vẫn là cánh tay phụ nữ: tròn trĩnh, ấm áp, trắng ngần. Lớp da mịn màng phủ lên những bắp thịt tuyệt vời và ngoan ngoãn, sẵn sàng tuân theo sự điều khiển của chủ nhân.

Li Báctơn ngắm vợ với lòng khâm phục. Anh vừa thoáng buồn lại vừa đau xót. Lúc này sao vợ anh mảnh mai, yếu đuối đến thế. Nhìn chị người ta có thể tưởng như bất cứ một người đàn ông khỏe mạnh nào cũng có thể chỉ dùng một tay cũng nhấc bổng chị được.

- Nhanh lên, còn đi chứ, anh? - Chị kêu lên vì thấy chồng còn chần chừ, chưa khoác chiếc áo măng-tô ra ngoài chiếc áo dài tuyệt đẹp và mỏng dính của chị. - Trễ mất đấy. Nếu ở Nanu trời mưa thì lại phải lên lầu và vợ chồng mình sẽ không kịp tham gia điệu nhảy thứ hai đâu.

Anh quyết định sẽ phải xem cho kỹ điệu vũ thứ hai vợ mình sẽ nhảy với ai. Và anh đi theo chị ra



cửa, ngắm dáng đi của vợ, cái dáng đi mà anh vẫn thường thầm nhận xét rằng bao giờ cũng bộc lộ toàn bộ bản chất, cả tinh thần lẫn thể xác của chị.

- Em không giận khi thấy anh chơi bài pôke nhiều quá và bỏ mặc em đi một mình đấy chứ? - Lại một câu thăm dò nữa.

- Đây là quyền của anh. Với lại anh thừa biết rằng em tán thành để anh mê đánh bạc. Vì sự say mê ấy làm cho anh thoải mái hơn. Không những thế, mỗi khi anh đánh bài, anh trở nên rất đáng yêu. Mà hình như có lần nào anh chơi bài khuya quá, đến sau một giờ sáng thì phải.

Đến Nuuanu trời chưa mưa. Gió nhẹ và trời đầy sao. Họ đến kịp điệu nhảy thứ hai vì Li Báctơn nhìn thấy vợ mình bước vào sàn nhảy cùng với Xani Grendixơn. Chuyện này chẳng có gì đặc biệt, nhưng anh vẫn thầm ghi nó vào cuốn sổ kế toán nằm trong óc

Một tiếng đồng hồ sau, bỗng nhiên anh thấy bồn chồn. Anh rời khỏi chiếu bạc Britgiơ, lách qua mấy người phụ nữ trẻ, bước ra ngoài vườn, đi lững thững. Bên kia ao có một rặng hoa quỳnh. Hoa quỳnh chỉ sống được có một đêm: khuya mới nở, và gần sáng đã tàn. Những bông hoa to, đường kính đến một *phút*, màu vàng nhạt, tựa như được làm bằng sáp ong, lấp lánh như những ngọn hải đăng trong đêm tối, tỏa hương thơm ngào ngạt và chúng đang cố tận hưởng mau kéo dài sắp phải tàn.

Nhưng trên con đường nhỏ dọc theo rặng hoa

quỳnh, người đi dạo rất đông. Họ đi thành từng đôi, vào quãng thời gian giữa hai điệu nhảy, hoặc có khi họ bỏ một vài điệu nhảy để chuyện trò với nhau. Họ nói rất khẽ, mắt như đắm đuối ngắm nghía điệu huyền diệu kia: cuộc sống tình ái của một loài hoa. Bản hợp xướng nam hát bài "Hanalâ", du dương văng từ trên sân nhà vọng xuống vườn. Li Bắctơn hơi nhớ lại một truyện ngắn hình như của Ghidơ Mốpaxăng nói về một thầy tu. Ông ta tin một cách thành kính, rằng mọi vật trên thế gian này đều do Chúa Trời tạo nên nhằm những mục đích mà chỉ có Ngài mới biết được. Nhưng đến khi phải dùng cái cách nhìn ấy để giải thích sự tồn tại của hiện tượng ban đêm, thì ông thầy tu kia cuối cùng đã hiểu được ra rằng, Chúa Trời sáng tạo ra ban đêm là để nhằm phục vụ cho tình yêu.

Thấy cả hoa lẫn người đều say đắm ban đêm, Li Bắctơn thấy đau xót. Anh quay bước, định trở vào nhà theo con đường ngoằn ngoèo dưới bóng những cây xiêm gai và dừa. Đến chỗ con đường ló ra khỏi bóng cây anh nhìn thấy cách mình vài bước chân, trên một con đường nhỏ khác, một đôi trai gái đang hôn nhau trong bóng tối. Anh phát hiện ra họ, vì nghe thấy giọng thì thào tha thiết của người đàn ông. Nhưng cũng đúng lúc ấy, đôi trai gái nhìn thấy anh. Anh con trai ngừng bật, không nói nữa. Và cả hai cố giữ bất động hoàn toàn.

Anh bước chân tiếp, trong lòng xót xa với ý nghĩ

rằng, bóng tối dưới các lùm cây chính là giai đoạn sẽ phải xảy tới với những người hiện còn đứng ngoài chỗ trống, đang ca ngợi những đoá hoa quỳnh kia. Ôi, anh nhớ rất rõ cái thời mà chỉ cốt để được hưởng một phút yêu đương, anh sẵn sàng đối trá, sẵn sàng mưu mẹo, và chỉ mong được đứng dưới bóng lùm cây càng tối càng tốt. Người ta giống như những bông hoa. Trước khi quay trở về với cuộc sống quen thuộc nhưng giờ đây anh cảm thấy không chịu nổi nữa, anh dùng chân lại một lát ngoài vườn, lơ đãng ngắm nhìn khóm phù dung hoa kếp đang rực đỏ dưới luồng ánh sáng từ trên hiên nhà hắt xuống. Và bỗng nhiên tất cả những gì làm anh đau khổ, những gì anh vừa nhìn thấy và nghe thấy: những bông hoa quỳnh chỉ nở trong có một đêm, những lời thề thốt của những kẻ đang yêu và đôi trai gái hôn nhau vụng trộm như kẻ cắp, tất cả những thứ ấy hòa lẫn vào nhau tạo thành một câu chuyện ngụ ngôn về cuộc đời, được thể hiện trong những đoá phù dung mà anh đang ngắm nghía. Anh cảm thấy cuộc đời và khát vọng của con người cũng giống như những đoá hoa kia: khi nở ra lúc bình minh, chúng trắng như tuyết, gặp ánh nắng mặt trời, chúng chuyển màu hồng, đến tối, chúng đỏ rực và sau đó thì bắt đầu tàn, không sống nổi cho đến bình minh hôm sau!

Không biết còn những ý nghĩ so sánh nào nảy ra trong óc anh nữa, bởi vì từ phía sau lưng anh, nơi có những rặng xiêm gai và dừa nước, chợt vọng đến

một giọng cười quen thuộc, tiếng cười tươi vui và hồn nhiên của Ida. Sợ phải nhìn thấy vợ mình, anh không dám ngoái đầu lại, bước vội lên hiên nhà. Do luống cuống, chân anh ríu lại làm anh suýt ngã. Và mặc dầu anh thừa biết nếu quay lại anh sẽ nhìn thấy gì, nhưng anh cũng vẫn quay đầu lại, và nhìn thấy vợ anh và Xani vừa mới hôn vụng nhau trong bóng tối. Mắt anh hoa lên. Và anh phải vịn vào lan can mới đứng được vững, đôi mắt lơ đãng hướng về phía tốp nam trong dàn hợp xướng đang hát đoạn điệp khúc ngọt ngào "Hani Caua Nikiviki" trong cái đêm cũng ngọt ngào này.

Một lát sau, anh liếm môi, gắng lấy lại bình tĩnh và nói được một câu pha trò với nữ chủ nhân, bà Insokip. Nhưng không thể để chậm trễ được - hai kẻ tội lỗi kia đã đang bước lên những bậc lên hiên nhà rồi.

- Tôi khát cháy cả cổ, cứ như vừa vượt qua sa mạc Gôbi ấy, - anh nói - Phải uống ngay một cốc rượu, kéo chết khát bây giờ.

Bà Insokip mỉm cười đưa tay trở về phía góc sân dành cho những người hút thuốc lá. Anh đến nơi thì cũng đúng lúc mọi người tản ra. Anh sôi nổi trò chuyện với mấy ông già về tình trạng sản xuất đường hiện nay.

Có mấy chiếc xe cùng đi về thành phố Vaikiki. Li Bacton phải nhận chở ông bà Bécxton và đôi vợ chồng Lexli. Anh cũng vừa nhìn thấy Ida ngồi vào xe của Xani, ngay bên cạnh anh ta. Chị về đến nhà

trước. Khi anh bước vào đã thấy chị đang chải tóc chuẩn bị đi ngủ. Hai vợ chồng tạm biệt nhau để đi nghỉ, như thường lệ. Anh cố làm ra vẻ tự nhiên, nhưng chợt nhớ rằng mỗi một kẻ khác đã chạm vào môi vợ mình, anh phải gắng hết sức mới không lộ vẻ gì khác thường. Gắng đến nỗi, anh tưởng chừng mình suýt ngất đi.

"Chẳng lẽ bản tính của phụ nữ đúng là vô đạo đức thật, như những triết gia yếm thế, bi quan chủ nghĩa Đức đã quá quyết?" - anh tự hỏi, không làm sao ngủ được, cũng không thể đọc nổi một cuốn sách nào. Trần trọc khoảng một tiếng đồng hồ, anh đành dậy, tìm trong tủ thuốc một liều thuốc ngủ tác động mạnh. Sau đấy một tiếng vẫn không ngủ được, sợ không dám một mình suy nghĩ vẩn vơ, anh lại uống thêm một liều thuốc ngủ nữa. Anh còn uống thêm hai lần nữa, mỗi lần cách nhau một tiếng đồng hồ. Nhưng thuốc tác động quá chậm, nên đến khi anh ngủ thiếp đi được thì bên ngoài trời đã bắt đầu rạng sáng. Đến bảy giờ anh lại thức giấc. Miệng đắng ngắt, mắt vẫn cay xè nhưng anh không làm sao ngủ lại được nữa. Đến khi thấy rõ rằng có cố cũng vô ích, anh gọi người phục vụ đem điểm tâm vào, anh ăn ngay trên giường và đọc báo chí buổi sáng. Nhưng thuốc ngủ tiếp tục tác động và thỉnh thoảng anh lại ngủ thiếp đi vài giây, ngay trong lúc vẫn đang đọc báo. Anh cứ trong tình trạng nửa thức nửa ngủ như thế cả trong lúc tắm và mặc quần áo. Và anh sung

sống thấy rằng, mặc dù thuốc không làm anh ngủ được ban đêm, nhưng cũng tạo được cho anh một cảm giác lơ mơ dễ chịu vào buổi sáng.

Mãi đến khi Ida trở dậy và bước vào phòng anh, trong chiếc áo choàng duyên dáng, miệng nở một nụ cười hóm hỉnh và vẫn như mọi khi, tươi vui và thanh thản, anh mới cảm thấy chất thuốc phiện ngấm vào người. Bằng thái độ đơn giản và rõ ràng, chị nói để anh hiểu rằng, tuy hai vợ chồng đã thỏa thuận với nhau từ lâu là phải nói thật và nói hết ra với nhau nhưng hôm nay chị cũng chưa có điều gì để nói với anh. Do thuốc ngủ tác động, Li Bacton bắt đầu nói dối. Khi Ida hỏi anh có ngủ ngon giấc không, anh đã trả lời:

- Rất không ngon. Đêm qua anh phải thức dậy hai lần vì bị chuột rút ở chân. Thậm chí lúc khởi chuột rút, mãi vẫn không ngủ lại được. May về sau chuột không rút lần nào nữa. Nhưng chân vẫn nhức khiếp lên được.

- Năm ngoái anh cũng bị một lần đúng y như thế, - chị nhắc.

- Bệnh theo mùa ấy mà, - anh mỉm cười. - Không nguy hiểm đâu, nhưng rất bức mình, khi thức dậy cả một cái chân tê buốt. Chắc từ giờ đến tối sẽ không xảy ra chuyện gì nữa đâu. Nhưng anh có cảm giác người đau như dớn.

Nhưng ngay hôm ấy, tất nhiên là sau đó một lúc,

hai vợ chồng Li Báctơn và Ida đã lao đầu xuống nước chỗ khu vực nước nông cạnh Cầu lạc bộ Thuyền Buồm, rồi nhanh chóng vòng qua đập chắn, bơi ra xa, đến tận những ngọn sóng Canaca. Biển lặng đến nỗi khi quay vào phía hướng bờ, sau hai tiếng đồng hồ bơi lội, rồi từ tốn lướt qua những đợt sóng, họ chỉ còn hai người trên mặt nước. Sóng yếu quá chẳng khiến ai thích thú bơi thuyền hay mải, và mọi người đã lên bờ từ lâu.

Đột nhiên, Li Báctơn xoay người, chuyển sang bơi ngửa.

- Anh làm sao thế? - Ida gọi chồng. Chị vẫn đang bơi cách anh khoảng hai chục *phút*.

- Chân lại bị chuột rút! - Anh khẽ trả lời, toàn thân ro rúm lại một cách khủng khiếp.

Chất thuốc phiện tiếp tục hiệu nghiệm khiến anh trong trạng thái nửa thức nửa ngủ. Nhìn vợ sai tay đều đặn, nhịp nhàng tiến về phía mình, anh thần phục sự bình tĩnh của chị. Nhưng lập tức anh thoáng có ý nghĩ nghi ngờ, chị bình thần phải chăng vì không yêu anh, hoặc nói khác đi, không yêu anh bằng yêu Xani Grendixơn.

- Anh bị chân nào? - Chị hỏi, chuyển sang bơi đứng

- Chân trái... Ôi! Bây giờ thì sang cả chân phải nữa.

Anh làm như thể đầu gối bị quặp lại. Anh cố ngẩng đầu để vươn lên khỏi mặt nước: rồi liền sau đó chìm ngấm xuống dưới một làn sóng không lớn gì.

Vài giây sau anh lại nhô đầu lên, khạc nước trong miệng ra và lại bơi ngửa. Anh như cố mỉm cười, nhưng nụ cười biến thành một sự nhăn nhó. Chân anh bị chuột rút thật, ít ra thì cũng là một chân và anh cảm thấy đau đớn thực sự.

- Bây giờ thì chân bên phải đau hơn, - anh nói, khi nhìn thấy vợ định xoa nắn cho mình. - Nhưng em đừng lại gần. Thứ này đối với anh là thường. Nếu khó chịu hơn, anh sẽ bám vào em.

Đầu lấy tay nắn những bắp thịt bị chuột rút ở chân chồng và bắt đầu xoa nắn cho anh.

- Em lui ra! Anh tha thiết đề nghị em lui ra xa. - Anh rít lên qua kẽ răng. - Để anh nằm yên. Anh co duỗi các khớp xương một lúc là khỏi thôi. Anh biết cách chữa chuột rút mà.

Chị buông chồng ra nhưng vẫn bơi đứng bên cạnh, mắt chăm chú nhìn mặt anh, cố đoán xem cách chữa của chồng có kết quả gì không. Còn anh thì cố tình gập đầu gối lại và căng bắp thịt để tăng thêm tình trạng co thắt. Năm ngoái đã một lần anh bị chuột rút như thế này. Anh đã tập được cách chữa. Anh nằm trên giường, tay cầm sách, buông lỏng các bắp thịt. Và trong khi chữa, anh vẫn không ngừng đọc. Còn bây giờ anh làm ngược lại, thậm chí thú cảm thấy sự co rút tăng thêm và chuyển sang cả bụng chân bên phải. Anh hét lên, làm bộ như hoảng hốt, cố nhào người lên khỏi mặt nước, rồi lại chìm nghiêng xuống bên dưới một con sóng vừa xô tới.



Anh lại nhô lên, sắc súa rồi bơi ngửa, duỗi hai tay ra. Lập tức những ngón tay mảnh dẻ nhưng cứng như sắt của Iđa nắm chặt lấy bụng chân của chồng.

- Không sao đâu - chị nói, tay vẫn tiếp tục xoa nắn. - Kiểu chuột rút như thế này, không bao giờ kéo dài lâu đâu.

- Chưa bao giờ anh bị chuột rút mạnh như thế này. Anh rên rĩ.

- Chỉ mong nó không lan rộng lên những bắp thịt khác! Anh không thể cử động gì được nữa.

Đột nhiên anh bám cả hai tay vào vai Iđa, như một kẻ chết đuối bám lấy chiếc mái chèo để tìm cách leo lên thuyền. Bị sức nặng của chồng kéo xuống, chị chìm ngấm. Trong lúc anh ghì không cho chị ngoi lên, chiếc mũ cao su trên đầu chị tuột ra, mấy chiếc cặp tóc rơi xuống. Và đến lúc chị gắng hết sức mới ngoi lên được trên mặt nước, miệng thở dốc ra, thì những sợi tóc loà xoà bết vào, che kín cả mắt, mũi. Anh đoán chắc rằng, do bị bất ngờ, chị đã uống khá nhiều nước mặn.

- Đã bảo em tránh ra kia mà, - anh nhắc chị và lại thõng hai tay xuống, làm ra vẻ tuyệt vọng.

Nhưng những ngón tay của Iđa đã lần được tới bụng chân bị co rút của chồng. Và anh không rõ chị đang trong trạng thái ngập ngừng hay hoảng hốt.

- Chuột rút lan cả lên phía trên nữa rồi, - anh thốt lên như thể không ghì lại được.

Anh lên gân toàn bộ các bắp thịt bên chân phải,

và tình trạng co rút thực sự tăng lên ở bụng chân, cả bắp thịt ở đùi cũng ngoan ngoãn tuân theo và co cứng lại như thể chúng cũng bị chuột rút.

Chất nha phiến trong thuốc ngủ vẫn chưa tan hết, khiến Li Báctơn có thể cùng một lúc vừa tiến hành trò chơi độc ác, vừa thích thú nhận thấy ý chí mạnh mẽ hiện lên trên bộ mặt bơ phờ của vợ, và nỗi sợ hãi mà chị cố nén lại nhưng vẫn lộ ra trong cặp mắt. Và đằng sau tất cả những cái ấy, anh nhận thấy ở chị một tâm hồn vững chắc, không gì lay chuyển nổi và một lòng quyết đoán đầy cương nghị.

Rõ ràng chị không chịu khuất phục với các chiêu bài rẻ tiền "em sẽ cùng chết với anh". Và Li Báctơn cảm phục vợ vô cùng khi anh nghe thấy chị nói:

- Không sao! Anh cứ thả mình chìm thêm nữa cho khỏi mệt. Chỉ cần giữ miệng ở bên trên mặt nước, đủ để thở là được. Em sẽ đỡ cái đầu cho anh. Chuột rút không thể kéo dài vô cùng tận được đâu. Nếu ở trên cạn, không ai chết vì bị chuột rút bao giờ. Nghĩa là dưới nước, nếu bơi giỏi cũng không thể chết được. Các bắp thịt co rút đến một độ nào đấy sẽ phải ngừng. Cả hai vợ chồng mình đều bơi rất giỏi và lại cùng bình tĩnh.

Anh nhắm mắt làm như thể bị đau đớn cao độ, rồi nín vợ, kéo chị chìm xuống dưới nước. Nhưng đến khi ngoi được lên, chị vẫn ở bên cạnh chồng như cũ, vẫn bơi đứng, tay vẫn đỡ lấy đầu anh và miệng vẫn quả quyết:

- Anh cứ bình tĩnh! Tiếp tục buông thả các cơ bắp. Đầu đã có em đỡ cho rồi. Chịu khó một lúc nữa thôi. Sắp hết ngay bây giờ. Anh đừng cố quấy cựa. Đừng căng thẳng thần kinh thì thân thể sẽ không bị co cứng. Anh quên là chính anh đã từng dạy em cách buông thả mình trên mặt nước rồi à!

Một con sóng nữa, cao vọt vọt so với làn sóng yếu lúc nãy, đang sắp ập tới. Li Báctơn túm lấy vai vợ và kéo chị chìm xuống dưới nước vào đúng lúc bọt trắng trên đỉnh con sóng cuộn lên rồi đổ xuống.

- Xin lỗi em. - Anh thều thào bằng một giọng đau đớn sau khi hít vội một hơi. - Buông anh ra - anh nói hỗn hển, dần từng tiếng, giọng đau đớn. Tội gì để chết cả hai đứa. Anh không còn hy vọng gì nữa rồi. Chuột rút cả tay nữa thì anh sẽ không buông em ra được đâu. Van em, hãy để mặc anh. Hãy để một mình anh chết. Cuộc đời em còn đáng sống lắm.

Chị nhìn anh với cặp mắt đầy oán trách, và không còn chút nào về sợ hãi nữa. Tuy không dùng lời, chị cũng vẫn diễn tả được đầy đủ ý nghĩ hiện lên trong khoé mắt: "Em sống làm gì nếu không phải để vì anh?".

Nghĩa là chị quý chồng hơn Xani! Li Báctơn cảm thấy sung sướng nhưng bỗng anh chợt nhớ lại rằng, Xani đã ôm hôn chị dưới bóng cây Xiêm gai, và anh thấy hành hạ vợ như thế vẫn còn chưa đủ. Có thể chất nha phiến trong thuốc ngủ đã đẩy anh sâu thêm

vào tội lỗi. Chất nhựa cây quái ác kia như thì thầm: "Mi đã khởi đầu cuộc thử thách này thì phải đẩy nó đến độ cao nhất!"

Anh co chân, ngụp xuống rồi ngoi lên mặt nước, làm ra vẻ như cố duỗi chân nhưng không nổi. Chị vẫn một mực bám sát bên chồng.

- Không. Anh không thể! - anh hét lên, giọng bi thảm. - Thế là hết! Không thoát nổi đâu? Em có cố đến mấy cũng không cứu nổi anh đâu. Em tránh ra. Nhanh lên kéo chết cả hai bây giờ.

Nhưng chị không tránh. Chị quay đầu anh cho nước biển khỏi tràn vào miệng, rồi nói:

- Không sao đâu! Không sao đâu? Anh đừng lo. Chịu khó một lúc nữa là hết thôi.

Li Bacton thét lên, mặt co rúm lại, rồi túm lấy vợ kéo tuột xuống dưới nước. Lần này suýt nữa thì anh chìm chị chết. Nghĩa là anh đã diễn lớp kịch này khéo đến quá mức. Vừa ngoi được lên mặt nước chị đã đỡ luôn lấy đầu chồng nâng lên, và trong khi đang còn thở hồng hộc, chị vẫn tiếp tục thì thào vào tai anh những lời động viên:

- Bình tĩnh! Anh hãy bình tĩnh... buông lỏng các cơ bắp... Thấy chưa? Anh đã đỡ đau rồi đấy... Chịu khó một chút nữa thôi... Không sao đâu... Sắp khỏi bây giờ... Anh đã cảm thấy hơi dễ chịu rồi chứ?

Còn anh vẫn tiếp tục nhận chìm và nhận chìm vợ xuống nước, lần sau phũ phàng hơn lần trước, bắt chị

uống mãi nước biển. Trong đáy lòng, anh tin chắc rằng làm như thế vẫn chưa đến nỗi nguy hiểm cho tính mạng của chị. Họ thoảng nhô lên trên mặt đại dương vàng nắng rồi lại chìm nghiêng xuống. Và bọt trắng của những ngọn sóng trào qua đầu họ.

Chị vẫn kiên trì phấn đấu, cố thoát ra khỏi những ngón tay bấu chặt của chồng. Nhưng mỗi khi anh buông chị ra, ngoi lên được mặt nước, chị vẫn không chịu bơi ra xa. Sức chị kiệt dần, óc chị mụ đi nhưng chị vẫn cố giúp đỡ chồng. Cuối cùng, đến khi thấy đã trừng phạt vợ như thế là đủ, anh trở nên bình tĩnh hơn, thả hai tay ra và trải dài người trên mặt nước.

Anh thở phào về khoan khoái, rồi nói giọng dứt quăng, vừa nói vừa thở hỗn hển:

- Khỏi rồi! May quá. Ôi, anh uống nhiều nước biển quá. Nhưng bây giờ chuột không rút nữa. Anh thấy dễ chịu như đang trên thiên đường vậy.

Chị định đáp lời, nhưng mệt quá, không gắng được.

- Anh dễ chịu rồi, anh lặp lại. - Ta nghỉ ngơi một chút đã. Em cũng bơi ngửa cho đỡ mệt.

Họ nằm ngửa nửa giờ đồng hồ liên trên mặt sóng Canaca hiền lành. Đã đỡ mệt, Ida lên tiếng trước:

- Anh cảm thấy trong người thế nào, anh yêu quý? - Chị hỏi.

- Như thế một cái xe lu vừa lăn trên người anh vậy. Còn em?

- Em thấy em là người phụ nữ hạnh phúc nhất

trên đời này. Em sung sướng đến nỗi có thể khóc oà lên được. Nhưng em không muốn khóc. Anh làm em sợ quá. Có một lúc, em tưởng như sắp mất anh của em rồi.

Tim Li Bacton đập rộn ràng. Vợ anh không hề nói đến chuyện chính chị cũng có thể chết. Thì ra đây chính là tình yêu chân chính, tình yêu đã được thử thách, tình yêu lớn lao, khi con người ta quên đi bản thân, chỉ nghĩ đến người mình yêu.

- Còn anh thì là người đáng tự hào nhất trên trần gian, - anh nói, - bởi vì anh có người vợ dũng cảm nhất trên đời.

- Dũng cảm ư? - Chị phản đối. - Tại em yêu anh. Khi chưa có nguy cơ mất anh, em vẫn còn chưa biết em yêu anh đến mức nào. Bây giờ thì vợ chồng mình quay vào bờ đi. Em muốn được riêng một mình bên anh, để anh ôm em và em sẽ kể anh nghe, em yêu anh đến mức độ nào và sẽ mãi mãi yêu anh như thế.

Sau đây nửa tiếng đồng hồ, họ bơi một mạch vào đến bờ rồi bước trên mặt cát rắn và ẩm tiến vào phòng thay quần áo, giữa đám người ăn không ngồi rồi đang trên bãi tắm.

- Hai anh chị làm cái trò gì ngoài ấy thế? - Một trong số thuyền trưởng của Câu lạc bộ hỏi đôi vợ chồng trẻ. - Chỉ đùa thôi chứ gì?

- Vâng, chúng tôi đùa đấy, - Ida mỉm cười trả lời.

- Các ông thừa biết vợ chồng tôi thích đùa rồi còn gì, - chồng chị phụ họa thêm với vợ.

Tối hôm ấy, bỏ cuộc đi dự tiệc thường lệ, họ ngồi ôm nhau trong chiếc ghế bành đặt trên sân trời nhà họ.

- Anh Xani sẽ đi khỏi đây ngày mai, lúc mười hai giờ trưa, - Ida nói, như câu chuyện không liên quan gì với những điều trước đây. - Anh ấy đi Malaixia, kiểm tra hoạt động của Công ty cao su và Công ty gỗ của anh ấy tại đó.

- Sao anh chưa nghe thấy ai nói gì về chuyện ấy nhỉ? - Li Bacton thốt lên khe khẽ, như thể ngạc nhiên.

- Em là người đầu tiên biết việc anh ấy đi khỏi đây, - Ida giải thích. - Anh ấy nói với em tối hôm qua.

- Lúc ở vũ hội?

Ida gật đầu.

- Anh ấy quyết định hơi đột ngột, có phải thế không?

- Đột ngột quá đi ấy chứ, - Ida nhích ra xa chồng rồi vươn vai trong chiếc ghế bành. - Em muốn kể anh nghe về Xani. Chưa bao giờ em giấu anh điều gì. Chỉ vì em chưa muốn kể anh nghe đấy thôi. Nhưng hôm nay, lúc vật lộn với những đợt sóng Canaca, em thoáng nghĩ, nếu như chúng mình chết, thì giữa hai vợ chồng vẫn còn một điều chưa nói ra được với nhau.

Chị dừng lại và anh linh cảm được điều gì vợ mình sắp nói ra. Anh không giục mà chỉ bóp chặt bàn tay của vợ.

- Anh ấy yêu em, - giọng chị run run. - Chắc hẳn anh cũng đã nhận thấy... Và tối hôm qua anh ấy đã

rủ em cùng đi Malaixia với anh ấy... Nhưng em không hề tiếc chút nào...

Li Báctơn lặng lẽ chờ đợi.

- Em chỉ ân hận, - chị nói tiếp. - Là em đã không nghiêm khắc trước mặt anh ấy. Em đã thấy rất buồn và rất thương hại anh ấy. Vì thực ra, ngay bản thân em cũng hơi... nói cho đúng ra, không phải chỉ hơi mà em có mến anh ấy thật. Chính vì thế mà tối hôm qua em đã dễ dãi với anh ấy. Em không ngu dốt gì. Em thừa biết chuyện gì có thể xảy ra. Em cũng vẫn là một phụ nữ ưa được chiều chuộng. Thấy một người đàn ông như Xani yêu mình tha thiết, em cũng cảm thấy thích thú. Em đã không ngăn chặn ngay tình cảm của anh ấy. Em đã có lỗi. Nếu như em vững vàng thì sự việc tối hôm qua đã không xảy ra. Lỗi không phải ở anh ấy, mà lỗi do em, trong việc anh ấy đã dám ngỏ lời rủ em đi khỏi đây với anh ấy. Nhưng em đã từ chối. Em chưa đến mức chiều anh ấy như thế được. Tại sao, thì anh thừa hiểu rồi. Em chẳng nhắc lại làm gì. Em đã dịu dàng với anh ấy. Rất dịu dàng nữa kia. Em đã để anh ấy ôm mà không đẩy anh ấy ra. Đây là lần đầu tiên nhưng cũng vì là lần cuối cùng. Em đã để cho anh ấy hôn, và cũng đã tự cho phép mình nhận cái hôn ấy. Em biết rằng anh sẽ hiểu, vì đó là cái hôn vĩnh biệt. Thực ra em không yêu anh ấy. Trước kia cũng như bây giờ, em chỉ yêu anh, chỉ yêu có mỗi một mình anh.

Chị ngừng bật. Và ngay lúc ấy, chị cảm thấy bàn tay chồng ôm lấy vai mình và khẽ kéo về phía anh.



- Đúng thế. Em đã làm cho anh nhiều lúc phải lo sợ, - anh thú nhận. - Có lần anh đã nghĩ rằng em sẽ bỏ anh. Và anh... Anh không nói được nữa, rõ ràng anh đang xấu hổ. Sau đó, trấn tĩnh lại được, anh nói tiếp. - Em thừa biết rằng, anh chỉ biết có một mình em. Nhưng thế là đủ.

Đưa móc túi chồng lấy ra bao diêm, rồi bật lửa châm điếu xì gà của anh đã tắt từ bao giờ.

- Đúng, - anh nói qua đám khói thuốc bao bọc lấy họ. - Do quá hiểu rõ em, anh chỉ có thể nói rằng, anh rất thương Xani, rất thương. Anh ấy đã mất mát nhiều. Nhưng anh lại mừng cho anh. Và... còn một điều này nữa... Sau đây năm năm anh sẽ kể em nghe một chuyện rất thú vị, rất nực cười, về bản thân anh và về những điều ngu ngốc nhất mà anh có thể làm được vì em. Năm năm nữa! Em chờ được chứ?

- Năm chục năm em cũng chờ được, - chị thở dài và nép chặt vào người chồng.

*Golen Enlen, Caliphocnia*

*17 tháng Tám năm 1916*

VŨ ĐÌNH PHÒNG dịch

## *Kulau hủi*

Vì rằng chúng ta bị bệnh tật, nên chúng ta bị tước mất tự do. Chúng ta đã tuân theo đúng pháp luật. Chúng ta không làm hại, làm nhục ai cả. Thế mà bọn chúng muốn giam chúng ta vào nhà tù. Mólókai là nhà tù. Các người biết rõ điều đó. Đây là Niuli, em gái anh ta đã bảy năm nay bị bắt đi Mólókai. Từ đó đến nay anh ta không thấy mặt em gái mình, và sẽ không bao giờ thấy. Em gái anh ta sẽ ở lại Mólókai cho đến tận lúc chết. Cô ta không muốn đi đến đấy. Niuli cũng không muốn điều đó. Đây là ý muốn của những người da trắng đang cai trị đất nước chúng ta. Nhưng chúng là ai, những người da trắng ấy?

Chúng ta biết rõ điều này. Ông, cha chúng ta đã kể cho chúng ta nghe về bọn chúng. Bọn chúng đến đây với vẻ hiền lành như những con cừu non, nói những lời dịu dàng. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, vì lúc đó chúng ta đông, chúng ta mạnh, và tất cả các hòn đảo đều thuộc về chúng ta. Đúng, bọn chúng đến

đây với những lời dịu dàng. Bọn chúng nói chuyện với chúng ta theo nhiều cách khác nhau. Một bọn xin chúng ta cho phép, xin chúng ta nhân từ cho phép chúng truyền bá những lời nói của Chúa trời. Những bọn khác xin chúng ta cho phép, xin chúng ta nhân từ cho phép chúng buôn bán với chúng ta. Nhưng đó chỉ là bắt đầu. Còn bây giờ bọn chúng đã chiếm đoạt về tay mình tất cả - tất cả các hòn đảo, tất cả đất đai, tất cả súc vật. Những tên đầy tớ của ngài Chúa trời và những tên đầy tớ của ngài Rượu rôm đã cùng nhau hành động và giờ trở thành những quan to sống như những hoàng đế trong các ngôi nhà nhiều phòng và có hàng đoàn đầy tớ. Trước đây bọn chúng không có gì cả, mà bây giờ bọn chúng đã chiếm được tất cả. Còn nếu như, các người, nếu như ta, nếu như những người Kanác khác bị đói khổ, thì bọn chúng lại cười và nói: "Mày đi mà làm đi. Các đồn điền sinh ra là để cho chúng mày làm đấy".

Kulau ngừng nói. Ông giơ bàn tay với các ngón tay co quắp gỡ vòng hoa tết bằng những bông cẩm quỳ lấp lánh từ trên mái đầu tóc đen xuống. Ánh trắng trời bạc khắp khe núi. Đêm thở thanh bình. Nhưng những người ngồi nghe Kulau trông giống như các thương binh sau một trận kịch chiến khốc liệt. Những khuôn mặt của họ trông như mồm sư tử. Người này thay vào mũi là một lỗ thủng trống hoác, người kia bên vai lủng lẳng một mẩu còn lại của cánh tay thối rữa. Bọn họ có ba chục người, cả đàn ông và

phụ nữ, ba chục con người bị hắt hủi, khốn khổ, vì trên người họ mang dấu ấn của thú vật.

Họ ngồi, đầu đội vòng hoa tết, trong bóng đêm thơm mát lấp lánh ánh trăng, biểu lộ sự đồng tình với những lời nói của Kulau bằng những tiếng kêu khàn khàn không thành lời. Trước đây họ từng là người, nhưng bây giờ họ chỉ là những quái vật què quặt, tàn phế như đã bị hành hạ hàng thế kỷ dưới địa ngục, là một hình ảnh nhạo báng khủng khiếp của con người. Các ngón tay - ở những người nào còn có chúng - trông giống như vuốt của loài harpia<sup>(1)</sup>, mặt như những chiếc khuôn mẫu phế phẩm, sai quy cách, bị một vị thần điên rồ nào đó nghịch ngợm đập vỡ, bóp bẹp trong cổ máy cuộc đời. Có người bị vị thần đó xóa bằng hắc cả một nửa mặt; trên khuôn mặt một phụ nữ những giọt nước mắt nóng bỏng theo nhau chảy ra từ hai hố đen ngòm, nơi trước đây là đôi mắt. Một số người rên rỉ kêu la vì đau đớn không chịu nổi; số khác ho liên hồi, tiếng ho của họ nghe như tiếng xé vải. Có hai người bị mất trí, ngớ ngẩn, trông giống như hai con khỉ khổng lồ nhưng bị Chúa trời nặn hỏng, đến nỗi so với họ, bầy khỉ chẳng khác gì những thiên thần. Họ ngồi dưới ánh trăng, đầu đội những vòng hoa nặng vàng rực, nhẩn mặt và lấp bắp những điều gì đó. Một người trong bọn họ, tai sừng

---

<sup>(1)</sup> Harpia - một loài chim ăn thịt lớn họ diều hâu, sống ở vùng rừng Trung và Nam Mỹ, thường tấn công khi, culi, thú có túi v.v...

phồng chảy dài xuống tận vai, ngắt một bông hoa màu da cam thắm rực rỡ và trang điểm lên một bên tai khủng khiếp cứ đung đưa theo từng nhịp cử động của người. Và Kulau là vua của tất cả những sinh vật đó. Cái khe núi đầy hoa nằm kẹt giữa hai bờ đá dốc lởm chởm - từ trên đó vọng xuống những tiếng kêu của bầy dê rừng hoang - là vương quốc của ông. Ba phía là những bức tường dựng đứng, ảm đạm, với những bức rèm kỳ quặc bằng các loài cây leo nhiệt đới và những lỗ đen ngòm - hang trú ngụ của các thần dân của ông. Ở hướng thứ tư, thung lũng bị cắt ngang bởi một vực sâu thẳm, đằng xa thấp thoáng đỉnh của những dãy núi thấp hơn, và tiếp nữa, dưới chân của chúng, là đại dương ì ảm vỗ sóng ngẫu bộn trắng. Vào những ngày trời yên gió lặng - chỉ vào những ngày gió thật lặng - có thể đi thuyền tới bờ biển bằng vách đá, nơi có lối vào cửa khe của Kulau. Và chỉ những người đi núi nào gan dạ nhất mới có thể đi từ bờ vào phần trên của thung lũng, vào cái khe núi nằm kẹt giữa hai bờ vách đá, vương quốc của Kulau. Nhưng người đó không những cần phải rất gan dạ mà còn phải biết những con đường nhỏ, khó lòng nhận thấy bằng mắt, của loài dê rừng. Cho nên khó có thể tin rằng những con người tàn phế, què quặt bất lực, tạo thành bộ tộc của Kulau, lại có thể vượt qua những con đường núi cao đến chóng mặt để vào cái khe sâu không thể đến được này.

- Hỡi các anh em, - Kulau lại lên tiếng.

Nhưng vừa lúc đó, một sinh vật kỳ quái giống loài khỉ, cầm ngọng, phát ra một tiếng rú điên dại thú vật; và Kulau im lặng chờ cho âm vang của tiếng kêu chói tai đó lẫn theo những vách đá dài và tắt hẳn trong thình không bất động của trời đêm.

- Hỡi các anh em, điều đó có gì đáng ngạc nhiên không. Trước đây đất đai là của chúng ta. Những đầy tớ của Chúa trời và những đầy tớ của ngài Rượu rôm đã trả cho chúng ta cái gì để đổi lấy đất đai đó của chúng ta? Có ai trong số các người nhận được một đôla, dù chỉ một đôla? Mà chúng nó giờ trở thành những ông chủ và nói với chúng ta rằng chúng ta có thể làm việc trên đất - trên đất của chúng! - Và những kết quả lao động của chúng ta cũng sẽ thuộc về chúng. Trong những ngày trước đây chúng ta không cần lao động. Thêm vào đó, khi chúng ta bị lây bệnh, chúng lại tước nốt tự do của chúng ta.

- Thế những ai đã mang bệnh này đến cho chúng ta, Kulau? - Kilôliana, một người gầy gò gân guốc, mặt giống như vị thần Favơ<sup>(1)</sup> đang cười đến nỗi người ta có cảm tưởng rằng chân anh ta là những cặp vó, lên tiếng hỏi. Nhưng dù sao ở Kilôliana vẫn không phải là cặp vó, mà chỉ là đôi chân, có điều chúng phủ đầy những vết tấy mủ và thối rữa lớn tướng màu tím nhạt. Thế mà trước đây anh là người

---

<sup>(1)</sup> Favơ (tiếng Latinh: Faunus), theo thần thoại cổ La Mã, vị thần của rừng núi, đồng ruộng, người bảo vệ các đàn súc vật; thần Điền dã.

leo núi giỏi hơn mọi người và biết tất cả những lối nhỏ để rừng đi, cũng chính anh là người đã dẫn Kulau và các thân dân bất hạnh của ông vào vùng núi Kalalau hiểm trở này.

- Đó là một câu hỏi rất đúng, - Kulau đáp. - Vì chúng ta không muốn làm việc ở những đồn điền mía, nơi trước đây là bãi cỏ của những đàn ngựa của chúng ta, bọn chúng mới mang bọn nô lệ Trung Quốc từ bên kia đại dương tới. Và cùng với bọn nô lệ đó là cái bệnh Trung Quốc này, vì nó mà bọn chúng định bắt chúng ta nhốt ở Mólôkai. Chúng ta sinh ra ở Kauai. Chúng ta đã ở những hòn đảo khác, tùy người: ở Oahu, Maui, Gavai, Hônôlulu... Nhưng chúng ta luôn luôn trở về Kauai. Tại sao chúng ta lại trở về đây? Các người nghĩ sao? Vì rằng chúng ta yêu Kauai. Chúng ta đã sinh ra ở đây, đã sống ở đây. Và chúng ta cũng sẽ chết ở đây, nếu như... nếu như trong chúng ta không có những tâm hồn hèn nhát. Những tâm hồn như thế chúng ta không cần. Chỗ ở của những tâm hồn đó là Mólôkai. Mà nếu như trong chúng ta có những kẻ như vậy, hãy để cho chúng đi... Ngày mai bọn lính sẽ đổ bộ lên bờ. Hãy để cho những tâm hồn hèn nhát xuống với bọn lính. Và chúng sẽ được đưa ngay về Mólôkai. Còn chúng ta, chúng ta sẽ ở lại và chúng ta sẽ chiến đấu. Nhưng các người đừng sợ, chúng ta sẽ không chết đâu. Chúng ta có súng trường. Các người biết đấy, con đường vào đây rất hẹp, hai người không thể đi được một lúc. Ta,

Kulau, người trước đây đã từng bắt bò rừng ở Niihau, một mình có thể bảo vệ con đường này khỏi hàng ngàn kẻ địch. Đây là Kapalei, trước kia là quan tòa xử án mọi người, từng được trọng vọng; còn bây giờ ông ta là một con chuột bị săn đuổi, cũng như ta với các người. Ông ta là người thông thái. Hãy nghe lời ông ta nói.

Kapalei đứng dậy. Trước đây ông là quan tòa. Ông đã từng học trường cao đẳng ở Runahou. Ông đã từng ngồi một bàn với các ngài và các ông chỉ huy, với các vị đại diện cao cấp của các cường quốc bảo vệ quyền lợi của những nhà buôn và nhà truyền giáo. Trong quá khứ Kapalei là như thế đấy. Và hiện nay, như Kulau nói, là một con chuột bị săn bắt, là một người ngoài pháp luật, biến thành một thứ khủng khiếp đến nỗi ông bây giờ vừa ở thấp hơn lại vừa cao hơn mọi thứ pháp luật. Thay vào mũi và má trên mặt ông chỉ toàn những hố đen, đôi mắt không mí chấy rục dưới vòng cung xương lông mày trần trụi.

- Chúng ta không gây sự, - ông bắt đầu nói. - Chúng ta yêu cầu chúng để cho chúng ta yên ổn. Nhưng nếu như chúng không để cho chúng ta yên, nghĩa là chúng tự gây sự và như vậy chúng phải chịu trừng phạt. Các người thấy đấy, tay tôi không còn ngón. - Ông giơ cao hai bàn tay để mọi người thấy rõ. - Nhưng ngón cả này còn giữ được một đốt và tôi còn có thể dùng nó để bấm cò một cách chắc chắn như ngón trở những ngày xưa, khi đang còn... Chúng ta



yêu Kauai. Cho nên chúng ta hãy cùng nhau sống ở đây hoặc cùng nhau chết ở đây chứ không vào nhà tù ở Mólôkai. Bệnh tật này không phải của chúng ta. Chúng ta không có tội lỗi gì. Những kẻ đầy tớ của ngài Chúa trời và những kẻ đầy tớ của ngài Rượu rôm đã mang bệnh này đến cùng bọn cu li Trung Quốc nay đang làm việc trên những mảnh đất ăn cướp được của chúng ta. Tôi trước đây từng là quan tòa. Tôi biết rõ pháp luật và trật tự. Và tôi nói với các người: pháp luật không cho phép ai cướp đất của người khác, làm người khác lây bệnh hủi Trung Quốc và sau đó bắt vào nhốt trong tù suốt đời.

- Cuộc đời ngắn ngủi, và những ngày tháng của chúng ta đầy đau khổ, - Kulau nói. - Chúng ta hãy cùng nhau múa hát, và chúng ta sẽ hạnh phúc, chừng nào có thể.

Những vò rượu được mang từ hang đá ra và chuyền tay nhau theo vòng tròn. Rượu được cất bằng thứ rễ cây *chir*<sup>(1)</sup> rất nặng, và khi dòng lửa lỏng bốc lên đầu và chảy lan ra toàn thân, những con người này liền quên đi hết tất cả và trở lại thành người. Trong tim người phụ nữ vừa mới nhỏ những giọt nước mắt cháy bỏng từ hai hố mắt trống đen lại trở dậy những cảm xúc xưa kia, và chị vừa bấm những nốt nhạc trên chiếc ghi ta của mình vừa hát bản tình ca người con gái hoang dã - bản tình ca sinh ra trong những cánh

---

<sup>(1)</sup> Tên một loại cây ở rừng châu Mỹ, rễ dùng để cất rượu.

rừng sâu của thế giới nguyên sơ. Bầu không khí như ngân lên trong giọng hát của chị, một giọng hát vừa kêu gọi vừa đầy quyền uy. Trên chiếu, hòa theo nhịp hát, Kilôliana đang nhảy múa. Mỗi cử động của anh đều toát ra tình yêu; và nhảy bên cạnh anh cùng trên chiếc chiếu là một cô gái mà cặp đùi mơn mớn và bộ ngực cao không hài hòa một cách kỳ quặc với khuôn mặt bị bệnh ăn méo mó. Đó là điệu nhảy của những tử thi sống, bởi vì trong những thân thể thối rữa tàn tạ của họ vẫn còn âm ỉ chảy tình yêu và khát vọng. Bản tình ca của người phụ nữ vừa nhỏ những giọt nước mắt từ đôi mắt đen mù mỗi lúc một vang lên mạnh mẽ hơn, điệu nhảy tình yêu mỗi lúc một say sưa hơn trong đêm thanh vắng và ấm áp, những vò rượu chuyển tay nhau mỗi lúc một nhanh hơn, và những kỷ niệm và khát vọng cứ âm ỉ mãi trong đầu tất cả mọi người như một ngọn lửa không lụi tàn, dai dẳng.

Trên chiếu còn một người nữa nhảy múa, đó là một cô gái mảnh khảnh, khuôn mặt cô trong sáng và xinh đẹp, nhưng trên hai cánh tay vung lên hạ xuống theo nhịp nhảy, bệnh tật đã để lại dấu vết tàn phá của mình. Và cả hai kẻ ngớ ngẩn - hai vật nhạo báng khùng khiếp, kinh tởm của con người - cũng nhảy múa dang xa, miệng găm giữ một điều gì đó không thành tiếng để thể hiện tình yêu.

Nhưng bài tình ca của người phụ nữ bỗng cắt ngang giữa lời, những bình rượu đặt xuống đất, điệu nhảy dừng lại. Tất cả mọi ánh mắt đều nhìn về phía

vực, hướng đại dương, nơi trong khoảng không gian tràn ngập ánh trắng có một phát pháo hiệu lóe lên thành quả cầu lửa mờ ảo.

- Đó là bọn lính, - Kulau nói. - Ngày mai sẽ có đánh nhau. Cần phải ngủ lấy sức và chuẩn bị.

Những người hủi tuân lệnh, bò về hang, và chỉ lát sau Kulau còn lại một mình. Ông ngồi bất động dưới ánh trắng, khẩu súng trường đặt trên đầu gối và mắt nhìn xuống phía dưới, nơi bờ biển xa vừa có những chiếc thuyền cập bến.

Ở đây, trên vách núi cao, thung lũng Kalalau là một chỗ ẩn nấp chắc chắn. Nếu không kể Kiloliana người biết những con đường nhỏ đi vòng trong các bức tường đá dựng đứng của khe núi, không ai có thể đến đây mà không qua một sống núi nhọn duy nhất. Sống núi này dài chừng trăm acđơ, nhưng chiều rộng không vượt qua mười hai inơ<sup>(1)</sup>. Cả hai bên của sống núi này đều là vực thẳm đen ngòm. Chỉ cần trượt chân, bên phải và bên trái đều là cái chết không tránh khỏi đang chờ đợi con người. Nhưng ở phía cuối sống núi đó là một thiên đàng nơi hạ giới. Một biển màu xanh tràn ngập thung lũng, những con sóng xanh dập dờn từ bên này đến bên kia vách đá, những thác miên liêu mềm mại chảy dọc từ các chỗ nhô ra trên hai bức tường đá xuống và bắn tung ra trong các

---

<sup>(1)</sup> Acđơ và inơ: đơn vị đo lường Anh, một acđơ bằng 91,44 cm, 1 inơ bằng 2,54 cm, 12 inơ khoảng 30 cm.

khe, vũng vô số bọt. Bóng xanh dương xỉ và những loài rêu trên không. Nhiều tháng nay Kulau và thần dân của mình đã tiến hành một cuộc vật lộn với biển cây cỏ này. Họ đã đẩy lùi được những đám cây đại rậm rạp và bây giờ chuối, cam và xoài đã trở nên dễ thở. Sắn mọc trên các bãi rừng trống nhỏ; ở những thềm vách đá có phủ một lớp đất, họ trồng khoai sọ và dưa bở; và trên tất cả những chỗ trống nào ánh nắng mặt trời có thể dội sáng tới được là đủ đủ xum xuê quả vàng rộm.

Kulau đến chỗ ẩn náu này từ miền phía dưới của thung lũng, sát biển. Và nếu như phải rời khỏi nơi đây, ông cũng đã dự tính sẵn những khe động khác, còn ở cao hơn nữa, giữa những đỉnh núi trùng điệp. Và bây giờ ông ngồi, súng trường đặt bên cạnh người, mắt nhìn qua tấm màn lá xanh xuống bọn lính trên bờ biển dưới xa. Ông nhận thấy bọn chúng mang theo những khẩu pháo nặng, phản chiếu ánh mặt trời như gương. Phía trước mặt ông là sống núi nhọn kéo dài. Dọc theo con đường nhỏ từ dưới bờ biển dẫn đến chỗ ông có những chấm nhỏ - những con người đang bò đi động, Kulau biết rằng đó không phải là lính, đó là bọn cảnh sát. Bọn này thì sẽ chẳng làm nên chuyện gì, và lúc đó mới đến lượt bọn lính bắt tay vào việc.

Ông âu yếm đưa bàn tay tàn tật vuốt dọc nòng súng và kiểm tra đầu ngắm. Ông học bắn súng đã từ lâu, khi đi săn ở đảo Niihau, nơi đó cho đến bây giờ

mọi người vẫn chưa quên những phát súng chính xác của ông.

Mỗi lúc các chাম chuyển động một lại gần và to lên, Kulau ước định cự ly, sức gió thổi chéo góc và tính toán khả năng đường đạn xê dịch khi bắn theo những mục tiêu ở thấp như vậy. Nhưng ông không nổ súng. Ông để cho bọn chúng leo lên đầu phía bên kia của sống núi và chỉ đến lúc đó mới để lộ sự có mặt của mình. Ông hỏi, không ra khỏi chỗ nấp:

- Các người cần cái gì?

- Chúng ta cần Kulau hỏi, - viên chỉ huy cảnh sát địa phương, một gã người Mỹ mắt xanh, đáp.

- Quay lại đi, - Kulau nói.

Ông biết viên chỉ huy này: đó là một serif<sup>(1)</sup>, người đã không để cho ông sống ở Niihau và đuổi ông qua suốt toàn bộ Kauai đến thung lũng Kalalau, và từ đấy - lên phía trên, vào khe núi này.

- Ông là ai? - Serif hỏi.

- Ta là Kulau hỏi.

- Thế thì ông hãy ra đi. Ông cần cho chúng tôi, dù chết hay sống. Đầu của ông được đặt giải một nghìn đôla. Ông không thoát được đâu.

Từ trong chỗ nấp, Kulau phá lên cười rất to.

- Ra đi! - Serif ra lệnh, nhưng trả lời hẳn là sự im lặng.

---

<sup>(1)</sup> Serif: một chức vụ thực hiện các chức năng hành chính, cảnh sát và một vài chức năng tòa án ở các nước Anh, Mỹ, Ai-len, v.v...

Serif trao đổi với toán cảnh sát, và Kulau hiểu rằng bọn chúng quyết định tấn công ông.

- Kulau! - Serif hét to. - Kulau, ta đến đây.

- Nếu thế thì nhà người hãy nhìn lên bầu trời, mặt trời và biển, vì rằng sẽ không bao giờ người còn trông thấy chúng nữa đâu.

- Được thôi, được thôi, - Serif nói bằng giọng giảng hòa. - Tôi biết rằng ông bắn không trượt đích bao giờ. Nhưng ông sẽ không bắn tôi đâu. Tôi không làm điều gì hại ông cả.

Kulau găm gù một điều gì đó.

- Có đúng thế không nào? - Serif vẫn tiếp tục. - Tôi có làm điều gì mất lòng ông đâu, phải không?

- Nhà người làm ta mất lòng là toan bắt ta vào nhà tù, - Kulau đáp. - Và nhà người làm ta mất lòng là định đổi đầu ta lấy một nghìn đôla. Nếu người còn quý cuộc đời, hãy đứng lại.

- Tôi cần phải đến được chỗ ông. Biết làm sao, đây là nhiệm vụ của tôi mà.

- Nhà người sẽ chết trước khi đến được đây.

Serif không phải là kẻ hèn nhát, nhưng đến đây hắn dừng lại lưỡng lự, đưa mắt xuống phía dưới, nơi vực thẳm, nhìn lướt toàn bộ quãng đường sống núi nhọn sắc như lưỡi dao, rồi quyết định.

- Kulau! - Hắn hét to.

Rừng cây im lặng.

- Kulau, đừng bắn, ta đi đến đây.

Serif quay về phía toán canh sát và ra những mệnh lệnh gì đó rồi trở lại con đường nguy hiểm của mình. Hắn bước chậm chạp, giống như đi trên dây. Ngoài không khí ra không có gì để bám vịn cả. Sỏi đá từ dưới chân hắn rơi xuống vực sâu. Mặt trời đỏ lửa, mồ hôi chảy thành dòng trên mặt. Nhưng hắn ta vẫn đi, và cuối cùng đã đến được nửa đường.

- Đứng lại! - Từ trong chỗ ẩn Kulau ra lệnh. - Một bước nữa, ta sẽ bắn.

Serif đứng lại, lắc lư người trên vực sâu không đáy để giữ thăng bằng. Mặt hắn tái nhợt, nhưng ánh mắt lộ vẻ kiên quyết. Hắn đưa lưỡi liếm cặp môi khô và nói:

- Kulau, ông không giết tôi đâu. Tôi biết là ông không giết tôi đâu.

Hắn lại bước tiếp. Viên đạn hất hắn lộn ngược trở lại. Khi ngã xuống, trên nét mặt Serif thoáng vẻ ngạc nhiên cáu kỉnh. Hắn còn kịp nghĩ rằng nếu ngã vắt lên đường sống núi nhọn, may ra còn có cơ thoát. Nhưng thân chết đã vụt đến - và một giây sau, sống núi đã trống không. Ngay lúc đó năm tên canh sát, người này theo sau người kia, táo bạo chạy dọc theo đường sống núi nhọn, bọn còn lại nổ súng bắn vào các bụi rậm. Nhưng đó chỉ là một việc làm điên rồ. Kulau bấm cò nhanh đến nỗi năm tiếng nổ nối nhau gần như thành một tràng liên tục. Ép người xuống sát mặt đất tránh những viên đạn bay vèo vèo phạt lá rơi tới tả. Kulau từ trong chỗ nấp nhìn ra. Bốn tên

cảnh sát đã biến mất theo chỉ huy của chúng. Tên thứ năm, còn sống, nằm vắt ngang sông núi. Ở phía bên kia, những tên còn lại tụ vào một chỗ, giờ đã thôi bắn. Tình cảnh của chúng ở trên mỏm đá trông trải này cũng hoàn toàn vô hy vọng: Kulau có thể lần lượt bắn chết cho đến tên cuối cùng, không cho chúng kịp tháo lui. Nhưng ông không bắn. Sau một phút trao đổi ngắn ngủi, một tên cảnh sát cởi chiếc áo sơ mi trắng ra và vẩy vẩy như cờ hiệu. Rồi hẳn, tiếp sau là một tên nữa, theo nhau đi dọc theo sông núi đến bên đồng bọn bị thương. Không một cử động nào để lộ mình, Kulau nhìn chúng chậm chạp quay lui, và khi đã xuống đến phía dưới đồng bằng, chúng lại biến thành những chấm nhỏ.

Hai giờ sau, từ một chỗ núp khác, Kulau nhận thấy một toán cảnh sát đang tìm cách leo lên bờ dốc đứng phía đối diện của khe núi. Những con dê rừng hoảng sợ chạy tán loạn, còn bọn người leo lên mỗi lúc một cao. Cuối cùng, không dám tin ở mình, Kulau sai người đi gọi Kilôliana đến.

- Không, chúng không đi qua đây được đâu, - Kilôliana nói.

- Thế còn dê rừng?

- Dê rừng đến từ thung lũng bên cạnh, còn chúng không qua đây được đâu. Lũ người này không thông minh hơn dê rừng. Chúng sẽ rơi và vỡ đầu chết. Để rồi xem.

- Nhưng chúng là những người dũng cảm, - Kulau nói - Để xem.



Nằm cạnh nhau trên thảm cỏ xanh dưới những chùm hoa leo màu vàng, họ nhìn những con người nhỏ bé đang leo ở phía dốc cao, - và cái điều họ chờ đợi đã xảy ra: ba tên cảnh sát trượt chân, ngã, và lăn đến mép chỗ gờ lở ra, rơi xuống vực như những hòn đá.

Kilôliana cười khẩy.

- Từ nay chúng sẽ không quấy rầy chúng ta nữa đâu.

- Chúng còn có đại bác, - Kulau nói - Bọn lính còn chưa lên tiếng.

Được nắng sưởi ấm, những người bị bệnh hủi nằm ngủ ở trong các hang động. Kulau cũng mơ màng trong hang của mình, khẩu súng trường đã được lau sạch và lắp đạn sẵn đặt trên đầu gối. Cô gái với đôi tay tàn tật nằm trong lùm cây quan sát đường sống núi nhón. Bỗng Kulau nháy chồm dậy, xua hẳn cơn buồn ngủ: phía dưới bờ biển nghe có tiếng nổ. Một khoảnh khắc sau không khí dường như bị xé ra từng mảnh. Cái tiếng động chưa bao giờ nghe thấy đó làm Kulau sợ hãi. Nó giống như tiếng các vị thần túm lấy thảm bầu trời rồi đem xé tan ra như phụ nữ xé vải. Tiếng rít nghe mỗi lúc một gần. Kalau lo lắng ngược mắt nhìn lên. Quả đạn pháo nổ rất cao phía trên núi, một cột khói đen bốc lên ngay trên khe. Mỏm đá nứt ra, những mảnh vỡ bay xuống chân bức tường đá.

Kulau đưa bàn tay lên vuốt chiếc trán ướt đầm mồ hôi. Ông kinh hoàng vì chưa bao giờ nghe tiếng

đại bác bắn và thậm chí không thể tưởng tượng là nó khủng khiếp đến như vậy.

- Một, - Kapalei, không hiểu để làm gì, ông quyết định tính số đạn pháo bắn.

Quả đạn thứ hai và thứ ba bay rít qua khe và nổ ở phía bên kia dãy núi gần nhất. Kapalei đếm tiếp. Những người hủi đổ ra khoảng đất trống trước cửa hang. Lúc đầu trận bắn pháo làm họ sợ, nhưng sau thấy đạn bay qua khe, họ dần dần bình tĩnh lại và bắt đầu đứng xem cảnh tượng mới thấy lần đầu. Hai kẻ ngớ ngẩn khoái trá quá rú lên, nhắm mắt mũi làm điệu bộ, và mỗi khi có tiếng đạn bay vút trên không, lại nhảy cẫng lên. Kulau gần như hết lo lắng. Đại bác không làm cho họ bị thiệt hại gì. Có lẽ những quả đạn lớn như vậy ở khoảng cách xa thế này không thể bắn chính xác như súng trường được.

Nhưng có một cái gì đấy bỗng đột ngột thay đổi. Bây giờ những viên đạn pháo không bay qua đầu họ nữa, một quả nổ ngay ở bụi cây rậm đầu sống núi nhọn. Kulau nhớ đến cô gái đang nằm canh gác, liền chạy vội tới đó. Khi ông đến nơi, những thân cây vẫn còn đang bốc khói. Ông kinh ngạc đứng sững lại. Những cành cây bị gãy nát. Nơi ông để cô gái nằm lại giờ là một hố đất sâu. Cô gái bị xé tung ra từng mảnh. Quả đạn rơi trúng vào người cô.

Từ trong đám cây nhìn ra và tin chắc rằng trên đường sống núi không có tên lính nào, Kulau chạy trở lại hang. Những quả đạn pháo gầm rít, gào rú

bay qua đầu ông, cả thung lũng âm âm rung chuyển trong tiếng nổ. Phía trước cửa hang, hai kẻ ngó ngẩn vui vẻ nhảy múa, ôm chặt nhau bằng những ngón tay co quắp. Bỗng Kulau trông thấy một cột khói đen bốc lên ngay bên cạnh họ. Sức nổ hất hai người bay ra hai phía. Một người nằm bất động, người thứ hai bò bằng tay về phía hang, đôi chân kéo lê trên mặt đất, máu tuôn ra từng vũng, anh ta kêu rên như một con chó bị thương. Tất cả mọi người, trừ Kapalei, đều đã chui vào hang.

- Mười bảy, - Kapalei nói, và tiếp liền theo: - Mười tám.

Quả đạn thứ mười tám nổ ngay ở một cửa hang. Những người hủi đều chạy ra, nhưng từ hang này không thấy ai cả. Kulau bò vào đó, nghệt thở vì làn khói cay xè. Bốn xác người bị biến dạng nằm trên mặt đất. Trong số đó có người phụ nữ với đôi mắt mù đen ngòm, mà tới bây giờ nước mắt mới thôi không chảy nữa.

Một nỗi kinh hoàng bao trùm lên mọi người, và họ đã bắt đầu đi theo con đường nhỏ dẫn từ khe núi lên phía trên, đến chốn hỗn mang của những đỉnh nhọn và vách đứng. Kẻ ngó ngẩn bị thương khe khẽ rên bò trên mặt đất gắng theo kịp những người khác. Nhưng ở dốc đầu tiên anh ta kiệt sức, lên cơn quằn quại rồi gục xuống.

- Cần phải bắn chết anh ta, - Kulau nói với Kapalei vẫn đang ngồi nguyên chỗ cũ.

- Hai mươi hai - Kapalei đáp. - Vâng, tốt nhất là bắn anh ta đi. Hai mươi ba... hai mươi bốn.

Thấy nòng súng chĩa vào mình, kẻ ngớ ngẩn kêu rú lên. Kulau lưỡng lự và hạ súng xuống.

- Làm như thế không phải dễ, - ông nói.

- Anh là thằng ngốc. Hai mươi sáu, hai mươi bảy, - Kapalei nói - Để đấy tôi dạy cho.

Ông đứng dậy, nhấc lên một hòn đá nặng và đi đến bên kẻ bị thương. Vừa lúc đó một quả đạn mới rơi trúng vào người ông, giúp ông thoát khỏi phải hành động, và đồng thời kết thúc cả số đếm của ông.

Kulau còn lại một mình trong khe núi. Ông đưa mắt nhìn theo dân của mình cho đến khi thân hình co quắp cuối cùng của họ khuất hẳn sau vách đá lở ra. Rồi ông quay lại, đi xuống phía dưới, đến lùm cây, nơi cô gái bị giết chết. Trận pháo kích vẫn tiếp tục, nhưng ông không bỏ đi, vì ông đã nhận thấy ở phía dưới xa bọn lính đang di chuyển đến chân núi. Một quả pháo nổ cách ông chừng mười bước chân. Nằm áp người xuống sát mặt đất, ông nghe tiếng mảnh đạn pháo bay rào rào sát trên người. Những bông hoa rừng rụng xuống như mưa. Ông ngẩng đầu lên nhìn xuống con đường mòn và thở lấy hơi. Ông cảm thấy vô cùng hoảng sợ. Đạn súng trường, súng máy không làm cho ông bận tâm mấy, nhưng hỏa lực pháo đã làm cho ông kinh hoàng thật sự. Mỗi lần đạn nổ, ông lại run rẩy áp mình xuống sát mặt đất, nhưng

liền sau đó lần nào cũng lại ngẩng đầu lên quan sát con đường nhỏ.

Cuối cùng trận bắn pháo kết thúc. Có lẽ vì, ông nghĩ, bọn lính đã đến gần. Bọn chúng bò nối đuôi nhau trên con đường nhỏ. Ông muốn đếm chúng, nhưng lần nào cũng nhầm. Bọn chúng không ít hơn một trăm đứa, và tất cả chúng đến là chỉ để bắt ông, Kulau hủi. Trong một thoáng ông cảm thấy kiêu hãnh. Bọn chúng, với cảnh sát, binh lính, súng trường và đại bác, đến đây để bắt ông; mà ông - một mình, lại còn ốm yếu tàn tật. Để bắt được ông, dù đã chết hay còn sống, bọn chúng treo giải thưởng nghìn đô la. Suốt đời mình ông không có được số tiền lớn như vậy. Đó là một ý nghĩ cay đắng. Kapalei nói đúng. Ông, Kulau, chưa hề làm điều xấu cho ai cả. Chỉ vì bọn người da trắng cần bàn tay làm việc cho chúng trên những mảnh đất ăn cướp được, nên chúng mang bọn cu li người Trung Quốc đến, cùng với cả thứ bệnh khủng khiếp này. Và bây giờ vì ông đã bị bọn chúng làm lây cái bệnh đó nên đầu ông mới được đặt giá một nghìn đồng đô la. Nhưng chính ông có được nhận số tiền đó đâu! Số tiền lớn đó là người ta trả cho cái xác của ông - bị thối rữa vì bệnh hay bị xé ra từng mảnh vì đạn pháo.

Khi bọn lính đến đầu kia sông núi nhon, Kulau đã muốn cảnh cáo trước bọn chúng, nhưng vừa lúc ánh mắt ông dừng lại trên xác cô gái bị giết chết, và ông im lặng. Khi trên sông núi hiện ra tên lính thứ

sáu, ông bắt đầu nổ súng. Ông bắn cho đến khi trên con đường nhỏ không sót lại một bóng người nào. Ông nhả đạn, nạp thêm đạn vào, rồi lại bắn, không nghỉ. Tất cả những thù hận cũ bỗng sôi sục lên trong đầu, ông khao khát trả thù. Nằm dọc theo con đường nhỏ, bọn lính cũng bắn, và mặc dù chúng cố nằm nấp sau những chiếc hố nông, nhưng ngắm bắn chúng không khó. Đạn vi vu vi vu cắm xung quanh người Kulau, chạm phải đá văng vù vù. Một viên sượt qua chòm đầu ông, viên khác đốt bỏng xương bả vai nhưng không chạm đến da.

Đây quả là một trận kịch chiến, mà người gây ra nó chỉ có một mình. Bọn lính bắt đầu rút lui, mang theo đồng đội bị thương. Lần lượt bắn hạ từng tên lính. Kulau bỗng nghe có mùi thịt cháy khét. Ông nhìn quanh, nhưng rồi hiểu rằng đó là những ngón tay ông cháy vì khẩu súng trường đã nóng đỏ lên. Bệnh hủi đã làm hỏng những đầu dây thần kinh ở bàn tay, nên thịt ở ngón tay cháy, ông nghe thấy mùi khét nhưng không cảm thấy đau.

Kulau nằm trong bụi rậm và mỉm cười, nhưng ông bỗng nhớ đến những khẩu pháo. Có lẽ chúng chỉ im lặng trong chốc lát và bây giờ sẽ rót xuống ngay những lùm cây rậm, nơi ông ẩn bắn vào bọn lính. Kulau chưa kịp chạy vào sau một mô đá, nơi theo ông nhận thấy, đạn pháo không rơi đến, thì trận pháo kích đã lại bắt đầu. Kulau đếm: thêm sáu mươi quả pháo nữa được bắn vào mảnh đất trong khe núi,

và tất cả lại yên lặng. Mảnh đất nhỏ bị đào bới nát, tưởng như không còn có gì có thể sống sót ở đó. Bọn lính cũng cho là như vậy, nên dưới những tia nắng nóng bỏng của mặt trời quá trưa, chúng lại nối đuôi nhau leo ngược theo con đường nhỏ. Và chúng lại không thể vượt qua sống núi nhọn, lại phải rút lui.

Thêm hai ngày nữa, Kulau vẫn giữ vững con đường, mặc dù bọn lính không ngừng bắn phá chỗ núp của ông bằng đại bác. Đến ngày thứ ba, một người hủi, cậu bé Pahau, xuất hiện trên mỏm đá nhô ra phía trên khe núi và kêu to với Kulau rằng Kilôkiana trong lúc đi săn dê rừng để mọi người khỏi chết đói đã bị ngã chết, và những người đàn bà hoảng hốt không biết phải làm gì. Kulau ra lệnh cho cậu bé leo xuống khe, trao cho cậu khẩu súng trường dự phòng và ra lệnh canh giữ con đường sống núi, rồi tự mình đi gặp dân của mình. Mọi người hoàn toàn mất tinh thần. Phần lớn bọn họ quá yếu, không thể tự mình kiếm được thức ăn trong những điều kiện quá khó khăn như thế này, và vì vậy họ phải chịu đói. Kulau chọn hai người phụ nữ và một người đàn ông bị bệnh còn chưa nặng lắm, phải đi lấy thức ăn và chiếu ở trong khe núi. Những người còn lại ông tìm cách an ủi, và cả người yếu nhất cũng đã bắt đầu hăng hái giúp đỡ việc dựng các túp lều mới.

Nhưng những người đi lấy thức ăn không thấy trở lại, Kulau quay xuống khe núi. Khi ông vừa xuất hiện ở đầu dốc, năm sáu tiếng nổ cùng đồng thời vang lên.

Một viên đạn bắn thủng phần mềm trên vai ông, viên khác bắn vào vách đá mảnh văng ra làm má ông bị thương. Ông vội leo ngược trở lại, nhưng kịp nhận ra khe núi đã đầy bọn lính. Dân của ông đã phản bội ông - họ không chịu nổi sự khủng khiếp của những trận bắn pháo và chịu cam nhận nhà tù ở Mólôkai.

Lùi lại mấy bước, Kulau cởi túi đạn ở thắt lưng ra, nằm xuống giữa những móm đá, và khi trên dốc hiện ra đầu và vai của tên lính thứ nhất, ông bóp cò. Thêm hai lần lặp lại như thế, rồi sau một lúc yên lặng, trên mép dốc hiện ra một lá cờ trắng.

- Các người cần gì? - Kulau hỏi.

- Tôi cần ông, nếu như ông là Kulau hỏi, - có tiếng đáp lại.

Kulau quên cả nguy hiểm, quên tất cả. Ông nằm và ngạc nhiên trước sự kiên trì của bọn người da trắng tìm cách đạt được điều mình muốn, bất chấp tất cả. Đúng, bọn chúng đạt được điều mình muốn, thống trị tất cả, dù cho có phải trả giá bằng cả tính mạng cuộc đời. Ông cảm thấy thán phục cái ý chí của bọn người này, cái ý chí mạnh hơn cuộc sống và khuất phục tất cả trên đời. Ông hiểu rằng sự nghiệp của ông không còn hy vọng. Không thể tranh chấp được với ý chí của người da trắng. Dù ông có giết chết hàng nghìn người, chúng vẫn leo lên, mỗi lúc một kéo đến nhiều hơn, và sẽ giết chết ông. Không bao giờ bọn chúng chịu tự coi mình là kẻ chiến bại. Đó vừa là sai lầm, vừa cũng là sức mạnh của chúng.



Dân tộc ông không có được cái đó. Bây giờ ông bắt đầu hiểu rằng bằng cách nào một nhóm nhỏ những kẻ đầy tớ của ngài Chúa trời và những đầy tớ của ngài Rượu rôm lại có thể bắt đất nước ông phải quy phục. Điều đó đã xảy ra là vì...

- Thế nào? Ông có đi với tôi không? - Đó là giọng nói của người đang cầm lá cờ trắng mà ông không trông thấy. Quả hẳn là một tên da trắng chính cống, bất chấp tất cả, nhằm thẳng mục đích mình đi tới...

- Người lên đây, ta nói chuyện, Kulau đáp.

Trên dốc xuất hiện đầu, vai, và sau đó là toàn thân một đại úy trẻ, khuôn mặt dịu dàng, mắt xanh, người cân đối, cao lớn. Hắn đi lên phía trước, rồi theo hiệu của Kulau, dừng lại cách ông chừng năm bước.

- Nhà người gan dạ đấy, - Kulau trầm ngâm nói - Ta có thể giết chết người như một con ruồi.

- Không, không thể. - Hắn đáp.

- Tại sao?

- Tại rằng ông là một con người, Kulau ạ, mặc dù là một người xấu. Tôi biết lịch sử của ông, giết thì ông thạo lắm.

Kulau lẩm bầm một điều gì đó, mặc dù trong thâm tâm cảm thấy tự hào.

- Nhà người đã làm gì với những người của ta? - Ông hỏi - Một đứa bé, hai phụ nữ, một đàn ông giờ đang ở đâu?

- Họ đã đầu hàng. Còn bây giờ đến lượt ông. Tôi đến để bắt ông.

Kulau về không tin tưởng phá ra cười.

- Ta là người tự do, - ông nói. - Ta chưa hề làm điều gì ác cho ai. Ta chỉ muốn một điều: hãy để cho ta yên. Ta đã sống tự do và cũng sẽ chết là người tự do. Ta không bao giờ đầu hàng cả.

- Như thế là dân của ông thông minh hơn ông đấy, - viên đại úy trẻ nói. - Xem kìa, họ đang xuống đây.

Kulau quay người lại nhìn. Từ phía trên núi một đoàn người khủng khiếp đang đi xuống: nhóm còn lại sống sót của bộ tộc ông vừa thở vừa rên khóc kéo lê người đang điếu qua trước mặt ông trong toàn bộ sự quái dị thảm hại của nó.

Nhưng Kulau phải chịu đựng một sự cay đắng còn lớn hơn nữa, bởi vì, khi ngang qua chỗ ông đứng, họ tuôn ra những lời chửi rửa nhục mạ, bà già đi cuối cùng còn dừng lại, giơ nắm tay xương xẩu với những móng nhọn như móng điều hâu, nhe răng, lắc đầu lớn tiếng nguyên rửa ông. Những người hủi lần lượt theo nhau tụt xuống vách đá dốc và đầu hàng bọn lính nằm phục sẵn dưới khe.

- Bây giờ nhà ngươi có thể đi được, - Kulau nói với viên đại úy. - Ta không bao giờ đầu hàng cả. Đó là lời cuối cùng của ta. Chào nhà ngươi.

Viên đại úy trẻ xuống với đám lính của mình. Một phút sau hắn cắm mũ vào một cây sào giơ lên trên mép dốc. Và chiếc mũ lập tức bị viên đạn của Kulau bắn thủng. Cho đến tận chiều tối bọn lính đứng

từ bờ biển đổ đạn lên, và khi Kulau leo ngược lên cao hơn, đến những mỏm đá chưa bao giờ có người đến, bọn lính liền lần theo sát gót.

Suốt sáu tuần lễ bọn lính đuổi theo Kulau giữa những đỉnh núi đá nhọn hoắt, theo những con đường cheo leo của dê rừng. Khi ông trốn trong những bụi lantan<sup>(1)</sup> bọn chúng thả cả một bầy chó săn và đuổi ông, như một con thỏ qua suốt rừng rậm lantan và sim, đầy gai góc. Nhưng lần nào ông cũng làm mất mọi dấu vết và luôn đi thoát. Không thể nào bắt được ông. Khi bị những kẻ lùng bắt đuổi quá sát, Kulau sử dụng đến khẩu súng trường của mình, và bọn lính lại phải mang những kẻ bị thương theo những con đường núi hiểm trở ra bờ biển. Đôi lúc nhìn thấy thân hình màu nâu của ông thấp thoáng trong đám cây cối, bọn lính cũng nổ súng kịch liệt. Một lần năm tên lính đuổi theo ông trên quãng đường trống và nhắm vào ông bắn hết tất cả số đạn mang theo. Nhưng ông, khắp khiêng, vẫn chạy thoát theo mép vực sâu đến chóng mặt. Sau đó chúng tìm thấy những vết máu trên mặt đất và hiểu rằng ông đã bị thương. Sau sáu tuần, chúng đành phải bất lực khoanh tay bỏ đi. Bọn lính và cảnh sát trở về Hônôlulu, để lại thung lũng Kalapau cho ông toàn quyền sử dụng, mặc dù đôi lúc một vài tay săn lẻ cố tìm cách bắt ông, nhưng chỉ nhận được cái chết...

---

<sup>(1)</sup> Tên một loài cây rừng châu Mỹ.

Hai năm sau Kulau lần cuối cùng bò vào một đám cây rậm rạp và nằm dài trên mặt đất giữa những cây hoa gừng dại. Ông sống một cuộc đời tự do và ông chết cũng là người tự do. Trời bắt đầu mưa, ông đem tấm chăn đã rách nát phủ lên đôi chân tàn tật của mình. Người ông đã có chiếc áo bằng vải bạt bảo vệ. Khẩu súng mauze ông đặt trên ngực, thận trọng lau sạch từng giọt mưa trên nòng thép. Trên bàn tay lau súng không còn ngón. Có lẽ bây giờ ông không thể bám cò được nữa.

Ông nhắm mắt, một cảm giác mệt mỏi lan khắp toàn thân, trong đầu sương mù mờ ảo, và ông hiểu rằng cuộc đời của ông thế là sắp kết thúc. Như một con thú rừng, ông bò vào giữa bụi cây để chết. Trong cơn mơ màng, ý nghĩ của ông bay về với thời tuổi trẻ ở Niihau. Sự sống đang tàn dần, những giọt mưa nhỏ trên lá mỗi lúc nghe một khê thêm, còn ông thấy mình đang thuần dưỡng những con ngựa rừng, và dưới người ông chú ngựa hai tuổi bướng bỉnh, bất kham đang nhẩy lồng đứng lên bằng hai chân sau. Và đây, ông đang phóng như bay qua bãi san hô, và những chú trông ngựa giúp việc chạy tứ tung ra bốn phía, nhẩy qua những bức rào chắn. Một phút sau, hoàn toàn không ngạc nhiên trước sự thay đổi nhanh chóng, ông đuổi theo những con bò rừng dọc các bãi cỏ trên núi cao, ném những vòng dây thừng vào cổ chúng rồi dắt xuống thung lũng. Còn trong bãi đóng dấu, mồ hôi và bụi làm cho mắt cay xè, mũi ngứa ngáy.

Ông nằm mơ màng thấy lại tuổi trẻ tự do khỏe mạnh của mình cho đến khi một cảm giác đau nhói của cơn hấp hối bắt ông quay lại với hiện thực. Ông giơ đôi tay tàn phế xấu xí của mình lên và ngạc nhiên nhìn chúng. Vì sao? Tại sao? Làm sao ông, một người trẻ tuổi, khỏe mạnh, lại hóa ra thế này? Rồi ông nhớ lại tất cả, và trong một thoáng ông đã biến thành Kulau hủi. Đôi mi mắt ông mệt mỏi khép lại, tiếng mưa rơi ngừng lặng. Một cơn run uể oải chạy khắp người. Rồi tất cả kết thúc. Ông nhấc đầu lên, nhưng lại gục ngay xuống cỏ. Đôi mắt ông mở ra và không bao giờ khép lại nữa. Ý nghĩ cuối cùng của ông là về khẩu súng trường. Và bằng hai bàn tay không ngón, ông ôm chặt lấy khẩu súng vào ngực mình.

ĐOÀN TỬ HUYỀN dịch

## Hội những người già

Ở quần đảo Kazar có cuộc xét xử một người, người ta bàn tới cuộc sống và cái chết của người này. Đó là một lão già da đỏ, sinh trưởng ở một làng ven sông Cá Trắng, chỗ con sông này đổ vào sông Jucon, phía dưới hồ La Bacgiơ. Vụ án của lão già làm xôn xao không những vùng Dăuxơn, mà còn khắp cả vùng Jucon, chạy dài hàng nghìn dặm dọc hai bên bờ sông. Từ lâu những tên cướp trên biển, trên đất liền và những người Ănglô Xắc xông đã áp dụng luật đối với đám dân bị chinh phục, và luật của họ nhiều khi rất nghiêm khắc. Nhưng lần này, trong vụ xử Imbơ, điều luật đó tỏ ra vẫn quá nhẹ và độ lượng. Vì nó không trừ tính trước một hình phạt mà xét về mặt toán học đơn giản có thể ngang bằng với tổng số những tội ác đã gây ra. Kể tội phạm xứng đáng phải bị trừng trị bằng một hình phạt cao nhất, điều đó dĩ nhiên không còn phải bàn cãi gì nữa song, mặc dù cái hình phạt cao nhất được tuyên bố là án tử hình, thì Imbơ vẫn chỉ phải trả giá bằng có một

cuộc đời, trong khi đó hắn đã cướp đi không biết bao nhiêu cuộc đời.

Thực ra hai bàn tay của Imbơ đã vấy máu nhiều người đến mức không thể biết chính xác có bao nhiêu người là nạn nhân của hắn. Trong những phút ngồi hút thuốc đợi thuyền trên bến hoặc ngồi không bên lò sưởi, dân chúng trong vùng thường tính nhẩm với nhau xem có chừng bao nhiêu người đã bị giết bởi tay lão già ấy. Tất cả những nạn nhân bất hạnh này, đúng là tất cả không trừ một ai, đều là người da trắng, - họ bị giết lúc thì từng người, lúc thì hai người một, lúc thì cả một nhóm. Những vụ ám sát đó vô nghĩa và vô lý đến nỗi chúng luôn luôn là những câu đố bí hiểm đối với đội cảnh sát kỵ binh của hoàng gia, thậm chí cho mãi đến lúc người ta đã bắt đầu khai thác vàng ở những con sông này và chính phủ xứ tự trị đã phái đến đây một viên Tổng trấn để bắt dân chúng phải nộp thuế về tài sản của họ.

Nhưng bí ẩn hơn nữa là chuyện Imbơ đích thân đến Đâu-xơn nộp mình cho pháp luật. Vào lúc cuối xuân, khi con sông Jucon gầm thét và giã giũa giữa những vành đai băng bao bọc quanh nó, thì lão già da đỏ đang đi theo con đường mòn trên băng, bỗng quật về phía bờ sông, cố sức leo lên khỏi cái bờ dốc đứng, ngơ ngàng chớp chớp mắt rồi dừng lại ngay giữa đường cái. Bất cứ ai trông thấy hắn xuất hiện, đều nhận thấy hắn đã yếu lắm. Hắn loạng choạng đi đến bên đồng gỗ và ngồi xuống. Hắn ngồi đó suốt

cả ngày, mắt trừng trừng nhìn dòng người da trắng qua lại không lúc nào ngớt. Nhiều người tò mò đi qua rồi còn ngoảnh lại để nhìn hần lần nữa, một vài người khi trông thấy vẻ mặt kỳ dị của lão già man đại ấy thậm chí còn phải thốt ra mấy câu nhận xét. Sau này hàng chục người kể lại rằng cái vẻ mặt kỳ dị của lão già đã làm cho họ kinh ngạc, và đến lúc cuối đời họ vẫn còn tự hào về con mắt tinh tường và sự nhạy cảm của mình trước tất cả những chuyện lạ thường.

Song thực ra nhân vật chính của ngày hôm đó lại là anh chàng Dichkenxon Bé. Dichkenxon Bé khi đến vùng này lòng tràn đầy hy vọng và túi căng phồng đồ lạ; nhưng rồi với thời gian bao hy vọng của anh ta cứ xẹp dần cùng với túi tiền, và để có đủ tiền quay trở về Mỹ, anh phải nhận làm kế toán cho văn phòng môi giới "Hônbruc và Mâyxon". Cái đóng gỗ mà Imbơ ngồi chính là cái đóng gỗ ở ngay đối diện văn phòng "Hônbruc và Mâyxon". Trước khi đi ăn sáng, Dichkenxon ngó ra cửa sổ và nhìn thấy hần, đi ăn sáng về anh ta lại ngó ra cửa sổ: Lão già man đại vẫn ngồi nguyên chỗ cũ.

Dichkenxon thỉnh thoảng lại ra cửa sổ nhìn. Sau này anh ta cũng tự hào cho mình là người có con mắt tinh tường và nhạy cảm đối với những chuyện kỳ dị. Dichkenxon Bé là người có đầu óc lãng mạn, anh ta nhìn lão già theo đạo đa thần đang ngồi bất động ấy mà tưởng tượng hần là hiện thân của dân tộc ngoan



cường đang thản nhiên nhìn thẳng vào đạo quân xâm lược Ănglô Xăcxông.

Hết giờ này sang giờ khác, Imbơ vẫn ngồi nguyên không nhúc nhích trong một tư thế, khiến Dichkenxơn bỗng nhớ đến trường hợp có lần có một chiếc xe trượt tuyết nọ cũng dừng lại ngay giữa đường cái, trên xe có một người cũng ngồi bất động y như thế: khách qua đường đi ngang chiếc xe ai cũng cho là người ấy đang ngồi nghỉ, nhưng đến khi có người động vào thì mới vỡ nhẽ anh ta đã chết từ bao giờ và xác đã đông cứng. Muốn kéo cái xác cho thẳng ra - vì không thì không nhét vào quan tài được - người ta phải kéo nó đến gần đồng lửa cho tan lớp băng. Dichkenxơn rung mình khi nghĩ đến chuyện đó.

Một lát sau Dichkenxơn đi ra phố để hút thuốc và hít thở không khí. Đứng hút thuốc chừng một phút anh ta bỗng gặp Emili Torevixơ. Emili Torevixơ là một cô gái hết sức tinh tế và sành sỏi, người mảnh khảnh, và ăn mặc, dù là ở Luân Đôn hay Clônđaicơ, lúc nào cũng như tiểu thư của nhà kỹ sư mỏ triệu phú. Dichkenxơn Bé đặt điều thuốc lên bậu cửa sổ, khẽ nâng mũ lên khỏi đầu. Họ đứng tán chuyện với nhau chừng mười phút thì đột nhiên Emili nhìn qua vai Dichkenxơn và sợ hãi kêu lên một tiếng. Dichkenxơn vội vàng quay lại và cũng giật bắn người. Imbơ đã đi sang đường từ bao giờ và hết như một cái bóng xám, đang đứng ngay cạnh họ, gương cặp mắt bất động nhìn chằm chằm vào cô gái.

- Mà muốn gì? - Dichkenxon lấy can đảm hỏi giọng vẫn run run.

Imbơ lăm bắm một câu gì đó rồi bước sát lại Emili Torevixơ. Hắn chăm chú quan sát từ đầu đến chân cô gái, như cố không để sót chi tiết nào. Hắn ngắm kỹ nhất là mái tóc óng ả màu hạt dẻ của cô gái và cặp má hồng có phủ một lớp tuyết xốp trông hết như cánh bướm. Hắn cứ đi vòng quanh cô gái, cẩn thận xem xét từng tí như người đi mua ngựa hoặc sắm thuyền. Bỗng hắn nhìn thấy một ánh nắng chiều chiếu vào cái tai màu hồng của cô gái, hắn dừng lại ngắm nghía có vẻ thích thú. Sau đó hắn lại tiếp tục quan sát khuôn mặt cô và nhìn chòng chọc rõ lâu vào đôi mắt xanh của cô. Hắn lại lăm bắm câu gì rồi đặt lòng bàn tay lên cánh tay cô gái, chỗ dưới vai một chút, còn tay kia thì bẻ gập khuỷu tay cô gái lại. Khuôn mặt tên da đỏ bỗng lộ vẻ ghê tởm và ngạc nhiên, hắn khinh bỉ lăm bắm trong miệng rồi buông tay cô ta. Sau đó hắn lại lầu bầu cái gì trong họng, quay lưng về phía cô gái và nói gì với Dichkenxon.

Dichkenxon không sao hiểu hắn nói gì, còn Emili thì phá ra cười. Imbơ cau mặt, lúc thì quay sang nói với Dichkenxon, lúc quay sang nói với cô gái, nhưng cả hai người chỉ lắc đầu. Hắn toan bỏ đi thì cô gái bỗng lớn tiếng gọi:

- Ê! Jimi! Lại đây!

Jimi ở bên kia đường bước sang. Đó là một gã da đỏ to xác, cục mịch, ăn mặc theo kiểu người da trắng,

đội chiếc mũ rộng vành to bự, như kiểu mũ các ông vua Endôradô thường đội. Hấn bắt chuyện với Imbơ, răn ra từng tiếng một như người bị nghẹn. Jimi nguyên là người thuộc bộ lạc Xitkha, nên trong ngôn ngữ của những bộ lạc sống ở các vùng sâu, gã chỉ biết vài từ đơn giản nhất.

- Hấn ở bộ lạc Cá Trắng, - gã nói với Emili Torevixơ.

- Tôi không hiểu tiếng của hấn lắm. Hấn muốn gặp người da trắng quan trọng.

- Ngài tổng trấn, - Đíchkenxơn nhắc.

Jimi trao đổi với con người ở bộ lạc Cá Trắng thêm vài câu nữa, khuôn mặt gã bỗng lộ vẻ hoài nghi lo lắng.

- Tôi nghĩ hấn cần gặp ông đại úy Alêchxandơ, - Jimi tuyên bố - Hấn nói hấn đã giết chết một ông da trắng, một thằng bé da trắng, hấn giết nhiều, nhiều người da trắng lắm. Bây giờ hấn muốn chết.

- Chắc hấn bị điên, - Đíchkenxơn nói.

- Nghĩa là gì ạ? - Jimi hỏi.

Đíchkenxơn di ngón tay vào trán rồi xoay thật mạnh, như muốn chọc thủng đầu mình.

- Có thể, có thể, - Jimi nói, rồi quay sang tên Imbơ, lúc này vẫn đang đòi cho gặp người da trắng quan trọng.

Vừa lúc đó một viên cảnh sát trong đội kỵ binh của hoàng gia tiến đến (ở Clônđaicơ họ không cần phải đi ngựa) và nghe thấy Imbơ nhắc lại lời yêu cầu.

Viên cảnh sát đó là một chàng trai vạm vỡ, vai rộng, ngực nở, đôi chân cân đối chắc nịch; mặc dù Imbơ đã cao, anh ta vẫn cao hơn hẳn nửa cái đầu. Đôi mắt anh ta màu xám, lạnh lùng, ánh mắt nhìn kiên quyết, phong thái toát ra một vẻ tự tin rất đặc biệt. Cái tự tin lưu truyền từ đời cha ông và trải qua nhiều thế kỷ đã được thần thánh hóa thêm. Cái vẻ oai phong đẹp đẽ của viên cảnh sát càng nổi bật hơn bởi cái tuổi trẻ của anh ta. - Trông anh ta hãy còn rất trẻ con, cái màu hồng trên đôi má phảng phiu của anh ta cũng dễ đỏ hừng lên một cách nhanh chóng như trên đôi má của các cô gái.

Bây giờ thì Imbơ lại chỉ chăm chú nhìn viên cảnh sát. Vừa nhận thấy trên cằm cậu thiếu niên có một vết sẹo do kiếm đâm, lập tức trong ánh mắt lão già da đỏ loé lên một tia lửa. - Hắn đưa bàn tay khô khốc sờ vào mũi viên cảnh sát và khẽ nắm cái mũi cuộn cuộn bấp thịch của anh ta. Rồi giơ mấy ngón tay xương xẩu gõ gõ vào bộ ngực rắn chắc của anh chàng, sau đó sờ nắm những bắp thịt nở nang phủ trên vai chàng thiếu niên như một tấm áo giáp. Những người qua đường tò mò đã xúm đông quanh họ - đó là bọn người đi mò vàng, đám dân miền núi, những người tiên phong khai phá vùng đất hoang, tất cả đều là con cháu của giống chân dài, vai rộng. Imbơ đưa mắt nhìn hết người này sang người khác, sau đó nói rất to một câu bằng thứ tiếng của bộ lạc Cá Trắng.

- Hắn nói gì thế? - Đichkenxơn hỏi.

- Hẳn bảo tất cả những người này đều là một, và đều giống anh cảnh sát này, - Jimi dịch.

Dichkenxon Bé là người thấp nhỏ, vì thế anh ta hồi hận là đã đi hỏi như thế trước mặt cô Torevixơ. Viên cảnh sát thông cảm với anh ta và quyết định ra tay giúp.

- Có lẽ trong đầu hẳn cũng có cái gì đó. Để tôi dẫn hẳn đến ông đại úy. Jimi, hãy bảo nó đi theo ta.

Jirlli lại bắt đầu đặt ra từng câu, còn Imbơ thì cũng lầu bàu điều gì đó, nhưng vẻ mặt hẳn có vẻ rất hài lòng.

- Jimi, mày hỏi nó xem nó nói gì và nghĩ gì lúc nó nắm tay tao?

Đó là câu hỏi của Emili Torevixơ, Jimi dịch lại câu hỏi, rồi đến câu trả lời:

- Nó bảo bà không phải là kẻ hèn nhát.

Nghe thấy thế Emili Torevixơ không giấu nổi vẻ hài lòng.

- Nó nói rằng, bà không phải là xencum, không khỏe chút nào cả, mà mềm mại như đứa bé con. Nó có thể lấy tay xé bà ra từng mảnh. Nó thấy rất buồn cười và ngạc nhiên không hiểu sao bà có thể để ra một người đàn ông to khỏe như ông cảnh sát này.

Emili Torevixơ cố lấy can đảm không nhìn xuống, nhưng hai má cô đỏ bừng lên. Dichkenxon cũng ngượng chín mặt, má cũng đỏ dừ như quả bồ quân. Còn viên cảnh sát trẻ tuổi thì mặt, mũi, tai đều đỏ ửng hết, không sót chỗ nào.

- Ê, thôi, bước! - Anh ta sẵn giọng quát, lấy vai rờ đám đông ra.

Thế là Imbơ rơi vào quần đảo Kazar, nơi hắn đã tự thú hết mọi tội, và sau đó không bao giờ ra khỏi nữa.

Imbơ trông rất mệt mỏi. Lão đã già và không còn hy vọng gì nữa, điều đó hiện rõ trên nét mặt hắn, lưng lão còng lại một cách thảm hại, mắt bắt đầu mờ đi, tóc đáng lẽ phải bạc trắng, nhưng mưa nắng đã thiêu đốt và giày vò chúng nhiều đến nỗi chúng chỉ còn là một mớ xơ gai chết không màu sắc. - Lão không còn thiết gì đến mọi chuyện xung quanh. Căn buồng lão ngồi chật ních những người đi tìm vàng và thợ săn, những tiếng nói ồm ồm dữ tợn của họ vang vọng trong tai Imbơ chẳng khác gì tiếng âm ĩ của sóng biển vọng vào các cửa hang.

Lão ngồi bên cửa sổ, cặp mắt chờ đợi thỉnh thoảng lại dừng lại ở cái phong cảnh ảm đạm trải ra phía trước mắt. Bầu trời bị mây che phủ, không trung đặc sệt lớp sương muối màu xám. Nước lũ bắt đầu tràn về sông Jucon. Băng đã tan, nước sông chảy ngập thành phố. Những con người không lúc nào hết lo âu hồi hải bởi thuyền đi lại dọc theo đường phố chính. Thỉnh thoảng có một chiếc thuyền bị trôi từ trên phố xuống cái bãi ngập nước trước khu trại Kazar; sau đó nó đến được gôn hơn, rồi biến mất và Imbơ nghe thấy có tiếng va đến "cộp" một cái vào bức tường gỗ, rồi có tiếng người chui qua cửa sổ bò vào

trong nhà. Tiếp đó là tiếng chân người bì bõm đi trong nước, đi qua hết tầng dưới và bắt đầu leo lên cầu thang. Họ cởi mũ, tháo các đôi ủng lính ướt sũng ra, bước vào phòng rồi nhập vào đám đông ngồi đợi phiên tòa.

Trong lúc bọn người đó người nào cũng nhìn lão với vẻ thù địch và thích thú vì lão đang bị trừng phạt, thì Imbơ lặng lẽ quan sát họ và suy nghĩ về những tục lệ và quy tắc sống của họ, về cái luật pháp luôn cảnh giác của họ, cái luật đã đang và sẽ tồn tại cho đến lúc tận thế, cả vào lúc thịnh vượng và lúc khó khăn, cả vào lúc có lụt lội và nạn đói, bất chấp cả tai hoạ, cả nỗi khủng khiếp, cả cái chết. Imbơ có cảm tưởng như vậy.

Có người gõ gõ vào mặt bàn; tiếng nói chuyện chấm dứt, im lặng bắt đầu. Imbơ liếc nhìn người vừa gõ vào bàn hình như đó là một người có uy quyền, nhưng lão vẫn cảm thấy người có uy quyền đối với tất cả, kể cả đối với người vừa gõ bàn kia, là người khác, cái người có trán rộng, ngồi sau cái bàn xa hơn một chút đằng kia cơ. Lại có một người nữa đang ngồi sau bàn đứng dậy, cầm lấy một tập những tờ giấy rất mỏng và bắt đầu đọc to. Trước khi bắt đầu đọc sang tờ khác, ông ta lại ho mấy tiếng, và sau khi đọc xong, lại đưa ngón tay lên nhấm nước bọt. Imbơ không hiểu người đó nói gì, nhưng những người khác ai cũng hiểu và cứ trông vẻ mặt họ thì biết là họ đang tức giận. Có lúc họ còn hết sức công phẫn, thậm

chỉ có người còn chửi lão, Imbơ, bằng một câu ngắn nhưng có vẻ giận dữ, nhưng cái người ngồi sau bàn đã gõ ngón tay ra lệnh cho kẻ phá rối kia giữ trật tự.

Người cầm giấy cứ đọc mãi không dứt. Nghe cái giọng đều đều buồn ngủ của ông ta, Imbơ bắt đầu thiu thiu và khi ông ta đọc xong, lão đã ngủ say. Có người hét to bằng tiếng của bộ lạc Cá Trắng gọi lão, lão tỉnh dậy và chẳng hề lộ vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy trước mắt người con trai của em gái lão. Một gã da đỏ trẻ tuổi bỏ làng đi đã lâu và sống giữa những người da trắng.

- Chắc bác không nhớ tôi, - gã nói thay cho lời chào.

- Không, tao nhớ, - Imbơ đáp, - Mày là Hunkan, mày bỏ chúng tao đi đã lâu. Mẹ mày đã chết rồi.

- Bà ấy đã già rồi. - Hunkan nói.

Imbơ không còn nghe thấy câu trả lời nữa, nhưng Hunkan đã lắc vai đánh thức lão lần nữa.

- Tôi sẽ nói cho bác biết, người vừa rồi đọc cái gì, ông ta kể tất cả những tội ác mà bác đã làm và bác đã ngu ngốc đi thú nhận hết với đại úy Aléchxandơ. Bác phải suy nghĩ kỹ và trả lời xem, tất cả những điều đó có đúng sự thật không. Người ta ra lệnh cho bác thế.

Hunkan sống ở nhà những người truyền giáo và được họ dạy cho biết đọc biết viết. Lúc này gã đang cầm trong tay những tờ giấy mỏng mà cái người ngồi sau bàn vừa đọc ban nãy, - trong đó ghi lại tất cả những điều Imbơ khai với viên đại úy Aléchxandơ,



do Jimi dịch lại. Hunkan bắt đầu đọc. Imbơ nghe được một lúc, thì mặt lão lộ vẻ kinh ngạc, lão ngắt lời Hunkan:

- Đó là lời của tao, Hunkan, nhưng chúng lại từ miệng mày nói ra, và tai mày không nghe được chúng.

Hunkan bắt giắc mỉm cười và vuốt lại mớ tóc có rẽ ngôi.

- Không phải đâu, bác Imbơ, những từ ấy là ở trong giấy đấy chứ. Tai tôi không nghe thấy chúng. Nhưng cái chữ ấy từ giấy đi qua mắt, đi vào trong đầu tôi, rồi sau đó môi tôi nói lại cho bác. Đấy, chúng từ đấy mà ra đấy.

- Chúng từ đấy ra. Nghĩa là chúng ở trong giấy à? - Imbơ thì thảo hỏi với vẻ kính cẩn tay sờ sờ tờ giấy in đầy chữ. - Đây là một thứ bùa phép rất linh thiêng, còn mày, Hunkan, mày là một phù thủy thật rồi.

- Bác chỉ nói nhảm! Gã thanh niên tỏ vẻ giận, song không giấu được niềm tự hào.

Gã cầm đại một tờ giấy rồi bắt đầu đọc.

- "Vào năm ấy, trước khi có băng trời, tôi gặp một ông già và một thằng bé khập khiễng một chân. Họ cũng bị tôi giết. Ông già kêu rất khỏe..."

- Đúng đấy, - Imbơ ngắt lời, giọng hỗn hển. - Lão ta cứ kêu và lăn lộn mãi không chịu chết. Nhưng sao mày biết chuyện đó hả Hunkan? Chắc ông chỉ huy da trắng kể cho mày phải không? Vì không ai trông thấy tao giết cả và tao chỉ kể cho mình ông ấy nghe thôi.

Hunkan buồn bực lắc đầu.

- Ôi, bác ngu quá! Tôi chả nói với bác là tất cả những chuyện đó đều viết trong giấy rồi thôi?

Imbơ chăm chú ngắm nghía tờ giấy ghi đầy những nét chữ bằng mực.

- Người đi săn nhìn tuyết và bảo: chỗ này hôm qua có con thỏ chạy qua, chạy đến chỗ này, nó chui vào bụi liễu ngồi nghe ngóng, rồi không biết sợ cái gì nó lại chạy đi, rồi nó bỗng quay lại, rồi bất thình lình chạy rất nhanh, nó nhảy những bước rất dài, nhưng con linh miêu còn chạy nhanh hơn, đến chỗ dấu chân thỏ in sâu vào tuyết, con linh miêu nhảy một cái rồ xa, nó đuổi kịp con thỏ và nằm ngửa ra; sau đó chỉ thấy có dấu chân con linh miêu, còn dấu chân thỏ không thấy. Giống như người đi săn nhìn các dấu chân trên tuyết và nói ở chỗ này xảy ra chuyện này, chỗ kia xảy ra chuyện kia, mà cũng nhìn vào tờ giấy và nói ở đây xảy ra chuyện này, ở chỗ kia xảy ra chuyện kia và tất cả những chuyện đó là do lão già Imbơ làm, có phải thế không Hunkan?

- Phải, đúng như thế đấy, - Hunkan đáp. - Bây giờ bác hãy nghe cho kỹ và khi người ta chưa bảo nói thì đừng có tống tốc mồm như đàn bà nhé!

Và Hunkan bắt đầu đọc một thôi một hồi cho Imbơ nghe những lời cung khai của lão, còn lão thì cứ ngồi im, đắm chiêu suy nghĩ. Khi Hunkan đọc xong Imbơ bảo gã:

- Tất cả những lời mày vừa đọc đúng là lời của tao. Hunkan ạ, nhưng tao già lắm rồi, mãi bấy giờ tao mới nhớ lại những việc làm đã quên lãng từ lâu, mà ông chỉ huy cần biết những việc làm đó. Nay, một hôm có một người từ sau dãy núi băng đến, hắn ta có những cái bẫy bằng sắt tài lắm, hắn đi săn những con hải ly ở sông Cá Trắng. Tao đã giết hắn, sau đó tao còn giết ba người nữa trên sông Cá Trắng, những người đi tìm vàng ấy, tao giết chúng rồi quăng xác cho cá... Rồi tao còn giết một người nữa ở gần Phaivơ Phinge, - hắn bơi trên chiếc mảng, mang theo nhiều thịt lắm.

Imbơ ngừng nói một phút để nhớ lại, đám người ngồi nghe có vẻ không chú ý lắm đến câu chuyện thật thà của lão, mà mỗi câu chuyện là một tấm thảm kịch nhỏ. Mãi cho đến khi Imbơ bắt đầu kể về một người tóc hung, mắt xéch bị lão đứng đằng xa bắn tên giết chết, thì mọi người mới bắt đầu lắng nghe.

- Đồ chó chết, - một người ngồi hàng ghế đầu kêu to giọng có vẻ đau đớn và căm giận. Tóc anh ta cũng màu hung. - Đồ chó chết! - Ông ta nhắc lại. - Đó là Bin, em trai của ta!

Trong lúc tòa xét xử, trong phòng cứ chốc chốc lại vang lên những tiếng "Đồ chó chết!" giận dữ. - Mặc dù được bạn bè khuyên can và bị người ngồi sau bàn nhắc nhở, người tóc hung nhất định không chịu im.

Đầu Imbơ lại cúi gằm xuống, mắt lão như có làn khói bao phủ, không nhìn thấy gì xung quanh nữa. Lão

lại đắm chìm vào những hồi tưởng xa xưa, mà chỉ có tuổi già mới có thể nghĩ đến.

Hunkan lại phải lay lão dậy.

- Ôi, cái lão Imbơ này, đứng dậy đi. Người ta ra lệnh cho lão khai, tại sao lão lại gây ra những tội ác và giết những người như thế, rồi sau lại tự nguyện đến đây tìm luật pháp.

Imbơ loạng choạng mãi mới đứng dậy được, lão đứng không vững vì người yếu quá, lão nói bằng cái giọng ồm ồm, hơi run run, nhưng đang nói thì bị Hunkan ngắt lời.

- Lão già này lú lẫn hết rồi. - Gã nói bằng tiếng Anh với cái người trán rộng. - Hấn nói nhảm nhí những chuyện gì đâu đâu, như đứa trẻ con.

- Chúng tao muốn nghe những lời nhảm nhí của hấn, - người trán rộng bảo. - Chúng tao muốn nghe hấn nói hết, nghe từng lời một, hiểu chưa?

Hunkan đã hiểu. Mắt Imbơ sáng lên. Lão đã đoán được đứa con trai của em gái lão nói gì với người thủ lĩnh da trắng. Thế là lão bắt đầu thú nhận tất cả mọi tội lỗi của lão. Đó là câu chuyện kỳ lạ của một người da màu yêu nước đang được khắc lên bia đá để lưu truyền cho các thế hệ mai sau. Đám người nghe cứ lặng dần đi như bị mê hoặc, còn viên quan tòa trán rộng thì cứ gục đầu vào tay như thể đang nghe tiếng nói từ chính tâm hồn con người da đỏ, tâm hồn của cả chủng tộc hấn. Trong không khí im phăng phắc chỉ

nghe thấy giọng nói trầm trầm của Imbơ, xen lẫn giọng lạnh lạnh của người phiên dịch và thỉnh thoảng tiếng kêu ngạc nhiên "Quý thật!" của người tóc hung lại vang lên như tiếng chuông cầu nguyện.

- Tôi là Imbơ, ở bộ lạc Cá Trắng. - Hunkan dịch lại lời của lão già; con người hoang dã chột thức dậy trong gã, bao nhiêu những cái văn minh bị tiếm nhiễm bởi các nhà truyền giáo bỗng chốc tiêu tan hết, khi tai gã bắt được trong lời nói Imbơ cái âm điệu và tiết tấu quen thuộc. - Bố tôi là Ôtxabôc - một hiệp sĩ dũng cảm. Hồi tôi còn bé, những tia nắng mặt trời sưởi ấm mảnh đất của chúng tôi, còn niềm vui thì sưởi ấm những con tim. Người ta không đuổi theo những cái gì không biết, không nghe tiếng nói của người lạ; những tập quán của cha ông là tập quán của chúng tôi. Con trai thì vui vẻ nhìn con gái, còn con gái thì âu yếm nhìn lại họ. Đàn bà thì cho con bú, cuộc sống của họ ngày càng nặng thêm bởi đàn con đông đúc. Bộ lạc cứ ngày càng đông dần và đàn ông hồi đó đúng là đàn ông. Họ là đàn ông trong những ngày yên ảm no đủ, họ là đàn ông trong cả những khi có chiến tranh và nạn đói.

Thời đó cá ở dưới sông nhiều hơn bây giờ và thú trong rừng cũng nhiều hơn. Những con chó của chúng tôi là thuộc loài sói, chúng có bộ lông dày rất ấm, không hề biết sợ giá buốt và bão tuyết. Và chúng tôi cũng giống chúng - cũng không sợ giá buốt, bão tuyết. Khi người bộ lạc Penli đến đất chúng tôi, chúng

tôi giết họ, và họ cũng giết chúng tôi. Vì chúng tôi là những người đàn ông, chúng tôi là những người của bộ lạc Cá Trắng; cha ông chúng tôi và cha ông của cha ông chúng tôi đã chiến đấu với bộ lạc Penli và vạch ra biên giới của nước tôi.

Tôi đã nói, những con chó của chúng tôi rất can đảm, chúng tôi cũng rất can đảm. Nhưng một hôm có một người da trắng đầu tiên đặt chân lên mảnh đất chúng tôi. Hắn bò bốn chân trên tuyết, như thế này đây. Da hắn mỏng dính, trông rõ cả xương. Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người nào như thế, nên rất ngạc nhiên và đoán với nhau xem hắn là người ở bộ lạc nào và từ đâu đến. Hắn yếu lắm, rất yếu, yếu như một đứa bé vậy. Chúng tôi nhường cho hắn một chỗ bên bếp lò, trải cho hắn một tấm da ấm và cho hắn ăn như cho những đứa bé ăn.

Cùng đi với hắn có một con chó to bằng khoảng ba con chó của chúng tôi, nó cũng yếu lắm. Lông nó ngắn và mỏng, đuôi thì đông cứng và lạnh, nên rụng mất cái mẩu cuối. Chúng tôi cũng cho con chó kỳ lạ ấy ăn, dắt nó đến sưởi bên cạnh lò và đuổi chó của chúng tôi đi chỗ khác, nếu không chúng xé xác nó ra mất.

Nhờ có thịt hươu và thịt cá hồi phơi khô, dần dần cả người lẫn chó đều bắt đầu hồi sức và khi đã có sức rồi, chúng bắt đầu béo ra và mạnh dạn hơn, hắn ta bắt đầu nói năng to tát, cười nhạo những người già và thanh niên, và nhìn con gái với cặp mắt xác lác. Con chó của hắn thì đánh nhau với những con chó

của chúng tôi và mặc dù lông nó mềm và ngắn hơn, một hôm nó vẫn cắn chết ba con chó của chúng tôi.

Khi chúng tôi hỏi người ấy, hấn từ bộ lạc nào đến hấn bảo: "Tôi có nhiều anh em lắm", rồi cười với ý không tốt. Lúc đã khỏe hấn, hấn bỏ chúng tôi đi, cả Nôđa, con gái người thủ lĩnh, cũng đi theo hấn. Sau khi hấn đi ít lâu, một con chó của chúng tôi đẻ. Chưa bao giờ chúng tôi nhìn thấy những con chó như thế - đầu thì to, xương hàm rất chắc, lông thì ngắn và mềm. Bố tôi, Ôtxabôc, là một chiến sĩ dũng cảm; tôi còn nhớ khi ông nhìn thấy mấy con chó ấy, mặt ông tối sầm đi vì tức giận, ông nhặt mấy hòn đá rồi thế này, sau đó thế này - thế là cả mấy con chó chết hết. Sau hai mùa hè con Nôđa trở về, bế trên tay một đứa bé.

Mọi chuyện bắt đầu từ đó, ít lâu sau một người da trắng thứ hai đến chỗ chúng tôi cùng với những con chó lông ngắn, lúc ra đi chúng để những con chó của hấn lại, nhưng mang theo sáu con chó khỏe nhất của chúng tôi mà hấn đổi cho Cuxôti, em trai của mẹ tôi, một khẩu súng lục rất lạ, có thể bắn một lúc sáu viên rất nhanh. Cuxôti rất hãnh diện có khẩu súng ấy, chú ấy bắt đầu chế giễu cung nỏ của chúng tôi, gọi chúng tôi là những thứ đồ chơi của đàn bà. Sau đó chú ấy mang súng lục đi săn gấu. Bây giờ thì ai cũng biết là không thể dùng súng lục bắn gấu được nhưng hồi đó làm sao chúng tôi biết được như thế? Cả Cuxôti, chú ấy cũng làm sao biết được như thế? Chú ấy rất hiền

ngang tiến lại chỗ con gấu và bắn sáu phát liên vào người nó, con gấu chỉ gầm gừ mấy tiếng rồi xông vào xé nát ngực Cuxôti, như bóp nát cái vỏ trứng, óc chú ấy chảy lênh láng ra ngoài cứ như mật chảy ra khỏi tổ. Chú ấy là một tay đi săn giỏi, bây giờ không có ai săn thú cho vợ con chú ấy nữa. Chúng tôi ai cũng thương xót chú ấy và nói thế này: "Cái gì hay đối với người da trắng, thì đối với chúng ta là dở!". Mà đúng như vậy. Người da trắng rất đông, người nào cũng to lớn, vì họ mà bộ lạc chúng tôi ngày một ít đi và người chúng tôi ngày một gầy đi.

Rồi người da trắng thứ ba đến, hắn mang theo rất nhiều đồ dùng và của cải. Hắn đem những thứ đó đổi cho chúng tôi lấy hai mươi con chó khỏe nhất. Khi ra đi, hắn còn dùng quà và những lời hứa hẹn để lôi kéo mười tay đi săn trẻ của chúng tôi, rồi dẫn đi đâu không ai biết. Người ta bảo họ bị tuyết vùi chết trên dãy tuyết băng, nơi chưa có dấu chân người, hoặc trên quả Đồi Câm, ở phía tận cùng trái đất. Không biết có đúng thế hay không, nhưng bộ lạc Cá Trắng chẳng ai còn trông thấy những con chó và những người đi săn trẻ ấy nữa.

Rồi những người da trắng cứ tiếp tục kéo đến, mang theo quà, và lúc ra đi mang theo những thanh niên của chúng tôi. Đôi lúc có người quay trở về, chúng tôi được nghe họ kể những chuyện hết sức kỳ lạ về những nỗi khổ cực và nguy hiểm ở phía bên kia quả đất của bộ lạc Penli, nhưng đôi lúc họ đi hẳn



không bao giờ trở lại. Lúc đó chúng tôi bảo: "Người da trắng sợ dĩ không sợ gì cả vì họ đông, còn bộ lạc Cá Trắng của chúng tôi thì ít người, con trai của bộ lạc chúng ta không được đi theo họ nữa!". Nhưng con trai vẫn bỏ đi, rồi đến cả con gái nữa, nỗi căm tức của chúng tôi ngày một tăng. Thật ra chúng tôi cũng thích ăn bột mỳ và thịt lợn muối, rất nghiện uống chè; những khi nào chúng tôi thiếu trà uống thật hết sức khó chịu; chúng tôi đâm ra ít nói và dễ cáu. Chúng tôi bắt đầu thấy nhớ những thứ hàng mà người da trắng đem đến để buôn bán với chúng tôi. Buôn bán! Buôn bán! Suốt ngày chúng tôi chỉ nghĩ đến hai chữ đó! Một lần vào mùa đông chúng tôi đem đổi hết thịt thú rừng sẵn được lấy cái đồng hồ không chạy, những cái rựa cùn và những khẩu súng không có đạn. Sau đó chúng tôi bị đói, không còn thịt ăn và bốn chục người bị chết trước khi mùa xuân đến.

"Chúng ta suy yếu rồi, - chúng tôi nói với nhau thế. - Bộ lạc Penli đã tấn công và chiếm đất của chúng ta". Nhưng tai họa không chỉ đến với chúng tôi mà còn cả với bộ lạc Penli - dân bộ lạc đó cũng suy yếu và không thể đánh nhau với chúng tôi được.

Cha tôi, Ôtxabôc, một chiến sĩ dũng cảm, lúc đó đã già nhưng vẫn còn rất sáng suốt. Ông bảo với vị thủ lĩnh của chúng tôi như thế này: "Ngài xem, những con chó của chúng ta hỏng hết rồi! Chúng không còn bộ lông dày nữa, sức lực của chúng cũng giảm sút rất nhiều, chúng không kéo nổi xe nữa và cứ

bị rét là chúng chết. Ngài nghe tôi, ta hãy giết hết chúng đi, chỉ giữ lại những con chó cái nòi sói thôi, rồi đến đêm thả chúng vào rừng cho đi tìm sói đực. Như thế chúng ta sẽ lại có những con chó khỏe mạnh, lông dày".

Người thủ lĩnh làm theo những lời khuyên đó. Chẳng bao lâu sau bộ lạc Cá Trắng lại nổi tiếng vì có những con chó tốt nhất vùng. Nhưng chỉ nổi tiếng về chó thôi, chứ không phải về người. Những con trai và con gái khỏe mạnh nhất của chúng tôi bị người da trắng dẫn đi qua không biết bao nhiêu đèo cao, suối sâu và bị đưa đến không biết nơi nào. Những đứa con gái hoặc trở về, thì đứa nào trông cũng già và ốm yếu như con Nôđá, hoặc không bao giờ trở về nữa. Còn tụi con trai nếu có trở về cũng chẳng ngồi lâu bên lò sưởi của chúng tôi. Đi lang thang khắp nơi chúng đã tiêm nhiễm những lời nói tục tằn và những cử chỉ xác láo, chúng uống thứ nước của ma quỷ và suốt ngày đánh bài, chỉ cần nghe tiếng gọi đầu tiên của người da trắng là chúng lập tức bỏ đi tới những xứ sở xa xôi ngay. Chúng đã quên mất nghĩa vụ phải kính trọng người già, chúng không nhường nhịn tôn kính ai cả, chúng tỏ vẻ khó chịu với những tục lệ cũ của chúng tôi và cười cả vào mặt vị thủ lĩnh và những ông thầy cúng.

Tôi nói rằng những người trong bộ lạc Cá Trắng chúng tôi ngày một trở nên ốm yếu và bệnh tật. Có bao nhiêu loại lông thú chúng tôi đem đổi hết lấy

thuốc lá, rượu uytxki và quần áo bằng thứ vải bông mỏng mà khi mặc vào người cứ run lên vì lạnh. Bệnh ho tấn công chúng tôi, đàn ông đàn bà thi nhau ốm, ho sù sụ cả ngày và mồ hôi toát ra suốt đêm, những người đi săn vào đến rừng cũng khạc cả máu ra tuyết. Hết người này đến người khác mắc bệnh thổ ra huyết. Người ta chết nhanh cũng vì thế. Đàn bà bắt đầu đẻ ít hơn và trẻ con khi đẻ ra cũng ốm yếu quặt quẹo hơn. Người da trắng còn mang đến cho chúng tôi một số bệnh khác mà chúng tôi chưa bao giờ nghe nói. Người ta bảo tôi những bệnh đó gọi là bệnh đậu mùa và bệnh sởi, - chúng tôi chết vì những bệnh này giống như những con cá hồi chết trong các ngòi lạch vào mùa xuân, khi chúng thôi không đẻ trứng và chẳng biết sống làm gì nữa.

Nhưng cái đáng lạ nhất là, những người da trắng mang đến cho chúng tôi sự chết, tất cả mọi tập quán của họ đều dẫn đến cái chết, hơi thở từ lỗ mũi họ phát ra cũng sắc mùi chết chóc, vậy mà họ không chết. Họ có nào là thuốc lá, nào là rượu uytxki, nào là những con chó lông ngắn, họ có đủ mọi thứ bệnh; nào sởi, nào đậu mùa, nào ho, nào thổ huyết, da của họ trắng và họ rất sợ băng giá, bão tuyết, họ có những khẩu súng lục bắn sáu phát liên rất dỏ; vậy mà bất chấp tất cả mọi thứ bệnh tật ấy, họ vẫn béo tốt và sinh sôi nảy nở rất nhanh, họ đặt cái bàn tay nặng nề của họ lên toàn thế giới và giày xéo lên mọi dân tộc. Phụ nữ của họ trông dịu dàng như những đứa trẻ

con: mảnh khảnh yếu đuối là thế mà thực ra lại rất cứng cỏi, - lại là mẹ của những người đàn ông cao lớn vạm vỡ. Thế mới biết, cái mềm mại, cái bệnh tật và sự yếu đuối nữa, nhiều khi lại là sức mạnh, là sự vững chắc và quyền lực. Những người da trắng - họ là gì tôi cũng không biết nữa - là thần thánh hay ma quỷ? Với lại tôi, lão già Imbơ ở bộ lạc Cá Trắng, còn biết được điều gì nữa! Tôi chỉ biết một điều: những người da trắng đi khai phá đất đai và gây chiến ấy, là những con người không thể hiểu nổi.

Tôi đã nói rằng, thú trong rừng ngày một ít đi. Đã đành vũ khí của người da trắng là thứ vũ khí rất tốt, có thể bắn xa được, nhưng vũ khí tốt mà làm gì, một khi các con mồi không còn nữa? Hồi tôi còn bé, trên mảnh đất của bộ lạc Cá Trắng, ở quả đồi nào cũng có nai, còn hươu rừng thì không sao đếm xuể mỗi năm thu được bao nhiêu con. Vậy mà bây giờ đi cả ngày cũng chẳng thấy bóng con nai nào, còn hươu rừng ngày xưa nhiều là thế, bây giờ cũng biến mất sạch. Tôi nói rằng: dù súng có bắn xa, nhưng phỏng có ích gì khi chẳng còn gì mà bắn.

Và tôi, Imbơ, khi nghĩ đến điều đó, tôi đã nhìn thấy cảnh bộ lạc Cá Trắng của tôi đang dần dần diệt vong, tất cả các bộ lạc khác trong vùng cũng vậy, cũng đang bị diệt vong như bây thú trong rừng. Tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi bàn với các thầy mo và những người già sáng suốt. Để có thể bình tâm suy nghĩ, tôi bỏ làng đi vào rừng sâu ở và để cái bụng đừng đề

nặng lên tôi và làm mờ mắt mờ tai, tôi không ăn thịt nữa. Tôi cứ ngồi, rất lâu trong rừng, quên cả ngủ, mắt tôi chờ đợi một tín hiệu, còn cặp tai thính của tôi thì cố chăm chú nắm bắt bất cứ một tiếng nói nào có thể giải quyết được mọi việc. Giữa đêm tối, tôi một mình đi ra bờ sông, nơi gió đang rên rỉ và nước đang than vãn, ngồi một mình giữa rừng cây ở đó tôi muốn được gặp lại hình bóng của những nhà thông thái già và những thầy mo đã chết và nhờ họ khuyên bảo.

Cuối cùng tôi nhìn thấy bóng của những con chó lông ngắn ghê tởm, và tôi hiểu ra mình phải làm gì. Theo lời dạy sáng suốt của Ôtxabôc, cha tôi và cũng là một dũng sĩ, những con chó của chúng tôi đã giữ được nguyên vẹn cái nòi sói thuần của chúng, chúng có bộ lông dày và có đủ sức kéo xe. Thế là tôi quay về làng và nói lại ý nghĩ của tôi cho các chiến sĩ nghe. "Người da trắng là một bộ lạc, một bộ lạc rất đông, - tôi nói - Đất đai của họ không còn thú rừng nữa, nên họ đến đất đai của chúng ta để chiếm lấy. Họ làm chúng ta suy yếu đi và chúng ta đang chết dần. Họ là những con người tham lam. Vì họ mà trên trái đất của chúng ta cũng không còn thú rừng nữa, và nếu chúng ta muốn sống, chúng ta phải xử với họ như chúng ta đã làm với những con chó của họ".

Tôi còn nói thêm nhiều nữa và đề nghị mọi người đứng lên chiến đấu. Dân bộ lạc Cá Trắng ngồi im nghe tôi nói, nhưng rồi người bàn thế này, người bàn thế khác, có người còn đưa ra những lời lẽ ngu xuẩn,

trái ngược hẳn, và tôi không được nghe một lời nào nói lên những lời lẽ khỉ phách của người hiệp sĩ. Đám thanh niên thì đã hèn nhát, yếu đuối như nước. Nhưng tôi nhận thấy trong ánh mắt những người già ngồi im lặng bùng lên những tia lửa... Tối đến, khi cả làng đã yên giấc, tôi bí mật gọi những người già vào cùng bàn bạc với họ. Cuối cùng chúng tôi đi đến nhất trí với nhau, chúng tôi nhớ lại những ngày thanh xuân sống no đủ và sung sướng, tràn ngập ánh mặt trời, khi mảnh đất của chúng tôi còn tự do. Chúng tôi gọi nhau là anh em, hứa sẽ tuyệt đối giữ bí mật và kính cẩn thể sẽ quét sạch khỏi mảnh đất chúng tôi cái bộ lạc đại ác từ nơi khác đến. Bây giờ chúng tôi đã hiểu ra, để họ đến là rất ngu xuẩn, nhưng lúc đó làm sao chúng tôi, những người già của bộ lạc Cá Trắng, có thể hiểu được như thế.

Để làm gương và khích lệ người khác, tôi làm cuộc ám sát đầu tiên. Tôi nằm trên bờ sông Jucon và chờ chiếc thuyền của người da trắng đi qua. Trên thuyền có hai người. Khi họ nhìn thấy tôi nhóm người dậy và giơ tay ra hiệu, họ cho thuyền quay lại chèo vào bờ. Cái người ngồi đầu mũi thuyền vừa ngẩng đầu lên để hỏi xem tôi cần gì, thì mũi tên của tôi đã bay vút trong không trung và cắm thẳng vào họng gã. Lúc đó hẳn mới biết tôi cần gì. Tên khác, ngồi phía đuôi để lái thuyền, chưa kịp đưa súng lên vai thì đã bị tôi phóng cho một mũi lao xuyên qua bụng, sau đó tôi vẫn còn hai mũi lao.

"Đây là những người đầu tiên, - tôi nói với những người già đang tiến lại phía tôi. - Sau này chúng ta sẽ tập hợp tất cả những người già của các bộ lạc khác, rồi lôi kéo cả những thanh niên nào tay hầy còn sức mạnh, lúc đó công việc sẽ nhanh hơn".

Sau đó chúng tôi quăng xác hai người da trắng xuống sông, còn thuyền của họ - phải nói là cái thuyền rất tốt - chúng tôi đem đốt đi, cùng với tất cả hàng hóa có trong thuyền. Trước khi đốt chúng tôi có xem xét kỹ những thứ hàng ấy, chúng đựng trong các bao da và chúng tôi phải lấy dao để rạch. Trong các bao da ấy có rất nhiều giấy, giống những tờ giấy mà mày vừa đọc ấy, Hunkan ạ, - và tờ nào cũng thấy có đầy những nét gò đờ. Chúng tôi nhìn mãi các nét ấy mà không biết chúng là cái gì. Bây giờ tôi đã sáng suốt hơn và hiểu ra: đó là, như mày mới cho tao biết, Hunkan ạ, lời của con người...

Hunkan vừa dịch xong câu chuyện về vụ ám sát hai người da trắng trên thuyền thì đám người ngồi chật căn phòng bỗng ồn ào hẳn lên.

- Đó là cái thuyền chở thư bị mất tích năm chín mươi một đấy! - Có một người nào kêu lên - Người lái chiếc thuyền ấy là ông Pito Jiêm-xơ và ông Đileni; ngài Methuzơ nhìn thấy họ lần cuối cùng là ở gần hồ Labacgiơ.

Viên thư ký hồi hã ghi chép; lịch sử phương Bắc thế là có thêm một chương mới.

- Tôi phải nói thêm chút nữa, - Imbơ chậm rãi nói. - Trên giấy đã ghi tất cả những việc tôi làm. Chúng tôi, những người già - chúng tôi không hiểu mình đã làm gì. Chúng tôi cũng lạng lẽ giết và giết; Chúng tôi giết người rất tinh khôn, vì năm tháng dạy chúng tôi biết cách hành động không vội vã, nhưng nhanh nhẹn. Một hôm có mấy người da trắng đến chỗ chúng tôi, họ nhìn chúng tôi bằng cặp mắt căm thù và nói với chúng tôi những lời lẽ tục tằn, sáu thanh niên của chúng tôi bị họ cùm tay mang đi. Thế là chúng tôi hiểu rằng chúng tôi phải giết nhiều hơn nữa và khôn khéo hơn nữa. Rồi hội già chúng tôi cứ liên tiếp thay nhau đi khắp hai bờ sông, hết ngược lên phía trên lại xuôi xuống phía dưới, đến tận những vùng rất xa. Muốn đi như thế phải có lòng can đảm. Mặc dù chúng tôi đã già và không biết sợ gì nữa, nhưng dù sao nỗi sợ khi đứng trước những xứ sở xa lạ vẫn là nỗi sợ hãi vô cùng to lớn đối với người già.

Cứ thế chúng tôi giết người, không vội vã và rất mưu trí. Chúng tôi giết cả ở vùng Chincutor, cả ở vùng châu thổ, cả trên đèo cao, cả dưới bãi biển, - nghĩa là ở khắp mọi nơi, chỗ nào có người da trắng làm đường hay dựng trại, phải, người da trắng cứ bị giết, nhưng điều đó cũng chẳng đem lại lợi ích gì cho chúng tôi cả. Họ vẫn kéo đến từ bên kia núi, mỗi ngày một đông hơn, còn đám người già chúng tôi thì cứ ngày một ít đi. Tôi còn nhớ có một người da trắng



cắm lều ở gần đèo hươu. Đó là một người rất bé nhỏ, và ba lão già của chúng tôi đã tấn công hắn ta khi hắn ta đang ngủ. Hôm sau đi qua đó tôi nhìn thấy xác của người da trắng và cả ba lão già đó. Trong bốn người hóa ra chỉ có một người da trắng là còn đang thở, và trong lúc hấp hối vẫn còn đủ sức chửi bới nguyên rủa tôi một hồi.

Sự thế là thế này: cứ mỗi ngày chúng tôi lại mất một người. Lúc đầu chúng tôi còn nhận được tin tức về người bị giết, sau không nhận được tin gì nữa. Những người già ở các bộ lạc khác yếu đuối và hèn nhát, họ cũng không muốn giúp chúng tôi. Thế là, cứ mỗi hôm chết một người, và cuối cùng chỉ còn lại mình tôi, Ibi, tức Imbor, ở bộ lạc Cá Trắng. Cha tôi là Ôtxabóc, một hiệp sĩ dũng cảm. Bây giờ bộ lạc Cá Trắng không còn nữa. Tôi là lão già cuối cùng của bộ lạc ấy. Còn thanh niên và đàn bà đã bỏ đi hết, người thì sang bộ lạc Penli, người sang bộ lạc Lỗxôxi, nhưng phần lớn là đến với những người da trắng. Tôi già nua và mệt mỏi lắm rồi, tôi đã chống lại pháp luật một cách vô ích và mày nói đúng, Hunkan ạ, tao đã đến đây để tìm pháp luật.

- Trời ơi, bác ngu quá, bác Imbor ạ! - Hunkan nói.

Nhưng Imbor đã không nghe thấy gì nữa, vì lão đang mải nghĩ đến những cái bóng của lão. Viên quan tòa trán rộng cũng đang nghĩ về những cái bóng: trước mắt ông hiện lên một đạo quân cùng chủng tộc với ông, đang hùng dũng tiến bước, người nào cũng

mặc áo giáp sắt, đầu đội mũ đồng, cái đạo quân đang nghĩ ra luật pháp và quyết định vận mệnh của các dân tộc khác. Ông nhìn thấy buổi bình minh trong lịch sử dân tộc ông đang tỏa những tia sáng hồng rực xuống các khu rừng tối tăm và các mặt biển u ám. Ông nhìn thấy buổi bình minh ấy rực lên một màu đỏ như máu, chuyển dần thành ban ngày, huy hoàng sáng lạn, nhìn thấy phía bên kia núi có bóng tối che phủ, những dải cát đỏ như máu đang lùi dần vào đêm tối...

Và đằng sau tất cả những cảnh đó ông như nhìn thấy cái pháp luật nghiêm khắc và mạnh mẽ, bất di bất dịch và tàn bạo, mạnh hơn những sinh vật nhỏ bé là con người đang hành động nhân danh nó, hoặc đang chết dần dưới ách nặng nề của nó, - mạnh hơn cả ông ta, vị quan tòa, mà trái tim đang cầu xin được tha thứ.

THÁI HÀ dịch

## *Sự im lặng màu trắng*

- Con Carmen khó mà chịu nổi được vài ngày! Mâyxon nhổ cục băng ra khỏi miệng và đưa mắt buồn bã nhìn con chó tội nghiệp. Sau đó, anh cho chân con chó vào miệng và lại bắt đầu dùng răng cắn vỡ lớp băng bám chặt thành từng cục lớn giữa các ngón chân của nó.

- Mình gặp khối con chó có những cái tên cầu kỳ, xinh đẹp nhưng thực chất chúng chẳng được tích sự gì, - anh nói, khi đã làm xong công việc và gọi con chó sang bên cạnh. - Chúng cứ yếu dần, yếu dần và cuối cùng thì gục. Cậu đã bao giờ thấy có gì không ổn xảy ra với những con có tên gọi một cách giản dị như Cassiar, Siwash hay Husky chưa? Chưa, tất nhiên là chưa! Cứ lấy con Sukum đây làm thí dụ: nó...

Hớp! Con chó gầy gò bỗng dưng lên, những chiếc răng nanh trắng của nó hầu như dí sát vào cổ Mâyxon.

- Làm cái trò gì thế này?

Chiếc roi quật mạnh vào đầu con chó, làm nó ngã xuống tuyết. Người nó run run, nước bọt vàng ệch ứa qua các kẽ răng.

- Thì mình đã nói, cứ nhìn con Sukum thì biết nó bản lĩnh lắm. Mình đánh cuộc là chỉ không đầy một tuần nữa là nó sẽ xé xác con Carmen.

- Còn mình thì... - Mênmút Kít nói, tay lật lật chiếc bánh mì đóng băng đang hơ trước lửa, - mình dám chắc rằng chính chúng ta sẽ ăn thịt con Sukum trước khi chúng ta đến được nơi cần đến. Ruth, cô nghĩ thế nào về điều đó.

Cô gái da đỏ cho một mẫu băng vào cà phê để làm cạn lắng xuống, đưa mắt hết nhìn Kít lại nhìn chồng, rồi nhìn những con chó, nhưng không nói gì. Đó là một điều quá rõ ràng không cần phải khẳng định thêm nữa. Trước mặt là hai trăm dặm đường dài mò mẫm giữa tuyết trắng, cho người thức ăn chỉ đủ cho sáu ngày, còn con chó thì chẳng còn gì. Không còn một lối thoát nào khác.

Hai người đàn ông và người đàn bà ngồi xít lại gần ống lửa và bắt đầu ăn bữa sáng ít ỏi của mình. Bầy chó vẫn phải mang dây kéo xe nằm yên vì đây chỉ là một đợt nghỉ ngắn ban ngày. Chúng hau háu nhìn từng mẫu thức ăn họ đang ăn.

- Từ mai trở đi sẽ không ăn sáng nữa, - Mênmút Kít nói - và không được rời mắt khỏi bầy chó. Chúng đã trở nên quá hung dữ, và sẽ nhảy vào cắn xé chúng ta, nếu gặp điều kiện thuận lợi.

- Thế mà mình đã có lúc dạy học ở trường chủ nhật rồi đấy - Mâyxon đột ngột nói, không hiểu để làm gì và vì sao, rồi lại chăm chú quan sát đôi giày lông đang bốc khói hơi nước của mình. Ruth đưa anh ra khỏi những suy nghĩ mông lung, và rót cà phê vào cốc cho anh.

- May mà chúng ta còn ít chè. Ở nhà, ở Tennixi, mình đã thấy cây chè mọc như thế nào. Giá bây giờ mà có được một bát cháo ngô nóng, có mất gì cũng sẵn sàng chịu!... Đừng buồn, Ruth ạ, gắng chịu thêm ít nữa, em sẽ không còn bao giờ biết đói là gì, và cũng chẳng phải đi giày lông to nặng nữa.

Nghe những lời ấy, người đàn bà thôi nhúu mày, đôi mắt ánh lên tình yêu và lòng biết ơn đối với người chủ da trắng của mình - người da trắng đầu tiên mà cô gặp, và cũng là người đàn ông đầu tiên đã chỉ cho cô thấy rằng người đàn bà không chỉ đơn thuần là một con vật hay một gánh nặng.

- Vâng, đúng thế Ruth ạ, - chồng cô nói tiếp, bằng thứ tiếng duy nhất hai người có thể nói chuyện với nhau. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ rời khỏi đây, xuống thuyền của người da trắng để đi tới Nước Mặn. Vâng, nước xấu lắm, nước sủi bọt lớn, như những dãy núi bằng nước luôn đuổi nhau khi lên khi xuống. Ôi, nó nhiều lắm, phải đi rất lâu mới hết nó! Phải đi mất mười giấc ngủ, hai mươi giấc ngủ, bốn mươi giấc ngủ... - Và để mình họa thêm, Mâyxon giơ ngón tay ra đếm. - Lúc nào cũng nước, nước xấu lắm. Sau đấy

chúng ta sẽ tới một cái làng lớn, nhiều người, nhiều như muỗi mùa hè ấy. Lều Vigvam thì cao, rất cao, đến gấp mười, hai mươi cây thông!.... Thế đấy!

Mâyxon dừng lại vì không tìm được từ diễn tả, nhìn Kít với vẻ cầu cứu, rồi anh dùng tay ra hiệu phải chồng hai mươi cây thông tiếp nhau mới bằng độ cao của ngôi nhà. Kít mỉm cười, nhưng đôi mắt Ruth thì mở to vì ngạc nhiên và sùng sượng. Cô nghĩ là chồng cô đùa, và một cách đùa dịu dàng như thế cũng đủ làm rạo rức trái tim phụ nữ tội nghiệp của cô.

- Sau đấy chúng ta sẽ ngồi vào một chiếc hòm, và bóp! Thế là chúng ta lên cao! - Để minh họa, Mâyxon tung chiếc đĩa không của mình lên cao rồi khéo léo bắt đỡ và kêu to: - Một *hộp* nữa, chúng ta lại được đưa xuống! Ôi, đúng như những trò phù thủy ghê gớm! Em sẽ đi Fort Iukôn, anh đi thành phố Artic, cách nhau hai mươi lăm giấc ngủ. Một sợi dây dài nối hai nơi với nhau. Anh cầm lấy một đầu, và nói: "Alô, Ruth đấy à? Công việc thế nào?". Còn em thì nói: "Ê, có phải chồng em đấy không?". Anh đáp: "Vâng". Còn em thì nói: "Không thể nướng bánh mì được vì không còn xôđa nữa!", lúc ấy anh sẽ nói: "Hãy lục tìm trong tủ, dưới bao bột mì ấy. Tạm biệt!". Em sẽ đi tới tủ và lấy xôđa, bao nhiêu tùy ý. Trong khi ấy thì em vẫn cứ ở Fort Iukôn, còn anh thì ở thành phố Artic. Em xem có kỳ lạ không?

Nghe câu chuyện hoang đường ấy, Ruth mỉm cười một cách thật thà, đến nỗi hai người đàn ông

phải ôm bụng cười đến chảy cả nước mắt. Bỗng đàn chó cắn nhau âm ỉ làm đứt câu chuyện về đất nước xa xôi kỳ lạ. Khi những con chó hiếu chiến đã bị trừng trị cũng là khi Ruth kịp thắng xong xe. Tất cả đã sẵn sàng để lên đường đi tiếp.

- Đi nào, thằng Trọc! Đi, đi nào!

Máyxon vung chiếc roi lên một cách thành thạo. Đàn chó rên lên ỉ ỉ, bắt đầu kéo, và chiếc xe bị đóng băng khẽ chuyển động về phía trước. Ruth theo sau trong chiếc xe thứ hai, còn Kít thì sau khi đã giúp xe cô rời chỗ, đang nặng nhọc bước bên cạnh. Là một người khỏe mạnh và nghiêm khắc, có thể đánh ngã một con bò đực từ cú đánh đầu tiên, Kít không muốn đánh những con chó tội nghiệp mà luôn tìm cách tha cho chúng, điều những người đi đường ít khi làm. Đôi lúc anh nhìn chúng, thương hại đến suýt khóc.

- Nào, đi đi chứ, đồ thọt! - Anh lúng búng quát chúng, khi chiếc xe nặng không chịu nhúc nhích sau mấy lần cố đi thử.

Cuối cùng thì sự kiên nhẫn của anh cũng được đền bù. Kêu lên vì đau, đàn chó dướn lên và bắt đầu kéo xe đuổi theo chiếc xe phía trước.

Không ai nói gì thêm. Trong một chuyến đi vất vả thế này, nói chuyện là một sự lãng phí sức lực không cần thiết. Ở Bắc Cực, đi lại là một công việc nặng nề, cực nhọc. Hạnh phúc là người bằng cái giá của im lặng, chịu qua nổi một ngày hành trình như thế này, nhất là khi phải tự vạch đường để đi.

Không có gì vất vả hơn việc tự vạch đường để đi. Những thanh trượt có bên đây, to và rộng luôn bị sa lầy, chân ngập vào tuyết tới tận gối. Sau đấy phải thận trọng rút chân lên, - chỉ cần lệch một tý là có thể gây tai họa - Sau khi đã cào sạch lớp tuyết phía trên. Rồi bước lên phía trước một bước để rút chân kia lên, ít nhất cũng phải gần nửa bộ. Người nào trong ngày không lần nào ngã nằm dưới chân chó, người ấy đến trạm nghỉ có thể chui vào túi ngủ một cách đầy tự hào và với lương tâm hoàn toàn thanh thản. Còn người nào vượt qua được hai mươi ngày đêm trên những con đường Cực Bắc, thì người ấy đáng được cho cả thiên thần ghen tỵ.

Ngày đã ngả sang chiều, và bị đè nặng dưới sự hùng vĩ của sự im lặng Màu trắng, cả ba người cùng lặng lẽ vạch đường đi tiếp. Thiên nhiên có nhiều cách để nhắc nhở con người về cái chết: thủy triều không ngừng lên rồi lại xuống, sự giận dữ của đông bão, sự khủng khiếp của những trận động đất và những đợt sấm sét. Nhưng mạnh mẽ hơn và khủng khiếp hơn tất cả là sự im lặng Màu trắng trong cái thờ ơ, hiu quạnh của nó. Không một tiếng động nào. Bầu trời sáng loé như tấm đồng được mài bóng. Bất kỳ một tiếng thì thầm nào cũng trở thành thiêng liêng, và con người trở nên hoảng sợ với chính cả tiếng nói của mình. Con người là cái phần nhỏ duy nhất của sự sống còn sót lại đang chuyển động giữa một sa mạc chết trắng buốt. Con người hoảng sợ trước sự liêu lĩnh của mình, và nhận thức một cách sâu sắc rằng



mình chỉ là một côn trùng nhỏ không hơn không kém. Những ý nghĩ khủng khiếp tự dưng cứ nảy ra; sự huyền bí của thiên nhiên, vũ trụ cứ đòi được bộc lộ mình. Và con người bỗng nhiên thấy sợ cái chết, sợ Chúa, sợ tất cả thế giới xung quanh. Nhưng cùng với cái sợ ấy là niềm hy vọng - hy vọng được sống lại...

Ngày đã ngả về chiều. Đến đây dòng sông bỗng rẽ ngoặt, và Mâyxon, để tiết kiệm đường đi, đã cho xe vượt lên một quả đồi thấp và nhỏ. Nhưng bây chớ không thể nào leo lên dốc được, và cả cỗ xe cứ thế tuột lùi trở lại, mặc dù phía sau đã được Ruth và Kít cố giữ. Thêm một lần cố gắng nữa, cố gắng đến tuyệt vọng. Những con chó tội nghiệp đã quá mệt mỏi vì đói phải đem hết những sức lực ít ỏi còn lại để kéo xe. Xe nhích lên dần, lên dần và cuối cùng thì tới đỉnh. Nhưng đúng lúc ấy con chó đầu đàn bỗng ngoẹo sang phải và chiếc xe nặng nề lên que trượt tuyết của Mâyxon. Hậu quả thật là tai hại: Mâyxon ngã, một con chó trượt chân vướng vào dây kéo và thế là cả chiếc xe tự do lao xuống dốc.

Vút! Vút! Chiếc roi da vung lên hạ xuống xé làn không khí. Bây chớ bị đánh rất đau, và đau nhất là con chó phạm lỗi.

- Thôi đi, Mâyxon! - Kít nói. - Với con chó tội nghiệp ấy thế cũng đủ khá lắm rồi. Thôi đi, bây giờ ta thử thay bằng những con chó của mình.

Mâyxon chờ Kít im lặng, rồi vung chiếc roi da dài quần quanh cổ con chó phạm lỗi, tức là con

Carmen. Carmen rên lên ư ử, dúm mồm xuống tuyết lạnh rồi nằm ngả người ra.

Đây là những phút khó khăn, đáng buồn đối với họ - một con chó sắp chết, hai người đàn ông cãi nhau. Ruth đưa đôi mắt van xin hết nhìn người này đến người khác. Kít tỏ ra biết kiềm chế, mặc dù đôi mắt anh để lộ vẻ trách móc cay đắng. Anh cúi xuống con chó, lấy dao cắt đứt sợi dây. Không ai nói một lời nào. Chiếc xe được xếp đặt lại, quả đồi đã được vượt qua, và họ lại đi tiếp. Con Carmen gượng sức lê theo sau. Chừng nào con chó còn đi được, nó sẽ chưa bị bắn chết. Và lúc ấy nó chỉ còn lại một cơ hội duy nhất để sống là đến được trạm nghỉ sắp tới. Ở đấy may ra người ta có thể bắn được một con nai nào đó.

Hối hận vì hành động của mình, nhưng vẫn ương bướng không chịu nhận lỗi, Mâyxon bước đi trước, hoàn toàn không ngờ tới mối nguy hiểm đang chờ đợi. Họ đi xuyên qua một bụi cây rậm ở giữa một quãng đất thấp. Bên cạnh, cách đây khoảng năm sáu mét là một cây thông già. Xung quanh là một sự im lặng đến rùng rợn - Không một tiếng động nhỏ nào trong khu rừng bị tuyết ngập trắng. Cái lạnh và sự im lặng làm đông giá trái tim và cặp môi run run của thiên nhiên. Bỗng nhiên họ nghe trong không khí có một tiếng "rào" mạnh. Đúng hơn là họ không nghe, mà cảm thấy nó như tín hiệu của một chuyển động trong cái sa mạc bất động này. Cây thông khổng lồ đang phải gánh trên mình cái gánh nặng năm tháng

và tuyết trắng bỗng đổ ngã xuống, thực hiện nhiệm vụ cuối cùng của mình trong vỏ bi kịch của cuộc sống. Mâyxon cũng nghe thấy tiếng cây gãy và đã định tránh sang bên, nhưng khi anh còn chưa kịp đứng thẳng lưng, thì cây thông đã ngã trúng vai anh.

Nguy hiểm bất ngờ, cái chết bất ngờ - Kít thường hay gặp với cả hai điều ấy! Khi cây ngã và những lá thông còn rung rung trên cành, anh đã kịp ra lệnh cho Ruth phải lao vào cứu. Cô gái da đỏ này cũng chẳng ngất đi, hay tuôn những dòng nước mắt không cần thiết như những người phụ nữ da trắng khác trong trường hợp này có thể làm. Theo lời chỉ dẫn của Kít, cô nhanh nhẹn vừa đu cả người lên chiếc gậy để nâng thân cây lên và lo lắng lắng nghe tiếng rên của chồng, trong khi Kít, dùng rìu chặt. Lưỡi rìu vun vút chém vào thân cây, mỗi nhát, kèm theo một tiếng thở ra nặng nhọc của Kít.

Cuối cùng Kít đã đặt được lên tuyết những mảnh thảm thương còn lại của cái mà cách đây không lâu đã từng là một con người. Nhưng đối với anh, khủng khiếp hơn sự đau đớn của bạn là nét buồn im lặng trên mặt Ruth, là đôi mắt đầy hy vọng và tuyệt vọng của cô. Họ trao đổi với nhau rất ít. Dân phương Bắc sớm nhận ra sự vô nghĩa của lời nói cũng như sớm đánh giá cao giá trị của việc làm. Khi nhiệt độ là sáu mươi lăm độ dưới không<sup>(1)</sup>, con người không thể nằm

---

<sup>(1)</sup> Theo nhiệt kế Ferenbert.

lâu trên tuyết. Họ cắt những sợi dây khỏi xe, bọc Mâyxon trong những tấm da thú và đặt anh nằm trên một đồng lá. Lửa được đốt lên. Củi để đốt chính là cái cây vừa gây nên tai họa. Một tấm bạt thô được căng trên ngọn lửa để nó giữ nhiệt và hắt nó trở lại - một phương pháp chống rét khá thông dụng đối với những người biết nắm bắt các quy luật vật lý của thiên nhiên.

Mâyxon bị chấn thương một cách kinh khủng. Thậm chí thoáng nhìn cũng thấy rõ điều đó: tay phải, xương đùi và cột sống bị dập gãy; hai chân bị liệt và chắc nội tạng cũng bị đảo lộn. Chỉ thỉnh thoảng những tiếng rên nhỏ thoát ra từ miệng người bị nạn là chứng tỏ anh ta còn sống.

Không còn một hy vọng nào! Không thể làm bất cứ điều gì để cứu chữa! Đêm kéo dài một cách chậm chạp, tàn ác. Ruth đón nhận đêm tối bằng một thái độ dửng dưng đặc trưng cho dân tộc cô. Trên khuôn mặt màu đồng hun của Kít đã xuất hiện thêm một vài nếp nhăn mới. Thực ra, Mâyxon là người đau khổ nhất, vì lúc này anh đang bay về miền Nam bang Têxêxi, tới dãy núi Sương Mù vĩ đại, và đang sống lại tuổi thơ của mình. Một lần nữa, vang lên một cách cảm động là những bài hát của thành phố phương Nam từ lâu bị lãng quên. Mâyxon mơ đang tắm trong hồ nước, mơ đi săn nhím, hái trộm dưa hấu. Anh mê sảng nói thành tiếng. Đối với Ruth, đó là những âm từ xa lạ không sao hiểu nổi, nhưng Kít thì hiểu tất cả;

từng tiếng một xoáy vào lòng anh - chỉ những người đã nhiều năm xa lánh cái gọi là văn minh mới có thể hiểu và cảm thấy một cách sâu sắc như thế.

Sáng hôm sau, Mâyxon tỉnh, Kít cúi xuống cố đoán hiểu tiếng thì thào anh nói:

- Cậu còn nhớ chúng mình gặp nhau ở Tanana chứ? Đến Mùa băng trôi tới là được bốn năm. Mình lúc đó chưa thật yêu Ruth. Cô ấy xinh đẹp, và mình thấy thích. Sau rồi yêu, yêu tha thiết. Ruth là một người vợ tốt, lúc khó khăn bao giờ cũng có bên cạnh. Còn về khu đất có vàng của bọn mình thì thật... không còn đâu hơn. Cậu có nhớ cô ấy bơi qua sông Sừng Hươu và cứu chúng ta thế nào không? Mà lại dưới làn đạn cây tung mặt nước? Còn cái đói ở Nucluitô? Và cô ấy chạy trên các tảng băng để nhanh chóng báo tin cho chúng ta? Vâng, Ruth là người vợ tốt nhất của mình, tốt hơn người vợ trước... Cậu không biết là trước đây mình đã từng có vợ à? Mình không nói với cậu hay sao? Vâng, một lần mình đã thử lấy vợ... ở nhà, ở Mỹ. Cũng vì thế mà mình bỏ tới đây. Mình và cô ta cùng sinh ra và lớn lên ở một nơi mà. Mình bỏ đi để cô ta có cơ ly dị. Cô ta đã được ly dị.

Còn Ruth thì là chuyện khác. Mình định sang năm sẽ rời bỏ đây cùng Ruth. Nhưng bây giờ mà nói tới điều ấy thì đã muộn. Kít, đừng bắt cô ấy phải trở về với bộ lạc của mình. Ở đây cô ấy sẽ khổ. Cậu nghĩ xem, gần bốn năm cô ấy cùng chúng ta ăn bánh mì,

patê, hoa quả khô... và rồi dùng một cái lại quay lại ăn cá và thịt hươu? Sau khi đã quen với cuộc sống mới dễ dàng hơn, thật khó mà trở lại với cuộc sống cũ, cô ấy sẽ khổ. Hãy chăm sóc cô ấy, Kít... Mà tại sao cậu không thể... A, không, bao giờ cậu cũng xa lánh phụ nữ... cho đến bây giờ mình vẫn chưa hiểu cái gì đã đưa cậu đến phương Bắc này. Hãy quan tâm tới Ruth và gửi cô ấy về miền Nam càng sớm càng tốt. Nhưng nếu cô ấy buồn nhớ quê hương thì hãy giúp cô ấy trở lại.

Đứa con... nó càng gắn chặt mình và Ruth hơn, Kít. Mình muốn nó sẽ là con trai. Cậu nghĩ xem, Kít, nó là xương thịt của xương thịt mình. Không thể để nó ở đấy được. Còn nếu là con gái thì... mà không, không thể thế được. Hãy bán lông thú của mình đi, được độ năm nghìn đô la. Mình còn có ở công ty chùng ấy nữa. Hãy thu xếp công việc của mình cùng với công việc của cậu. Mình tin là lô đất của chúng mình có triển vọng... Hãy cho thằng bé ăn học tử tế... và điều quan trọng nhất, Kít ạ, là không được để nó quay lại đây. Đây không là chỗ sống của người da trắng. Bài hát của cuộc đời mình đến đây là hết, Kít ạ. May lắm chỉ còn ba hoặc bốn ngày nữa. Cậu và Ruth cần phải đi tiếp. Cần đi tiếp. Cậu hãy nhớ đó là vợ và con trai mình... Lạy Chúa, mong sao nó là một thằng bé! Đừng ở lại đây với mình. Mình ra lệnh cho cậu phải đi. Hãy nghe lời của người hấp hối, Kít!

- Cậu cho mình chờ ba ngày! - Kít năn nỉ - Có thể cậu sẽ dễ chịu hơn. Khó mà lường trước hết mọi chuyện.

- Không.
- Chỉ ba ngày thôi.
- Đi đi!
- Thì hai ngày vậy.
- Đây là vợ và con trai mình, Kít. Đừng nói nữa.
- Một ngày!
- Không! Mình ra lệnh!
- Chỉ một ngày thôi mà! Bọn mình sẽ dè sẻn thức ăn. Có thể mình sẽ bắt được con nai cũng nên.

- Không!... Mà thôi, một ngày thì được. Thêm một phút nữa cũng không. Còn một điều này nữa, Kít: Đừng để mình chết dần một mình. Chỉ một tiếng nổ! Một cú bốp cò! Cậu hiểu chứ? Cậu hãy nhớ điều ấy, hãy nhớ!... Xương thịt của xương thịt mình, thế mà mình vẫn chưa thấy mặt nó... Gọi Ruth lại đây hộ mình. Mình muốn vĩnh biệt cô ấy. Mình sẽ bảo cô ấy nghĩ tới đứa con và đừng chờ mình chết, chứ không chắc chắn cô ấy không chịu đi với cậu đâu. Vĩnh biệt, người bạn của tôi, vĩnh biệt! A mà khoan, Kít... cần phải đào sâu hơn mới được. Mình từng đái ở đây mỗi lần được hơn bốn mươi xe đấy. Và còn điều này nữa, Kít...

Kít cúi xuống thấp hơn, cố đoán hiểu những lời thì thầm rất nhỏ, những lời trần trối cuối cùng của một người sắp chết đã thôi không còn kiêu hãnh một cách bướng bỉnh:

- Cậu hãy tha lỗi cho mình... vì gì thì cậu đã biết... vì con Carmen.

Sau khi để lại người phụ nữ đang khóc một mình với chồng, Kít khoác chiếc áo lông thú, đi giày trượt tuyết rồi cầm súng đi sâu vào rừng. Trong cuộc vật lộn với phương Bắc khắc nghiệt này, anh không còn là lính mới, nhưng quả chưa bao giờ anh gặp phải một nhiệm vụ nặng nề như thế này. Nếu suy nghĩ một cách máy móc thì đây là một phép tính số học rất đơn giản - một bên là sự sống của ba người, bên kia là sự sống của một người, và lại, đang hấp hối. Nhưng Kít vẫn do dự. Làm bạn với nhau năm năm, anh đã quen và gắn chặt với Mâyxon, trong cuộc sống chung ở các trạm nghỉ, các bãi đãi vàng trong các chuyến đi theo sông theo núi, trong những lần gặp đói, gặp lụt, và cả trong mối nguy hiểm chết người mà hai người đã gặp trong một lần đi săn, và đã vai kề vai vượt qua khỏi. Tình bạn của họ lớn đến nỗi đôi khi anh thoáng ghen với Ruth, kể từ ngày cô chen vào cuộc đời của họ. Thế mà bây giờ anh phải xé tan tất cả những sợi dây liên hệ đó, và bằng chính bàn tay anh.

Anh cầu Chúa ban cho anh một con nai, chỉ một con thôi, nhưng hình như tất cả loài nai đã bỏ nơi này mà đi, và xẩm tối, vô cùng mệt mỏi, anh trở về với hai bàn tay không và trái tim nặng trĩu. Tiếng chó sủa âm ỉ và tiếng kêu thất thanh của Ruth khiến anh phải bước gấp.

Đến nơi, Kít thấy Ruth đang dùng rìu đánh, đuổi bầy chó đang bầu xung quanh. Thì ra bầy chó, bắt



chấp quy luật thép của chủ, đã nhảy vào định ăn phần thức ăn dự trữ. Kít vội lao tới giúp đỡ, dùng báng súng đánh lại bầy chó, và một tấn bi kịch truyền thống của qui luật sinh tồn đã diễn ra với tất cả những sự dã man của nó. Chiếc riu và chiếc súng đều đạn vung lên, hạ xuống, lúc trúng đích, lúc không. Bầy chó gầm gừ lượn bên này, lượn bên kia, mắt long lên giận dữ, nước bọt tứa ra qua các kẽ răng nanh. Con người và con vật quyết chiến để dành phần thắng. Cuối cùng, bị đánh tới bời, đàn chó lùi xa khỏi đồng lửa, lê lười liếm các vết thương và ngửa mặt lên trời, tru lên những tiếng thảm thiết.

Toàn bộ số cá ướp dự trữ đã bị chúng chén sạch, chỉ còn lại không đầy ba cân bột cho suốt cả chặng đường hơn hai trăm dặm trước mặt. Ruth lại quay lại với chồng, còn Kít thì ngồi làm thịt một con chó bị riu chém vỡ sọ. Anh lấy dao chặt những khúc thịt còn ấm nóng, giấu vào một chỗ đáng tin cậy, còn da và phần ruột thì quẳng cho những con chó cách đây không lâu còn là bạn của nó.

Buổi sáng đến, mang theo những mối quan tâm mới. Bầy chó bắt đầu cắn xé lẫn nhau. Lần này con mồi là Carmen. Con này vẫn dai dẳng bám lấy sự sống. Những ngọn roi quất mạnh xuống đầu chúng cũng chẳng ăn thua gì. Chúng nằm bẹp xuống đất, rên ỉ ỉ và chỉ bỏ đi nơi khác khi Carmen bị chúng ăn thịt, không còn sót một mẩu xương, một sợi lông nào.

Kít bắt tay vào việc, tai lắng nghe những tiếng

mê sảng của Mâyxon lúc này lại đang trở lại với Tênexi, lại kể những điều khó và không ngót thuyết phục các anh em của mình một điều gì đó.

Rừng thông cách đây không xa, và Kít nhanh chóng tiến hành công việc của mình. Ruth đứng bên, nhìn anh làm một chỗ chứa thức ăn dự trữ như những người thợ săn thường làm khi không muốn thức ăn bị chó hoặc sói ăn mất. Anh nín hai ngọn thông non xuống gần tới đất và lấy sợi dây da nai cột chúng lại. Rồi dùng roi trấn an bầy chó, anh thắng chúng vào xe và chất lên đó tất cả, trừ những tấm da thú đang bọc Mâyxon. Anh lấy đầu sợi dây da nai cột quanh người bạn sát ngọn của hai cây thông non kia, và bằng một nhát dao, anh làm chúng đứng thẳng, nâng cao Mâyxon khỏi mặt đất.

Ruth đã ngoan ngoãn nghe theo lời yêu cầu cuối cùng của chồng. Kít không tìm cách an ủi cô khi cô hôn chồng lần cuối - người bộ lạc của cô không hề biết phong tục ấy. Sau đó, anh dẫn cô tới chiếc xe thứ nhất và giúp cô đi giày trượt tuyết. Như một người mù, cô cầm lấy que chống, vung chiếc roi giục đàn chó lên đường. Lúc này Kít mới quay trở lại với Mâyxon đang mê sảng. Ruth đã đi khuất mà anh vẫn ngồi yên bên đồng lửa, chờ bạn chết - mà càng sớm càng tốt.

Thật không dễ khi phải ngồi một mình với những ý nghĩ nặng nề giữa sự im lặng Màu trắng. Sự im lặng của bóng đen còn dễ chịu hơn vì nó tạo nên cảm

giác như đang bảo vệ con người, sưởi ấm anh ta bằng một sự thông cảm vô hình nào đó, còn sự im lặng Màu trắng lạnh lẽo, sạch sẽ đang trải rộng dưới bầu trời màu chì xám kia thì thật là quá sức chịu đựng.

Một giờ, rồi hai giờ trôi qua mà Mâyxon vẫn chưa chết. Đến giữa trưa, không xuất hiện trên bầu trời, mặt trời bắt đầu chiếu sáng bằng một thứ ánh sáng màu đỏ nhòe, nhưng rồi chẳng bao lâu sau, cũng tắt. Kít đứng dậy, bắt mình đi về phía Mâyxon và đưa mắt nhìn xung quanh. Sự im lặng Màu trắng như đang chế giễu anh. Anh bỗng thấy rất sợ. Một tiếng nổ ngắn vang lên. Trong chiếc quan tài treo lơ lửng kia, Mâyxon khẽ động đậy. Còn Kít thì vùng roi quất bầy chó, vội vã phóng đi giữa cái sa mạc mênh mông màu trắng.

THÁI BÁ TÂN dịch

## *Ngôi nhà của Mapuhi*

Tuy đường nét thô kệch nặng nề, con tàu Aorai vận hành dễ dàng trong làn gió nhẹ, và thuyền trưởng đưa nó vào sát bờ ngon lành, nằm yên ổn ngay bên ngoài sức hút của sóng cồn xô bờ. Đảo san hô Hikueru nằm thấp trên mặt nước, một vành cát san hô vụn rộng chừng một trăm mét, chu vi hai mươi dặm và mức nước thủy triều lúc cao nhất là một đến một mét rưỡi. Ở đây con hồ mận to rộng, trong veo, có nhiều vỏ trai, và từ trên boong tàu, có thể nhìn qua cái vành mảnh của đảo san hô thấy những người mò trai đang làm việc. Nhưng hồ không có lối vào đủ rộng, kể cả cho một chiếc tàu buôn. Trong trường hợp thuận gió, ca nô có thể lách vào theo đường eo ngoằn ngoèo và nông, nhưng tàu buôn thì phải nằm chập chờn bên ngoài và cho xuống nhỏ vào.

Tàu Aorai lạ lùng buông một chiếc xuống và nửa tá thủy thủ nước da nâu mặc độc có cái khố đỏ chói nhảy vào đó. Họ vớ lấy mái chèo, trong khi đứng ở

đằng sau cằm lá là một thanh niên mặc bộ t'rôpical trắng, dấu hiệu của người Âu. Tuy nhiên gã không phải hoàn toàn Âu. Sắc vàng dòng giống Pôlynêzya lộ ra trong lớp rám nắng của màu da trắng và hắt lên những ánh vàng rực rỡ qua màu xanh le lói của mắt gã. Raul là tên gã, Alêchxandr Raul con trai út của Mari Raul, bà phú hộ hai đời lai Âu - Ấn sở hữu và quản lý nửa tá tàu buôn tương tự như chiếc *Aorai*. Vượt qua một xoáy nước ngay bên ngoài lối vào, lao vào, xuyên qua và đè lên một ngọn triều cuộn cuộn sủi ùng ục, chiếc xuồng chạt vật băng tới con hồ phẳng lặng như mặt gương. Gã trai trẻ Raul nháy xuống bờ cát trắng và bắt tay một người bản địa cao lớn. Bộ ngực và đôi vai của người đó thật là đẹp, song móm cụt của cánh tay phải, với khúc xương trắng phếch vì năm tháng chồi ra khỏi lớp thịt tới năm sáu phân, chứng tỏ một cuộc đụng độ với một con cá mập đã chấm dứt những ngày vùng vẫy lặn mò dưới biển sâu của anh và biến anh thành một kẻ xun xoe, cầu cạnh những ân huệ nhỏ nhoi.

- Cậu biết tin chưa, thưa cậu Alêch? - Lời đầu tiên của anh ta là như vậy - Mapuhi đã vớ được một viên ngọc trai - một viên ngọc trai cực kỳ. Chưa bao giờ có một viên ngọc trai nào như thế được mò thấy ở Hikuêru, cũng như ở khắp vùng Paumôtux, cũng như trên toàn thế giới. Cậu hãy mua của hắn đi. Hắn hiện giữ viên ngọc đó. Và xin cậu nhớ cho tôi là người nói với cậu trước tiên nhá. Hắn là một thằng

khờ, cậu có thể mua rẻ được đấy. Cậu có tí thuốc lá sợi nào không?

Raul đi thẳng lên bãi biển, hướng về một túp lều dưới một cây pan đan. Gã là người áp tải hàng của mẹ gã và công việc của gã là rà quét khắp vùng Paumôtux tìm những tài nguyên như củi dừa khô, vỏ sò, vỏ ốc, và ngọc trai do dân địa phương khai thác được.

Gã là một áp tải viên trẻ, đây là chuyến hành trình thứ hai của gã với tư cách ấy và trong thâm tâm sâu kín, gã rất lo về nỗi thiếu kinh nghiệm trong việc giao đãi ngọc trai. Nhưng khi Mapuhi chìa viên ngọc trai cho gã xem, gã vẫn đủ sức nén nổi cái giật thót mà nó gây ra cho. Gã và giữ một vẻ thản nhiên kiểu nhà buôn trên mặt. Vì viên ngọc trai như đã giáng cho gã một đòn. Nó to như một quả trứng bồ câu, tròn xoay, rờ rờ một màu trắng phản chiếu những lung linh của mọi sắc màu quanh nó. Nó sống động. Gã chưa từng thấy vật gì như thế bao giờ. Khi Mapuhi buông nó rơi xuống bàn tay gã, gã ngạc nhiên vì trọng lượng của nó. Điều đó chứng tỏ nó là một viên ngọc trai hảo hạng. Gã xem xét nó thật kỹ qua một chiếc kính lúp bỏ túi. Không có một vết hoặc dấu gợn nhỏ nào. Sự trong sáng của nó hồ như hòa quyện vào không khí toả ra từ tay gã. Trong bóng tối, nó sáng lên dịu dịu, lấp lánh như một vầng trăng non. Nó trắng trong đến nỗi khi bỏ vào một cốc nước gã khó mà tìm thấy nó. Nó rơi thẳng và nhanh xuống đáy khiến gã biết trọng lượng nó là tuyệt hảo.

- Ô, thế anh muốn đổi nó lấy gì nào? - Gã hỏi, làm ra bộ khá hồ hững.

- Tôi muốn... - Mapuhi mở đầu, và đằng sau anh, khuôn lấy bộ mặt đen nhẻm của anh là những bộ mặt đen sạm của hai người đàn bà và một đứa con gái gật gật tán thành điều anh muốn. Đầu họ cúi về phía trước, lòng họ rộn lên một niềm háo hức cố nén đi, mắt họ ánh lên đầy vẻ háms lợi.

- Tôi muốn một cái nhà, - Mapuhi nói tiếp, - nhà ấy phải có mái sắt mạ điện và một cái đồng hồ quả lắc hình bát giác. Nó phải dài sáu sải, có cổng vòm bốn xung quanh. Ở trung tâm phải là một phòng lớn với một cái bàn tròn ở giữa và cái đồng hồ quả lắc hình bát giác treo trên tường. Phải có bốn buồng ngủ, hai cái ở mỗi bên phòng lớn, và trong mỗi buồng ngủ phải có một giường sắt, hai ghế tựa và một giá rửa mặt. Và đằng sau nhà phải là một gian bếp, một gian bếp tốt với đầy đủ nồi niêu, xoong chảo và một cái lò. Và cậu phải xây ngôi nhà ấy trên hòn đảo của tôi là Fakarava".

- Đã hết chưa đấy? - Raul hỏi, vẻ không tin.

- Phải có một cái máy khâu, - Téfara, vợ Mapuhi, cất lời.

- Đừng có quên cái đồng hồ quả lắc tám cạnh, - bà Nauri, mẹ Mapuhi, chêm vào.

- Vàng, có thể thôi, - Mapuhi nói.

Gã trai trẻ Raul cất tiếng cười. Gã cười hồi lâu, vui vẻ. Nhưng trong khi cười, gã nhăm tính thầm trong

bụng. Trong đời gã chưa từng xây nhà bao giờ và khái niệm của gã về xây nhà rất là mơ hồ. Vừa cười, gã vừa tính toán phí tổn về hành trình đến Tahiti để kiếm nguyên vật liệu, về việc mua vật liệu đó, về hành trình trở lại Fakarava, cùng với phí tổn về việc bốc dỡ vật liệu và xây nhà. Ất phải lên tới bốn nghìn đôla Pháp, tính dư ra một chút cho chắc chắn - bốn nghìn đô la Pháp là tương đương với hai mươi nghìn phrăng. Thật bất khả. Làm sao gã biết được giá trị của một viên ngọc trai như vậy? Hai mươi nghìn phrăng là một số tiền lớn - mà lại là tiền của mẹ gã cơ chứ.

- Mapuhi, - gã nói, - anh điên to rồi. Hãy đặt giá bằng tiền đi.

Nhưng Mapuhi lắc đầu và ba cái đầu đằng sau anh cũng lắc theo.

- Tôi muốn ngôi nhà ấy, - anh nói. - Nó phải dài sáu sải với cổng vòm bốn xung quanh...

- Phải, phải, - Raul ngắt lời, - tôi biết hết mọi điều về cái nhà của anh rồi, nhưng không được. Tôi giả anh một nghìn đôla Sili.

Bốn cái đầu cùng một nhịp lặng lẽ khước từ.

- Và một trăm đôla Sili bằng hàng.

- Tôi muốn ngôi nhà cơ, - Mapuhi mở đầu.

- Ngôi nhà thì ích lợi gì cho anh kia chứ? - Raul hỏi - Con bão đầu tiên đến là cuốn băng nó đi thôi. Anh phải biết thế. Thuyền trưởng Rafi bảo hình như ngay bây giờ cũng có bão đấy.



- Bão không đến Fakarava - Mapuhi nói - Ở đây, đất cao hơn nhiều. Phải, ở trên hòn đảo ấy. Bất kỳ cơn bão nào cũng có thể tràn qua Hikuro. Tôi sẽ có nhà trên đảo Fakarava. Nó phải dài sáu sải, với cửa vòm bốn chung quanh...

Và Raul lại phải nghe kể về ngôi nhà. Gã bỏ mấy tiếng đồng hồ cố gắng đánh bật cái ám ảnh về ngôi nhà ra khỏi tâm trí Mapuhi, song mẹ và vợ Mapuhi, và Ngakura, con gái Mapuhi, là chỗ dựa cho quyết tâm của anh đòi bằng được ngôi nhà. Qua khung cửa mở, trong khi nghe đến lần thứ hai mươi sự mô tả chi tiết ngôi nhà mong muốn, Raul trông thấy chiếc xuống thứ hai từ tàu buôn của mình ghé vào bờ, các thủy thủ tựa trên mái chèo, ra ý vội đi. Thuyền phó tàu Aorai nhảy xuống bờ trao đổi một câu với người đàn ông bản địa cắt tay, rồi xăm xăm về phía Raul. Trời bỗng tối sầm lại, khi cơn cuồng phong che lấp mặt trời. Bên kia hồ mặn, Raul có thể thấy luồng gió hung dữ đang lại gần.

- Thuyền trưởng Râfi bảo cậu phải ra khỏi đây ngay - đó là câu chào của thuyền phó. - Nếu có vỏ sò, vỏ ốc gì, chúng ta cũng dành kỳ sau vậy thôi - thuyền trưởng bảo thế. Phong vũ biểu hạ xuống đến 29° rồi.

Gió ào tới một cây Pandan trên đầu và vèo qua những cây dừa mé bên kia, quăng nửa tá trái dừa chín rơi bồm bộp xuống đất. Rồi đến cơn mưa từ đằng xa tiến tới với tiếng gió gầm gào, làm cho nước

hồ bốc lên cuộn cuộn. Những giọt mưa đầu tiên lộp độp rơi trên lá khi Raul đứng bật dậy.

- Một nghìn đôla Sili, tiền ngay, Mapuhi, - gã nói. -  
Và hai trăm đôla Sili bằng hàng.

- Tôi muốn một ngôi nhà... - người kia mở đầu.

- Mapuhi! - Raul gào lên để anh ta nghe rõ. - Anh là đồ điên!

Gã băng ra khỏi căn nhà và cánh sát cánh với thuyền phó, chạt vạt đi xuống bãi biển về phía chiếc xuống. Họ không thể trông rõ xuống. Trận mưa nhiệt đới xối xả quanh họ đến nỗi họ chỉ có thể nhìn thấy bãi biển dưới chân và những con sóng nhỏ giận dữ từ hồ mận dộp và ngoạm vào bờ cát. Một bóng người hiện ra qua màn mưa như trút. Đó là Huru - Huru, người đàn ông một tay:

- Cậu có mua được viên ngọc trai không? - Anh ta hú vào tai Raul.

- Mapuhi là một thằng rồ! - Gã này gào lên trả lời, và lát sau, họ mất hút nhau trong làn nước dội xuống.

Nửa giờ sau, Huru - Huru, đứng theo dõi từ mé biển của cù lao san hô, trông thấy hai chiếc xuống được kéo lên và con tàu Aorai hướng mũi ra khơi. Và gần đó, vừa lướt từ biển vào trên cánh gió, anh trông thấy một con tàu buôn khác dừng lại và thả một chiếc xuống xuống nước. Anh biết con tàu này. Đó là chiếc Ôrôhêra của Toriki, tay thương gia bố Âu mẹ Ấn tự

mình áp tải lấy hàng và chính lúc này, chắc hẳn y đang đứng ở đẳng lái. Huru - Huru cười cùn cục. Anh ta biết Mapuhi còn nợ Toriki một số hàng ứng trước từ năm ngoái.

Cơn cuồng phong đã qua. Mặt trời ấm nóng đang rơi lửa xuống và con hồ một lần nữa lại là một mặt gương. Nhưng không khí dính nháp như chất nhầy và dường như đè nặng lên phổi làm khó thở.

- Ông đã biết tin chưa, ông Toriki? - Huru - Huru hỏi. - Mapuhi đã vớ được một viên ngọc trai. Chưa bao giờ có một viên ngọc trai nào như thế được mò thấy ở Hikueru, cũng như ở bất cứ nơi nào trong vùng Paumôtux, cũng như bất cứ nơi nào trên toàn thế giới. Mapuhi là một thằng khờ. Hơn nữa, hẳn lại nợ tiền ông. Xin nhớ rằng tôi là người đầu tiên nói cho ông hay. Ông có tí thuốc lá sợi nào không?

Và Toriki đi tới túp lều cỏ của Mapuhi. Y là một kẻ hách dịch, đồng thời lại khá ngu xuẩn. Thản nhiên như không, y bỏ tọt nó vào túi.

- May cho nhà mày đấy, - y nói. - Đây là một viên ngọc trai đẹp. Ta sẽ cho mày mua hàng ghi sổ nợ.

- Tôi muốn một ngôi nhà. - Mapuhi bâng hoàng bắt đầu nói - Nó phải dài sáu sải.

- Sáu sải cái con bà mày! - Tay lái buồn vặc lại. - Mày muốn trả cho xong nợ, đấy mới là điều mày muốn. Mày nợ tao mười hai nghìn đôla Sili. Tốt lắm, bây giờ mày không nợ món ấy nữa. Thế là thanh toán

xong. Ngoài ra, tao sẽ cho mày mua chịu hai trăm đôla Sili. Nếu khi đến Tahiti, viên ngọc trai bán được giá, tao sẽ cho mày mua chịu thêm một trăm nữa - thế là ba trăm. Nhưng nên nhớ là chỉ trong trường hợp viên ngọc trai bán được giá thôi đấy. Thậm chí tao có thể bị lỗ vì nó cũng nên.

Mapuhi buồn bã khoanh tay và ngồi yên, đầu cúi gằm. Anh ta bị cướp mất viên ngọc trai. Thay vì ngôi nhà, anh đã gánh nợ. Còn gì mà khoe viên ngọc trai nữa.

- Anh thật ngu dại, - Téfêra nói.

- Anh thật ngu dại, - bà Nauri mẹ anh nói. - Thì sao anh lại để viên ngọc trai lọt vào tay hắn?

- Tôi biết làm thế nào? - Mapuhi cãi - Tôi nợ tiền hắn. Hắn biết tôi có viên ngọc trai. Chính mẹ cũng nghe thấy hắn đòi xem nó đấy thôi. Tôi đâu có nói hở ra với hắn. Tự hắn biết. Có kẻ nào khác đã mách hắn. Và tôi lại nợ hắn tiền.

- Mapuhi thật ngu dại, - N'gakura bắt chước.

Nó mới mười hai tuổi và chả biết gì hơn thế. Mapuhi bèn trút vội nỗi lòng vào một cái bạt tai làm nó lăn lông lốc trong khi Téfêra và Nauri òa lên khóc và vẫn tiếp tục rầy la anh theo lối đàn bà.

Huru - Huru đứng quan sát trên bãi biển, trông thấy một tàu buôn thứ ba quen thuộc dừng lại bên ngoài lối vào hồ và thả xuống một chiếc xuống. Đó là tàu Hira, cái tên đặt thật khéo, vì chủ nó là Lévi, lão Do Thái Đức, người mua ngọc trai mạnh nhất trong

tất cả, và như ai nấy đều biết, Hira là vị thần của ngư dân và kẻ trộm, theo tín ngưỡng của dân Tahiti.

- Ông đã biết tin gì chưa? - Huru - Huru hỏi khi Lêvi, một con người béo ị với những nét thô không đối xứng, bước xuống bãi biển. - Mapuhi đã vớ được một viên ngọc trai. Chưa bao giờ có viên ngọc trai nào như thế ở Hêkueu, ở khắp vùng Paumôtux, ở khắp thế giới. Mapuhi là đồ ngu. Hắn đã bán nó cho Toriki lấy nghìn tư đôla Sili - tôi đứng ngoài nghe thấy vậy. Toriki cũng là đồ ngu. Ông có thể mua lại của lão ta với giá rẻ đấy. Ông có tí thuốc lá sợi nào không?

- Toriki đâu rồi?

- Ở nhà thuyền trưởng Lits, đang uống rượu ápxin. Lão ta ở đó đã một tiếng rồi.

Và trong khi Lêvi và Toriki vừa uống rượu ápxin vừa cò kè bớt một thêm hai về viên ngọc trai, thì Huru - Huru đóng tai ngóng và nghe thấy họ ngã giá ở con số kéch sù hai mươi lăm nghìn phrăng.

Chính lúc đó, cả hai còn tàu Ôrohêna và Hira chạy sát vào bờ, bắt đầu bắn súng và phát tín hiệu cuống cuống. Ba người bước ra ngoài, kịp thời trông thấy hai chiếc tàu buôn hơi hủ chạy quanh và hướng ra khơi, hạ các buồm chính, buồm nhỏ xuống đáy đuôi tàu, trực diện với cơn gió lớn làm chúng chao nghiêng trên nước biển trắng xóa. Rồi mưa xóa nhòa chúng.

- Tan cơn, họ sẽ trở lại thôi, - Toriki nói. - Tốt hơn là ta hãy ra khơi nơi đây.

- Tôi chắc là phong vũ biểu lại xuống thêm ít nữa. - Thuyền trưởng Lints' nói.

Ông là một thuyền trưởng râu bạc trắng, quá già rồi, không phục vụ được nữa, biết rằng cách duy nhất để sống yên ổn với chúng hen xuyến của mình là ở trên đảo Hikuêru. Ông vào nhà để xem phong vũ biểu.

- Trời! - Họ nghe thấy ông kêu vậy và chạy vào cùng ông trở mắt nhìn mặt phong vũ biểu chỉ 29°20.

Họ trở ra, lần này lo lắng nhìn biển, nhìn trời. Con đông gió đã tan, nhưng trời vẫn mù mịt. Có thể trông thấy hai chiếc tàu căng hết buồm, cùng một chiếc thứ ba nữa, đang trở lại. Gió xoay chiều làm mấy con tàu phải nối dây leo và năm phút sau, một xoay chuyển đột ngột từ bên hông tàu đối diện đẩy lùi cả ba con tàu lại và những người đứng trên bờ có thể trông thấy dây buồm đang được nối hoặc quăng xuống một cách hối hả. Tiếng sóng xô bờ nghe to, rỗng và đe dọa, và một đợt sóng cồn lớn bắt đầu nổi lên. Một làn chớp kinh khủng bùng lên trước mắt họ làm sáng lòà cái ngày âm u, và sấm rền hung dữ quanh họ.

Toriki và Lêvi chạy bổ về xuống của mình, Lêvi phóng chân như một con hà mã khiếp đảm. Khi hai chiếc xuống của họ lướt ra cửa hồ thì gặp chiếc xuống của tàu Aorai đi vào. Đứng ở đằng lái động viên các tay chèo là Raul. Không rõ nổi hình ảnh viên ngọc trai khỏi tâm trí, gã đang quay trở lại để chấp nhận cái giá một ngôi nhà của Mapuhi.

Gã bước xuống bãi biển giữa một cơn lòi phong ào ào, mù mịt đến nỗi gã va phải Huru - Huru trước khi trông thấy anh ta.

- Quá muộn rồi, - Huru - Huru gào lên. - Mapuhi đã bán nó cho Toriki lấy ngàn tư đôla Sili và Toriki bán lại cho Lêvi hăm lăm nghìn phrăng và Lêvi sẽ đem sang Pháp bán lấy một trăm nghìn phrăng. Cậu có tí thuốc lá sợi nào không?

Raul cảm thấy nhẹ người. Những dây vò của gã về chuyện viên ngọc trai đã chấm dứt. Gã không còn phải băn khoăn nữa, cho dù gã không giành được viên ngọc trai. Song gã không tin Huru - Huru. Mapuhi rất có thể đã bán nó lấy ngàn tư đôla Sili. Nhưng Lêvi vốn là người sành về ngọc trai mà trả tới hai mươi lăm nghìn phrăng thì khí quá đắt. Raul quyết định hỏi thuyền trưởng Lints' về chuyện này, nhưng khi gã tới nhà người cựu thủy thủ này thì thấy ông đang trở mặt nhìn phong vũ biểu.

- Cậu đọc thấy bao nhiêu? - Thuyền trưởng Lints' lo lắng hỏi, lau mục kính và lại nhìn chòng chọc vào cái phong vũ biểu.

- Hai mươi chín độ mười - Raul, tôi chưa bao giờ thấy phong vũ biểu xuống thấp đến thế.

- Tôi dám nói thế! Thuyền trưởng khịt mũi. - Năm mươi năm từ nhỏ đến lúc thành người, lăn lộn khắp bốn biển, tôi chưa bao giờ thấy phong vũ biểu xuống đến mức ấy. Nghe này!

Họ đứng một lúc, trong khi sóng xô bờ âm ầm,

làm rung chuyển căn nhà. Rồi họ ra ngoài. Trận cuồng phong đã qua. Họ có thể thấy con tàu Aorai cách đó một dặm, lúc nằm yên, lúc chồm lên chồm xuống và tròn trành cuồng loạn trong những đợt sóng khổng lồ từ phía đông bắc cuộn cuộn nổi nhau uy nghi và giận dữ xô vào bờ đảo san hô. Một trong những thủy thủ trên xuống chỉ về phía cửa hành lang thông ra biển và lắc đầu. Raul nhìn và thấy một khối trắng xóa hỗn loạn những bọt và sóng xô.

- Có lẽ tôi sẽ ở lại với bác đêm nay, bác thuyền trưởng ạ, - gã nói rồi quay lại bảo người thủy thủ kéo xuống lên bờ và kiểm chỗ tạm trú cho bản thân anh ta cùng các bạn.

- Tròn hai mươi chín độ - thuyền trưởng Lints', sau khi xem phong vũ biểu một lần nữa, bước ra báo như vậy, tay xách một cái ghế tựa.

Ông ngồi xuống và đắm đắm nhìn cảnh biển. Mặt trời ló ra khiến ngày đêm oi ngọt thêm trong khi cái tĩnh lặng chết chóc vẫn kéo dài. Sóng biển tiếp tục to hơn lên.

- Điều tôi thắc mắc là cái gì tạo nên khối sóng kia, - Raul lâu lâu tức tối, - Chẳng có gió gì cả, vậy mà nhìn kia, nhìn cái cửa nọ kia kia!

Dài hàng vài dặm, nặng tới hàng vạn tấn nước, chấn động của khối sóng rung chuyển hòn đảo san hô mỏng manh như một con động đất. Thuyền trưởng Lints' giật bắn người.



- Lạy Chúa! - Ông kêu lên, nhồm nứa người khỏi ghế rồi lại ngồi phịch xuống.

- Nhưng mà chẳng có tí gió nào, - Raul khẳng khẳng, giá có gió kèm theo thì tôi còn hiểu được.

- Khỏi phải băn khoăn, rồi cậu sẽ được hưởng gió ngay bây giờ thôi, - đó là câu đáp lại phũ phàng.

Hai người tiếp tục ngồi im lặng. Mồ hôi toát ra trên làn da họ thành vô vàn giọt nhỏ chảy tụ lại thành những vệt ướt đẫm, những vệt này lại hợp thành từng dòng nhỏ giọt xuống đất. Họ hớn hể thở, đặc biệt khó nhọc là những cố gắng của ông già. Một ngọn sóng tràn lên bãi biển liếm quanh những thân cây dừa và rút xuống gần như dưới chân họ.

- Vượt xa mức nước thủy triều lúc cao nhất, - thuyền trưởng Lints' nhận xét. Và xin nhớ rằng tôi đã ở đây mười một năm. - Ông nhìn đồng hồ. - Ba giờ rồi.

Một người đàn ông và một người đàn bà, theo sau gót là một bầy lồm cồm vừa trẻ con vừa chó, thiếu nảo kéo nhau lê bước qua quá căn nhà họ dừng lại và sau khi đắn đo mãi, họ ngồi bệt lên bãi cát. Mấy phút sau, một gia đình khác từ hướng đối diện lết bước, đàn ông, đàn bà mang một mớ của cải linh tinh. Và chẳng bao lâu, mấy trăm con người đủ các lứa tuổi, nam có, nữ có, đã tụ tập quanh nhà thuyền trưởng. Ông gọi một người mới tới, một phụ nữ bồng con thơ trên tay và được biết là căn nhà của chị ta vừa bị sóng cuốn băng xuống hồ mặn.

Đây là chỗ đất cao nhất trong vòng mấy dặm xung

quanh, thế mà ở nhiều nơi, cả hai bên, những con sóng lớn đã đột phá gọn ghẽ cái vành mỏng manh của cù lao san hô và tràn vào hồ mặn. Vành của đảo san hô cuốn quanh trên một chiều dài hai mươi dặm và không chỗ nào rộng quá năm mươi sải. Đây là cao điểm của mùa lặn mò hải sản và từ các đảo xung quanh, thậm chí từ mãi Tahiti, những người bản địa đã kéo đến.

- Có một nghìn hai trăm người ở đây, đàn ông, đàn bà, trẻ con, thuyền trưởng Lints' nói - Không biết đến sáng mai sẽ còn bao nhiêu ở đây.

- Nhưng tại sao nó không thổi - tức là cái mà tôi muốn biết ấy? - Raul hỏi.

- Đừng có thắc mắc, bạn trẻ, đừng có thắc mắc, cậu sẽ mau chóng được nếm mùi thôi.

Ngay khi thuyền trưởng Lints' nói, một khối nước lớn quật vào cù lao san hô. Nước biển ùng ục quanh họ, sâu tới sáu bảy phân dưới ghề của họ. Một tiếng rền rĩ khiếp hãi khê cất lên từ đám đông phụ nữ. Bọn trẻ chấp tay trừng trừng nhìn những làn sóng menh mông và kêu khóc thảm thương. Gà và mèo, nháo nhác lội trong nước, tựa hồ theo thỏa thuận chung, xô nhau bay và bò đến náu trên mái nhà ông thuyền trưởng. Một người Paumôtux với một ổ chó con mới đẻ đứng trong một cái giỏ treo lên một cây dừa và buộc chặt cái giỏ trên cao cách mặt đất tới sáu mét. Chó mẹ loanh quanh hì hục trong nước phía bên dưới, rền rĩ kêu ăng ăng.

Và mặt trời vẫn lấp lánh rực rỡ và sự tịch lặng chết chóc vẫn tiếp tục. Họ ngồi và theo dõi những con sóng biển cùng con tàu Aorai chồm lên hụp xuống điên cuồng. Thuyền trưởng Lints' đắm đắm nhìn những tảng nước to như núi tràn vào cho đến khi ông không đủ sức nhìn nữa. Ông đưa hai tay che mặt để dập tắt hình ảnh đó, rồi đi vào trong nhà.

- Hai mươi tám độ sáu mươi, - ông bình tĩnh nói khi trở ra.

Ông ôm trong tay một cuộn thùng nhỏ. Ông cắt cuộn thùng thành từng đoạn dài hai sải, đưa cho Raul một đoạn, giữ cho mình một và phân phát số còn lại cho đám phụ nữ, khuyên họ chọn mỗi người một cây mà trèo lên.

Một luồng không khí nhẹ bắt đầu thổi từ mạn đông bắc và hơi nó quạt vào má Raul dường như làm gã phấn chấn lên. Gã có thể thấy con tàu Aorai xoay dây leo theo chiều gió và hướng ra khơi, và gã tiếc là lúc này mình không ở trên tàu. Dù sao đi nữa, con tàu cũng bứt ra khỏi vòng, còn như cái đảo san hô này thì... Một con sóng băng qua, như bốc gã lên khỏi mặt đất và gã tìm chọn một cái cây. Rồi gã nhớ đến chiếc phong vũ biểu và chạy trở lại nhà. Gã gặp thuyền trưởng Lints' cũng đang định làm việc ấy và họ cùng vào.

- Hai mươi tám độ hai mươi. - Người thủy thủ già nói. - Quanh đây sắp sửa thành địa ngục thật sự... cái gì thế?

Không khí dường như đây ập một cái gì cuốn đi ào ào. Ngôi nhà rung mình rung chuyển và họ nghe thấy dội lên một âm thanh mãnh liệt. Các cửa sổ rung lên. Hai ô kính vỡ tan, một luồng gió ập vào, quạt trúng họ và làm họ lảo đảo. Cánh cửa đối diện sập đóng đánh rầm một cái, then nát vụn. Quả đấm màu trắng tan thành từng mảnh rơi xuống sàn. Bốn bức tường của căn phòng phình ra như quả bóng hơi được bơm đột ngột. Rồi đến một tiếng động mới như tiếng súng hỏa mai đi đom, khi bụi nước của một con sóng quạt vào tường nhà. Thuyền trưởng Lints' nhìn đồng hồ. Bốn giờ. Ông mặc một chiếc áo choàng vải hoa tiêu vào người, nhắc chiếc phong vũ biểu khỏi đỉnh treo và cất vào trong một cái túi rộng. Lại một con sóng giáng vào nhà đánh âm một cái và ngôi nhà mảnh dẻ chao nghiêng, vặn xoắn đi một phần tư vòng trên nền móng của nó và rụng xuống, sàn nghiêng đi một góc mười độ.

Raul ra trước tiên. Gió túm lấy gã và cuốn gã đi. Gã nhận thấy là gió đã xoay về hướng đông. Với một cố gắng lớn gã gieo mình xuống bãi cát, né núp, bám trụ. Thuyền trưởng Lints' bị xô đi như một cuộn rơm, lồm ngồm trên mình gã. Hai thủy thủ của tàu Aorai đang bám vào một cây dừa liền rời chỗ đến giúp họ nương dựa vào gió theo những góc độ oái oăm và vật lộn nhích đi từng phân một.

Các khớp xương ông già cứng đơ và ông không thể vào được thành thử các thủy thủ phải nối những

đoạn thừng ngắn lại với nhau để kéo ông lên dần dọc theo thân cây, mỗi lần chừng một mét<sup>(1)</sup>, cho đến khi họ có thể cột chắc ông trên ngọn, cách mặt đất khoảng mười lăm mét. Raul vòng đoạn thừng của mình quanh một gốc cây bên cạnh và đứng nhìn. Gió kinh khủng. Gã chưa bao giờ tưởng tượng là nó có thể thổi dữ đến thế. Một ngọn sóng tràn qua đảo san hô, làm gã ướt đến đầu gối trước khi xẹp xuống trong hồ mặn. Mặt trời đã biến mất và một ánh hoàng hôn màu chì lắng xuống. Mấy giọt mưa tạt ngang, văng vào gã tựa hồ những viên chì. Một chùm tia nước mặn quật vào mặt gã như tay người tát. Má gã buốt nhói và bắt giác những giọt nước mắt đau đớn bỗng dâng lên đôi mắt cay sè của gã. Hàng trăm người bản địa đã leo lên cây và gã những buồn cười trước những chùm quả người bám ở những ngọn cây. Thế rồi, vốn sinh ra trên đất Tahiti, gã gặp đôi người lại từ ngang thắt lưng, hai tay bực lấy thân cái cây đã chọn, áp bàn chân vào bề mặt gần như phẳng của thân cây và bắt đầu bước lên. Tới ngọn, gã thấy hai phụ nữ, hai đứa trẻ và một người đàn ông. Một đứa bé gái ôm chặt một con mèo nhà trong tay.

Từ cái tổ chót vót của mình, gã đưa tay vẫy thuyền trưởng Lints' và ông già gan góc ấy vẫy lại.

---

<sup>(1)</sup> Nguyên văn: mấy "fút" (mỗi "fút" bằng 0,3048m). Nói chung khi dịch những đơn vị đo chiều dài của Anh, chúng tôi đều quy ra hệ mét, vốn quen thuộc hơn với độc giả của ta (N.D).

Bầu trời làm Raul kinh hoàng. Nó đã sập gần lại hơn nhiều thực tế, nó hồ như ở ngay trên đầu gã và đã chuyển từ sắc chì sang màu đen. Nhiều người vẫn còn ở dưới đất, túm tụm quanh những gốc cây và cầm cự. Một số tốp như vậy đang cầu nguyện và trong một đám, nhà truyền giáo Mormon đang cổ vũ mọi người. Vẳng đến tai gã một âm thanh kỳ lạ nhịp nhàng, yếu ớt như tiếng rúc nhỏ nhất của một con dế xa, chỉ kéo dài một lúc, nhưng chính trong lúc đó lại mơ hồ gợi cho gã ý nghĩ về cõi trời và nhạc điệu thiên giới. Gã đưa mắt nhìn quanh và thấy ở một gốc cây khác một đám đông đang níu mình bằng dây thừng và níu vào nhau. Gã có thể nhìn rõ mặt họ nhẵn nhụi và môi họ mấp máy đồng đều. Gã không nghe thấy gì, nhưng gã biết họ đang hát thánh ca.

Gió vẫn tiếp tục thổi dữ dội hơn. Gã không đo được nó bằng một phương pháp hữu thức nào, vì từ lâu nó đã vượt quá mọi trải nghiệm của gã về gió; tuy nhiên, cách nào đó gã vẫn biết là nó đang thổi mạnh hơn. Cách không xa, một cái cây bị bật rễ, quãng mớ người bám vào nó xuống đất. Một con sóng ào qua dải cát và họ biến mất. Nhiều sự việc đang xảy ra nhanh chóng. Gã trông thấy một bả vai nâu và một cái đầu đen in trên nền bọt sóng sủi ùng ục trắng toát của con hồ mặn. Lát sau, cả cái đó cũng mất tăm. Nhiều cây khác đang mất tiêu, đổ và bắt chéo nhau như những que diêm. Gã bàng hoàng trước sức mạnh của gió, chính cái cây của gã cũng

đang chao đi rất nguy hiểm, một người đàn bà rên rĩ và níu chặt đứa bé gái, còn nó thì lại vẫn bám riết con mèo.

Người đàn ông, giữ đứa trẻ kia, khẽ chạm vào cánh tay Raul và chỉ. Gã nhìn và thấy ngôi nhà thờ Mormon lao đảo như người say rượu cách đó độ ba chục mét. Nó đã bị rút khỏi nền móng, gió và sóng biển đang xô đẩy nó về phía hồ mặn. Một bức tường nước khủng khiếp bắt kịp nó, lật nghiêng và ném nó vào một cụm nấm, sáu cây dừa. Những chùm quả người rụng xuống như những trái dừa chín. Sóng rút đi để tro họ trên mặt đất, một số nằm bất động, số khác quần quai, giãy giụa. Gã thấy họ giống như những con kiến một cách lạ lùng. Gã không choáng nữa. Gã đã vượt quá ngưỡng khiếp sợ. Hoàn toàn thản nhiên, gã nhận thấy đợt sóng tiếp theo quét sạch mớ rác người khỏi bãi cát. Một con sóng thứ ba, đồ sộ hơn bất kỳ khối sóng nào gã đã từng thấy, ném ngôi nhà thờ xuống hồ mặn, ở đó nó trôi bên dưới luồng gió vào bóng tối, nửa nổi nửa chìm, khiến gã thấy giống hết một con thuyền Nôê<sup>(1)</sup>.

Gã đưa mắt tìm căn nhà của thuyền trưởng Lints' và ngạc nhiên thấy nó đã mất tăm. Rãnh là sự việc xảy ra rất nhanh. Gã nhận thấy nhiều người ở trên

---

<sup>(1)</sup> Ông Nôê được biết trước nạn Đại Hồng thủy đã đóng một con thuyền chở cả gia đình và các súc vật, mỗi loại một cặp đực, cái, bảo tồn được mọi giống (Kinh Thánh - sáng thế kỷ. Ch VI - (ND).

cây còn bám trụ được, đã xuống đất. Gió đã lại tăng lên. Cái cây của gã chứng tỏ điều đó. Nó không đu đưa hoặc uốn qua uốn lại nữa. Trái lại, nó hầu như đứng yên, bị gió bẻ cong thành một góc cứng ngắc và chỉ rung rung thôi. Nhưng độ rung ấy thật dễ buồn nôn. Nó giống như kiểu rung của một cái thanh mẫu hoặc của cái lưỡi đàn ghimbác<sup>(1)</sup>. Ngay cả nếu rễ nó vẫn bám chắc, nó cũng không thể chịu đựng căng thẳng được lâu. Một cái gì đó ắt phải bật đứt.

Ở kia một cây đã đi đứt. Gã đã không chứng kiến kết cục của nó, nhưng nó đứng kia, cái phần còn lại, gãy giữa lưng chừng thân cây. Nếu không trông thấy thì chả biết điều gì đã xảy ra. Chỉ riêng tiếng cây gãy và tiếng người rên rĩ tuyệt vọng thì lọt thỏm trong cái khối lượng âm thanh khổng lồ ấy. Khi điều đó xảy ra, gã tình cờ nhìn về phía thuyền trưởng Lints'. Gã trông thấy cái thân cây toác ra ở lưng chừng và giã từ lặng lẽ không tiếng động. Ngọn cây, với ba thủy thủ của tàu Aorai và người thuyền trưởng già, bay vèo trên mặt hồ mặn. Nó không rơi xuống đất, mà lao qua không trung như một búi rác. Gã nhìn theo nó bay được một trăm mét thì nó rơi xuống nước. Gã căng mắt ra và chắc chắn là mình đã trông thấy thuyền trưởng Lints' vẫy tay chào vĩnh biệt.

Raul không còn nhớ gì nữa. Gã khẽ chạm vào tay

---

<sup>(1)</sup> Loại nhạc cụ cổ có khung kim loại và một lưỡi gà cũng bằng kim loại. Nhạc công dùng răng cắn vào khung và lấy tay bập lưỡi kim loại (N.D).



người thổ dân và ra hiệu xuống đất. Người đàn ông muốn theo, song hai người đàn bà tê liệt vì khiếp sợ, nên anh ta quyết định ở lại với họ, Raúl quàng đoạn thừng quanh thân cây và tụt xuống. Một lần nước mặn vút qua trên đầu gã. Gã nín thở và bám một cách tuyệt vọng vào sợi dây thừng. Lần nước rút xuống và, núp vào thân cây, gã lại thở được. Gã buộc đoạn thừng vào mình chắc chắn hơn, rồi lại bị chìm dưới một con sóng khác. Một trong hai người đàn bà tụt xuống với gã, người thổ dân ở lại với người đàn bà kia, hai đứa trẻ và con mèo.

Gã áp tải viên đã nhận thấy những tốp bám vào các gốc cây khác đã liên tục vội đi như thế nào. Giờ đây, gã thấy quá trình ấy diễn tiến ngay cạnh mình. Gã phải vận dụng hết sức lực để bám trụ và người đàn bà đã xuống với gã thì mỗi lúc một yếu đi. Mỗi lần nhô ra khỏi một con sóng, gã ngạc nhiên thấy mình vẫn còn đó và tiếp theo lại ngạc nhiên thấy người đàn bà vẫn còn đó. Cuối cùng gã nhô ra để thấy còn có mình gã. Gã ngược nhìn lên. Ngọn cây cũng đã đi tong. Ở độ cao bằng nửa lúc ban đầu, móm cụt vỡ toác đang rung rung. Gã còn lạnh lặn. Rễ vẫn bám chắc, trong khi cây đã bị sên đi bộ phận phơi ra hứng gió. Gã bắt đầu trèo lên. Gã yếu đi nhiều, nên leo chậm chạp và hết con sóng này đến con sóng khác bắt kịp gã trước khi tới tầm cao bên trên chúng. Rồi gã buộc mình vào thân cây và ráng củng cố tinh thần cho cứng rắn để đương đầu với

đêm tối và những gì nữa gã cũng chưa lường biết được.

Gã cảm thấy rất cô độc trong bóng tối. Đôi lúc, gã tưởng như đây là lúc tận thế và gã là kẻ cuối cùng còn sống. Gió vẫn tăng cường. Giờ này qua giờ khác, nó mạnh lên hoài. Vào cái khoảng gã ước lượng là mười một giờ, gió đã trở nên dữ không tưởng tượng nổi. Đó là một vật khủng khiếp, quái đản, một cơn cuồng nộ gầm thét, một bức tường sầm sầm quật tới và đi qua, nhưng rồi lại tiếp tục quật tới và đi qua một bức tường bất tận. Gã có cảm giác như mình đã trở nên nhẹ bồng và lâng lâng; rằng chính gã đang chuyển động; rằng gã đang bị xô đi với tốc độ không tưởng tượng nổi qua thể rắn đặc triền miên không dứt. Gã không còn là không khí chuyển động nữa. Nó đã trở thành vật chất như nước hoặc thủy ngân. Gã có cảm tưởng rằng mình có thể với tay thực vào nó và rút nó ra từng miếng như rút thịt ở bộ xương một con gà thiên non vậy; rằng gã có thể túm lấy gió treo mình lơ lửng ở đó như người ta có thể treo mình lơ lửng ở mặt một vách đá.

Gió làm gã nghẹt thở. Gã không thể đối mặt với gió mà thở, vì nó ùa vào miệng và lỗ mũi gã, làm hai lá phổi căng lên như một bong bóng. Vào những lúc như thế gã cảm thấy như người mình đang bị nhồi đến sùng phồng bằng đất rắn. Chỉ bằng cách áp môi vào thân cây mới khiến gã thở được. Sự va chạm không ngừng với gió cũng làm gã kiệt sức. Thân thể

và trí não trở nên mệt nhoài. Gã thôi không quan sát nữa, không nghĩ nữa và chỉ tỉnh có một nửa. Một ý niệm duy nhất tạo thành ý thức của gã. Vậy ra đây là một trận bão cuồng. Cái ý niệm duy nhất ấy dai dẳng khi ẩn khi hiện. Nó như một ngọn lửa yếu ớt thỉnh thoảng loé lên. Gã cứ từ một trạng thái mụ mị trở về với ý nghĩ ấy. Vậy ra đây là một trận bão cuồng - rồi lại đắm ào một cơn mụ mị khác.

Cao điểm của trận bão kéo dài từ mười một giờ đêm cho tới ba giờ sáng và chính vào lúc mười một giờ, cái cây mà Mapuhi cùng mẹ, vợ và con gái bám vào gãy rắc. Mapuhi nhoi lên mặt hồ mặn, tay vẫn ghì chặt đứa con gái N'gakura. Chỉ có một người dân đảo ở Nam Hải mới có thể sống được trong một thứ sa mù cuốn cuộn như thế. Cây pandan mà anh cột mình vào, xoay đi xoay lại trong lớp sóng sủi bọt, và chỉ bằng cách là khi thì ghì chặt và chờ đợi, khi thì nhanh chóng đổi chỗ níu tay anh mới có thể làm cho đầu mình và đầu N'gakura nhô lên khỏi mặt nước trong những khoảng cách thời gian tương đối gần nhau, vừa đủ để thở hít được. Nhưng không khí hít vào chủ yếu là nước, phần vì bụi sóng tỏa bay, phần vì mưa dày đặc tuôn theo hướng vuông góc với chiều thẳng đứng.

Chiều ngang hồ mặn đến vành đai cát xa tít là mười dặm. Ở đây, tròng trành những thân cây, những khúc gỗ, những xác thuyền và những mảnh nhà tan trôi giạt, giết chết đến chín phần mười

người sống sót qua lối thông ra biển của hồ mặn. Cơ hồ sắp chết đuối, sức tàn, lực kiệt, họ bị ném vào cái cối giã điên cuồng của sức mạnh thiên nhiên và bị nghiền đến tan xương nát thịt. Nhưng số Mapuhi còn may, xác suất thoát chết của anh là một phần mười, nó rơi trúng anh do sự đồng bóng của số mệnh. Anh ngoi lên bờ cát, máu chảy từ vài chục vết thương. Cánh tay trái của N'gakura bị gãy; các ngón tay phải bị nghiền nát, má và trán rách toác trơ cả xương. Anh bấu lấy một cái cây còn đứng vững và bám chặt, vừa giữ con bé vừa học lên thở, trong khi nước hồ tràn lên, ngập đến đầu gối, có lúc đến ngang thắt lưng.

Đến ba giờ sáng thì cơn bão gây xương sống. Vào quãng năm giờ, chỉ còn một ngọn gió đang thổi. Và đến sáu giờ thì lặng tờ như chết và lấp lánh mặt trời. Biển đã rút xuống. Trên ven bờ vẫn còn xáo động của con hồ mặn. Mapuhi trông thấy những cái xác gãy nát của những người không đổ bộ được an toàn. Chắc hẳn Têfara và Nauri ở trong số đó. Anh đi dọc bãi cát xem xét và tìm thấy vợ mình nằm sóng soài, nửa trên bờ, nửa dưới nước. Anh ngồi xuống và khóc, làm những tiếng động chói tai của loài vật theo cách thương tiếc của người nguyên thủy. Thế rồi chị ta cựa quậy một cách khó khăn và rên rỉ. Anh nhìn kỹ hơn. Không những chị vẫn còn sống mà lại lành lặn không thương tích gì cả. Chị chỉ ngủ thôi. May mắn của chị cũng là xác suất một phần mười.

Trong số một nghìn hai trăm người sống đêm

hôm trước, nay chỉ còn lại ba trăm. Vị giáo sĩ Mormon và một viên sen đảm tiến hành điều tra dân số. Trong hồ ngổn ngang xác chết. Không một ngôi nhà, một túp lều nào còn đứng vững. Trên khắp đảo san hô, không còn lấy hai viên đá nào chồng lên nhau. Một phần năm mươi số cây dừa còn đứng vững thì cũng đã tả tơi, không cây nào còn lấy một quả trên cành. Không có chút nước ngọt nào. Những giếng nông hứng được nước mưa rỉ vào thì đầy muối. Một số bao bột ướt sũng được vớt từ dưới hồ lên. Những người sống sót khoét lõi những cây dừa đổ ra ăn. Đây đó, họ bò toài vào những cái túp nhỏ xiu, dựng lên bằng cách bới cát cho hõm xuống và lấy những mảnh kim loại phủ lên làm mái. Vị giáo sĩ làm một dụng cụ thô thiển để cất nước, nhưng không thể phục vụ được cho ba trăm con người. Đến cuối ngày thứ hai, Raul tắm ở hồ bỗng phát hiện ra là cơn khát của mình có phần dịu đi. Gã kêu to loan tin đó và lập tức bày ra cái cảnh ba trăm con người - đàn ông đàn bà và trẻ con - đang ngáp đến cổ trong hồ và ráng uống nước qua làn da của mình. Những xác chết lều bều quanh họ hoặc bị giẫm lên, ở những chỗ chúng còn nằm dưới đáy. Ngày thứ ba, dân chúng chôn những người chết và ngồi đợi những con tàu chạy bằng hơi nước đến cứu.

Trong khi đó, Nauri, mà cơn bão cướp giạt khỏi gia đình, đã bị cuốn băng vào một cuộc phiêu lưu riêng của bà. Bám vào một tấm ván thô ráp làm

người bà tím bầm thương tích và đầy những dằm gỗ, bà bị ném gọn qua đảo san hô và cuốn trôi ra biển. Ở đây, dưới sự quăng quật điên người của những tảng núi nước, bà bị mất tất vản. Nauri là một bà già ngót sáu mươi tuổi, những bà sinh ra ở vùng Paumôtux và cả đời, chưa xa biển đến quá tầm nhìn. Bơi trong đêm tối, sặc sụa ngạt thở, vùng vẫy hóp lấy không khí, bà bị một trái dừa giáng mạnh vào vai. Ngay lúc đó, kế hoạch của bà hình thành và bà túm lấy trái dừa. Trong giờ sau đó, bà vớ được thêm bảy trái nữa. Buộc lại với chúng, chúng làm thành một cái phao bảo toàn sự sống cho bà, đồng thời lại đe dọa giã nát bà ra như tương. Bà là một phụ nữ béo và dễ bị thâm tím mình mẩy; nhưng bà đã có kinh nghiệm về bão và trong khi cầu nguyện vị thần cá mập của mình che chở khỏi bị cá mập tấn công, bà chờ cho gió tắt. Nhưng đến ba giờ sáng thì bà mù mịt đến nỗi không biết là đã đứng gió. Bà cũng không biết gì khi im lặng chết chóc buông xuống vào lúc sáu giờ. Sự va chạm mạnh khi bị ném lên bãi cát làm bà tỉnh lại. Bằng đôi tay, đôi chân trầy da và tướt máu, bà đào tới, cào cào chống lại làn nước cuộn ngược, nhích dần vào cho đến khi vượt quá tầm sóng có thể xô tới.

Bà biết rõ mình đang ở đâu, mảnh đất này không thể là nơi nào khác ngoài hòn đảo nhỏ Takókôta. Không có ai sống ở đây. Hikuêru cách đây mười lăm dặm. Bà không nhìn thấy Hikuêru, nhưng bà biết nó nằm ở phía nam. Nhiều ngày qua đi và bà sống bằng

những quả dừa đã giữ cho bà nổi trên mặt nước. Chúng cung cấp cho bà nước uống và thức ăn. Nhưng bà không uống hoặc ăn cho đã. Chắc gì đã có ai đến cứu. Bà trông thấy khói của những con tàu cứu nạn chạy bằng hơi nước ở mé chân trời; song liệu có thể trông mong con tàu nào đến hòn đảo Takókôta cô quanh, không người ở này?

Từ đầu, bà đã khổ sở vì những xác chết. Biển cứ một mực quăng chúng lên cái khoanh bãi cát bé xiu của bà và bà cứ một mực cho đến khi kiệt sức ném chúng trả lại cho cá mập giăng xé và ăn thịt. Khi bà đuối sức, những xác người kết tua rua quanh bãi cát của bà, khủng khiếp hãi hùng và bà rút vào thật xa chúng đến chỗ tốt cùng mà cũng chả xa gì mấy.

Đến ngày thứ mười trái dừa cuối cùng đã hết, người bà bắt đầu teo lại vì khát. Bà lết mình dọc theo bờ cát tìm dừa. Kỳ lạ thay, bao nhiêu xác người trôi giạt lên bờ mà chẳng có trái dừa nào. Chắc chắn phải có nhiều dừa nổi hơn là xác người chứ lại! Cuối cùng bà bỏ cuộc và nằm mặt lử. Đã đến lúc kết thúc. Chẳng còn gì ngoài việc chờ chết.

Ra khỏi một cơn trì độn, bà dần dần thấy ra là mình đang chăm chăm nhìn vào một mớ tóc hung hung trên đầu một xác chết. Sóng biển ném cái xác về phía bà, rồi lại kéo nó về. Nó lật ngửa và bà thấy nó không còn mặt. Tuy nhiên mớ tóc hung ấy có một cái gì quen thuộc. Một giờ qua. Bà không ráng sức nhận dạng người chết làm gì. Bà đang chờ chết và việc cái

vật gồm ghiếc kia trước đây là người nào, chả quan trọng gì mấy đối với bà.

Nhưng đến cuối giờ, bà chậm rãi ngồi dậy và trừng trừng nhìn cái xác. Một con sóng lớn khác thường đã quăng nó đến một điểm ngoài tầm các con sóng nhỏ hơn. Phải, bà có lý, cái mớ tóc hung đỏ ấy chỉ có thể thuộc về một người ở Paumôtux. Đó là Lêvi, lão Do Thái Đức, kẻ đã mua viên ngọc trai và mang nó lên con tàu Hira. Ô, một điều hiển nhiên: tàu Hira đã bị đắm. Vị thần ngư dân và kẻ trộm của lão lái buôn ngọc trai đã thất ước với lão.

Bà trườn xuống chỗ người chết. Áo của lão đã bị giứt cuốn đi và bà trông thấy chiếc thắt lưng da đựng tiền quanh eo lưng lão. Bà nín thở và kéo mạnh khóa thắt lưng. Nó bật ra dễ hơn bà tưởng và bà hối hả trườn qua bãi cát, kéo theo sau cái thắt lưng. Bà mở hết túi này đến túi kia trên cái thắt lưng và đều thấy rỗng không. Lão ta để nó vào đâu nhỉ. Trong cái túi cuối cùng, bà tìm thấy nó, viên ngọc trai đầu tiên và duy nhất lão đã mua trong chuyến đi. Bà trườn xa hơn một quãng nữa để thoát khỏi sự ung độc của chiếc thắt lưng và xem xét viên ngọc trai. Đó là viên ngọc trai Mapuhi đã mò được và đã bị Toriki cướp mất. Bà nhắc nhắc nó trong tay và âu yếm lẩn đi lẩn lại. Nhưng bà không nhìn thấy cái đẹp tự tại trong nó. Điều bà nhìn thấy là ngôi nhà mà Mapuhi và Têfara cùng bà đã xiết bao cần trọng xây cất trong óc. Mỗi lần nhìn viên ngọc trai, bà lại thấy ngôi nhà với



đầy đủ mọi chi tiết, kể cả cái đồng hồ quả lắc tám cạnh trên tường. Đó là một cái gì bổ sung vì nó.

Bà xé một dải áo và buộc viên ngọc trai thật chắc quanh cổ. Rồi bà tiếp tục đi dọc bãi cát hỗn hển và rên rầm, nhưng quyết tâm kiếm cho ra dừa. Bà mau chóng tìm được một trái và khi nhìn quanh, lại thấy một trái thứ hai. Bà đập một quả, uống nước có vị mồm và ăn miếng cùi cuối cùng. Một lát sau, bà tìm thấy một cái thuyền độc mộc vỡ. Mái chèo đã mất nhưng bà tràn trề hy vọng và trước khi ngày tàn, bà tìm ra mái chèo. Mọi thứ tìm được là một điểm tốt. Viên ngọc trai là một bùa hộ mệnh. Cuối chiều bà trông thấy một cái hòm gỗ trôi dưới nước. Khi bà kéo nó lên bờ, những thứ bên trong kêu loảng xoảng và mở ra, bà thấy mười hộp cá hồi. Bà mở một hộp bằng cách đập vào cạnh thuyền. Khi bắt đầu có cạnh nứt, bà liền uống cạn nước xốt. Sau đó, bà bỏ nhiều giờ ra để moi cá hồi, hết đập lại bóp nén, mỗi lần lấy được một miếng con.

Tám ngày nữa, bà chờ người đến cứu. Trong thời gian bà cột lại móc chèo vào chiếc thuyền dùng tất cả xơ dừa có thể tìm thấy và cả phần còn lại của chiếc áo để bện thành dây buộc. Chiếc thuyền nứt toác và bà không thể làm cho nó kín khỏi dò; nhưng bà làm một chiếc gáo dẹt trữ sẵn trên thuyền để làm gàu tát nước. Bà loay hoay nhiều về chuyện mái chèo. Với một mảnh thiếc ở hộp cá, bà tự gọt hết tóc đến sát da đầu, bện thành một sợi dây; và bằng dây đó, bà buộc một

đoạn các chổi dài gần một mét vào một mảnh ván lấy từ chiếc hòm đựng cá hộp. Bà dùng răng gò những chiếc nêm để ken vào nút buộc.

Nửa đêm ngày thứ mười tám, bà lao thuyền qua lớp sóng xô và bắt đầu cuộc hành trình trở về Hikuêru. Bà là một bà già. Gian khổ đã tiêu hết chất mỡ ở người bà đến độ gần như chỉ còn da bọc xương và chút cơ bắp quắt queo. Thuyền thì to, lẽ ra phải có ba tay đàn ông lực lưỡng cầm chèo. Nhưng bà đảm đương một mình với cái mái chèo chấp vá tạm bợ. Thuyền lại dò tệ hại và bà phải dành một phần ba thời gian để tát nước. Giữa thanh thiên bạch nhật, bà kiếm hoài không thấy Hikuêru. Phía sau, Takôkôta đã lặn xuống mé dưới mép biển. Mặt trời rơi lửa xuống tấm thân trần của bà, ép cơ thể bà thải nước. Còn lại hai hộp cá, và cả ngày bà đột lõ trên đó, hút hết nước xốt. Bà chả còn thì giờ nào mà tiêu phí vào việc moi cá ra. Một luồng nước chảy về phía tây, dù bà có hướng xuống nam hay không thì vẫn cứ phải đi về phía tây.

Đầu buổi chiều, đứng thẳng trên thuyền, bà trông thấy Hikuêru. Những hàng dừa xum xuê của nó đã mất. Bà chỉ nhìn thấy đây đó những gốc cây cụt xơ xác cách xa nhau. Cảnh tượng làm bà phấn chấn. Bà đã gần đích hơn là bà tưởng. Luồng nước đưa bà về phía tây. Bà ráng xoay hướng tránh nó và chèo tiếp. Những chiếc nêm ken vào dây buộc chèo lỏng dần, khiến bà mất khá nhiều thì giờ, chốc chốc lại ấn

chúng vào cho chặt. Rồi lại còn phải tát nước. Cứ ba giờ thì phải dùng chèo một giờ để tát nước và luôn luôn bà bị cuốn giạt về hướng tây.

Đến lúc mặt trời lặn thì Hikuêru còn cách bà ba dặm về phía đông nam. Trăng lên tròn đầy và khoảng tám giờ thì đất liền ở đúng phía đông, cách hai dặm. Bà tiếp tục vật lộn một giờ nữa, nhưng đất liền vẫn xa như trước. Bà đang ở mạch cuốn chính của luồng nước; thuyền quá lớn, mái chèo thì quá yếu, không thích hợp và quá nhiều thời gian và sức lực của bà bị tiêu phí vào việc tát nước. Hơn nữa, bà rất suy nhược và mỗi lúc một suy nhược thêm. Bất kể những cố gắng của bà, con thuyền vẫn bị cuốn giạt về hướng tây.

Bà thêu thảo cầu nguyện vị thần cá mập của mình, trèo qua mạn thuyền, tụt xuống và bắt đầu bơi. Thực tế nước làm cho bà khỏe khoắn lại và bà nhanh chóng bỏ con thuyền lại đằng sau. Hết một giờ, đất liền đã gần hơn rõ ràng. Thế rồi, sự kinh hoàng đến với bà. Ngay trước mắt bà, cách không đầy sáu mét, một bộ vây to tướng đang xé nước. Bà đều đặn bơi về phía nó và nó chậm chạp lướt đi, ngoặt sang phải về xoay quanh bà. Bà dán mắt vào bộ vây và bơi tiếp. Khi bộ vây biến mất, bà úp mặt xuống nước theo dõi khi bộ vây xuất hiện trở lại, bà lại tiếp tục bơi. Con quái vật đang lúc lười nhác, bà có thể thấy thế. Rõ ràng, nó đã chén đầy từ hôm bão đến nay. Nếu nó đói thì bà biết nó chẳng ngần ngại gì mà không lao

tới bà. Nó dài tới bốn mét rưỡi và chỉ ngoạm một cái là cắt đôi bà, bà biết thế.

Nhưng bà đâu có thì giờ để phí hoài vì nó. Dù bà có bơi hay không thì luồng nước cũng kéo ra khỏi đất liền. Nửa giờ qua, và con cá mập trở nên dạn hơn. Thấy bà không nguy hiểm gì, nó xáp lại gần hơn, thu hẹp vòng lượn, giương mắt trắng tráo nhìn bà mỗi khi lướt qua. Bà biết rõ là sớm muộn, nó sẽ thu đủ can đảm để lao vào bà. Bà bèn quyết định ra tay trước. Điều bà suy tính là một hành động tuyệt vọng. Bà là một bà già đơn độc giữa biển, suy nhược vì đói và gian khổ, thế mà đối diện với con hổ biển này, bà phải chặn trước sự tấn công của nó bằng cách tự mình tấn công nó. Bà bơi tiếp chờ cơ hội. Cuối cùng, nó uể oải qua chỉ cách hơn hai mét. Bà đột ngột xông tới nó giả vờ tấn công. Nó quẫy đuôi thật mạnh tẩu thoát và lớp da sần sùi như giấy ráp của nó quệt phải bà, làm tuột da từ khuỷu tay đến vai. Nó bơi thật nhanh một vòng rộng hơn và cuối cùng biến mất.

Trong cái hõm đảo trên cát, phủ bằng những mảnh mái kim loại, Mapuhi và Têfara đang nằm cãi nhau.

- Nếu nhà làm theo lời tôi, - Têfara trách đến lần thứ một nghìn, và đem giấu viên ngọc trai đi, đừng nói với ai, thì có phải bây giờ vẫn còn không.

- Nhưng mà khi tôi tách vỏ trai ra thì Huru - Huru đứng ngay đó mà - tôi đã chả nói đi nói lại với nhà không biết bao nhiêu lần rồi sao?

- Và bây giờ, chúng ta sẽ chẳng có nhà cửa gì sắt. Hôm nay Raul bảo tôi nếu nhà không bán viên ngọc trai cho Toriki thì...

- Tôi đâu có bán. Toriki cướp của tôi.

- Rằng nếu nhà chưa bán viên ngọc trai thì cậu ta sẽ giả năm nghìn đôla Pháp, tức là mười nghìn đôla Sili.

- Cậu ta đã hỏi chuyện bà mẹ, - Mapuhi giải thích. - Bà ấy sành về ngọc trai lắm.

- Và bây giờ là mất toi viên ngọc. - Téfara phàn nàn. - Nó trừ vào cái khoản tôi nợ Toriki. Dù sao, tôi cũng được nghìn hai.

- Toriki chết rồi, chị kêu lên. Chẳng nghe thấy tin gì về chiếc tàu của hắn. Nó mất tăm cùng với chiếc Aorai và chiếc Hira. Liệu rồi Toriki có cho nhà mua chịu hai trăm bạc hàng như hắn hứa không? Không, vì Toriki chết rồi. Và ví dù nhà chẳng mò được viên ngọc trai đi nữa, thì hôm nay nhà có còn nợ Toriki số tiền nghìn hai ấy không? Không, vì Toriki chết rồi, và có ai trả nợ người chết bao giờ.

- Nhưng Lêvi không trả tiền Toriki, - Mapuhi nói. - Lão ta giao cho hắn một mảnh giấy có giá trị như tiền ở Papit; và bây giờ Lêvi đã chết và không thể trả được, và Toriki cũng chết, tờ giấy mất luôn theo hắn và viên ngọc trai thì mất theo Lêvi. Nhà nói đúng, Téfara ạ. Tôi đã mất viên ngọc và chẳng được cái gì bù lại. Bây giờ ta hãy ngủ thôi.

Đột nhiên, anh giơ tay lên, nghe ngóng. Từ bên ngoài vọng vào một tiếng động như có ai thở nặng nhọc và đau đớn. Một bàn tay sờ soạng đập vào cái chiếu dùng làm cửa.

- Ai đấy? Mapuhi kêu lên.

- Nauri, - câu trả lời vắng vào. - Các người có thể cho biết Mapuhi con trai tôi ở đâu không?

Têfara thét lên và bấu lấy tay chồng.

- Ma! - Chị nói lập chập. - Ma!

Mặt Mapuhi vàng ệnh ra, dễ sợ. Anh yếu ớt bám vào vợ.

- Bà lão, - anh ấp úng nói, cố gắng làm khác tiếng đi, tôi biết rõ con bà lão. Anh ta ở bờ phía đông con hồ mặn.

Từ bên ngoài, vắng đến một tiếng thở dài. Mapuhi bắt đầu cảm thấy phấn khởi. Anh đã đánh lừa được con ma.

- Nhưng bà lão này, bà từ đâu tới vậy? - Anh hỏi.

- Từ biển, - câu trả lời nghe buồn bã.

- Tôi đã biết mà! Tôi đã biết mà! - Têfara rú lên, người lắc qua lắc lại.

- Têfara đi ngủ lang từ bao giờ vậy? - Tiếng Nauri lọt qua cái chiếu.

Mapuhi nhìn vợ, vừa sợ sệt vừa trách móc. Chính giọng chị đã làm lộ tẩy hết.

- Và Mapuhi, con trai tôi, đã chối bỏ mẹ già của nó từ bao giờ vậy? - Giọng nói tiếp tục.

- Không, không, tôi không... Mapuhi không chối bỏ mẹ đâu - anh kêu lên - Tôi không phải là Mapuhi. Anh ta ở đằng đông con hồ, tôi đã bảo bà lão mà.

N'gakura ngồi dậy trên giường và bắt đầu khóc. Chiếc chiếu bắt đầu rung rung.

- Bà lão làm gì vậy? - Mapuhi hỏi.

- Ta vào đây, - tiếng Nauri nói.

Một đầu chiếu cất lên. Têfara định chui vào dưới chăn nhưng Mapuhi níu chị lại. Anh cần phải níu lấy một cái gì. Vật lộn với nhau, người run lấy bầy và rãng đánh đàn lập cập, họ cùng trở mắt nhìn cái chiếu đang vén lên. Họ trông thấy Nauri, rùng rùng nước biển, không còn áo trùm vào. Họ lẩn lúi lại né tránh bà và giành lấy chăn của N'gakura để che đầu.

- Các người có thể cho mẹ già các người một hớp nước, con ma nói, giọng ảo não.

- Cho bà ta hớp nước, - Têfara ra lệnh, giọng run run.

- Cho bà ta hớp nước, - Mapuhi truyền lệnh cho N'gakura.

Và họ cùng đá N'gakura ra khỏi chăn. Một phút sau nhòm ra, Mapuhi thấy con ma đang uống nước. Khi nó với một bàn tay run rẩy ra đặt lên tay anh, anh cảm thấy bàn tay có sức nặng và tin rằng đó không phải là ma. Rồi anh thò ra, kéo theo Têfara đằng sau và trong mấy phút, tất cả cùng nghe Nauri kể chuyện mình. Và khi bà kể về Lêvi, và bỏ viên ngọc vào lòng bàn tay thì cả chị cũng chịu chấp nhận đó là mẹ chồng mình thật.

- Sáng mai, - Têfara nói, bà đem bán viên ngọc cho Raul lấy năm nghìn đôla Pháp nhé.

- Thế còn ngôi nhà? - Nauri phản đối.

- Cậu ta sẽ xây ngôi nhà. - Têfara trả lời. - Cậu ấy bảo nó tốn mất bốn nghìn đôla Pháp. Với lại, cậu ấy sẽ cho mua chịu một nghìn đôla Pháp tức là hai nghìn đôla Sili.

- Thế nó sẽ dài sáu sải chứ? - bà Nauri hỏi.

- Ậu, Mapuhi đáp, - sáu sải.

- Và phòng giữa sẽ có cái đồng hồ quả lắc tám cạnh chứ?

- Ậu, và cả cái bàn tròn nữa.

- Vậy thì cho mẹ ăn cái gì đi, vì mẹ đang đói đây, - bà Nauri hể hả nói. Và sau đó, chúng ta sẽ ngủ. Và ngày mai chúng ta sẽ bàn chuyện thêm về ngôi nhà trước khi bán viên ngọc trai. Tốt hơn là chúng ta lấy bég một nghìn đôla Pháp tiền ngay. Tiền mặt bao giờ cũng tốt hơn là mua chịu hàng của bọn nhà buôn.

DƯƠNG TUỒNG dịch



## *Một trạm nghỉ*

*Tôi chưa bao giờ thấy một cuộc chạy đua nào điên cuồng đến như vậy. Hàng nghìn chiếc xe trượt tuyết lao vun vút trên mặt băng hơi nước dày đặc che kín cả bầu trời. Trong đêm hôm đó ba người đã bị cồng đến chết, hơn một chục người khác vĩnh viễn làm hư hoại cặp phổi của mình. Nhưng chẳng lẽ tôi đã không tự mất mình trông thấy đáy của hố băng đó? Nó đầy một lớp cát vàng lấp lánh như một bãi cao mù tạc. Chính vì vậy mà tôi mới đóng cọc khoan vùng ở Lucôn và làm đơn xin đăng ký khai thác. Vì những lá đơn đó mà có cuộc chạy đua như vậy. Nhưng rồi ở đó không thấy gì cả. Hoàn toàn không thấy gì. Từ đó cho đến nay, tôi vẫn không biết giải thích điều đó như thế nào?*

*Chuyện kể của Sôcti*

**K**hông cởi găng tay ra, Giôn Mexnơ một tay bám vào chiếc cần đẩy, lái cỗ xe trượt tuyết đi theo đúng vệ đường mòn, tay kia xoa má và mũi. Thỉnh thoảng anh lại phải xoa má và mũi. Thực ra, anh gần như không bỏ tay ra khỏi mặt, còn khi nào quá cồng, anh càng xoa mạnh. Chiếc mũ

lông che kín cả trán và tai, cầm nằm khuất sau bộ râu rậm màu vàng hung băng đóng cứng và quá lạnh.

Phía sau anh, chiếc xe trượt tuyết kiểu Lucôn chở nặng chốc chốc lại nhảy xóc lên phía trước, đàn chó nằm con chạy đều, sợi dây thừng bằng da chốc chốc lại cọ vào chân anh. Khi đàn chó quành theo những quãng đường vòng, anh phải bước qua sợi dây thừng. Những quãng đường vòng rất nhiều, và anh cứ phải bước qua bước lại như thế. Thỉnh thoảng, vướng chân vào dây, anh suýt ngã; những cử động của anh vụng về và tỏ ra là anh đã rất mệt, đôi lúc chiếc xe va cả vào chân anh.

Khi con đường chạy thẳng, chiếc xe trượt tuyết không cần phải điều khiển, anh thả chiếc cần đẩy và đập mạnh bàn tay phải lên đó, mấy lần. Nhưng làm cho máu lưu thông lại không phải dễ. Cứ thế, tay phải anh đập bên cây gỗ cứng, tay trái không ngừng xoa má và mũi.

- Đáng lẽ trời lạnh như thế này không nên đi mới phải, - Giôn Mexnơ nói. Anh nói to như tất cả những người đã quen ngồi một mình. - Đúng là chỉ có thằng ngốc mới ra đi khi trời lạnh như thế này! Bây giờ nếu không là tám mươi độ dưới không thì cũng phải bảy mươi lăm độ<sup>(1)</sup>.

Anh lấy đồng hồ ra, xoay xoay trong tay một phút rồi lại nhét vào túi trong của chiếc áo len dày,

---

<sup>(1)</sup> Theo nhiệt kế Farenheit (ND).

ngước mắt nhìn bầu trời và đường chân trời màu trắng đục.

- Mười hai giờ, - anh lẩm bẩm. - Trời sáng sủa, nhưng chưa thấy mặt trời.

Anh im lặng độ chừng mười phút, rồi nói tiếp, dường như không hề có quãng thời gian ngắt quãng vừa qua:

- Và, hầu như chẳng xê xích được tí nào. Trời lạnh như thế này không thể đi được.

Anh bỗng quát bầy chó "Họ!" - Và dừng lại. Một nỗi kinh hoàng chợt ập đến - cánh tay phải đã gần như tê cóng hẳn... Anh bắt đầu điên cuồng đập nó lên chiếc cần đẩy.

- Ôi chúng mày... tội nghiệp, - Mexnơ quay lại nói với đàn chó lúc này đã nặng nề ngã khụy xuống mặt băng để nghỉ lấy hơi. Giọng của anh bị ngắt quãng vì quá cố sức đập bàn tay phải lên chiếc cần gỗ. - Chúng mày phạm tội gì mà bị những kẻ đi bằng hai chân thảng vào xe trượt tuyết đập tắt hết những bản năng tự nhiên và biến thành một lũ nô lệ đáng thương như thế này?

Anh ra sức xoa mũi, cố làm cho máu tan ra, rồi bắt đàn chó đứng dậy. Giôn Mexnơ đang đi dọc theo lòng một con sông lớn đã đóng băng. Phía sau lưng anh con sông trải dài hàng bao nhiêu dặm, chảy quanh co rồi mất hút giữa vô số những ngọn núi phủ tuyết đứng im lặng chen chúc bên nhau trong một

đội hình rất kỳ lạ. Phía trước dòng sông chia thành nhiều nhánh, tạo ra những hòn đảo nhỏ, im lặng và trắng toát. Sự im lặng đó không bị phá vỡ bởi tiếng kêu của dã thú, tiếng rả rích của côn trùng. Không một con chim nào bay qua cái khoảng không giá lạnh này. Không nghe một giọng người nói, không thấy một dấu vết của nơi người ở. Cả thế giới nằm ngủ yên, một giấc chẳng khác gì cái chết.

Cái tình trạng đờ đẫn bao trùm xung quanh đó dường như cũng xâm chiếm cả Giôn Mexnơ. Giá rét như làm não anh đông cứng lại. Anh lê bước đi lên phía trước, đầu cúi thấp, không nhìn sang hai bên, tay trái xoa má và mũi như một cái máy, và khi chiếc xe trượt tuyết chạy theo một quãng đường thẳng, anh đập liên hồi bàn tay phải lên chiếc cần đẩy bằng gỗ cứng.

Nhưng đàn chó luôn luôn đánh hơi cảnh giác và bỗng bất ngờ dừng lại. Quay đầu về phía chủ, chúng nhìn anh bằng những cặp mắt buồn rầu và đòi hỏi. Hàng lông mi trên mắt và mõm của chúng trắng nhợt ra vì giá rét, và màu trắng đó cùng với sự mệt mỏi làm cho chúng trông có vẻ hoàn toàn kiệt sức, thảm hại.

Người chủ đã toan giơ roi lên quát, nhưng anh kìm mình lại, định thần nhìn quanh. Bầy chó dừng lại ngay trên miệng một hố băng. Đó không phải là vết nứt, mà là một hố băng do bàn tay con người tạo nên, được đeo rất cẩn thận bằng rìu trong lớp băng dày ba

*phút*<sup>(1)</sup> rưỡi. Một màng băng mới đã khá dày chứng tỏ rằng từ lâu hồ băng này không có người dùng. Mexnơ nhìn quanh. Bầy chó đã chỉ đường cho anh: những chiếc mõm phủ băng của chúng hướng về phía một lối mòn nhỏ chạy mờ mờ trên tuyết tách ra khỏi con đường chính dẫn lên bờ một hòn đảo nhỏ.

- Nào thôi được, những con vật tội nghiệp. - Mexnơ nói. - Để tao đi dò xem. Chính ta cũng muốn nghỉ không kém gì chúng mày.

Anh leo lên dốc và khuất mắt. Đàn chó không nằm xuống, mà vẫn đứng kiên nhẫn chờ anh. Quay trở lại, anh cầm lấy sợi dây thừng buộc vào thành trước của xe trượt tuyết khoác lên vai, quay đàn chó sang bên phải và lùa chúng chạy lên bờ. Việc kéo chiếc xe trượt tuyết lên dốc đứng không phải là dễ dàng, nhưng đàn chó quên cả mệt mỏi, trườn mình trên tuyết, kêu lên những tiếng mừng rỡ, sốt ruột, cố hết sức leo lên bờ. Khi những con phía trước dừng lại hoặc trượt chân, những con sau liền cắn vào mõng chúng. Người chủ luôn miệng hò hét, lúc khuyến khích, lúc đe dọa, dồn cả sức nặng của mình lên sợi dây thừng.

Đàn chó kéo nhanh chiếc xe trượt tuyết lên khỏi dốc rồi lập tức rẽ sang trái và chạy về phía túp lều nhỏ bằng gỗ. Túp lều không có người ở, chỉ gồm một phòng rộng, dài một chiều tám, một chiều mười

---

(1) Phút: đơn vị đo chiều dài, bằng 30,5cm.

phút. Mexnơ tháo đàn chó ra khỏi xe, dỡ đồ đạc xuống và bắt đầu bước vào làm chủ căn lều. Người cuối cùng đã ở trước đây còn để lại một số củi. Mexnơ đưa chiếc bếp lò nhỏ bằng sắt của mình vào lều và nhóm lửa. Anh đặt lên bếp năm con cá khô - làm thức ăn cho bầy chó - rồi múc đầy nước ở hồ băng vào chảo và ấm pha cà phê.

Trong lúc chờ nước sôi, Mexnơ cúi mặt xuống gần bếp lò. Hơi nước thở ra đóng băng lại trên bộ râu bắt đầu tan. Những giọt băng rơi xuống bếp gấp nóng kêu xèo xèo, bốc hơi nước. Giôn Mexnơ gỡ những mẩu băng bám chặt ở râu, chúng rơi xuống sàn phát ra những tiếng kêu lạnh lạnh.

Tiếng chó sủa dữ dội không làm anh ngừng công việc đó lại. Anh nghe tiếng sủa, tiếng gầm gừ của những con chó lạ và giọng người nói. Rồi có tiếng gõ cửa.

- Vào đi! - Mexnơ nói lúng búng vì lúc đó anh đang mút gỡ một mẩu băng bám ở môi trên.

Cửa mở, và qua màn hơi nước bao quanh anh, Mexnơ trông thấy một người đàn ông và một người đàn bà đứng ở ngưỡng cửa:

- Vào đi - anh nói, giọng ra lệnh, - và đóng cửa lại.

Qua làn hơi nước anh không thể nhìn rõ mặt những người mới bước vào. Đầu của người đàn bà bị quần kín chỉ còn chừa lại đôi mắt đen. Người đàn ông cũng mắt đen, mặt anh ta cạo cạo, bộ ria đóng băng che kín cả miệng.

- Chúng tôi muốn hỏi anh xem gần đây có còn chỗ trú nào khác nữa không? - người đàn ông đưa mắt nhìn quanh căn lều bày biện đơn sơ, hỏi. - Chúng tôi tưởng rằng không có ai ở đây cả.

- Đây không phải lều của tôi - Mexnơ đáp. - Tôi cũng vừa tìm thấy nó chỉ mấy phút trước đây. Anh chị vào nghỉ đi. Đủ chỗ đây, và không cần đặt bếp lò nữa đâu. Chúng ta sẽ tìm cách sắp xếp ổn thỏa cả thôi.

Nghe giọng nói của Mexnơ, người đàn bà chăm chú nhìn anh với vẻ tò mò.

- Em bỏ áo ra, - người bạn đường của chị ta nói. - Anh đi tháo đàn chó và lấy nước để nấu ăn.

Mexnơ cầm lấy mấy con cá đã tan bằng đi ra cho chó ăn. Anh phải đứng canh bấy chốc lạ, khi trở vào lều, người đàn ông đã dỡ xong xe và mang nước vào. ấm nước của Mexnơ đã sôi. Anh bỏ cà phê vào, đổ thêm nửa cốc nước lạnh cho bã lắng xuống và nhắc ra. Sau đó, anh để chiếc bánh khô làm bằng bột chua lên bếp cho tan bằng và dùng chảo rán nóng mấy miếng đậu nấu đêm qua mà từ sáng đến giờ anh vẫn mang theo như những thỏi kem.

Sau khi bắc chảo xuống bếp để lấy chỗ cho những người mới đến chuẩn bị bữa ăn, Mexnơ ngồi xuống bao đựng chăn, lấy thùng lương thực làm bàn. Trong lúc ăn, anh nói chuyện với người đàn ông về đường sá, về những con chó kéo xe, còn anh ta thì cúi mặt trên bếp lò để làm tan bằng bám ở bộ ria. Sau khi băng tan hết, người đàn ông lạ mặt ném gói chăn

đệm của mình lên một trong hai chiếc giường kê trong lều, nói:

- Chúng tôi sẽ ngủ ở đây, nếu như anh không có ý định dùng chiếc giường này. Anh đến đây trước và có quyền lựa chọn.

- Tôi thì sao cũng được. - Mexnơ nói. - Cả hai cái đều như nhau cả.

Anh cũng chuẩn bị chỗ nằm cho mình và ngồi xuống mép phản. Người đàn ông lạ mặt nhét xuống dưới chân một túi đi đường đựng các dụng cụ y tế thay cho gối.

- Anh là bác sĩ à? - Mexnơ hỏi.

- Vâng, - anh ta đáp. - Nhưng thú thật với anh, tôi đến Clônđxit không phải để hành nghề.

Người đàn bà bắt tay vào nấu ăn, trong lúc đó anh bận đường của chị ta cắt thịt lợn ướp ra thành từng miếng nhỏ và trông coi cho bếp lò cháy đều. Trong lều tối mờ mờ, ánh sáng chỉ hắt qua một ô cửa sổ nhỏ dán bằng mẩu giấy bê bết mỡ lợn, vì vậy Giôn Mexnơ không thể nhìn kỹ người đàn bà. Mà anh cũng không chú tâm. Chị ta có vẻ như không làm anh chú ý lắm. Nhưng người đàn bà chốc chốc lại nhìn về phía góc lều tối, nơi anh ngồi.

- Cuộc sống ở đây tuyệt diệu thật! - Người bác sĩ chợt ngừng tay một thoáng, sôi nổi nói. - Tôi rất thích cuộc đấu tranh sinh tồn này, thích lòng khao khát đạt được tất cả bằng chính bàn tay của mình, thích sự hoang sơ, rất hiện thực của cuộc sống ở đây.



- Vâng, nhiệt độ ở đây quả là rất hiện thực. -  
Mexnơ cười đáp

- Thế anh có biết bao nhiêu độ không? - Người bác sĩ hỏi.

Mexnơ lắc đầu.

- Thế thì tôi nói cho anh nghe. Bảy mươi tư độ dưới không, theo nhiệt kế bằng cồn của tôi ở ngoài xe trượt tuyết.

- Tức là một trăm linh sáu độ dưới điểm đông à? Đi du lịch thế này thì quả là hơi lạnh đấy.

- Một hình thức tự sát chính cống, - người bác sĩ tuyên bố. - Con người tiêu hao cả một núi năng lượng. Anh ta phải thở nặng nề, giá buốt thâm nhập vào tận trong phổi và làm đông cứng các lớp mỡ. Đến mùa xuân năm sau anh ta sẽ chết vì viêm phổi mà không biết nó từ đâu ra. Tôi sẽ ở trong lều này một tuần, nếu như nhiệt độ không lên tới ít nhất năm mươi độ dưới không.

- Em xem kìa, Tex<sup>(1)</sup>, - anh ta nói sau một phút im lặng. - Hình như nước pha cà phê sôi rồi đấy.

Nghe tên người đàn bà, Giôn Mexnơ liền tập trung chú ý lắng nghe. Anh ném về phía chị ta một cái nhìn nhanh, và trên khuôn mặt như có một thoáng bóng đen lướt qua - bóng dáng của một nỗi đau nào đó đã được chôn kín nay bỗngưng bất ngờ sống lại. Nhưng chỉ một giây sau, bằng sự nỗ lực của ý chí, anh

---

<sup>(1)</sup> Tex - tên gọi thường ngày của Têrêxa.

đã xua đuổi cái bóng đen đó đi. Khuôn mặt anh trở lại vẻ thản nhiên như trước, nhưng giờ anh tập trung nhìn kỹ người đàn bà, bực mình vì ánh sáng trong lều quá yếu làm cho anh không thể nhìn rõ.

Cái hành động không có ý thức đầu tiên của chị ta là nhắc chiếc ấm nước xuống bếp, rồi sau đó mới liếc nhìn sang phía Mexnơ. Anh đã kịp bình tĩnh, lại thản nhiên ngồi trên giường và với vẻ hí hửng nhìn đôi giày lông mềm của mình. Nhưng khi người đàn bà cúi xuống bếp, Mexnơ lại ném sang một cái nhìn rất nhanh. Chị ta bỗng ngẩng lên và cũng nhanh như vậy, bắt gặp cái nhìn của anh. Mexnơ đưa mắt sang phía người bác sĩ, và trên môi anh thoáng qua một nụ cười - dấu hiệu rằng anh đánh giá đúng mức sự giáo quyệt của phụ nữ.

Người đàn bà lấy một cây nến từ trong hòm đựng lương thực ra, thắp lên. Mexnơ chỉ cần một cái nhìn lên khuôn mặt được chiếu sáng của chị ta là đã đủ. Trong căn phòng nhỏ này, người đàn bà chỉ đi mấy bước là đã đến bên cạnh Mexnơ. Chị ta cố ý đưa ngọn nến lại gần mặt anh và mở rộng cặp mắt to, nhìn anh đầy vẻ sợ hãi. Chị ta đã nhận ra anh. Mexnơ thản nhiên mỉm cười.

- Em tìm gì thế, Tex? - Người bạn đường của chị ta hỏi.

- Mấy cái cặp tóc, - chị ta đáp, và bước ra xa Mexnơ, bắt đầu lục lọi trong gói đồ đạc.

Hai người lấy chiếc thùng gỗ của mình làm bàn ăn và ngồi xuống thùng của Mexnơ ngoảnh mặt đối diện với anh. Còn anh, nằm dài ra trên giường để nghỉ, hai tay đặt dưới gối, mắt nhìn về phía họ. Trong căn lều chật chội này, trông có vẻ như cả ba người cùng ngồi sau một bàn.

- Anh chị từ đâu đến thế? - Mexnơ hỏi.

- Từ Xan Franxixcô, - người bác sĩ đáp. - Nhưng tôi ở đây đã ba năm rồi.

- Tôi cũng từ California, - Mexnơ nói.

Người đàn bà ngược đôi mắt nhìn anh vẻ van lơn, nhưng anh mỉm cười và nói tiếp:

- Ở Becli...

Người bác sĩ lập tức quan tâm, hỏi:

- Ở Trường đại học tổng hợp California à?

- Vâng, khóa năm tám mươi sáu.

- Thế mà tôi nghĩ rằng anh là giáo sư. Bộ dạng của anh giống hệt như vậy.

- Thật đáng tiếc, - Mexnơ mỉm cười. - Tôi lại thích người ta xem tôi là người đi tìm vàng hay đánh xe trượt tuyết.

- Anh ấy không giống giáo sư, cũng hệt như anh không giống bác sĩ, - người đàn bà chen vào.

- Cảm ơn chị. - Mexnơ nói. Rồi anh quay sang người bạn đường của chị ta: - Xin lỗi bác sĩ, cho phép tôi được biết quý danh ạ?

- Hâytor. Nhưng anh buộc phải tin vào lời tôi thôi. Tôi đã ném những tấm danh thiếp của tôi cùng với cả nền văn minh đi rồi.

- Và còn đây, tất nhiên, là quý phu nhân Hâytor - Mexnơr khẽ nghiêng mình mỉm cười.

Chị ta ném sang anh một cái nhìn trong đó sự giận dữ nhiều hơn là lời cầu xin.

Hâytor, về phần mình cũng đã định hỏi tên Mexnơr, nhưng anh ta chưa kịp thì Mexnơr đã nói trước:

- Bác sĩ ạ, có lẽ anh sẽ làm thỏa mãn sự tò mò của tôi. Hai ba năm trước đây trong giới các giáo sư xảy ra một vụ bê bối. Vợ của một giáo sư đã bỏ trốn đi... Xin lỗi phu nhân Hâytor... hình như với một bác sĩ nào đó ở Xan Franxixcô, tôi không nhớ tên anh ta. Anh có nghe gì về chuyện đó không?

Hâytor gật đầu.

- Vụ này hồi đó gây nên khá nhiều chuyện ồn ào. Anh ta tên là Uômben Grehem Uômben. Một bác sĩ thực hành rất giỏi. Tôi có ít nhiều biết anh ta.

- Thế đấy, tôi tò mò muốn biết sau đó họ ra sao? Chắc anh biết chứ? Họ biến đi đâu mất tăm.

- Vâng, anh ta giấu tung tích khéo lắm. - Hâytor khẽ ho. - Nghe nói họ đi theo một chiếc thuyền buôn xuống các biển miền Nam và hình như chết ở đấy trong một trận bão.

- Tôi không nghe gì về chuyện đó cả. - Mexnơr nói. - Còn phu nhân Hâytor. Chị có nhớ chuyện ấy không?

- Tôi nhớ rất rõ chứ, - người đàn bà đáp, và sự thần nhiên trong giọng nói đối lập một cách lạ lùng với sự giận dữ bùng lên trong đôi mắt của chị ta. Để Hâytorн không nhận thấy điều đó, chị ta vội quay mặt sang phía khác.

Người bác sĩ lại muốn hỏi tên Mexнor, nhưng anh đã lại tiếp tục:

- Cái anh chàng bác sĩ Uômben này... nghe nói... rất đẹp trai... và có nhiều thành công trong đám đàn bà...

- Có thể thế, nhưng cái vụ đó đã giết chết anh ta, - Hâytorн lầu bầu.

- Còn chị vợ là một ác phụ chính cống. Ít ra là tôi nghe nói như vậy. Ở Becli mọi người cho rằng chị ta tạo cho ông chồng của mình... hừm... một cuộc sống hoàn toàn không thiên đường tí nào.

- Lần đầu tiên tôi nghe nói thế, - Hâytorн đáp. - Ở Xan Franxixcô người ta nói ngược lại.

- Một người vợ khổ hạnh à? Một người đàn bà chịu đóng đinh trên thánh giá cuộc sống vợ chồng à?

Hâytorн gật đầu. Đôi mắt xám của Mexнor không hề tỏ ra điều gì ngoài một vẻ hiêu kỳ nhẹ nhàng.

- Điều đó cũng đúng thôi - hai mặt của một tấm huy chương mà. Hồi sống ở Becli, tất nhiên, tôi chỉ biết có một mặt. Chị ta dường như hay đến Xan Franxixcô thì phải.

- Nào, rót cho anh một cốc cà phê, - Hâytorн nói.

Vừa rót cà phê vào cho chồng, người đàn bà vừa cất tiếng cười rất tự nhiên.

- Các anh đặt điều hết như những mụ đàn bà ngồi lê chính hiệu, - chị ta trách hai người đàn ông.

- Nhưng điều này rất thú vị, - Mexnơr mỉm cười với chị ta rồi lại quay sang phía bác sĩ. - Còn anh chồng nghe đâu có tiếng tăm không lấy gì làm tốt đẹp ở Xan Franxixcô, có phải không?

- Ngược lại, người ta coi anh ta là một người có đạo đức, - Hăytorn bật ra với một sự sôi nổi hơi quá đáng. - Một kẻ giáo điều, khô khan, không có lấy một giọt máu nóng nào.

- Anh biết anh ta à?

- Tôi chưa bao giờ thấy anh ta cả. Tôi không giao thiệp với giới đại học.

- Đó lại cũng chỉ là một mặt của tấm huy chương, - Mexnơr nói, dường như đang vô tư thảo luận về tất cả các mặt của sự việc. - Tất nhiên, anh ta không đẹp đẽ gì cho lắm, - tôi nói về bề ngoài, - nhưng cũng không đến nỗi xấu. Say mê thể thao cùng với sinh viên. Và nói chung là không phải không có khả năng. Sáng tác một vở kịch dịp lễ Chúa Giáng sinh, được đánh giá cao. Tôi nghe nói như người ta định cử anh ta làm trưởng khoa tiếng Anh, nhưng vừa lúc ấy xảy ra chuyện anh ta xin thôi việc và bỏ đi đâu mất. Có lẽ chính cái vụ đó đã giết chết con đường danh vọng của anh ta. Ít ra trong giới chúng tôi cho rằng sau cú

đòn đó anh ta không thể nào gượng dậy được nữa. Hình như anh ta rất yêu vợ của mình thì phải.

Hâytorng uống nốt cốc cà phê, lấy giọng thản nhiên lầu bầu một điều gì đó, rút thuốc ra hút.

- May mà họ chưa có con, - Mexnơ tiếp tục nói. Nhưng Hâytorng nhìn vào lò sưởi, rồi đội mũ và đi gắng tay vào.

- Tôi đi lấy củi đây - anh ta nói. - Sau đó tôi sẽ cởi giày lông mềm ra và thu xếp lại cho tiện hơn.

Cánh cửa sau lưng anh ta đóng lại. Một sự im lặng kéo dài bao trùm căn lều. Mexnơ, không thay đổi tư thế, vẫn nằm trên giường. Người đàn bà ngồi trên thùng gỗ đối diện với anh.

- Anh bây giờ định sẽ làm gì? - Chị ta hỏi gay gắt. Mexnơ lười biếng đưa mắt nhìn sang.

- Thế theo cô, tôi cần phải làm gì? Tôi có thể hy vọng rằng sẽ không diễn ra một tấn hài kịch chứ? Tôi, cô biết đấy, đi đường rất mệt, giường lại êm nữa.

Người đàn bà cắn môi trong cơn giận dữ cố nén.

- Nhưng... - chị ta nóng nảy lên tiếng, nhưng lại im lặng, tay bóp chặt vào nhau.

- Tôi hy vọng rằng cô không muốn tôi giết chết... hừm... ngài Hâytorng chứ? - Anh hỏi nhỏ, gần như van nài. - Điều đó nếu xảy ra, thật đáng buồn... và xin cô hiểu cho là hoàn toàn không cần thiết.

- Nhưng anh cần phải làm một cái gì đó!... - Chị ta hét lên.

- Ngược lại, tôi, chắc chắn hơn cả, là sẽ không làm một cái gì hết.

- Anh sẽ ở lại đây à?

Mexnơ gật đầu.

Người đàn bà với vẻ tuyệt vọng nhìn quanh căn lều và tấm chăn đệm được trải trên chiếc giường thứ hai.

- Trời sắp tối rồi. Anh không thể ở lại đây được. Không thể được! Anh hiểu không, điều đó hoàn toàn không thể được!

- Không, có thể chứ. Xin phép được nhắc cô, tôi là người đầu tiên tìm ra cái lều, và anh chị, hai người là khách của tôi.

Đôi mắt của chị ta lại nhìn quanh căn lều, và khi lướt qua chiếc giường thứ hai, chúng để lộ một sự bối rối kinh hoàng.

- Nếu thế chúng tôi sẽ đi. - Chị ta tuyên bố một cách dứt khoát.

- Điều đó không thể được. Cô đang ho, đúng cái chứng ho khan, gắt mà ngài... hừm... ngài Hăytorn vừa mô tả một cách chính xác. Phổi của cô đã bắt đầu bị cảm lạnh rồi đấy. Mà anh ta là bác sĩ, nên anh ta hiểu rất rõ điều đó. Anh ta sẽ không để cho cô đi.

- Nhưng lúc đó thì anh sẽ làm gì? - Người đàn bà lại hỏi bằng một giọng căng thẳng, báo trước một cơn bão táp sắp nổ ra.

Mexnơ cố tạo ra trên nét mặt của mình một sự



thông cảm và kiên nhẫn, nhìn chị ta với vẻ của người cha nhìn con.

- Têrêza yêu quý ạ, tôi đã nói với cô rằng tôi không biết. Tôi còn chưa nghĩ đến điều đó.

- Trời ơi, anh làm tôi phát điên lên mất? - Người đàn bà nhảy bật khỏi thùng và vịn vịn hai tay trong cơn điên cuồng bất lực. - Trước đây có bao giờ anh như thế này đâu?

- Vâng, tôi trước kia là hiện thân của sự dịu dàng và mềm yếu, - anh đồng ý. - Có lẽ chính vì vậy mà cô bỏ tôi đi.

- Anh thay đổi nhiều quá? Anh lấy đâu ra cái vẻ thần nhiên đáng sợ như thế này? Tôi khiếp sợ anh đấy? Tôi cảm thấy anh đang mưu mô một điều gì đó khủng khiếp. Anh đừng để sự tức giận làm cho mất trí, hãy tự chủ mình lại...

- Tôi sẽ không mất bình tĩnh bao giờ nữa đâu... - Mexnơr ngắt lời. - Kể từ ngày cô bỏ đi.

- Anh đã tự sửa mình đến đáng ngạc nhiên đấy, - chị ta đỡ đòn.

Mexnơr mỉm cười tỏ vẻ đồng ý:

- Trong lúc tôi suy nghĩ về việc tôi sẽ xử sự ra sao, tôi xin khuyên cô hãy nói với ngài... hừm... ngài Hâytorntôi là ai. Điều này làm cho sự có mặt của cô ở trong lều này... biết nói thế nào hơn nhỉ... sẽ được tự nhiên hơn.

- Anh đi theo tôi đến cái đất nước khủng khiếp này để làm gì? - Người đàn bà bỗng bất ngờ hỏi.

- Cô đừng nghĩ rằng tôi đi tìm cô, Têrêza ạ. Đừng nịnh hót lòng kiêu căng của mình. Cuộc gặp gỡ của chúng ta là một việc hoàn toàn ngẫu nhiên. Tôi đã từ bỏ cuộc đời ở trường đại học, tôi cần phải đến một nơi nào đó. Thú thật, tôi đến vùng Clônđaiک này chính vì đây là nơi tôi ít hy vọng gặp cô nhất.

Có tiếng then cửa kêu lách cách, cánh cửa lều mở ra và Hâytorن ôm một bó củi bước vào. Vừa nghe tiếng bước chân của anh ta, Têrêza thần nhiên thụ dọn bát đĩa như không có chuyện gì xảy ra. Hâytorن lại đi lấy củi.

- Tại sao cô không giới thiệu chúng tôi với nhau? - Mexnơr hỏi.

- Tôi sẽ nói với anh ấy. - Người đàn bà lắc mạnh đầu, nói. - Đừng có nghĩ rằng tôi sợ.

- Tôi chưa bao giờ nhận thấy có cái gì thực sự làm cô sợ.

- Và tôi cũng không sợ sự hối hận. - Têrêza nói. Nét mặt của chị ta dịu dàng lại và giọng nói nghe có vẻ âu yếm.

- Tôi lại e rằng lời hối hận của cô sẽ biến thành sự cưỡng đoạt được nguy trang kín đáo, sự cố gắng đạt được lợi ích cho bản thân, sự tự tán tụng cá nhân mình bằng giá của Chúa trời.

- Anh đừng ăn nói văn hoa như vậy. - Người đàn bà đồng đánh nói, nhưng giọng mỗi lúc nghe một dịu dàng hơn. - Em không thích những cuộc

tranh luận thông thái. Hơn nữa, em cũng không sợ xin anh tha thứ.

- Tôi, thực ra mà nói, không có gì để tha thứ cho cô cả, Têrêza ạ. Đúng hơn là tôi phải cảm ơn cô. Quả thật lúc đầu tôi có đau khổ, nhưng sau đó, như hơi thở dịu dàng của mùa xuân, cái cảm giác hạnh phúc, một niềm hạnh phúc to lớn, đã đến với tôi. Điều này đúng là một khám phá kỳ diệu, đáng ngạc nhiên.

- Còn nếu như em lại trở về với anh thì sao? - người đàn bà hỏi.

- Việc đó sẽ đặt tôi, - anh nói và nhìn chị ta với một nụ cười ranh mãnh, - vào một khó khăn không nhỏ.

- Em vẫn là vợ của anh. Anh còn chưa làm xong thủ tục ly dị chứ?

- Chưa, - anh trầm ngâm nói. - Tất cả tại tính cầu thả của tôi. Nhưng sắp tới về đến nhà là tôi sẽ làm ngay.

Người đàn bà bước đến, đặt tay lên vai anh.

- Anh Giôn, em không còn cần cho anh nữa sao? - Giọng nói của chị ta rất dịu dàng, bàn tay chạm khẽ vào anh như một sự vuốt ve. - Còn nếu như em nói với anh rằng em đang bất hạnh? Và quả thật em rất bất hạnh, thực sự là em đã sai lầm.

Một nỗi sợ hãi bỗng bắt đầu len vào lòng Mexnơ. Anh cảm thấy mình như mềm ra dưới bàn tay chạm khẽ của Têrêza. Anh không còn làm chủ tình thế nữa, toàn bộ sự bình tĩnh đầy tự hào của anh

đã biến mất. Người đàn bà nhìn Mexnơ bằng ánh mắt âu yếm, và sự khắc khổ, nghiêm khắc của con người này bắt đầu dần dần tan biến. Anh thấy mình đang ở bên bờ vực thẳm và không hề cưỡng lại nổi cái sức mạnh đang xô anh xuống đó.

- Em sẽ trở về với anh, Giôn ạ. Em sẽ về ngay hôm nay, ngay bây giờ...

Như trong một giấc mơ nặng nề, Mexnơ cố gắng giải thoát mình khỏi quyền lực của bàn tay người đàn bà. Anh cảm thấy như đang nghe tiếng hát rì rầm, dịu dàng của Lôrelai, như ở đâu đây phía xa người ta đang chơi đàn dương cầm và tiếng nhạc không ngớt lọt vào ý thức.

Anh nhảy xuống giường, đẩy người đàn bà ra khi chị ta định ôm lấy anh, và lùi đến bên cửa. Anh thật sự kinh hoàng.

- Tôi không bảo đảm được tôi đâu! - Anh kêu to.

- Thì tôi đã báo trước để anh đừng mất bình tĩnh rồi cơ mà. - Têrêza cười với một vẻ khinh bỉ và lại bắt tay vào rửa bát đĩa. - Anh không cần thiết cho ai cả. Tôi đùa đấy. Tôi sống với anh ấy rất hạnh phúc.

Nhưng Mexnơ không tin chị ta. Anh nhớ lại người đàn bà này thường dễ dàng thay đổi chiến thuật như thế nào. Và bây giờ cũng thế thôi. Đây chính là một sự cưỡng đoạt được nguy trang của Têrêza bất hạnh với người đàn ông này và thú nhận sai lầm của mình. Lòng tự trọng của anh đã được thỏa mãn. Têrêza

muốn quay lại với anh, nhưng điều này anh lại không cần mảy may. Vô tình, tự mình cũng không nhận thấy, bàn tay anh cầm lấy then cửa.

- Anh đừng chạy, - người đàn bà cười to. - Tôi không cần anh đâu.

- Tôi có chạy đâu. - Mexnơ nóng nảy đáp như trẻ con, đi gắng tay vào - Tôi chỉ đi lấy nước thôi.

Anh cầm xô, chảo và mở cửa, rồi ngoái lại nói:

- Cô đừng quên nói với ngài... hừm... ngài Hâytor rằng tôi là ai đấy nhé.

Mexnơ đập vỡ lớp băng mà chỉ sau một giờ đã kịp phủ kín hố nước, mức đầy xô. Nhưng anh không vội quay về lầu. Đặt xô nước xuống con đường mòn nhỏ, anh đi đi lại lại rất nhanh để khỏi rét cóng, vì giá lạnh đốt vào người rất như lửa. Cho đến lúc những vết nhăn trên trán anh dần ra và trên mắt xuất hiện một vẻ dút khoát, bộ râu của anh đã phủ đầy sương muối đóng băng. Kế hoạch hành động đã được quyết định và trên đôi môi cứng đờ vì lạnh của anh thoáng một nụ cười mỉa mai. Anh xách xô nước đã kịp phủ một lớp băng mỏng trên mặt và bước về phía lầu.

Mở cửa, Mexnơ trông thấy người bác sĩ đứng cạnh bếp lò, vẻ mặt anh ta bối rối và căng thẳng. Mexnơ đặt xô xuống sàn.

- Tôi rất hân hạnh được làm quen với anh, bác sĩ Grenhem Uômben ạ - anh nói một cách trang trọng như thể họ chỉ vừa được giới thiệu với nhau xong.

Anh chống chìa tay ra. Anh ta bối rối dẫm chân tại chỗ, cảm thấy một sự căm thù đối với Mexnơ.

- Thế nghĩa là anh đấy, - Mexnơ nói, làm ra vẻ ngạc nhiên - Thế... Thế đấy... Quả thật tôi rất sung sướng được làm quen với anh. Tôi muốn... hừm... tò mò muốn biết, Têrêza đã tìm được gì ở nơi anh, cái gì, nếu như có thể diễn đạt như vậy được, đã quyến rũ cô ta đến với anh. Thế, thế...

Và anh nhìn người bác sĩ từ đầu đến chân hết như người ta nhìn một con ngựa.

- Tôi hoàn toàn hiểu những tình cảm của anh đối với tôi. Uômben bắt đầu lên tiếng.

- Ô, chuyện vặt vãnh thôi mà! - Mexnơ ngắt lời anh ta với một sự thân mật phóng đại. Không cần phải nói đến chuyện ấy làm gì! Tôi chỉ muốn biết anh nghĩ gì về Têrêza. Những hy vọng của anh có thành đạt không? Cô ta cư xử ra sao? Bây giờ chắc anh sống, tất nhiên thôi, như trong một giấc mơ khoái lạc chứ?

- Các anh đừng nói những điều ngu ngốc nữa? - Têrêza chen vào.

- Tôi là người đơn giản và nói những gì tôi nghĩ, - Mexnơ nói bằng một giọng buồn rầu.

- Ít ra anh cũng phải cư xử cho hợp với hoàn cảnh chứ, - Uômben nói gay gắt. - Chúng tôi muốn biết anh định làm gì?

Mexnơ khoát tay với một vẻ bất lực vờ vịt.

- Quả thực tôi không biết. Đây là một trong những hoàn cảnh không thương lượng nổi, và khó lòng có thể nghĩ ra được một lối thoát nào đó.

- Chúng ta không thể cùng nhau qua đêm ở trong căn lều này được.

Mexnơ gật đầu tỏ ý tán thành.

- Thế nghĩa là một người nào đó phải đi.

- Đó cũng là điều không phải tranh luận, - Mexnơ đồng ý: - Nếu như ba vật thể không thể đồng thời tồn tại trong một khoảng không gian, thì một trong số các vật thể đó phải biến đi.

- Chính anh là người phải biến đi, - Uômben cau có tuyên bố. - Đến trạm trú chân sau chừng mười dặm, chắc anh sẽ tìm cách qua khỏi.

- Đây là sai lầm thứ nhất trong suy luận của anh, - Mexnơ phản đối. - Tại sao tôi cần phải đi? Tôi là người đầu tiên tìm ra căn lều này.

- Nhưng Tez không thể đi được, - Uômben nói. - Phổi của cô ấy đã bị viêm rồi.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với anh. Têrêza không thể đi được mười dặm trong cái lạnh như thế này. Tất nhiên, Têrêza phải được ở lại.

- Thế nghĩa là sẽ đúng như vậy, - Uômben nói một cách chắc chắn.

Mexnơ ho.

- Phổi của anh không việc gì chứ?

- Vâng. Nhưng sao?

Mexnơ lại ho, rồi nói chậm rãi, như suy nghĩ từng từ một.

- Vậy không sao... chỉ có điều... có điều theo chính những luận cứ của anh, thì không có cái gì ngăn cản anh đi dạo chơi chỉ khoảng chừng mười dặm trong giá lạnh. Chắc anh cũng sẽ tìm cách qua khỏi.

Uômben nghi ngờ liếc nhìn về phía Têrêza và nhận thấy trong mắt chị ta một tia ngạc nhiên pha thoáng vui mừng.

- Thế em nói sao? - anh ta hỏi.

Người đàn bà ngập ngừng im lặng, mặt Uômben tối tăm lại vì tức giận. Anh ta quay về phía Mexnơ.

- Thôi đủ rồi. Anh không thể ở lại đây được.

- Không, có thể chứ.

- Tôi không cho phép điều đó! - Uômben ưỡn vai ra một cách hùng hổ. - Trong việc này, tôi là người quyết định.

- Tôi sẽ vứt anh ra ngoài kia!

- Tôi sẽ vào lại!

Uômben im lặng, cố hết sức tự chủ. Rồi anh ta nói chậm chạp, bằng một giọng khe khẽ, cố nén lại:

- Anh nghe đây, Mexnơ, nếu anh không đi, tôi sẽ đánh anh đến chết. Chúng ta không phải đang ở California. Đây, bằng những nắm đấm này tôi sẽ biến anh thành đồng thịt vụn.

Mexnơ nhún vai.

- Nếu anh làm như vậy, tôi sẽ tập hợp những



người tìm vàng lại và xem người ta sẽ treo cổ anh lên cái cây đầu tiên tìm ra được ở đây như thế nào. Anh nói hoàn toàn đúng là chúng ta hiện không ở California. Dân tìm vàng là những người vốn rất chất phác, đơn giản, và chỉ cần tôi cho họ xem dấu vết của những đòn đánh, kể cho họ nghe toàn bộ sự thật và đưa ra bằng chứng về quyền của tôi đối với vợ mình.

Người đàn bà muốn nói một điều gì đó, nhưng Uômben đã dữ tợn quát to:

- Đừng có chen vào!

Giọng của Mexnơ vang lên hoàn toàn khác hẳn:

- Têrêza, xin cô đừng làm phiền chúng tôi.

Vì tức giận và vì cơn xúc động khó kiềm chế nổi, người đàn bà bỗng nổi lên một cơn ho gắt và khan. Khuôn mặt chị ta đỏ gay, hai tay ôm lấy ngực chờ cho cơn đau qua khỏi.

Uômben lắng nghe tiếng ho, nhìn chị ta vẻ cau có.

- Cần phải quyết định cách nào đó, - anh ta nói. - Phổi như vậy không thể chịu lạnh được. Cô ấy không thể đi khi trời chưa ấm hơn. Còn tôi thì không có ý định để cô ta lại cho anh.

Mexnơ hiền lành khịt mũi, khề ho, rồi lại khịt mũi và nói:

- Tôi cần tiền...

Trên khuôn mặt Uômben lập tức xuất hiện một vẻ khinh bỉ. Đấy, đã đến lúc Mexnơ sa ngã xuống

thấp hơn anh ta nhiều, cuối cùng đã tỏ ra sự đều cẳng hèn hạ của mình.

- Anh có cả một bao vàng, - Mexnơ nói tiếp, - tôi thấy anh dỡ nó từ trên xe xuống.

- Anh cần bao nhiêu? - Uômben hỏi, và trong giọng nói cũng lộ rõ sự khinh bỉ như trên nét mặt của anh ta.

- Tôi cũng đã thử đoán xem trong bao của anh có thể có bao nhiêu và... hừm... tôi nghĩ rằng có thể đến gần hai mươi *phun-tơ*<sup>(1)</sup>. Khoảng bốn nghìn, anh nghĩ sao?

- Nhưng đây là tất cả những gì tôi có? - Uômben kêu lên.

- Anh còn có Têrêza - Mexnơ an ủi anh ra. - Chẳng lẽ cô ấy không đáng giá chừng ấy tiền? Anh hãy tưởng tượng là tôi đã phải từ bỏ cái gì. Quả thật, đây là một cái giá thích hợp.

- Thôi được! - Uômben chạy đến bên bao vàng. - Chỉ mong sao cho mau kết thúc cái trò này! Ôi, đồ hèn hạ!

- Ấy, anh nói vậy không phải rồi, - Mexnơ mỉm cười phản đối. - Chẳng lẽ xem xét theo quan điểm đạo đức, người đem hối lộ lại tội tệ hơn người nhận món hối lộ đó hay sao? Kẻ chứa chấp đồ ăn trộm cũng không tốt hơn thằng ăn trộm, phải thế không nào? Và anh cũng đừng tự an ủi mình bằng sự tưởng

---

<sup>(1)</sup> Phun-tơ: đơn vị đo lường Anh, bằng 455,6g.

tượng ra tính cao thượng của mình trong vụ giao kèo nhỏ này.

- Vứt mẹ cái đạo đức của anh đi! - Uômben nổi khùng. - Đi lại đây và nhìn tôi cân vàng. Tôi có thể lừa anh đấy.

Còn người đàn bà, ngồi tựa lưng vào giường, trong cơn giận dữ bất lực nhìn hai người đàn ông đang cân vàng lẫn cát bằng chiếc cân đặt trên thùng gỗ. Cân quá nhỏ, phải cân làm nhiều lần, và lần nào cũng vậy, Mexnơ kiểm tra rất kỹ.

- Trong số cát này quá nhiều bụi bạc, - anh nhận xét và buộc miệng bao lại. - Có lẽ ở đây một *unxia*<sup>(1)</sup> chỉ được ba phần tư vàng nguyên. Anh đã ít nhiều đánh lừa được tôi rồi đấy, Uômben ạ.

Anh triu mén nhắc bao lên, và với một vẻ trân trọng đối với thứ hàng quý giá như vậy, mang ra xe trượt tuyết. Trở vào lều, anh thu dọn bát đĩa, đóng gói bao bì, cuốn chăn đệm. Xong xuôi, anh đặt hết lên xe, thắng những con chó đang tỏ vẻ không bằng lòng vào xe, rồi quay lại lều lấy găng tay.

- Tạm biệt nhé, Têx, - anh đứng ở ngưỡng cửa nói.

Người đàn bà quay về phía anh, định đáp lại điều gì đó nhưng không thể diễn đạt nổi bằng lời sự giận dữ đang sục sôi trong lòng mình.

- Tạm biệt nhé, Têx - Mexnơ nhẹ nhàng nhắc lại.

- Đồ đểu! - Cuối cùng chị ta mới thốt lên được.

---

<sup>(1)</sup> Unxia: đơn vị đo lường bằng 29,8g.

Lão đảo, Têzêra bước đến bên giường, nằm vật úp mặt xuống và òa lên khóc nức nở.

- Đồ thú vật! Ôi, các người là đồ thú vật!

Giôn Mexnơr thận trọng khép cửa, và trước lúc bước đi anh nhìn lại căn lều với một cảm giác vô cùng thỏa mãn. Anh đi xuống sông, dùng cổ xe lại cạnh hồ băng và lôi từ trong đồng đồ đạc chất trên xe xuống bao đựng cát vàng. Nước trong hồ đã phủ một lớp băng mỏng. Anh lấy tay đập vỡ lớp băng, dùng răng cắn mở sợi dây buộc miệng bao vàng, đổ tất cả những gì đựng bên trong xuống nước. Sông ở chỗ này rất cạn, Mexnơr trông thấy chỉ cách mặt nước chừng hai phút đáy sông lấp lánh màu vàng nhạt trong ánh chiều đang buông xuống. Anh nhổ nước miếng vào hồ.

Rồi anh xua bầy chó đi về hướng Iucôn. Chúng gầm gừ thảm thiết và chạy từng bước miễn cưỡng. Tay phải cầm cần đẩy, tay trái liên tục xoa mũi và má, Mexnơr vấp phải sợi dây thừng khi đàn chó chạy vòng theo chỗ lượn của con sông.

- Tiến lên, lũ thọt chân! - Anh quát to. - Nào, nào, tiến lên, tiến lên!

ĐOÀN TỬ HUYỀN dịch

## *Sự ranh ma của lão Popotác*

Enxu là một cô gái được nuôi dạy ở Hội truyền giáo. Mẹ cô qua đời khi cô còn rất nhỏ và vào một ngày mùa hè, bà xơ Onbécta bứt lấy Enxu đem đi như người ta nhấc một thanh củi đang cháy dở ra khỏi đống lửa để nó khỏi bị hủy diệt. Bà xơ ấy đem cô đến Hội truyền giáo Cây thánh giá và dâng cô cho Chúa. Enxu là một cô gái da đỏ chính cống, tuy vậy cô hơn tất cả các cô gái lai nửa da trắng nửa da đỏ hoặc ba phần tư da trắng. Các bà xơ phúc đức kia chưa bao giờ được dạy dỗ một cô gái dễ uốn nắn đến vậy mà đồng thời lại lạnh lợi đến vậy.

Enxu nhanh nhẹn, khéo léo và mẫn tiệp, nhưng trước nhất cô là lửa, ngọn lửa sống động của cuộc sống, một cá tính chói sáng pha lẫn nghị lực với sự dịu dàng và tính táo bạo. Cha cô là một vị thủ lĩnh và dòng máu của ông chảy trong các huyết quản của cô. Sự phục tùng ở nơi Enxu chỉ là một sự dàn xếp, thỏa thuận. Cô yêu tha thiết lẽ phải, có lẽ vì thế cô rất giỏi toán học.

Nhưng Enxu còn giỏi các mặt khác nữa. Cô đã biết đọc và viết tiếng Anh không một cô gái nào từ trước đến nay ở Hội truyền giáo sánh kịp. Cô dẫn đầu trong đám các cô gái về hát, cô đem cả ý thức của cô về lẽ phải vào các bài hát. Cô là một nghệ sĩ và ngọn lửa con người cô hun đúc sự sáng tạo. Nếu lúc sinh ra, cô được hưởng một hoàn cảnh thuận lợi hơn thì có lẽ cô đã đi vào văn học hoặc âm nhạc.

Nhưng cô lại là Enxu, con gái của Klaki-Na, một thủ lĩnh da đỏ, và sống tại Hội truyền giáo Cây thánh giá nơi không có nghệ sĩ nào cả mà chỉ có các bà xơ tâm hồn trong trắng chỉ biết chăm lo đến sự trong sạch và chính trực, đến hạnh phúc của linh hồn ở cõi vĩnh hằng tít ở trên bầu trời.

Năm tháng trôi qua: Khi Enxu được đưa đến Hội truyền giáo cô mới lên tám, nay cô đã mười sáu. Các bà xơ đang cùng với các cấp trên trong dòng tu bàn tính đến chuyện gửi Enxu sang Hợp chủng quốc để cô được học hành đến nơi đến chốn thì bỗng có một người ở bộ lạc Enxu đến trụ sở Hội truyền giáo Cây thánh giá nói chuyện với cô. Enxu hơi có vẻ kinh sợ người kia. Gã bần thủ, xấu xí như nhân vật Caliban<sup>(1)</sup>, xấu xí một cách man rợ với một chòm tóc chưa hề bao giờ được chải. Gã nhìn Enxu với vẻ chê trách và không chịu ngời. Gã nói cộc lốc:

- Anh mày chết rồi.

---

<sup>(1)</sup> Trong vở "Bão táp" của Sochai.

Enxu không thật choáng váng. Cô không còn nhớ mấy về người anh trai! Gã đưa tin nói tiếp:

- Bố mày đã già và có một mình. Nhà của ông rộng lớn và trống trải. Bố mày muốn được nghe tiếng nói của mày và nhìn thấy mày.

Bố cô thì cô còn nhớ. Klaki-Na, người thủ lĩnh cai quản cả làng, người bạn của các nhà truyền giáo và các thương gia, cao lớn như người khổng lồ, đôi mắt nhân từ và phong cách đường hoàng oai vệ, điều khiển chiếc xe của mình với một ý thức vương giả mộc mạc.

- Thừa lại với cha ta là ta sẽ về. - Đó là câu trả lời của Enxu.

Thật đáng buồn cho các bà xơ, khúc củi bứt ra khỏi đồng lửa lại trở về với đồng lửa. Mọi lời nài nỉ Enxu đều vô ích. Người ta đưa ra nhiều lý lẽ, nhiều lời khuyên nhủ bảo ban, phân tích thiệt hơn và khóc lóc. Bà xơ Onbécta thậm chí còn tiết lộ cả với cô dự định gửi cô sang Hợp chủng quốc nữa. Enxu nhìn đắm đắm với đôi mắt mở to viễn cảnh rực rỡ mở ra với cô rồi lắt đầu. Trước mắt cô còn hiện ra một khung cảnh khác. Đó là khúc sông Iukôn uốn lượn hùng vĩ ở chỗ Bến Tanana, với một bên là trụ sở Hội truyền giáo Thánh Gioóc và một bên là trạm giao dịch buôn bán nằm ở giữa hai địa điểm đó là một cái làng của người da đỏ, một ngôi nhà lớn dựng bằng gỗ khúc và sống trong ngôi nhà đó là một ông già có người hầu kẻ hạ.

Tất cả những ai sinh sống trên triền sông Iukôn trong một phạm vi gấp hai lần một nghìn dặm đều biết ngôi nhà bằng gỗ khúc đó, ông già đó, cùng những người hầu hạ trong nhà. Các bà xơ cũng biết rõ ngôi nhà, những cuộc hội hè, tiệc tùng, vui đùa liên miên tại ngôi nhà ấy. Vì thế cho nên có tiếng khóc và nước mắt tại Hội truyền giáo Cây thánh giá khi Enxu ra đi.

Ngôi nhà lớn đó được dọn dẹp sang sửa rất nhiều khi Enxu về tới nơi. Klaki-Na vốn là một người sống đường hoàng kẻ cả, song cũng phải phản kháng trước việc làm kẻ cả này của đứa con gái non trẻ của mình. Nhưng sau cùng, mơ ước man sơ về cuộc sống nguy nga tráng lệ, ông ưng thuận và đi vay một nghìn đô la của lão Popotác, một kẻ không ai giàu bằng trong số tất cả những người da đỏ trên suốt triền sông Iukôn này. Klaki-Na còn ra trạm giao dịch đặt mua rất nhiều thứ kết thành một hóa đơn rất dài. Enxu gây tạo lại ngôi nhà lớn. Cô đem lại cho nó vẻ lộng lẫy mới, còn Klaki-Na thì duy trì nếp sống mến khách và chè chén lu bù xưa cũ.

Tất cả những điều đó đều là chuyện khác thường đối với một người da đỏ trên triền sông Iukôn, nhưng Klaki-Na chính là một người da đỏ khác thường. Không những ông thích tỏ ra mến khách một cách thái quá, mà ông còn biết cư xử cho đáng mặt một người thủ lĩnh và một người kiếm ra nhiều tiền. Hồi những ngày đầu mới có việc giao dịch buôn bán, ông có ủy



quyền đối với người dân làng ông nên ông đã kiếm lãi nhiều với các công ty buôn bán của người da trắng. Sau đó cùng với Popotác, ông đã tìm ra được một vĩa vàng. Popotác vui thích với việc hì hục làm ăn và tích lũy của cải. Còn Klaki-Na thì trở về ngôi nhà lớn của mình bắt đầu tiêu pha. Popotác được coi là người da đỏ giàu nhất ở Alaxka. Klaki-Na thì được coi là người giống da trắng nhất. Popotác là một kẻ cho vay lấy lãi nặng. Klaki-Na là một kẻ sinh lầm thời - một di tích của thời kỳ Trung cổ, một kẻ thích giao đấu và thích hội hè, thích rượu nồng và lời ca tiếng hát.

Enxu thích nghi với ngôi nhà lớn và lối sống ở ngôi nhà ấy một cách cũng dễ dàng như cô đã thích nghi với Hội truyền giáo Cây thánh giá và nếp sống ở đó. Cô không tìm cách sửa đổi cha cô và hướng bước chân ông về phía Chúa. Quả thật cô có trách ông khi ông uống rượu quá nhiều đến nỗi say túy lúy, nhưng đó là vì sức khỏe của ông và hướng đi của bước chân ông trên mặt đất vững chãi này.

Chiếc then cửa ngôi nhà lớn bao giờ cũng để lỏng. Người ra người vào không lúc nào ngớt cho nên nó không bao giờ được cài. Các rui rằm trên nóc, phòng khách lớn thường rung lên vì tiếng cười nói âm ỉ của các khách rượu và tiếng ca hát. Ngồi tại bàn rượu là những người từ khắp mọi nơi và các tù trưởng của các bộ tộc xa xôi đến - người Anh và người Hợp chủng quốc, các nhà buôn lằngki mảnh khảnh, các viên chức to béo ục ịch của các công ty lớn, những người chặn

bò từ các đồng cỏ miền tây nước Mỹ, các thủy thủ từ biển cả, những người đi săn và những người lái xe chó thuộc hàng chục quốc tịch khác nhau.

Enxu sống thoải mái trong bầu không khí nhộn nhạo hỗn tạp này. Cô có thể nói tiếng Anh cũng như có thể nói tiếng mẹ đẻ, cô lại còn biết hát những bài hát Anh nữa. Cô biết cả những nghi lễ hiện thời lẫn những truyền thống đang phai nhạt của người da đỏ. Cô biết cách ăn vận đúng như con gái một tù trưởng những khi cần thiết. Nhưng hầu hết thời gian cô mặc y phục của người phụ nữ da trắng. Công việc may vá của cô ở Hội truyền giáo và tài khéo léo bẩm sinh của cô không phải là vô ích. Cô ăn vận đúng như một phụ nữ da trắng và cô biết khâu cắt những quần áo theo lối ăn vận đó.

Theo cách của mình, cô cũng là một cô gái khác thường không khác gì cha cô, và vị trí của cô cũng là có một không hai như vị trí của cha cô. Enxu là người phụ nữ da đỏ duy nhất bình đẳng về mặt xã hội với mấy người phụ nữ da trắng tại Bến Tanana. Cô là người phụ nữ da đỏ duy nhất mà những người đàn ông da trắng lấy làm vinh dự được cầu hôn. Và cô là người phụ nữ da đỏ duy nhất chưa hề bao giờ bị một người đàn ông da trắng nào sỉ nhục.

Đó là vì Enxu xinh đẹp - không phải kiểu xinh đẹp của các phụ nữ da trắng, và cũng không phải kiểu xinh đẹp của các phụ nữ da đỏ. Chính ngọn lửa trong con người cô, cái không bị phụ thuộc vào nét mặt, làm

nên vẻ đẹp của cô. Về mặt đường nét và diện mạo, Enxu là kiểu người da đỏ chính cống. Cô có mái tóc đen, nước da mịn màng màu đỏ, đôi mắt đen nhánh, long lanh và táo bạo, kiêu hãnh và sắc ngọt như lưỡi giáo, chiếc mũi thanh tú khoằm như mỏ đại bàng với hai cánh mũi thanh mảnh run rẩy, hai gò má cao không cách xa nhau, đôi môi mỏng nhưng không quá mỏng. Nhưng hiện lên trên hết tất cả và trong hết tất cả những nét đó là ngọn lửa của con người cô - một cái gì không thể phân tích cho được mà là lửa, là hồn của cô, nó nằm yên ấm dịu dàng hay ngùn ngụt bùng bùng trong đôi mắt cô, nó lan tỏa trên đôi má cô, làm căng hai cánh mũi, làm sóng làn môi, và đôi khi môi để yên thì nó vẫn còn đó trên vành môi, vành môi run rẩy do có ngọn lửa ấy.

Enxu lại còn là người ranh mãnh - cái ranh mãnh ít khi sắc nhọn đến mức làm tổn thương người ta, nhưng rất mau lẹ tìm ra những nhược điểm có thể tha thứ được. Tiếng cười của tâm trí cô như ngọn lửa nhẹ nhàng bao trùm cả con người cô, và cũng từ cả con người cô vang lên tiếng cười đáp lại. Tuy vậy, cô không bao giờ là trung tâm của mọi chuyện. Điều đó cô không bao giờ để cho xảy ra. Ngôi nhà lớn cùng tất cả những gì đáng kể ở ngôi nhà đó đều thuộc về cha cô. Ở khắp ngôi nhà đó, cho chí những chi tiết nhỏ nhất nhất, đều hiện lên hình dáng hùng dũng của cha cô trong cương vị người chủ nhà, người chủ các bữa tiệc và người ban hành luật pháp. Quả thật,

khi sức mạnh cạn dần ở nơi ông thì Enxu có gánh đỡ lấy các trách nhiệm từ đôi bàn tay mỗi yếu dân của ông. Nhưng nhìn bề ngoài ông vẫn là người trị vì, nhiều khi ngủ gà ngủ gật những lúc hội họp, chỉ còn là tàn tích của một người hay ăn sống xưa kia, song về mọi vẻ vẫn còn là người điều khiển những cuộc hội hè tiệc tùng chè chén.

Và ở khắp ngôi nhà lớn ấy còn có bóng dáng lão Popotác với vẻ mặt mang điềm gở, với cái đầu lắc lắc lạnh lùng tỏ ý chê trách, nhưng lại vẫn cứ xĩa tiền ra trả hết mọi thứ chi tiêu. Thực ra, không phải lão bỏ tiền túi ra, vì lão cộng lãi mẹ với lãi con theo những cách khó hiểu để rồi năm này sang năm khác nuốt chửng cả toàn bộ gia sản của Klaki-Na. Có một lần Popotác dám liều lĩnh la rầy Enxu về cách ăn tiêu phung phí ở ngôi nhà lớn - đó là vào lúc lão đã gần thu hết về tay lão những tài sản cuối cùng của Klaki-Na - nhưng sau đó lão không bao giờ còn dám làm việc đó lần nữa. Như cha cô, Enxu là một người quý tộc cũng khinh rẻ đồng tiền như cha, cũng có ý thức về danh dự cao cả như ông.

Popotác tiếp tục miễn cưỡng ứng tiền ra cho vay, và như suốt từ trước đến nay, tiền vẫn cứ tuôn đi thành những bọt vàng rộm. Có một điều mà Enxu đã kiên quyết, đó là cha cô sẽ chết đi y như cách ông đã sống. Đối với ông, không thể để cho có chuyện sa sút trong lối sống, không có chuyện giảm bớt những buổi tiệc tùng, hạ bớt sự mến khách hào phóng. Khi xảy ra

nạn đói, y như trước những người da đỏ đến ngôi nhà lớn rên rĩ kêu van rồi ra về mãi nguyên. Khi lại vừa được hỏi vay của Popotác, và những người da đỏ vẫn được mãi nguyên ra về. Enxu rất có thể lặp lại lỗi của những người quý tộc của một thời đại khác ở một xứ sở khác, là sau cô, mặc cho nạn hồng thủy có thể xảy ra. Trong trường hợp Enxu, nạn hồng thủy ở đây là lão Popotác. Mỗi lần xuất tiền, lão lại nhìn cô với một con mắt chiêm hữu nhiều hơn và cảm thấy trong người lão nhen nhú lên những ngọn lửa xưa kia.

Nhưng Enxu không thèm để mắt mảy may đến lão. Trước đây cô cũng không để mắt đến những chàng trai da trắng muốn cưới cô về làm vợ tại Hội truyền giáo với các nghi lễ nhẫn cưới, linh mục và sách kinh. Vì ở Bến Tanana có một người trai trẻ tên là Akun cùng một dòng máu, một bộ tộc và một làng với Enxu, Akun là một chàng trai khỏe và đẹp theo con mắt cô, một tay súng đi săn rất cừ, và trong những chuyến đi săn anh đã đi rất xa và đến rất nhiều nơi, nhưng anh rất nghèo. Anh đã từng đến những chốn hoang vu chưa ai đặt chân tới lần những vùng không mấy ai biết. Anh đã lặn lội đến tận Xitca và Hợp chủng quốc, anh đã vượt lục địa đến tận vịnh Huxon rồi trở về, và có lần cưới một chiếc thuyền đi săn hải cẩu giòng buồm đến tận Xibia và Nhật Bản.

Khi Akun ở mỏ vàng Klondaicơ trở về, như mọi lần trước, anh đến ngôi nhà lớn kể với Klaki-Na về những gì trên thế giới anh đã được thấy, và tại đó,

lần đầu tiên anh gặp Enxu, khi ấy ở Hội truyền giáo về nhà đã được ba năm. Sau đấy, Akun không đi phiêu bạt nữa. Anh từ chối một chân hoa tiêu trên các tàu thủy lớn với đồng lương hai mươi đô la một ngày. Anh thỉnh thoảng có đi săn thú, đi đánh cá, nhưng không bao giờ anh xa Bến Tanana và anh thường có mặt tại ngôi nhà lớn rất lâu. Enxu so sánh anh với nhiều con trai khác và thấy anh giỏi giang, tử tế. Anh thường hát cho cô nghe, bộc lộ tình cảm của mình một cách nồng nàn và sôi nổi cho đến khi cả vùng Tanana này biết anh yêu cô. Popotác thấy vậy chỉ cười ngạo và càng xuất thêm tiền cho việc trông nom ngôi nhà lớn.

Thế rồi đến lúc Klaki-Na phải ngồi vào bàn tiệc từ biệt cõi đời. Ông ngồi chén chú chén anh với chúng bạn, cái chết lơ lửng trong họng mà ông không thể dùng rượu mà dìm nó xuống được. Tiếng cười, tiếng hát, tiếng vui đùa vang lên khắp nơi, và Akun kể một câu chuyện làm rung cả rui rằm mái nhà. Không có những giọt nước mắt hoặc những tiếng thở dài tại bàn tiệc. Điều hoàn toàn thích đáng là Klaki-Na phải được chết như ông đã sống, và không ai biết điều đó hơn Enxu, với sự đồng cảm nghệ sĩ của cô. Đám khách tiệc quen thuộc đều có mặt, và như khi xưa ba thủy thủ tề công vì lạnh giá vừa qua một chuyến đi dài lên Bắc cực, những người sống sót của cả một đoàn thủy thủ bảy mươi tư người, cũng có mặt. Đứng túc trực đằng sau Klaki-Na là bốn ông già,

đó là tất cả những gì còn lại với ông trong số đồng đảo người hầu kẻ hạ mà ông có hồi trẻ. Họ chăm chú đón chờ những yêu cầu của ông với đôi mắt kèm nhèm, họ rót rượu vào cốc của ông với bàn tay run rẩy và vỗ vào lưng ông ở chỗ giữa hai bả vai khi cái chết kéo lên cổ làm ông ho sặc sụa nghẹt thở.

Đêm đó là một đêm gió tuyết dữ dội, và mỗi giờ trôi qua với tiếng cười đùa âm ĩ không ngớt, cái chết lại càng không ngừng kéo lên cổ họng Klaki-Na.

Đến lúc ấy, ông cho người đi gọi Pơpotác. Từ ngoài trời gió rét, Pơpotác bước vào nhìn với con mắt chê trách đồng rượu thịt ngổn ngang trên bàn mà lão đã bỏ tiền ra trả. Nhưng khi lão nhìn qua suốt các bộ mặt đỏ ửng đến cuối dãy bàn thấy gương mặt Enxu thì ánh mắt lão rực sáng và trong một giây phút, vẻ chê trách kia tan biến đi mất.

Người ta nhường chỗ cho lão ở bên cạnh Klaki-Na và đặt trước mặt lão một cốc rượu. Klaki-Na tự tay rót đầy rượu nồng vào cốc lão, bảo to:

- Uống đi! Xem có ngon không nào?

Đôi mắt Pơpotác ứa ra nước mắt khi hắn gạt đầu, tặc lưỡi.

Klaki-Na lại hỏi:

- Đã bao giờ ở nhà ông có thứ rượu như thế này chưa?

- Tôi không chối là thứ rượu này thật là tốt đối với cái cổ họng già của tôi. - Pơpotác đáp, rồi ngập ngừng nói tiếp ý nghĩ của lão.

- Nhưng nó tốn quá chứ gì? - Klaki-Na cười rộ, nói tiếp hộ lão.

Popotác rúm người lại trước tiếng cười nổi lên khắp dãy bàn. Mắt lão bừng lên một cách ác ý, cất tiếng:

- Hai ta ngang tuổi nhau, cùng chơi với nhau hồi nhỏ. Nay trong hòng ông là cái chết. Còn tôi thì vẫn sống và khỏe.

Tiếng xì xào bực bội nổi lên trong đám khách tiệc. Klaki-Na ho sặc sụa, mấy người hầu già phải vỗ vào lưng ông chỗ giữa hai bả vai. Ông ưỡn người lên lấy hơi, xua tay ra hiệu để dẹp tiếng ồn ào đây về tức tối hăm dọa, rồi nói vang vang:

- Ông đã khó chịu với chính ngọn lửa trong căn nhà ông vì tiền củi quá tốn. Ông đã khó chịu với cuộc sống vì sống quá tốn kém, cho nên ông đã không chịu trả giá cho nó. Cuộc sống của ông như một gian phòng chật hẹp mà lửa thì tắt ngúm và không có lấy một tấm chăn đệm nào dãi trên sàn. - Klaki-Na ra hiệu cho một người hầu rót đầy rượu vào cốc của ông, rồi giơ cốc lên cao. - Còn ta thì đã sống. Ta đã sống một cuộc sống ấm áp mà ông chưa hề bao giờ được hưởng. Đúng vậy, ông sẽ sống lâu sống dài. Nhưng những đêm dài nhất là những đêm giá lạnh khi con người ta run lập cập vì rét, nằm dài mất thức chong chong. Đêm của ta ngắn, nhưng ta đã ngủ ấm áp.

Ông uống cạn một hơi cốc rượu. Bàn tay run run của người hầu không kịp đỡ lấy cái cốc làm nó rơi



xuống đất vỡ tan. Klaki-Na gieo mình ngồi xuống, thở hổn hển, nhìn những chiếc cốc đang được dốc ngược trên môi của tửu khách, đôi môi ông hơi động đầy mỉm cười hoan nghênh. Thấy ra hiệu, hai người hầu cố đỡ ông ngồi thẳng người. Nhưng họ quá yếu, vóc người ông lại cao lớn, bốn người hầu già phải loạng choạng lấy bấy khi đỡ ông đứng lên.

Klaki-Na nói tiếp:

- Nhưng đây không phải là chỗ nói chuyện cách sống. Popotác, tối nay, ta có chuyện khác nói với nhau. Nợ nần là sự không may. Và ta vấp phải sự không may ấy với ông. Món tôi nợ thế nào, bao nhiêu rồi?

Popotác lục trong túi lôi ra một tờ giấy ghi lại các khoản.

Lão tập một hộp rượu rồi bắt đầu:

- Tờ giấy ghi nợ tháng Tám năm 1889 là ba trăm đôla này. Tiền lãi chưa hề được trả. Tờ ghi nợ năm sau là năm trăm đô la. Khoản nợ này được gộp vào trong khoản nợ ghi vào một tờ khác hai tháng sau là một nghìn đô-la. Lại còn khoản...

Klaki-Na sốt ruột nói to:

- Mặc xác tất cả những tờ giấy ghi nợ ấy! Chúng làm cho đầu óc ta rối tinh rối mù lên rồi đây. Cho ta biết toàn bộ là bao nhiêu. Cho ta biết con số tròn, tất cả là bao nhiêu?

Popotác lại nhìn vào tờ giấy và cẩn thận đọc cho thật đúng:

- Mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đô la bảy mươi nhăm xu.

Klaki-Na nói một cách kể cả:

- Tính tròn là mười sáu nghìn. Tính tròn là mười sáu nghìn. Những con số lẻ chỉ gây phiền. Và bây giờ, vì việc này mà ta cho người đến gọi ông, ông viết cho ta một giấy nợ mới là mười sáu nghìn để ta ký. Ta không cần bận tâm đến khoản lãi. Ông muốn tính bao nhiêu thì tính rồi ghi vào để ta trả ở thế giới mai sau, khi ta gặp ông trước đồng lửa của Thần linh vĩ đại của tất cả mọi người da đỏ. Lúc đó, giấy nợ sẽ được thanh toán. Ta hứa với ông như vậy. Đó là lời hứa của Klaki-Na.

Popotác trông có vẻ băn khoăn khó nghĩ, tiếng cười lại vang lên âm ỉ làm rung chuyển cả gian phòng, Klaki-Na giơ tay lên, nói lớn:

- Đây không phải là chuyện đùa. Ta nói hoàn toàn thành thật. Chính vì việc này mà ta cho người gọi ông đến, Popotác ạ. Viết giấy nợ đi.

- Tôi không vay nợ giao dịch gì với thế giới mai sau - Popotác chậm chậm trả lời.

- Ông không nghĩ là sẽ gặp tôi trước mặt Thần linh vĩ đại à? Klaki-Na hỏi, rồi nói tiếp: - Chắc chắn ta sẽ có mặt ở đó.

Popotác cúi kính nhắc lại:

- Tôi không giao dịch gì với thế giới mai sau.

Người sắp chết nhìn lão, thật sự kinh ngạc.

Popotác giải thích:

- Tôi không biết gì về thế giới mai sau, tôi chỉ làm ăn ở thế giới này mà thôi.

Vẻ mặt Klaki-Na sáng lên:

- Đó là do những đêm ngủ lạnh đầy mà. - Ông cười to, ngừng một lúc suy nghĩ rồi nói tiếp: - Thế thì ông phải được trả nợ tại thế giới này. Ta còn ngôi nhà này, ông lấy đi rồi đốt giấy nợ vào ngọn nến đây.

- Ngôi nhà này cũ rồi, không đủ số nợ. - Popotác đáp.

- Có mấy cái mỏ của ta ở vùng Con cá hồi cuộn mình.

- Những mỏ ấy chưa bao giờ khai thác được gì.

- Có phần của ta trong chiếc tàu thủy Kôiu-kúc. Ta sở hữu một nửa.

- Chiếc tàu đó nằm dưới đáy sông Iukôn rồi.

Klmaki-Na giật mình:

- Ừ nhỉ, ta quên mất. Chuyện đó xảy ra hồi mùa xuân năm ngoái lúc băng tan.

Ông trầm ngâm suy nghĩ một lúc trong khi những cốc rượu không được ai chạm đến và tất cả đám khách tiệc chờ nghe ông nói.

- Thế là xem chừng ta nợ ông một món tiền mà ta không trả nổi... tại thế giới này?

Popotác gật đầu, đưa mắt nhìn về cuối dãy bàn. Klaki-Na nói tiếp với vẻ ranh mãnh:

- Popotác này, thế thì xem chừng ông là một người không giỏi làm ăn đâu.

Nghe thấy vậy Pơpotác táo bạo đáp lại:

- Không đâu. Còn có một thứ bảo đảm chưa bị đụng đến.

Klaki-Na kêu lên:

- Sao? Ta hãy còn tài sản à? Chỉ tên nó đi và nó thuộc về ông, món nợ sẽ không còn nữa.

- Nó đây. - Pơpotác chỉ tay về phía Enxu.

Klaki-Na không hiểu. Ông đưa mắt về cuối dãy bàn chăm chú tìm, giục mắt, rồi lại cố đưa mắt tìm.

- Enxu, con gái ông. Tôi sẽ lấy nó về và món nợ sẽ được xóa bỏ. Tôi sẽ đốt tờ giấy nợ vào ngọn nến này.

Vòng ngực rộng của Klaki-Na bắt đầu nâng lên, ông cười lớn:

- Hô! Hô! Hô! - Một trò đùa! Hô! Hô! Hô! Ông với chiếc giường lạnh lẽo của ông và những đứa con gái đáng tuổi mẹ Enxu! Hô! Hô! Hô! Klaki-Na lại ho sặc sụa, mấy người hầu già lại phải vỗ vào lưng ông. - Hô! Hô! Ông lại cười, rồi lại ho sặc một lần nữa.

Pơpotác kiên nhẫn chờ, nhấp nháp cốc rượu của lão và xem xét nét mặt hai dãy người hai bên bàn, rồi cuối cùng nói:

- Tôi không đùa đâu. Tôi nói thực đấy.

Klaki-Na tỉnh hẳn rượu nhìn Pơpotác, rồi vươn tay định cầm lấy cốc rượu của mình nhưng không với tới. Một người hầu đưa cốc rượu lại cho ông, ông cầm cả cốc rượu lẫn rượu ném vào mặt Pơpotác.

- Tổng cổ nó ra ngoài! - Klaki-Na thét lên như

sấm bả dây người ngồi hai bên bàn đang ngóng chờ, nôn nóng như một bầy chó săn lông lộn kéo căng các sợi dây buộc. - Và cho nó lẩn trong tuyết!

Khi đám người điên giận ào ào kéo nhau qua mặt ông lao ra ngoài cửa. Klaki-Na ra hiệu cho những người hầu và bốn ông già bước chân loạng choạng để ông đứng lên, thẳng người, cốc rượu trong tay, đón các khách tiệc đang quay trở lại, yêu cầu họ nâng cốc chúc mừng những đêm ngắn mà con người ta được ngủ ấm áp.

Không phải mất nhiều thời gian để giải quyết gia sản của Klaki-Na. Tommi, anh nhân viên người Anh bé nhỏ tại trạm giao dịch, được Enxu gọi đến giúp cho một tay. Chẳng còn lại gì ngoài những món nợ, những giấy nợ đã quá hạn trả, những tài sản đã bị cầm cố cùng những tài sản đã cầm bán nhưng vô giá trị. Những giấy nợ và giấy cầm đồ đều nằm trong tay Popotác. Tommi đã phải nhiều lần gọi lão là tên ăn cắp khi anh nhẩm tính tổng số lãi.

- Đây có phải là một món nợ không, anh Tommi? - Enxu hỏi.

- Đây là một vụ ăn cắp thì có.

- Tuy vậy, đây vẫn là một món nợ. - Enxu một mực giữ ý kiến của mình.

Mùa đông trôi qua, rồi đến những ngày đầu của mùa xuân, thế nhưng món nợ của Popotác vẫn chưa được trả. Lão thường hay đến gặp Enxu và trình bày tỉ mỉ với cô, như lão đã trình bày với cha cô, cách xóa

nợ. Lão còn dẫn đến những lão thầy cúng già để cắt nghĩa cho cô hiểu linh hồn cha cô sẽ bị vĩnh viễn đọa đày nếu món nợ không được trả. Một hôm, sau khi nghe những lời cắt nghĩa đó, Enxu nói lên ý kiến cuối cùng của mình với Popotác:

- Tôi sẽ nói với ông hai điều. Thứ nhất, tôi sẽ không bao giờ làm vợ ông. Ông nhớ chứ? Thứ hai, ông sẽ được trả đến đồng xu cuối cùng trong số mười sáu nghìn đôla kia...

Popotác sửa lại:

- Mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đôla bảy mươi nhăm xu.

- Cha tôi đã nói mười sáu nghìn. Ông sẽ được trả đủ.

- Bằng cách nào?

- Tôi chưa biết bằng cách nào, nhưng tôi sẽ tìm ra cách. Bây giờ thì đi đi, không được quấy rầy tôi nữa. Nếu ông còn nói nữa, - cô ngập ngừng tìm cách trừng phạt thích đáng - nếu ông còn nói nữa, tôi sẽ bảo người lẫn ông vào trong tuyết ngay khi nào có những bông tuyết đầu tiên.

Lúc ấy hãy còn là đầu xuân, và ít lâu sau, Enxu làm cho cả vùng kinh ngạc. Tin truyền đi xuôi ngược dòng sông Iukôn, từ Chinkút đến vùng châu thổ, rồi được truyền miệng nhau từ trại này đến trại khác cho chí những trại xa nhất, là đến tháng Sáu, khi trên sông xuất hiện con cá hồi đầu tiên trong mùa, Enxu, con gái của Klaki-Na, sẽ tự bán mình tại một cuộc

bán đấu giá để trả nợ Popotác. Mọi lời thuyết phục cô từ bỏ ý định đó đều vô ích. Hai nhà truyền giáo ở Xên Gioóc cố khuyên ngăn cô, nhưng Enxu trả lời:

- Chỉ có những món nợ với Chúa trời mới trả ở thế giới mai sau. Các món nợ của con người ở thế giới này thì phải trả ở thế giới này.

Akun cũng cố ngăn cô, nhưng cô nói với anh:

- Akun, em yêu anh, nhưng danh dự lớn hơn tình yêu. Em sẽ là con người thế nào nếu em bội nhọ cha em?

Bà xơ Onbécta đáp chuyến tàu thủy đầu tiên lặn lội từ Hội truyền giáo Cây thánh giá đến mà cũng không đi đến kết quả gì tốt đẹp hơn. Enxu thưa:

- Cha con lang thang trong những khu rừng rậm mịt mù. Cha con sẽ còn cứ lang thang ở đó, nơi kêu khóc những linh hồn lạc lõng, cho đến khi nào món nợ được trả xong. Đến khi ấy, và chỉ đến khi ấy, cha con mới có thể đến ngôi nhà của Thần linh vĩ đại.

Bà xơ Onbécta hỏi:

- Con tin thế à?

- Con cũng không biết nữa. Đó là niềm tin của cha con.

Bà xơ Onbécta nhún vai hoài nghi, Enxu nói tiếp:

- Ai biết được những điều mà ta tin lại không trở thành sự thực? Mà tại sao lại không mới được cơ chứ? Thế giới mai sau đối với mẹ có thể là thiên đường với những cây đàn hạc... vì mẹ tin ở thiên đường và những cây đàn hạc. Còn đối với cha con thì

thế giới mai sau có thể là một tòa nhà lớn nơi cha con có thể mãi mãi ngồi cùng bàn tiệc với Chúa trời.

- Thế còn con? Thế giới mai sau của con như thế nào? - Bà xơ Onbécta hỏi.

Enxu ngập ngừng một lúc rồi thưa:

- Con muốn có cả hai, mỗi thứ một ít. Con muốn được gặp lại mẹ cũng như được gặp lại cha con.

Rồi đến ngày diễn ra cuộc bán đấu giá. Người ta kéo đến Bến Tanana rất đông. Theo phong tục, các bộ lạc tề tựu cả ở đây để chờ đợi cá hồi bơi trên sông, và trong lúc chờ đợi thì nhảy múa, chơi đùa, buôn bán và chuyện trò với nhau. Lại có một ít những nhà mạo hiểm, những nhà buôn và những người da trắng đi thăm dò đất đai thường đến vùng này, ngoài ra còn có một số đông người da trắng đến vì tò mò hoặc quan tâm đến cuộc mua bán.

Mùa xuân năm ấy đến muộn và cá hồi cũng xuất hiện muộn trên sông. Sự chậm trễ này lại càng làm cho người ta thêm háo hức. Rồi đến ngày bán đấu giá, bầu không khí lại bị Akun làm cho căng thẳng. Anh đứng lên trình trọng tuyên bố công khai rằng ai mua Enxu sẽ phải chết ngay tức khắc. Anh vung khẩu Uynchótxơ trong tay để chỉ rõ người ấy sẽ phải chết bằng cách nào. Enxu thấy thế nổi giận, nhưng anh không chịu tiếp chuyện cô và bỏ ra trạm giao dịch mua thêm đạn.

Con cá hồi đầu tiên bắt được vào lúc mười giờ tối thì đến đúng nửa đêm cuộc bán đấu giá bắt đầu. Nơi



bán là đỉnh một mố đất bên con sông Iukôn. Mặt trời đã lặn về phương Bắc ngay dưới đường chân trời và bầu trời nhợt nhạt đỏ. Một đám người rất đông xúm xít chung quanh một chiếc bàn và hai chiếc ghế đặt về một mé mố đất. Phía trước là những người đàn ông da trắng với một vài thủ lĩnh da đỏ. Và đứng nổi bật nhất ở đằng trước là Akun, khẩu súng lăm lăm trong tay. Theo yêu cầu của Enxu, Tommi đứng ra làm người điều khiển việc bán đấu giá, nhưng chính Enxu tự nói những lời mở đầu và mô tả món hàng được đem bán. Cô ăn mặc theo lối bộ tộc của cô, bộ y phục của con gái một vị thủ lĩnh, lộng lẫy và man rợ. Đứng trên một chiếc ghế để mọi người có thể nhìn rõ. Enxu bắt đầu:

- Có ai muốn có một người vợ không? Xin hãy nhìn tôi đây. Tôi năm nay hai mươi tuổi, còn là con gái. Tôi sẽ làm một người vợ hiền của người nào mua tôi về. Nếu người ấy là người da trắng, tôi sẽ ăn mặc như phụ nữ da trắng. Nếu người ấy là người da đỏ, tôi sẽ ăn vận - cô ngấp ngừng giãy lất - như một người phụ nữ da đỏ. Tôi khâu cắt được lấy quần áo của tôi, khâu và giặt giũ được. Tôi đã được chỉ bảo làm những công việc ấy trong tám năm tại Hội truyền giáo Cây thánh giá. Tôi biết đọc biết viết tiếng Anh, biết chơi đàn phong cầm. Tôi còn biết làm tính và một ít đại số - một ít thôi. Tôi sẽ được bán cho ai trả giá cao nhất, tôi sẽ viết cho người ấy một tờ giấy bán tôi. Tôi quên chưa nói là tôi còn biết hát rất hay, và chưa hề đau ốm lần nào từ bé đến nay. Tôi cần

được một trăm ba mươi hai pao<sup>(1)</sup>. Cha tôi đã qua đời rồi, nay tôi không còn họ hàng thân thích nào cả. Nào, ai muốn mua tôi nào?

Enxu nhìn xuống đám đông với ngọn lửa táo tợn trên nét mặt rồi bước xuống. Theo yêu cầu của Tommi, cô lại đứng lên ghế trong khi Tommi đứng trên chiếc ghế kia điều khiển cuộc trả giá.

Đứng xung quanh Enxu là bốn người hầu già của cha cô. Người không khéo, tay chân run rẩy vì tuổi tác, họ vẫn đứng đó trung thành với nghề của họ, một lớp người của quá khứ, thản nhiên theo dõi những việc làm kỳ quặc của thế hệ trẻ. Trên hàng đầu đám người là mấy tù trưởng ở vùng Endôradô và Bônanda miền thượng lưu sông Iukôn, bên cạnh họ là một người tìm vàng tàn phế, chống nạng, lợi sưng lên vì ăn uống thiếu sinh tố. Ở giữa đám người, nổi bật lên nhờ ở chính những màu sắc sặc sỡ của y phục là gương mặt của một người phụ nữ da đỏ, đôi mắt hoang dại, đến từ những miền xa xôi hẻo lánh, trên thượng nguồn sông Tanana; một người dân thành phố Xítơ trên bờ biển lạc đường đứng cạnh một người sinh trưởng bên hồ Lơ Bắcgơ xa xôi và gần đó là một nhóm khoảng nửa tá người chở hàng thuê Pháp và Canada đứng chụm lại với nhau. Từ xa xa vọng lại tiếng hót của những đàn chim rừng quanh tổ. Những con chim nhận từ mặt sông Iukôn phảng lảng bay vút lên và những con chim cổ đỏ hót

---

<sup>(1)</sup> 1 pao: 0,453kg.

liu lo. Những tia sáng chênh chếch của mặt trời đã khuất bóng xuyên qua lớp khói tản mát của các đám cháy rừng cách xa hàng nghìn dặm làm cho bầu trời nhuộm một màu đỏ tối trong khi mặt đất được phản chiếu mang một ánh hồng hồng. Ánh hồng đó nhuộm gương mặt của tất cả mọi người khiến cho mọi vật mang một vẻ huyền ảo, kỳ dị.

Cuộc trả giá bắt đầu chậm chạp. Người Xítơ vốn là một người lạ đối với vùng này, vừa mới đến trước đó có nửa giờ, bằng một giọng tự tin trả giá một trăm đôla, và lấy làm kinh ngạc khi thấy Akun quay mũi súng một cách hăm dọa về phía mình. Cuộc trả giá bị kéo dài. Một người da đỏ ở Tôdikakát làm nghề hoa tiêu, trả một trăm năm mươi đôla, và sau một ít lâu, một tay chơi bạc đã bị trục xuất khỏi vùng đất phía bắc, nâng giá lên hai trăm đôla. Enxu lấy làm buồn, lòng kiêu hãnh của cô bị tổn thương, nhưng điều đó chỉ làm cho ngọn lửa trong nét mặt cô càng bùng bùng tảo tợn hơn thêm khi nhìn xuống đám đông.

Đám người đứng xem nhốn nháo khi Popotác lách người chen lên phía trước. Lão cao giọng trả "Năm trăm đôla!" rồi kiêu ngạo nhìn xung quanh xem tác động ra sao.

Lão định lấy sự giàu có của lão làm cái chùy đánh gục mọi sự cạnh tranh ngay từ đầu. Nhưng một trong số những tay chớ hàng thuê, mắt long lanh nhìn Enxu, nâng giá lên thêm một trăm. Popotác mau lẹ đáp lại:

- Bảy trăm!

Lời trả giá "Tám trăm!" của người đáp lại cũng nhanh chóng không kém.

Pôpotác lại vung chiếc gậy giàu có của lão lần nữa. Lão xướng to:

- Nghìn hai!

Với một ánh mắt thất vọng đau đớn, tay chống hàng thuê kia đành chịu thua. Không có ai trả giá thêm nữa. Tommi cố mời chào nhưng cũng không đẩy lên được thêm một giá nào.

Enxu nói với Pôpotác:

- Nay ông Pôpotác, ông nên cân nhắc kỹ cái giá của ông. Ông đã quên điều tôi nói với ông rồi ư? Tôi bảo với ông là tôi không bao giờ làm vợ ông!

Pôpotác bẻ lại:

- Đây là một cuộc bán đấu giá công cộng. Tôi sẽ mua cô về với một tờ giấy bán hàng. Tôi trả giá một nghìn hai trăm đôla. Giá của cô thế mà hóa rẻ!

- Quá rẻ! - Tommi kêu lên - Sao tôi lại chỉ đóng vai người điều khiển cuộc bán thôi nhỉ? Điều đó có cấm tôi trả giá đâu? Tôi trả nghìn ba đấy.

- Nghìn tư. - Pôpotác đối lại.

- Tôi sẽ mua cô làm... làm em gái tôi, - Tommi nói nhỏ với Enxu, rồi xướng to: - Nghìn rưỡi!

Đến hai nghìn thì một trong những tù trưởng ở Endôradô nhảy vào và Tommi rút.

Lần thứ ba, Pôpotác vung lên cái gậy giàu có của

lão, nâng hẳn lên năm trăm đôla. Nhưng vị tù trưởng Endôradô kia thấy bị chạm lòng tự ái. Không ai có thể đánh gục được ông. Ông nâng lên thêm năm trăm nữa. Enxu được trả giá ba nghìn đôla.

Popotác lại trả giá ba nghìn rưỡi, và há hốc miệng khi vị tù trưởng Endôradô nâng thêm một nghìn đôla. Popotác lại nâng giá thêm năm trăm và lại há hốc mồm khi vị tù trưởng lại nâng thêm một nghìn nữa. Popotác nổi cáu. Lòng kiêu hãnh của lão bị tổn thương, sức mạnh của lão bị thách thức mà đối với lão sức mạnh mang hình dạng tiền bạc. Lão không thể để cho mình bị sỉ nhục và yếu ớt trước mặt tất cả mọi người. Enxu trở thành chuyện phụ. Những sự dành dụm chất bóp qua các đêm lạnh lẽo trong suốt bao nhiêu năm, nay đã đến lúc phung phí. Enxu đã được trả giá sáu nghìn đôla. Lão nâng lên bảy nghìn. Sau đó, với những giá mỗi lần nâng thêm một nghìn đôla đưa ra liên tiếp tới tấp, cái giá Enxu tăng nhanh vùn vụt. Đến mười bốn nghìn, cả hai người đều ngừng lại để lấy hơi.

Đến lúc ấy diễn ra điều bất ngờ. Một cái gậy còn mạnh hơn nữa được vung lên. Trong thời gian ngừng im kể tiếp tay đánh bạc đánh hơi thấy có chuyện đầu cơ ở đây liền cùng với mấy người bạn lập chung một hội và trả mười sáu nghìn đôla.

- Mười bảy nghìn, - Popotác nói yếu ớt.
- Mười tám nghìn, - người tù trưởng tiếp luôn.

Popotác dồn hết sức lực:

- Hai mươi nghìn.

Hội kia bỏ cuộc. Người tù trưởng Endôradô tăng thêm một nghìn, rồi Pôpotác cũng lại tăng thêm một nghìn nữa. Trong khi họ trả giá như vậy, Akun hết quay sang người này lại quay sang người kia, nửa hăm dọa, nửa tò mò như muốn xem xem anh sẽ phải giết loại người nào đây. Khi người tù trưởng chuẩn bị trả giá tiếp thấy Akun xiết chặt cò súng hơn, ông cười nấp bao súng bên hông đã rồi mới xuống:

- Hai mươi ba nghìn.

- Hai mươi bốn nghìn, - Pôpotác nói tiếp liền.

Lão cười nhạo độc ác, tin chắc cái giá của lão cuối cùng đã làm bàng hoàng người tù trưởng. Ông này nhích người lại sát Enxu, xem xét cô cẩn thận một lúc lâu rồi cuối cùng nói:

- Thêm năm trăm nữa.

- Hai mươi năm nghìn, - Pôpotác lại nâng lên.

Người tù trưởng ngắm nhìn một lúc lâu rồi lắc đầu. Ông lại nhìn, rồi miễn cưỡng nói:

- Thêm năm trăm nữa.

- Hai mươi sáu nghìn. - Pôpotác cáu kỉnh nói.

Vị tù trưởng kia lắc đầu, không chịu đáp lại con mắt cầu khẩn của Tommi. Trong khi đó, Akun đã dịch lại gần Pôpotác. Con mắt tinh nhanh của Enxu nhận ra, và trong khi Tommi đang năn nỉ người tù trưởng Endôradô trả thêm một giá nữa thì cô cúi xuống nói nhỏ vào tai một người hầu. Trong lúc lời

mời chào "Còn ai trả nào?... Còn ai trả nào?..." của Tommi vang to, át tiếng mọi người thì người hầu kia lại chỗ Akun nói nhỏ điều gì vào tai anh. Akun không tỏ ra vẻ gì là anh đã nghe, tuy Enxu lo lắng nhìn anh chằm chặp.

- Ngã giá! - Tiếng Tommi vang lên. - Bán cho Popotác, với giá hai mươi sáu nghìn đôla.

Popotác e ngại nhìn về phía Akun. Mọi con mắt cũng đều đổ dồn vào Akun, song anh không có hành động gì cả.

Enxu cất tiếng:

- Cho mang cân đến.

Popotác nói:

- Tôi sẽ trả tiền tại nhà tôi.

- Cho đem cân đến. - Enxu nhắc lại. - Tiền sẽ trả tại đây để tất cả mọi người đều thấy.

Thế là chiếc cân vàng được đem từ trạm giao dịch đến, trong khi đó Popotác ra về rồi trở lại dẫn theo một người đội trên vai những bao bằng da nai đựng vàng cốm. Đi theo sau Popotác còn có một người khác nữa, tay cầm một khẩu súng, mắt lăm lăm nhìn Akun.

Popotác nói:

- Đây là những giấy nợ và giấy cầm đồ trị giá mười lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đôla bảy mươi nhăm xu.

Enxu nhận những giấy đó cầm trong tay và bảo Tommi:

- Tính là mười sáu nghìn.

- Còn mười nghìn đôla trả bằng vàng. - Tommi bảo.

Popotác gật đầu rồi mở miệng các túi vàng. Enxu đứng bên bờ sông, xé vụn các mảnh giấy rồi thả xuống dòng sông Iukôn. Việc cân vàng bắt đầu, nhưng Tommi dừng lại.

- Tất nhiên là mười bảy đôla rồi. - Popotác nói với Tommi trong khi tay lão chỉnh lại cân.

- Mười sáu đôla. - Enxu gay gắt đáp.

Popotác cãi lại:

- Lệ thường ở tất cả các vùng là tính vàng với giá mười bảy đôla một lạng cơ mà. Mà đây thì đúng là một chuyện mua bán chứ còn gì.

Enxu cười ngất. Cô nói:

- Đó là một cái lệ mới, bắt đầu từ mùa xuân năm nay. Năm ngoái, và những năm trước nữa, là mười sáu đôla một lạng. Lúc cha tôi vay nợ, giá là mười sáu đôla. Khi cha tôi tiêu số vàng vay của ông thì với mỗi lạng cha tôi mua được mười sáu đôla bột mì chứ không phải mười bảy. Vì vậy ông sẽ trả cho tôi với giá mười sáu chứ không phải mười bảy.

Popotác lầu bầu rồi để cho tiến hành việc cân.

Enxu lại bảo:

- Tommi, anh cân cho làm ba đồng. Đồng chỗ này một nghìn đôla. Đồng chỗ này ba nghìn và đồng chỗ này sáu nghìn.

Công việc diễn ra chậm chạp, và trong khi cân mọi người đều chăm chú theo dõi Akun.



- Anh ta chắc chờ cho đến khi trả xong tiền - có người bảo. Lời đoán ấy được coi là đúng và truyền đi hết người nọ đến người kia; người ta chờ xem Akun sẽ làm gì khi tiền được trả xong. Người của Popotác cầm khẩu súng cũng chờ đợi và dán mắt theo dõi Akun.

Khi cân xong, chỗ vàng cốm được đổ thành ba đồng vàng sẫm trên mặt bàn. Enxu lên tiếng:

- Cha tôi có nợ công ty ba nghìn đôla. Anh Tommi, anh nhận lấy cho công ty. Còn đây là bốn cục già, anh Tommi, anh biết họ cả. Đây là một nghìn đôla, anh nhận lấy và không bao giờ để cho các cục bị dôi và không có thuốc lá.

Tommi xúc vàng vào những bao riêng. Còn lại sáu nghìn đôla trên mặt bàn. Enxu xúc xẻng vào đồng vàng rồi bỗng ngoắt người một cái tung chỗ vàng trong xẻng xuống dòng sông Iukôn thành một đám mưa vàng. Popotác nắm lấy cổ tay Enxu khi cô xúc tiếp lần thứ hai.

- Đây là của tôi. - Enxu bình thản nói.

Popotác buông tay ra nhưng lão nghiêng răng ken két và mặt hầm hầm tức tối trong khi cô xúc vàng đổ xuống sông cho đến khi không còn tí gì.

Cả đám người dồn mắt vào Akun, và tên thuộc hạ của Popotác thì đặt ngang khẩu súng của y trong lòng khuỷu tay, mũi súng chĩa vào Akun cách anh có một thước, ngón tay đặt trên cò súng. Nhưng Akun không hành động gì cả.

- Viết giấy bán đi. - Pơpotác cau có nói.

Tommi thảo tờ giấy bán, trong đó mọi quyền sở hữu người phụ nữ tên là Enxu được trao cho người tên là Pơpotác. Enxu ký tên vào tờ chứng thư xong, Pơpotác gấp lại đút vào túi. Bỗng mắt lão sáng lên, lão đột ngột nói với Enxu:

- Nhưng mà đây không phải là tiền cha cô nợ tôi, số tiền mà tôi trả là cái giá tôi mua cô. Giá bán cô là giá mua bán hôm nay chứ không phải trong năm ngoái hoặc những năm trước đó. Những lạng vàng trả cho cô đêm đến trạm giao dịch hôm nay sẽ mua được mười bảy đola bột mì chứ không phải mười sáu. Thế là tôi đã thiệt mất một lạng một đola rồi. Tôi mất tất cả sáu trăm hai mươi nhăm đola rồi.

Enxu nghĩ một lúc, thấy ra sự nhầm lẫn của mình. Cô mỉm cười, rồi cười to.

- Ông nói đúng. Tôi nhầm. Nhưng quá muộn mất rồi. Ông đã trả xong và vàng đã đi mất hết cả rồi. Ông không tính toán nhanh, thế là ông thiệt thôi. Trí óc của ông độ này chậm chạp đấy, ông Pơpotác ạ. Ông già rồi.

Pơpotác không đáp. Lão khó chịu đưa mắt nhìn Akun và thấy yên tâm. Mỗi lão mỉm lại, một vẻ độc ác hiện trên nét mặt lão. Lão bảo Enxu:

- Lại đây. Đi về cả nhà ta.

Enxu không có một cử chỉ nào để đi theo lão, cô chỉ hỏi:

- Ông còn nhớ hai điều mà tôi đã nói với ông hồi mùa xuân không?

- Đầu óc tôi sẽ đầy ắp những điều đàn bà làm nhảm, nếu tôi quan tâm đến những điều ấy. - Lão đáp.

Enxu nói tiếp kỹ càng:

- Tôi đã bảo với ông là ông sẽ được trả nợ. Tôi còn bảo với ông là tôi sẽ không khi nào làm vợ ông cả.

- Nhưng đây là trước khi viết giấy bán. - Popotác vò vò tờ giấy giữa các ngón tay làm cho nó kêu soạt soạt trong túi. - Tôi đã mua cô trước toàn thể mọi người. Bây giờ cô thuộc về tôi. Cô sẽ không chối được là cô thuộc về tôi.

Enxu giọng quả quyết:

- Tôi thuộc về ông.

- Tôi là chủ của cô.

- Ông là chủ của tôi.

Popotác cao giọng hơn đôi chút, đắc thắng:

- Tôi là chủ của cô, như làm chủ một con chó.

- Ông là chủ của tôi, như làm chủ một con chó. -

Enxu thản nhiên nói tiếp. - Nhưng, này ông Popotác, ông quên mất cái điều tôi đã nói với ông. Bất kỳ người đàn ông nào khác mua tôi thì tôi sẽ về làm vợ người ấy. Tôi sẽ làm một người vợ hiền đối với người ấy. Ý nguyện của tôi là như vậy. Còn ý nguyện của tôi đối với ông là tôi sẽ không bao giờ làm vợ ông cả. Vì vậy, tôi sẽ làm con chó của ông.

Popotác biết là lão đang chơi với lửa. Vì vậy lão quyết định chơi cho thật kiên quyết:

- Vậy thì tôi sẽ nói với cô không phải như với cô gái Enxu, mà như với con chó. Và bây giờ tôi bảo cô đi theo tôi.

Lão giơ tay định nắm lấy cánh tay Enxu, nhưng bằng một động tác, cô ngăn lão lại.

- Chớ có vội, ông Pơpotác. Ông mua một con chó. Nếu con chó chạy đi thì ông sẽ mất. Tôi là con chó của ông. Nếu tôi chạy đi, thì sao?

- Là người chủ con chó, tôi sẽ đánh cô...

- Đánh tôi khi ông bắt được tôi chứ?

- Khi tôi bắt được cô.

- Vậy thì ông bắt tôi đi nào.

Lão vội với tay ra để tóm lấy Enxu, nhưng cô tránh được. Cô vừa chạy quanh bàn vừa cười khảnh khách. "Bắt lấy nó!" - Pơpotác ra lệnh cho người da đỏ cầm khẩu súng đang đứng gần chỗ Enxu. Nhưng khi người da đỏ kia giơ tay về phía cô thì người tù trưởng Endôradô giáng cho y một quả đấm vào chỗ dưới tai. Khẩu súng rơi đánh đập xuống đất. Lúc ấy là cơ hội để cho Akun hành động. Đôi mắt anh sáng rực, nhưng anh không hành động gì cả.

Pơpotác là một lão già, nhưng những đêm ngủ lạnh lẽo đã giữ lại cho lão sự nhanh nhẹn. Lão không chạy vòng quanh bàn. Thừa lúc Enxu sơ ý, lão nhảy qua mặt bàn. Enxu bị bất ngờ. Cô nháy giật lùi lại thốt lên một tiếng kêu hoảng hốt, và Pơpotác lẽ ra đã bắt được cô nếu như không có Tommi. Tommi thò chân ra làm Pơpotác vấp ngã sõng soài. Enxu vùng chạy đi.

- Vậy thì ông bắt tôi đi nào, cô ngoái cổ lại cười khanh khách rồi bỏ chạy.

Enxu chạy nhẹ nhàng, thanh thoát, nhưng Popotác thì chạy hùng hổ và nhanh. Lão vượt cô. Hồi trẻ, lão là người chạy nhanh nhất trong cả đám thanh niên. Nhưng Enxu lại biết né tránh một cách mềm mại, khó bắt. Ăn mặc theo lối người da đỏ, đôi chân cô không bị vướng tà váy, tấm thân mềm dẻo của cô uốn lượn rồi vụt đi chế giễu những ngón tay kêu cào của Popotác.

Đám người cười nói ồn ào tản ra để xem cuộc săn đuổi. Cuộc săn đuổi xuyên qua khu đóng trại của người da đỏ. Khi thì né tránh, khi thì lượn vòng hoặc quay ngoắt lại, Enxu và Popotác lúc ẩn lúc hiện giữa các lều vải. Enxu dường như dùng cánh tay mình để giữ thẳng bằng, khi thì nghiêng bên này, khi thì ngả bên kia và đôi khi cả người cô nữa cũng nghiêng hẳn khỏi đường thẳng đứng những khi cô vòng ngoắt gấp khúc nhất. Còn Popotác thì luôn luôn vồ hụt, khi thì hụt chậm một bước, khi thì hụt bên phải hoặc hụt bên trái, như một con chó săn còm cõi rượt theo bước chân Enxu.

Hai người đuổi nhau qua khoảng đất trống bên kia khu đóng trại rồi mất hút trong rừng. Cả khu Tanana chờ họ xuất hiện trở lại, nhưng chờ mãi chẳng thấy đâu.

Trọng khi đó, Akun ăn rồi ngủ, rồi lại vợ vẫn ở chỗ bến tàu thủy, làm ngơ trước thái độ ngày càng bức bối của những người ở Bến Tanana khi thấy anh

không hành động gì cả. Hai mươi bốn giờ sau, Popotác trở về. Lão mệt nhào và hung dữ. Lão không nói gì với ai cả ngoài Akun và định gây sự với anh. Song Akun nhún vai bỏ đi. Popotác không để phí thời gian. Lão thuê hẳn nửa tá thanh niên, chọn những người thông thuộc đường đi lối lại nhất, rồi dẫn đầu họ lao vào rừng.

Hôm sau, chiếc tàu thủy Xiátton, trên đường ngược thượng nguồn, ghé vào ven sông lấy gỗ. Khi tàu nhỏ neo, khua nước sỏi bọt rời bờ ra đi, Akun đã ở trên tàu, trong buồng hoa tiêu. Chỉ mấy giờ sau, lúc đến lượt anh cầm lái, anh thấy một chiếc xuồng nhỏ bằng vỏ cây phong từ bờ sông trườn xuống nước. Trên xuồng chỉ có độc một người. Akun chăm chú quan sát chiếc xuồng, bẻ lái rẽ vào và cho tàu chạy chậm lại.

Người thuyền trưởng bước vào phòng hoa tiêu hỏi:

- Có chuyện gì thế? Nước tốt mà.

Akun lẩm bẩm tiếng gì nghe không rõ. Anh nhìn thấy một chiếc xuồng lớn hơn cũng từ bờ sông vọt ra, trên xuồng có một số người. Khi con tàu Xiátton đã giảm tốc độ, anh lại bẻ ngoặt lái thêm nữa.

Thuyền trưởng nổi cáu, kêu lên:

- Chỉ là một mụ đàn bà da đỏ thôi mà.

Akun không lẩm bẩm nữa. Anh dán mắt nhìn người phụ nữ da đỏ và chiếc xuồng lớn đang rượt theo. Ở chiếc xuồng sau loé lên sáu mái chèo, còn người phụ nữ da đỏ thì chèo chậm chạp.

Thuyền trưởng nắm lấy tay quay bánh lái, phản kháng:

- Anh làm tàu mắc cạn mất.

Nhưng Akun cứ nắm chặt lấy tay quay, nhìn thẳng vào mắt thuyền trưởng. Ông này từ từ buông tay, lăm bắm một mình:

- Thằng cha kỳ quặc!

Akun giữ cho chiếc tàu Xiátton đứng lại ở ven chỗ nước nông, chờ đến khi nhìn thấy những ngón tay của cô gái da đỏ bám lấy mép thành tàu phía trước rồi mới ra hiệu cho tàu mở hết tốc lực và bẻ ngoặt lại bánh lái. Chiếc xuống lớn đã tới sát gần nhưng khoảng cách giữa nó với chiếc tàu thủy này mỗi lúc một lớn.

Cô gái da đỏ cười khanh khách, nhô mình ra ngoài thành tàu hét to:

- Bắt tôi đi nào, ông Popotác

Đến pháo đài Iukôn thì Akun rời bỏ tàu thủy. Anh kiếm một chiếc thuyền nhỏ đẩy bằng sào và ngược đoạn sông Con nhím. Cùng đi với anh là Enxu. Cuộc hành trình rất vất vả chạy ngang qua cái xương sống của thế giới, nhưng Akun đã từng qua lại chỗ này rồi. Khi đến đầu sông Con nhím, họ lại bỏ thuyền, đi bộ vượt qua dãy Núi đá.

Akun rất thích đi sau Enxu nhìn chân cô bước. Trong bước chân cô có một tiếng nhạc mà anh yêu thích. Và nhất là anh yêu thích đôi bắp chân tròn trịa bó trong mảnh da thuộc mềm, hai cổ chân nhỏ nhắn

và hai bàn chân xinh xắn xỏ trong đôi giày mềm phẳng để bước đi thoăn thoắt không biết mỏi trong suốt những ngày dài nhất.

Anh ngược mắt nhìn Enxu và nói:

- Em nhẹ như hơi thở. Em bước không chút mệt nhọc, bàn chân nhấc lên đặt xuống đến là nhẹ nhàng khiến em như bập bênh trôi. Enxu, em chẳng khác nào con nai rừng, và đôi mắt em cũng giống như mắt nai những khi em nhìn anh hoặc khi nghe thấy một tiếng động vụt qua, lắng tai xem có gì nguy hiểm không. Ngay lúc này, em nhìn anh, đôi mắt em thật đúng là đôi mắt của nai rừng.

Nét mặt rạng rỡ và xúc động. Enxu cúi xuống hôn Akun.

Một lát sau, Akun bảo cô:

- Khi chúng mình tới con sông Møkendi, chúng mình sẽ không nán lại ở đó lâu. Chúng mình sẽ đi về phương Nam trước khi mùa đông ập tới. Chúng mình sẽ đến xứ sở của mặt trời nơi hiện giờ không có tuyết. Nhưng rồi chúng mình sẽ trở lại. Anh đã đi nhiều nơi trên thế giới, không có đâu như Alaxca, không có mặt trời nào như mặt trời của chúng mình, và sau mùa hè dài tuyết thật là đẹp biết bao.

- Rồi anh sẽ học chữ. - Enxu nói.

- Chắc chắn anh sẽ học chữ. - Akun đáp.

Nhưng họ bị kẹt lại khi tới con sông Møkendi. Họ đụng phải một toán người da đỏ Møkendi. Toán người



này đang đi săn và một tay súng trẻ tuổi vô tình bắn phải Akun. Viên đạn trúng cánh tay phải anh rồi xuyên sâu hơn nữa, làm gãy hai chiếc xương sườn. Akun có biết sơ về cứu thương và Enxu cũng đã học được đôi chút môn này tại Hội truyền giáo Cây thánh giá. Xương gãy cuối cùng được nắn bó lại và Akun nằm dài cạnh đồng lửa để cho khói xua muỗi.

Nhưng rồi Popotác cùng với mấy người trai tráng của lão kéo đến. Akun rên rỉ tức tối trong cảnh bất lực và cầu cứu những người da đỏ Mokendi. Popotác cũng nhờ đến họ khiến họ khó nghĩ, không biết tính sao. Popotác đòi bắt Enxu đi, nhưng điều đó thì họ không cho phép. Cần phải phán xét. Đây lại là chuyện dính dáng đến nam giới và nữ giới cho nên phải họp Hội đồng các bộ lão. Trong chuyện này không thể để cho có những phán quyết thiên về tình cảm của giới trai trẻ, những người có trái tim nặng tình cảm.

Các cụ già ngồi thành một vòng tròn gần một đồng lửa đốt để lấy khói xua muỗi. Mặt họ hốc hác, nhàn nhúm, hơi thở hỗn hển, khô khè. Khói không tốt cho sức khỏe của họ. Thỉnh thoảng, họ huơ những bàn tay khô héo xua những con muỗi tảo tợn không sợ khói. Sau mỗi lần ráng sức như vậy họ lại lên cơn ho khù khụ, đau đớn. Một số người khạc ra máu, có một người ngồi hơi tách riêng ra một chỗ, đầu gục về phía trước, máu liên tục rỉ ra ở miệng. Bệnh ho đã tóm chặt lấy họ cả rồi. Họ như những người đã hết

sống. Thời gian của họ không còn dài nữa. Đây là sự phán xét của những người chết.

Popotác kết thúc những lời khiêu nại của lão:

- Và tôi đã phải mua nó với một giá cắt cổ. Cái giá ấy các vị chưa từng bao giờ thấy đâu. Bán tất cả của cải của các vị đi, bán hết giáo mác, cung tên, súng ống của các vị, bán hết các bộ da thú, lông thú của các vị, bán cả lều, cả thuyền, cả chó của các vị, bán tuốt tuốt mọi thứ, các vị có lẽ vẫn chưa có tới một nghìn đôla. Thế mà tôi đã mua con mụ đàn bà này, con Enxu, với cái giá nhiều gấp hai mươi sáu lần giá tất cả giáo mác, cung tên, súng ống, lông thú, da thú, lều, thuyền và chó của các vị gộp lại. Đó là một cái giá thật là nặng.

Các cụ già gật đầu nghiêm nghị, tuy rằng kẻ mất nhân nheo của các cụ giang rộng ra vì kinh ngạc sao lại có người đàn bà đáng với cái giá đó. Cụ già mềm rĩ máu đưa tay quạt môi hỏi từng người trong số đám người của Popotác: "Có đúng thế không?". Người nào cũng trả lời là đúng.

Cụ già ấy lại hỏi Enxu:

- Có đúng thế không?

Enxu đáp:

- Đúng.

Akun xen vào:

- Nhưng Popotác không khai là ông ấy là một ông già, con gái ông còn nhiều tuổi hơn cả Enxu nữa kia.

- Đúng thế, Popotác là một ông già. - Enxu tiếp lời.

Cụ già rí máu ở mồm nói:

- Popotác sẽ tự mình đánh giá lấy sức mạnh của tuổi mình. Chúng tôi đây đều là người già cả. Hãy coi chừng: Tuổi tác không bao giờ già nua đến như lớp trẻ đánh giá đâu.

Cả vòng tròn các cụ già chóm chém hai hàng lợi, gật đầu tán đồng và ho khò khộ.

- Thế mà cô lại lấy của ông ta một số tiền gấp hai mươi sáu lần tất cả của cải của chúng tôi à?

Enxu nín thinh.

- Có đúng thế không? - Con mắt không chột của cụ già này sáng lên, xoáy vào người cô như một mũi khoan cháy bỏng.

- Đúng. - Enxu đáp.

Một lúc sau, cô thốt lên, giọng giận dữ:

- Nhưng tôi sẽ lại bỏ chạy cho mà xem. Tôi sẽ còn bỏ chạy mãi.

Một cụ già khác cắt ngang:

- Việc đó thì để cho Popotác xét. Chúng tôi ở đây chỉ xét đến việc cần phải phán quyết thế nào đây.

Họ quay sang hỏi Akun:

- Còn anh thì đã bỏ ra bao nhiêu tiền để mua cô ta?

- Tôi không bỏ tiền ra mua cô ấy - Akun đáp. - Cô ấy không thể lấy tiền ra mà mua mà đổi được. Tôi không tính giá của cô ấy bằng vàng cốm hay bằng chó, bằng lều, bằng lông thú.

Các cụ già hạ giọng lầm bầm bàn bạc với nhau. Akun nói bằng tiếng Anh:

- Các cụ già này là băng giá. Tôi sẽ không nghe theo lời phán quyết của họ đâu ông Popotác. Nếu ông cướp Enxu đi, chắc chắn tôi sẽ giết chết ông.

Các cụ già ngừng lại, nhìn Akun với vẻ ngờ vực.

Một người hỏi:

- Anh nói cái gì chúng tôi không hiểu.

Popotác thưa:

- Hắn chỉ có nói là hắn sẽ giết chết tôi. Bởi vậy tôi thấy cần tước súng của hắn và cho mấy người trai tráng của các vị ngồi kèm cạnh hắn để hắn không hành hung được tôi. Hắn còn trẻ, mấy cái xương gãy có đáng kể gì đối với người trẻ.

Akun nằm dài bất lực, bị tước mất cả súng lẫn dao và bị mấy người trai tráng da đỏ Mokendi ốp sát hai bên. Cụ già một mắt nhồm đậy, đứng thẳng người, tuyên bố:

- Chúng tôi kinh ngạc trước cái giá bỏ ra để mua có mỗi một người đàn bà, nhưng giá cả như thế nào là phải, chúng tôi không quan tâm. Chúng tôi họp ở đây để phán xét, vì thế chúng tôi sẽ đưa ra lời phán quyết. Chúng tôi không còn có gì nghi ngờ nữa. Mọi người ai nấy đều biết rõ là ông Popotác đã trả một cái giá lớn để mua người đàn bà tên là Enxu, vậy thì người đàn bà Enxu thuộc về ông Popotác chứ không thuộc về ai khác.

Nói xong, cụ già nặng nề ngồi xuống, ho khù khụ. Tất cả các cụ già đều gật đầu, ho khù khụ.

Akun kêu lên bằng tiếng Anh:

- Tôi sẽ giết chết ông.

Popotác cười mỉm, đứng dậy nói với Hội đồng các cụ già:

- Các vị đã phán quyết đúng, người của tôi sẽ đem biểu các vị nhiều thuốc lá. Còn bây giờ, xin cho dẫn người đàn bà kia lại chỗ tôi.

Akun nghiêng rặng kèn kẹt. Mấy người trai tráng nắm cánh tay Enxu. Cô không chống cự, để mặc cho người ta dẫn mình đến chỗ Popotác, về mặt ánh lên một ngọn lửa buồn bã.

- Ngồi xuống cạnh chân ta chờ đến khi ta nói xong đã. Lão ra lệnh, nghỉ một lúc rồi nói tiếp. - Đúng vậy, tôi là một người già nua. Tuy vậy, tôi vẫn có thể hiểu cách sống của lớp trẻ. Ngọn lửa trong tôi chưa tắt hẳn. Song tôi không còn trẻ nữa và cũng không muốn bắt đôi chân già cỗi của tôi phải chạy trong suốt những năm tháng còn lại của tôi. Enxu có thể chạy nhanh, chạy giỏi. Nó là một con nai. Điều đó tôi biết, vì tôi đã thấy nó nhảy và tôi đã đuổi theo nó. Một người vợ mà chạy nhanh đến vậy là không hay đâu. Tôi đã mua nó với một cái giá thật quá cao, thế mà nó vẫn bỏ tôi chạy đi. Akun không phải trả giá gì cả, thế nhưng nó lại chạy về với anh ta. Khi tôi đến gặp các vị, người bộ tộc Mokendi, tôi chỉ có một chủ ý. Đến khi tôi nghe Hội đồng phán quyết và nghĩ

đến đôi chân nhanh thoăn thoắt của Enxu, tôi nảy ra nhiều ý định. Bây giờ, tôi lại chỉ có một chủ ý mà thôi, nhưng nó khác với ý định lúc đầu khi tôi đến gặp Hội đồng. Tôi xin trình bày với các vị ý định của tôi. Con chó nào đã một lần bỏ chủ đi thì nó sẽ còn bỏ đi mãi. Dù cho có bắt được nó về bao nhiêu lần đi nữa, nó sẽ vẫn bỏ nó đi. Khi ta có những con chó như vậy, ta phải đem bán. Enxu nó như một con chó thích bỏ nhà đi. Tôi sẽ bán nó. Có vị nào trong Hội đồng muốn mua nó không?

Các cụ già ho khù khụ, im không nói gì.

Popotác lại nói tiếp:

- Akun thì muốn mua nó, nhưng anh ta không có tiền. Bởi vậy, tôi sẽ cho anh ta con Enxu, như lời anh ta nói, cho không, không có giá nào cả. Ngay bây giờ đây tôi đem nó cho không anh ta.

Lão cúi xuống, nắm lấy tay Enxu dẫn cô qua bãi trống đến chỗ Akun đang nằm dài dưới đất ngửa mặt lên trời, để cô ngồi cạnh chân anh và nói:

- Akun, nó đã nhiễm một thói xấu. Cũng như trước kia nó bỏ ta chạy đi, trong những ngày tới, nó cũng có thể bỏ anh chạy đi nốt. Nhưng Akun này, không việc gì phải sợ nó chạy đi nữa đâu. Ta đã có cách. Nó sẽ không bao giờ bỏ anh chạy đi được nữa - đó là lời của Popotác. Nó ranh lắm. Ta biết, vì cái ranh ma của nó đã nhiều lần hại ta. Nhưng lần này ta quyết định dùng đến cái ranh ma của ta một lần. Nhờ có sự ranh ma của ta, ta sẽ giữ được nó cho anh. Akun ạ.

Popotác cúi xuống vắt hai chân của Enxu lên nhau, bàn chân này đặt đúng lên bàn chân kia, rồi trước khi người ta đoán được ý định của lão, lão giơ súng nhả đạn vào hai cổ chân cô. Akun cố gạt mấy người trai da đỏ, vùng đứng dậy và người ta nghe có tiếng xương gãy kêu răng rắc.

- Thế là phải. - Những cụ già nói với nhau.

Enxu không thốt một tiếng nào. Cô ngồi im lặng nhìn vào hai cổ chân bị nát của mình, đôi chân mà cô sẽ không bao giờ bước đi được nữa. Akun nói với cô:

- Enxu, chân anh còn vững mạnh. Nhưng không bao giờ đôi chân anh đưa anh đi xa em.

Enxu nhìn anh và lần đầu tiên trong suốt thời gian kể từ khi anh biết cô, Akun thấy lệ dâng lên trong mắt cô. Anh nói:

- Enxu, đôi mắt em như đôi mắt nai rừng.

Popotác đứng cạnh đống lửa chuẩn bị bỏ đi, cười nhả nhử hỏi:

- Thế có phải không?

- Thế là phải. - Các cụ già đáp. Rồi họ tiếp tục ngồi im, lặng lẽ.

HOÀNG CƯỜNG dịch

# Tiếng gọi nơi hoang dã

## I

### VÀO CỎI NGUYÊN THỦY

*"Ôi khát vọng xưa đất trời rộng bước,  
Giận thói thường xích chặt tựa lao tù  
Đêm đông lạnh từ giấc nồng mộng ước  
Lại bùng sôi huyết thống của hoang vu!"*

Bác không hề đọc báo, chứ nếu có đọc thì hẳn đã biết là sắp gay go đến nơi rồi, không chỉ gay go cho riêng nó, mà còn cho cả họ hàng nhà chó vùng duyên hải, từ Vịnh Puget Xao đến tận Xan Diêgô thứ chó có bắp thịt rắn khỏe và bộ lông dày ấm áp. Ấy là bởi vì con người, qua quá trình dò dẫm giữa đất trời tối tăm vùng Bắc cực, đã tìm thấy một thứ kim loại màu vàng, và bởi vì các công ty tàu biển và vận tải khoáng sản lên về sự phát hiện đó, cho nên có hàng ngàn người đã đổ xô vào vùng đất phương Bắc. Những con người đó cần



có chó, mà thứ chó họ cần là thứ chó cỡ lớn, có bắp thịt rắn khỏe để mà lao động nặng nhọc, và có bộ lông dày rậm rạp để mà chống đỡ với giá tuyết.

Bác sống trong một khu nhà rộng lớn giữa thung lũng Xanta Clara ngập nắng. Người ta gọi đó là trang trại của ngài thẩm phán Milơ. Khu nhà ở xa đường cái, lại khuất trong lùm cây rậm. Qua kẽ lá có thể nhìn thấy thấp thoáng hàng hiên rộng, mát rượi chạy suốt bốn bên nhà. Từ ngoài vào đến nhà, những con đường xe chạy rải sỏi, lượn quanh co qua mấy bãi cỏ rộng, dưới những lớp cành xen nhau của những hàng bạch dương cao lớn. Khu đằng sau, đất đai còn rộng bát ngát hơn. Có những chuồng ngựa lớn, ở đó hơn chục người chăn giữ ngựa hò hét ầm ĩ, nhiều dây lán trại cho đầy tớ ở có dây nho leo kín mái, một dãy nhà ngang ngăn nắp dài dằng dặc, những chỗ ngồi mát dưới dàn nho dại, những bãi cỏ xanh rờn, vườn cây ăn quả và những khóm dâu. Rồi thì còn có cả một trạm bơm cho chiếc giếng phun, và một bể lớn xây bằng xi măng, là nơi các cậu con trai nhà thẩm phán Milơ nhào lặn mỗi buổi sáng và ngâm mình cho mát trong những buổi chiều nóng nực.

Vậy mà Bác ta đã ngự trị cả cái dinh cơ rộng lớn này. Tại nơi đây Bác đã sinh ra, và cũng tại nơi đây Bác đã trải qua bốn năm tuổi đời của nó. Dĩ nhiên cũng còn có những con chó khác. Giữa một nơi rộng bát ngát thế này, không thể không có thêm nhiều những con chó khác được, nhưng chúng không đáng

đêm xía tới. Chúng lảng vảng, sống chen chúc trong những chiếc cũi hay trong những xó xỉnh nào đó của khu nhà, ít ai nhận thấy, có một con là chó Tút, loại chó ỉ Nhật Bản lùn tịt, một con khác là Idaben, loại chó Mêhicô trụi lông - những giống chó kỳ quặc hiếm khi thấy lộ ra khỏi cửa hay đặt chân xuống đất. Ngoài ra, còn có lũ chó săn cáo ít ra cũng vài chục con: chúng thường sủa lên những tiếng ghê sợ dọa Tút và Idaben mỗi khi bọn này thò đầu ra cửa sổ nhìn chúng và hai con được cả một đoàn con ở vũ trang bằng chổi và cán tải lau sàn bảo vệ.

Nhưng Bắc không phải là hạng chó chui rúc trong nhà, cũng không phải là hạng chó nhốt trong cũi. Toàn bộ vương quốc này là của Bắc. Nó cũng ngụp lặn trong bể bơi hoặc cùng đi săn với các cậu con trai của ông Thẩm. Nó hộ tống Moli và Êlex, các cô con gái của ông Thẩm, trong những buổi dạo chơi đông dài của hai cô vào buổi hoàng hôn hoặc sáng tinh mơ. Những đêm giá lạnh, nó nằm dài dưới chân ông chủ trước ngọn lửa lò sưởi rừng rực trong phòng đọc sách. Nó cõng những đứa cháu của ông chủ trên lưng, hoặc đùa với chúng, lăn tròn trên cỏ, và canh giữ từng bước chân của bọn trẻ khi chúng mạo hiểm mò ra đến vòi nước ở sân chuồng ngựa, hay có khi xa hơn nữa, đến tận các bãi cỏ chăn ngựa và đám đất trồng dâu. Khi đi qua lũ chó săn, Bắc bước trông oai vệ. Còn đối với bọn con Tút và Idaben thì Bắc hoàn toàn phớt lờ. Vì Bắc là vua mà! - Vua của mọi thứ

sinh vật bò, lết hay bay, kể cả con người nữa, trong cái trang trại này của ngài thẩm phán Milor.

Bố của Bắc, tên gọi Enmô, là một con chó nòi Xanh Becna khổng lồ, đã từng là bạn khăng khít của ngài Thẩm, còn Bắc có đầy triển vọng nối gót bố. Nó không thật to lớn bằng bố - Bắc chỉ nặng có một trăm bốn mươi pao<sup>(1)</sup> - bởi vì Sép, mẹ của Bắc, chỉ là một con chó chăn cừu nòi Xcôtlen. Tuy nhiên, nặng một trăm bốn mươi pao, lại cộng thêm vẻ chừng chạc đường hoàng nhờ cuộc sống sung túc và được mọi loài kính nể, đã tạo cho Bắc một phong cách thật đúng là vương giả. Trong bốn năm trời từ khi sinh ra, Bắc đã sống cuộc đời của một nhà quý tộc được thoả mãn mọi điều. Nó rất đổi kiêu hãnh về mình. Thậm chí có phần nào tự cho mình là đáng độc tôn - như các ngài trưởng giả nông thôn thỉnh thoảng cũng trở nên như vậy, do hoàn cảnh sống ếch ngồi đáy giếng của các ngài. Thế nhưng, nó đã tránh cho mình khỏi trở thành một giống chó nhà chỉ quen được nuông chiều. Những cuộc đi săn và những cuộc vui chơi ngoài trời tương tự đã ngăn không cho mỡ phát triển và giúp cho các bắp thịt của nó trở nên rắn chắc. Và đối với nó, cũng như đối với mọi loài thích tắm trong bốn nước lạnh, việc yêu thích nước đã là một môn thuốc bổ giúp giữ gìn sức khỏe.

---

<sup>(1)</sup> Pao: Đơn vị đo lường của Anh, bằng 0,453 kilôgam (140 pao = 63,5kg).

Bắc là một con chó như thế đấy vào cái mùa thu năm 1897, giữa lúc "con sốt vàng" ở Clondai đang lôi cuốn biết bao nhiêu người trên khắp thế gian lao vào vùng đất phương Bắc giá buốt. Nhưng Bắc lại chả hề đọc báo và Bắc cũng không biết rằng Menuon, một trong những người phu vườn, là một người quen bất đắc dĩ. Menuon có một vết xấu khó chữa. Gã máu me chơi xổ số Tàu. Ngay trong cuộc đổ đen, gã lại có một cố tật: tin vào một lối đánh phân loại. Điều này chắc chắn đẩy gã vào tai họa. Bởi vì muốn chơi lối đánh phân loại phải có nhiều tiền, mà đồng lương của một chàng phu vườn thì ngay đến việc bao cho nổi nhu cầu của vợ và cả một bầy con cũng còn không xong nữa là! Ông Thẩm đang đi dự cuộc họp của Hội những người trồng nho, còn bọn trẻ thì đang bận tổ chức một câu lạc bộ diễn kịch, trong cái đêm đáng ghi nhớ đã xảy ra vụ phản trắc của Menuon. Chẳng một ai nhìn thấy Menuon cùng Bắc băng qua vườn cây ăn quả chuồn ra ngoài, mà Bắc cũng tưởng đấy chỉ là một cuộc dạo chơi bình thường thôi. Khi Menuon và Bắc ra đến ga xép Colitgio Pác thì chỉ có độc một người đứng đó nhìn thấy. Người đó chuyện trò với Menuon một chốc rồi người ta nghe thấy tiền trao đi trao lại xúng xoảng.

- Mày có quần cổ nó lại hay không? Để thế mà trao à? - Người lạ mặt nói cộc cằn. Menuon lấy một sợi dây thừng thắt buộc hai vòng quanh cổ Bắc bên dưới cái vòng cổ.

- Cứ xoắn chặt lại là thừa sức làm cho nó nghẹt thở - Menuon nói. Người lạ mặt hừm một tiếng tán thành trong cổ họng.

Bắc đã đứng yên để cho Menuon buộc dây vào cổ mình. Tất nhiên, nó cũng thấy sự việc diễn biến khác thường. Nhưng Bắc đã tạo được thói quen tin tưởng vào những người nó quen biết, và nó công nhận là những con người ấy có một trí khôn vượt xa hẳn trí khôn của nó. Nhưng khi đầu của sợi dây thừng được đặt vào bàn tay của người lạ mặt, thì nó gừ lên đe dọa. Ấy là nó cũng chỉ đơn giản muốn gợi ý cho kẻ kia biết là nó không bằng lòng, mà với đức tính kiêu hãnh của nó thì nó cho rằng gợi ý tức là ra lệnh. Thế mà có ngờ đâu chiếc dây thừng lại thắt chặt lấy cổ nó, làm nó nghẹt thở. Vụt nổi cơn điên giận, nó nhẩy xổ vào người lạ mặt. Tên này đón lấy nó nửa chừng, túm chặt lấy hông nó, rồi bằng một cái vận tay khéo léo, quật nó ngã ngửa. Thế rồi, sợi dây thắt chặt lại không thương xót, còn Bắc thì điên cuồng vùng vẫy, lười thè ra, lồng ngực to lớn hỏn hển một cách vô ích. Suốt đời nó, chưa bao giờ nó lại bị đối xử đê hèn đến như vậy, và cũng suốt đời nó, chưa bao giờ nó lại giận đến như vậy. Nhưng sức Bắc kiệt dần, đôi mắt mờ dần, và Bắc lịm đi chả còn biết gì nữa, khi chuyến tàu hỏa dừng lại theo hiệu còi và hai tên kia ném nó vào toa chở hành lý.

Khi tỉnh lại, nó lờ mờ cảm thấy đau ở lưỡi và nhận thấy mình đang bị đưa đi trong một loại xe cộ

nào đó chạy xóc nảy lên. Tiếng rít khàn khàn của chiếc còi đầu máy xe lửa đi qua ngã tư đã mách bảo cho nó hiểu là nó đang ở đâu. Đã quá nhiều lần đi đường với ông Thẩm nên nó chẳng lạ gì cái cảm giác khi ngồi trong một toa hành lý. Nó mở mắt. Trong đôi mắt vụt bùng lên cơn giận lôi đình của một đức vua bị bắt cóc. Người lạ mặt vội nhảy bổ vào để túm lấy cổ nó, nhưng Bắc nhanh hơn gã. Hai hàm răng Bắc bập vào bàn tay đang lao tới, và không chịu nổi lông tí nào cho đến khi Bắc lại bị thất cổ đến ngạt thở và ngất đi lần nữa.

Nghe tiếng huỳnh huých vật lộn, người công nhân khuôn vác hành lý chạy đến.

- Thế đấy! Nó lên cơn? - Gã bắt cóc vừa nói với người công nhân, vừa giấu kín bàn tay rách nát không cho người này nhìn thấy. - Tôi đưa nó lên Phrixcô hộ ông chủ. Một ông thú y cừ khôi ở đây bảo là ông ta chữa được.

Trong một cái lán nhỏ đằng sau một quán rượu tại bến cảng San Francisco, gã lại biện bạch cho mình rất dỗi hừng hờn khi gã nói về cái đêm đi tàu ấy.

- Về món này, tôi chỉ lấy năm chục thôi. - Gã lăm bắm. - Có trả đến một ngàn tiền mặt hẵn hoi, tôi cũng không thiết.

Bàn tay của gã quần chiếc mùi soa dẫm máu, ống quần bên phải của gã rách toạc từ gối xuống đến mắt cá chân.

Người chủ quán hỏi:

- Thế thằng cha kia thì giá bao nhiêu?

- Một trăm. Không kém một xu. Đấy bác liệu cho.

Lão chủ quán tính:

- Vị chi là một trăm rưỡi. Được, nó cũng đáng giá ngần ấy. Tổ không phải là kẻ không biết người biết của.

Tên bắt cóc tháo mảnh băng đẫm máu và nhìn bàn tay rách bươm của mình:

- Phải bệnh dại thì bỏ mẹ...

Lão chủ quán cười lớn:

- Ấy, nếu có vậy thì cũng do cái nghiệp chướng của chú mày đấy, chú mày ạ!

Lão nói tiếp:

- Nào giúp tớ một tay trước lúc chú mày phối!

Đầu choáng váng, họng và lưỡi đau nhức nhối, trong tình trạng đã bị bóp cổ đến như ngắc ngoải, Bác gắng sức đương đầu với những tên hành hạ mình, nhưng nó liên tiếp bị quật ngã và thất vọng thở nhiều lần, cho đến khi chúng dũa đứt được cái vòng đai bằng đồng nặng nề và gỡ ra khỏi cổ nó. Sau đó sợi dây thừng được tháo ra, và Bác bị ném vào một cái thùng thưa giống chiếc cũi.

Bác nằm đấy cho đến hết cái đêm chán ngán rã rời ấy, ủ nặng trong lòng mối phần nộ và niềm kiêu hãnh bị thương tổn. Nó không thể hiểu nổi tất cả những điều xảy ra đó nghĩa là thế nào. Những con người lạ lùng kia muốn gì ở nó? Tại sao họ lại giam

giữ nó trong cái thùng chật hẹp này? Nó không hiểu tại sao, nhưng trong lòng nặng trĩu một cảm giác mơ hồ là có mối tai họa nào đó đang lơ lửng trên đầu nó. Đêm ấy, nhiều lần nó đã vùng đứng dậy khi chiếc cửa lán lách cách mở, hy vọng được nhìn thấy ông Thẩm, hoặc ít nhất là bọn trẻ. Nhưng mỗi lần như vậy, nó chỉ bắt gặp cái mặt núng nính của lão chủ quán ló ra nhòm nó dưới ánh sáng vàng ệch của một ngọn nến làm bằng mỡ. Và mỗi lần như vậy, tiếng sủa vui mừng đang run run sắp bật ra từ cổ họng Bắc lại tan đi thành một tiếng giận dữ.

Nhưng rồi lão chủ quán cũng để cho nó yên một mình. Rồi sáng hôm sau, bốn người bước vào và khiêng cái thùng ra. Lại thêm những kẻ hành hạ mình đây. Bắc khăng định như vậy, bởi vì trông chúng có vẻ ác độc, đầu tóc bờm xờm, quần áo rách thếch, và Bắc găm thét, nổi cơn thịnh nộ lên với chúng qua các then của chiếc thùng gỗ. Chúng chỉ cười giễu và thọc gậy vào Bắc. Bắc chồm tới dồn dập tấn công những đầu gậy thọc vào, cho đến khi nó nhận thấy là hóa ra bọn chúng muốn như vậy. Buồn nản, Bắc đành thúc thủ nằm dài, để mặc cho chúng nâng cái thùng đưa vào một chiếc xe ngựa. Và thế là từ đấy, Bắc cùng chiếc thùng giam giữ bắt đầu được chuyển từ tay người này sang tay người khác. Các nhân viên của hãng vận tải tốc hành nhận trách nhiệm chuyển nó. Một chuyến xe ngựa khác chở Bắc đến một nơi nào đấy; rồi một chiếc xe tải lại mang nó đi, cùng với một



đồng những hòm và gói, trên một chiếc tàu phà; từ chiếc tàu phà này, xe tải lại đưa nó tới một ga xe lửa lớn và cuối cùng, nó được đưa vào trong một toa tàu tốc hành.

Trong suốt hai ngày đêm, chiếc toa tàu được kéo theo sau đầu máy rít liên hồi. Và suốt hai ngày đêm ấy, Bắc không ăn không uống. Lòng chứa chất căm giận, Bắc đã đáp lại thái độ làm thân của những nhân viên hăng tốc hành bằng những tiếng gầm gừ, và họ đã trả đũa bằng cách treu tức nó. Khi nó lao mình ra then thùng gỗ, run lên và sùi bọt mép vì giận dữ, họ cười giễu và chế nhạo nó. Họ gầm gừ và sủa như những con chó đáng ghét, kêu meo meo, đập tay đen đét và gáy. Tất cả những cái đó đều rất dữ dằn; nó biết vậy; nhưng chính vì vậy mà nó thấy danh giá của nó càng bị xúc phạm, và nỗi căm giận càng mỗi lúc một tăng. Đói ăn không phải là điều nó quan tâm nhiều lắm, nhưng khát nước đã làm cho nó cực kỳ khổ sở và thổi bùng sự phẫn nộ của nó lên đến mức như phát sốt. Trong lúc nó đang căng thẳng cao độ và hết sức nhạy cảm, những đối xử xấu xa đã xô đẩy nó vào một cơn sốt, cơn sốt này càng tăng thêm vì họng bị viêm tấy và lưỡi khô khốc, sưng phồng.

Chỉ có một điều làm nó hài lòng: sợi dây thừng đã rời khỏi cổ nó. Sợi dây ấy đã tạo cho bọn người kia một lợi thế, nhưng không công bằng đối với nó. Song bây giờ, chẳng còn sợi dây ấy ở cổ, thì Bắc sẽ cho chúng biết tay. Chúng đừng bao giờ hòng đặt một sợi

dây nào khác vào cổ nó. Bắc quả quyết như vậy. Suốt hai ngày đêm nó không ăn không uống, và trong hai ngày đêm bị hành hạ ấy, nỗi căm giận chất chứa bên trong nó báo trước sự chẳng lành cho kẻ nào vô phúc chạm phải nó đầu tiên. Đôi mắt nó vằn lên đỏ ngầu. Nó đã hóa thành một con quỷ nộ khí xung thiên. Nó thay đổi đến nỗi dù bản thân ông Thẩm có gặp cũng sẽ không thể nhận ra được nó nữa. Và những nhân viên trên tàu thở phào nhẹ nhõm lúc họ tổng khứ được nó ra khỏi tàu hỏa tại thành phố Xítton.

Bốn người rất thận trọng bê chiếc thùng thừa từ chiếc xe ngựa vào trong một mảnh sân sau hẹp có tường cao vây kín. Một người chắc mập mặc chiếc áo nịt màu đỏ dẫn rộng ở cổ, bước ra và ký vào sổ của người đánh xe ngựa. Bắc đoán chắc tên này sẽ hành hạ mình tiếp, thế là nó lao mình ra sát thành gỗ một cách dữ tợn. Người kia mỉm cười nham hiểm, mang đến một chiếc rìu nhỏ và một cái dùi cui.

Người đánh xe hỏi:

- Ông không định thả nó bây giờ chứ?

- Sao lại không? - Người kia vừa trả lời, vừa bỏ chiếc rìu vào cái thùng để nạy ra.

Lập tức bốn người mang chó đến vội bỏ chạy tán loạn, rồi từ vị trí ngồi vắt vẻo trên đỉnh tường cao an toàn, họ chuẩn bị chứng kiến cảnh tượng sắp diễn ra.

Bắc xông tới cắn ngập răng vào thanh gỗ vỡ toác, nhay xé, vật lộn với thanh gỗ. Ở bên ngoài, rìu bổ

xuống đầu, thì ở bên trong Bắc sấn tới đó, gừ gào gầm rít. Người mặc áo đỏ chăm chú tháo cũi cho nó ra với thái độ điềm tĩnh bao nhiêu, thì nó lồng lộn chực xông ra với thái độ hung dữ bấy nhiêu.

Khi đã phá được một lỗ trống vừa người Bắc chui lọt, gã đàn ông lên tiếng:

- Nào! Cái con quỷ mắt đỏ kia! - Đồng thời gã vút chiếc riu đi và chuyển chiếc dùi cui sang tay phải.

Và Bắc quả đã trở thành một con quỷ mắt đỏ, với thân hình thu hết lại chuẩn bị nhảy vọt, lông dựng đứng, mép sủi bọt, đôi mắt ngầu đỏ ánh lên một ngọn lửa điên dại. Nhằm thẳng người kia, nó phóng toàn bộ một trăm bốn mươi pao nặng chứa chất sự giận dữ của nó, cộng thêm cả sức nặng của mỗi cạm giân bị đè nén trong suốt hai ngày đêm bị tù hãm.

Đang lao nửa chừng, đúng vào lúc hai hàm của nó sắp bập vào con người trước mặt, thì một đòn giáng đột ngột chặn đứng cả thân hình nó lại và đánh gập hai hàm răng của nó đập vào nhau đau đớn. Nó ngã lộn nhào, giáng lưng và sườn xuống đất. Trong đời nó, chưa bao giờ nó bị đánh bằng dùi cui, nên nó không hiểu ra sao cả. Với một tiếng giống tiếng rú hơn là tiếng sữa, nó lại bật dậy và lao vọt lên. Đòn chí mạng lại giáng tới và quật nó xuống đất. Lần này thì nó biết đó là chiếc dùi cui, nhưng điên lên rồi, nó chả còn biết thận trọng gì nữa. Hàng chục lần, nó lao lên tấn công, và cũng bấy nhiêu lần chiếc dùi cui bẻ gãy cuộc tấn công và đánh gục nó.

Sau một đòn đặc biệt ác liệt, Bắc bò lê ra, quá choáng váng, không vọt lên được nữa. Nó khập khiễng lảo đảo bước quanh, máu ứa ra cả mũi, cả mồm, và cả tai, bộ lông đẹp của nó lấm tẩm những đốm nước bọt đầm máu. Lúc này, người mặc áo đỏ bèn bước tới, cố tình quật cho nó một cú khủng khiếp vào mũi. Mọi đòn đau từ này đến giờ thật chẳng mùi mè gì so với cú đánh đau đớn đến thấu gan, thấu ruột này. Rống lên một tiếng hung tợn gần như tiếng gầm của sư tử, nó lại lao vào người kia. Nhưng gã chuyển chiếc dùi cui từ tay phải sang tay trái, bình tĩnh tóm lấy hàm dưới của Bắc, đồng thời vặn nó xuống phía dưới và ra đằng sau. Bắc vùng vẫy trên không, vạch thành một vòng tròn, lộn thêm nửa vòng nữa rồi đâm đầu và úc xuống đất.

Lần cuối cùng, Bắc lao tới. Gã đàn ông bèn giáng cho nó một đòn ác hiểm mà gã đã chủ tâm giữ lại cho đến lúc này chưa thi thố, và thế là Bắc gục hẳn, rơi xuống, hoàn toàn bất tỉnh.

- Ái dà! Trị nó như vậy phải nói là tuyệt! - Một người trên tường cao reo lên thích thú.

Tiếng gã đánh xe đáp:

- Tốt hơn hết là trị mấy con nghê, trị hàng ngày, chủ nhật trị hai lần. - Và gã trèo lên xe, ra roi thúc ngựa đi.

Bắc hồi tỉnh, nhưng sức lực của nó thì đã kiệt.

Nó vẫn nằm bẹp ở chỗ nó rơi xuống lúc này, theo dõi người mặc áo nịt đỏ.

- Tên nó là Bắc. - Người đàn ông nói một mình, nhắc lại mấy chữ trong bức thư của lão chủ quán đã viết cho gã báo trước về cái thùng đựng món hàng. - Nào! Bắc! Anh bạn! - Gã nói tiếp bằng một giọng thân mật vui vẻ. - Chúng ta đã có một cuộc ẩu đả nhỏ nhỏ với nhau, thôi đến đây tốt hơn hết là chúng ta cho qua, đừng để tâm nữa nhé! Chú mày đã hiểu được cương vị của chú mày, còn ta, thì ta biết cương vị của ta. Hãy trở thành một con chó ngoan, rồi tất cả mọi việc sẽ trôi chảy êm đẹp. Còn nếu chú mày mà bướng, thì ta sẽ quật cho sặc cơm ra. Nghe chưa?

Gã vừa nói vừa mạnh bạo lấy tay vỗ về trên cái đầu mà vừa rồi gã đã nện cho không thương tiếc, và mặc dù lông Bắc vô tình dựng ngược cả lên mỗi khi bàn tay ấy chạm vào nó, nó vẫn cam chịu sự vỗ về mà không phản ứng. Và khi gã mang nước đến, nó uống háo hức, rồi sau đó lại vô vấp ngón một bữa thịt sống thỏa thuê, hết súc này đến súc khác, ngay trong bàn tay gã bón cho nó.

Nó đã bị đánh gục - nó biết vậy, - nhưng không bị đánh đến tan xương. Nó vĩnh viễn nhận thấy là nó không hòng gì chống lại một con người có chiếc dùi cui trong tay. Nó đã học được một bài học mà sau này cho đến hết đời nó vẫn không hề quên. Chiếc dùi cui ấy là một sự phát hiện mới. Đó là vật đưa nó vào lãnh địa của luật lệ nguyên thủy, và nó nhớ rõ bài học đó.

Sự thật của cuộc đời đã mang một bộ mặt hung

tàn hơn trước. Và trong lúc nó đương đầu với bộ mặt ấy mà không khiếp sợ, thì ấy cũng là lúc nó đương đầu bằng tất cả cái khôn ranh tiềm tàng đã được khơi dậy từ trong bản chất nó. Ngày lại ngày trôi qua, có những con chó khác đã đến, con thì bị nhốt trong thùng thưng, con thì được dắt đến bằng sợi dây thừng buộc cổ. Một số con ngoan ngoãn, một số con thì điên giặc và gầm thét như Bắc lúc mới đến. Và Bắc đã quan sát được tất cả bọn chúng, không sót một con nào, kinh qua bàn tay chế ngự của người mặc áo nịt đỏ. Đã bao lần, mỗi khi nó nhìn thấy cảnh tượng tàn bạo diễn ra, thì bài học lại trở về với nó: một con người cầm dùi cui là một kẻ làm ra luật, một ông chủ phải được tuân lệnh, mặc dù không nhất thiết phải thần phục gã. Về điểm cuối cùng này, Bắc không bao giờ có lỗi. Mặc dù nó quả đã thấy có những con chó sau khi bị đánh vẫn lại xun xoe bên cạnh người ấy, rồi nào là vẫy đuôi mừng, nào là liếm tay gã. Và Bắc cũng đã thấy một con chó không chịu thần phục nhưng cũng không chịu tuân lệnh, cuối cùng bị giết trong cuộc tranh đấu để giành thế thắng.

Thỉnh thoảng lại có người đến, những người lạ, họ nói chuyện với người mặc áo nịt đỏ bằng cái giọng sôi nổi, hoặc tán tỉnh nhỏ to, bằng đủ thứ giọng. Và vào những lần như vậy, sau khi hai bên trao tiền cho nhau, thì những người lạ mặt lại mang đi một vài con chó. Bắc tự hỏi không biết những con chó ấy đi đâu, vì chúng không bao giờ trở lại cả;

nhưng bên trong Bắc canh cánh một nỗi lo sợ cho tương lai, do đó, mỗi lần không ai đá động gì đến nó thì nó lại mừng. Thế nhưng cuối cùng cũng đến lượt nó. Ấy là cái hôm xuất hiện một anh chàng bé nhỏ, nhẵn nhéo, nói bô bô một thứ tiếng Anh tồi với nhiều thán từ kỳ dị và mới lạ mà Bắc không thể hiểu nổi.

- *Sacredam*<sup>(1)</sup> - Anh chàng kêu to, hai mắt sáng lên khi phát hiện ra Bắc. - Thật là một con chó tuyệt vời! Ê! Bao nhiêu?

- Ba trăm. Coi như biểu không thôi đấy! - Tiếng người áo đỏ trả lời ngay tức thì. - Vì rằng đây cũng là tiền Nhà nước thôi, tớ chắc là cậu cũng chẳng phản đối gì, hả, Perôn?

Perôn toét miệng cười nhẵn nhừ. Cứ xét giá chó nói chung đã vọt lên đến tầng mây do nhu cầu tăng một cách ít có, thì số tiền này cũng không phải là quá sá đối với một con vật tuyệt như vậy. Chính phủ Canada chẳng thiệt gì, mà những công văn, thư từ của Chính phủ chuyển đi cũng chả bị chậm hơn tí nào. Perôn là người sành về chó nên khi nhìn thấy Bắc, anh biết là trong một ngàn con chó mới được một con như thế.

"Thậm chí một vạn con mới được một con như thế", anh thầm nhận xét trong óc.

Bắc nhìn thấy tiền trao qua đổi lại giữa hai người

---

<sup>(1)</sup> *Sacredem* (xacrêdem): Tiếng rửa, kết hợp tiếng Pháp *sacre* với tiếng Anh *damn*, đều có nghĩa là: *chết tiệt, quỷ tha ma bắt*.

và không ngạc nhiên chút nào khi nó cùng với Coli, một con chó cái hiền lành thuộc nòi Niuphaolân, bị người đàn ông bé nhỏ nhằn nheo dắt đi. Đó là lần cuối cùng nó nhìn thấy người mặc áo nịt đỏ, và khi nó cùng con Coli đứng trên boong tàu Nauôn dôi theo thành phố Xítton đang lùi dần, thì đó là lần cuối cùng nó ngắm nhìn vùng đất phương Nam ấm áp.

Perôn đưa Bắc và Coli xuống bên trong tàu và bàn giao chúng cho một anh chàng to lớn mặt đen tên là Phrăngxoa. Perôn là một người Canada gốc Pháp, da ngăm ngăm đen. Còn Phrăngxoa, thì lại là người Canada gốc Pháp lai thổ dân, và da còn đen hơn gấp bội. Đối với Bắc, họ thuộc một loại người mới lạ (loại người mà số phận đã định ra cho Bắc là còn phải gặp nhiều nữa). Bắc không thấy trong lòng mình nảy nở mối thiện cảm gì đối với họ, tuy nhiên nó dần dần đâm ra kính trọng họ thật sự. Nó nhanh chóng nhận thấy rằng Perôn và Phrăngxoa là những con người công minh, bình tĩnh và vô tư trong việc thi hành công lý, và quá thông thạo về tính cách của chó, nên chó không thể lừa bịp nổi?

Trên tàu Nauôn, Bắc và Coli đã kết bạn với hai con chó khác: một con to lớn, lông trắng như tuyết, gốc gác từ quần đảo Xpítxbơgân. Hắn được một thuyền trưởng đánh cá voi mang đi khỏi quần đảo đó, rồi sau hắn đi theo một đoàn nghiên cứu địa chất đến vùng Berân căn cỗi ở Canada.

Con chó này bề ngoài làm ra điều thân thiện theo



một kiểu xảo trá, mỉm cười trước mặt kẻ khác nhưng đồng thời lại trù tính một ngón chơi khăm lén lút nào đó. Ví dụ như ngay trong bữa ăn đầu tiên cùng với Bắc, hắn đã xoáy trộm một phần thức ăn của Bắc. Bắc vừa vọt sang để trị tội hắn, thì sợi dây buộc đầu chiếc roi của Phrăngxoa đã vút trong không khí bay đến trước quất vào tên kẻ cắp. Thế là Bắc không còn phải làm gì nữa ngoài việc thu hồi cái xương của nó, Phrăngxoa thế là công bằng, Bắc khẳng định vậy, và uy tín anh chàng người lại bắt đầu lên cao trong lòng quý trọng của Bắc.

Còn một con chó nữa thì không thêm làm thân với ai mà cũng không nhận sự làm thân của ai. Gã cũng không mưu toan đánh cắp gì của kẻ mới đến. Gã là một kẻ rầu rĩ ủ ê. Gã thẳng thừng tỏ cho Coli biết rằng tất cả mong muốn của gã là hãy để cho gã yên một mình, và hơn nữa, nếu cứ động vào gã thì rồi sẽ có chuyện phiền toái đấy? Đêvơ là tên gọi của gã. Gã ăn rồi ngủ, thẳng hoặc ngáp dài chẳng quan tâm gì sất, ngay cả lúc con tàu Nauôn vượt qua vịnh Nữ hoàng Sáclốt, hết lắc bên này lại đảo bên nọ chồm lên chúi xuống, rồi lại nhảy hất ngược cả dít lên, cứ y như đồ bị ma ám. Khi Bắc và Coli bị kích động mạnh, hoảng sợ đến gần như phát cuồng lên, thì gã ngheñh đầu có vẻ khó chịu, nhưng rồi gã lại tỏ thái độ khoan dung với chúng bằng một cái liếc nhìn thờ ơ, ngáp một cái, rồi lại vùi đầu nằm ngủ.

Ngày cũng như đêm, con tàu rợn rùng nhịp đập

không hề mệt mỏi của chiếc chân vịt, và mặc dù ngày nào cũng giống hết như ngày nào, Bắc nhận thấy rõ ràng là tiết trời cứ càng ngày càng rét thêm lên mãi. Cuối cùng một buổi sáng, tiếng chân vịt ngừng bật, và tàu Nauôn đã tràn ngập một không khí nhộn nhạo. Nó cảm thấy điều đó, lũ chó kia cũng cảm thấy như vậy và chúng biết rằng sắp có một thay đổi gì đây. Phrăngxoa lấy dây buộc mấy con chó lại, rồi dắt chúng lên boong. Vừa đặt chân lên trên mặt boong giá lạnh, chân Bắc sục ngay vào một chất trắng nõn sền sệt như bùn. Nó vội nhảy lùi lại, khịt lên một tiếng. Thêm nhiều vụn của chất trắng ấy đang lả tả rơi từ trên không xuống. Nó lắc mình để giữ, nhưng lại có nhiều vụn khác rơi xuống mình, nó tò mò hít cái của lạ ấy, rồi tộp một mảnh lên lưỡi. Cái chất ấy ran rất như lửa đốt, nhưng mất ngay. Điều đó làm cho nó bối rối, không hiểu được. Nó thử lại một lần nữa, kết quả như cũ. Những người đứng nhìn cười âm lên, và nó cảm thấy xấu hổ, không hiểu sao cả bởi vì đó là bông tuyết đầu tiên xuất hiện trong cuộc đời của nó.

## II

### LUẬT CỦA DÙI CUI VÀ RĂNG NANH

Ngày đầu tiên của Bắc trên bờ sông Đaie giống như một cơn ác mộng. Nó sừng sốt, kinh ngạc từng giờ. Bắc đột ngột bị hất mạnh ra khỏi trung tâm của

cõi vắng mình và bị tống vào trung tâm của những vật nguyên thủy. Ở đây không có cuộc sống nhân nhả tẩm ánh nắng mơn man, không có gì để làm ngoài việc đi tha thân và buồn chán. Ở đây không có yên tĩnh, không có nghỉ ngơi, cũng không có một phút nào an toàn. Tất cả đều là rối loạn và chiến đấu, và bất kỳ lúc nào tính mạng cũng bị đe dọa. Thường xuyên cảnh giác là một nhu cầu bắt buộc, bởi vì chó và người ở đây không phải là chó và người của thị thành. Tất cả bọn chúng đều man rợ, chúng không tuân theo một luật lệ gì ngoài luật của dùi cui và răng nanh.

Bắc chưa bao giờ thấy chó đánh nhau theo cái kiểu những thứ sinh vật như sói lang này đánh nhau, và kinh nghiệm đầu tiên của nó đã cho nó một bài học không bao giờ quên được. Nói cho đúng ra, đây là một kinh nghiệm mà nó rút ra thay cho kẻ khác, chứ nếu không phải như vậy thì nó đã chẳng còn tồn tại để mà vận dụng kinh nghiệm ấy cho bản thân nó sau này. Coli chính là nạn nhân của sự việc đã xảy ra. Đoàn người và chó đóng trại gần kho chứa gỗ. Tại kho này, cô nàng Coli theo thói quen thân thiện của mình sấn lại đánh bạn với một con chó Étkimô to bằng một con sói trưởng thành, mặc dù không bằng một nửa vóc dáng của Coli. Không có một dấu hiệu báo trước nào cả, chỉ có một bước nhảy vào nhanh như chớp, một tiếng răng đập vào nhau chói như tiếng kim loại, mỗi một bước nhảy ra cũng nhanh

như chớp, và thế là mặt Coli bị rách toạc ra từ mắt đến hàm.

Ấy cái kiểu đánh nhau của chó sói là như vậy, đá một cái rồi vọt ra ngoài; nhưng không phải chỉ có như vậy, mà còn nữa. Khoảng ba chục đến bốn chục con chó Étkimô khác chạy đến, bao vây lấy hai con vật đang đánh nhau, hình thành một vòng tròn chăm chú im lặng. Bắc không sao hiểu được sự chăm chú im lặng ấy, và cũng không thể hiểu nổi cái lối chúng đang liếm mép một cách hau háu như thế kia. Coli lao vào đối thủ. Con vật này dớp một cái rồi vọt ra một bên. Đến khi Coli lao vào lần nữa thì hấn giơ ức ra chặn một cách đặc biệt làm cho Coli ngã nhào chống cả bốn vó lên. Coli không còn bao giờ đứng dậy được nữa. Vì chính đó là điều mà bây sức vật đứng nhìn kia đã chờ đợi. Chúng lập tức ủa vào vồ nghiêng lấy Coli gừ, gào và gặm rít, và Coli bị vùi dập, thét lên đau đớn trong cơn hấp hối dưới đồng thân hình chen chúc lớn nhỏ.

Sự việc xảy ra đột ngột quá, bất ngờ quá, làm cho Bắc sững sốt. Bắc nhìn thấy Xpít thè cái lưỡi đỏ tươi ra cười theo cái kiểu của hấn. Và Bắc thấy Phrăngxoá, tay vung một cái rìu, nhảy bổ vào bầy chó hỗn loạn. Ba người khác cầm dùi cui xông đến giúp anh đánh đuổi chúng. Họ không phải mất nhiều thì giờ. Chỉ trong vòng hai phút từ khi Coli ngã xuống, những con cuối cùng trong bầy hung đồ xấu xí Coli đã bị dùi cui đánh xua đi hết. Nhưng Coli nằm đó, mềm

nhũn và tắt thở, gần như bị xé hằn ra từng mảnh, trong đám tuyết nát nhừ và vấy máu. Anh chàng người lai da ngăm đen đứng sát bên xác nó, đang nguyên rửa khủng khiếp. Quang cảnh đó đã thường lớn vồn trở lại trong trí Bắc, làm cho nó không yên trong giấc ngủ. À thì ra cái lối như vậy đấy. Lối chơi không quân tử. Một khi anh ngã xuống, thế là anh hết đời. Được rồi, nó sẽ cố gắng giữ cho mình không bao giờ ngã xuống. Kia Xpít lại thè lưỡi ra mà cười. Kể từ lúc ấy, Bắc mãi mãi ghét cay ghét đắng Xpít.

Bắc chưa kịp trấn tĩnh sau cơn bàng hoàng vì cái chết thê thảm của Coli, thì một điều khác lại làm cho nó sững sốt, Phrăngxoa buộc vào mình nó một mớ bộ xâu những đai da và khóa gài bằng sắt. Đó là một bộ đai cương, giống như cái thứ mà Bắc đã nhìn thấy các chú bồi ngựa đặt lên lưng ngựa hồi Bắc còn ở nhà. Và hồi ấy Bắc đã nhìn thấy lũ ngựa làm việc gì, thì nay Bắc cũng lại bị bắt làm việc ấy; nó phải kéo một chiếc xe trượt tuyết có Phrăngxoa ngồi trên, đi đến một khu rừng sát mép thung lũng, rồi trở về với chiếc xe chất đầy củi. Mặc dù danh giá của Bắc bị tổn thương đau xót khi bị biến thành một con vật kéo xe như vậy, nhưng Bắc đủ khôn ngoan để tự kiềm chế, không chống đối lại. Nó xác định quyết tâm làm công việc, và đã làm hết sức mình, mặc dù tất cả đều mới mẻ và lạ lẫm.

Phrăngxoa là con người nghiêm khắc, đòi hỏi sự tuân lệnh ngay lập tức, và nhờ có chiếc roi da nên

mệnh lệnh được tuân theo ngay lập tức. Trong khi đó thì Đêvơ, con chó ở vị trí kéo sát xe đã có kinh nghiệm trong vai trò này, lại dõp vào hông của Bắc mỗi khi Bắc phạm sai lầm.

Về phần Xpít, con chó ở vị trí dẫn đầu, cũng có kinh nghiệm trong nghề, nhưng vì hắn không phải lúc nào cũng chạm được tới Bắc, nên thỉnh thoảng hắn lại gừ lên những tiếng gay gắt để quở trách Bắc, hoặc láu cá đâm bổ dồn cả trọng lượng của hắn vào các dây kéo để hất Bắc trở lại đúng vào hướng mà Bắc phải đi. Bắc đã học tập được một cách dễ dàng, và dưới sự phối hợp dạy nghề của hai con chó kia cùng với Phrăngxoá Bắc đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Trước khi trở về đến trại, nó đã nắm được những điều cần thiết, đủ để biết dừng lại khi nghe tiếng "họ", biết đi tới khi nghe tiếng "mọt-s", biết ngoặt rộng ở những khuỷu đường vòng, và biết tránh khỏi chạm phải con chó ở vị trí sát ngay trước xe mỗi khi chiếc xe trượt chở nặng đổ dốc lao xuống sát gót chúng.

- Ba con chó rất giỏi, - Phrăngxoá bảo Perôn. - Còn con Bắc kia, nó kéo chết thôi. Nó tiếp thu những điều mới mẻ rất nhanh.

Buổi chiều hôm đó, Perôn trở về với hai con chó nữa vì anh đang cần gấp rút lên đường với đóng công văn thư từ của anh. Anh gọi chúng là "Bili" và "Jô". Chúng là hai anh em ruột, và cả hai đều là nòi chó Étkimô chính cống. Tuy là cùng một mẹ, nhưng chúng khác nhau như đêm với ngày. Một điều đáng

chê trách ở Bili là cái nết quá đổi nhu nhược, còn Jô thì hoàn toàn trái ngược, hay cáu bẳn và hẹp hòi thường xuyên găm giữ và có cái nhìn ác ý. Bắc tiếp đón chúng bằng thái độ bạn bè, Đêvơ thì phớt lờ chúng, còn Xpít thì xông vào hoành hoạ hết tên này đến tên kia. Bili vẫy đuôi cầu hòa, quay mình để chạy khi thấy là cầu hòa không ăn thua, và kêu lên (cũng kêu lên với giọng cầu hòa) khi hàm răng sắc nhọn của Xpít rạch vào sườn nó. Nhưng còn Jô thì bất chấp Xpít lượn quanh như thế nào, nó trụ hai chân sau rồi thoăn thoắt quay vòng để đối đầu với Xpít, bồm cồ dựng đứng lên, tai kéo xéch ra đằng sau, mép giãn giật nhảu nhở và găm rít, hai hàm răng liên hồi vập vào nhau đến mức nhanh nhất, và mắt loé lên một ánh hiểm ác - biểu thị sẵn sàng chấp nhận cuộc giao tranh. Trông diện mạo của nó đến phát khiếp làm cho Xpít buộc phải thôi không còn dám ghép nó vào khuôn vào phép gì nữa. Nhưng để gỡ lại thể diện, Xpít lại quay sang Bili lành như đất và hay kêu van kia và rượt đuổi Bili đến tận cùng khu trại.

Đến tối hôm ấy, Perôn kiếm được thêm một con chó nữa, một lão chó Étkimô già, mình dài, gầy guộc, có vẻ dữ tợn, với bộ mặt có những vết sẹo chinh chiến, và chỉ còn một con mắt độc nhất trong đó rục lên dấu hiệu của sự can đảm, khiến kẻ khác phải kính nể. Người ta gọi lão là "Xônléch", có nghĩa là "Kẻ tức giận".

Cũng giống như Đêvơ, lão không đòi hỏi ai cái gì cả, không cho ai cái gì cả, không trông mong vào cái gì

cả. Và khi lão bước chậm rãi, khoan thai đi vào chính giữa đàn chó kia, thì ngay cả Xpít cũng để cho lão yên, không dây vào lão. Lão có một tính đặc biệt, thật không may mà Bắc đã phát hiện ra: lão không thích kẻ nào sấn gần đến bên mắt mù của lão. Bắc đã phạm phải điều này một cách vô tình và Bắc bắt đầu nhận thức được sự vô ý của mình là lúc Xônleóch lao bổ vào nó và dữ dội cắn vào vai nó rạch thành nhiều vết sâu đến tận xương và dài có đến ba inso<sup>(1)</sup>. Thế là mãi mãi về sau Bắc kiêng không đi qua bên mắt mù của lão nữa. Quan hệ giữa Bắc với lão từ đây không còn điều gì rắc rối. Mong muốn hiển nhiên của Xônleóch cũng giống như của Đêvơ, chỉ là được để yên một mình, đừng ai động đến, mặc dù, như sau này Bắc đã thấy, mỗi gã đều còn có một ham muốn khác, một ham muốn mang tính chất còn sinh tử hơn nhiều.

Đêm ấy Bắc đi ngủ một cách vô cùng vất vả. Chiếc lều, có ngọn nến chiếu sáng, rục lên ầm cụng giữa cánh đồng trắng toát. Bắc bước vào đó, ấy là điều dĩ nhiên thôi. Thế nhưng khi nó bước vào, cả Perôn lẫn Phrăngxoa đều tới tấp tấn công nó bằng những dụng cụ nấu ăn và những lời chửi rủa, mãi cho đến khi nó trấn tĩnh lại được sau cơn sững sờ kinh ngạc và bỏ chạy nhục nhã trở ra ngoài trời giá lạnh. Một cơn giá rét thổi qua, làm nó tê buốt và chọc một thứ nọc độc nhức nhối vào vết thương trên vai.

---

<sup>(1)</sup> Inso (hish) = 2,54cm.



Nó nằm dài trên tuyết và cố làm sao để ngủ, nhưng chẳng mấy chốc sương giá đã đánh bật nó đứng dậy run lẩy bẩy. Khốn khổ và thất vọng, nó lang thang đi quanh quẩn giữa những chiếc lều, nhưng chỉ thấy chỗ nào cũng rét cả. Rải rác đây đó, một vài con chó hoang xông đến lao vào nó, nhưng nó đứng đứng bồm cổ lên và găm rít (ấy là nó học kinh nghiệm cũng khá nhanh) và thế là chúng để cho nó tiếp tục đi qua yên ổn.

Cuối cùng, nó nảy ra một ý. Nó sẽ trở lui và xem thử các bạn trong đàn nó xử sự như thế nào? Lạ lùng thay chúng nó biến đi đâu mất cả. Nó lại lang thang quanh quẩn qua giữa khu lều trại thênh thang để đi tìm bọn chúng, nhưng rồi nó lại trở về không. Hay là chúng nó ở trong lều? Không, không thể như vậy được, vì nếu chúng ở trong lều thì chúng nó có thể ở đâu? Đuôi cụp xuống, toàn thân run lẩy bẩy, quả là rất đau khổ tuyệt vọng, nó tha thân bước vòng quanh chiếc lều. Bỗng nhiên tuyết tụt xuống dưới hai chân trước của nó, làm nó sụt chân xuống. Có một cái gì đó quẩn quại dưới bàn chân Bắc. Nó vội nhảy lui, lông dựng ngược cả lên và găm giữ, kinh sợ trước vật không nhìn thấy và không nhận ra được đó. Nhưng một tiếng ư ử nhỏ thân thiện cất lên, làm nó vững dạ, nên nó lại bước tới xem xét. Một luồng hơi ấm tỏa nhẹ bốc lên mũi nó. Và ở đây Bili đang nằm cuộn lại dưới tuyết thành một cục tròn, kín gió ấm áp. Bili kêu lí nhí bằng cái giọng xoa dịu, vắn vẹo mình mấy

để bày tỏ thiện chí của nó, và lại còn dám đánh bạo, như là một hành động dứt lốt để cầu hòa, liếm mặt Bắc bằng cái lưỡi ướt ươn ướt ấm áp của nó.

Lại một bài học nữa? À thì ra chúng làm cái kiểu như thế này đây! Với một niềm tự tin, Bắc chọn một chỗ, rồi, rất rồi rít và lãng phí sức, Bắc tiến hành đào cho mình một cái lỗ. Và thế là trong nháy mắt, hơi ấm của thân thể Bắc tỏa đầy trong hố kia, và nó ngủ thiếp đi. Ngày hôm ấy thật là quá dài và gay go gian khổ, nên nó ngủ rất ngon và khoan khoái, mặc dù thỉnh thoảng nó lại găm gừ, sủa và giật mình vì nằm mơ thấy những điều dữ dội.

Mãi cho đến khi những tiếng ồn ào của khu trại đang thức dậy khuấy động làm Bắc tỉnh giấc thì nó mới mở mắt. Thoạt đầu nó không biết là đang ở đâu. Cả đêm tuyết đã rơi và đã lấp kín nó. Những bức tường tuyết ép vào nó khắp bốn chung quanh, khiến trong lòng nó đột nhiên rộ lên một nỗi hoang sợ ghê gớm - nỗi thẳng thốt của con thú hoang dã sợ mắc vào bẫy. Đây là một dấu hiệu chứng tỏ Bắc kéo cuộc đời của nó lui trở về với cuộc đời của tổ tiên nó, bởi vì Bắc là một con chó đã trở thành văn minh, một con chó quá đổi văn minh, vậy nếu chỉ qua kinh nghiệm của bản thân nó thôi thì làm sao biết được cái bẫy là gì, và do đó từ nhận thức của bản thân nó thì không thể nào lại sợ bẫy. Các bắp thịt trong toàn thân nó co giật từng hồi theo linh tính, lông trên cổ và vai nó dựng ngược cả lên, và với một tiếng gầm hung tợn,

nó bật nhảy vọt thẳng đứng lên ra giữa ánh ban ngày chói lòa, tuyết bay tung ra xung quanh nó thành một đám bụi ngời sáng. Trước khi bốn chân chạm đất, nó đã kịp nhìn thấy khu trại trắng toát trải ra trước mắt và hiểu ngay là nó đang ở đâu, và nó nhớ lại tất cả, từ cái buổi nó đi dạo chơi cùng Menuon cho đến cái hố nó tự đào cho mình đêm qua.

Một tiếng reo của Phrăngxoà chào đón sự xuất hiện của nó. Anh chàng đánh xe chó kêu to gọi Perôn:

- Này tớ bảo! Cái con Bắc học gì cũng cực kỳ nhanh. - Perôn trang trọng gật đầu. Là một nhân viên giao liên cho chính phủ Canada, mang chuyển những công văn giấy tờ quan trọng, anh ta lo tìm cho được những con chó tốt nhất, và anh đặc biệt hài lòng khi kiếm được Bắc.

Trong vòng một tiếng, đàn chó được tăng cường thêm ba con chó Êtkimô nữa, vị chỉ tổng số là chín con, và nhanh chóng, tất cả bọn chúng đều đã nai nịt đai cương và ngoặt lên con đường đi về phía hẻm núi sông Daiê. Bắc hài lòng khi được lên đường, và mặc dù công việc gay go nặng nhọc, nó nhận thấy rằng nó cũng không đặc biệt khinh ghét gì loại công việc như thế này. Bắc rất ngạc nhiên khi thấy bùng lên một không khí hăm hở háo hức trong cả đàn chó, và sự hăm hở ấy cũng đã lây sang cả nó. Nhưng có một điều còn đáng ngạc nhiên hơn, đó là sự thay đổi ở hai con Đêvơ và Xônlếch. Chúng đã trở thành những con chó khác hẳn, hoàn toàn biến đổi sau khi thắng bộ

đại cương. Tất cả những gì là thụ động và hờ hững không còn thấy ở chúng. Chúng nhanh nhẩu và linh lợi hẳn lên, lo lắng cho công việc được chu toàn, và dễ nổi cáu một cách dữ tợn với bất kỳ cái gì trở ngại hoặc rối rắm làm chậm trễ công việc ấy. Lao động cực nhọc trong vòng dây kéo hình như là ý nghĩa tuyệt đỉnh của sự tồn tại của chúng, là tất cả lẽ sống của chúng, và là điều duy nhất mà chúng ham mê.

Đêvơ là con chó ở vị trí kéo sát xe. Kéo đằng trước nó là Bắc rồi đến Xônlếch. Số còn lại buộc tiếp thành xâu dài, một hàng dọc, thẳng về phía trước cho đến con chó đầu đàn, và Xpít là con chó chiếm vị trí đầu đàn ấy.

Bắc đã được đặt một cách có chủ ý vào giữa Đêvơ và Xônlếch, để hai gã này kèm cặp cho nó. Nó là cậu học trò có năng khiếu, thì chúng cũng là những ông thầy giỏi, không bao giờ cho phép nó nhùng nhằng lâu trong một cái lỗi nào đó, và bằng đôi hàm răng sắc nhọn, chúng đã buộc nó phải tuân theo sự dạy bảo của chúng, Đêvơ công bằng và rất thông thạo. Gã chả bao giờ trị Bắc một cách vô cớ, nhưng gã cũng không bao giờ bỏ qua mà không trị Bắc khi cần thiết. Và vì có cái roi của Phrăngxoạ ủng hộ Đêvơ, nên Bắc thấy là thà chịu sửa mình đi thì còn lợi hơn là trả đũa lại. Có lần sau một phút tạm dừng, Bắc làm rối dây kéo và gây nên chậm trễ không đi ngay được, thế là cả Đêvơ và Xônlếch xông vào nó và đã cho nó một trận ra trò. Kết cục là lại càng làm rối tung cả lên.

Nhưng sau đó Bắc hết sức cẩn thận tránh không vướng vào dây kéo nữa; và trước khi ngày lao động kết thúc, Bắc đã trở nên thành thạo đến mức các bạn nghề của nó thôi không còn rầy la nó nữa. Chiếc roi da của Phrăngxoa quất xuống ít hơn, và thậm chí Bắc còn vinh dự được Perôn nâng các bàn chân lên xem xét cẩn thận.

Ngày hôm ấy là một ngày chạy cật lực, trèo qua hẻm núi, xuyên những thị trấn nhỏ Síp và Xkên, vượt quá bìa rừng cuối cùng, qua những sông băng và những khối tuyết gió dồn dày hàng trăm bộ<sup>(1)</sup>, rồi leo lên ngọn đèo Chincút sừng sững, vạch phân thủy chắn ngang giữa vùng nước biển và vùng nước ngọt và đứng như một vị hung thần trợn trừng hăm dọa, canh giữ miền đất phương Bắc buồn tẻ và hiu quạnh. Chiếc xe chạy khá nhanh xuống dọc dãy hồ lấp kín những miệng núi lửa đã tắt, và khuya hôm ấy, đoàn người và chó kéo vào một khu trại khổng lồ ở đầu hồ Bennét, tại đấy có hàng ngàn người đi tìm vàng đang đóng thuyền để dự phòng băng tan trong mùa xuân. Bắc đào một lỗ trong tuyết và thiếp đi trong giấc ngủ của kẻ trải qua một cuộc thi đấu kiệt sức, nhưng từ quá sớm đã bị lôi cổ ra trong bóng đêm lạnh buốt và bị thả vào chiếc xe trượt tuyết cùng lũ bạn của nó.

Hôm ấy chúng chạy bốn mươi dặm, vì vệt đường đã có sẵn, băng tuyết đã được nện chặt. Nhưng ngày

<sup>(1)</sup> Bộ (foot) bằng 0,304m.

hôm sau, và nhiều ngày tiếp sau nữa, đoàn người và chó phải tự mở đường đi, nên làm việc mệt nhọc hơn mà lại đi chậm hơn. Theo lệ thường, Perôn dẫn đầu trước đoàn chó, dùng liếp đi tuyết<sup>(1)</sup> nện chặt tuyết lại để cho chó kéo xe dễ dàng hơn. Phrăngxoá ở vị trí điều khiển chiếc cần lái xe, thỉnh thoảng đổi chỗ cho Perôn, nhưng không thường xuyên. Perôn đang rất vội và anh lại tự hào là người thông thạo nghề băng tuyết, sự thông thạo ấy không thể thiếu được lúc này bởi vì lớp băng mùa thu rất mỏng, và ở nơi nào nước bên dưới chảy xiết thì nơi đó không đóng một tí băng nào.

Ngày lại ngày qua những ngày nối nhau bất tận, Bắc lao động nhọc nhằn trong vòng đai cương. Hôm nào cũng vậy, trời còn tối mờ mà đã nhổ trại, và khi tia sáng nhợt nhạt đầu tiên của buổi bình minh vừa hé ra thì đã thấy chúng đang rong ruổi trên con đường mòn, trút lại sau thêm những dặm đường mới. Và hôm nào cũng vậy, sau khi trời đã tối sập xuống mới dừng lại đóng trại, lũ chó ăn phần cá ít ỏi của mình rồi bò lê ra ngủ trong tuyết, Bắc đói cào cào ruột. Phần thức ăn của nó mỗi ngày, một suất cá hồi khô nặng một pao rưỡi, thật chả thấm vào đâu. Nó không bao giờ ăn đủ, thường xuyên bị cơn đói dần vật. Ấy thế mà các con chó kia; vì không nặng cân

---

<sup>(1)</sup> Liếp đi tuyết (snow-shoes): liếp hình giống cái vệt, khung bằng gỗ đan dây da, đeo vào để giầy dễ đi trên tuyết khỏi bị sụt xuống.

bằng nó và sinh ra chính là để sống cuộc sống này, nên tuy chỉ được một khẩu phần cá nặng một pao thôi, nhưng vẫn giữ được trạng thái bình thường.

Bắc nhanh chóng mất đi cái tính kén cá chọn canh vốn là đặc tính sinh hoạt của nó trước kia. Cu cậu khảnh ăn nên lư bạn của nó ăn xong trước, lại xông đến cướp luôn cả phần của nó đang ăn dở. Nó cũng không chống giữ được. Trong khi cu cậu đánh đuổi đi hai ba tên, thì phần thức ăn của nó lại lọt vào họng những tên khác. Để khắc phục, nó cố ăn nhanh bằng chúng. Rồi thì, vì cơn đói bức bách quá thể, nó đành hạ mình đi làm cái việc cuôm lấy những thứ không phải của nó. Nó đã để ý theo dõi và học tập. Một hôm nó nhìn thấy Paicơ, một trong những con chó mới nhập đàn - một tên láu cá thường giả ốm để trốn việc và là một tên kẻ cắp tinh quái - khôn khéo thó được một lát thịt lợn muối lúc Perôn vừa quay lưng đi. Thế là ngày hôm sau, Bắc diễn lại tiết mục ấy y hệt, mà lại tha đi cả khúc thịt. Tiếng la ó ầm lên, nhưng chả ai nghi ngờ Bắc, trong khi Đốp, một con chó ngờ nghệch vụng về và luôn bị bắt gặp ở nơi có chuyện, lại bị trừng trị về cái tội mà Bắc đã phạm.

Vụ ăn cắp đầu tiên này là dấu hiệu chứng tỏ Bắc đã thích ứng được để tồn tại trong cái môi trường khắc nghiệt của vùng đất phương Bắc này. Sự việc đó biểu hiện khả năng thích nghi của Bắc, có thể tự điều chỉnh cho hợp với những hoàn cảnh biến đổi: thiếu khả năng ấy sẽ có nghĩa là rơi vào cái chết nhanh

chóng và khủng khiếp. Sự việc đó lại còn biểu hiện sự suy sụp, tan nát của bản chất có đạo đức của nó, một thứ phù phiếm rỗng tuếch và một điều bất lợi trong cuộc đấu tranh sinh tồn tàn nhẫn này. Ở vùng đất phương Nam, dưới luật lệ của tình yêu và tình bạn, việc tôn trọng của cá nhân và cảm xúc riêng tư của kẻ khác là đúng. Nhưng ở cái vùng đất phương Bắc này, dưới luật lệ dúi cui và răng nanh, thì kẻ nào lưu tâm đến những điều đó là kẻ khờ dại, và nếu như Bắc cứ tuân thủ những điều đó thì chắc chắn Bắc đã không thể thành công.

Cũng chả phải Bắc đã suy luận ra được rành rọt như vậy. Nó đã thích ứng được, có thể thôi. Nó đã làm cho nó thích nghi được với lối sống mới, một cách không tự giác. Trong cả cuộc đời của nó trước kia, nó chưa hề chạy trốn khỏi một cuộc chiến đấu, dù nó ở vào thế bất lợi như thế nào đi nữa. Nhưng chiếc dúi cui của người mặc áo nịt đỏ đã nện ngấm vào trong đầu nó một thứ đạo lý cơ bản hơn và nguyên thủy hơn. Lúc còn là một con vật văn minh, nó đã có thể sẵn sàng chết vì nghĩa, ví dụ như để bảo vệ cho ngọn roi điều khiển của ngài thẩm phán Milor chẳng hạn. Thế nhưng bây giờ thì Bắc đã bị phi văn minh hóa trọn vẹn rồi, bởi vì rõ ràng là bây giờ nó có khả năng chạy trốn khỏi việc bảo vệ cho một đòi hỏi về đạo đức, cốt để cứu lấy sinh mạng của mình cái đã. Nó ăn cắp không phải vì thích thú gì thói ăn cắp, mà là vì cái dạ dày của nó kêu gào. Nó không đánh



cướp một cách lộ liễu, mà xoáy trộm một cách bí mật và ranh mãnh, vì nó lưu tâm đến cái đuôi cui và răng nanh. Nói tóm lại, những điều đó, nó đã làm là bởi vì làm thì lại dễ hơn là không làm.

Sự phát triển của nó (hay có thể nói là sự "thoái hóa" của nó) diễn biến thật nhanh chóng. Những bắp thịt của nó trở nên cứng như sắt, và nó thành ra chai sạn đối với mọi nỗi đau thông thường. Nó đã tận dụng được tối đa mọi thứ, cả ở bên ngoài nó lẫn bên trong nó. Nó có thể ăn bất kỳ cái gì dù cái đó gồm gì hoặc khó tiêu đến đâu đi nữa. Và sau khi đã nuốt xuống, những dịch vị trong dạ dày nó chiết xuất ra cho đến kiệt tí chất dinh dưỡng nhỏ nhất cuối cùng, máu của nó mang chất dinh dưỡng ấy đến tận nơi xa nhất trong cơ thể nó, cấu tạo thành những mô cứng rắn nhất, bền dai nhất. Thị lực và tài đánh hơi của nó trở nên sắc sảo phi thường, và tai nó trở nên thính đến nỗi trong khi ngủ nó vẫn nghe được những tiếng động nhỏ nhất và biết là tiếng động ấy báo điềm lành hay dữ. Nó đã học được cách cắn vỡ lớp băng giá đóng chặt giữa các ngón chân. Và khi nó khát, mà trên hồ nước có một vầng băng dày che kín, nó biết chồm thẳng mình, lên gân cứng đơ hai chân trước mà đập cho vỡ mặt băng ra. Điều rõ nét nhất ở nó lúc này là cái tài đánh hơi triệu chứng gió, và dự kiến được ngọn gió trước một đêm. Dù trời lặng gió đến mấy đi nữa, khi nó đào ổ nằm cạnh gốc cây hoặc bên bờ đất, thì đến khi cơn gió nổi lên, chắc chắn là

chỗ ngủ của nó đã nằm đúng ở phía dưới gió, được che kín và ấm áp.

Nhưng không phải nó chỉ hiểu biết qua kinh nghiệm mà những bản năng tất lịm từ lâu đời nay lại trời dậy. Những thế hệ thuần hóa rơi rụng ra khỏi nó. Một cách mơ hồ, nó nhớ lại tận buổi sơ khai của nòi giống, nhớ lại tự cái thời những con chó hoang ào ạt từng bầy chạy lung mỗi khắp những khu rừng nguyên thủy và giết chết con thịt mà chúng đuổi đến cùng đường. Bức không phải khổ công học đánh nhau với những miếng đòn cắn bập, cắn toạc, và cái tát nhanh như chớp của chó sói. Những tổ tiên đã bị lãng quên của nó xưa kia vốn đã đánh nhau theo cách ấy. Những tổ tiên hoang dã ấy đã nhen nhóm lại bên trong nó cuộc sống cổ xưa, và những mảnh khóe xưa kia của chúng đã thành dấu ấn sâu. In sâu vào huyết thống di truyền của nòi giống thì nay cũng chính là những mảnh khóe của bản thân nó. Những cái đó đã đến với nó tự nhiên, nó chẳng phải nhọc công gắng sức học tập hoặc khám phá ra, dường như luôn luôn đã là của nó tự những bao giờ. Và mỗi khi, trong bóng đêm lạnh lẽo nín lặng, nó ghéch mõm lên một vì sao mà hú dài như chó sói, thì ấy chính là tổ tiên nó, những nắm bụi tàn trong cõi chết, đã ghéch mõm lên các vì sao mà hú về qua bao nhiêu thế kỷ và qua bản thân nó. Nhịp điệu trong tiếng hú của nó cũng chính là nhịp điệu trong tiếng hú của chúng, những nhịp điệu diễn tả nỗi niềm thống khổ

của chúng và điều mà đối với chúng là ý nghĩa của tinh mịch, lạnh lẽo và bóng tối âm thầm.

Vậy là như một dấu hiệu biểu hiện sự sống của một vật bị chi phối, tiếng hát tự ngàn xưa đã trỗi dậy qua bản thân Bắc, và nó đã trở lại với chính nó về bản chất; mà nó trở lại như vậy là bởi vì con người đã tìm thấy một thứ kim loại màu vàng ở phương Bắc, và bởi vì Menuon là một gã phu vườn mà đồng lương không thể bao nổi nhu cầu của vợ cùng mọi món chi tiêu vật vãnh của bản thân gã.

### III

## CON THÚ NGUYÊN THỦY THỐNG SOÁI

Tính chất con thú nguyên thủy muốn chiếm địa vị thống soái đã trỗi dậy mạnh mẽ bên trong Bắc, và dưới những điều kiện ác liệt của cuộc sống trên con đường mòn vùng băng tuyết, tính chất ấy càng phát triển, phát triển lên mãi. Tuy nhiên, đó là một sự phát triển thầm kín. Sự khôn ranh mới nảy sinh ở Bắc đã tạo cho nó tính đĩnh đạc và tự chủ. Nó quá bận vào việc tự điều chỉnh mình cho phù hợp với cuộc sống mới, nên không cảm thấy tự buông thả thoải mái được, và không những nó không gây chuyện đánh nhau, mà nó còn cố tránh xung đột khi nào có thể tránh được. Đặc điểm trong tư thế của nó bây giờ

là một thứ tác phong thận trọng; có tính toán. Nó không dễ sa vào sự liều lĩnh và hành động hấp tấp thiếu suy nghĩ. Và trong mối căm ghét cay độc giữa nó và Xpít, nó không để lộ ra một tí nóng vội nào, lảng tránh mọi hành vi gây gổ.

Còn về phía Xpít, thì có thể là vì Xpít không đoán thấy ở Bắc một địch thủ nguy hiểm, nên hấn không bỏ lỡ một cơ hội nào mà không nhe nanh ra với Bắc. Thậm chí hấn còn trêu chọc Bắc một cách vô cớ, luôn cố tìm cách làm nổ ra một cuộc đánh nhau mà kết thúc phải là cái chết của tên này hoặc của tên kia.

Ngay trong những ngày đầu của chuyến đi, đáng ra điều đó đã có thể gây ra, nếu như không có một sự tình cờ đặc biệt làm cho vụ xung đột bị chặn đứng lại.

Buổi tối hôm đó, đoàn người và chó dừng lại nghỉ đêm ở một chỗ trống trải và tiêu tụy bên bờ hồ Lơ Bággiơ. Tuyết cuộn cuộn xô tới, gió rét cắt da cắt thịt như những lưỡi dao nung trắng, và bóng đêm mù mịt, tất cả những thứ đó buộc hai người phải dò dẫm tìm ngay một nơi cắm trại. Khó có ai lâm phải một tình trạng tồi tệ hơn thế nữa. Đằng sau họ là một vách đá dựng đứng, nên Perôn và Phrăngxoá buộc phải nhóm ngọn lửa và trải túi ngủ ngay trên mặt hồ đóng băng. Lều đã phải bỏ lại ở Đaiê để đi đường cho gọn nhẹ, ngọn lửa bốc lên từ một vài que củi giạt cóp nhặt đã nhanh chóng làm tan băng rồi tụt xuống nước tắt đi, thế là họ phải ăn trong bóng tối.

Bắc đào một ổ nằm kín đáo dưới vách đá che

khuất. Ổ nằm kín gió và ẩm cúng đến nỗi Bắc rất miễn cưỡng khi phải bỏ chỗ ra nhận phần cá mà Phrăngxoa phân phát sau khi anh đã hơ cá trên ngọn lửa cho tan băng. Nhưng khi Bắc ăn xong quay trở lại thì ổ nằm của nó đã bị chiếm mất. Nghe một tiếng gừ đe nẹt trong ổ phát ra, nó biết ngay tên xâm đoạt là Xpít. Cho đến tận lúc này Bắc đã cố tránh rắc rối với kẻ thù địch của mình, nhưng đến nước này thì thật là quá quắt. Con thú dữ bên trong Bắc gầm lên. Nó nhẩy xổ vào Xpít với một sự điên tiết hung tợn mà cả Xpít lẫn bản thân nó đều không ngờ tới, đặc biệt là Xpít lại càng ngạc nhiên, bởi vì theo sự đánh giá của Xpít qua toàn bộ quá trình tiếp xúc với Bắc, thì địch thủ của hần chỉ là một con chó nhút nhát, bấy lâu nay sở dĩ đứng vững được chẳng qua là nhờ nặng cân và to xác mà thôi.

Phrăngxoa cũng ngạc nhiên khi hai con chó loạn đá quần nhau rồi mù lên từ trong chiếc hố vỡ toang vọt ra. Anh đoán được lý do cuộc xung đột. Anh kêu to lên với Bắc.

- Thế! Thế! Cho hần một trận, đồ chết tiệt! Trị cho hần một trận, cái quân kẻ cướp đê tiện.

Xpít cũng đã sẵn sàng huyết chiến. Hần vừa gào lên với một vẻ hết sức giận dữ và hăm hở, vừa lượn tới lượn lui để tìm cơ hội nhẩy vào. Bắc cũng hăm hở không kém, mà cũng thận trọng không kém, trong khi nó, cũng như Xpít, lượn tới lượn lui để tìm lợi thế.

Nhưng chính lúc đó thì sự việc bất ngờ đã xảy ra. Sự việc này đã đẩy lùi cuộc huyết chiến giành quyền lực giữa hai con chó về một thời điểm khác, mãi xa về sau, tận đến khi đã vượt qua bao nhiêu dặm đường lao động rã rời nặng nhọc.

Một tiếng rủa của Perôn, tiếng đánh cốp của chiếc dùi cui quật lên một thân hình xương xẩu, và một tiếng thú kêu ré đau đớn, báo hiệu một vụ hỗn loạn tột độ sắp nổ ra. Giữa khu vực cắm trại đột nhiên nhốn nháo những hình thù lông lá vừa lén lút lẫn vào - những con chó Étkimô đói ăn, có đến gần khoảng trăm con, từ một làng người da đỏ nào đấy đánh hơi mò tới. Chúng đã lén vào trong lúc Bắc và Xpít đang choảng nhau, và khi Perôn cùng Phrăngxoa cầm dùi cui nhảy bổ vào giữa bọn chúng thì chúng nghe răng ra chống trả. Mùi thức ăn làm chúng điên cuồng lên. Perôn bắt gặp một con rúc ngáp đầu vào trong thùng đựng thực phẩm. Chiếc dùi cui của anh giáng như búa bổ xuống mạng sườn hốc hác, chiếc thùng thực phẩm đổ lật úp xuống đất. Ngay lập tức, mấy chục con vật đói ăn lẫn xả vào tranh cướp đồng bánh mì và thịt lợn muối. Những chiếc dùi cui quật xuống chẳng làm chúng nao núng. Chúng kêu ăng ẳng và rú lên dưới trận đòn giáng như mưa, ấy thế mà vẫn cứ điên cuồng bám chặt cho đến khi chúng ngốn sạch mẩu vụn cuối cùng.

Trong khi đó, đàn chó kéo xe sừng sốt vừa bật dậy khỏi ổ nằm của chúng liền bị bảy thú kẻ cướp

tấn công ngay. Bắc chưa bao giờ nhìn thấy những con chó như vậy. Trông cứ như là xương của chúng sắp bật tung ra khỏi da. Chúng chỉ là những bộ hài cốt lũng thùng bọc trong những tấm bì lồi thoi lếch thếch, với những con mắt rực cháy và những hàng nanh ngập nước dãi. Nhưng cơn điên đại vì đói đã làm chúng trở nên kinh khủng, không ai cưỡng nổi. Chẳng có cách gì chống lại chúng. Lũ chó kéo xe bị đẩy lùi dồn vào vách đá ngay từ đầu, Bắc bị ba con chó Étkimô bao vây, và trong nháy mắt đầu và vai Bắc bị cắn xé rách toạc ra nhiều chỗ. Tiếng kêu thét nào động khủng khiếp. Bili, như thường lệ, kêu rên âm lên. Đêvơ và Xônléch, đầm đìa máu vì hàng chục vết thương, sát cánh bên nhau dùng cảm chiến đấu. Gió táp lia lịa như điên như cuồng. Một cái đóp của nó bập vào chân trước một con chó Étkimô và cắn ngập vào nghiêng cho xương gãy đánh rắc. Lập tức Paicơ, con chó láu cá, nhảy xổ vào con vật bị què, và bằng một cái táp nhanh và một cái giật mạnh đột ngột, cắn gãy cổ đối thủ. Bắc chộp được họng một tên địch đang lỏng lộn sùi bọt mép, cắn ngập vào mạch máu ở cổ hần, làm máu phun ra đầy mình Bắc. Vị máu ấm tủa ra trong mồm nó kích thích nó trở thành hung tợn hơn. Nó lao mình vào một địch thủ khác. Vừa lúc đó, bỗng nhiên nó cảm thấy một hàm răng cắn ngập vào họng mình. Đó là Xpít, quân phản bội, từ một bầy nhảy xổ vào cắn trộm nó.

Perôn và Phrangxoa, sau khi đã quét sạch lũ chó

kẻ cướp khỏi chỗ của họ, liền hối hả chạy ra cứu đàn chó của mình. Làn sóng những con vật đói ăn điên cuồng phải cuốn lui trước sự tấn công của hai người, và Bắc vùng ra thoát được. Nhưng chỉ được một lát thôi. Hai người buộc phải chạy lui về để bảo vệ lấy thực phẩm, thế là bầy chó Étkimô lại quay lại xông vào lũ chó kéo xe. Bili, hoảng quá hóa liều, vọt bừa qua vòng vây của những con thú man rợ và phóng qua bãi băng tuyết bỏ chạy. Paicơ và Đốp nối theo gót Bili, tiếp theo sau chúng là những con chó khác trong đàn. Bắc đang rún mình chuẩn bị vọt theo chúng thì bỗng qua khoe mắt thấy Xpít đang lao đến nó với ý định rõ ràng muốn hất nó ngã ngửa. Một khi đã ngã hăng chân lên, dưới cả đồng chó Étkimô thì không còn hy vọng gì nữa. Nhưng Bắc đã dốc hết sức mình trụ lại được dưới cái húc mạnh của Xpít, rồi nối theo đàn bỏ chạy trên mặt hồ.

Một lát sau, chín con chó trong đàn túm lại với nhau và tìm một chỗ ẩn náu trong rừng. Mặc dù không bị đuổi theo nhưng tình trạng của chúng thật khốn khổ. Không con nào không bị đến bốn hoặc năm vết thương trên mình, một số con bị thương nặng. Đốp bị thương trầm trọng một chân sau. Đoli, con chó Étkimô cuối cùng nhập đàn tại Đaivê, bị rách toạc họng, Giô mất một con mắt. Còn Bili, con chó lành nét, thì một tai bị nhảy xé rách như xơ mướp, kêu la rên rĩ suốt đêm. Trời vừa sáng, chúng khắp khiêng lê trở về nơi đóng trại, vừa đi vừa coi chừng.



Về đến nơi thì thấy bảy kẻ cướp đã đi hết, còn hai ông chủ thì đang mặt nhăn như bị. Có đến một nửa số thức ăn của họ đã đi tong. Lũ chó Étkimô đã nhai nghiền cả những dây da và những tấm bạt. Thực tế là không có cái gì thoát khỏi hàm răng chúng, dù có khó xơi đến đâu đi nữa. Chúng đã ngốn mất một đôi giầy da nai của Perôn, nhiều khúc dây kéo và đai cương, và thậm chí cả một đoạn dài đến hai bộ ở sợi dây gắn đầu chiếc roi của Phrăngxoa.

Phrăngxoa đang ủ ê ngắm nhìn chiếc roi thì đàn chó bị thương trở về. Anh quay sang xem xét chúng. Giọng anh dịu dàng:

- Chao ôi! Các bạn thân mến! Bao nhiêu là vết cắn thế này, chắc làm các bạn phát điên cả mất thôi. Thành chó dại cả mất thôi, trời đất quý thần ôi! Ê, Perôn, cậu nghĩ sao?

Người giao liên lắc đầu không muốn tin vào điều đó. Trước mắt còn những bốn trăm dặm đường từ đây đến Đoxân, anh ta khó mà có thể chịu được cái tai họa còn đại nổ ra trong đàn chó của anh ta.

Phải hai tiếng đồng hồ vừa nguyên rửa, vừa ráng sức mới buộc xong đai cương đầu vào đấy, đàn chó bị thương trở nên cứng đơ, lông cóng lại lên đường, đau đớn vật lộn với đoạn đường gian nan nhất từ trước đến nay chúng chưa hề gặp phải, và cũng là đoạn đường gian nan nhất từ đây đến Đoxân.

Phía trước, con sông "Ba mươi dặm" mở rộng. Dòng nước ngỗ ngược của nó bất chấp sức mạnh của

đông giá. Chỉ ở những chỗ xoáy nước và những nơi yên lặng mới có băng đông lại. Để vượt qua ba chục dặm đường ghê gớm ấy, cần phải sáu ngày lao khổ đến kiệt sức. Những dặm đường quả là ghê gớm, bởi vì mỗi bước tiến lên phía trước là mỗi bước liều mạng của người và chó, Perôn đi đầu dò đường, đã hàng chục lần sụt cả người xuống vì mặt băng mỏng bị vỡ. Anh thoát nạn được là nhờ có chiếc gậy dài cầm ngang, mỗi khi người anh sụt xuống phá thành cái hố giữa mặt băng thì chiếc gậy gác ngang miệng hố lại giữ anh lại. Trời đang rét kinh người, hàn thử biểu chỉ âm năm mươi độ<sup>(1)</sup>, nên sau mỗi lần anh sụt xuống như vậy thì anh lại buộc phải nhóm lên đống lửa để cứu sống lấy sinh mạng mình và hơ cho khô quần áo, giày tất.

Nhưng không có gì làm thoái chí anh cả. Ấy cũng chính vì không có gì làm anh thoái chí được nên người ta mới chọn anh làm giao liên cho chính phủ. Anh dám dùng mọi cách mạo hiểm, kiên quyết vượt cái khuôn mặt bé nhỏ khô quắt của mình xóc tới giữa đông giá và quần quật vật lộn suốt từ mờ sáng đến tối mịt. Anh đi men theo những rìa sông buồn thảm trên một dải băng viền bờ, mặt băng vồng xuống và kêu răng rắc dưới bàn chân, khiến họ không dám dừng lại. Một lần, chiếc xe sụt thõm xuống cùng với Đêvơ và Bắc, chúng như bị ướp đông hẳn lại, và lúc

---

<sup>(1)</sup> Độ Farenheit (độ F): -50° F là ứng với âm bốn mươi sáu độ Xenxiút -46°C).

được kéo lên thì gần chết đuối. Lại phải nhóm lên đống lửa mới cứu sống được chúng. Bằng đống chặt thành lớp cứng quanh thân chúng, và hai người phải lia lia đảo chúng quanh ngọn lửa, cho chảy nước và tan băng ra, sát lửa đến nỗi lông chúng bị cháy xém.

Một lần khác, Xpít sụt xuống, kéo theo toàn bộ đàn chó cho đến tận Bắc. Bắc dốc toàn lực trụ lại, rần sức kéo về đằng sau, hai chân trước đập trên mép băng trơn tuột, mặt băng bốn chung quanh run lên và phát tiếng nứt rạn. Nhưng đằng sau nó còn có Đêvơ, cũng rần sức kéo lui, và đằng sau chiếc xe trượt là Phrăngxoa cật lực kéo đến mức gân cốt anh kêu răng rắc.

Dải băng hẹp lại bị vỡ thêm cả đằng trước và đằng sau, không còn lối thoát nào khác ngoài cái chồm vách đá cheo leo ven bờ.

Ôi, kỳ diệu làm sao, Perôn đã leo lên được cái vách đá ấy, trong khi Phrăngxoa đang cầu nguyện để có được chính điều kỳ diệu đó. Và thế là, với mọi thứ dây dải buộc xe cùng đai cương nhặt nhanh đến mẩu cuối cùng góp lại buộc thành một sợi dây dài, họ kéo bổng lũ chó, con này đến con khác, lên đến chồm vách đá. Phrăngxoa lên cuối cùng, sau chiếc xe trượt và các thứ chở trên xe. Rồi lại đến việc tìm một chỗ để tụt xuống và họ tụt xuống cũng bằng sợi dây ấy. Khi họ trở xuống trên mặt sông thì đêm đã sập xuống, với kết quả công lao của cả một ngày chỉ đi được vền vền có một phần tư dặm.

Khi cả đoàn đến sông Hutolinqua và gặp được

mặt bằng rắn chắc, thì Bắc đã mệt lả. Những con chó khác cũng vậy. Nhưng Perôn, để tranh thủ bù lại thời gian bị mất, thúc ép chúng đi sớm và nghỉ muộn. Ngày đầu chúng chạy suốt ba mươi lăm dặm cho đến trạm "Cá hồi lớn", hôm sau thêm ba mươi lăm dặm nữa đến trạm "Cá hồi nhỏ", và ngày thứ ba chạy bốn mươi dặm, đến tận trạm "Sao Biển".

Chân Bắc không cứng rắn và dạn dày bằng chân của lũ chó Étkimô. Chân nó đã mềm yếu đi nhiều qua bao nhiêu thế hệ kể từ cái ngày kẻ tổ tiên hoang dã cuối cùng của nó bị con người nguyên thủy ở hang hoặc ở ven sông, bắt về thuần dưỡng. Suốt ngày nó đau đớn khắp khiêng, và mỗi lần cấm trại xong là nó nằm im lìm như xác chết. Đói hết sức nhưng nó không thể dậy để nhận phần cá của nó, và Phrăngxoa phải mang đến cho nó. Anh chàng lái xe chó lại còn xoa bóp chân cho Bắc mỗi đêm nửa tiếng đồng hồ sau bữa ăn tối, và hy sinh lớp trên của đôi giày của anh để khâu bốn chiếc giày cho Bắc. Những chiếc giày này giảm nhẹ đau đớn đi rất nhiều. Một buổi sáng, Phrăngxoa quên đeo giày cho Bắc, Bắc đã làm cho bộ mặt héo quắt của Perôn cũng phải xệch ra thành một nụ cười nhản nhở khi Perôn thấy Bắc nằm ngửa ra, bốn chân huơ trong không khí với dáng điệu van lơn, cứ nằm ì ra không chịu dậy nếu không được mang giày. Nhưng về sau, chân của Bắc dầy dạn dần lên, chịu đựng được con đường gian khổ, và mấy cái bao chân mòn rách bị vứt đi.

Một buổi sáng, trên dòng sông Penli, trong khi đàn chó đang được thả đai cương thì Đôli, con chó từ trước đến nay không có điều gì khiến người ta để ý đến, đột nhiên phát dại. Con dại được báo hiệu bằng một tiếng tru như tiếng chó sói, dài và ghê rợn, làm cho mọi con chó khác hoảng sợ lông dựng đứng cả lên. Và sau tiếng tru, nó nhảy bổ vào Bắc. Bắc chưa bao giờ thấy một con chó phát dại, mà cũng chả có lý do gì khiến cho nó sợ bệnh dại. Nhưng nó nhận biết được đây là một cái gì khủng khiếp, và nó hoảng hốt bỏ chạy. Thẳng tới phía trước, nó phóng cất lực. Đôli, hỗn hển và sùi bọt mép, bám riết đằng sau, chỉ cách một bước. Đôli không thể đuổi kịp, bởi nỗi ghê sợ của Bắc lên đến cực độ, mà Bắc cũng không bứt ra được, bởi cơn dại của Đôli cũng lên đến cực độ. Bắc lao xuyên qua khu rừng trên cù lao, phóng xuống bờ thấp, vượt qua một con kênh phủ bằng lùm chồm để chạy lên một cù lao khác, rồi băng qua một cù lao thứ ba, vòng trở lại dòng sông chính, và bắt đầu vượt qua dòng sông trong tình trạng tuyệt vọng. Và mặc dù Bắc không nhìn thấy, lúc nào Bắc cũng có thể nghe thấy Đôli gầm gừ chỉ sau nó một bước. Cách Bắc một phần tư dặm, Phrăngxoà cất tiếng gọi nó, nên nó rẽ ngoặt lại vẫn luôn bị Đôli bám theo cách một bước, đau đớn thở dốc và đặt tất cả hy vọng vào bàn tay Phrăngxoà cứu nó. Anh chàng đánh xe chó lăm lăm chiếc rìu trong tay chờ sẵn và khi Bắc vừa vụt qua khỏi thì chiếc rìu lập tức bổ xuống đầu con chó dại Đôli.

Bác lão đảo bước lại phía trước chiếc xe trượt, kiệt sức, thở dốc, và không đứng vững được nữa. Thời cơ của Xpít đây rồi. Hắn nhảy xổ vào Bác, và hai lần hàm răng của hắn cắn ngập vào kẻ đối thủ không chống đỡ gì rồi nhay, rồi xé rách toạc thịt ra đến tận xương. Nhưng chiếc roi của Phrăngxoa đã giáng xuống, và Bác hài lòng đứng xem Xpít nhận một trận đòn trừng phạt dữ dội chưa từng thấy đối với bất kỳ một con chó nào trong đàn.

- Một con quý dữ, cái con Xpít ấy, - Perôn nhận xét. - Mẹ kiếp, một ngày nào đó nó giết chết con Bác mất thôi!

Phrăngxoa đáp ngay:

- Ấy, con Bác thì lại bằng hai con quý dữ. Tớ theo dõi suốt con Bác nên tớ dám chắc thế. Tớ nói cho mà nghe: rồi có ngày, mẹ kiếp, nó sẽ phát điên lên kinh khủng, rồi nó sẽ nhai nghiền gọn con Xpít đó, rồi nó khạc xương con Xpít ra giữa tuyết cho mà xem. Chắc chắn không sai đâu, tớ biết.

Kể từ lúc ấy, giữa hai con chó là một cuộc sống mái. Xpít, con chó đầu đàn, kẻ chỉ huy được thừa nhận của toàn chó, cảm thấy quyền lực tối cao của mình bị con chó kỳ lạ của đất phương Nam kia đe dọa. Mà đối với hắn, Bắc kỳ lạ thật, bởi vì trong số những con chó phương Nam mà hắn đã gặp, không có con nào tỏ ra làm nên trò trống gì tại nơi đóng trại và trên đường kéo xe. Tất cả bọn chúng đều quá mềm yếu, chết gục vì lao động cực nhọc, vì băng giá

và vì đói. Bức là một trường hợp ngoại lệ. Chỉ mình nó chịu đựng được mà lại còn phát triển lên, sánh được với lũ chó Étkimô về sức mạnh, tính man rợ và sự khôn ranh. Hơn nữa, nó lại là con chó ham muốn quyền thế, và điều làm cho nó trở thành nguy hiểm là chiếc dùi cui của người mặc áo nịt đỏ đã quật cho tiêu tan hết những gì là gan liều mù quáng và hấp tấp vội vàng ra khỏi vòng khát vọng quyền lực của nó. Nó đã khôn ranh lên một cách khác thường và sẵn sàng chờ đợi thời cơ với một sự kiên nhẫn mang một tính chất không có gì khác hơn là tính nguyên thủy. Cuộc xung đột để tranh giành quyền lực nhất định sẽ nổ ra, không thể tránh khỏi. Bức muốn như vậy. Nó muốn như vậy vì đó là bản chất vốn có của nó, và cũng bởi vì nó đã bị hút chặt vào cái niềm tự hào vô danh và thật là khó hiểu ấy về lao động trên vết đường mòn - cái niềm tự hào đã giữ riết lũ chó trong công việc lao khổ nhọc nhằn cho đến hơi thở hắt cuối cùng, đã cám dỗ chúng đến mức chúng sẵn sàng chết hân hoan trong vòng đai cương và chúng sẽ đau buồn như xé ruột nếu bị rút ra khỏi đai cương ấy. Đó là niềm tự hào của Đêvơ, khi đảm nhận vị trí kéo sát trước xe, của Xônlekh khi ra sức kéo cật lực; niềm tự hào đã cuốn hút lấy chúng mỗi khi nhỏ trại biến đổi chúng từ những con thú cẩu bản và ủ rũ trở thành những sinh vật nỗ lực, hăm hở, đầy khát vọng; niềm tự hào đã liên tục kích thích chúng suốt ngày dài nhưng rồi lại bỏ rơi chúng vào lúc cắm trại ban

đêm, để chúng rơi trở lại vào trong tâm trạng bồn chồn và bất mãn u sầu. Đó là niềm tự hào đã giữ vững khí thế của Xpít và thúc hấn nhảy vào trị những con chó mắc sai lầm và trốn tránh công việc trong vòng dây kéo hoặc lần trốn khi đến giờ thủng đai cương buổi sáng. Cũng chính niềm tự hào đó đã khiến hấn sợ Bắc sẽ có thể giành mất địa vị con chó đầu đàn. Và đó cũng là niềm tự hào của cả Bắc nữa.

Bắc công khai đe dọa quyền chỉ huy của Xpít. Nó xông vào giữa Xpít và những con chó trốn việc đáng ra phải bị Xpít trừng trị. Và Bắc chủ tâm làm như vậy. Một đêm nọ, tuyết rơi tầm tã, và sáng ra thì Paicơ, con chó hay giả ốm để trốn việc, biến đi đâu mất. Một lớp tuyết dày đến một bộ đã phủ lên ổ nằm của nó, che giấu nó hoàn toàn kín đáo. Phrăngxo gọi nó và đi tìm mãi nhưng chịu không phát hiện ra. Xpít thì tức giận điên cuồng. Hấn hung tợn lông lộn khắp khu đóng trại, đánh hơi và đào bới bất kỳ chỗ nào đáng ngờ, gầm rít khùng khiếp đến nỗi Paicơ trong chỗ ẩn náu của mình cũng nghe thấy và run sợ.

Nhưng rồi cuối cùng Paicơ cũng bị phát hiện. Khi nó vừa bị lôi cổ lên, Xpít xông ngay vào để trừng trị nó, thì Bắc cũng lập tức nhảy bổ tới, cũng hung tợn chẳng kém, lao ngang vào giữa hai con chó. Động tác của nó quá bất ngờ và khéo tính toán đến nỗi Xpít bị hất lật nhào về đằng sau hẫng cả chân lên. Paicơ, vừa nãy còn đang hèn nhát run sợ bây giờ nhờ sự nổi dậy chống đối ra mặt đó của Bắc nên lấy lại được can



đắm, nhảy xổ vào kẻ chỉ huy đã bị lật đổ. Đối với Bắc lúc này, lối chơi ngay thẳng là một luật lệ đã bị bỏ qua rồi, nên Bắc cũng nhảy xổ vào Xpít. Trước cảnh tượng đó, Phrăngxoa khoái trá cười thầm trong bụng nhưng đồng thời vẫn kiên định trước sau như một trong việc thi hành công lý, nên anh dốc toàn lực vụt sợi roi da xuống Bắc. Nhưng sợi dây không đuổi được Bắc ra khỏi địch thủ của nó đang sóng soài trên mặt đất, nên anh phải trở đầu cán roi mà quật. Phải một đòn choáng váng, Bắc bị đánh bật lùi về phía sau và chiếc dây da buộc đầu roi giáng xuống nó tới tấp, trong khi Xpít trừng trị đích đáng tên Paicơ đã nhiều lần lếu láo.

Những ngày tiếp sau, trong khi đi dần tới Đoxân. Bắc vẫn tiếp tục xen vào giữa Xpít và những con chó phạm tội, nhưng nó lấu cá, chỉ làm điều đó khi Phrăngxoa không có mặt ở quanh đấy. Với sự nổi loạn kín đáo của Bắc, đã nảy ra tình trạng là nói chung lũ chó không chịu phục tùng nữa, và tình trạng ấy cứ nghiêm trọng dần lên. Đêvơ và Xônlếch không chịu ảnh hưởng gì, nhưng những con khác thì càng ngày càng tệ hơn. Mọi việc không còn trôi chảy nữa. Chúng liên tục cắn cấu nhau và vặc nhau om sòm. Những vụ rắc rối luôn luôn diễn ra, mà đầu trò là Bắc. Nó làm cho Phrăngxoa phải bận tâm suốt, vì anh chàng đánh xe chó thường xuyên e sợ cuộc chiến đấu một mất một còn giữa hai con chó mà anh biết sớm muộn thế nào cũng xảy ra; và đã nhiều lần, ban

đêm đang ngủ anh phải tung chăn vùng dậy khi nghe tiếng chó gáy gổ và cắn lộn nhau, sợ Bắc và Xpít lại đánh dánh vào đấy.

Nhưng cơ hội chưa đến, và một buổi chiều ảm đạm, đoàn người và chó kéo vào Doxan, trận sống mái vẫn còn gác lại đấy. Thị trấn Doxan đông nghịt người, và chó nhiều vô kể. Bắc thấy con nào cũng đang làm việc. Hình như trật tự của vạn vật đã quy định là chó cũng phải làm việc. Suốt ngày chúng nối nhau đi từng xâu dài vòng lên rồi lại vòng xuống dọc con đường chính của thị trấn, và ban đêm những chiếc nhạc đeo ở cổ chúng vẫn leng keng đi qua trên đường. Chúng kéo xe chở gỗ súc làm nhà và chở củi, vận chuyển hàng lên mỏ, và làm mọi thứ việc mà ngựa phải làm ở thung lũng Xanta Clara. Đây đó Bắc chỉ gặp vài con chó của vùng đất phương Nam, còn đa số bọn chúng là chó Étkimô thuộc nòi chó hoang. Hôm nào cũng vậy, theo một nếp đều đặn, cứ đến chín giờ tối, mười hai giờ khuya, và ba giờ sáng, chúng lại cất cao tiếng hát ban đêm, một bài ca huyền bí và rờn rợn, trong đó có giọng của Bắc hòa theo đầy cảm khoái.

Với ánh hồng Bắc cực tỏa sáng lạnh ngắt trên đầu, hoặc dưới những ngôi sao rập rình trong điệu nhảy giữa băng giá, trên vùng đất chết lạnh và lạnh cứng trùm tấm vải liệm bằng tuyết bao la, tiếng hát ấy của lũ chó Étkimô đáng ra phải là tiếng thách thức của sự sống, nhưng chỉ có điều là nó được lấy giọng

theo điệu thứ, với những âm thanh rên rĩ kéo dài và những tiếng thốn thức nấc nghẹn, nên lại nghe như là tiếng nài xin của sự sống, là tiếng rên đau của sinh mệnh bị đọa đầy, nói vậy thì có lẽ đúng hơn. Đó là một tiếng hát cổ xưa, cổ xưa như chính bản thân giống nòi của chúng - một trong những tiếng hát đầu tiên của thế giới man sơ, vào cái thời mà những tiếng hát hầy còn buồn bã. Nó chứa đựng nỗi thống khổ của xiết bao thế hệ, cái tiếng than vãn nào nùng đã khích động Bắc một cách kỳ lạ. Khi Bắc cất tiếng ai oán và thốn thức, thì ấy là lúc nó mang trong mình nỗi đau của sự sống đã từng là nỗi đau của những tổ tiên hoang dã của nó xưa kia, cùng nỗi lo sợ và điều huyền bí của lạnh lẽo và tối tăm đã từng là nỗi lo sợ và điều huyền bí đối với tổ tiên nó. Và cái điều khiến Bắc phải bị khích động vì tiếng kêu than kia là dấu hiệu chứng tỏ Bắc đã quay lui hẳn lại, lùi qua các thời kỳ mà sự sống đã có bếp lửa và mái nhà, để trở về với buổi ban đầu thô sơ của sự sống giữa thời của tiếng hú rầu rĩ xa xưa.

Bảy ngày sau khi vào Đoxân, đoàn người và chó lại ra đi, tụt xuống theo bờ dốc bên sông Beróc chạy về sông Lucôn, rồi kéo về phía sông Daiê và thành Xon Oatơ. Perôn đang mang theo những công văn giấy tờ có thể còn khấn hơn cả những thứ anh đã mang đến Đoxân; hơn nữa, niềm tự hào của cuộc hành trình cuốn hút lấy anh và anh có ý định thực hiện một chuyến kỷ lục trong năm ấy. Lần này anh gặp một số

thuận lợi. Nhờ một tuần nghỉ ngơi, sức khỏe đàn chó đã hồi phục, và chúng đã hoàn toàn sung sức. Đường mòn trên băng mà họ tự mở ra để đi vào đây hôm trước đã được nện cứng lại dưới bước chân những kẻ đi sau. Thêm nữa, cảnh sát đã bố trí ở vài ba địa điểm dọc đường những kho chứa thức ăn cho người và chó, và nhờ vậy kẻ đi đường được gọn nhẹ.

Ngày đầu họ đi đến tận pháo đài "Sáu mươi dặm", nghĩa là chạy được một thời dài năm mươi dặm. Ngày thứ hai, họ tăng vọt tốc độ ngược dòng Iucôn chạy băng băng thuận đường thẳng tới sông Peli. Nhưng chắc phải là họ đã ngon ơ đạt được chuyển chạy nhanh tuyệt đẹp như vậy mà không có điều gì khó nhọc và bức mình cho Phrăngxoả cả đâu! Cuộc nổi loạn âm ỉ do Bắc cầm đầu đã phá vỡ khối thống nhất của đàn chó.

Trong vòng dây kéo, chúng không còn như trước nữa. Sự cố vũ của Bắc đã khiến những con chó làm loạn phạm vào đủ mọi thứ tội lỗi vặt. Xpít không còn là một vị chỉ huy được kính sợ rất mực nữa. Nỗi sợ hãi trước kia đã bay biến, và chúng trở thành đủ khả năng thách thức quyền lực của Xpít. Một đêm nọ, Paicơ đoạt của hắn nửa con cá và nuốt trôi, dưới sự bảo vệ của Bắc. Một đêm khác, Đốp cùng với Giô đánh lại Xpít và làm Xpít phải chịu từ bỏ không thi hành được đòn trừng phạt mà chúng đáng phải chịu. Ngay cả Bili, con chó lành nết, cũng bớt lành đi, và có rên rĩ thì cũng không rên rĩ kiểu xoa dịu như những

ngày trước nữa. Bắc không bao giờ đến gần Xpít mà không găm gù và dựng đứng lông lên đầy vẻ đe dọa. Quả là thái độ cư xử của Bắc giống thái độ của một tên du côn, và nó có thói quen nghênh ngang lượn lui lượn tới ngay trước mũi Xpít.

Sự suy sụp kỷ luật đã ảnh hưởng cả đến quan hệ giữa những con chó khác với nhau. Chúng gây gổ và cắn cấu lẫn nhau nhiều hơn bao giờ hết, đến mức đôi lúc cả khu vực cắm trại rộ lên tiếng rú rít hỗn loạn ầm ĩ. Chỉ riêng Đêvơ và Xônleích là không thay đổi gì, mặc dù những cuộc xung đột liên chi hồ điệp xung quanh làm chúng phát cáu lên. Phrăngxoà gào lên những tiếng nguyên rủa hung tợn kỳ lạ, giậm chân bứt tóc điên tiết mà không làm gì được. Sợi roi da của anh liên tục vùn vút quất vào giữa đàn chó, nhưng chả có hiệu quả gì mấy. Anh vừa quay lưng đi là đầu lại vào đấy. Chiếc roi của anh ủng hộ Xpít, còn Bắc thì lại ủng hộ những con chó còn lại. Phrăngxoà biết Bắc là tên đầu nậu đứng đằng sau mọi sự rối loạn, và Bắc cũng rõ là anh biết. Nhưng Bắc khôn ranh ma mãnh lắm rồi, đừng hòng bắt quả tang nó một lần nào nữa. Trong vòng đai cương, nó làm việc thật là tận tụy, bởi công việc nhọc nhằn cũng đã trở thành một điều thích thú đối với nó: thế nhưng tầm ngấm tầm ngấm gây ra một vụ đánh nhau giữa các bạn nó và làm rối tung cả dây kéo lên lại là một điều còn thích thú hơn.

Tại cửa sông Takino, một đêm nọ sau bữa ăn tối,

Đớp sục ra được một con thỏ Bắc cực, nhưng vụng về vô trượt. Trong nháy mắt toàn bộ đàn chó hò hét đuổi theo. Cách đó một trăm mã<sup>(1)</sup> là một khu trại của cảnh sát Tây Bắc, có năm mươi con chó, toàn chó Étkimô, lũ này cũng ào đến tham gia cuộc săn đuổi. Con thỏ phóng nhanh xuống dòng sông, ngoặt vào một nhánh sông nhỏ, và ngược nhánh sông đóng băng nó vẫn vững bước lao tới. Nó lướt nhẹ nhàng trên mặt tuyết, trong khi lũ chó dốc hết sức lặn lội đằng sau. Bắc dẫn đầu bảy chó hùng hậu sáu chục con, quành từ khúc sông này sang khúc sông nọ, nhưng không thể nào đuổi kịp. Bắc rập mình xuống chạy, rú lên háo hức, khối thân hình tuyệt đẹp của nó vun vút phóng tới, bước này tiếp bước khác, dưới ánh trăng nhợt nhạt. Và cũng bước này tiếp bước khác, như một mảnh hồn ma băng giá tái mét, con thỏ vun vút lao lên phía trước.

Tất cả những gì đã kích động những bản năng cổ xưa trời dậy, sự kích động để thúc đẩy con người trong từng thời kỳ nhất định, vọt ra khỏi những thành phố vang động để vào rừng hoặc ra đồng tìm giết các thú vật bằng những viên đạn chì do hóa chất đẩy đi. Sự thèm khát máu tươi, niềm vui của giết chóc - tất cả mọi kích động ấy cũng đang xô đẩy Bắc, chỉ có điều là những cái đó lại càng vô cùng gần bó hơn bên trong bản chất của Bắc. Nó đang dẫn đầu

---

<sup>(1)</sup> Mã (yard) : bằng 0,914 m.

bầy chó chạy săn mồi, đuổi cho đến cùng đường sự sống hoang dã kia, sự sống ấy là miếng thịt ăn, để giết bằng đôi hàm răng của chính nó, để tắm cả mồm mình ngập cho đến tận mắt vào trong máu nóng.

Một sự mê mẩn ngây ngất biểu thị điểm tuyệt đỉnh của sự sống, bên trên đỉnh ấy, sự sống không còn dâng lên được nữa. Nghịch lý của sự sống là như vậy đó, sự mê mẩn ngây ngất ấy xuất hiện lúc mình đang sống mãnh liệt nhất, ấy thế mà nó xuất hiện như một trạng thái quên đứt đi là mình đang sống. Sự mê mẩn ngây ngất ấy, trạng thái quên rằng mình đang sống ấy, đã xuất hiện ở người nghệ sĩ, chiếm lĩnh lấy anh, lôi anh thoát khỏi bản thân mình theo luồng lửa tâm hồn phụt ra rực cháy; nó xuất hiện ở người lính, cổ thủ trên trận địa bị tấn công, sôi máu chiến đấu cho đến phút chót, quyết không hạ súng đầu hàng; và đây nó đã xuất hiện ở Bắc, đang dẫn đầu bầy chó, hét vang tiếng hò hét tự ngàn xưa của sói hoang, ra sức rượt theo miếng ăn, cũng là một sự sống, đang xuyên qua ánh trắng chạy trốn vùn vụt trước mặt. Bắc đang hét lên những tiếng tự đáy sâu của bản chất nó, và của những phần nào đó trong bản chất còn sâu hơn cả cuộc đời bản thân nó, và Bắc đang quay ngược lại lui trở vào cội phôi thai của Thời Gian. Nó đang bị cuốn đi giữa đợt sóng cồn của sự sống, theo ngọn triều dâng của cội sinh tồn, theo niềm vui tuyệt đỉnh của từng thớ thịt đường gân, trong mọi thứ không phải là cái chết, mà là sức sống

đang toả ánh chói loà và bùng lên mạnh mẽ, thể hiện thành chuyển động, hân hoan tung cánh bay dưới những vì sao và trên bề mặt của vật chất chết lặng không hề động đậy.

Nhưng còn Xpít, bình tĩnh đến lạnh lùng và có tính toán ngay cả khi tâm thần bị kích động đến cực điểm, hấn tách ra khỏi bầy và chạy tắt ngang một dải đất hẹp nơi nhánh sông nhỏ lượn quanh thành một vòng cung rộng. Bắc không hay biết điều đó, và trong khi Bắc cứ chạy theo vòng lượn của dòng sông, con thỏ như một bóng ma băng giá vẫn vút theo bay trước mặt nó, thì bỗng thấy một bóng ma khác băng giá, lớn hơn, từ mũi đất bên bờ vọt ra chắn ngang trên đường con thỏ chạy. Đó là Xpít. Con thỏ không tài nào chuyển hướng kịp. Đang nửa chừng phóng tới, bị đôi hàm răng trắng bổ xuống cắn gãy sống lưng, nó kêu thét lên như tiếng hét thất thanh của một con người bị đánh. Nghe tiếng kêu ấy, tiếng kêu của Sự Sống ngã nhào xuống từ tột đỉnh của Sinh Tồn rơi vào nanh vuốt của Thần Chết, toàn bộ bầy chó nổi sau gót Bắc đồng thanh rộ lên một tiếng rú đầy khoái cảm.

Chỉ riêng Bắc là không kêu lên một tiếng nào. Nó không dừng chân lại, mà phóng sang phía Xpít. Vai nó húc vào vai đối thủ, đà đi quá mạnh nên nó vồ trượt cổ họng của Xpít. Chúng lẫn nhào mấy vòng trong đám tuyết bay tung thành bụi. Xpít lật mình đứng thẳng dậy được ngay như thể vừa rồi không hề bị hất ngã, cắn một miếng toạc vai Bắc rồi nhảy tránh



xa ra một bên. Hai lần rằng hấn bập mạnh như hai hàm thép của chiếc bẫy, cắn xong lại nhảy lùi ra để tạo thế đứng chân vững hơn, mép nhếch lên giần giật nhả nhỏ và gặm rít.

Trong chớp mắt Bắc vụt thấy. Thời điểm đã đến. Trận tử chiến là đây rồi trong khi đó cùng Xpít lượn vòng quanh nhau, gặm gào, tai kéo xệch ra đằng sau, tinh tường quan sát rình cơ hội xông vào giành lợi thế, Bắc nhìn thấy cảnh tượng diễn ra như quen thuộc từ lâu. Dường như nó nhớ lại tất cả: cũng khu rừng trắng xoá này, cũng ánh trắng này, cũng tinh thần chiến đấu hùng hực này. Bao trùm lên cảnh vật trắng toát và im lặng là một sự yên tĩnh ma quái rùng rợn. Không có một tí thì thảo nào của thỉnh không - không gì động đây, đến một ngọn lá nhỏ cũng không lung lay, hơi thở của lũ chó đốm lại nhìn thấy rõ, lũ đừ bốc lên và vương vất mãi giữa không trung lạnh giá. Chúng nó, những con sói mới được thuần hóa đang dở, chúng nó đã thanh toán xong ngay con chó Bắc cực, và giờ đây chúng đang tập hợp lại dàn thành một vòng tròn chờ đợi. Bản thân chúng cũng yên lặng, chỉ có những cặp mắt đang ngời sáng và làn sương hơi thở của chúng đang chậm rãi bốc lên. Đối với Bắc, cảnh tượng này chả có gì là mới mẻ lạ lùng cả, nó đã hằng diễn ra trong thời cổ xưa. Dường như nó đã luôn luôn là thói thường của sự vật, mãi cho đến nay vẫn thế.

Xpít là một đấu sĩ có kinh nghiệm. Từ Xpítzbogán

qua tận Bắc cực, rồi qua Canada và vùng đầm lầy Doxan, đâu đâu hấn cũng đã đối địch được vững vàng với tất cả mọi loại chó và giành được quyền lực áp đảo chúng. Con điên giận của hấn dù có sôi lên ghê gớm đấy nhưng không bao giờ là cơn giận mù quáng. Nung nấu, ý muốn giày xé và hủy diệt, hấn không hề quên rằng kẻ địch của hấn cũng nung nấu ý muốn giày xé và hủy diệt giống như hấn. Hấn chẳng bao giờ lao vào đối phương nếu chưa chuẩn bị đầy đủ để đương đầu với một đòn lao vào của đối phương; chẳng bao giờ tấn công nếu chưa bảo vệ được mình chống lại cuộc tấn công của đối phương.

Bắc cố gắng hết sức nhưng không tài nào thọc được hàm răng mình vào cổ con chó trắng to lớn. Mỗi lúc hàm nanh của nó lao tới nhằm vào nơi thịt mềm thì lại vấp phải hàng nanh của Xpít. Nanh choảng vào nanh, mép rách toạc và bật máu, nhưng Bắc không lọt qua được miếng thủ thế của kẻ địch. Thế là Bắc sôi sục lên, vây kín Xpít trong một cuộc tấn công lấn xả vào tới tấp như cơn lốc. Hết lần này lại lần khác, Bắc cố gắng tìm cách thọc răng vào mảng cổ họng trắng như tuyết, nơi mà sự sống đang sủi bọt sát ngay dưới mặt da, nhưng mỗi lần và tất cả những lần như vậy Xpít đều bỏ vào nó một miếng cắn rách toạc rồi vọt ra. Bắc bèn dùng cách xông vào làm ra vẻ như muốn nhằm vào họng đối thủ, nhưng bất thần quay ngoặt đầu lại và uốn cong sườn dùng vai lao mạnh vào vai Xpít như một nhát búa nện.

hòng hất ngã Xpít. Nhưng không những không làm gì được, mà mỗi lần xông vào Bắc lại còn bị cản toạc vai trong khi Xpít nhẹ nhàng vọt tránh ra ngoài.

Xpít vẫn nguyên vẹn không chút xây xước, còn Bắc thì đầm đìa máu và hỗn hển thở gấp. Trận chiến đấu dần trở thành tuyệt vọng. Trong suốt thời gian ấy vòng tròn những con vật sói lang im thin thít kia vẫn đang chờ đợi để kết liễu đời con chó nào ngã xuống.

Thấy Bắc kiệt lực dần. Xpít bắt đầu chuyển sang thế tấn công, lao vào tới tấp, làm Bắc cứ phải loạng choạng để tìm cách trụ lại thế đứng thẳng. Một lần Bắc bị hất nhào, thế là toàn bộ vòng tròn sáu chục con vật kia vội trườn tới. Nhưng Bắc đã trụ lại được hầu như ngay khi đang bị hất bổng lên giữa không trung, và vòng tròn kia lại rút lại và chờ đợi.

Tuy nhiên, Bắc lại có một đức tính nâng nó lên một tầm vóc lớn: óc sáng tạo. Nó chiến đấu bằng bản năng nhưng nó còn có thể chiến đấu bằng trí nữa. Nó xông đến, làm ra vẻ như định dùng miếng đòn hất vai như trước, nhưng đến giây lát cuối cùng thì rạp mình xuống thấp sát mặt tuyết và lao vào. Hai hàm răng của nó bập vào chân trước bên trái của Xpít. Một tiếng xương gãy giòn đánh rắc. Thôi thế là con chó trắng chỉ còn có ba chân bám trụ để đối đầu với nó. Ba lần Bắc cố tìm cách hất ngã hẳn, rồi Bắc lặp lại mưu mẹo trên và nghiêng gãy chân trước bên phải của Xpít. Mặc dù đau đớn và hết phương cứu vãn, Xpít vùng vẫy điên cuồng để giữ cho mình khỏi đổ. Hẳn

nhìn thấy vòng tròn những con thú lặng ngắt, với những cặp mắt ngời sáng, những chiếc lưỡi thè dài, và giải hơi thở đọng lại màu ánh bạc lững lờ bốc lên, vòng tròn ấy đang khép dần, sát lại gần hẳn y như hắn đã từng nhìn thấy những vòng tròn giống như vậy khép dần lại quanh những địch thủ bị hắn đánh bại trước kia. Duy chỉ có lần này chính hắn là kẻ bị đánh bại.

Hắn chả còn chút hy vọng gì nữa. Bắc không mấy may động lòng. Lòng thương hại là một điều chỉ dành cho những môi trường hiền hoà thôi. Bắc chuẩn bị cho miếng đòn lao vào cuối cùng. Vòng tròn những con chó Étkimô đã khép chặt lại đến mức Bắc có thể cảm thấy hơi thở của chúng phả vào bên sườn Bắc, Bắc có thể nhìn thấy chúng ở phía bên kia Xpít và cả ở mọi phía, nó hơi thu mình xuống trong tư thế lấy đà sẵn sàng vọt tới, những cặp mắt dán chặt vào hắn. Không gian lắng xuống, như có một giây phút tạm nghỉ. Mọi con vật im phăng phắc như đều đã biến thành tượng đá. Chỉ riêng Xpít run rẩy lông dựng đứng loạng choạng đảo tới đảo lui, gào lên những tiếng đe dọa khủng khiếp như để xua đuổi cái chết đang lơ lửng trên đầu.

Thế rồi Bắc bật nhảy vào rồi lại lao ra. Lần này, khi nó lao vào, miếng đòn vai cuối cùng đã bắt được trúng thẳng vào vai địch. Vòng tròn đen sẫm tụ lại thành một điểm trên mặt tuyết tràn ngập ánh trắng, và Xpít biến mất không nhìn thấy đâu nữa. Bắc

đứng thẳng và ngắm nhìn. Nhà vô địch đã thắng trận, con thú nguyên thủy thống soái đã hoàn thành trận đánh tiêu diệt, và hài lòng với trận đánh tốt đẹp của mình.

#### IV

### KẺ ĐÃ ĐẠT TỚI QUYỀN LỰC

- Ồ! Trông kìa! Tớ nói không sai, cái con Bắc rõ bằng hai con quỳ chưa nào.

Đó là lời Phrăngxoa thốt lên sáng hôm sau, khi anh phát hiện là Xpít biến mất, còn Bắc thì mình đầy thương tích. Anh kéo Bắc đến gần ngọn lửa và dưới ánh lửa, anh chỉ vào những vết cắn.

- Cái con Xpít ấy, hấn đánh thật khủng khiếp. - Perôn vừa xem xét các vết toạc và vết thủng há hoác, vừa nói.

- Còn cái con Bắc này, hấn đánh khủng khiếp gấp đôi. - Phrăngxoa đáp. - Thôi bây giờ thì ta sẽ đi được nhanh. Không còn Xpít nữa, là không còn rắc rối nữa, chắc chắn như thế.

Trong khi Perôn buộc lại món đồ lễ đóng trại và chất các thứ lên xe, anh chàng lái xe tiến hành thẳng đại cương vào lũ chó, Bắc lon ton chạy lên vị trí của Xpít trước đây, ở đầu đàn. Nhưng Phrăngxoa không để ý đến nó, lại đưa Xônlech đến cương vị đang được

khao khát đó. Theo anh, trong số chó còn lại, Xônlếch là con đầu đàn tốt nhất. Bắc giận dữ nhảy bổ vào Xônlếch đánh bật Xônlếch lui, và đứng vào chỗ ấy.

Phrăngxoa vỗ đùi thích thú, reo lên:

- Ở kia! Ở kia! Trông con Bắc kia! Hắn giết chết con Xpít, rồi hắn tưởng là hắn thay được Xpít cơ đấy?

Anh thét:

- Cút đi! Xéo!

Nhưng Bắc cứ ì ra đấy, không nhúc nhích.

Anh tóm lấy gáy Bắc, và mặc dù Bắc găm gù với giọng hăm dọa, anh lôi Bắc ra một bên và lại đặt Xônlếch vào chỗ ấy. Con chó già không muốn thế, và tỏ rõ ý là nó sợ Bắc. Phrăngxoa không hề lay chuyển, anh cứ làm theo ý anh, nhưng khi anh vừa quay lưng thì Bắc lại hất Xônlếch ra khỏi chỗ, còn Xônlếch thì cũng sẵn sàng bỏ đi chứ chẳng thiết tha chút nào.

Phrăngxoa nổi giận:

- Nào, đồ khốn! Bây giờ thì tao cho mày một trận. - Anh thét và trở lại với một chiếc dùi cui nặng trong tay.

Bắc vụt nhớ lại con người mặc áo nịt đỏ, nó từ từ bước giạt lùi; nó cũng không còn tìm cách xông vào đánh Xônlếch khi lão này lại một lần nữa được lôi lên. Nhưng nó lượn vòng sát ngay ngoài tầm chiếc dùi cui, găm gào quyết liệt và điên giận. Và trong khi lượn vòng, nó vẫn để mắt theo dõi chiếc dùi cui để tránh nếu Phrăngxoa ném vào nó bởi vì đối với cái khoản dùi cui này, Bắc đã lắm kinh nghiệm rồi.

Anh chàng đánh xe bắt tay vào việc của mình, và khi anh đã chuẩn bị sẵn sàng để đặt Bắc vào vị trí cũ của nó, phía trước Đêvơ, anh gọi Bắc. Bắc giật lùi hai ba bước. Hễ Phrăngxoa tiến lên theo nó, thì nó lại tiếp tục lùi. Sau vài lần như vậy, Phrăngxoa vút chiếc đuôi cui xuống đất, vì anh tưởng rằng Bắc sợ bị đánh đòn. Nhưng không phải. Bắc tỏ thái độ chống đối rõ ràng. Không phải nó muốn tránh trận đòn đuôi cui, mà nó muốn chiếm được cương vị đầu đàn. Cương vị ấy phải là của nó, nó có quyền xứng đáng được hưởng. Nó đã chiến đấu mà giành được, thì nó sẽ không thể nào vừa lòng với một địa vị thấp kém hơn.

Perôn cũng phải ra tay. Cả hai người đuổi Bắc chạy quanh trong gần một tiếng đồng hồ. Họ ném đuôi cui vào nó. Nó né tránh. Họ chửi rủa nó, chửi cả cha ông đã sinh ra nó, chửi rủa tất cả con cái chút chút mà nó sẽ sản sinh ra, chửi rủa mọi sợi lông trên mình nó, mọi giọt máu trong thân thể nó. Còn nó thì nó trả lời lại những câu chửi bằng những tiếng gầm gừ, và cứ giữ khoảng cách ngoài tầm tay hai người. Nó chẳng tìm cách bỏ chạy xa, mà chỉ lùi, hết quanh bên này lại quanh bên nọ xung quanh nơi đóng trại, hiển nhiên tỏ ý báo cho họ biết rằng khi nào điều mong muốn của nó được toại nguyện thì nó sẽ vào chỗ và sẽ ngoan ngoãn.

Phrăngxoa ngồi xuống vò đầu bứt tai, Perôn cứ nhìn đồng hồ rồi rủa. Thời gian bay qua nhanh, đáng lẽ họ đã lên đường được một tiếng rồi, Phrăngxoa lại

vò đầu bứt tóc. Anh lắc đầu rồi quay sang nhìn nhử cười ngao ngán với anh chàng giao liên. Perôn nhún vai ý bảo họ bị thua nó rồi. Phrăngxoa bèn đến chỗ Xônlech đứng, rồi gọi Bắc. Thế là Bắc cười, cười theo kiểu của chó, nhưng vẫn đứng cách một khoảng. Phrăngxoa cởi các dây buộc Xônlech ra rồi đưa Xônlech trở về chỗ cũ. Đàn chó thắng vào xe nối liền nhau thành một hàng không gián đoạn, sẵn sàng lên đường. Bây giờ thì không còn chỗ nào khác cho Bắc, ngoài chỗ đứng đầu đàn kia. Lần nữa Phrăngxoa lên tiếng gọi, và lần nữa Bắc lại cười nhưng cứ đứng xa.

- Vứt chiếc dùi cui đi! - Perôn ra lệnh.

Phrăngxoa làm theo. Thế là Bắc lon ton chạy vào, cười đắc thắng, và quay mình đứng vào chỗ đầu đàn. Chiếc đai cương được thắng vào mình nó, chiếc xe trượt phá vỡ lớp băng bám giữ ở càng, lướt tới, và với cả hai người cùng chạy bộ, tất cả lao nhanh về phía con đường trên mặt sông.

Dù trước đây anh chàng đánh xe chó đã đánh giá Bắc khá cao khi anh bảo là Bắc bằng hai con quý dữ, nhưng đến bây giờ, khi ngày lao động hầy còn dài, trời còn sớm sủa, anh đã nhận thấy là mình hầy còn đánh giá thấp Bắc. Vứt một cái Bắc đảm nhiệm trôi chảy ngay công việc đầu đàn; và ở chỗ nào cần phải có sự phán xét, cần suy nghĩ nhanh, hành động nhanh, thì ở đấy Bắc đã tỏ ra xuất sắc hơn cả Xpít, mà trước kia thì Phrăngxoa chưa bao giờ gặp con chó nào sánh kịp Xpít cả.



Đặc biệt Bắc trội hẳn trong vấn đề bắt lữ bạn nghề phải theo ý mình và phải rắm rắp vào khuôn phép. Đêvơ và Xôn-lếch thì chả màng bạn tâm gì đến sự thay đổi kẻ cầm đầu. Đó không phải là việc của chúng. Việc của chúng là lao động, và lao động cật lực, trong vòng đai cương. Chừng nào điều đó không bị ai quấy rầy, thì có xảy ra việc gì cũng mặc, chúng chả cần để ý tới. Ngay cả tên Bili lành như đất kia có lên làm chỉ huy thì chúng cũng chấp nhận thôi, chả việc quái gì phải thắc mắc, nếu như nó duy trì được trật tự. Nhưng còn những con chó khác trong đàn, thì trong những ngày cuối cùng của Xpít, chúng đã trở thành ngỗ ngược, và bây giờ chúng ngạc nhiên hết sức khi thấy Bắc lại khép chúng vào kỷ luật.

Paicơ, ở vị trí kéo xe sắt ngay sau Bắc, từ trước đến nay chỉ kéo lấy lệ vì bị bắt buộc, chứ chưa bao giờ chịu dần thêm được một lạng nào của trọng lượng mình nó vào chiếc dây da quàng ngang ức, ấy thế mà lần này liên tiếp bị hắt lắc, nhắc nhở luôn vì cái tội lười nhác, nên trước khi ngày lao động đầu tiên kết thúc, nó đã chịu nai lưng ra kéo mạnh hơn bất kỳ lúc nào trước đây trong đời nó. Đêm đóng trại đầu tiên, Giơ, con chó cái bần, bị trừng trị đến nơi đến chốn - một điều mà trước kia Xpít không bao giờ làm nổi. Bắc đơn giản chỉ có dùng cái thể xác nặng cân hơn hẳn của mình mà đè trùn tên kia, làm cho hắn ngột ngạt, rồi tới tấp thọc cắn cho đến khi hắn thôi không còn dám táp lại nữa và bắt đầu phải rên rĩ để xin tha.

Khí thế chung của đàn chó lập tức khá lên trông thấy. Nó đã trở lại với sự thống nhất trước kia và một lần nữa, mọi con như một lại nhẩy cùng một nhịp trong vòng dây kéo. Tại khu vực Thác Rinh, đàn được bổ sung thêm hai con chó Étkimô địa phương Tích và Kuna. Bắc đã kèm cặp đưa chúng vào làm quen được với công việc một cách mau lẹ đến nỗi Phrăngxo phải sửng sốt kêu lên:

- Trời đất quý thần! Chưa bao giờ có con chó nào như con Bắc cả! Chưa bao giờ! Hấn đáng đến một nghìn đôla ấy chứ! Ê! Cậu thấy thế nào Perôn?

Và Perôn gật đầu. Lúc này anh đã vượt được kỷ lục, và càng ngày càng được dồi thêm. Con đường trên băng đã trở nên tốt tuyệt vời, được nện chặt và rắn chắc, và không có tuyết mới rơi thêm khiến phải chiến đấu để vượt qua. Trời không quá rét. Nhiệt độ tụt xuống âm năm mươi độ và dừng lại mức đó trong suốt chuyến đi. Hai người thay nhau khi ngồi xe khi chạy bộ, bắt lũ chó thường xuyên chăm chỉ phóng tới, hoặ hoãn mới phải dừng lại đôi lúc.

Con sông "Ba mươi dặm" tương đối phủ kín băng, và chỉ trong một ngày chạy ra, họ vượt được trọn cả một quãng đường đã ngốn mất của họ mười ngày lúc đi vào. Họ chạy một thôi phóng qua được sáu mươi dặm từ bờ hồ Lơ Bácgiơ đến thác "Ngựa Trắng". Qua các hồ Mácê, Têghinê và Bennét (dãy hồ dài bảy mươi dặm), đàn chó lao nhanh đến nỗi người đến phiên chạy bộ phải túm lấy một sợi dây cho

chiếc xe lôi tuột mình theo đằng sau. Và đến đêm cuối của tuần thứ hai, họ đã leo lên đỉnh "Đèo Tuyết" rồi đổ dốc xuống bờ biển, nhìn thấy dưới chân mình lấp lánh những đốm ánh sáng của thành phố Xkeguê và của những con tàu trên mặt nước.

Thật là một chuyến chạy kỷ lục. Trong mười bốn ngày liền, mỗi ngày họ chạy được trung bình bốn mươi dặm. Tại Xkeguê, suốt ba ngày Perôn và Phrăngxoa ưỡn ngực tự hào phấn khởi đi lên đi xuống dọc đường phố chính và tới tập được người ta mời đánh chén, trong khi đó thì đàn chó của hai anh liên tục bị vây kín giữa một đám đông người dạy chó và chủ chó kéo xe ngắm nghía ngưỡng mộ.

Nhưng rồi có ba bốn tên vô lại từ miền Tây đến với mưu đồ quơ sạch của cải trong thành phố, được người ta thưởng cho những loạt đạn lỗ chỗ khắp người chết thẳng cẳng, và thế là sự chú ý của công chúng lại chuyển sang mục tiêu khác.

Tiếp đó, có lệnh điều động của chính phủ truyền xuống, Phrăngxoa gọi Bắc đến, quàng tay ôm lấy nó, gục đầu vào mình nó khóc từ biệt. Và đó là phút cuối cùng cạnh Phrăngxoa và Perôn. Cũng như bao người khác trước đây, họ đi ngang qua rồi biến khỏi cuộc đời của Bắc không bao giờ trở lại.

Một chàng người lai Xcốtlen tiếp nhận Bắc và lũ bạn nghề của nó. Rồi cùng với mười đàn chó kéo xe khác, Bắc bắt đầu ngược trở lại con đường chán ngắt hướng về Đoxân. Bây giờ thì không còn chạy được

nhẹ nhàng nữa, cũng không còn kỷ lục về thời gian, mà là ngày ngày lao động cực nhọc, nặng nề, kéo theo sau một khối nặng trình trịch. Bởi vì lần này là đoàn xe chở thư, mang những lời nhắn gửi từ khắp nơi chuyển đến những con người đang tìm vàng giữa bóng tối vùng Bắc cực.

Bác chả thích nhưng nó đủ nghị lực chịu đựng được công việc, tự hào với công việc ấy theo lối của Đêvơ và Xôn-lếch, và lo liệu sao cho lũ bạn của mình, dù chúng có tự hào với việc ấy hay không, cũng phải đóng góp phần chính đáng của chúng. Cuộc sống thật là đơn điệu, vận động đều đều như cái máy. Ngày này giống hệt ngày khác. Đến một giờ nào đó mỗi buổi sáng tỉnh mơ, những anh đầu bếp trở dậy, lửa lập loè nhóm lên, rồi tất cả ăn bữa sáng. Tiếp đó, trong khi một số người nhỏ trại, một số khác thắng đai cương vào chó, và họ lên đường vào khoảng một tiếng trước khi trời rạng sáng. Đêm đến lại đóng trại. Một số người dựng lều, một số hái củi và chặt cành thông lót chỗ nằm, một số khác mang nước hoặc những tảng băng đến cho những anh đầu bếp. Các con chó cũng được ăn uống. Đối với chúng, đây là tiết mục hấp dẫn nhất trong ngày, dù rằng còn có cái thú đi chơi rong, sau khi chén xong khẩu phần cá, loanh quanh dạo khoảng chừng một tiếng với những con chó khác, lũ chó đông đến một trăm con có lẽ. Trong bọn chúng có những đầu sĩ hung dữ, nhưng chỉ cần ba trận với những tên hung dữ nhất là đã đủ

đưa Bắc lên địa vị thống lĩnh, và từ đó khi Bắc dựng đứng bờm lên và nhe răng ra là chúng liền tránh lối cho nó đi.

Có lẽ điều mà Bắc yêu thích hơn cả là nằm bên đông lửa, chân sau xếp dưới bụng, chân trước duỗi trước mặt, đầu ngẩng lên, đôi mắt chớp chớp mơ màng nhìn ngọn lửa. Thỉnh thoảng nó nhớ lại ngôi nhà lớn của ông thẩm phán Milor trong thung lũng Xanta Clara môn man ánh nắng, cái bể bơi xây xi măng, nhớ lại Idaben, con chó Méhicô trần trụi, và Tut, con chó Nhật Bản; nhưng thường hay nhớ nhất là cái lão mặc áo nịt đỏ, cái chết của Coli, cuộc chiến đấu dữ dội với Xpít và mọi thứ ngon lành mà nó đã ăn và muốn ăn. Trong lòng nó không có cái nỗi nhớ nhà da diết. Vùng đất phương Nam đầy ánh nắng đã rất mờ nhạt và xa xăm, và những ký ức kia không còn có sức tác động gì đối với nó. Có những thứ khác có sức mạnh hơn rất nhiều: đó là những ký ức di truyền của dòng giống, những ký ức đã tạo ra cho những vật mà trước đây nó chưa hề nhìn thấy bao giờ một cái vẻ thật là thân thuộc. Những bản năng (không có gì khác hơn là những ký ức của tổ tiên nó dần dần trở thành thói quen) vốn đã tắt dần đi trong những thời kỳ về cuối, vậy mà nay, đến nó, tuy càng về cuối hơn nữa, nhưng lại trỗi dậy và sống lại.

Thỉnh thoảng, giữa lúc nó nằm thu hình ở đấy, chớp chớp mơ màng nhìn ngọn lửa, nó bỗng thấy dường như ánh bập bùng kia là từ một thứ lửa khác

phát ra, và dường như trong khi nó nằm bên cạnh thứ lửa ấy thì nó nhìn thấy con người trước mặt nó không phải là anh chàng đầu bếp người lai kia nữa, mà là một con người khác hẳn. Con người này chân ngắn hơn, tay dài hơn, có những bắp thịt cuộn cuộn như dây chảo và cõn lên nhiều chứ không phải những bắp thịt tròn trĩnh căng phồng. Tóc của người này dài và dài như tấm thảm, và đầu gã từ đôi mắt trở lên vát hẳn về phía sau khuất vào trong đám tre rậm ấy. Gã phát ra những tiếng kỳ lạ và có vẻ như rất sợ bóng tối luống mắt liên tục xoáy vào màn đêm dày đặc nắm khư khư trong bàn tay thông quá đầu gối một cái gậy, đầu gậy có hòn đá nặng buộc chặt. Gã hầu như trần truồng, chỉ có một tấm da rách tả tơi và cháy sém rủ lưng chừng xuống lưng gã, nhưng người gã phủ đầy lông lá. Ở một vài chỗ, ngang ngực và vai, và dọc mặt ngoài cánh tay cùng bắp đùi, lông quện lại thành những đệm dày cộp. Gã không đứng thẳng, mà thân gã từ hông trở lên đổ về phía trước, đầu gối hơi khuyu xuống. Toàn thân gã toát ra một vẻ đặc biệt, như mang tính đàn hồi, hoặc như đang nhún xuống sẵn sàng bật nảy, gần giống như con mèo, và một vẻ cảnh giác thính nhạy của kẻ sống thường xuyên trong mối hãi hùng, lo sợ những thứ nhìn thấy được cũng như không nhìn thấy được.

Có những lúc, con người lông lá đó lại ngồi chồm hổm bên đống lửa, đầu kê giữa hai chân mà ngủ. Những lúc ấy hai cùi tay gã chống trên đầu gối, hai

bàn tay chấp lại trên đầu như muốn dùng hai cánh tay lông lá để che mưa. Và phía bên kia đồng lửa, trong vòng tròn bóng tối vây quanh, Bắc có thể nhìn thấy nhiều đốm than cháy sáng óng ánh, từng đôi một, khi nào cũng từng đôi, từng đôi một, mà Bắc biết là những cặp mắt của lũ thú lớn săn mồi. Bắc có thể nghe thấy tiếng va chạm xoàn xoạt của thân thể chúng băng qua bụi bờ và những tiếng động chúng gây ra trong đêm thanh vắng. Trong khi Bắc nằm mơ màng ở đây, cạnh bờ sông Lucôn, với đôi mắt lơ đãng chập chờn nhìn ánh lửa, tất cả những thứ âm thanh và cảnh vật ấy của một thế giới khác biệt thường làm nó rợn cả lông dọc theo sống lưng, bờm lông ngang vai và cổ dựng ngược cả lên, cho đến khi nó bật ra một tiếng rên âm thầm và ghen tặc hoặc một tiếng gừ khe khẽ, và anh chàng người lai đầu bếp lại lên tiếng quát: "Ê tên Bắc kia! Tỉnh dậy đi!". Thế là cái thế giới kia lập tức biến mất, và cái thế giới thực lại hiện ra trước mắt nó, nó đứng dậy, ngáp dài rồi đuổi mình như thể vừa rồi nó đã ngủ thật.

Chuyến đi ấy thật là gian khổ, với khối bưu kiện trình trịch kéo theo sau, và công việc nặng nhọc làm lũ chó kiệt sức dần. Khi tới Đoxan, chúng sút hẳn cân và trông thật tiêu tụy. Đáng lẽ ra chúng phải được nghỉ ít nhất là mười ngày hoặc một tuần. Thế nhưng chỉ hai ngày sau là chúng lại đã phải lên đường, từ mé rừng Berot tụt xuống bờ sông Lucôn, kéo theo một khối nặng thư từ chuyển ra bên ngoài. Lũ chó mệt

nhoài, những chàng lái xe cần nhẫn, và một điều khiến tình hình càng thêm điều đứng là ngày nào cũng có tuyết rơi. Điều đó có nghĩa là mặt đường mềm nhũn ra, ma sát vào càng xe lớn hơn, và đàn chó phải kéo nặng nhọc hơn. Tuy nhiên các chàng lái xe cũng công bằng, và họ cố gắng hết sức chăm lo cho chúng.

Đêm đêm dừng lại, họ săn sóc đàn chó trước tiên. Chúng được ăn trước khi người ăn, và mỗi người đều chăm nom xem xét các bàn chân của lũ chó xong rồi mới lo sắp xếp chỗ ngủ cho mình. Tuy vậy, sức khỏe của chúng vẫn suy sụp dần. Kể từ đầu mùa đông, chúng đã chạy một ngàn tám trăm dặm, kéo chiếc xe trượt tuyết đi suốt quãng đường dài mệt rã rời ấy. Và một ngàn tám trăm dặm quả là thấm thía, cả đối với những con vật dai sức nhất. Bắc chịu đựng được, đồng thời phải trông coi cho lũ bạn nghề của nó tiếp tục làm việc tốt và duy trì kỷ luật, mặc dù bản thân nó cũng đã mệt lử. Bili đêm nào cũng kêu la rên rĩ trong giấc ngủ. Giỏ trở nên cẩu thả hơn bao giờ hết. Còn lão Xonlếch thì không kẻ nào dám đến gần, cả bên mắt mù và bên mắt không mù của lão.

Nhưng Đêvơ là kẻ đau đớn nhiều nhất. Có một cái gì đó không ổn định trong mình gã. Gã trở nên ủ ê hơn và dễ bấn tính hơn. Lúc dừng lại đóng trại nghỉ là gã lập tức đào lỗ nằm, và người lái xe phải đưa thức ăn đến tận chỗ nằm cho gã. Mỗi khi đã được tháo ra khỏi đai cương và nằm xuống là gã nằm miết,



không đứng dậy nữa, cho đến tận giờ sáng dai cương sáng hôm sau. Thỉnh thoảng trong vòng dây kéo, khi bị giật mạnh vì chiếc xe trượt tuyết dừng đột ngột hoặc vì kéo căng dây để lôi xe đi, gã kêu thét lên đau đớn. Người lái xe xem xét gã cẩn thận, nhưng không phát hiện ra được cái gì cả. Tất cả các chàng lái xe đều quan tâm đến tình trạng sức khỏe của gã. Họ trao đổi về cái đau của gã trong khi họ ngồi ăn, trong khi họ cùng nhau rít tẩu thuốc cuối cùng trước lúc đi ngủ, và một đêm họ cùng nhau khám bệnh cho gã. Họ bê gã từ trong ổ nằm đến bên ống lửa, rồi họ đè, họ nắn, họ chọc vào chỗ này chỗ nọ cho đến khi gã kêu rú lên nhiều lần. Họ biết gã bị đau cái gì đó ở bên trong, nhưng họ không xác định được là cái gì, không tìm thấy được chỗ xương nào bị gãy, cũng không tìm ra được là đau ở đâu.

Vào lúc đoàn người và chó đến mồm núi Kexior, gã đã quá yếu, đến nỗi gã nhiều lần ngã xuống trong vòng dây kéo. Anh chàng người lai Xcốtlen hô dừng lại và đưa gã ra ngoài đàn chó, buộc con chó kế tiếp Xônlếch vào chiếc xe trượt. Anh có ý cho Đêvơ được nghỉ ngơi, để cho gã chạy không ở đằng sau xe. Nhưng, dù ốm đến như vậy, Đêvơ rất phật ý vì bị đưa ra ngoài, gã càu nhàu và găm gù khi người ta tháo các dây kéo ra khỏi mình gã, và rên rĩ đến nỗi cả lòng khi gã nhìn thấy Xônlếch thay thế vào vị trí mà gã đã giữ và phục vụ từ bao lâu nay. Bởi vì lao động trên vệt đường mòn chính là niềm tự hào của

gã, và dù ốm đến gần chết gã vẫn không thể nào chịu được khi thấy một con chó khác gánh mất phần việc của gã.

Khi chiếc xe trượt tuyết bắt đầu chuyển động, gã loạng choạng thì thụp trong bãi tuyết mềm dọc bên đường, dùng răng còng kích Xônlếch, đâm bổ vào Xônlếch và cố gắng để hất Xônlếch sang phía tuyết mềm bên kia đường, rón sức tìm cách nhảy vào trong vòng dây kéo và len vào giữa Xônlếch và chiếc xe trượt, và suốt trong quá trình đó gã rên rỉ, kêu ăng ẳng, rú lên những tiếng sầu não và đau đớn. Anh chàng người lai dùng roi cố tìm cách xua gã ra, nhưng gã không lưu ý gì đến chiếc dây roi quất trên mình gã, và người lái xe chẳng nỡ lòng nào đánh gã mạnh hơn. Đêvơ cự tuyết không chịu chạy thanh thản trên đường mòn phía sau xe, là nơi gã có thể chạy dễ dàng, mà cứ tiếp tục loạng choạng lặn lội trong đám tuyết mềm dọc theo đường là nơi khó đi nhất, cho đến khi gã kiệt sức ngã xuống. Gã nằm bẹp nơi gã vừa ngã gục, gào lên nào nùng trong khi dây dài các xe trượt khuấy tung bụi tuyết nổi tiếp lướt qua.

Thu hết sức tàn, gã cố gắng đứng dậy lảo đảo bước theo sau, cho đến khi đoàn xe đứng lại một lần nữa. Nhân lúc này, gã loạng choạng cố tiến lên vượt qua những chiếc xe trượt cho đến khi tới được chiếc xe của mình, và đứng lại bên cạnh Xônlếch.

Người lái xe nán lại một lúc để đến cạnh người đi sau chằm nhờ tẩu thuốc. Đoạn anh quay lại và thúc

đàn chó bước đi. Nhưng khi cất bước để ngoặt ra giữa đường thì kỳ lạ chưa, chúng đi nhẹ tênh không phải rần sức gì cả. Chúng bắn khoăn, quay đầu lại nhìn rồi đứng sững kinh ngạc. Người lái xe đứng sững sốt. Chiếc xe trượt vẫn nguyên tại chỗ, chưa dịch đi tí nào. Anh gọi các bạn anh cùng chứng kiến cảnh tượng vừa xảy ra: Đêvơ đã cắn đứt cả hai sợi dây kéo của Xônlech từ bao giờ và đang đứng ngay trước chiếc xe trượt tuyết ở đúng vị trí của gã trước kia.

Qua đôi mắt của Đêvơ, người ta thấy gã đang van nài xin được tiếp tục ở lại vị trí ấy. Người lái xe thật là bối rối. Các bạn anh sôi nổi bàn tán. Họ nói rằng một con chó có thể đau lòng đến như thế nào khi bị người ta từ chối không giao cho nó một công việc mà người ta biết là làm thì nó chết mất. Họ kể lại những chuyện mà họ đã biết về những con chó quá già không thể lao động nặng được nữa hoặc bị thương, khi bị tháo ra khỏi các dây thắng thì buồn rầu mà chết. Họ cũng bàn rằng, vì Đêvơ thế nào rồi cũng chết, âu là cứ cho gã được chết trong vòng đai cương, cho gã vui lòng toại nguyện, thì cũng là làm ơn cho gã. Do đó, họ lại thắng đai cương vào cho gã. Và thế là gã lại đẩy vể tự hào gò lưng kéo như xưa, mặc dù nhiều lúc gã đã không nén được những tiếng kêu rú lên vì cơn đau bên trong cắn xé gã. Đôi khi gã ngã xuống và bị kéo lê đi trong vòng dây thắng, và một lần chiếc xe trượt đè lên gã, làm bị thương một chân sau của gã và sau đó gã phải chạy khập khiễng.

Nhưng gã vẫn rán sức chịu đựng, mãi cho đến khi dừng lại đóng trại nghỉ đêm. Người lái xe xếp một chỗ nằm cho gã bên đống lửa. Sáng hôm sau, gã đã quá yếu xem chừng khó mà đi được. Đến giờ thắng đai cương, gã cố lết đến chỗ người lái xe của mình. Bằng những cố gắng vất vả, gã rán sức đứng lên, lảo đảo, rồi lại ngã vật xuống. Nhưng rồi gã lại vận mình chậm chạp trườn lên bò về phía những bạn nghề của gã đang được thắng đai cương. Gã duỗi hai chân trước ra và bằng một thứ động tác giật mạnh, kéo cả thân mình lên, rồi lần nữa lại duỗi hai chân trước ra và lại co mình lên, nhích được thêm vài inơ nữa. Nhưng sức gã kiệt dần, và phút cuối cùng các bạn nghề của gã còn nhìn thấy gã là lúc gã đang nằm thở hổn hển trên mặt tuyết và nhìn theo chúng bằng đôi mắt khát khao. Nhưng sau đó, chúng vẫn còn nghe được tiếng hú thê thảm của gã vọng theo mãi cho đến khi chúng đi khuất hẳn đằng sau một rừng cây bên dòng sông.

Đến đây đoàn xe dừng lại. Anh chàng người Xcốtlen chậm rãi quay trở về nơi họ vừa ra đi. Tất cả im bất không ai chuyện trò nữa. Một tiếng sừng lục vang lên. Anh người lai hồi hã quay lại. Những chiếc roi vút trong không khí, những chiếc nhạc ở cổ chó rung lên leng keng vui vẻ, những chiếc xe trượt lại khuấy tung bụi tuyết lướt trên đường. Nhưng Bắc hiểu, cũng như mọi con chó khác đều hiểu, cái gì đã xảy ra phía đằng sau rừng cây bên dòng sông.

## V

## LAO KHỔ TRÊN VỆT ĐƯỜNG MÒN

Ba mươi ngày sau khi rời Đoxân, khối bưư kiện từ Xontoato kéo theo sau Bắc và lũ bạn nghề của nó đã đến Xkeguê. Tình trạng của lũ chó thật là thảm hại, chúng tả tơi và kiệt quệ, một trăm bốn mươi pao của Bắc tụt xuống chỉ còn một trăm mười lăm. Bạn nghề của nó, tuy là những con chó nhẹ cân hơn, nhưng so sánh theo cách tương đối thì lại sút cân nhiều hơn. Paico, tên hay giả ốm để trốn việc, trước kia trong cuộc đời gian dối của hắn, đã từng thực hiện thành công thủ đoạn giả vờ đau chân, nay thì khắp khiễng thật sự chứ không còn là trò bịp nữa. Xonlêch cũng khắp khiễng, còn Đóp thì đau đớn vì sai khớp một xương vai.

Tất cả bọn chúng đều đau chân dữ dội. Cơ thể chúng chả còn tí sức bật hoặc khả năng đàn hồi nào nữa. Bàn chân chúng nặng nề rơi từng bước xuống mặt đường mòn, làm chấn động mạnh toàn thân và nhân lên gấp bội nỗi mệt mỏi của cả ngày dài rong ruổi. Đối với chúng, mọi sự chả thành vấn đề gì cả, trừ nỗi mệt mỏi đến chết đi được ấy. Không phải là cái thứ mệt chí tử do một sự rần sức quá đáng nhưng ngăn ngủi, mệt như vậy thì chỉ nghỉ vài giờ là hồi sức ngay; mà đây là cái thứ mệt do sự tiêu hủy thể lực từ từ và kéo dài suốt trong bao nhiêu tháng trời lao

động cực nhọc. Không còn một khả năng phục hồi nào nữa, không còn tí sức lực dự trữ nào để mà vét ra nữa. Tất cả đã được sử dụng hết, cho đến tí chút hơi sức nhỏ nhất cuối cùng. Tất cả mọi cơ bắp, mọi thớ thịt, mọi tế bào đều mệt, mệt đến chết được. Vì sao mà mệt đến như vậy, thật đã quá rõ ràng. Trong không đầy năm tháng, chúng đã chạy đến hai ngàn năm trăm dặm, và trong một ngàn tám trăm dặm cuối cùng, chúng chỉ được nghỉ có năm ngày. Khi chúng đến Xkeguê, thì người ta thấy rõ ràng là chúng đã kiệt quệ, như chỉ còn thoi thóp. Chúng khó mà kéo cho căng được các dây thừng, và khi xuống dốc, sức chúng chỉ vừa đủ để xoay xở tìm cách tránh khỏi bị chiếc xe lao xuống đê phải.

- Nào! Cố lên đi! Khốn khổ chúng mày, đau chân quá mà! - Người lái xe động viên chúng trong khi chúng bước lảo đảo không vững dọc đường phố chính của Xkeguê - Tí nữa thôi là hết! Rồi chúng mình sẽ nghỉ thật lâu! Nghe không? Chắc chắn như vậy! Nghỉ thật là lâu!

Những người đánh xe tin tưởng chắc chắn là họ sẽ được dừng lại nghỉ ngơi trong một thời gian dài. Chính bản thân họ cũng đã phải rong ruổi suốt một ngàn hai trăm dặm mà chỉ mới nghỉ được có hai ngày, mà theo sự hợp lý và lẽ công bằng chung cho tất cả mọi người thì họ xứng đáng được một thời gian dài nhàn rỗi. Thế nhưng đã có quá nhiều người đổ xô vào vùng Klondai, mà có quá nhiều người yêu,

người vợ, người thân của họ không cùng đổ xô vào đấy, cho nên đồng thư từ bưu kiện ứ lại chồng chất như núi; thêm nữa, lại có lệnh của Chính phủ truyền tới. Thế là phải kiếm một lớp chó Vịnh Hấtxơn còn khỏe nguyên để thay thế cho những con chó đã hết tác dụng, không còn kéo xe trên đường mòn được nữa. Những con hết tác dụng thì phải tống khứ đi và vì so với những đồng đôla thì chó cũng chả có giá trị gì mấy, cho nên người ta bán chúng đi đổi lấy đôla.

Ba ngày trôi qua. Trong thời gian ba ngày ấy, Bắc và lũ bạn nghề của nó cảm thấy cơ thể chúng sao mà mệt và yếu lả đi đến thế. Nhưng rồi đến sáng hôm thứ tư, có hai gã đàn ông người Hoa Kỳ đến nơi này và mua chúng, cùng cả đai cương và mọi thứ, với một giá rẻ. Hai người ấy gọi tên nhau là "Han" và "Sác". Sác là một gã trung niên, da nâu nhạt, có đôi mắt yếu đuối ươn ướt, một bộ ria xoắn lại và vểnh lên hung dữ, tương phản với nét môi ẻo lả ủ rũ cụp xuống khuất dưới bộ ria ấy. Han là một tay trai trẻ trạc mười chín đôi mươi, có một khẩu súng côn to tướng và một con dao sẵn đeo ở chiếc thắt lưng cài tua tủa những đạn. Chiếc thắt lưng ấy là vật tiêu biểu nhất ở con người của gã. Nó thể hiện tính chất non nớt của gã, một sự non nớt hoàn toàn và khó mà diễn tả được. Cả hai con người ấy rõ ràng là rất lạc lõng đối với nơi này. Vì lẽ gì mà họ phải mạo hiểm xông pha vào vùng đất phương Bắc này, điều đó là một phần trong màn bí ẩn của vạn vật mà mọi người không thể hiểu nổi.

Bác nghe người ta cò kè mặc cả với nhau, thấy những đồng tiền trao qua đổi lại giữa người lạ với anh nhân viên nhà nước, thế là Bác biết rằng anh chàng người lai Xcôtlen cùng những chàng lái xe khác của đoàn xe thư lại sắp phải rời khỏi cuộc đời của Bác theo gót Perôn, Phrăngxoa và những con người khác đã đi qua trước đây.

Khi Bác cùng lũ bạn nghề của nó bị dẫn đến khu đóng trại của những người chủ mới, Bác nhìn thấy một quang cảnh luộm thuộm và nhếch nhác, lều căng nửa vời, bát đĩa bẩn không rửa vứt lổng chổng, mọi thứ lộn xộn bừa bãi. Bác còn thấy một người đàn bà mà mấy gã đàn ông gọi là Mécxêdét. Ấ là vợ của Sác và chị của Han - một nhóm gia đình khá xinh xẻo.

Bác để ý theo dõi họ, thấp thỏm e ngại, trong khi họ tiến hành dỡ lều và chất đồ lều lên chiếc xe trượt tuyết. Cung cách của họ phí rất nhiều công sức, mà chả có phương pháp ngăn nắp gì cả. Chiếc lều được cuộn thành một bó lủng nhùng, đáng lẽ ra có thể xếp gọn lại chỉ bằng một phần ba. Những chiếc đĩa thiếc chưa rửa, cứ thế gói lại đưa đi. Mécxêdét cứ liên tục xăng xít ngáng trở trước mặt hai người đàn ông và luôn mồm huyên thiên can gián và góp ý. Khi họ đặt một túi đựng quần áo lên đầu chiếc xe trượt, thì Mécxêdét lại gợi ý cho họ là phải đặt ở cuối xe. Rồi khi họ đã đặt túi ấy vào cuối xe và đã chất một số bọc đồ lều khác đê lên trên, thì ả lại muốn lôi cái túi ấy ra để bỏ một số vật dụng từ này để quên một bên không



chú ý tới, bỏ vào trong chính cái túi ấy chứ không thể bỏ vào đâu khác nữa. Và thế là họ lại phải tháo dỡ đồ đoàn ra khỏi xe để lôi cái túi ấy lên.

Ba người đàn ông từ một chiếc lều bên cạnh bước tới và đứng nhìn, vừa nhìn vừa nhả nhở răng ra cười và nháy mắt với nhau.

- Các vị mang một khối tương đối đấy! - Một người trong bọn họ lên tiếng. - Chẳng phải tôi dám chỉ bảo cho các vị, nhưng tôi mà như các vị thì tôi chẳng khuan các lều ấy đi làm quái gì.

- Ôi! Thật không tưởng tượng nổi! - Mécxêđét kêu to, vung một cái cả hai tay lên trời tỏ vẻ thất vọng một cách rất điệu. - Không có lều thì làm thế nào mà sống được!

Người kia đáp:

- Sang xuân rồi! Các vị không gặp thời tiết giá rét nữa đâu!

Mécxêđét vẫn khẳng khẳng lắc đầu, và Sác với Han tiếp tục đặt những thứ linh tinh lặt vặt cuối cùng lên trên chóp cái đồng đồ đạc to như núi.

Một người khác hỏi:

- Liệu có kéo đi được không?

- Sao lại không? - Sác vặn lại cộc lốc.

- Ô! Thôi được, thôi được! - Người kia vội vàng trả lời hiền lành. - Tôi chỉ thắc mắc một tí thôi mà. Hình như nó có hơi nặng trên chóp đấy.

Sác quay lưng và đem hết khả năng của mình ra

để rút các dây buộc cho đồng đồ đạc hạ thấp xuống, nhưng khả năng của y lại quá tồi.

Một người thứ hai lên tiếng:

- Lũ chó kéo cái máy cái tiến này tất nhiên sẽ được dịp rèn luyện kịch liệt bộ chân suốt ngày đây!

- Hẳn là thế! - Han đáp lời với một vẻ lễ phép lạnh lùng, rồi một tay gã nắm lấy chiếc cần lái xe, tay kia vung roi lên - Mọt-s! - Gã thét - Mọt-s! Đi!

Lũ chó lao bổ về đằng trước, đề lên đai ngực, ra sức kéo một lát, rồi dừng lại. Chúng không thể kéo chiếc xe nhích đi một chút nào.

- Đồ súc sinh lười biếng, tao sẽ cho chúng mày biết tay! - Gã vắn gào lên, vừa vung roi chuẩn bị quật xuống.

Nhưng Mécxêđét xông vào, kêu to:

- Han! Dừng em! - Ả vội tóm lấy chiếc roi và giật ra khỏi tay Han. - Ôi, những con vật đáng yêu tội nghiệp. Bây giờ em phải hứa với chị là từ đây đến hết chuyến đi em sẽ không tàn nhẫn với chúng nữa, nếu không thì thôi, chị sẽ không đi đâu hết.

Thằng em cười khẩy:

- Gớm, cái vốn hiểu biết của chị về chó đã quý hóa chưa! Tôi xin chị cứ để mặc tôi. Tôi bảo cho chị biết chúng nó lười, nếu chị muốn chúng làm việc thì chị phải quật. Cái lối của chúng là như vậy. Chị cứ hỏi bất kỳ ai mà xem! Hỏi thử một ông kia kia!

Mécxêđét nhìn mọi người bằng đôi mắt van xin,

trên khuôn mặt xinh đẹp hiện rõ vẻ xiết bao ghê sợ không muốn nhìn thấy cảnh đau đớn.

Một trong những người đứng đấy trả lời:

- Các vị muốn biết thì tôi xin thưa! Chúng nó yếu nhũn ra như bún rồi. Đã làm việc kiệt hết sức rồi, vấn đề là như vậy đấy. Chúng cần phải được nghỉ ngơi cái đã.

- Nghỉ cái con khỉ! - Từ đôi mép nhẵn thín của Han vang tiếng rủa, khiến Mécxêđét thốt lên một tiếng "ối" đau đớn phiến não.

Nhưng lại là một con người trung thành với cánh của mình, nên ả liền vội quay lại bảo vệ cho em trai:

- Thôi đừng bận tâm đến lời ông ta nữa em ạ. - Ả nói. - Em là người điều khiển đàn chó của chúng ta, thôi thì em thấy cần phải xử với chúng như thế nào cho được việc thì em cứ làm.

Thế là cây roi của Han lại vụt xuống đàn chó. Chúng lao tới đè vào đai ngực, chân đạp thọc sâu vào lớp tuyết nén chặt; rạp mình xuống sát mặt tuyết, dốc cả toàn bộ sức lực. Nhưng chiếc xe trượt tuyết cứ trụ lại không nhúc nhích, như một cái mỏ neo cắm chặt. Sau hai lần dốc sức, lũ chó đứng lặng, thở hổn hển. Chiếc roi đang vun vút rít một cách man rợ, thì Mécxêđét lại nhảy ra can thiệp một lần nữa. Ả sụp xuống quỳ gối trước mặt Bắc, nước mắt lưng tròng, quàng hai tay ả quanh cổ Bắc, kêu lên giọng đầy xúc cảm:

- Ôi, những con vật tội nghiệp, những con vật đáng yêu khôn khổ! Tại sao chúng mày không kéo cật lực vào? Có vậy mới khỏi bị roi chứ!

Bác không thích gì ả, nhưng nó đang cảm thấy khôn khổ quá nên không cưỡng lại sự vỗ về của ả, và chịu đựng điều đó coi như là một phần của mọi nỗi khôn khổ phải chịu đựng trong ngày.

Một trong những người đứng nhìn, từ nãy đã cắn chặt răng để khỏi buột ra ý kiến nóng nảy, nay không nhịn được nữa phải thốt lên:

- Nay, các vị có ra làm sao thì cũng chả việc quái gì đến tôi mà tôi phải lo, thế nhưng, vì thương thân phận của lũ chó kia, tôi muốn bảo cho các vị biết rằng các vị có thể giúp đỡ cho chúng rất nhiều bằng cách phá vỡ lớp băng bám chặt vào xe kia kia. Càng xe đóng băng chặt cứng rồi, thấy không? Xô mạnh vào cái cần lái ấy, xô sang phải, rồi sang trái, phá băng cho càng xe bung ra!

Lần thứ ba, Han lại khởi động chiếc xe, nhưng lần này gã chịu nghe theo lời chỉ vẽ, nên đã phá vỡ được lớp băng dán chặt càng xe xuống mặt tuyết. Chiếc xe trượt chỗ quá tải và chông chênh bắt đầu nhích lên phía trước, Bác và lũ bạn nó vật lộn điên cuồng để kéo, dưới trận mưa roi xối xả. Tiến được một trăm mét thì con đường mòn rẽ ngoặt và đổ dốc xuống đường phố chính. Muốn giữ cho chiếc xe bị nặng trên chóp khỏi nghiêng đổ, phải có người lái kinh nghiệm, mà Han thì lại không phải loại người

đó. Ở khúc ngoặt, chiếc xe đổ nhào. Đến một nửa số đồ đạc trên xe bung ra khỏi những dây buộc lỏng lẻo, văng tung toé. Lũ chó cứ chạy, không dừng lại. Đằng sau chúng, chiếc xe nhẹ hẫng đi cứ nằm nghiêng nhay chồm chồm trượt tới. Lũ chó nổi giận vì đã bị đối xử tàn tệ và vì phải kéo một khối trọng tải phi lý. Bắc diên tiết lên. Nó chồm lên phóng nước đại, cả đàn theo gót nó. Han hét "Họ! Họ!", nhưng chúng chẳng thèm để ý. Gã nhảy theo ngáng lại, nhưng bị kéo ngã chổng gọng. Chiếc xe lật úp nghiêng lên người gã, còn lũ chó thì cứ theo đường cái phóng tới, gây thêm cảnh buồn cười cho dân phố Xkeguê trong khi chúng tiếp tục làm vung vãi nốt mọi thứ đồ đạc còn lại trên xe ra dọc con đường phố lớn.

Một số người tốt bụng bắt giữ đàn chó lại và nhặt nhanh hộ những thứ đồ đạc bị tung toé khắp nơi. Họ cũng góp một ý kiến khuyên bảo. Đồ đạc chỉ một nửa thôi, còn chó thì phải gấp đôi, có thể mới hòng đi được tới Đoxân, họ bảo vậy. Han và chị gã với anh rể gã miễn cưỡng nghe theo họ, hát lều xuống, xem xét lại toàn bộ đồ đạc, rồi thải ra một số đồ hộp làm cho mọi người phải bật cười, bởi vì đối với một hành trình đường dài thì đồ hộp lại là thứ mà người ta mơ ước.

Mọi người vừa cười vừa giúp việc xếp dọn:

- Gớm! Chăn nhiều thế! Đủ dùng cho cả một khách sạn! Giảm đi một nửa cũng còn quá nhiều đấy. Tổng khứ bớt đi! Vứt cái lều kia đi, và cả những cái đĩa kia nữa, chứ có để lại rồi thì ai rửa? Trời đất ơi!

Các vị tướng là các vị đi du lịch trên một toa nghỉ đầy tiện nghi kiểu Phunman ư?

Và cứ thế, họ giúp vào việc thanh toán thắng thừng những thứ không cần thiết. Mécxêdét kêu la khi những túi quần áo của ả bị ném phịch xuống đất và hết thức này đến thức khác bị quăng ra ngoài. ả vừa kêu khóc về mọi thứ nói chung, lại vừa kêu khóc về từng món bị vứt bỏ nói riêng, ả siết tay trên đầu gối, mình ả lắc lư ngả tới ngả lui với vẻ rất ư là đau khổ. ả quả quyết là ả sẽ chẳng đi đâu nữa hết, một tắc cũng không đi, có vớ đến mười chàng Sác ả cũng không đi. ả kêu xin mọi người và kêu xin mọi thứ. Nhưng rồi cuối cùng ả lau sạch nước mắt và cũng bắt tay vào quăng các thứ ra ngoài, cả đến những món quần áo tốt, cần thiết không thể thiếu được. Đến nỗi hăng lên, khi vứt xong những thứ của ả, là ả bèn xông vào vứt các thứ của hai gã đàn ông, sục tung suốt lượt mọi đồ đạc của họ ra như một cơn lốc.

Thanh toán xong, đồng đồ đạc tuy đã giảm đến một nửa, nhưng vẫn còn là một khối to kinh khủng. Buổi tối hôm đó, Sác và Han đi tìm mua được sáu con chó thuộc các giống chó ở những miền bên ngoài. Lũ này, cộng với sáu con cũ, cùng Tích và Kuna, hai con chó Étkimô bổ sung tại thác Rinh trong chuyến đi kỷ lục hợp thành một đàn đông đến mười bốn con. Nhưng lũ chó miền ngoài, mặc dù từ khi được đưa vào đất này đã được tập luyện trong thực tế, vẫn chả có tác dụng gì đáng kể. Trong bọn chúng có ba con

chó săn lông ngắn, một con nòi Niufaolân, còn hai con nữa là chó lai thuộc nòi gì không xác định được. Cái đám lính mới này chẳng có vẻ biết làm ăn gì cả. Bắc và lũ bạn nghề của nó đứng nhìn chúng bằng những con mắt khinh bỉ, mặc dù Bắc nhanh chóng dạy được cho chúng ổn định vào vị trí từng con và những gì chúng không được làm. Chúng không hứng thú gì đảm nhiệm một cách dễ dàng công việc lao động trên vệt đường mòn. Trừ hai con chó lai, bọn chúng đều bị cái môi trường man rợ kỳ lạ này và những sự đối xử tàn tệ làm cho hoảng hốt ngơ ngác và tinh thần suy sụp. Hai con chó lai thì chả có tí tinh thần nào; ở chúng chỉ có da xương là thứ duy nhất có thể bị suy sụp mà thôi.

Với những con chó mới vô tích sự và khổ não, cùng lũ chó cũ kiệt quệ vì hai ngàn năm trăm dặm đường gian khổ liên tục, cái viễn cảnh của đàn chó thật chẳng sáng sủa chút nào. Thế nhưng hai gã đàn ông thì lại rất vui mừng hơn hở. Và họ lại còn tự hào nữa. Họ đang giải quyết công việc đầu ra đây, với những mười bốn con chó! Họ đã từng thấy những chiếc xe trượt tuyết lên đường vượt đèo đi về phía Doxân hoặc từ Doxân tới đây, nhưng họ chưa bao giờ thấy một chiếc xe nào với số chó nhiều đến mười bốn con như thế. Trong các loại hành trình giữa miền Bắc cực này có một lý do tại sao không nên dùng nhiều chó đến mức mười bốn con kéo một chiếc xe trượt tuyết. Ấy là bởi vì một chiếc xe trượt tuyết không thể chở đủ thức ăn cho mười bốn con chó. Khốn nỗi Sác

và Han không biết điều đó. Họ đã vạch ra trên giấy toàn bộ kế hoạch cuộc du hành: đối với mỗi con chó cần ngăn này này, có ngăn này con chó, và đi trong ngăn này ngày, cứ thế nhân lên, Q.E.D. (bài toán chứng minh xong)! Mécxêđét nhìn qua vai hai gã rồi gật đầu tán thưởng. Mọi sự quả là rất đơn giản.

Sáng hôm sau, lúc đã hết già nửa buổi, Bắc dẫn đầu đàn chó xếp thành một hàng dài, ngược đường phố bắt đầu ra đi. Chẳng có gì sôi nổi sống động, Bắc và lũ bạn của nó không hăng hái cũng chẳng nhiệt tình. Chúng ra đi mà mệt rã rời, mệt đến chết được, Bắc đã bốn lần đi trọn quãng đường giữa Xontoato và Doxan, và bây giờ đây, trong lúc đã chán ngấy và kiệt sức, biết là lần nữa lại phải đương đầu với con đường gian khổ ấy, Bắc cảm thấy cay đắng. Nó chẳng có bụng dạ nào muốn làm công việc này nữa, mà những con chó khác cũng đều như vậy. Lũ chó miền ngoài thì nhút nhát và hoảng sợ, còn lũ chó cũ thì không tin vào chủ của nó.

Bắc lơ mơ cảm thấy là không thể trông mong gì được vào hai gã đàn ông và mụ đàn bà này. Họ chẳng biết làm bất cứ điều gì. Đã mấy ngày trôi qua, họ càng tỏ rõ là họ không thể học được kinh nghiệm gì trong thực tế. Họ chậm chạp trong mọi thứ việc. Không có trật tự, không có tính nghiêm ngặt. Họ mất cả đến một nửa đêm mới xong một chỗ cắm trại lồi thoi lếch thếch. Họ mất đến nửa buổi sáng để nhổ trại và chất các thứ lên xe trượt đồ đạc xếp luộm



thuộm lòng cùng đến nỗi trọng ngày họ phải mất thì giờ dừng lại nhiều lần để sắp đặt lại mọi thứ trên xe. Có những ngày họ không đi được đến mười dặm. Cũng có những ngày họ chịu không thể nào lên đường được. Và không có ngày nào họ có thể đạt được trên một nửa chặng đường mà người ta thường dùng làm yếu tố cơ bản để tính toán đường đi so với lượng thức ăn mang theo cho đàn chó.

Biết chắc chắn không thể tránh khỏi là họ sẽ thiếu thức ăn cho chó. Nhưng họ lại cho ăn quá mức, như vậy là lại càng rút ngắn thời gian làm cho cái ngày thiếu ăn sẽ đến sớm hơn. Lũ chó miễn ngoài, mà bộ máy tiêu hóa chưa được rèn luyện qua những trận đói kinh niên ngốn ngấu ăn rất dữ. Thêm vào đó, Han lại thấy những con chó Étkimô mệt lử kéo yếu ớt, thế là Han quả quyết rằng khẩu phần ăn quy định theo lệ thường là quá ít. Y tăng lên gấp đôi. Đâu phải chỉ có thế. Mécxêdét với đôi mắt xinh đẹp rớm lệ và giọng nói rung rung xúc động, ngọt ngào dỗ dành Han cho lũ chó ăn thêm nữa, nhưng không được Han nghe theo, ả bèn bí mật đánh cắp cá trong túi đựng thức ăn rồi đút cho chó. Nhưng điều cần thiết nhất lúc này đối với Bắc và lũ chó Étkimô đâu phải là thức ăn, mà là sự nghỉ ngơi. Và mặc dầu trong cả thời gian vừa qua, đoạn đường đi chả có là bao, nhưng khối đồ đạc nặng nề mà chúng phải kéo đã hủy hoại sức khỏe của chúng một cách nghiêm trọng.

Thế rồi cái ngày ăn đói đã tới. Một hôm Han sức

nhân thấy được sự thật là lượng thức ăn cho chó đã vơi mất một nửa mà quãng đường đi mới được một phần tư. Hơn nữa, không có cách gì kiếm ra thêm thức ăn cho chó. Vậy là gã cắt giảm khẩu phần của chúng, thậm chí cắt xuống dưới mức quy định theo lệ thường, và cố làm sao để tăng thêm quãng đường đi từng ngày. Chị gã và anh rể gã ủng hộ biện pháp đó. Nhưng họ thất bại vì đồng đồ lề của họ quá nặng và bản thân họ thì kém cỏi bất tài. Bớt thức ăn của chó đi là một điều đơn giản, nhưng làm cho lũ chó đi nhanh hơn thì họ chịu không thể nào làm được, trong khi đó thì bản thân họ buổi sáng nào cũng loay hoay mãi không thể ra đi sớm hơn được, cho nên không thể tăng thêm thời gian đi đường. Họ không những không biết làm thế nào để điều hành lũ chó mà họ còn không biết làm thế nào để điều hành cả bản thân họ nữa.

Con chó đầu tiên đi tong là Đốp. Tội nghiệp cái thân nó, nó là một tên kẻ cắp vụng về luôn bị bắt quả tang và bị trừng trị, tuy thế nhưng nó lại là một kẻ phục vụ trung thành. Cái xương bả vai của nó bị sai khớp, không được chữa chạy và không được nghỉ ngơi, càng ngày càng đau trầm trọng, thế là cuối cùng Han đã rút khẩu súng côn to tưởng cho nó một viên đạn.

Trong địa phương có một câu truyền miệng rằng mỗi con chó miền ngoài mà ăn khẩu phần chó Étkimô thì ắt phải đói mà chết, vậy dĩ nhiên là sáu

con chó miền ngoài nhập đàn của Bắc không thể có số phận nào khác hơn là chết, bởi vì chúng chỉ được một nửa khẩu phần chó Étkimô. Con chó nòi Niufaolân chết trước. Rồi đến ba con chó săn lông ngắn. Còn hai con chó lai thì cứng cỏi gắng níu lấy sự sống được lâu hơn, nhưng cuối cùng cũng đi nốt.

Cũng trong thời gian ấy tất cả những gì là hứng thú và dịu dàng của vùng đất phương Nam đã bay biến hết khỏi ba con người. Chẳng còn gì là quyến rũ và thơ mộng, cuộc hành trình giữa miền Bắc cực đã trở thành một thực tế quá phũ phàng đối với loại đàn ông và loại đàn bà như họ. Mécxêdét thôi không còn than khóc cho thân phận đàn chó nữa, vì quá bận vào việc than khóc cho thân phận mình và cãi nhau với chồng và em. Cãi nhau là việc duy nhất mà họ không bao giờ thấy chán. Tình cảnh khốn khổ đã làm họ sinh ra dễ cáu giận. Sự cáu kỉnh tăng lên cùng một nhịp với nỗi khốn khổ, rồi tăng gấp đôi, rồi vượt xa nó. Cái tính nhẫn nại diệu kỳ trên vệt đường mòn ở nhưng con người lao động cật lực và khổ sở cùng cực nhưng vẫn giữ lời nói êm dịu và thái độ ân cần, không thể có được ở hai gã đàn ông và ả đàn bà này. Họ chẳng có tí ý niệm mơ hồ nào về một sự nhẫn nại như vậy. Họ vất vả và đau khổ: bắp thịt của họ nhức nhối, xương cốt của họ nhức nhối, và ngay cả tim của họ cũng nhức nhối; và do đó sinh ra ăn nói gay gắt, và những lời lẽ khó chịu nặng nề luôn luôn ở đầu cửa miệng, từ lúc bảnh mắt cho lúc tối đến.

Sác và Han cãi lộn nhau bất cứ khi nào có cơ hội do Mécxêdét gây ra. Mỗi người đều giữ trong lòng một điều mặc cảm là mình đã phải làm quá cái phần trách nhiệm của mình, và không ai là không nhắc đến điều mặc cảm ấy mỗi khi có dịp để nhắc. Thỉnh thoảng Mécxêdét về hòa với chồng; thỉnh thoảng ả lại về hòa với em. Kết quả là một cuộc cãi lộn trong gia đình thật là đẹp đẽ và triền miên không dứt. Mở đầu bằng cuộc tranh chấp là ai phải chẻ vài que củi chẳng hạn (cuộc tranh chấp chỉ liên quan đến Sác và Han thôi) thế mà chẳng mấy chốc họ đã lôi hết mọi người khác trong gia đình ra mà xía xối, nào bố mẹ, nào chú bác cô dì, anh em họ hàng, cả người có họ xa lẫn bản đại bác không tới, cả một số người đã chết ngóm từ lâu. Rồi nào là quan điểm nghệ thuật của Han, nào là cái thứ vở tuồng xã hội mà người anh của mẹ y đã viết. Những vấn đề đó thì nào có liên quan gì đến việc chẻ vài que củi.

Chịu chả ai hiểu được! Ấy thế mà cuộc cãi cọ thường hay xoay sang cái hướng đó, cũng như hay xoay sang cái hướng đả kích vào những định kiến chính trị của Sác. Và lại còn cái mồm lẩm lời ngòi lê đôi mách của bà chị của Sác thì liệu có liên quan gì đến việc đốt đồng lửa cắm trại bên bờ Lucôn, điều đó thì chắc chỉ có Mécxêdét mới hiểu rõ. Cô ả trút hết nổi bực dọc trong người ra thành bao nhiêu là ý kiến phong phú xoi móc vào cái tiết mục này rồi nhân thể lại chì chiết luôn cả một vài nét đặc trưng

khó ưa khác của gia đình nhà chồng. Và trong quá trình họ cãi vã nhau như vậy thì lửa vẫn chưa châm được, chỗ cắm trại dở dang chưa xong, và chó vẫn chưa được ăn.

Mécxêđét mang nặng trong lòng một nỗi bất bình đặc biệt - nỗi bất bình của giới tính. Cô ả là con người xinh đẹp và uỷ mị, và trong cả cuộc đời trước đây đã luôn luôn được mọi người đối xử lịch sự. Nhưng sự đối xử hiện nay của chồng và em thì là đủ kiểu trừ phép lịch sự ra. Cái thói của ả là không bao giờ tự lo liệu lấy được. Hai gã đàn ông quở trách ả. Tức tối vì cái điều mà ả cho là đặc quyền chủ yếu nhất của phái đẹp đó lại bị đưa ra chê trách như vậy, ả bèn làm cho hai tên đàn ông phải khốn khổ với ả. ả chả còn thềm đếm xỉa gì đến lũ chó, và với lý do là ả đau đớn trong mình và mệt mỏi, ả khẳng khẳng đòi ngồi trên xe. Cô ả thật là xinh đẹp và uỷ mị, nhưng cô ả nặng đến một trăm hai mươi pao - một tí chút trọng tải thêm vào sau cùng nhưng lại là cái tí chút cường tráng nhất cộng vào khối nặng mà những con vật yếu mòn và đôi lá đã phải kéo. Cô ả ngồi trên xe suốt mấy ngày cho đến khi lũ chó gục xuống trong vòng dây kéo và chiếc xe trượt tuyết đứng sững lại không nhúc nhích được nữa. Sác và Han cầu xin ả bước xuống đi bộ, nài nỉ với ả, khẩn khoản van lạy ả, trong khi đó thì ả vừa khóc vừa kể lể sự bạc ác bất nhân của hai gã đàn ông, kêu cầu thượng đế ra tay cứu khổ cứu nạn cho ả.

Có một lúc, hai gã đã dùng sức mạnh bốc cô ả ra khỏi chiếc xe trượt tuyết. Nhưng sau đó hai gã không còn bao giờ dám làm như vậy nữa. Vì cô ả lết hai chân bước lết xệt một lát như đứa bé hư hồn dỗi rồi ngồi bệt xuống trên đường mòn. Mấy gã đàn ông tiếp tục đi, nhưng ả cứ ngồi đó không nhúc nhích. Hai gã đi được ba dặm, rồi hai gã lại phải đỡ đỡ ra khỏi xe, trở lui lại phía ả, rồi cũng phải dùng đến sức mạnh để bốc ả đặt lên ngồi lại trên xe trượt tuyết.

Trong tình cảnh khốn khổ quá độ của họ, họ đã thành ra chai sạn đối với nỗi đau đớn của đàn chó. Lý luận của Han, mà Han đem ra ứng dụng đối với kẻ khác là: phải rắn đánh lại. Y bắt đầu đưa lý luận ấy ra thuyết với chị và anh rể, nhưng không có kết quả, y bèn dùng đuôi cui để tọng cái lý luận ấy vào lỗ chó.

Đến khu vực trạm "Sao biển" thì thức ăn của chó hết hẳn. Một người đàn bà thổ dân da đỏ già móm mém gạ đổi cho họ một vài pao da ngựa đông lạnh để lấy chiếc súng lục còn bầu bạn của chiếc dao săn to đeo bên sườn của Han. Thật là bần cùng mà phải dùng đến cái thứ da ngựa này làm thức ăn, vì đây là những mảng da lột từ những con ngựa chết đói của những người chăn nuôi trâu bò cách đây những sáu tháng. Ở cái thể đông lạnh này, nói rằng nó giống như những mảnh sắt mạ thì có lẽ đúng hơn, và khi con chó đánh vật với thứ da đó để nhét được nó vào dạ dày thì băng tan ra làm cho nó rời thành những dải da mảnh dai nhách và chả có tí chất dinh dưỡng

nào, cùng một đồng lông ngắn chỉ tổ gây kích thích và khó tiêu hóa.

Vừa qua tất cả mọi nỗi như vậy Bắc vừa bước những bước lảo đảo dẫn đầu đàn chó tiến lên phía trước, như đi trong một cơn ác mộng. Khi nào còn có thể kéo được thì nó kéo. Khi không thể nào kéo được nữa, nó ngã quỵ xuống và nằm đấy cho đến khi ngọn roi hoặc chiếc dùi cui tới tấp giáng xuống đánh bật nó đứng trở dậy. Bộ áo lông dày đẹp của nó không còn săn cứng và bóng mượt như trước nữa. Những sợi lông rũ xuống, mềm rũ và kéo lê lết, hoặc dính bết lại từng mảng cùng với máu khô ở những chỗ bị dùi cui của Han đánh thành thương tích. Các cơ bắp của nó đã gầy mòn đi thành những thớ nhỏ như dây thừng cồng lên nhiều nút, và những lớp đệm thịt dày đã tiêu đi đâu mất, để lộ từng chiếc xương sườn cho đến cả toàn bộ khung xương của nó hằn rõ nét qua lớp da lùnh nhùng nhão nhịu lại vì bên dưới là cả một sự trống rỗng. Thật là một tình cảnh đau lòng. Duy chỉ có điều là lòng của Bắc không còn có thể đau được nữa. Dưới bàn tay của lão mặc áo nịt đỏ trước đây, điều này đã được thử thách rồi.

Tình trạng của Bắc như thế nào thì tình trạng lũ bạn nghề của nó cũng như vậy. Chúng đã thành những bộ xương, những bộ xương biết di động. Lúc này chúng còn tất cả bảy con, kể cả Bắc. Trong nỗi khốn khổ cùng cực của chúng, chúng chả còn cảm thấy đau đớn gì dưới những miếng ngoạm của sợi

dây roi hoặc những đòn búa bổ của chiếc dùi cui. Cái đầu của đòn giáng xuống đã trở nên mơ hồ và xa xăm, cũng giống như những thứ mà mắt chúng thấy và tai chúng nghe, đều có vẻ mơ hồ và xa xăm tất cả. Chúng chỉ không phải là còn sống một nửa, hay còn sống một phần tư. Chúng chỉ còn là những bọc xương không hơn không kém, trong đó những tàn lửa của sự sống chỉ còn chấp chờn leo lắt. Mỗi khi dừng lại, chúng đổ sụp xuống trong vòng dây kéo như những xác chết, và những tàn lửa của sự sống lu mờ đi, lui dần, hình như muốn tắt hẳn. Rồi khi chiếc dùi cui hoặc ngọn roi quật xuống, thì tàn lửa kia lại chấp chờn yếu ớt ánh đèn trở lại, và chúng lại lao đảo đứng lên và loạng choạng bước đi.

Cho đến một ngày kia, Bili, con chó lành nết, gục xuống và không dậy nữa, Han đã đánh đổi mất khẩu súng lục rồi, nên y lấy chiếc riệu bỏ vào đầu Bili trong khi Bili nằm gục trong vòng dây kéo, rồi cắt rời cái xác ra khỏi đai cương và kéo nó sang một bên. Bác nhìn thấy, và lũ bạn nghề của nó cũng nhìn thấy, chúng biết rằng số phận đó sắp đến với chúng, chỉ trong thời gian rất ngắn nữa thôi. Hôm sau thì Kuna chết. Thế là chúng chỉ còn có năm, Giơ, đã quá nhược đi rồi nên không còn hiềm ác được nữa; Paicơ, què quặt và bước khập khiễng, đang trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh, và thời gian tỉnh không đủ lâu để mà tìm được cách giả vờ hồng trồn việc; Xônlech lão chột mắt, vẫn rất mực trung thành với công việc lao khổ



trên vết đường mòn, nay buồn rầu ủ ê vì lão còn quá ít sức lực để kéo; Tích, mùa đông vừa qua không phải đi xa như bọn kia, nhưng nay lại bị kiệt sức, tiêu tụy hơn bởi vì nó non nớt, thiếu kinh nghiệm hơn cả; và Bắc, vẫn dẫn đầu đàn chó nhưng không còn buộc được lũ bạn phải tuân theo kỷ luật, hoặc không còn cố gắng để ép buộc chúng vào khuôn phép nữa, có đến một nửa thời gian dọc đường đôi mắt Bắc mờ đi vì quá suy nhược, nó chỉ còn có thể cố gắng dõi theo cái bóng chập chờn của vết đường mòn và dựa vào xúc giác mơ hồ dưới những bàn chân để đi cho đúng.

Thời tiết đang xuân, thật là tươi đẹp, nhưng cả chó lẫn người đều không nhận thấy điều đó. Cứ mỗi ngày trôi qua, mặt trời lại mọc sớm hơn và lặn muộn hơn một ít. Khoảng ba giờ sáng trời đã rạng, và đến buổi chiều, bóng hoàng hôn vương vất mãi cho đến chín giờ tối. Suốt ngày dài là ánh nắng rực rỡ. Sự yên lặng rùng rợn ma quái mùa đông đã phải lùi bước nhường chỗ cho tiếng rì rào vĩ đại ấy của mùa xuân, sự sống đang thức giấc tiếng rì rào trời dậy khắp nơi trên mặt đất, chan chứa niềm vui cuộc sống. Nó cất lên từ những vật đang hồi sinh và chuyển động trở lại, những vật như đã chết và đã im lìm bất động trong suốt những tháng dài đông giá. Dòng nhựa dâng lên trong thớ những cây thông. Từ các cành liễu và cành dương hoàn diệp, bật tung ra những chồi non mơn mớn. Những bụi cây và những dây leo khoác tấm áo mới xanh tươi. Họ hàng nhà đế ca hát

suốt đêm, còn ban ngày thì mọi thứ sinh vật biết bò, biết trườn đều hối hả xông ra, tung tăng ngoài ánh nắng. Gà gô và chim gõ kiến kêu vang và gõ nhịp trong rừng. Những bầy sóc chuyện trò ríu rít, chim hót líu lo, và trên cao vang tiếng kêu của từng đàn ngỗng trời từ phương Nam bay lên thành đội hình mũi nhọn duyên dáng xuyên qua khung trời.

Từ mọi lưng đồi vắng đến tiếng nước róc rách, tiếng nhạc của những dòng suối ẩn kín. Mọi thứ đều thoát dần ra khỏi băng tuyết đang tan, vặn mình, phát ra tiếng nứt rạn tanh tách. Dòng sông lúc nào đang rần rức vào phá khối băng kìm chặt nó để được sổ lồng. Nó xói mòn ở bên dưới; ông mặt trời ăn mòn ở bên trên. Những lỗ hổng hình thành, những khe nứt há ra rồi toạc dài, trong khi toàn bộ từng mảng băng mỏng tụt hẳn xuống lòng sông.

Và ở giữa tất cả những sự bật tung, vùng ra, sôi lên rộn ràng đó của sự sống đang thức giấc, dưới ánh mặt trời chói lọi và trong làn gió nhẹ thoảng qua dịu dàng, hai gã đàn ông, ả đàn bà và đàn chó loạng choạng bước đi, như những du khách dẫn mình vào cõi chết.

Với lũ chó rừ rựi, Mécxêđét khóc lóc và ngồi bẹp trên xe, Han nguyên rửa lưng tung và Sác đôi mắt đắm chiêu ướt át, đoàn người và chó thất thủ bước vào khu cắm trại của Giôn Thoóc-tơn ở cửa sông Hoaitơ. Khi họ dừng lại, lũ chó đổ sập xuống như tất cả bọn chúng đều bị đánh chết tươi. Mécxêđét lau

nước mắt nhìn Giôn Thoóctơn. Sác ngồi xuống một khúc gỗ để nghỉ. Gã ghé mình xuống rất chậm rãi và cẩn thận vì toàn thân đau nhức đến cứng đờ lại. Han đứng ra bắt chuyện cùng Giôn Thoóctơn. Giôn Thoóctơn đang đẽo gọt những phát cuối cùng để hoàn chỉnh một cái cán rìu làm bằng một khúc cành bulô. Anh vừa đẽo vừa lắng nghe, trả lời giống một, và khi Han hỏi ý kiến, anh nêu những lời chỉ vẽ ngắn gọn. Anh biết rõ cái hạng người này, anh vẫn góp ý nhưng anh biết tổng đi là họ sẽ chẳng nghe theo.

Khi anh báo cho họ biết là họ không còn có thể liều thân được nữa trên cái mặt băng kia vì nó đã ruộng nát bên dưới rồi, thì Han đáp lại:

- Ấy ở trên kia người ta bảo chúng tôi là đày con đường này đang sứt dần ra rồi, và tốt hơn hết là chúng tôi nên nằm lại thôi. Họ bảo là chúng tôi không thể đến được sông Hoaitơ đâu, ấy thế mà chúng tôi vẫn cứ đến được đây này!

Han nói câu cuối cùng này với một giọng cười khẩy đắc thắng.

- Họ nói với các ngài như vậy là nói đúng đấy, - Giôn Thoóctơn trả lời. - Đầy con đường có khả năng sụp hẳn xuống bất kỳ lúc nào, chỉ có những kẻ khờ dại với cái may mắn mù quáng của những anh khờ, là đi qua được mà thôi. Tôi xin nói thẳng với ngài, dù có được tất cả vàng của miền Alaxca, tôi cũng sẽ không liều mạng mình trên mặt băng kia đâu.

- Bởi vì ngài không phải là thằng khờ chứ gì? -

Han nói. - Dù thế nào đi nữa, chúng tôi cứ tiếp tục đi Đoxân!

Y đuổi thẳng ngọn roi ra:

- Đứng dậy Bắc! Ê! Đứng dậy! Đi!

Thoócton tiếp tục đổ gọt thanh gỗ. Anh biết không hơi đâu đi làm thầy thẳng đại. Tăng thêm hoặc bớt đi vài ba đũa ngóc trên đời cũng chả làm biến đổi gì được hệ thống sắp xếp của vạn vật.

Nhưng đàn chó không đứng dậy theo lệnh. Từ lâu rồi đã chuyển sang giai đoạn phải dùng đến đòn vọt mới khua chúng dậy được. Chiếc roi vun vút quất xuống loang loáng, hết chỗ này lại chỗ nọ vung vãi không thương xót. Giôn Thoócton mím chặt môi. Xônlech là con chó đầu tiên lết tới để đứng dậy. Tích nối theo. Sau đó là Giô, vừa trườn lên vừa ăng ẳng kêu đau đớn. Paicơ đau khổ vật vờ để nhóm dậy. Hai lần nó nhắc mình lên đến nửa vờ lại ngã vật xuống, mãi đến lần thứ ba mới đứng lên được. Còn Bắc thì không động dậy. Nó nằm lặng nguyên chỗ nó đã gục xuống. Ngọn dây roi ngoạm vào thân nó hết miếng này đến miếng khác nhưng nó không kêu rên mà cũng không vật vờ. Nhiều lần Thoócton quay ngoắt sang định lên tiếng, nhưng anh lại thôi. Nước mắt anh ứa ra cay cay trong mắt, và trong khi ngọn roi cứ tiếp tục vụt xuống tới tấp, anh đứng dậy và đi đi lại lại bồn chồn, lưỡng lự.

Đây là lần đầu tiên Bắc không tuân theo ý chủ,

chỉ riêng điều này thôi đã đủ làm cho Han giận điên tiết lên rồi. Han bỏ chiếc roi, chuyển sang dùng chiếc dùi cui theo lệ thường. Dưới cơn mưa xối xả của những đòn nặng chùy hơn đang giáng xuống thân nó, Bắc vẫn không chịu nhúc nhích. Giống như lũ bạn nghề của nó, nó có thể có đủ sức để đứng dậy được, thế nhưng không giống như bọn chúng, nó quyết định không đứng dậy. Nó lơ mơ cảm thấy là cái kết cục bi thảm sắp xảy đến. Cảm giác ấy đã rộ lên mạnh mẽ bên trong nó khi nó kéo chiếc xe đi vào bờ, và cứ ám ảnh nó mãi không thôi. Suốt ngày nó đã cảm thấy dưới bàn chân nó là băng chỉ còn một lớp mỏng, ruỗng nát bên dưới, từ sự cảm thụ đó, dường như nó đánh hơi thấy mối thảm họa đã kề bên cạnh, chỉ trong tầm tay nữa thôi, ở ngay trên khoảng băng trước mặt kia, nơi chủ nó đang cố thúc nó phải bước tới. Nó quyết không chịu động dậy. Nó đã chịu đau đớn quá rồi, đã suy nhược quá mức rồi, nên những đòn đánh xuống không còn gây đau đớn gì lắm nữa. Và vì những đòn ấy cứ tiếp tục giáng xuống mình nó, tàn lửa của sự sống bên trong nó lung linh chập chờn và mờ dần, gần như muốn tắt ngấm. Nó cảm thấy thân thể nó tê liệt đi một cách lạ thường. Dường như là từ một khoảng cách xa xăm nào đó, nó nhận biết là nó đang bị đánh. Những cảm giác đau đớn cuối cùng dần dần tách rời ra khỏi nó. Nó không còn cảm thấy gì nữa mặc dù nó còn nghe được rất lơ mơ tiếng quất của chiếc dùi cui vào thân thể nó. Nhưng phải đâu là

thân thể của nó nữa? hình như cái vật bị đánh ở mãi tận nơi nào xa lắc

Thế rồi, đột nhiên, không một dấu hiệu báo trước gào lên một tiếng lạc giọng nghe như tiếng rú của loại thú, Giôn Thoóctơn đâm bổ vào con người đang vung chiếc dùi cui. Han bị hất bật nhào về phía sau, như bị một thân cây đổ quật ngã. Mécxêđét thét lên một tiếng thất thanh, Sác nhìn sững sốt, lau vội đôi mắt ướt nhoè nhưng cả người cứng đờ không đứng dậy được.

Giôn Thoóctơn đứng sát bên mình Bắc, gắng sức để tự kiềm chế mình, cơn giận làm anh run, không thốt được ra lời.

Cuối cùng, anh nói lên được bằng một giọng tắc nghẹn:

- Nếu mày còn đánh con chó này nữa, tao sẽ giết mày.
- Chó của tao, tao đánh, - Han vừa đáp vừa tiến lại, bàn tay quệt vào máu ngang mũi. - Cút đi cho rảnh mắt tao, nếu không thì tao cho mày một trận. Tao đang cần đi Đoxân.

Thoóctơn đứng chắn giữa hấn và Bắc không tỏ ra ý gì chịu tránh ra cả. Han rút phắt con dao sẵn dài của hấn. Mécxêđét kêu thất thanh, la hét, rồi cười sằng sặc và sụt sịt trong cơn điên loạn buông thả. Thoóctơn dùng chiếc cán rìu gõ vào những khớp ngón tay của Han, thế là con dao rơi xuống đất. Khi hấn xoay sang định nhặt, anh lại đánh vào khớp

ngón tay của hắn lần nữa. Rồi anh cúi xuống, tự mình nhặt con dao lên, và cắt hai nhát đứt phẳng các dây thừng trên mình Bắc.

Máu hấu đá của Han đã nguội ngắt. Vả lại, chi của hắn đã lẫn vào túm lầy hắn, vương bết cả hai bàn tay, hay nói đúng hơn là cả hai cánh tay của hắn; hơn nữa Bắc cũng đã gần như chết hắn, chả còn có tác dụng gì cho việc kéo xe. Vài phút sau, đoàn người và chó rút ra khỏi bờ đi xuống lòng sông. Bắc nghe tiếng chúng ra đi, ngẩng đầu lên nhìn theo. Paicơ dẫn đầu, Xônlech ở vị trí sát trước chiếc xe trượt, ở quãng giữa là Giô và Tích. Chúng đang bước khập khiễng, lảo đảo. Mécxêdét ngồi trên chiếc xe chở nặng, Han giữ cần lái, còn Sác thì lập cập nối theo, lúc lúc lại vấp ở phía sau.

Trong khi Bắc dõi theo chúng, Thoóctơn quỳ xuống bên Bắc và đưa đôi bàn tay thô ráp nhưng âu yếm của anh dò dẫm tìm xem có chỗ xương nào bị gãy không. Anh không phát hiện thấy gì khác ngoài nhiều thương tích bầm tím và một tình trạng đói ăn suy nhược khủng khiếp. Trong khi anh đang lúi húi thì chiếc xe trượt đã đi ra được khoảng một phần tư dặm. Anh cùng Bắc nhìn theo chiếc xe đang trượt tới trên mặt băng. Bỗng nhiên, họ thấy đuôi xe gục xuống, như tụt vào một chỗ lún, và chiếc cần lái bật tung lên trời, kéo theo cả Han đang bấu chặt lấy nó. Tiếng kêu thét của Mécxêdét văng đến tai họ. Họ nhìn thấy Sác quay ngoắt lại và cố dẫn thêm một

bước để chạy trở lui, rồi thì toàn bộ cả một mảng băng lớn tụt hẳn xuống, lũ chó và người biến mất. Tất cả chả còn gì, chỉ còn nhìn thấy một cái hố to há hoác. Đáy con đường đã sụp xuống.

Giôn Thoóctơn và Bắc nhìn nhau.

- Tội nghiệp! Cái con quý đáng thương này! -  
Giôn Thoóctơn lên tiếng, và Bắc liếm tay anh.

## VI

### VÌ TÌNH YÊU THƯƠNG ĐỐI VỚI MỘT CON NGƯỜI

Khi Giôn Thoóctơn bị cồng liệt chân hồi tháng Chạp vừa qua, bạn phường của anh đã sắp xếp cho anh chỗ nghỉ ngơi thoải mái và để anh ở lại chờ hồi phục, còn họ cứ tiếp tục ngược dòng sông để kiếm một bè gỗ sẽ đưa đi Đoxan bán. Vào lúc Thoóctơn cứu Bắc, anh vẫn còn hơi khập khiễng, nhưng nhờ thời tiết tiếp tục ấm áp, nay anh đã khỏi hẳn.

Và tại nơi đây, nằm cạnh bờ sông qua suốt những ngày xuân dài, dõi theo dòng nước chảy, nhàn nhã lắng nghe tiếng chim hót và tiếng rì rầm của thiên nhiên Bắc dần dần lấy lại được sức lực.

Thật không còn gì bằng được nghỉ ngơi sau một cuộc hành trình những ba nghìn dặm, và cũng phải thú thật là Bắc đã đâm ra lười nhác trong khi những vết thương của nó kín miệng dần, các cơ bắp nở ra và



thịt lại đẩy lên che kín xương cốt nó. Nói cho đúng ra, tất cả đều ngồi dựng chả làm gì - Bắc, Giôn Thoóctơn, Xkít và Ních - trong khi chờ chiếc bè đến chở họ xuôi dòng đi Đoxân. Xkít là một con chó săn lông xù nhỏ nhắn gốc Ailen, đã sớm đánh bạn với Bắc vào lúc Bắc đang trong tình trạng dở sống dở chết không còn hơi sức nào cự lại những động tác làm thân ban đầu của cô ả. Cô nàng Xkít có cái nét đặc sắc của thầy thuốc mà người ta thường thấy ở một số con chó. Giống như một con mèo mẹ liếm lông cho con, cô nàng đã liếm làm sạch những vết thương của Bắc. Theo một nếp đều đặn, mỗi buổi sáng sau khi Bắc ăn xong, cô nàng lại thực hiện cái nhiệm vụ mà cô nàng đã tự giao cho mình, cho đến khi Bắc quen đi đăm ra mong ngóng sự chăm sóc của Xkít chả khác gì mong ngóng sự chăm sóc của Thoóctơn vậy. Còn Ních, một con chó đen to lớn, là giống chó dò thú, lai chó săn Xcốtlen, có đôi mắt tươi cười và tính tình dễ thương vô hạn, cũng thân mật với Bắc như Xkít mặc dù không bọc lợ bằng.

Điều làm cho Bắc phải ngạc nhiên là những con chó này không tỏ ra ghen tị với Bắc chút nào. Chúng hình như cùng chia sẻ lòng tốt và sự rộng lượng của Giôn Thoóctơn. Khi Bắc đã cứng cáp lên, chúng lôi kéo nó vào đủ loại trò chơi ngộ nghĩnh mà chính Thoóctơn cũng lao vào tham gia không nhịn được. Cứ như vậy, Bắc vượt qua một cách dễ dàng thời kỳ hồi phục và bước vào một cuộc sống mới.

Tình yêu thương, một tình yêu thương thực sự và

nồng nàn, lần đầu tiên phát sinh ra bên trong nó. Trước kia nó chưa hề cảm thấy một tình yêu thương như vậy lúc ở tại nhà thẩm phán Milor giữa thung lũng Xanta Clara môn man ánh nắng với những cậu con trai của ông Thẩm. Trong những buổi đi săn hoặc đi lang thang đây đó, tình cảm của Bắc chỉ là thứ tình bạn làm ăn cùng hội cùng phường. Với những đứa cháu nhỏ của ông Thẩm, đó là một thứ trách nhiệm hộ vệ trong niềm kiêu hãnh tự cao tự đại. Còn đối với bản thân ông Thẩm thì đó là thứ tình bạn trịnh trọng và đường hoàng. Nhưng, tình thương yêu sôi nổi, nồng cháy, thương yêu đến mức tôn thờ, thương yêu đến cuồng nhiệt, thì phải đến Giôn Thoóctơn mới khơi dậy lên được trong lòng Bắc.

Con người này đã cứu sống nó, đó là một lẽ; nhưng hơn thế nữa, con người này là một ông chủ lý tưởng. Những người khác trông nom chó của họ xuất phát từ một ý thức về nghĩa vụ và về lợi ích, kinh doanh; còn Giôn Thoóctơn thì chăm sóc chó của mình như thể chúng là con cái của anh vậy, là bởi vì anh không thể nào đừng được. Và anh còn chăm sóc nhiều hơn nữa kia. Anh không bao giờ quên chào chúng bằng một cử chỉ thân ái hoặc một lời hôn hờ. Ngồi xuống nói chuyện lâu với chúng (mà anh gọi là "tầm phào") là điều mà cả anh và chúng đều thích thú. Anh có cái thói quen túm chặt lấy đầu Bắc rồi dựa đầu anh vào đầu nó, hoặc lắc nó đảo qua đảo lại, vừa lắc vừa khe khẽ thốt lên những tiếng rủa mà đối

với nó lại là những lời nói nựng âu yếm. Bác thấy không có gì sung sướng bằng được cái ôm ghì mạnh mẽ ấy và những tiếng rửa rử rỉ bên tai ấy, và mỗi cái lắc đảo qua đảo lại, nó tưởng chừng như quả tim mình muốn nhảy tung ra khỏi lồng ngực vì quá ngây ngất rạo rức. Khi được buông ra, nó bật dậy đứng thẳng lên, miệng cười, mắt hừng hờn diễn cảm, họng rung lên những âm thanh không thốt nên lời, và cứ như vậy trong tư thế đứng yên bất động. Những lúc ấy Giôn Thoóctơn lại kêu lên, trân trọng: "Trời đất! Mà y hầu như biết nói đấy!".

Bác có một kiểu biểu lộ tình thương yêu gần giống như làm đau người ta. Nó thường hay há miệng ra cắn lấy tay Thoóctơn rồi ép răng xuống mạnh đến nỗi vết răng hằn vào da thịt một lúc sau mới mất. Và cũng như Bác hiểu những tiếng rửa là những lời nói nựng, con người cũng hiểu cái cắn vờ ấy là một cử chỉ âu yếm yêu thương.

Tuy nhiên, tình thương yêu của Bác phần lớn được diễn đạt bằng sự tôn thờ. Mặc dù nó sung sướng đến cuồng lên mỗi khi Thoóctơn vuốt ve nó hoặc nói chuyện với nó, nó không sẵn đón những biểu hiện tình cảm đó. Bác khác với Xkít mà cũng khác với Ních. Xkít có thói quen thọc cái mũi của nó vào dưới bàn tay của Thoóctơn rồi hích, hích mãi cho đến khi được vỗ về. Ních thì thường hiên ngang bước tới rồi tựa cái đầu to lớn của nó lên đầu gối của Thoóctơn. Còn Bác thì bằng lòng với việc đứng cách một quãng

mà tôn thờ anh. Nó thường nằm phục ở chân Thoóctơn hàng giờ, mắt hau hấu, tỉnh táo linh lợi, ngược nhìn thẳng vào mặt anh, chăm chú vào đấy, xem xét kỹ nét mặt, theo dõi với một mối quan tâm đặc biệt từng biểu hiện thoáng qua, mọi cử động hoặc đổi thay trên thần sắc. Hoặc, cũng có lúc do tình cờ, nó nằm xa ra hơn, về một bên hoặc đằng sau anh, quan sát hình dáng của anh và dõi theo những cử động từng lúc của con người anh. Và thường thường, do mối giao cảm giữa chó và người, sức mạnh của cái nhìn của Bắc làm cho Giôn Thoóctơn quay đầu sang, và nhìn trở lại nó không nói năng gì, nhưng đôi mắt anh tỏa rạng tình cảm tự đáy lòng, trong khi tình cảm của Bắc cũng ánh ngời lên qua đôi mắt nó.

Trong một thời gian dài sau khi được cứu sống, Bắc không muốn rời Thoóctơn ra một bước. Từ lúc anh bước ra khỏi lán cho đến lúc anh lại trở vào đấy, khi nào Bắc cũng bám gót anh. Việc thay thầy đổi chủ xoành xoạch kể từ khi nó vào vùng đất phương Bắc đã làm nảy sinh ra trong lòng nó nỗi lo sợ không có người chủ nào có thể gắn bó lâu dài cả. Nó sợ Thoóctơn cũng lại biến khỏi cuộc đời của nó như Perôn và Phrăngxoa và anh chàng người lai Xcốtlen đã đi qua rồi biến mất trước đây. Ngay cả ban đêm, trong giấc mơ, nó cũng bị nỗi lo sợ này ám ảnh. Những lúc ấy nó vội vùng dậy không ngủ nữa, trườn qua giá lạnh đến tận mép chiếc lều, rồi đứng ở đấy lắng tai nghe tiếng thở đều đều của chủ.

Nhưng mặc dù Bắc mang mối tình cảm sâu nặng như vậy đối với Giôn Thoóctơn - mà điều này hình như chứng tỏ ảnh hưởng hiền hòa của sự văn minh hóa - nhưng huyết thống của nguyên thủy mà vùng đất phương Bắc đã khơi dậy bên trong nó, vẫn tồn tại và sống động. Nó vẫn có sự trung thành và lòng tận tụy, những đức tính nảy sinh ra từ bếp lửa và mái nhà; thế nhưng nó còn giữ lại bản tính man rợ và quý quyết. Nó là một vật của hoang dã, từ cõi hoang dã đến đây ngồi cạnh bếp lửa của Giôn Thoóctơn, đúng hơn là một con chó của vùng đất phương Nam dịu dàng mang dấu ấn của bao nhiêu thế hệ văn minh. Do tình thương yêu sâu nặng của nó, nó không thể nào đánh cắp của con người này, nhưng đối với bất kỳ người nào khác, tại bất kỳ khu vực lán trại nào khác, nó đã không hề ngần ngại một giây phút nào, trong khi nó lại đủ khôn ranh để xoáy trộm mà không bị phát hiện.

Mặt mũi và thân mình nó đầy vết răng của nhiều con chó nó vẫn đánh nhau dữ tợn như trước và lại có nhiều mưu mẹo hơn. Xkít và Ních thì lành nết quá nên không phải là đối tượng để gây chuyện - hơn nữa, chúng lại là của Giôn Thoóctơn. Nhưng bất cứ con chó lạ nào, dù thuộc nòi gì và dũng mãnh đến đâu đi nữa, đều phải nhanh chóng thừa nhận quyền uy tối cao của Bắc, nếu không sẽ buộc phải giao tranh một mất một còn với một đối thủ ghê gớm. Và Bắc không hề thương hại. Nó đã học được sâu sắc luật

của dùi cui và răng nanh, và nó không bao giờ từ bỏ một lợi thế hoặc lùi bước trước một kẻ thù mà nó đã đẩy vào con đường dẫn đến cỏi của Thần Chết. Nó đã học được những bài học ở Xpít và ở những con chó chiến đấu đầu đàn của cảnh sát và ngành bưu điện, nó biết được là không có con đường trung dung. Nó phải thống trị hoặc bị thống trị; mà tổ lòng thương hại là dấu hiệu của sự mềm yếu. Lòng thương hại không tồn tại trong cuộc sống nguyên thủy. Lòng thương hại dễ bị hiểu lầm là sự sợ hãi, mà những thứ hiểu lầm như vậy dẫn đến cái chết. Giết hoặc bị giết, ăn thịt hoặc bị ăn thịt, đó là quy luật; và đối với mệnh lệnh ấy, truyền xuống đến nó từ những nơi sâu thẳm của Thời gian, nó đã tuân theo.

Nó già đời hơn số năm tháng mà nó đã trải qua và số những hơi thở của lồng ngực nó. Nó là mối dây nối liền quá khứ với hiện tại và cỏi vĩnh cửu ngàn xưa phía đằng sau nó vẫn rộn ràng truyền qua nó một nhịp đập đầy uy lực mà nó dao động hòa theo, giống như sóng triều lên xuống và bốn mùa tuần hoàn vẫn hằng dao động. Nó ngồi cạnh bếp lửa của Giôn Thoóctơn, nó đẩy, con chó ước nở rộng, nanh trắng, và lông mao dài rậm; nhưng đằng sau nó là bóng dáng vong linh của mọi loài chó, nửa sói hoang, hoặc sói hoang chính cống như thúc giục, như nhắc nhở, thưởng thức mùi vị miếng thịt nó ăn, thèm khát hớp nước nó uống; cùng nó đánh hơi làn gió, cùng nó lắng tai nghe và mách cho nó xác định những tiếng

động của sự sống hoang vu trong rừng thẳm, chỉ đạo tâm tính của nó, điều khiển hành vi của nó, cùng nằm xuống ngủ với nó khi nó nằm xuống, cùng mơ với nó và mơ còn xa hơn về kiếp sau của nó, và bản thân chúng còn trở thành những hình ảnh hiện lên ngay trong giấc mơ của nó.

Những bóng dáng hiển hiện ấy đã hiện ra, vẫy gọi nó với một sức mạnh bức bách đến nỗi ngày trôi qua, loài người và những đòi hỏi của loài người cứ tuột ra xa khỏi nó. Từ một nơi sâu thẳm trong rừng hoang một tiếng gọi thường cất lên, xốn xang và quyến rũ một cách huyền bí. Và do nó luôn luôn nghe thấy cái tiếng gọi đó, nó cảm thấy buộc phải quay lưng lại ngọn lửa của con người và nền đất đã được chân người nện chặt ở chung quanh, để lao vào rừng sâu, và cứ lao tới, lao tới nơi nào và tại sao như vậy nó cũng không biết nữa. Mà nó cũng không tự hỏi là từ nơi nào và tại sao tiếng gọi kia lại vang lên khản thiết như vậy, ở đâu đó sâu thẳm trong rừng hoang. Nhưng những khi nó chạy ra đến nơi đất hoang còn mềm chưa ai đặt chân tới dưới bóng rừng xanh, thì tình yêu thương đối với Giôn Thoóctơn lại kéo nó trở lui về bên bếp lửa.

Chỉ vì mỗi một mình Thoóctơn mà nó còn ở lại. Toàn bộ những kẻ khác của loài người không có ý nghĩa gì. Những du khách ngẫu nhiên gặp nó có thể ngợi khen hoặc vỗ về nó, nhưng đối với tất cả những điều đó nó đều lạnh lùng, và khi gặp phải một người

quá vô vấp quẩn quýt thì nó thường đứng dậy và bỏ đi. Khi những bạn phường của Thoóctơn và Hendor và Piti đưa chiếc bè lâu nay mong đợi đến nơi này, Bắc phớt lờ họ cho đến khi nó biết được là họ thân cận với Thoóctơn; khi đó nó mới chịu khoan thứ với họ theo một kiểu thụ động chấp nhận những sự chiều cố của họ như thể chính vì nó chiều cố họ và chấp nhận đấy thôi. Họ cũng thuộc loại người rộng lượng hào phóng như Thoóctơn, sống sát với thực tế, suy nghĩ đơn giản nhưng đầu óc sáng suốt, minh mẫn. Và qua một thực tế thời gian, trước khi họ lái chiếc bè gỗ ngoặt vào vũng nước xoáy lớn bên cạnh nhà máy cưa ở Đoxan, họ đã hiểu được Bắc và tính nết của nó, nên họ không cố đòi Bắc phải thân thiết với họ như Xkít hay Ních.

Tuy nhiên, đối với Thoóctơn, tình yêu thương của nó hình như cứ ngày càng tăng lên, tăng lên mãi. Trong những con người, duy nhất chỉ có anh là có thể đặt được một túi hành lý trên lưng Bắc trong cuộc hành trình ngày hè. Khi Thoóctơn ra lệnh thì không có công việc gì là quá khó khăn đối với Bắc. Một hôm (sau khi họ đã kiếm được một số lương thực và vốn liếng nhờ bán chiếc bè gỗ và rời Đoxan ngược nguồn sông Tanana), người và chó đang ngồi trên chỏm một vách đá dựng đứng bên một cái vực sâu đến ba trăm bộ<sup>(1)</sup>, đáy vực là nền đá trần trụi, Giôn Thoóctơn ngồi

---

<sup>(1)</sup> 300 bộ (foot): gần bằng 100 mét.



gần mép vực, Bắc tựa vào vai anh, Thoóctơn chợt nảy ra một ý nghĩ nông nổi, anh lưu ý Hendor và Piti hãy xem anh thử một điều vừa thoáng qua trong óc:

- Nhảy đi Bắc! - Anh vùng tay ra trên vực sâu, ra lệnh.

Trong khoảnh khắc, anh đã phải ôm ghì lấy Bắc ở mép đá cheo leo trong khi Hendor và Piti đang gò người kéo cả anh và Bắc trở lui vào nơi an toàn.

- Thật là đại đột, - Piti thốt lên, sau khi sự việc đã xong xuôi và họ đã hoàn hồn.

Thoóctơn lắc đầu:

- Không! Thật là tuyệt vời, mà cũng thật là khủng khiếp. Các cậu có biết không, đôi khi nó làm cho tớ phát sợ.

- Vô phúc cho kẻ nào dám chạm vào anh trong khi nó ở quanh quẩn bên anh. Tôi thì chả dám, - Piti tuyên bố như để kết luận, hất đầu chỉ về phía Bắc.

- Lạy Chúa! - Hendor góp thêm ý mình. - Cả tôi nữa tôi cũng chả dám.

Chính tại thị trấn Xóccon, vào một ngày cuối năm, điều lo sợ đó của Piti đã được thực tế chứng minh là đúng, Bóctơn "Đen", một con người xấu tính và hiểm độc, đang gây sự với một anh chàng mới đến lạ nước lạ cái ở bên quầy bán rượu, thì Thoóctơn bước vào giữa hai người, ôn tồn can ngăn. Bắc, theo thói quen đang nằm trong một góc phòng, đầu đặt trên hai chân, đưa mắt theo dõi từng cử chỉ của chủ, Bóctơn

chẳng nói chẳng rằng, giáng bộp ngay một quả vào mặt Thoóctơn. Anh lão đảo, suýt nữa thì ngã vật xuống nếu không kịp bấu vào song sắt của quầy rượu.

Những người đứng đấy chứng kiến sự việc lúc bấy giờ bỗng nghe một tiếng không phải là tiếng sữa, cũng không phải là tiếng ré, mà đúng hơn là một tiếng găm, và họ nhìn thấy thân hình của Bắc từ nền nhà bay lên lao vút qua không trung, nhằm thẳng vào cổ họng Bóctơn phóng tới. Tên này thoát chết nhờ hấn kịp vung cánh tay ra theo bản năng, nhưng bị hất nhào về đằng sau ngã ngửa ra sàn nhà, Bắc đè lên người hấn. Bắc nhả cánh tay của hấn ra rồi lại nhè vào họng hấn mà cắn. Lúc này hấn chỉ che đỡ được phần nào, và họng của hấn bị xé toạc. Đám đông vội xô vào Bắc và đánh đuổi nó ra. Nhưng khi một viên thầy thuốc băng bó vết thương cho Bóctơn, Bắc cứ quanh quẩn lượn tới lượn lui, găm rít hung tợn, cứ chọc xông vào, nhưng bị một loạt những chiếc dùi cui thù địch đẩy lùi. Một "cuộc hội ý" của những người khai mỏ" được triệu tập ngay tại chỗ, đã phân xử rằng cuộc tấn công của con chó có lý do chính đáng, vì bị khiêu khích đến mức phải phản ứng, và Bắc được tha miễn.

Ấy thế là Bắc bắt đầu nổi tiếng, và từ hôm đó tên tuổi của Bắc được truyền tụng từ trại này sang trại khác khắp vùng Alaxca.

Sau sự việc ấy, vào mùa thu năm đó, Bắc lại có một hành động theo cách thức khác, cứu sống được

Giôn Thoóctơn. Một hôm ba người bạn phường đang giòng một chiếc thuyền thoi xuôi một đoạn thác ghềnh hiểm trở trên nhánh sông "Bốn mươi dặm"<sup>(1)</sup>. Hendơ và Piti men theo bờ, dùng một chiếc dây thừng nhỏ bện bằng dây chuối sợi buộc néo thuyền từ gốc cây này sang gốc cây khác, còn Thoóctơn thì đứng trên vừa chống vừa hò hét chỉ dẫn cho người trên bờ. Bắc ở trên bờ lo lắng bồn chồn, tiến lên theo ngang với chiếc thuyền, đôi mắt không hề rời khỏi chủ.

Đến một nơi đặc biệt hiểm trở vì một gò đá ngầm mấp mé mặt nước nhô ra ngoài sông. Hendơ tháo dây néo ra khỏi cây, và trong khi Thoóctơn chống thuyền tránh ra giữa dòng, Hendơ dọc theo bờ chạy xuống phía dưới, tay nắm chặt đầu dây để sẵn sàng néo lại khi nào thuyền vượt qua khỏi gờ đá. Vào lúc con thuyền đã vượt qua được và đang băng băng lao xuống theo một luồng nước chảy xiết, Hendơ nín dây kìm thuyền lại, nhưng anh kìm quá đột ngột. Chiếc thuyền giạt mạnh rồi lật úp, bị lôi vào bờ ngửa bụng lên trời, còn Thoóctơn thì văng ra khỏi thuyền và bị nước cuốn xuôi về phía nguy hiểm nhất của dòng thác, nơi có vùng nước cuộn dữ dội mà không có kè nào có thể thoát chết được.

Ngay lập tức, Bắc lao xuống dòng nước. Bơi được ba trăm mã, giữa vùng nước xoáy điên cuồng, Bắc đuổi kịp Thoóctơn. Khi nó cảm thấy anh đã nắm

---

<sup>(1)</sup> Một dặm ở đây là sông Jucon.

được đuôi nó, Bắc nhắm thẳng vào bờ bơi vào với tất cả sức lực tuyệt vời của nó. Nhưng sự chuyển động tiến vào bờ thì chậm, mà sự chuyển động xuôi dòng thì lại nhanh lạ lùng. Từ bên dưới vọng lên tiếng gầm rít ghê người ở nơi mà dòng nước điên cuồng xoáy cuộn càng dữ dội và bị xé nát vụn ra tung toé thành bụi nước giữa những móm đá lộ nhô thọc qua như những chiếc răng của một cái lược khổng lồ; sức hút của nước khi bắt đầu đổ xuống đoạn dốc cuối cùng thật là khủng khiếp, và Thoóctơn biết rằng bơi vào bờ là một điều không thể nào thực hiện nổi. Anh vật lộn quyết liệt để bám vào một tảng đá, nhưng bị trượt, sượt qua một tảng đá thứ hai, rồi đâm sầm vào một tảng đá thứ ba như bị giáng một đòn búa tạ. Anh buông Bắc ra, dùng cả hai tay bấu chặt lấy cái chỏm trơn tuột của tảng đá, và thét to để át tiếng gầm của luồng nước cuộn tung toé: "Vào bờ đi, Bắc! Đi đi!".

Bắc không thể nào trụ lại nổi, nó bị cuốn theo dòng nước, vật lộn một cách tuyệt vọng nhưng không tài nào quay lại được. Khi nó nghe tiếng Thoóctơn nhắc lại mệnh lệnh, nó chồm một phần thân mình lên khỏi mặt nước, cất cao đầu như để nhìn anh lần cuối, rồi ngoan ngoãn quay vào bờ. Nó bơi mãnh liệt, và được Piti cùng Hendor kéo vào bờ đúng ngay tại nơi không còn có thể bơi tiếp được nữa mà chỉ có đâm đầu vào cỏi hủy diệt.

Piti và Hendor biết là thời gian một con người có thể bám vào một tảng đá trơn trước một sức nước

cuốn mạnh như vậy chỉ còn tính từng phút, nên họ dốc hết sức chạy thật nhanh ngược lên phía trên, đến một chỗ cách xa nơi Thoóctơn đang bám trụ. Họ dùng chiếc dây mà họ vừa néo thuyền lúc nãy buộc vào cổ và vai Bắc cẩn thận tránh không để sợi dây làm nghẹt cổ Bắc và làm nó vướng khi bơi, rồi tung nó xuống dòng nước. Bắc dùng cảm lao vút ra, nhưng tiếc thay không ra thật đúng thẳng giữa dòng. Khi nó thấy ra được sai lầm của mình thì đã quá muộn, vị trí của Thoóctơn đã nằm ngang với nó, cách nó ít nhất là sáu nhịp bơi, trong khi nó bị tiếp tục cuốn trôi qua không làm sao cưỡng lại được.

Hendơ nhanh chóng néo sợi dây, như thể Bắc là một chiếc thuyền vậy. Do sợi dây kéo căng ra níu nó lại giữa dòng nước đang cuộn ào xuống, nên nó bị giúi mạnh xuống dưới mặt nước, và cứ thế bị nhận chìm nghiêm cho đến khi thân mình nó húc vào bờ và được kéo lên, Bắc gần như chết đuối, và Hendơ cùng Piti vội lao vào cứu nó, làm hô hấp nhân tạo và dốc cho nước chảy ra. Nó loạng choạng đứng dậy rồi lại ngã xuống. Vừa lúc ấy, tiếng kêu của Thoóctơn vẳng đến tai họ. Mặc dù họ không nghe được Thoóctơn đang nói gì nhưng họ biết là anh đã kiệt sức. Tiếng gọi của chủ tác động đến Bắc như một luồng điện giật. Nó bật dậy và chạy trước hai người, ngược bờ sông lên đến điểm xuất phát của nó lúc này.

Lần nữa, sợi dây lại được buộc vào, nó được tung xuống nước, và nó lại lao vút ra. Nhưng lần này nó

lao ra đúng thẳng giữa dòng. Nó đã tính nhẩm một lần, nay quyết không phạm sai lầm lần thứ hai. Hendor thả dây cố giữ không để cho dây chùng, còn Piti thì cố đảm bảo cho dây không bị xoắn lại, Bắc giữ vững hướng bơi cho đến khi nó ra tới một điểm chiếu xuống Thoócton theo một đường thẳng; lúc đó nó mới ngoặt xuống, và với tốc độ của một con tàu tốc hành, nó lao thẳng vào anh. Thoócton nhìn thấy nó lao đến, và khi thân Bắc đâm sầm vào anh như một cái chùy phá thành, với toàn bộ sức mạnh của luồng nước xô đằng sau nó, anh vội vồ tới và quàng cả hai tay ôm chặt lấy cái cổ xồm xoàm của nó. Hendor néo sợi dây vào một thân cây. Bắc và Thoócton liền bị giúi mạnh xuống dưới mặt nước. Cổ họng nghẹn tắc, ngạt thở, lộn lên lộn xuống giúi giúi, khi thì Bắc nằm đè lên trên, khi thì Thoócton nằm đè lên trên, cả hai bị kéo xệt dưới đáy sông lỏm chỏm, thân thể bị va đập vào những tảng đá và những gốc cây gãy, và cuối cùng được kéo lên bờ.

Thoócton hồi tỉnh thấy mình đang được đặt nằm sấp vắt ngang lên một khúc gỗ trên bờ, và Hendor cùng Piti đang kéo cò cửa người anh, đẩy lui đẩy tới cật lực. Anh lập tức nhìn sang phía Bắc. Bên thân mình mềm rũ và có vẻ không còn sự sống của Bắc, Ních đang đứng trụ dài, còn Xkit thì đang liếm bộ mặt ước sùng và đôi mắt nhắm nghiền của Bắc. Bản thân Thoócton cũng bị những vết thương thâm tím vì bị va đập mạnh. Khi Bắc được cứu cho tỉnh lại,

Thoóctơn cần thận sờ nắn khắp mình nó thì tìm thấy ba xương sườn bị gãy.

- Thôi, không cần phải bàn nữa, - anh tuyên bố. - Chúng ta cắm trại ngay tại đây.

Và thế là họ ở lại đó, chờ cho đến khi xương của Bắc liền lại và nó có thể lên đường được.

Mùa đông năm ấy, tại Đoxân, Bắc lại lập nên một kỳ công khác, có lẽ không được anh hùng như vậy nhưng là một kỳ công đã tôn tên tuổi của Bắc lên thêm nhiều nấc trên cột tôtem lưu truyền danh tiếng giữa miền Alaxaca<sup>(1)</sup>. Kỳ công đặc biệt làm hài lòng ba người, bởi vì nhờ nó mà họ sắm được những thứ đồ lễ họ đang cần, nhờ nó họ có thể mở một cuộc hành trình họ hằng ao ước từ lâu: đi vào miền Đông hoang vu, nơi những người khai mỏ vàng chưa bao giờ bén mảng tới. Sự kiện ấy bắt đầu từ một buổi chuyện trò tại quán rượu Endôradô, giữa lúc những người ngồi đấy đang bốc lên huênh hoang khoác lác về những con chó cưng của họ, Bắc, do những thành tích của nó, trở thành mục tiêu của mọi người, và Thoóctơn bị dồn vào chỗ phải nói cứng để bảo vệ thanh danh của Bắc. Sau nửa tiếng sôi nổi, một người tuyên bố là con chó của ông ta có thể khởi động một chiếc xe trượt tuyết chở năm trăm pao hàng và kéo

---

<sup>(1)</sup> Cột tôtem: cột chạm trổ và sơn những vật tượng trưng cho dòng dõi gia đình, trồng trước nhà của một số bộ tộc da đỏ ở bờ biển Tây Bắc của vùng Bắc Mỹ.

nó đi được; một người thứ hai khoe là chó của mình có thể làm được như vậy với một chiếc xe chở sáu trăm pao; và một người thứ ba, bảy trăm pao.

- Mềng! Mềng! - Giôn Thoóctơn nói. - Bắc có thể khởi động một ngàn pao.

- Chuyển dịch được xe? Và kéo đi được một trăm mã? - Máttiuxơn, một tay cự phú cỡ bự, kẻ vừa khoe chó mình kéo được bảy trăm pao, hỏi vặn Giôn Thoóctơn.

- Chuyển dịch được tốt và kéo đi được một trăm mã. - Giôn Thoóctơn điềm tĩnh đáp lại.

- Được rồi! - Máttiuxơn nói chậm rãi khoan thai cốt để cho mọi người nghe rõ. - Đánh cuộc một ngàn đôla là nó không làm như vậy được. Tiền đây!

Nói đoạn, gã ném phịch xuống mặt quầy rượu một túi vàng cốm lớn bằng một cái xúc xích Bôlônho.

Không ai hé răng nói nửa lời. Sự phét lác của Thoóctơn, nếu quả là phét lác, đã bị thách đấu. Anh cảm thấy máu dồn lên mặt nóng bừng. Cái lưỡi của anh đã chơi xỏ anh rồi. Anh không hề biết là liệu Bắc có thể khởi động được một ngàn pao hay không. Những nửa tấn! Khối lượng khổng lồ đó làm anh kinh hoảng. Anh vốn chỉ tin vào sức lực của Bắc và đã thường nghĩ là Bắc có thể khởi động được một khối nặng như thế. Nhưng chưa bao giờ như lúc này, anh bị đặt vào tình thế phải suy xét giữa khả năng và hiện thực, trước những con mắt của hơn chục con người chăm chăm nhìn anh yên lặng và chờ đợi. Hơn



nữa, anh không có một ngàn đôla, Hendơ và Piti cũng chẳng có.

- Tôi có một chiếc xe trượt tuyết đang nằm ngoài kia: chở đúng hai mươi bao bột mì mỗi bao nặng mười pao, Mátthiuxơn nói tiếp với thái độ thẳng thừng đến tàn nhẫn. - Vậy xin mời cứ tự nhiên cho!

Thoóctơn không trả lời. Anh biết nói thế nào bây giờ? Anh đảo mắt nhìn quanh hết bộ mặt này đến bộ mặt khác với cái vẻ ngơ ngác của một người đã mất khả năng suy nghĩ và đang tìm kiếm ở đâu đó một điều gì có thể giúp phục hồi lại khả năng ấy. Đôi mắt anh chợt bắt gặp bộ mặt của Jim Obrien, cũng là một phú ông giàu sụ và là bạn cũ của anh. Bộ mặt ấy như một tín hiệu đối với anh, nó như khích động anh phấn chấn làm cái điều mà lẽ ra anh không hề bao giờ mơ tưởng có thể làm được.

- Anh có thể cho tôi vay một ngàn được không? - Anh hỏi, hầu như thầm thì.

- Được lắm chứ! - Obrien trả lời và đặt mạnh xuống quây một cái túi nặng chứa ngàn đôla có dư bên cạnh cái túi của Mátthiuxơn. - Mặc dù tớ chẳng tin mấy là con vật có thể làm được cái trò ấy, Giôn ạ!

Khách khứa trong quán Endôradô đổ hết ra đường xem cuộc thử thách. Các bàn rượu vắng tanh, những người ham mê cờ bạc và những tay gá bạc đều ủa cả ra để xem kết cục ra sao và để đánh cuộc với nhau. Mấy trăm con người trong những bộ áo lông và găng tay dày cộm xúm đông xúm đỏ quanh chiếc

xe trượt tuyết, cách xe một quãng vừa phải để có thể nhìn thoải mái. Chiếc xe trượt của Mátthiuxơn chở một ngàn pao bột đã đứng đấy từ vài giờ rồi, và trong cái lạnh ghê gớm (lúc này là sáu mươi độ âm<sup>(1)</sup>) các cang xe đã bị gắn chặt vào lớp băng tuyết đông cứng. Người ta đánh cuộc hai ăn một rằng Bắc không thể nào làm cho xe nhúc nhích được. Một câu hỏi hắc búa được đặt ra về chữ "chuyển dịch". Ôbrien cho rằng Thoóctơn được quyền phá cho cang trượt bung ra khỏi băng tuyết, rồi để cho Bắc "chuyển dịch chiếc xe" từ vị trí đứng yên. Nhưng Mátthiuxơn thì cứ khẳng khẳng là chữ "chuyển dịch" bao hàm cả việc làm sao cho cang xe bung ra được khỏi lớp băng tuyết gắn chặt vào nó. Đa số những người chứng kiến việc thách đố lúc này đều ủng hộ ý kiến của Mátthiuxơn, và do đó tiền đánh cuộc lập tức tăng lên ba ăn một, cho rằng Bắc sẽ thất bại.

Không người nào dám nhận đánh cuộc. Chả một ai tin rằng Bắc có thể làm được kỳ công đó. Thoóctơn bị ép nhận cuộc một cách vội vàng, lòng anh trĩu nặng mối hoài nghi; và bây giờ đây lúc anh tận mắt nhìn vào chính chiếc xe trượt ấy, cái sự vật cụ thể rành rành, với một đàn chó kéo xe mười con (số lượng theo thường lệ) đang nằm co tròn trên mặt tuyết phía trước xe, anh lại càng thấy là công việc này có vẻ không thể làm nổi. Còn Mátthiuxơn thì càng trở nên hơn hớn.

---

<sup>(1)</sup> 60 độ Pharennai: khoảng -51 độ đến -52°C.

- Ba ăn một đây! - Gã tuyên bố. - Này Thoócton, tôi đặt cược thêm một ngàn đôla thách ba ăn một. Ý anh thế nào?

Mối hoài nghi của Thoócton lộ rõ trên nét mặt, nhưng tinh thần tranh đấu của anh đang được khuấy động - cái tinh thần tranh đấu bất chấp mọi sự chênh lệch, không hề cam chịu bó tay trước điều không thể làm nổi, và không thềm để tai đến gì ngoài tiếng la hét xung trận, anh gọi Hendơ và Piti đến bên anh. Các túi tiền của họ đều lép kẹp, và cùng với cái túi của anh, cả ba chỉ góp lại được có hai trăm đôla. Giữa lúc họ lâm vào tình cảnh khó khăn, tất cả vốn liếng của họ chỉ còn có bấy nhiêu; ấy thế nhưng họ dốc tuột ra không một chút do dự, đặt cược với sáu trăm đôla của Máthiuxon.

Người ta tháo dàn chó mười con ra khỏi chiếc xe, và đưa Bắc trong bộ đai cương của nó vào thay thế. Không khí khích động xung quanh đã lây sang cả Bắc, và nó cảm thấy là nó sẽ phải làm như thế nào đó để thực hiện được một điều rất lớn lao cho Giôn Thoócton. Hình dáng tuyệt vời của Bắc vừa xuất hiện thì những tiếng rì rầm thán phục nổi lên trong đám đông. Thể trạng của Bắc đang giữa lúc hoàn hảo, không có lấy một lạng thịt thừa nào, và toàn bộ một trăm năm mươi pao trọng lượng của nó là bấy nhiêu pao can trường và sức mạnh. Bộ lông dày của nó sáng bóng lên ánh mượt mà của tơ lụa. Dọc cổ và trên đôi vai, lớp lông bờm của nó tuy đang lúc nằm

yên nhưng vẫn hơi nghiêng lên chênh chếch, và hình như cứ dựng đứng lên theo mỗi cử động của thân mình nó, như thể là sức lực thừa ứ của nó đã làm cho từng sợi lông riêng lẻ đều có sự sống và tính năng động. Tấm ức rộng và đôi chân trước vạm vỡ không to quá khổ mà thật là cân đối với phần còn lại của toàn thân, và trên cơ thể Bắc những bắp thịt nổi lên thành từng cuộn bó chặt hẳn rõ dưới làn da. Người ta đưa tay sờ nắn thử các cơ bắp ấy rồi kháo nhau là nó rắn như sắt, và thế là nước bạc đặt cược tụt xuống hai ăn một.

- Ch-chà-chà, t-tuyệt quá, thưa ngài! T-tuyệt quá!  
- bên tai Thoóctơn lập cập tiếng nói lấp của một gã cóc vàng thuộc nhóm phú ông mới phát lên gần đây nhất (nhóm Xencum Bensơ) - Ng-ngài để lại cho tôi con ch-chó, tôi x-xin nộp ngài tám trăm, th-thưa ngài, ngay trước khi vào cuộc thử thách, thưa ngài? T-tám trăm ngay khi nó còn đứng đấy, th-thưa ngài.

Thoóctơn lắc đầu, anh bước đến bên cạnh Bắc.

- Ông đứng xa ra nhé! - Mátthiuxơn phản đối. - Cuộc thi tự lực, không ai nhúng vào, thiếu gì nơi đứng.

Đám đông im bật. Chỉ còn có tiếng những gã máu mê rao đánh cuộc hai ăn một nhưng chả ai hưởng ứng. Mọi người thừa nhận Bắc là một con vật tuyệt vời, nhưng hai mươi bao bột, mỗi bao năm mươi pao, lù lù ra đó thành một đồng quá lớn trước mắt họ, khiến họ không dám tay cởi hầu bao.

Thoóctơn quỳ xuống bên Bắc. Anh giữ đầu Bắc giữa hai bàn tay anh và kê má anh vào má nó. Anh không lắc nó theo lối đùa nghịch như thường lệ, hoặc nhỏ nhẹ rửa yêu nó, mà anh thì thâm vào tai nó:

- Đã thương ta thì cố lên, Bắc! Hãy vì ta, cố lên!

Bắc rên lên ư ử, với giọng háo hức nén lại trong cổ họng.

Đám đông tò mò ngấm nhìn theo dõi. Sự việc đang trở thành bí ẩn. Có vẻ như một sự phù phép. Khi Thoóctơn đứng lên, Bắc ngoạm lấy bàn tay đeo găng của anh, từ từ cắn vào rồi nhả dần, có phần không muốn rời ra. Đó là sự đáp lại, không phải bằng lời mà bằng tình cảm thương yêu. Thoóctơn lùi hẳn ra xa.

- Nào, Bắc! - Anh nói.

Bắc kéo căng bộ dây cương, rồi lại thả chúng ra khoảng vài inơ. Đó là cách thức mà nó đã được huấn luyện.

- Jii! - Tiếng Thoóctơn vang lên sắc nhọn, xói vào bầu không khí im lặng căng thẳng.

Bắc đâm bổ sang bên phải, kết thúc động tác bằng một cái chúi mạnh căng hẳn phần chùng của dây cương, và cả sức nặng một trăm năm mươi pao của nó bổ nhào tới bị chặn sững lại thành một cú thúc mạnh đột ngột. Đống hàng đồ sộ rung động, và từ bên dưới đôi càng trượt phát ra tiếng rạn nứt tanh tách.

- Hô-ô! - Thoóctơn lại ra lệnh.

Bắc lặp lại động tác như cũ, nhưng lần này sang bên trái. Tiếng rạn nứt chuyển thành tiếng gãy răng rắc, chiếc xe trượt tuyết xoay tại chỗ và đôi càng xe nghiêng kèn kẹt trượt đi mấy in-sơ về một bên. Chiếc xe đã bung ra được khỏi băng giá. Mọi người chăm chú theo dõi, hoàn toàn không hay biết là mình đang nín thở.

- Nào! Mớts!

Lệnh của Thoóctơn phát ra đánh như một phát súng lục. Bắc lao bổ về đằng trước, những sợi dây cương bị giật tới đột ngột rung động mạnh và căng thẳng. Sức mạnh toàn thân Bắc thu hết lại thành một khối rắn chắc trong một nỗ lực ghê gớm ấy. Các bắp thịt cuộn lên và nổi thành nút như những vật có sự sống đang chuyển động dưới lớp lông dày bóng mượt. Tấm ức rộng của nó rạp xuống thấp, đầu nó vươn về phía trước và cúi xuống, trong khi bốn chân cào bới như điên như cuồng những vuốt sắc rạch trên lớp băng tuyết đông cứng thành những vạch song song.

Chiếc xe trượt tuyết lắc lư và rung chuyển, gần như di dịch được về phía trước. Bỗng một chân Bắc bị trượt và có tiếng ai đó rú lên lo lắng. Nhưng rồi chiếc xe lao đảo dịch tới, nhích dần theo một loạt những cái giật nhanh liên tiếp, dường như không bao giờ dừng lại. Nửa in-sơ... Một in-sơ.... Hai in-sơ... Những cái giật giảm đi trông thấy khi xe đã lấy được

đà, Bắc bắt kịp từng cái giạt để dần tới vượt qua, cho đến khi chiếc xe lướt đều tiến lên phía trước theo một đà trượt vững chắc không còn giạt nữa.

Người đứng xem thở hắt một cái mạnh và bắt đầu lấy lại hơi thở bình thường, không nhận thấy là trong những phút vừa qua họ đã ngừng thở, Thoóctơn chạy theo sau xe, khích lệ Bắc bằng những tiếng ngắn, hân hoan. Khoảng cách đã được đo sẵn, và khi Bắc tiến đến gần đồng củi đánh dấu cái đích của đoạn đường một trăm mã, thì tiếng reo hò cổ vũ nổi lên mạnh dần, mạnh dần, rồi phá lên thành một tiếng hoan hô như sấm dậy khi Bắc vượt qua đồng củi và dừng lại theo mệnh lệnh. Mọi người nhảy căng lên vì khoái chí, ngay cả Mátthiuxơn cũng vậy. Người ta tung mũ và giăng tay lên trời. Người ta bắt tay nhau, bắt tay với bất kỳ ai không cần phân biệt và nháo nhác trao đổi với nhau những câu hoan hỉ rộn lên thành một mớ tiếng nói hỗn độn chả đâu vào đâu.

Trong khi đó thì Thoóctơn quỳ xuống bên cạnh Bắc. Đầu anh áp vào đầu nó, anh lắc mình nó đảo qua đảo lại. Những người chạy vội lên đến bên anh nghe thấy tiếng anh rửa Bắc, anh rửa rất lâu và rất nồng nàn, rửa với giọng dịu dàng và thương yêu.

- Ôi, tuyệt quá! T-Tuyệt quá, thưa ngài! - Lại tiếng nói lấp bắp của tay cóc vàng Xcucum Bensơ bên tai anh. - Tôi xin nộp ngài m-một ngàn, ngài để nó cho tôi, th-thưa ngài, một ng-ngàn, thưa ngài, một ngàn hai, th-thưa-ngài.

Thoóctơn đứng dậy. Đôi mắt anh ướt đầm. Những giọt nước mắt ứa ra, không cần giấu giếm, chảy ròng ròng xuống má anh,

- Thưa ngài! - Anh nói với gã phú ông. - Không được đâu, thưa ngài! Xin ngài hãy bước đi cho rảnh. Tôi chỉ có thể đáp lại ngài như vậy thôi, thưa ngài!

Bác ngoạm lấy bàn tay của Thoóctơn, Thoóctơn lắc mình nó đảo lui đảo tới. Những người đứng nhìn, như cùng chia sẻ niềm vui chung sôi nổi, đã lùi ra xa một quãng, tỏ vẻ tôn trọng, họ giữ ý không còn ai khiếm nhã cắt ngang một lần nữa những giây phút ân tình giữa anh với Bác.

## VII

### TIẾNG GỌI

Với một ngàn sáu trăm đôla mà Bác kiếm được cho Giôn Thoóctơn chỉ trong vòng năm phút, Bác đã giúp cho chủ mình trang trải xong một số nợ nần và mở được cuộc hành trình cùng với các bạn phường đi về phía Đông tìm một cái mỏ vàng mất tăm tích chỉ còn lại trong truyền thuyết, mà sự tích cũng xa xăm như chính sự tích của xứ sở này vậy. Trước kia, đã có nhiều người săn tìm cái mỏ vàng ấy; ít người tìm ra được nó, một số người đi tìm rồi chả bao giờ trở về nữa cũng không phải là ít. Tình tiết về cái mỏ vàng



mất tấm tích ấy đầy rẫy chuyện đau thương và ẩn kín sau một bức màn thần bí. Không kẻ nào biết được người đầu tiên phát hiện ra nó là ai. Những lời truyền miệng từ xa xưa nhất cũng đã dừng lại trước khi phanh ra mối, lần ngược đến tung tích người đó. Mở đầu câu chuyện truyền thuyết, người ta kể lại về một túp lều cổ đổ nát, nó là vật đánh dấu nơi có cái mỏ vàng bí ẩn. Những kẻ thiệt mạng vì cuộc săn tìm này, trong giờ phút hấp hối đã thề thốt là túp lều ấy có thực, là cái mỏ vàng ấy có thực và để làm bằng cho lời nói của họ, họ đã đưa ra cho xem những thỏi vàng thật là tuyệt vời, không có bất kỳ loại vàng nào ở các độ tuổi mà người ta đã thấy tại vùng đất phương Bắc này có thể sánh kịp.

Nhưng trong những người đang sống, chẳng có ai mang được thứ của quý ấy về nhà, mà người chết thì đã chết mất xác rồi. Do đó, Giôn Thoócơn, Piti và Hendơ, cùng với Bắc và nửa tá chó khác nữa, đã xông pha vào vùng phía Đông theo một con đường mòn họ chưa từng biết đến, để hòng thực hiện cái điều mà những đoàn người và chó khác trước họ, cũng giỏi giang như họ, đã thất bại không làm nổi. Họ đi xe trượt tuyết băng qua bảy mươi dặm đường ngược dòng Iucôn, rồi ngoặt sang trái đi vào sông Xtiuat, vượt qua Mayô và Mắcquêxon, và cứ tiếp tục ngược dòng cho đến khi bản thân con sông Xtiuat chỉ còn là một dòng suối nhỏ xíu, len lỏi qua sườn những ngọn núi dựng đứng như cột xương sống của lục địa Bắc Mỹ.

Giôn Thoócton không yêu cầu gì mấy ở con người hoặc ở thiên nhiên. Anh không sợ hoang dã. Với một vốc muối và một cây súng, anh có thể lao vào cõi hoang vu và có thể làm ăn được ở bất cứ nơi nào và lâu đến bao nhiêu cũng được, tùy theo sở thích. Không có gì phải vội, anh cứ theo phong cách của người thổ dân da đỏ, hằng ngày vừa đi đường vừa săn bắn để kiếm cái ăn; và nếu không tìm ra cái ăn, thì cũng giống như người da đỏ, anh cứ tiếp tục đi tới, biết chắc chắn rằng chẳng chóng thì chầy thế nào anh cũng tìm ra. Vậy là, trong cuộc hành trình lớn lao này vào vùng phía Đông, thực đơn là thịt cá chén ngay tại trận khi vừa săn bắn được, vật chở trên xe chủ yếu là đạn và dụng cụ, còn chương trình kế hoạch thì vạch ra thực hiện trong tương lai không hạn định.

Đối với Bắc, cuộc sống như thế này thật là khoái vô cùng tận, được săn thú nhé, được bắt cá nhé, rồi lại còn được ngao du vô định qua bao miền đất lạ. Có những thời gian hàng mấy tuần liền, đoàn người và chó cứ đi miết, ngày này qua ngày khác. Lại có lúc hàng mấy tuần liền, họ cắm trại tại chỗ ở một nơi nào đó đàn chó xả hơi đi chơi rong, còn người thì đốt lửa cho bùng và sỏi tan băng ra rồi moi thành lỗ, và cạnh hơi nóng của ngọn lửa, họ cặm cùi đãi không biết cơ man nào là đất cát để tìm vàng. Có những lúc họ bị đói, nhưng có những lúc họ lại ăn uống thịnh soạn thừa mứa, mọi sự tùy thuộc vào số lượng thú săn

nhieu hay ít và công việc săn bắt gặp may hay không. Mùa hè tới, người và chó đeo đồ lễ lên lưng, dùng bè vượt qua những hồ nước xanh biếc giữa đôi núi, và khi xuôi khi ngược dọc các dòng sông chưa hề quen biết, trên những chiếc thuyền thoi do họ đốn gỗ trong rừng tự đẽo khoét lấy.

Ngày tháng trôi qua, đoàn người và chó cứ miệt mài dần bước, vòng vèo khi tới khi lui xuyên qua cõi đất mênh mông chưa hề được đồ họa, chưa ai từng đặt chân tới hay biết đâu đã có người đến, nếu như câu chuyện về Túp Lều Mất Tích là có thực. Họ đi qua những đường phân thủy, giữa những trận bão tuyết mùa hè dữ dội, họ run cầm cập dưới ánh mặt trời nửa đêm trên những ngọn núi trọc nằm xen giữa bìa rừng và vùng tuyết vĩnh cửu, họ tụt xuống những thung lũng giữa tiết hè tràn ngập ruồi muỗi, và dưới bóng những núi băng, họ dừng lại hái những quả dâu chín mọng và những bông hoa tươi đẹp chẳng thua kém bất kỳ loại hoa quả nào mà miền đất phương Nam có thể tự hào. Mùa thu năm ấy họ lọt vào một vùng hồ kỳ ảo, buồn tẻ và tĩnh mịch, nơi đây xưa kia đã từng có chim trời trú ngụ, nhưng nay thì không còn sự sống, đến cả dấu vết của sự sống cũng không còn - chỉ có luồng gió ớn lạnh thổi qua, băng đang dần đóng lại ở những nơi bị che khuất, và tiếng sóng rì rào buồn man mát vỗ nhẹ vào những bãi bờ hiu quạnh.

Rồi họ lang thang suốt một mùa đông nữa, mò theo hướng những người đã đi qua trước đây mà dấu

vết đã bị xóa sạch. Một lần họ chợt bắt gặp một lối đi mở xuyên qua rừng, một lối mòn rất cũ, và tưởng chừng như Túp Lều Mất Tích đã ở đâu đây rất gần. Nhưng lối mòn ấy bắt đầu từ chỗ không đâu ra đâu và tận cùng mở một chỗ cũng không đâu ra đâu cả. Kết cục, nó vẫn là một điều bí ẩn, cũng như ai đã mở ra lối đi ấy và mở ra để làm gì, đều vẫn là điều bí ẩn. Một lần khác, họ lại tình cờ phát hiện thấy một chiếc lán của người đi săn, từ một thời xa xưa, nay đã đổ nát, và giữa những mảnh chắn đã mục, Giôn Thoócton tìm thấy một khẩu súng kíp nòng dài. Anh nhận ra đó là một thứ súng của Công ty Vịnh Hátxơn trong thời kỳ ban sơ ở vùng Tây Bắc, vào cái thời mà một cây súng như thế này xứng đáng với vị trí cao quý được đóng hộp bọc da hải ly đằng hoàng. Nhưng tất cả chỉ có thế - không có một dấu vết nào mách bảo về con người trong một ngày xa xưa nào đó đã dựng lên chiếc lều này và còn để lại khẩu súng trong đồng chắn.

Một mùa xuân nữa lại đến, và sau khi đã lang thang mãi hết nơi này đến nơi nọ, cuối cùng họ đã tìm thấy, không phải là Túp Lều Mất Tích, mà là một bãi sỏi cát nông có vàng giữa một thung lũng rộng, trên bãi này vàng hiện ra như một lớp bơ nằm dưới đáy của chiếc giần dãi. Họ không đi tìm đâu xa nữa. Mỗi ngày làm việc đem lại cho họ hàng ngàn đôla vàng cốm và vàng cục đã dãi sạch, và ngày nào họ cũng làm. Vàng được đóng gói vào những chiếc túi bằng da

nai, mỗi túi chứa năm mươi pao. Họ xếp những túi ấy thành chồng như xếp củ bên ngoài chiếc lán làm bằng cành cây bách. Như những người khỏe phi thường, họ làm việc quần quật không mệt mỏi, ngày nối ngày vùn vụt trôi qua như những giấc mơ trong khi đồng vàng của họ cứ chất cao thêm mãi.

Lũ chó chả có việc gì làm ngoài việc thỉnh thoảng kéo về lán những con thú do Thoóctơn săn được, và Bắc có những buổi nằm dài trầm ngâm hàng giờ bên đồng lửa. Bây giờ đây, khi công việc chả có bao nhiêu, thì cảnh mộng về con người lông lá chân ngắn lại hiện về với Bắc thường xuyên hơn; và thường thường, giữa lúc nằm yên chớp mắt nhìn ánh lửa, Bắc lại mơ thấy mình lang thang cùng con người ấy trong cái thế giới bên kia mà Bắc hồi tưởng lại.

Đặc điểm nổi bật của cái thế giới kia hình như là nỗi sợ hãi. Khi Bắc để ý nhìn con người lông lá ấy ngủ bên đồng lửa, đầu đặt giữa hai gối và hai bàn tay đan lại trên đầu, Bắc thấy gã ngủ không yên, nhiều lần giật mình tỉnh dậy, và những lúc ấy gã thường sợ hãi nhìn chằm chằm vào bóng tối và ném thêm củ vào ngọn lửa. Nếu gã cùng Bắc đi dọc bãi biển nơi gã thường nhật sò hến, nhặt đầu ăn đấy, thì gã vừa đi vừa đảo mắt nhìn khắp mọi chốn dè chừng những mối đe dọa ẩn nấp đâu đó, và đôi chân sẵn sàng vắt lên cổ chạy tháo thân ngay khi vừa thấy mối đe dọa ấy lộ ra. Những khi xuyên qua rừng rậm, gã cùng Bắc bước rón rén không một tiếng động, Bắc bám gót gã: cả hai đều

cánh giác, tỉnh táo, đề phòng, đôi tai vểnh lên, giần giật, lỗ mũi phập phồng, bởi con người này nghe và đánh hơi cũng thính chả kém gì Bắc. Con người lông lá này có thể nhún mình nhảy tót lên cây, và chuyển cành đi tới phía trước cũng nhanh như đi trên mặt đất, hai cánh tay đánh đu tung người từ cành này sang cành khác có khi cách nhau đến mười bộ, thoăn thoắt buông chỗ này bắt chỗ nọ, không bao giờ rơi ngã, không bao giờ bắt hụt. Trên thực tế, hình như gã ở trên cây cũng thoải mái chả kém gì ở trên mặt đất; và Bắc mừng tượng ra trong ký ức những đêm Bắc thức trắng nằm chờ dưới gốc cây, bên trên là con người lông lá đang bám chặt vào cành cây nằm ngủ.

Và có một thứ luôn gắn chặt với cảnh mộng về con người lông lá ấy là tiếng gọi, cái tiếng gọi cứ vang lên trong rừng thẳm. Mỗi lần nghe tiếng gọi ấy là lòng Bắc tràn ngập một nỗi xao xuyến bồi hồi và những ham muốn kỳ lạ... Nó mang đến cho Bắc một niềm vui mơ hồ mà thú vị, và Bắc nhận thấy trong lòng mình sôi lên cuồng nhiệt bao nỗi khát khao mong muốn những điều mà Bắc không rõ là điều gì. Thỉnh thoảng Bắc vùng dậy vào rừng đuổi theo tiếng gọi, sục tìm nó như thể nó là một vật có thể sờ mó được, vừa chạy vừa sữa nhẹ từng tiếng nhỏ hoặc nửa vời vẻ thách thức, tùy theo tâm trạng thay đổi từng lúc. Có lúc Bắc thọc mũi vào các tảng rêu mát lạnh bám trên thân cây hay vào lớp đất đen dưới bãi cỏ ống, và khịt khịt với vẻ vui sướng khi ngửi thấy mùi

đất mỡ màng; hoặc có lúc nó nằm thu mình hàng giờ sau những thân cây đổ đầy nấm mọc, như để ẩn nấp rình mồi, giương mắt giống tai theo dõi mọi sự chuyển động và mọi tiếng thóc thách xung quanh nó. Có thể bằng cách nằm rình như vậy, nó hy vọng sẽ bất chợt bắt gặp được cái tiếng gọi mà nó không hiểu nổi đó. Nhưng không, nó không biết tại sao nó lại làm mọi điều như vậy. Có một cái gì đó buộc nó phải làm thế, và nó tuyệt nhiên không lý giải được.

Nó chịu tác động của những lực thôi thúc không thể cưỡng lại nổi. Có những khi đang nằm dài vô tích sự trong khu đóng trại ngủ gà ngủ gật dưới ánh nắng ấm áp ban ngày, nó đột nhiên cất đầu, vểnh tai chăm chú lắng nghe, rồi bật dậy và lao đi và cứ thế lao tới, lao tới mãi, hàng mấy tiếng liền, theo những lối hỏ giữa cây rừng và qua những bãi trống đầy những cụm cỏ lác. Nó thích chạy xuôi những dòng suối khô cạn và thích rón rén theo dõi cuộc sống của chim chóc trong rừng. Có khi cả ngày liền nó nằm trong bụi rậm, từ nơi ẩn nấp này nó có thể quan sát những chú gà gô gõ nhịp liên hồi và khệnh khạng đi đi lại lại. Nhưng nó đặc biệt thích chạy trong bóng tối lơ mờ vào lúc nửa đêm mùa hạ, giống tai nghe tiếng rì rầm lắng dịu và buồn ngủ của núi rừng, đọc những tín hiệu và những âm thanh như con người đọc cuốn sách, và sục tìm cái vật huyền bí nào đó đã cất lên tiếng gọi - gọi nó đến, gọi vào mọi lúc cả lúc đang thức, cả lúc đang ngủ.

Rồi một đêm nọ, nó đang ngủ bỗng giật nảy mình bật dậy, đôi mắt rực lên háo hức, cánh mũi rung động phập phồng đánh hơi, bờm lông dựng lên từng hồi như sóng cuộn. Từ trong rừng sâu vắng tới tiếng gọi (hay có thể nói là một âm tiết của nó, bởi tiếng gọi có nhiều âm tiết khác nhau), minh bạch và rõ ràng hơn bao giờ hết - một tiếng hú kéo dài, nghe giống nhưng lại cũng không giống bất kỳ tiếng kêu nào của loài chó mà nó đã từng nghe thấy thuở trước. Bắc vọt ra khỏi khu trại đang yên giấc, lạng lẽ lao vun vút đi qua các khu rừng. Tiếng hú càng gần lại, Bắc giảm dần tốc độ, thận trọng trong từng cử động, cho đến khi tới bên một bãi trống giữa rừng, nó nhìn ra, thì kìa, trước mắt nó một vật ngồi chồm hổm, một con sói xám thân dài, gầy guộc, đang rướn thẳng mình, ghéch mõm lên trời.

Bắc tới đây không hề gây ra một tiếng động, ấy thế mà con vật kia ngừng bật tiếng hú và đánh hơi cố tìm cách phát hiện ra nó. Bắc rón rén bước ra bãi trống, hơi rún mình xuống, toàn thân thu hết lại thành một khối chắc nịch, đuôi duỗi thẳng cứng đờ, chân khuyu xuống trong tư thế thận trọng khác thường. Mọi cử động của Bắc biểu hiện một thái độ vừa đe dọa, vừa tỏ ý muốn làm thân. Chính đó là cái kiểu hòa hoãn tạm thời nhưng chứa đựng sự đe dọa, nó là dấu hiệu đặc trưng của những cuộc chạm trán giữa những con dã thú trên đường đi săn mồi. Nhưng con chó sói vội vàng bỏ chạy khi vừa trông thấy Bắc, Bắc phóng



theo, nhảy những bước dài điên cuồng quyết ra sức đuổi kịp hấn. Bắc dồn hấn vào một cái lối cụt giữa lòng một nhánh suối con, nơi có những gốc cây ken nhau dày chi chít chặn nghẽn đường. Con sói quay ngoắt lại, trụ trên hai chân sau để xoay mình theo kiểu của Giô và mọi con chó Étkimô khác khi bị cùng đường, găm thét và lông dựng đứng, hai hàm răng vập nhanh vào nhau liên tiếp.

Bắc không tiến công, chỉ lượn vòng bao quanh hấn đón chặn hấn lại với thái độ tỏ ý muốn làm thân. Con sói nghi hoặc và sợ hãi; bởi Bắc to gấp ba hấn, đầu hấn chỉ vừa chạm vai Bắc. Nhè lúc Bắc sơ hở, hấn vọt ra ngoài phóng đi. Thế là cuộc săn đuổi lại tiếp tục. Hết lần này đến lần khác, hấn lại bị Bắc đuổi dồn vào nơi cùng đường, rồi sự việc lại cứ diễn đi diễn lại như cũ, mặc dù hấn ở trong tình trạng yếu thế, mà nếu hấn không yếu thế thì Bắc cũng không dễ gì đuổi kịp hấn. Hấn cứ chạy cho đến khi thấy đầu của Bắc nhô lên đến ngang sườn hấn là hấn quay ngoắt lại giữ không cho Bắc chạm vào hấn, để rồi lại vọt ra bỏ chạy ngay khi chớp được cơ hội đầu tiên.

Nhưng cuối cùng, cuộc đuổi bám dai dẳng của Bắc đã được đền đáp. Con chó sói thấy đối phương không có ý gì muốn hại hấn, rút cuộc đã hít mũi với Bắc. Thế là chúng đánh bạn với nhau, và đùa giỡn bên nhau với cái vẻ hay hốt hoảng và có phần rụt rè mà thú dữ thường biểu hiện ra bên ngoài, làm người ta có thể nhầm không rõ bản chất hung dữ của

chúng. Sau khi nô đùa với nhau một lát, con chó sói bỏ đi, ung dung chạy những bước dài nhún nhảy nhịp nhàng với một cung cách tỏ ra hần đang nhằm đi tới một nơi nào đó. Hần lại tỏ ý với Bắc là hẳn muốn Bắc cùng đến nơi đó với hẳn, và chúng chạy bên nhau trong bóng tối mờ mờ, ngược suốt theo dòng suối, đi vào hẻm núi nơi con suối chảy ra, và vượt qua đường phân thủy hoang vắng nơi con suối bắt nguồn.

Qua sườn dốc bên kia đường phân thủy: chúng đi xuống một vùng bằng phẳng, có những dải rừng lớn và nhiều khe suối, và cứ thế mãi miết chạy qua các dải rừng ấy hết giờ này sang giờ khác. Mặt trời lên cao và khí trời ấm dần. Bắc vui sướng như ngây như dại. Nó biết thế là cuối cùng nó đã đáp lại tiếng gọi, nó đang chạy bên cạnh kẻ anh em ruột thịt chốn núi rừng, về phía chắc chắn là nơi xuất xứ của tiếng gọi. Những ký ức tự thuở xa xưa đang kéo về với nó nhanh chóng và lòng nó đang náo nức với những ký ức ấy, cũng giống như trước đây nó đã từng thấy lòng náo nức trước những điều thực tại mà chính các ký ức xa xưa ấy là cái bóng lồng theo. Nó đã sống những giây phút như thế này thuở trước, đâu đó trong cái thế giới kia mà nó đang lơ mơ hồi tưởng lại, và giờ đây nó lại được sống những giây phút như vậy, tự do chạy thênh thênh giữa cõi thiên nhiên khoáng đãng, dưới chân là mặt đất còn tinh khôi nguyên vẹn, và trên đầu là bầu trời mở rộng bao la.

Chúng dừng lại bên một dòng suối róc rách chảy để uống nước. Và khi dừng lại, Bắc sực nhớ tới Giôn Thoóctơn. Nó ngồi xuống tại chỗ. Con sói tiếp tục đi tới trước, đi về phía chắc chắn là nơi xuất xứ của tiếng gọi, rồi lại quay lại với Bắc, hít mũi với Bắc và làm những động tác như để khuyến khích Bắc. Nhưng Bắc quay đằng sau và từ từ lui trở về theo lối cũ. Trong gần một tiếng đồng hồ, con chó hoang anh em chạy lui theo bên cạnh Bắc, vừa chạy vừa khe khẽ kêu ư ử. Rồi hần ngồi xuống héch mồm lên trời, tru lên một tiếng dài. Tiếng tru nào nề thê thảm. Bắc cứ tiếp tục mãi miết chạy trở về không quay lại, nó nghe tiếng hú kia mỗi lúc một nhỏ dần, nhỏ dần rồi mất hút ở phía sau nó.

Giôn Thoóctơn đang ăn bữa tối thì Bắc lao vào khu trại và nhảy bổ vào anh trong một cơn lốc thương yêu như điên như dại, đẩy anh lật nhào, trèo lên người anh liếm môi anh, ngoạm lấy bàn tay anh - "chơi cái trò ông tướng ngốc", như Giôn Thoóctơn thường mệnh danh cho lối biểu thị ấy - còn Thoóctơn thì ôm lấy nó lắc, đảo tới đảo lui và rửa yêu nó.

Trong suốt hai ngày đêm, Bắc không rời khu trại đến nửa bước, không hề để Giôn Thoóctơn rời khỏi tầm mắt của nó. Nó quần quít quanh anh trong khi anh làm việc, chăm chú quan sát anh khi anh ăn, đưa mắt trông theo anh chui vào chần đi ngủ, và chờ đón nhìn anh buổi sáng thức dậy từ trong chần chui ra.

Nhưng sau hai ngày ấy, tiếng gọi trong rừng sâu

lại bắt đầu vang lên thúc giục khẩn thiết hơn bao giờ hết, Bắc lại bồn chồn trở lại, đầu óc lại tơ tưởng đến hình ảnh con chó hoang anh em, đến vùng đất tươi đẹp đầy sức quyến rũ bên kia đường phân thủy, và đến cái buổi chạy sóng đôi bên nhau qua những dải rừng rộng lớn. Thế là lần nữa, nó lại lao vào rừng lang thang hết nơi này đến nơi khác, nhưng kẻ anh em chốn hoang dã không trở lại với nó nữa, và mặc dù có chú ý lắng tai nghe suốt nhiều đêm dài thao thức, tiếng hú nào nùng kia không còn bao giờ cất lên trở lại

Nó bắt đầu ngủ đêm ngoài rừng và có khi đến mấy ngày liền nó bỏ đi khỏi khu trại. Một lần nó vượt qua đường phân thủy ở đầu nguồn nước và chạy xuống vùng đất có nhiều cây to, và nhiều khe suối, tại đó nó lang thang trong suốt một tuần để tìm kiếm dấu vết của kẻ anh em nơi hoang dã, nhưng vô vọng. Nó vừa đi vừa săn mồi để ăn, và trên đường nay đây mai đó nó khoan thai chạy những bước dài nhún nhảy nhịp nhàng hình như không bao giờ biết mệt. Nó săn bắt cá hồi trong một dòng suối rộng đang trút ra đầu dãy nơi biển cả, và cạnh dòng suối này nó giết chết một con gấu đen to lớn. Con gấu này cũng đang bắt cá như nó thì bị muỗi xúm lại đốt mù cả mắt, và giữa lúc này thì bị Bắc tấn công. Gấu ta đã găm thét dữ dội phóng qua rừng rậm bỏ chạy, nom thật khủng khiếp nhưng hoàn toàn bất lực. Mặc dù vậy, cuộc chiến đấu cũng khá gay go, và trận đánh

quyết liệt này đã khơi dậy hết những tàn dư tiềm tàng cuối cùng của tính hung dữ truyền lại bên trong Bắc. Và hai ngày sau, khi Bắc trở lại bên con vật nó đã giết chết, nhìn thấy khoảng chục con chồn gulô đang tranh giành nhau ăn xác con mồi, nó đã xông vào đánh lũ chồn chạy tan tác bỏ lại hai con gục xuống đấy không còn bao giờ biết tranh giành gì nữa.

Tính thêm khát máu tươi đã trở dậy bên trong Bắc mạnh hơn bao giờ hết. Nó đã thành một kẻ chuyên giết chóc, một vật săn đuổi, sống bằng thịt những vật sống đang đi lẻ loi và cô thế, nhờ ở chính sức mạnh và sự dũng cảm của bản thân mình, tồn tại oanh liệt bằng chiến thắng trong một môi trường mà ở đó chỉ có kẻ mạnh mới tồn tại. Do tất cả những điều ấy, trong lòng nó phát sinh một niềm kiêu hãnh lớn lao về bản thân mình, niềm kiêu hãnh này truyền lan như một sự nhiễm lây sang phần vật chất của cơ thể nó. Niềm kiêu hãnh ấy tự phô bày trong mọi động tác của nó, thể hiện rõ ràng trong lối vận động của từng cơ bắp, diễn đạt minh bạch như lời nói trong cung cách đi đứng của nó, và làm cho bộ lông dày lộng lẫy của nó như có phần thêm lộng lẫy. Nếu không có mấy đốm nâu lác lõng ở mõm nó và phía trên đôi mắt, và cái vệt lông trắng chạy dọc ở chính giữa ức nó, thì người ta rất có thể nhầm tưởng nó là một con chó sói khổng lồ, lớn hơn cả con to nhất của dòng họ nhà sói. Nó kế thừa được cái vóc và trọng lượng của bố nó thuộc nòi Xanh Becna nhưng chính

là mẹ nó, thuộc nòi chó chăn cừu đã di truyền lại cái hình dạng cho tầm vóc ấy và trọng lượng ấy. Mõm nó là cái mõm dài của nòi sói, chỉ khác là nó lớn hơn mõm của bất kỳ con chó sói nào; và cái đầu của nó đích thị là hình dạng một cái đầu chó sói phóng đại.

Cái khôn ranh của nó là cái khôn ranh của loài sói, một thứ khôn ranh man rợ; cái thông minh của nó là cái thông minh của nòi chó chăn cừu kết hợp với cái thông minh của nòi Xanh Bécna; và tất cả những cái đó, cộng với kinh nghiệm đã thu lượm được trong trường đời hung bạo nhất, đã biến nó thành một sinh vật cũng ghê gớm như bất kỳ thứ sinh vật nào lang thang giữa nơi hoang dã. Là một nòi ăn thịt, ngày ngày sống bằng thịt ăn sống nuốt tươi ngay khi săn bắt được, Bắc đang trong thời kỳ phát triển rực rỡ nhất, ở ngọn triều cao của cuộc đời mình, tràn trề sức mạnh và khí thế. Mỗi khi Giôn Thoóctơn lướt bàn tay vuốt ve dọc sống lưng nó, thì từng sợi lông đã tích đầy từ điện bị chạm vào liền phóng điện phát ra những tiếng tanh tách nhỏ theo bàn tay vuốt tới. Mỗi một bộ phận, từ bộ não đến cơ thể, từ mô thần kinh đến thớ thịt, đều được làm cho thích ứng với độ nhạy bén cao nhất; và giữa tất cả các bộ phận ấy, có một sự cân bằng và điều chỉnh cho ăn ý đến mức hoàn hảo. Khi bắt gặp một cảnh tượng, tiếng động hoặc sự việc gì đòi hỏi phải phản ứng, nó lập tức phản ứng nhanh như chớp. Để chống lại một cuộc tấn công hoặc để tấn công, một con chó Étkimô

bật nhảy nhanh là thế, vậy mà Bắc còn bật nhảy nhanh gấp đôi. Thời gian để nó nhìn thấy một chuyển động hoặc để nghe thấy một tiếng gì đó, rồi phản ứng, tất cả chỉ trong chớp mắt, còn ngắn hơn cả thời gian cần thiết cho bất kỳ con chó nào khác để nó kịp nhìn thấy hoặc nghe thấy. Nó vừa nhận thức, vừa quyết định, vừa phản ứng cùng một lúc. Thực ra thì ba hoạt động nhận thức, quyết định và phản ứng là kế tiếp nhau; thế nhưng khoảng cách thời gian giữa các việc ấy đều vô cùng ngắn ngủi nên có vẻ như ba việc diễn ra đồng thời. Các bắp thịt của nó thừa ứ sinh lực, sẵn sàng bật nhảy lao vào hành động, nhảy như những lò xo thép, sự sống trào dâng trong mình nó như một ngọn triều từng bùng, hân hoan, sôi sục, dâng lên mãi đến mức tưởng chừng như có thể làm nó vỡ tung ra từng mảnh trong trạng thái ngây ngất thoát bung ra khỏi bản thân mình, để dòng sinh lực kia tuôn trào tràn trề hào phóng ra khắp mọi nẻo của cõi đời.

- Chưa bao giờ có một con chó như nó! - Một hôm Giôn Thoóctơn đã phải thốt lên như vậy, trong khi anh cùng các bạn phường dõi theo Bắc đang bước ra khỏi khu trại.

- Khi Ông Tào đúc ra nó thì cái khuôn bị vỡ, - Piti tiếp lời.

- Ôi lạy Chúa! Tôi cũng nghĩ như các anh vậy đó. - Hendor xác nhận.

Họ nhìn thấy nó bước ra khỏi khu trại, nhưng họ

không nhìn thấy sự biến đổi đột ngột và ghê gớm đã diễn ra ngay khi nó vừa khuất trong màn bí mật của núi rừng. Đến nơi đó là nó không bước nữa. Ngay tức khắc nó biến thành một vật của hoang dã, len lén luồn tới nhẹ nhàng, bước chân êm như mèo, trở thành một cái bóng đen thấp thoáng lướt qua, khi ẩn khi hiện giữa những bóng đen khác. Nó biết cách lợi dụng mọi vật che khuất, trườn sát bụng xuống đất như con rắn, và cũng như con rắn, nó biết cách xuất kỳ bất ý bay nhảy vọt lên tấn công. Nó có thể lôi cổ một chú gà gô từ trong tổ ra, giết chết một con thỏ đang ngủ, và chộp gọn giữa lưng chừng không khí những chàng sóc chuột bé nhỏ đang vọt lên nhưng chỉ vì chậm chân có một tích tắc nên chưa kịp bám được vào thân cây leo lên chạy thoát. Cả cá lợi trong vũng trống không phải là quá nhanh đối với nó; mà hải ly luôn be bờ đập đập cũng không phải là quá cảnh giác đề phòng đến nỗi nó không tóm được. Nó giết các thú vật khác là để ăn thịt, chứ không phải để đùa giỡn, nhưng ăn những vật gì tự nó giết được thì nó vẫn thích hơn. Do vậy, có một thứ tình nghịch ngám ngấm trong hành động của nó, và nó rất khoái cái trò lén tới sát nách những chú sóc, rồi đến khi chắc chắn là nó chộp được chúng ngon ơ, chúng không tài nào thoát được thì nó lại tha cho chúng, làm cho các chú sóc hoảng sợ hết hồn hết vía leo tót lên ngọn cây.

Mùa thu đã tới, nai rừng Bắc Mỹ xuất hiện nhiều



hơn, chuyển dần xuống phía dưới để đón mùa đông ở những thung lũng thấp, nơi khí hậu đỡ khắc nghiệt hơn. Bắc đã hạ được một con nai choai lạc đàn. Nhưng nó lại hết sức thèm muốn những con mồi to hơn và ghê gớm hơn, và một hôm nó đã bắt gặp được một con đống như nó mong ước tại đường phân thủy ở đầu ngọn suối. Một đàn hai chục con nai sừng từ vùng đất có nhiều cây to và khe suối kéo sang, và chúa tể đầu đàn là một gã nai đực to lớn. Gã đang trong cơn thịnh nộ dữ tợn, và với thân hình sừng sững đứng cao hơn sáu bộ<sup>(1)</sup>, gã quả là một đấu thủ ghê gớm mà Bắc có thể mơ ước. Gã nai đực hất tới đảo lui bộ sừng to lớn xòe thành hình chân vịt, chia ra mười bốn mũi và dàn rộng đến bảy bộ từ mút bên này sang mút bên kia. Khi nhìn thấy Bắc, đôi mắt ti hí của gã rục lên một ánh lửa ác độc và quyết liệt; và gã rống lên giận dữ.

Ở một bên thân của gã, ngay phía trước sườn, thò ra đoạn đuôi của một mũi tên cắm lông chim, thì ra chính vì cái này mà gã sinh ra điên giận đến như vậy.

Được sự dắt dẫn của cái bản năng truyền lại từ những ngày săn bắt trong thế giới nguyên thủy xa xưa, Bắc tìm cách tách con nai đực kia ra khỏi đàn. Đó không phải là việc dễ. Bắc vừa sủa vừa nhảy nhót quanh quẩn trước mắt gã nai đực, vừa vịn ngoài tầm của bộ sừng to lớn và bộ móng loe kinh khủng chỉ

---

<sup>(1)</sup> Sáu bộ: khoảng 1,8m. Bảy bộ: khoảng 2,1m.

cần bổ cho nó một đòn thôi là đủ làm nó đi đứt. Không thể nào đứt ra khỏi cái vật tai ác nguy hiểm có răng nanh kia để mà tiếp tục đi, gã nai đực nổi những cơn điên giận đến cực điểm. Những lúc nổi điên lên, gã lao vào tấn công Bắc, nhưng Bắc láu cá rút lui, dụ gã lao theo bằng cách giả vờ làm ra vẻ như không thể nào chạy thoát nổi. Nhưng mỗi khi gã nai vì vậy mà tách ra xa khỏi đàn, thì lại có hai ba con nai đực khác trẻ hơn quay lui xông vào tấn công Bắc, giúp cho gã nai đực bị thương có thể trở lại theo đàn.

Có một thứ tính kiên nhẫn của hoang dã - rất bền bỉ không biết mệt mỏi, gan lì như chính bản thân sự sống vậy - thứ tính kiên nhẫn đã giữ cho con vật chờ mỗi im phăng phắc từ giờ này sang giờ khác như trong thời gian vô tận: con nhện giũa cái mạng tơ, con rắn trong tư thế cuộn vòng, con báo tại nơi mai phục; cái thứ kiên nhẫn này là thuộc tính của sự sống khi sự sống sẵn bắt một sự sống khác làm thức ăn cho mình; và thứ kiên nhẫn này cũng là thuộc tính của Bắc khi Bắc bám riết bên sườn đàn nai, cản trở làm chậm cuộc hành quân của chúng, chọc tức những con nai đực trẻ, quấy rầy những con nai cái với lũ nai choai leo đẹo theo sau, và làm cho gã nai đực bị thương kia phát điên lên trong cơn thịnh nộ bất lực. Trong suốt nửa ngày trời, sự việc cứ thế tiếp diễn, Bắc tăng cường độ của mình lên gấp bội, tấn công từ mọi phía, vây bọc lấy đàn nai trong một cơn lốc đe dọa, tìm cách tách nạn nhân của nó ra khỏi đàn mỗi

khi gã vừa kịp trở lại nhập bọn với lũ nai đàn, làm hại kiệt dần sự kiên nhẫn của những sinh vật bị săn vốn không bền bỉ được bằng sự kiên nhẫn của những sinh vật đi săn.

Ngày tàn dần và ông mặt trời tụt xuống nơi yên nghỉ của mình phía chân trời tây bắc (mấy hôm nay bóng tối đã lại quay về nơi đây, và đêm mùa thu kéo dài sáu tiếng). Những chàng nai đực trẻ mỗi lúc một miễn cưỡng hơn trong việc quay lui hỗ trợ cho gã nai đầu đàn bị vây hãm. Mùa đông đang lan xuống dần, thúc chúng mau chân đi tới những rẻo đất thấp hơn, và lại chúng thấy hình như chúng không bao giờ có thể tổng khứ đi được cái sinh vật không hề biết mệt mỏi kia đang kìm chân chúng lại. Hơn nữa không phải là tính mệnh của cả đàn hay tính mệnh của lũ nai đực trẻ bị đe dọa, mà chỉ có một thành viên của đàn là bị đòi nộp mạng, điều đó không đáng quan tâm bằng chính cái mạng của chúng, và thế là cuối cùng chúng bằng lòng nộp món tiền mãi lộ ấy.

Khi bóng hoàng hôn trùm xuống, gã nai đực già đứng lặng, đầu cúi thấp, đưa mắt dõi theo những bạn cùng đàn - những nàng nai cái mà gã đã thân thuộc, những bé nai con mà gã đã sinh ra, những chàng nai trẻ mà gã đã thống lĩnh - trong khi chúng lóng ngóng bước gập trong ánh chiều đang mờ dần. Gã không thể chạy theo, bởi vì trước mắt gã cái mối đe dọa khủng khiếp có răng nanh không thương xót kia vẫn cứ nhảy nhót, không chịu buông tha gã. Gã nặng đến

hơn sáu trăm ký: gã đã sống một cuộc đời dài và dững mãi, đầy chiến đấu và vật lộn, thế mà cuối cùng gã lại đối mặt với cái chết nơi hàm răng của một sinh vật mà cái đầu vươn chưa quá khuỷu đầu gối to lớn của gã.

Từ lúc đó, suốt đêm suốt ngày, Bắc không lúc nào rời khỏi con mồi của mình, không cho nó một giây phút nghỉ ngơi, không để cho nó gặm được tí lá cây nào hoặc tí chồi non nào của những cây bulô và liễu mới mọc. Bắc cũng không để cho gã nai bị thương có một cơ hội nào thò được mõm xuống những dòng suối nhỏ ri rỉ chảy qua để làm dịu cơn khát cháy bỏng. Trong tình cảnh tuyệt vọng, gã nai thường đột nhiên vùng chạy những thoi dài. Những lúc ấy Bắc không tìm cách chặn gã lại, mà cứ ung dung chạy những bước dài nhún nhảy nhịp nhàng bám sát gót gã, hài lòng với kiểu chơi cái trò ấy, rồi khi gã nai đứng lặng thì nó nằm xuống nghỉ, khi gã cố gắng tìm cách để ăn hoặc uống thì nó tấn công gã ác liệt.

Cái đầu to tướng mỗi lúc một gục xuống thấp hơn dưới bộ ngực đồ sộ, và bước chạy lóng ngóng mỗi lúc một yếu dần đi, gã đã phải đứng lặng hồi lâu, mũi chúc xuống đất, đôi tai chán nản cụp xuống ủ rũ: và Bắc nhờ đó có thêm thời gian để bản thân mình kiếm nước uống và nghỉ xả hơi. Giữa những lúc này, trong khi nằm thở hổn hển, chiếc lưỡi đỏ tươi thò dài và đôi mắt dán chặt vào con nai đực to lớn, Bắc bỗng cảm

thấy hình như có một sự thay đổi nào đó đang diễn ra trên bộ mặt của mọi vật. Nó cảm thụ được một sự xáo động mới lạ truyền lan qua miền này. Trong thời gian lũ nai sừng kéo đến nơi đây, có những loài khác của sự sống cũng đang kéo đến. Cả rừng cây, khe suối và cả không khí nữa, hình như đều đang phập phồng vì sự có mặt của những loài đó. Bắc hoàn toàn tin vào các tín hiệu mạch bảo rằng những loài đó đã xuất hiện, không phải bằng mắt nhìn hay tai nghe, hay mũi ngửi, mà bằng một thứ giác quan khác tinh tế hơn. Quả là nó chẳng nghe thấy gì, chẳng nhìn thấy gì, thế nhưng nó vẫn nhận ra là miền đất này có cái gì khang khác, có những vật lạ đang hoạt động và đang đi lùnh khấp nẻo; và nó quyết định sẽ tìm hiểu xem sao sau khi kết thúc cái việc đang làm dở.

Cuối cùng, đến hết ngày thứ tư, nó hạ được con nai to lớn đổ gục. Suốt một ngày một đêm, nó ở lại đó bên con mồi nó đã giết được, ăn thịt nai rồi ngủ, quanh đi quẩn lại tại chỗ. Thế rồi, sau khi đã được nghỉ ngơi, tỉnh táo khoan khoái và sung sức, nó quay đầu trở về khu trại với Giôn Thoóctơn, nhảy những bước dài nhịp nhàng thoải mái, cứ thế chạy miết từ giờ này sang giờ khác, không bao giờ phải lúng túng tìm lối đi giữa tầng tầng lớp lớp rối rắm phức tạp của núi rừng, nhằm thẳng hướng về trại qua mọi miền đất lạ, và xác định phương hướng với một sự tin chắc chính xác đáng để cho con người và chiếc kim nam châm của mình phải lấy làm hổ thẹn.

Càng đi tới, Bắc mỗi lúc một nhận thấy rõ hơn sự xáo động mới lạ trong miền này. Khắp nơi đang có một sự sống nào đó khác với sự sống đã từng có ở đây trong suốt mùa hè qua. Không còn chỉ là tin vào sự kiện đó qua một sự cảm thụ tinh tế và huyền bí nữa. Kia lũ chim chóc đang bàn tán về điều đó, những chú sóc đang kháo nhau xôn xao và cả làn gió nhẹ nữa cũng đang thì thào mách bảo. Đã mấy lần Bắc đứng lại, hít những hơi dài giữa luồng không khí tươi mát buổi sáng, và đọc thấy một tín hiệu truyền đến khiến nó càng vọt tới gấp bước nhanh hơn. Trong lòng nó nặng trĩu một cảm giác là có một mối tai họa sắp xảy ra tức thì, nếu không phải là đã xảy ra; và khi nó vượt qua đường phân thủy cuối cùng rồi tụt xuống khoảng thung lũng dẫn về phía khu trại, nó tiến tới một cách thận trọng hơn.

Cách khu trại ba dặm, nó chợt thấy một lối mòn mới, khiến cho lông cổ nó cuộn lên như sóng và dựng ngược. Cái lối mòn ấy dẫn thẳng tới phía trại, tới phía Giôn Thoóctơn. Bắc hồi hả chạy, vừa phóng nhanh vừa lén lút giấu mình, mọi dây thần kinh căng thẳng, cảnh giác chú ý đến vô vàn chi tiết đang thuật lại một câu chuyện - gần như đến lúc kết thúc. Giác quan của mũi nó tưởng thuật cho nó một bước đi qua của cái sự sống mới lạ mà nó đang bám đuổi theo sát gót. Nó để ý thấy sự im lặng đầy ý nghĩa của núi rừng. Cuộc sống của chim chóc đã vắng teo. Những chú sóc đã lẫn trốn đi đâu cả. Nó chỉ thấy có mỗi một

chú - một chú sóc xám mượt mà, nằm bẹp gí dán mình vào một cành cây khô cũng màu xám, trông chú như là một phần của cành cây ấy, như một cái bướu gỗ nhô lên trên thân gỗ.

Trong khi Bắc lướt tới âm thầm như một cái bóng, mũi nó bỗng nhiên bị giật mạnh sang một bên như thể có một lực thực sự nào đó đã chộp lấy và kéo sang. Nó vội bám theo cái mùi mà nó vừa đánh hơi thấy, lẩn vào một bụi rậm và nhìn thấy Ních. Ních đã chết sau khi lết được vào đó, xác nằm nghiêng, một mũi tên xuyên qua thò cả đầu và đoạn đuôi cắm lông chim ra hai bên mình nó.

Chạy thêm được độ khoảng một trăm mã, Bắc bắt gặp một trong những con chó kéo xe mà Thoóc-ton đã mua ở Đoxan. Con chó này đang vật vã trong cơn giãy chết ngay trên vệt đường mòn. Bắc chạy vòng qua bên nó không dừng lại. Từ phía khu trại vắng đến tiếng lao xao của nhiều giọng người, khi trầm khi bổng trong một điệu hát đều đều ê a. Trườn lên phía trước đến rìa bãi trống, Bắc chợt thấy Hendơ nằm sấp mặt xuống đất, trên mình tua tủa những mũi tên trông như con chim. Ngay lập tức, Bắc đảo mắt về phía vốn có chiếc lán làm bằng cành bách, và thốt nhìn thấy một cảnh tượng khiến cho lông trên cổ và vai nó bật thẳng lên dựng đứng. Một cơn điên giận không thể nén nổi bùng lên trong đầu nó. Nó gầm lên một tiếng hung tợn và khủng khiếp, mà bản thân không hay biết là mình đã để bật ra tiếng gầm

như vậy. Đây là lần cuối cùng trong đời nó, Bắc đã để cho xúc cảm lấn át mất khôn ranh và lý trí. Chính vì lòng thương yêu nồng cháy của nó đối với Giôn Thoóctơn nên nó không tự chủ nổi.

Bọn người da đỏ thuộc bộ tộc Yhét đang nhảy múa quanh đống đổ nát của chiếc lán làm bằng cành bách bồng nghe một tiếng rống ghê rợn và nhìn thấy một con vật đâm bổ vào chúng, một loại thú vật chúng chưa từng nhìn thấy bao giờ. Đó là Bắc, một luồng bão tố giận dữ hiển hiện thành sự sống, lao mình vào chúng trong một cơn cuồng loạn chỉ quyết hủy diệt. Nó nhảy xổ vào một tên mà nó thấy là nổi bật nhất (đó chính là thủ lĩnh của đám người Yhét), cắn rách toang cổ họng y cho đến khi máu ùng ục tuôn ra như suối từ mạch máu cổ bị xé nát. Bắc không dừng lại để tiếp tục nhay xé tên này, mà cứ vọt tới, vừa phóng qua, vừa cắn xé, thêm một bước nữa là xé rách toang họng thêm một tên thứ hai. Không có gì chống lại được nó. Nó cứ thế nhào lộn ngay giữa bọn chúng, cắn toạc, xé nát, hủy diệt, chuyển động vùn vụt, khủng khiếp, bất chấp những mũi tên mà chúng bắn loạn xạ vào nó. Thực tế là, vì những động tác của Bắc nhanh đến mức không thể lường được và vì bọn người da đỏ dồn đông lại tùm tùm với nhau rồi bởi cả lên, nên những mũi tên chúng phóng ra đều bắn cả vào người nhau; và một ngọn giáo trong tay một gã trai trẻ nhằm phóng vào Bắc, trong khi Bắc đang lao giữa không trung lại cắm



phập vào ngực một tên khác, mũi giáo đâm mạnh đến nỗi nó xuyên hẳn qua thò ra sau lưng tên này. Thế là bọn người Yhét rú lên khiếp đảm, kinh hoàng tháo chạy vào rừng, vừa chạy vừa kêu ầm lên là Hung Thần hiện hình.

Và quả thực Bắc là quý dữ hiện thân, diên giân bám sát gót chúng và quật ngã chúng như quật ngã hươu nai trong khi chúng chạy bán sống bán chết qua giữa rừng cây. Thật là một ngày thảm khốc đối với bọn người Yhét. Chúng bỏ chạy tan tác ra khắp nơi trong miền, mãi đến một tuần sau bọn sống sót mới tập hợp lại được trong một thung lũng thấp hơn và điểm xem ai còn ai mất. Còn Bắc, sau khi truy đuổi đến chán chê mệt mỏi, nó quay trở về khu trại tiêu điều hoang vắng. Nó tìm thấy xác Piti bị giết ngay trong giây phút bất ngờ đầu tiên giữa lúc anh còn nằm trọng chấn. Dấu vết của cuộc vật lộn tuyệt vọng của Thoóctơn còn in rành rành trên mặt đất, và Bắc đánh hơi theo từng chi tiết của cuộc vật lộn ấy cho đến tận mép một cái ao sâu. Ven bờ ao là xác của Xkít, đầu và hai chân trước chui ngập trong nước trung thành với chủ cho đến phút cuối cùng. Chính trong cái ao này đây, làn nước lầy bùn và vẩn đục vì đất gột ra từ các máng dãi vàng chắc chắn đang che kín cái mà nó chứa đựng, và chính nó đang chứa đựng Giôn Thoóctơn, không sai; bởi vì Bắc đánh hơi theo vết của anh đến tận mặt nước này, và đến đây là hết, không còn một dấu vết nào từ đây đi chỗ khác nữa.

Suốt ngày Bắc ủ ê thần thờ bên bờ ao hoặc bồn chồn đi lang thang quanh quần giữa khu trại. Cái chết, một sự ngừng cử động, một sự mất đi khỏi cuộc sống của vật đang sống. Bắc biết như vậy, và Bắc biết là Giôn Thoóctơn đã chết. Cái chết đó để lại một nỗi trống trải lớn trong lòng nó, phần nào giống như cơn đói, nhưng là một nỗi trống trải gây đau đớn, đau đớn mãi, mà thức ăn nuốt vào bao nhiêu cũng không lấp kín được. Đôi lúc, khi nó dừng lại lặng ngắm những xác chết của bọn người Yhét, nó quên được nỗi đau đớn đi; những lúc ấy nó cảm thấy một niềm tự hào lớn về bản thân mình - lớn hơn bất kỳ niềm tự hào nào mà nó đã từng cảm thấy xưa nay. Nó đã giết chết con người, loại con thịt cao quý hơn tất cả, và nó đã giết được mặc dầu có luật của dùi cui và răng nanh. Nó tò mò hít hít các xác chết. Chúng chết sao mà dễ dàng thế! Giết một con chó Êtkimô còn khó hơn giết chúng. Chúng chẳng xứng là đối thủ của Bắc tí nào cả, nếu không có những mũi tên ngọn giáo, dùi cui của chúng. Từ nay trở đi, nó sẽ không sợ gì chúng nữa, trừ khi chúng cầm trong tay những mũi tên, những ngọn giáo, những dùi cui.

Màn đêm buông xuống, một mặt trăng tròn vành vạnh nhô cao vượt khỏi vòm cây lên giữa bầu trời, ánh trăng trải đều xuống cho đến khi mặt đất chan hòa một ánh bạc ma quái. Cùng với bóng đêm vừa đến, trong khi quanh quần thần thờ đau buồn cạnh bờ ao, Bắc bỗng nhận thấy một thứ xáo động khác

của sự sống mới lạ trong rừng, khác với sự xáo động của bọn người Yhét. Nó đứng dậy, lắng nghe và đánh hơi. Từ xa vắng vắng vọng lại một tiếng kêu lạnh lạnh rồi một loạt tiếng kêu cũng lạnh lạnh. như vậy đồng thanh nối theo. Trong giây lát, những tiếng kêu đó dần dần gần lại và to lên. Một lần nữa, Bắc lại nhận ra ngay, đó là những tiếng mà Bắc đã từng nghe trong cái thế giới trước kia, cái thế giới vẫn còn dai dẳng bám riết lấy ký ức của nó. Nó bước ra chính giữa bãi trống và lắng tai nghe. Đúng rồi, chính là cái tiếng gọi ấy, cái tiếng gọi có nhiều âm tiết đang vang lên với một sức quyến rũ và bức bách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Và cũng hơn bao giờ hết, Bắc sẵn sàng tuân theo tiếng gọi. Giôn Thoóctơn đã chết rồi. Mỗi dây ràng buộc cuối cùng đã đứt. Con người và những đòi hỏi của con người không còn giữ nó lại được nữa.

Trên đường săn đuổi món mồi sống, cùng trong lúc bọn người Yhét cũng đang săn đuổi món mồi thịt ấy, bầy sói bám theo bên sườn đàn nai di trú, cuối cùng đã từ vùng đất có nhiều cây to và nhiều khe suối kéo sang rồi tràn vào thung lũng của Bắc. Như một dòng nước lũ màu ánh bạc, chúng đổ vào bãi trống chan hòa ánh trắng. Chính giữa bãi trống, Bắc đứng yên lặng như một pho tượng, chờ chúng đến. Chúng kinh sợ, bởi Bắc đứng đấy trông sừng sững im lặng quá, to lớn quá. Một giây lát ngập ngừng chững lại, cho đến khi một con tảo tợn nhất trong lũ sói chồm thẳng vào Bắc. Nhanh như chớp, Bắc đón

đánh, cắn gãy cổ đối thủ. Rồi nó lại đứng yên như cũ, không mảy may cử động, con sói bị hạ lẫn lộn giẫy chết đằng sau nó. Ba con sói khác liên tiếp dồn dập cố xông vào; nhưng con này tiếp con khác lại phải lùi ra, máu tuần xoối xả từ những vết toạc ở họng hoặc ở vai chúng.

Thế là đủ để kích động cả bầy sói ồ ạt lao tới, hỗn loạn, dồn đông lại, lộn xộn ngáng trở nhau vì cả bầy đều hăm hở muốn hạ con mồi. Sự nhanh nhẹn và lệ làng kỳ diệu của Bắc thật là lợi hại cho Bắc lúc này. Trụ vào hai chân sau, liên tục tấp, liên tục xé, nó đối phó với khắp mọi phía cùng một lúc, dàn ra một thế trận rõ ràng là không bị phá vỡ, bởi nó quay lộn và phòng giữ hết bên này sang bên nọ nhanh như chớp. Nhưng để ngăn không cho chúng đến phía sau nó, nó buộc phải lùi dần, xuống quá bờ ao rồi vào lòng một con suối, cho đến khi dừng lại sát một vách sỏi cao. Nó men vách sỏi dịch đến một cái góc vuông do những người trong đoàn của Thoóctơn đào ra trong lúc tìm vàng và trong cái góc ấy nó bám trụ lại để chống giữ, ba phía đều được che đỡ, chỉ còn phải đương đầu với phía trước.

Và nó đã đương đầu giỏi đến nỗi chỉ nửa tiếng đồng hồ, lũ sói phải chịu thua lùi lại. Những cái lưỡi thè dài, những chiếc nanh nhe ra trắng nhợt đầy vẻ hung ác dưới ánh trăng. Một số con nằm xuống, ngẩng đầu, tai vĩnh về phía trước; một số con khác đứng thẳng quan sát Bắc; lại có những con xuống tấp

nước uống ở dưới ao. Bỗng một con sói thân dài, gầy guộc, lông xám, thận trọng tiến lên với một dáng bộ thân thiện, và Bắc nhận ra kẻ anh em nơi hoang dã cùng chạy sóng đôi với Bắc suốt một đêm và một ngày hôm nọ. Hấn khe khẽ kêu ư ử, và khi Bắc cũng ư ử đáp lại, chúng hít mũi nhau.

Rồi một con sói già, có vẻ dữ tợn và đầy vết sẹo chiến đấu, bước tới. Bắc nhếch mép chuẩn bị lên tiếng gầm gừ, nhưng lại thôi, và hít mũi với gã. Thế là gã sói già ngồi xuống, ghéch mõm lên vầng trăng, cất cao tiếng hú dài của loài sói. Những con sói khác cũng ngồi xuống và hú theo. Bây giờ thì tiếng gọi đến với Bắc đã rõ ràng, với những âm sắc không thể nào nhầm lẫn được. Bắc cũng nhìn chúng, ngồi xuống và cất tiếng hú. Dừng tiếng, Bắc bước ra khỏi cái góc của mình. Bầy sói xúm lại quanh nó, hít hít nó với thái độ nửa thân thiện, nửa dữ tợn. Rồi những con đầu bầy cất cao tiếng gọi bầy, và bật dậy, phóng vào rừng. Cả bầy sói đồng thanh kêu lên, cất bước nhịp nhàng nối theo sau. Và Bắc chạy theo chúng, sóng đôi bên con sói hoang anh em, vừa chạy vừa cất tiếng kêu theo.

Đến đây, câu chuyện về Bắc đúng ra có thể kết thúc. Năm tháng trôi qua chưa nhiều lắm thì bỗng những người Yhét nhận ra một sự đổi thay ở loài sói xám trong rừng; họ thấy một số con có những đốm nâu trên đầu và mõm, và một vết lông trắng chạy dọc xuống giữa ức. Nhưng có một điều còn đáng chú ý

hơn, là những người Yhét kháo nhau về một con Chó Thần luôn chạy dẫn đầu bầy sói. Họ kinh sợ con Chó Thần này, vì nó khôn ranh hơn họ, ăn trộm các thú ở các lán trại của họ trong những mùa đông khắc nghiệt, đánh cắp những đồ dùng của họ, giết chết chó của họ, và coi thường cả những người thợ săn dũng cảm nhất của họ.

Chưa hết, câu chuyện còn diễn biến xấu hơn. Thợ săn có kẻ ra đi rồi không trở về trại nữa, mà thợ săn cũng đã có kẻ mà bà con trong bộ lạc tìm thấy xác giữa rừng, hòng bị xé rách toang một cách thảm khốc, và trên mặt tuyết xung quanh các xác chết còn hằn những vết chân sói to hơn bất kỳ vết chân sói nào mà họ đã từng thấy. Mỗi độ thu về, khi những người Yhét, bám theo bước chân di trú của đàn nai, thì có cái thung lũng họ không bao giờ dám bén mảng tới. Và đàn bà có kẻ đã mất ử mảy chau khi quanh bếp lửa, người ta truyền miệng về sự thể làm sao mà Hung Thần đã chọn cái thung lũng kia làm nơi trú ngụ.

Tuy nhiên, vào những ngày hè, vẫn có một kẻ đến thăm cái thung lũng ấy mà người Yhét không hay biết. Đó là một gã sói to lớn, khoác một bộ áo lông đẹp lộng lẫy, trông gã giống mà lại cũng không giống tất cả những con sói khác. Gã đi một mình, từ vùng đất tươi đẹp có nhiều cây to sang đây, rồi chạy xuống một cái bãi trống giữa rừng. Nơi đây có một dòng suối màu vàng chảy ra từ những chiếc túi da

nai đã mục nát rồi biến hút vào lòng đất, cỏ dài mọc đan qua và rêu xanh lan đầy che kín màu vàng của nó khuất dưới ánh mặt trời, và nơi đây gã trầm ngâm đứng lặng hồi lâu rồi hú lên một tiếng hú dài và thảm thiết, trước khi gã ra đi.

Nhưng không phải bao giờ gã cũng đi một mình. Khi những đêm đông dài kéo về và lũ sói bám theo mỗi thit xuống những thung lũng thấp, người ta có thể nhìn thấy gã chạy dẫn đầu bầy dưới ánh trăng nhợt nhạt hơn trong ánh bắc cực quang mờ ảo, nhảy những bước dài phi thường vượt các bạn cùng bầy, từ cổ họng to lớn của gã phát ra âm thanh vang dội khi gã hát lên một bài ca của thế giới hoang sơ, bài ca của bầy sói.

NGUYỄN CÔNG ÁI và  
VŨ TẤN PHƯƠNG dịch

## Nhóm lửa

T rời đã sáng mà vẫn âm u lạnh lẽo vô cùng. Anh rẽ khỏi con đường chính dọc theo dòng sông Yukon và leo lên bờ đất cao, nơi đây một con đường mòn ít người qua lại chạy lơ mờ về hướng đông, qua khu rừng thông bát ngát. Bờ đất dốc, nên leo lên đến đỉnh, anh dừng lại thở, nhưng để tỏ ra mình làm như thế không phải do mệt; anh nhìn vào đồng hồ. Đã chín giờ sáng. Mặt trời chưa xuất hiện, thậm chí chưa có dấu hiệu gì tỏ ra hôm nay mặt trời sẽ xuất hiện, dấu trên trời không có một bóng mây. Đó là một ngày quang đãng, vậy mà vẫn như có một tấm màn vô hình bao phủ lên vạn vật, một cảnh âm u làm cho ngày tối lại, và lại cũng do không có mặt trời. Dẫu thế, anh vẫn không tỏ ra lo lắng. Anh đã quen với cảnh thiếu ánh mặt trời. Đã từ bao ngày nay anh có nhìn thấy ánh mặt trời đâu, hơn nữa, anh cũng biết rằng phải một vài ngày nữa cái quả cầu rực rỡ kia mới lộ ra khỏi chân trời phương Nam trong chốc lát để rồi lại biến mất ngay.



Anh ngoái nhìn lại con đường vừa đi qua. Con sông Yukon rộng gần hai cây số nằm giấu mình dưới một lớp băng dày một thước. Trên mặt lớp băng đó là một lớp tuyết dày hơn thế. Tuyết trắng một màu, chỗ nào băng ùn lại nhiều, mặt tuyết cuộn lên thành những đợt sóng gợn lăn tăn. Từ bắc xuống nam, xa hút tầm mắt, tuyết trải trắng một màu mênh mang, trừ có con đường nhỏ như sợi tóc kia in thẫm ngoằn ngoèo quanh khu rừng thông về phía nam, rồi lại chạy quanh co ngược lên phía bắc, và biến mất sau khu rừng thông khác. Con đường vạch nhỏ thẫm như sợi tóc này là con đường mòn - lại là con đường chính - chạy về phía nam, khoảng ngót một cây số để đến đèo Chincoot và hồ nước mặn! Rồi về phía bắc, hơn một trăm cây số để tới Dawson, và chạy tiếp về phương Bắc hai nghìn cây số nữa để tới Naluto, cuối cùng đến St. Michael nằm trên bờ biển Bering, phải tới trên hai nghìn cây số nữa.

Nhưng tất cả những thứ như con đường mòn nhỏ như sợi chỉ thần bí, dài muôn dặm ấy, cảnh thiếu ánh mặt trời, cái rét khủng khiếp, cho đến cảnh hoang vu kỳ quái quanh đây đều không gây ấn tượng gì đối với anh. Không phải do anh đã quen thuộc từ lâu với cảnh tượng ấy. Anh là người mới đến khu này, một kẻ "xa lạ", và đây là lần đầu tiên anh qua mùa đông ở vùng này. Khốn nỗi anh không có óc tưởng tượng. Anh lạnh lẹn, nhay bén trước việc đời, nhưng chỉ đối với công việc, chứ trước ý nghĩa của những công việc

ấy, anh lại chẳng hay biết gì. 50 độ dưới không có nghĩa là độ lạnh giá phải là 80 độ. Thực tế đó chỉ gây cho anh một cảm giác lạnh và khó chịu, thế thôi, chứ anh không nghĩ đến một điều là mình, cũng như con người nói chung, rất mỏng manh trước nhiệt độ, chỉ có thể chịu đựng được nhiệt độ nóng hay lạnh ở mức rất giới hạn; và cũng vì thế mà anh không nhận ra một điều rằng con người đâu có phải là bất tử, và anh không xác định được vị trí của con người trong vũ trụ. 50 độ dưới không đối với anh chỉ là cái rét lạnh thấu xương, mà muốn chống lại, chỉ việc đeo găng, đội mũ che tai, đi giày da và tất thật ấm. Anh chưa bao giờ nghĩ rằng liệu ở nhiệt độ dưới không độ còn có điều gì khác nữa hay không.

Lúc quay lại tiếp tục cuộc hành trình, anh nhớ nước bọt xem trời lạnh đến mức nào. Vừa mới nhớ xong, một tiếng nổ giòn tan làm anh giật mình. Anh lại nhớ một lần nữa. Lần này nước bọt chưa kịp rơi xuống tuyết đã nổ tan ngay trong không khí. Anh vẫn biết là 50 độ dưới không, nước bọt nhỏ xuống tuyết là nổ vỡ, nhưng lần này nước bọt lại nổ vỡ ngay trong không khí. Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa, nhiệt độ phải lạnh hơn 50 độ dưới không, nhưng lạnh hơn bao nhiêu độ thì anh không biết. Song thế đã hể chi. Anh phải về khu mỏ cũ ở nhánh sông bên trái của con sông Henderson, nơi đó anh em đang đợi. Họ từ miền sông Indian đến đây trước, sau khi băng qua lưu vực sông, trong khi đó anh còn đi

vòng quanh để quan sát xem liệu mùa xuân tới có thể chở củi từ các cù lao trên sông Yukon ra được không. Anh mong về tới trại vào khoảng sáu giờ chiều. Lúc đó chân trời đã tối và anh em chắc cũng về đến nơi, bếp lửa sẽ bùng lên và bữa cơm tối chắc cũng sẵn sàng. Sức nhớ đến bữa ăn trưa nay, anh lấy tay nắn vào cái gói cốm cộm dưới áo, gói trong một chiếc khăn tay và đang nằm dưới chiếc áo sơ-mi, sát ngay da thịt anh. Chỉ có cách đó mới giữ cho bánh bích quy khỏi bị khô cứng vì giá lạnh. Anh khoan khoái mỉm cười một mình khi nghĩ đến những chiếc bánh bích quy cắt đôi dầm mỡ và chiếc nào cũng kẹp một miếng thịt rán to bự.

Anh tiến sâu vào khu rừng thông bát ngát. Con đường mòn chỉ còn lờ mờ. Từ hôm có chiếc xe trượt tuyết cuối cùng đi qua, đến giờ tuyết đã rơi ngập tới 30 phân còn anh lại cảm thấy mừng vì không cần đến xe trượt tuyết, như thế đi lại đỡ công kèn. Đúng ra anh chẳng mang theo người cái gì trừ bữa ăn trưa gói trong chiếc khăn tay. Dầu sao anh cũng phải kinh ngạc trước cái rét. Quả là rét ghê người, anh nghĩ khi đưa bàn tay đeo găng lên xoa mũi và hai bên gò má đã tê cứng. Anh có râu rậm đến thế mà vẫn không sao che nổi hết hai bên gò má cao và cái mũi nhọn hoắt nhô ra một cách khiêu khích trước bầu không khí giá buốt.

Theo sau sát gót anh là một con chó to thuộc giống địa phương, lai sói, lông xám, từ thân hình tới tính khí đều không có gì khác mấy với người anh em

của nó là giống sói rừng. Con vật có vẻ lo lắng trước cái rét kinh hồn đó. Nó biết trời rét như vậy thì đi đâu cũng không phải lúc. Linh tính của nó nhạy bén hơn sự xét đoán của con người nhiều. Thực tế hôm đó không phải trời chỉ rét hơn 50 độ dưới không mà là rét đến 60, 70 độ là đằng khác. Đúng ra trời rét đến 75 độ dưới không. Vì điểm đông lạnh là 32 độ, nên độ lạnh giá phải là 107 độ. Con chó không biết gì về hàn thử biểu, có lẽ trí óc nó không có được ý thức nhạy bén về một hoàn cảnh rét buốt như trí óc con người. Nhưng nó lại có bản năng riêng, khiến cho nó linh cảm được mối nguy hiểm, dù chỉ lơ mơ, làm nó sợ, cứ bám sát lấy gót chủ, rồi mỗi lần anh có cử chỉ khác thường là nó lại mong chủ mình chóng về đến trại, hay tìm một chỗ nào đó để ẩn nấp và nhóm lửa sưởi. Con chó đã biết lửa là gì nên nó rất mong có lửa, bằng không, đành phải đào một lỗ dưới tuyết để chui xuống nằm thu mình cho ấm.

Hơi thở của nó đóng thành bụi tuyết bám trên lông, nhất là dưới cằm, trên mõm và trên mi mắt của nó trắng xoá cả. Bộ râu của anh như râu ngô cũng đọng đầy tuyết và mỗi lúc một thêm đầy khi anh phả hơi thở ấm ra. Ngoài ra, anh lại nhai thuốc lá nên miệng đông cứng toàn băng tuyết, khiến cho có nhö cũng không gọn. Kết quả là bộ râu trong như pha lê có màu hồng như hổ phách do nước bọt quện nhựa thuốc tạo thành cứ mỗi lúc một dài ra dưới cằm. Giá anh ngã chắc bộ râu ấy đã vỡ tan ra như thủy tinh. Nhưng anh không

quan tâm đến cái vật lòng thông phụ ấy. Ai là người nghiện nhai thuốc ở cái xứ sở này đều phải gánh chịu hình phạt ấy, mà trước đây cũng đã hai lần anh ra đi trong khi trời giá buốt đột ngột như thế này rồi nhưng hồi đó hàn thử biểu bằng rượu ở Sixty Mile có lần chỉ 50 độ, có lần chỉ 55 độ dưới không độ.

Anh tiếp tục đi được hai chục cây số qua khu rừng bằng phẳng, rộng, toàn những bụi cây thấp mọc, sau đó rẽ xuống một dòng sông nhỏ đã đóng băng. Đó là con sông Henderson, và anh biết mình còn cách những nhánh sông độ mười lăm cây số. Anh nhìn đồng hồ - mới mười giờ. Như vậy, tốc độ đi khoảng sáu cây số một giờ, nên anh nhắm tính mình sẽ tới chỗ ngã ba sông vào khoảng mười hai giờ trưa. Anh quyết định sẽ dừng lại ăn trưa ở đó để mừng kết quả.

Con chó vẫn bám sát gót anh, và khi thấy chủ đi xuống men theo lòng sông, nó cụp đuôi thất vọng. Vết xe trượt tuyết cũ vẫn còn rõ, nhưng một lớp tuyết dày đến gang tay đã phủ hết dấu những chiếc xe cuối cùng đi qua đó. Đã hàng tháng nay không có ai qua lại dòng sông lạnh lẽ này. Anh vẫn bước đều. Vốn là người không hay suy nghĩ, mà ngay lúc đó cũng chẳng có gì làm anh phải nghĩ ngợi cả ngoài việc sẽ ăn trưa khi đến chỗ ngã ba sông và đến sáu giờ sẽ về tới trại với anh em. Anh chẳng có ai mà trò chuyện, mà có chẳng nữa, anh cũng không thể nói được vì băng đã đông cứng nơi miệng. Vì vậy anh tiếp tục nhai thuốc lá bồm bồm, và bộ râu mầu hổ phách cứ dài thêm.

Chốc chốc anh lại nhớ rằng trời lạnh khủng khiếp. Chưa bao giờ anh chịu một cảnh rét buốt đến thế. Vừa đi, anh vừa đưa mu bàn tay đeo gang lên xát mạnh vào gò má và mũi. Anh làm thế một cách vô ý thức, hết tay bên này lại đổi sang tay bên kia. Nhưng dù cho anh có xoa thế chẳng nữa, cứ hễ ngời tay là hai gò má lại tê cóng, và một lát sau, đầu mũi của anh cũng tê cóng lại. Anh biết chắc hai má mình đã bị tê cóng và bỗng nhiên thấy hối tiếc là đã không nghĩ ra cách làm thêm một cái bao bọc lấy mũi như kiểu anh chàng Bát vẫn đeo khi trời trở rét đột ngột. Cái bao mũi ấy cũng che cả má nữa. Nhưng dẫu sao điều đó cũng chẳng hệ trọng mấy. Má tê cóng thì đã sao? Cổ chẳng cũng chỉ hơi buốt một chút, hoàn toàn không có gì nghiêm trọng.

Dù không nghĩ ngợi gì, anh vẫn chăm chú quan sát và nhận thấy có nhiều thay đổi trên dòng sông, những chỗ gấp khúc và những đóng gỗ để chống chát, ngoài ra anh cũng luôn nhận ra một cách nhạy bén nơi mình đang đi lên đó. Có lần đến một chỗ rẽ, anh vội nhảy sang một bên như một con ngựa kinh hoảng, rồi lại đi vòng trở về con đường cũ mấy bước. Anh biết dòng sông đóng băng trong suốt đến tận đáy - không có con sông nào có thể chảy vào mùa đông Bắc Cực - nhưng anh cũng biết là vẫn có những dòng sườn từ những sườn đồi chảy giữa lớp tuyết và băng. Anh biết rằng cả trong những buổi trời rét đột ngột nhất, cũng không bao giờ những dòng suối đó

đóng băng được, song như thế lại nguy hiểm. Đó là những cạm bẫy, chúng dấu những vũng nước ngầm dưới lớp tuyết dày từ bảy phân đến hàng thước. Đôi khi có một lớp băng mỏng chừng một phân phủ trên mặt nước, rồi trên là một lớp tuyết. Cũng có khi nước và băng lại chồng lên nhau lẫn lộn, khiến cho ai sẩy chân trượt xuống, thì cứ gọi là phải ngập đến ngang lưng.

Chính vì thế mà anh đã hoảng hốt nhảy lùi lại. Anh thấy dưới chân mình đã hơi lún và nghe thấy lớp băng ở dưới tuyết kêu răng rắc. Trời rét như thế này mà để chân ướt thì thật rầy rà và nguy hiểm. Ít ra cũng bị chậm trễ vì phải dừng lại để nhóm lửa, cởi giày, hong chân và hong tất, giày cho khô. Anh đứng xem xét kỹ lòng sông và hai bên bờ rồi mới dứt khoát cho rằng mạch nước chảy từ phía bên phải. Đắn đo một lát, lấy tay xoa mũi và má, anh đi vòng sang bên trái, dò từng bước, vừa đi vừa nghe ngóng. Khi thấy không còn nguy hiểm nữa, anh mới lấy một miếng thuốc lá khác ra nhai và lại tiếp tục đi với tốc độ sáu cây số một giờ.

Suốt hai tiếng đồng hồ sau, anh gặp nhiều những cái bẫy tương tự. Thường lớp tuyết phủ trên những vũng nước ngầm trông như trũng xuống và kết đặc lại như đường phèn, báo hiệu sự nguy hiểm. Ấy thế mà có lần anh vẫn suýt chết. Thấy bị nguy hiểm, anh bắt con chó đi lên trước. Con chó không muốn đi, nó cứ chùn lại, làm anh phải thúc mạnh, khiến nó phải

chạy nhanh qua mặt tuyết trắng bằng phẳng đó. Bông nó hụp chân nghiêng về một bên, rồi chạy thoát đến chỗ vững chắc hơn. Hai chân trước của nó bị ướt nên nước bám vào đấy lập tức đóng thành băng. Con chó vội liềm lấy liềm để cho hết chỗ băng đóng ở chân, rồi nằm lăn ra tuyết, lấy răng gặm hết chỗ băng đóng giữa những kẽ chân. Đấy là bản năng, vì để băng vướng vào đấy, chân của nó sẽ đau. Nó không biết như thế, mà chỉ làm theo lời nhắc nhở thần bí từ nơi sâu thẳm trong con người nó. Nhưng chủ nó lại biết nên anh tháo găng bên phải ra sau khi phán đoán sự việc, và giúp con chó gỡ hết những mảng băng nhỏ đi. Vừa tháo găng ra chưa quá một phút mà anh cũng phải ngạc nhiên khi thấy mấy ngón tay của mình bị tê cứng lại. Rõ ràng trời rất rét. Anh vội đi ngay găng tay vào, rồi đập mạnh vào ngực.

Đã mười hai giờ trưa, lúc này bầu trời trở nên sáng sủa nhất. Nhưng trong cuộc hành trình mùa đông của mình, mặt trời hãy còn xa tít tắp ở phương Nam, chưa thấy sáng nơi chân trời. Gò đất cao đứng sừng giữa chân trời và dòng sông Henderson, nơi anh đã đi dưới bầu trời trong sáng vào giữa trưa mà không để lại một bóng nào. Vào đúng mười hai giờ rưỡi, anh đến chỗ ngã ba sông, trong lòng thấy thỏa mãn trước tốc độ đó. Nếu giữ được tốc độ đó, chắc chắn đến sáu giờ anh sẽ có mặt bên các bạn của mình. Anh cởi cúc áo choàng, sau đó đến chiếc áo sơ mi và kéo ra gói bánh ăn trưa. Anh làm động tác đó



không quá mười lăm giây đồng hồ, vậy mà những đầu ngón tay để hở đã bị tê cứng liền. Anh không đeo găng tay, mà lại đập mạnh các ngón tay hàng chục cái vào đùi. Sau đó, anh ngồi xuống một khúc cây phủ đầy tuyết và ăn trưa. Những cảm giác đau nhói sau khi đánh mạnh những ngón tay vào chân biến đi thật nhanh, khiến anh hoảng sợ. Anh không còn kịp ăn miếng bánh nữa, liền đập những ngón tay liên hồi, rồi đi găng tay vào, và tháo găng bên kia ra để ăn bánh. Anh định cắn một miếng lớn, nhưng tuyết đông cứng quanh miệng không sao há ra được. Anh quên khuấy không nhóm lửa cho hết công. Trước sự ngu ngốc của mình, anh chắc lưỡii chưa dứt thì ngay lúc ấy, mấy ngón tay để trần kia bị tê cứng lại. Anh cũng nhận thấy rằng lúc đầu ở mấy đầu ngón chân còn có cảm giác nhức nhói, nay khi vừa ngồi xuống thì cảm giác ấy không còn nữa. Anh ngỡ sỡ không hiểu những ngón chân ấy ấm hay bị tê cứng nữa, nhưng khi cố ngó ngoáy những ngón chân trong giày mới biết là chúng đã bị tê thật.

Anh vội vã đi găng tay vào rồi đứng dậy, trong người thấy hơi sỡ sỡ. Anh ráng sức dậm chân cho tới khi hai bàn chân thấy đau đau, nghĩ bụng quả là trời rét ghê thật. Ông già từ vùng Sông Lưu Huỳnh đã nói đúng là thỉnh thoảng ở vùng này lại có một đợt rét khủng khiếp. Vậy mà lúc ấy anh đã cười nhạo ông ta! Điều đó chứng tỏ rằng đừng có bao giờ dám chắc một điều gì. Rõ ràng là trời rét thật, không còn lầm

vào đâu được. Anh đi đi lại lại, dậm chân, rồi lại đập tay cho đến khi thấy nóng người lên mới yên tâm. Đoạn anh chạy đi kiểm củi còn mắc lại ở những bụi cây khi nước tràn lên vào mùa xuân năm ngoái, rồi rút diêm ra nhóm lửa. Cẩn thận lắm mới nhen được ngọn lửa, dần dần ngọn lửa bùng lên cháy vù vù. Anh hơ mặt vào gần lửa cho tan hết băng, và nhờ có hơi nóng của lửa, anh mới ăn được bánh.

Tạm thời cái rét của không gian bị lùi bước. Con chó cũng thấy khoan khoái, duỗi chân sát vào đồng lửa để lấy hơi ấm, nhưng cũng nằm đủ xa để khỏi bị cháy lông.

Ăn xong, anh nhồi thuốc vào tẩu rồi ngồi hút một cách khoan khoái. Đoạn anh đi găng, kéo hai giải mũ che cho tai thật chặt, rồi lại tiếp tục men theo con đường mòn bên sông ngược lên phía nhánh sông bên trái. Con chó tỏ ra chán nản, ngoảnh lại nhìn đồng lửa một cách thèm khát. Anh chủ thật không biết lạnh. Có lẽ đời ông cha của anh ta cũng không biết lạnh, một cái lạnh không lường, lạnh tới 107 độ dưới không. Nhưng con chó biết lạnh: tổ tiên của nó biết, và nó thừa hưởng được sự hiểu biết đó. Nó biết trời rét khủng khiếp như vậy mà đi ra ngoài thì thật nguy hiểm. Đã thế, chỉ nên nằm cuộn tròn trong một cái lỗ đào dưới tuyết và đợi cho đến lúc mây kéo về giăng kín cả bầu trời mang đi cái lạnh đó. Vả lại giữa người và vật đâu có sự tương thân tương ái. Con vật chỉ làm nô lệ cho người mà thôi, và những cái vuốt ve mà nó

từng được hưởng chỉ là những cái vuốt ve của những cái roi và những tiếng quát tháo ác nghiệt dọa đánh. Vì vậy, con vật đã không tỏ ra muốn nhọc lòng truyền nỗi lo sợ của nó cho người chủ. Đầu có phải vì người chủ mà nó nuôi tiếc đến lửa, chẳng qua nó tỏ thái độ ấy là vì chính bản thân nó; nhưng chủ nó huýt sáo và gọi nó bằng tiếng roi quát vun vút trong không khí, khiến con vật vội chạy sát theo gót anh ta.

Anh nhai thuốc tiếp, một bộ râu mới màu hổ phách lại bắt đầu hình thành. Và trong nháy mắt; hơi thở của anh đã đóng băng trắng xóa như bột trên bộ ria mép, lông mày và mi mắt. Ở phía bên trái của dòng sông Henderson có vẻ không có nhiều những con suối ngầm, vì anh đã đi được nửa tiếng đồng hồ mà không thấy dấu hiệu gì, vậy mà vẫn có. Ở một chỗ chẳng có dấu hiệu gì, nơi mặt tuyết phủ mềm mại phẳng lì như báo hiệu là bên dưới cũng rắn chắc, thì anh lại thụt chân. Chỗ đó không sâu lắm, nên chỉ bị ướt đến giữa bắp chân, sau đó anh leo lên được một khoảng bằng vùng chắc.

Bực mình, anh chửi đồng mảy câu. Cứ hy vọng thế nào cũng về tới trại với anh em vào lúc sáu giờ, vậy mà lúc này lại phải chậm hàng tiếng đồng hồ mất rồi, vì phải ngồi nhóm lửa và hong cho khô giày và tất. Ở nhiệt độ thấp như vậy, anh biết việc đó rất cần thiết. Anh tiến lại gần bờ sông và leo lên. Trên bờ sông lẫn lộn trong bụi cây mọc quanh những cây thông nhỏ, có vô khối củi khô - đặc biệt những cây

con, ngoài ra, còn có cả cỏ khô vương lại từ năm ngoái. Anh chất mấy cành lớn xuống mặt tuyết làm nền cho ngọn lửa mới nhóm khỏi bị tắt vì tuyết tan. Anh đánh diêm đốt một cái vỏ cây phong lấy từ trong túi ra. Cái vỏ đồ cháy nhạy hơn giấy. Anh đặt miếng vỏ lên mấy cành cây lớn, sau đó cho thêm cỏ khô và những cành cây con để mỗi ngọn lửa mới bén.

Anh làm công việc đó một cách từ từ và cẩn thận vì hiển nhiên mỗi nguy hiểm đang đợi anh. Dần dần ngọn lửa bốc mỗi lúc một to hơn, nên anh lại chất thêm củi khô. Anh ngồi xồm trên tuyết, kéo những cành cây khô nằm vương trong bụi rồi vút thẳng vào đống lửa. Anh biết rằng không được để lửa tắt, vì khi thời tiết ở 75 độ âm, chân lại bị ướt nữa thì ngay từ đầu là phải nhóm lửa sao cho nó không được tắt. Giá mà chân khô, thì dù nhóm lửa không được, anh có thể chạy dọc theo con đường mòn trên nửa cây số là máu lại lưu thông. Nhưng khi hai bàn chân đã ướt và tê cóng ở nhiệt độ 75 độ âm thì đừng có nói đến chuyện chạy cho máu được lưu thông. Dù cho anh có chạy nhanh đến đâu chẳng nữa, bàn chân ướt sũng đó chỉ thêm tê cứng hơn mà thôi.

Anh biết rõ như thế. Ông già ở vùng Sông Lưu Huỳnh đã nói đến điều đó từ mùa thu năm ngoái, và giờ anh mới thấy hết những lời khuyên đó. Anh đã mất hết cảm giác ở bàn chân. Muốn nhóm lửa, anh đã phải bỏ găng tay ra, do đó các ngón tay cũng bị tê cứng lại ngay. Lúc đi với tốc độ sáu cây số một giờ

đã tạo cho tim anh bơm máu đi khắp cơ thể, đến tận các đầu ngón chân và ngón tay. Nhưng khi vừa mới dừng lại, máu cũng kém lưu thông. Cái giá lạnh của không gian đang giáng xuống mỏm địa cầu trơ trụi, mà anh lại ở trong cái vùng ấy nên đã phải hứng lấy cái đòn tàn khốc đó. Máu trong người anh dường như co lại trước cái lạnh. Máu cũng sống, cho nên giống như con chó, máu cũng muốn trốn cái lạnh kinh hồn đó. Chừng nào còn đi được sáu cây số một giờ dù muốn hay không, máu vẫn được bơm đi khắp cơ thể; song giờ đây máu rút đi, lẩn sâu vào tận nơi sâu kín trong người anh, nên đầu ngón chân và ngón tay là nơi cảm thấy thiếu máu trước tiên. Những ngón chân bị ướt tê cóng nhanh hơn, cả những ngón tay bị hỏ cũng thế, mặc dù chúng chưa bị tê hẳn. Mũi và gò má đã bị tê cóng lại, trong khi đó, do thiếu máu, da anh lạnh tê tái.

Ấy thế mà anh vẫn không sao cả. Những ngón tay, mũi và má chỉ chớm bị cóng thôi, vì lửa đã bắt đầu cháy mạnh. Anh vẫn còn cho thêm những cành cây to bằng ngón tay để lửa cháy to thêm. Lát nữa có thể mỗi thêm vào ngọn lửa những cành to bằng cổ tay, chắc đến lúc đó anh có thể cởi giày và tất ướt ra hơi cho khô, và đôi chân trần sẽ được sưởi ấm bên đống lửa, nhưng dĩ nhiên, muốn sưởi thì trước hết phải xoa tuyết vào chân đã. Nhóm được lửa là mỹ mãn lắm rồi, vì thế mà anh thoát chết. Anh lại nhớ đến lời khuyên của ông già miền Sông Lưu Huỳnh, rồi mỉm cười. Ông

già đề ra một luật lệ rất nghiêm khắc là không ai được đi một mình trong vùng Klôn-dai với cái rét năm mươi độ dưới không. Thế mà anh đã có mặt ở đây, rồi gặp tai nạn một thân một mình, cuối cùng đã tự cứu lấy bản thân. Anh cho rằng ông già này tính rụt rè như đàn bà. Điều cần phải làm đối với người đàn ông là phải giữ bình tĩnh, và thế là ổn cả. Bất cứ ai là đàn ông đều có thể đi lại một mình. Nhưng thật là lạ, má và mũi của anh sao mà chóng bị tê cóng thế. Hơn nữa, anh cũng không nghĩ rằng những ngón tay của mình lại có thể mất sinh khí nhanh đến thế, vì chúng không sao cầm được thanh củi lên. Rõ ràng những ngón tay mất hết sinh khí rồi, chúng dường như ở xa hẳn thân thể và chính bản thân anh. Tay cầm thân củi mà mất cứ ngỡ ngác không hiểu mình đã nắm được nó chưa. Những sợi dây thần kinh từ óc anh tới mấy đầu ngón tay dường như liệt hẳn.

Tất cả những điều đó chẳng hề trọng là mấy. Chính ngọn lửa đang nhảy múa kia đang kêu rằng rắc, lớp bốp đó, là hứa hẹn của sự sống. Anh bắt đầu tháo giấy. Đôi giấy phủ một lớp băng, còn đôi tắt trông giống như hai cái bao bằng sắt bọc từ đầu gối trở xuống, trong khi đôi dây giấy giống như hai thanh sắt cong queo thắt nút lại như bị cháy. Thoạt đầu anh còn lấy mấy ngón tay tê cóng để giật dây ra, nhưng sau mới nhận thấy có hoạ là rồi mới làm như thế, nên anh vội rút con dao con ra.

Chưa kịp cắt dây giấy, lại có chuyện xảy ra. Đó là

do lỗi, hay nói đúng ra, là do sai lầm của anh. Đáng lẽ không được nhóm lửa dưới cây thông, mà phải nhóm ở ngoài khoảng trống. Khốn một nỗi có nhóm ở dưới gốc thông mới dễ lấy củi ngay từ trong bụi ra thì ném thẳng vào lửa. Cây thông mà anh nhóm lửa ở dưới lúc này lại nặng trĩu tuyết. Mỗi lần anh rút củi từ trong bụi ra là cái cây lại bị động nhẹ, vậy mà anh không hay biết gì. Song cái động nhẹ ấy cũng đủ gây ra tai nạn. Cành cao tít trên ngọn trút tuyết xuống những cành dưới, và cứ như thế truyền ra khắp cây, chẳng khác gì một trận tuyết lở, cuối cùng đột ngột rơi ào ào xuống anh và đồng lửa, dập ngọn lửa tắt ngấm! Nơi trước đây là một đồng lửa, giờ ngổn ngang những tuyết là tuyết.

Anh hoảng sợ, cứ như vừa mới nghe lời cáo chung đối với mình. Anh ngồi nhìn đăm đăm vào chỗ lúc này còn là đồng lửa. Nhưng rồi anh lấy lại được bình tĩnh. Có lẽ ông già vùng Sông Lưu Huỳnh lần này lại nói đúng. Giả có một người bạn đồng hành thì bây giờ đâu đến nỗi nguy hiểm. Người bạn đó sẽ có thể nhóm lửa được. Còn bây giờ anh lại phải đi nhóm đồng lửa khác mà lần này không được để hỏng. Thậm chí có nhóm được lửa chẳng nữa, chắc đâu mấy ngón chân còn có tác dụng nữa. Đến lúc này, hai bàn chân của anh đã tê dại rồi, mà cũng còn chán mới nhóm lửa xong.

Anh nghĩ thế, nhưng không chỉ ngồi mà nghĩ. Trong lúc ngồi nghĩ như thế, chân tay luôn luôn phải cử động. Anh làm một cái nền mới để nhóm lửa, lần này ở ngoài chỗ bãi trống để không có một cái cây

xảo trá nào có thể làm tắt ngọn lửa được. Tiếp đó anh đi kiểm cỏ khô và những cành cây con bị trôi giạt quanh đó từ vụ nước tràn về lần trước. Anh không thể lấy mấy ngón tay kéo từng cái một, nhưng vẫn có thể dùng cả hai bàn tay mà vơ cả những cành củi mục và rêu xanh. Biết làm cách nào khác được? Anh làm như một cái máy, thậm chí nhặt cả một ôm lớn những cành to để dùng sau khi lửa đã bùng to. Trong lúc đó, con chó nằm im và chăm chú nhìn anh, với con mắt thèm muốn, vì nó coi anh là người cung cấp lửa, vậy mà mãi không thấy lửa đâu.

Khi đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng, anh móc túi lấy ra một miếng vỏ cây phong nữa. Vẫn biết cái vỏ còn nằm trong túi, thế mà tìm mãi vẫn không có cảm giác gì, mà rõ ràng anh nghe thấy tiếng lạo xạo của các vỏ cây va vào nhau. Anh cố hết sức mà không sao nắm được miếng vỏ cây. Trong khi đó anh vẫn nhận biết được rằng mỗi lúc bàn chân mình thêm tê cóng. Nghĩ thế, anh đâm hoảng sợ, nhưng cố gắng giữ bình tĩnh. Anh lấy răng kéo căng tay rồi vung cánh tay, đập mạnh hai bàn tay vào hai bên sườn. Hết ngồi, anh lại đứng dậy vung tay trong khi đó con chó vẫn ngồi yên dưới tuyết, đuôi nó quăn lấy hai chân trước trông ấm áp, hai tai sói thính của nó vênh lên nghe ngóng, chăm chú nhìn chủ nó. Còn anh, trong lúc vung tay đập như thế bỗng cảm thấy trong lòng dội lên một nỗi ghen tức với con vật vì nó có bộ lông thiên nhiên che chở cho ấm áp và an toàn.



Một lát sau, anh bắt đầu nhận thấy ở đầu những ngón tay đập đó còn lơ mờ một chút cảm giác. Cái cảm giác ngứa ran mỗi lúc một tăng lên thành một cái đau buốt hành hạ anh, vậy mà anh lại sung sướng reo lên. Anh tháo chiếc găng tay bên phải và thọc vào túi tìm vỏ cây. Những ngón tay vừa để trần đã bị tê cứng liền. Anh bèn rút ra một bao diêm. Nhưng cái lạnh khủng khiếp đã làm cho mấy ngón tay bị tê liệt hẳn. Còn đang loay hoay tách ra lấy một qua diêm, thì lại đánh rơi cả bao xuống tuyết. Anh cố nhặt lên mà không sao nhặt nổi. Những ngón tay đã chết hẳn, không có khả năng sờ hay cầm được nữa. Anh rất cẩn thận. Gạt bỏ hết những ý nghĩ về hai bàn chân, cái mũi và hai má bị tê cứng, anh tập trung tâm trí vào việc nhặt bao diêm lên. Dồn cả hai mắt vào nhìn, dùng thị giác thay cho xúc giác và đến khi nhìn thấy hai ngón tay ở hai bên bao diêm, anh liền kẹp lấy, đã đành ý chí là vậy, nhưng những dây thần kinh đã bị tê liệt nên những ngón tay cũng không tuân theo nữa. Anh lại đi găng tay phải vào rồi đập thật mạnh vào đầu gối. Sau đó anh dùng cả bàn tay đeo găng mà xúc bao diêm lên, mang theo cả một nắm tuyết, đặt vào lòng. Nhưng tình hình cũng không tốt đẹp gì hơn.

Loay hoay mãi, anh mới kẹp được bao diêm vào giữa cùi hai bàn tay đeo găng, rồi đưa lên miệng. Tuyết đóng quanh miệng vỡ tan ra khi anh lấy hết gân sức để há ra. Anh rút hàm dưới vào, uốn cong môi trên trông đến kỳ quái, rồi lấy hàm răng trên ngậm bao diêm nhằm để tách lấy một qua. Anh đã tách

được một que nhưng lại để rơi xuống đất. Cũng chẳng ăn thua gì. Không thể nào nhặt que diêm đó lên được. Anh mới nghĩ ra một cách, liền ghé răng cắn lấy que diêm và quẹt mạnh vào chân. Quẹt đến hai chục lần que diêm mới cháy. Khi diêm cháy, anh vẫn cắn ở răng và dí sát vào vỏ cây. Nhưng mùi diêm sinh ở diêm bốc ra bay vào mũi, luồn vào phổi, làm cho anh ho sặc sụa. Qua diêm rơi xuống tuyết tắt ngấm.

Ông già vùng Sông Lưu Huỳnh nói có lý, anh nghĩ như vậy vào lúc sự tuyệt vọng đã được kiềm chế lại trời đây; quá 50 độ dưới không, ai muốn đi đâu phải có bạn đồng hành. Anh đập mạnh hai bàn tay nhưng không gây nên một cảm giác gì. Bỗng nhiên anh lấy răng cứa cả hai chiếc găng tay ra. Anh lấy cùi tay kẹp bao diêm vào. Do cơ bắp ở hai cánh tay không bị cồng, nên anh có thể kẹp chặt bao diêm ở chỗ hai cùi tay. Sau đó anh quẹt cả năm diêm dọc theo cẳng chân. Bó diêm cháy bùng lên, cả 70 que diêm lưu huỳnh cùng bùng cháy lên một lúc! Không khí lạnh như tờ nên diêm không tắt được. Anh nghiêng đầu sang một bên để tránh khỏi bị ngạt thở, rồi dí cả năm diêm đang cháy vào vỏ cây phong. Gió diêm như thế anh mới nhận ra cảm giác ở nơi tay mình. Thịt đang bị cháy. Có thể nghĩ thấy mùi thịt cháy, có cảm giác như nó cháy vào tận trong thịt. Cảm giác ấy dần dần biến thành cái đau nhức nhối. Song anh vẫn cố gắng chịu đựng, vung về dí ngọn lửa vào vỏ cây, nhưng miếng vỏ lại không bắt lửa ngay, vì chính bàn tay đang bị cháy đó đã cuốn hết lửa.

Cuối cùng không chịu nổi, anh rời cả hai tay ra. Năm diêm đang cháy rơi xuống nghe xèo xèo trong tuyết, nhưng miếng vỏ cây cũng đã cháy. Anh liền chất cỏ khô và những cành cây nhỏ tí vào ngọn lửa. Anh không còn khả năng chọn được nữa, vì phải dùng hai cùi tay mà kẹp củi. Những mẩu gỗ mục và những đám rêu xanh bám cả vào củi, nên anh phải cố ghé răng mà nhặt bớt đi. Anh nâng niu ngọn lửa một cách cẩn thận, song đến vụng. Lửa và sự sống, vì vậy không thể để nó tắt được. Máu rút ra khỏi làn da trên thân thể của anh nên anh bắt đầu thấy run lên cầm cập, và thấy người trở nên vụng về hơn. Một mảnh rêu to rơi xuống đúng ngay giữa đồng lửa nhỏ. Anh lấy ngón tay cố cời nó ra, nhưng tấm thân run lấy bầy làm cho anh cời lửa đi đâu ấy, hất tung những mớ cỏ đang cháy và những cành khô, và thế là cả đồng lửa nhỏ bị hỏng ở giữa. Anh lại vun chúng lại, nhưng có cố mấy cũng chẳng ăn thua gì, vì toàn thân anh đang run bắn lên mà củi lại bắn rải rác. Từng cành một phun ra một cuộn khói rồi tắt ngấm. Người nhóm lửa lại thất bại. Nhìn quanh một cách lãnh đạm, anh chợt bắt gặp con chó đang ngồi bên đồng lửa đã lụi, người nó cử động có vẻ bứt rứt bồn chồn, hết nhấc chân bên này lại đến chân bên kia và toàn thân cứ quảy luôn, như đang háo hức muốn có một cái gì đó.

Trông thấy con chó, anh liền nảy ra một ý nghĩ man rợ. Anh nhớ đến câu chuyện về một người bị cuốn trong cơn bão tuyết, đã giết chết con nai và chui

vào xác của nó mà nằm cho ấm, nên mới thoát chết. Anh sẽ giết con chó và thọc tay vào người nó cho đến khi hết tê dại thì thôi, sau đó lại có thể nhóm được đồng lửa khác. Anh bèn gọi nó lại gần, nhưng trong giọng nói có pha chút sợ hãi, khiến con chó cũng sợ, vì từ trước đến giờ nó chưa nghe thấy chủ nó nói giọng như thế. Chắc có chuyện sao đây, và linh tính đa nghi của nó đã đánh hơi thấy sự nguy hiểm nhưng không biết đó là mối nguy hiểm gì. Đầu đó trong óc nó bỗng nhiên thấy xuất hiện một nỗi sợ hãi đối với người chủ. Nó cụp tai xuống khi nghe thấy tiếng gọi của người chủ, rồi những động tác bồn chồn, vắn vẹo mình, hết nhấc chân trước lên lại đặt xuống; nhưng nó không lại. Anh bèn chống hai tay quỳ hai gối và bò lại phía nó. Tư thế lạ lùng đó lại gây thêm mối ngờ vực, nên con chó len lén lùi lại.

Anh lại ngồi lên tuyết một lát và cố lấy lại bình tĩnh. Sau đó anh lấy răng đi găng tay vào và gượng đứng dậy. Trước hết anh liếc nhìn xuống chân xem có chắc là mình đứng thật không, vì anh không có cảm giác là chân mình đụng đất. Tư thế đứng thẳng của anh làm cho con vật hết nghi ngờ, và khi anh quát lên ra lệnh nghe như tiếng roi quát, con chó lại ngoan ngoãn nghe theo như thường ngày. Khi nó tiến đến gần tầm tay, anh đã mất tự chủ, vội giơ tay vỗ lấy nó, nhưng đến lúc đó anh mới nhận ra rằng tay mình không còn nắm được nữa, còn những ngón tay thì không sao co lại được, mà cũng không có cảm giác gì

cả. Trong chốc lát anh quên khuấy mất rằng không những đôi bàn tay mình đã tê cóng mà mỗi lúc chúng còn tê cóng hơn, mọi việc xảy ra rất nhanh, nên con chó chưa kịp bỏ chạy, anh đã ôm chầm lấy nó.

Anh ngồi xuống tuyết, và cứ thế ôm lấy nó, dù cho nó cứ găm gừ, sủa và vùng vẫy mấy để thoát cũng mặc.

Nhưng anh cũng chỉ có thể làm được đến thế, nghĩa là cứ ngồi ôm khư khư lấy con vật. Anh biết mình không có khả năng giết được nó. Không sao tìm ra được cách gì để giết chết nó. Với đôi tay vô dụng, anh không thể rút hoặc cầm lấy con dao găm hay bóp cổ nó. Anh đành buông nó ra, con vật vội cụp đuôi phóng một mạch chạy vụt đi, miệng hãy còn kêu ăng ẳng. Chạy được chừng mười thước, nó dừng lại, ngoảnh nhìn anh đáng dò hỏi, hai tai vểnh lên.

Anh nhìn xuống hai bàn tay xem nó ở đâu, và thấy nó còn đang lủng lẳng ở cổ tay. Anh bỗng ngạc nhiên thấy mình lại phải dùng đến mắt để xem tay mình ở đâu. Anh liền vung tay đập mạnh hai bàn tay đeo găng vào hai bên sườn. Làm như vậy trong năm phút, ráng hết sức đủ để bơm máu lên làn da, thế là anh hết run. Nhưng hai bàn tay không cảm giác gì. Anh có cảm tưởng chúng như hai quả cân treo ở đầu cánh tay, vậy mà anh cố truyền cảm tưởng đó xuống thì lại không thấy gì.

Một nỗi sợ chết lơ mơ và nặng nề xâm chiếm anh. Sự sợ hãi đó nhanh chóng trở nên sâu sắc vì anh nhận

ra rằng đây không còn là vấn đề những ngón tay và ngón chân bị tê cóng hoặc để mất cả hai bàn tay và bàn chân, mà đó là vấn đề sinh tử, trong đó cơ hội để sống rất mỏng manh. Điều đó làm anh hoảng hốt, khiến anh quay cổ chạy một mạch trên lòng sông dọc theo con đường mòn cũ, lờ mờ sáng. Con chó chạy theo sau sát anh. Anh chạy thực mạng không biết trời đất là gì, trong nỗi hoảng loạn anh chưa bao giờ phải trải qua trong đời. Trong lúc chạy loạn choạng trên tuyết, anh lại dần dần nhìn rõ mọi vật: bờ sông, những đống gỗ cũ ngổn ngang, những cây dương trụi lá và cả bầu trời. Chạy như thế làm cho anh cảm thấy dễ chịu hơn, người không thấy run nữa. Chắc nếu cứ tiếp tục chạy thì hai bàn chân sẽ hết cóng; mà nhờ đâu chạy gồng một đoạn xa nữa chẳng về đến nơi với anh em ở trại. Ngón tay, ngón chân và một phần trên mặt chắc không còn nguyên vẹn, nhưng sẽ nhờ anh em cứu vớt cho phần còn lại khi về đến trại. Song lúc ấy anh lại nảy ra ý nghĩ cho rằng sẽ không bao giờ mình trở về được tới trại và sum họp cùng anh em, rằng đến đó đường còn xa, mà người đã bị tê cóng thế này, chắc sớm muộn cũng sẽ chết cứng thôi. Anh cố xua đuổi ý nghĩ đó, gác nó lại phía sau, nhưng đôi lúc nó lại hiện ra làm anh cứ phải cố sức nghĩ đến chuyện khác cho quên đi.

Anh ngạc nhiên không hiểu sao mình vẫn chạy được với đôi chân tê dại như thế, tê dại đến mức khi cả khối thân người đè nặng xuống và lúc chúng chạm

đất vẫn không có cảm giác gì. Anh thấy như mình đang lướt trên mặt đất, chân không đến đất, cật không đến trời. Có lúc anh thấy như mình đã nhìn thấy thần Mercury có cánh ở đâu đó, rồi cứ thắc mắc liệu thần Mercury có cảm giác giống như anh khi bay lướt trên mặt đất không.

Chạy một mạch về trại và gặp gỡ bạn bè lúc này là điều vô lý hết sức vì lấy đâu ra sức nữa. Nhiều lần anh vấp ngã, loạng choạng đứng dậy rồi lại ngã. Anh cố gượng đứng lên, nhưng không nổi, quyết định đành phải ngồi nghỉ và nghĩ bụng sẽ không chạy mà chỉ bước đều. Lúc ngồi xuống thở, anh thấy người ấm và dễ chịu hẳn lên. Người không còn run nữa, thậm chí hơi ấm như tràn râm ran khắp ngực và bụng. Nhưng sao sờ tay lên mũi và má vẫn không có cảm giác gì? Chạy cũng không làm hết tê cóng được. Cả hai bàn tay và bàn chân cũng vẫn không hết tê. Rồi anh lại nghĩ có lẽ phần tê cóng trên thân thể lan rộng hơn thì phải. Anh cố không nghĩ đến điều đó, chỉ nghĩ đến điều khác cho quên đi; anh biết mình cứ nghĩ như thế sẽ gây hoảng sợ, mà anh vốn lại sợ sự hoảng hốt. Dù vậy, ý nghĩ đó cứ ám ảnh anh một cách dai dẳng cho đến khi mờng tượng ra cảnh toàn thân mình tê cóng lại. Nghĩ đồng dài chán cũng đến thế thôi, thế là anh lại vùng đứng dậy chạy thực mạng dọc theo con đường. Có lần anh chạy chậm lại và bước bộ từ từ, nhưng rồi nghĩ đến chỗ tê cóng đang lan khắp, anh lại lao đầu chạy.

Trong suốt thời gian ấy, con chó vẫn chạy theo sau anh. Lúc anh ngã lần thứ hai, nó lại ngồi xuống trước mặt, đuôi quăn lấy hai chân trước, chăm chú nhìn anh một cách dò hỏi. Trước cảnh ảm cúng và an toàn của con vật, anh thấy trong người mình nổi cău, rồi chửi cho nó một chập, khiến con vật phải cụp tai xuống ra chiều ngoan ngoãn. Lần này cái rét đến với anh nhanh hơn. Anh đành bó tay trước cái rét đang lan khắp thân mình. Nghĩ đến cái rét tê cóng, anh lại càng chạy thục mạng, nhưng chưa được ba chục mét đã lão đảo ngã chúi xuống. Lần hoảng hốt ấy lên đến tột đỉnh. Khi đã lấy lại được bình tĩnh, anh ngồi lên và nghĩ mình có chết cũng phải chết cho có tư thế. Song ý nghĩ đó không đến một cách rõ nét như vậy. Anh chỉ thấy mình như một thằng ngốc, chạy quẩn như con gà bị cắt tiết - anh lại nảy ra sự so sánh đó trong đầu. Thôi thì chẳng nào cũng chết cóng, nên phải chết cho đáng hoàng. Khi đã tìm được sự tĩnh tâm mới này, anh bỗng thấy buồn ngủ. Anh nghĩ đến giấc ngủ ngàn thu ngon lành, chẳng khác gì uống một liều thuốc ngủ. Chết cóng thì có gì đau đớn như người ta tưởng đâu! Còn gặp cái chết khác ghê sợ hơn nhiều.

Anh tưởng tượng ngày mai anh em tìm thấy xác anh. Bỗng nhiên anh thấy mình đang đi cùng mọi người dọc theo con đường mòn và tìm kiếm anh. Rồi anh lại cùng với họ đi tới chỗ rẽ của con đường và thấy mình đang nằm trên tuyết. Anh không còn thuộc về bản thân mình nữa, vì thậm chí ngay lúc đó



anh đã thoát xác, đứng cùng với anh em và nhìn vào xác mình nằm trên tuyết.

Trời quả là rét quá, anh nghĩ thế. Khi nào về đến xứ sở, anh sẽ kể lại cho bà con nghe cái lạnh thực sự nó như thế nào. Nghĩ miên man, anh lại nhớ đến ông già vùng Sông Lưu Huỳnh. Anh mừng tượng rõ mồn một ông ta đang ngồi hút tẩu trong cảnh ấm cúng dễ chịu.

"Ông nói đúng ông già ạ; ông nói đúng đấy", anh lẩm bẩm như đang nói với ông già.

Sau đó anh thiếp đi trong một giấc ngủ ngon: lạnh mà dường như chưa bao giờ mình được hưởng. Con chó vẫn ngồi nhìn anh và chờ đợi. Một ngày ngắn ngủi tan dần trong ánh hoàng hôn còn đọng lại mãi không tan. Không có dấu hiệu nào tỏ ra là có nhóm lửa, và lại trong đời của con vật chưa bao giờ nó thấy con người ngồi ở tư thế như vậy trên tuyết mà lại không đốt lửa sưởi. Khi trời mỗi lúc một tối dần, lòng khao khát có một đống lửa xâm chiếm con vật, chân trước của nó động đậy liên hồi, rồi nó kêu khe khẽ, nó cụp tai xuống như sợ chủ mắng. Nhưng chủ nó vẫn ngồi yên. Sau đó con vật rên to hơn, bò lê dần tới anh và đánh hơi thấy cái chết. Nó xù lông lên lùi lại. Nấn ná một lát, nó rú lên nghe thê thảm dưới bầu trời lạnh buốt điểm những ngôi sao sáng lấp lánh như nháy múa. Sau đó, nó quay đi và chạy ngược theo con đường mòn về hướng trại mà nó quen thuộc, nơi đó sẽ có người cho nó ăn và đốt lửa cho nó sưởi.

## MỤC LỤC

* <i>Tình yêu cuộc sống</i>	5
DUƠNG TUỜNG dịch	
* <i>Sóng lớn Canaca</i>	37
VŨ ĐÌNH PHÒNG dịch	
* <i>Kulau hủi</i>	87
ĐOÀN TỬ HUYẾN dịch	
* <i>Hội những người già</i>	115
THÁI HÀ dịch	
* <i>Sự im lặng màu trắng</i>	144
THÁI BÁ TÂN dịch	
* <i>Ngôi nhà của Mapufi</i>	161
DUƠNG TUỜNG dịch	
* <i>Một trạm nghỉ</i>	198
ĐOÀN TỬ HUYẾN dịch	
* <i>Sự ranh ma của lão Popotác</i>	226
HOÀNG CƯỜNG dịch	
* <i>Tiếng gọi nơi hoang dã</i>	269
NGUYỄN CÔNG ÁI và VŨ TẤN PHƯƠNG dịch	
* <i>Nhóm lửa</i>	429
MẠNH CHƯƠNG dịch	

# J. London

## TÌNH YÊU CUỘC SỐNG

*Nhiều người dịch*



**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN**  
**65 Nguyễn Du – Hà Nội**  
**Tel & Fax: 8.222.135**  
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn



Chịu trách nhiệm xuất bản:

***Nguyễn Phan Hách***

Chịu trách nhiệm bản thảo:

***Phạm Sông Hồng***

Biên tập: ***Phòng VHNN***

Trình bày bìa: ***STARBOOKS***

Sửa bản in: ***Kim Luân***

In 700 cuốn ( khổ 13 x 19 cm). Tại Công ty CP in Anh Việt.  
Số đăng ký KHXB: 28 - 2007/ CXB/111 - 01/HNV.  
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2007.

# J. LONDON

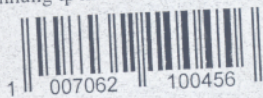
NHỮNG TÁC PHẨM  
KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

## Tình yêu cuộc sống



STAR BOOKS

những tp kinh điển - tình yêu



1 007062 100456

53.000 VNĐ

GIÁ: 53.000Đ